

PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT-SƯ  
TÂN BIÊN  
VIỆT-NAM  
CÁCH-MẠNG CẬN-SƯ  
(1865 - 1914)  
(VIỆT-NAM KHANG PHÁP SƯ)  
(TẬP TRUNG)  
QUYỀN VI  
TỦ SÁCH SƯ-HỌC VIỆT-NAM



PHẠM - VĂN - SƠN

---

VIỆT - NAM  
CÁCH - MẠNG  
CẬN SỬ

(TỨC VIỆT SỬ TÂN BIÊN QUYỀN VI - TẬP TRUNG)

**1963**

TÁC GIÀ GIỮ BẢN QUYỀN

Kính tặng anh hồn các nhà  
ái-quốc, các chiến-sĩ Cách-mạng  
tiền-phong đã nêu cao gương hy-  
sinh và tinh thần anh dũng của  
giống người trong những giờ đèn  
tối nhất của Lịch-sử.

Lại rất mong các nhà chánh-  
tri; đời nay biết nói chí người  
xưa đặt quyền-lợi của xâ-sở  
trên hết để tránh cho đồng bào  
hiểm-họa dịch chả tái nô.

PHẠM-VĂN-SƠN

## **PHẦN THỨ NHẤT**

---

*Vụ kinh-thành thất-thủ  
năm Ất-Dậu (4-7-1885).*

*Vua Hàm-Nghi và Tôn-  
thất-Thuyết him ra Bắc.*

*Phong - trao Cần Vương  
và Văn-Thân Cứu-Quốc.*

*Pháp lập Đồng-Khanh và  
truart-phé vua Hàm-Nghi.*

*Chiến-tranh ở Trung-Kỳ  
quân Cần-Vương nỗi dậy.*

*Paul Bert bắt đầu công  
cuộc khai-thác Việt-Nam.*

*Bước đường cùng của ông  
vua ái-quốc nhà Nguyễn.*

# TỰ A

—

**H**ÒA-trước Giáp-Thân kỵ ngày 6-6-1884 giữa các ông Nguyễn-văn-Tường, Phạm-thận-Duật đại-diện Nam-triều và Patenôtre đại-diện chánh-phủ Paris đã là bản án khai tử đối với nền độc-lập của Việt-Nam cuối thế-kỷ XIX.

Hy-vọng cứu-vãn đại-cục nước nhà bấy giờ đã thành cài bóng mỗi phút một mờ thêm trên bầu trời chánh-trị Việt — Pháp. Trong lúc này binh đội của nhà Thanh đã rút khỏi về bên kia biên giới, quân lực của Tiết-ché quản-vụ Hoàng-kế-Viêm cũng đã chìm lặng dần trên xứ Bắc.

Nhưng tại kinh-thành Thuận-Hóa, hai quan Phụ-chánh Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết vẫn tích-cực và bí-mật vận động sĩ-dân Việt-Nam tiếp-tục kháng địch. Có người nói: Hai ông lúc này đã đi lở một nước cờ, ném lao phải theo lao..., đó chỉ là một ý-kiến. Điều rõ rệt là hai vị đại-thần này đã có thái-độ chống Pháp từ nhiều năm trước và thái-độ ấy kèm theo các hoạt-động những ngày gần đây càng làm cho bọn thực-dân thêm nhức đầu diên ruột. Tại Pháp-dình, người ta luôn luôn nhắc nhở đến việc triệt-hạ hai ông Tường, Thuyết. Rồi được mệnh-lệnh sang Việt-Nam, Thống-tướng Roussel de Courcy coi việc phải làm trước hết là thanh-toán cho kỵ được vắn-dè hai quân Phụ-chánh, nhất là đối với ông Thuyết, hoặc bãi hết chức quyền, hoặc mang dàg xa, dãg là điều kiện tiên quyết và căn bản để xây dựng nền thống-trị của Đế-quốc trên hai phần đất còn lửng lơ giữa Việt và Pháp.

Được thấy rõ manh-tâm này, ông Tôn-thất-Thuyết dù muỗn hay không phái ra tay, do đó đại-bắc của Nam-triều đã dội vào Trần-bình-dài và tòa Khâm-sứ Pháp đêm 22 tháng 4 năm Ất-Dậu (1885).

Ông Thuyết quên lúc này Nam-Kỳ đã thành căn-cứ bền vững của người Pháp chẳng? Ông quên quân-lực của Pháp đã nhiều lần lở ra hùng-hậu hơn quân-lực của ta và Thanh chẳng? Không! Chúng tôi không nghĩ rằng các linh-tụ kháng chiến của ta thuở ấy đã làm một cuộc phiêu-lưu dài-dài. Trái lại, chúng ta nên nhận rằng việc chống Pháp thuở ấy còn là một truyền-thống, một vắn-dè liêm-sỉ và một kinh-nghiệm lịch-sử. Từ ngàn xưa, ông cha chúng ta đã chẳng từng chống ngoại-xâm trong những trường-hop rất ngặt-nghèo, kết quả thế nào, thiết tưởng mọi người đã thấy...

Sáng 23-4 thành Huế thất thủ, Vua Hàm-nghi xuất bôn ra vùng Quảng-Trị, Quảng-Bình. Ít ngày sau nhà vua tung lời hiệu-triệu cần vương đi khắp nước. Anh hùng nghĩa sĩ Việt-Nam từ nơi thôn dã đến các tỉnh thành đều vùng day; Mau dào xương trắng đồ ra không biết bao nhiêu. Cuộc kháng Pháp về bề mặt, về số lượng có vẻ khả-quan nhưng đã thiếu thống-nhất, kém kỹ-thuật, nghèo phuơng-tiện không đầy lui nỗi bọn cướp nước lành nghè có cơ-giới, có chiến-thuật, chiến-lược tân kỳ, có tƣợng-lãnh được rèn luyện kỹ càng về khoa-học chiến tranh.

Rất cục Phan-dinh-Phùng, Tống-duy-Tân, Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-hoa-Thám, lòng yêu nước, đức hy-sinh có thừa, tài xử dụng da-kích-chiến và địa-hình, địa-vật không khiếm-khuyết mà cũng chỉ kéo dài chiến-cuộc được tới năm 1913, và... như thế cũng đã nhiều rồi.

Đại-ý Ch. Gosselin, viên sĩ-quan thực-dân sau khi kiểm-diểm nội-tỉnh và thực-lực của hai phe đối-lập Việt-Pháp từ 1858 đến cuối thế-kỷ XIX đã thốt ra những lời dưới đây: «Quốc-gia Việt-Nam quả có một sinh-lực rất mạnh mới chịu đựng được một cuộc chiến tranh trường-kỳ như vậy. Nước thì dênh-doảng về phuơng-tiện phòng thủ, triều-dinh thì mù quáng, chẳng ai lo quân lương vũ-khi, binh lính tài-chánh và hạm-dội cho tới buồi họ cảm thấy rất gần phải đổi đầu với một Đại-cường Tây-phú-rang. Rồi bị đặt trước họng súng của chúng ta, người Việt chỉ còn cách duy-nhất là lấy cái chết để bảo-vệ các quyền tự-do của họ; hết thảy đều đã đổi phó với thần chết rất là bình-tĩnh, và chúng ta chưa bao giờ thấy một ai tỏ ra hèn nhát khi bị đem ra chém hay bắn. (Il faut réellement que cette nation annamite soit douée d'une vitalité bien puissante pour avoir pu supporter la lutte pendant d'aussi longues années, étant donnée la pénurie des moyens

de défense dont le pays disposait, le gouvernement imprévoyant et aveugle n'ayant rien su préparer ni trésor, ni approvisionnement, ni munitions, ni armée, ni marine pour le jour qu'il pressentait cependant très prochain où il devrait se défendre contre une puissance européenne. Placés en face de nos armes, les Annamites ont eu la seule ressource de mourir pour la défense de leurs libertés; tous ont affronté la mort avec le plus tranquille courage et parmi ceux, si nombreux, qui sont tombés par les balles des pelotons d'exécution, ou sous le glaive des bourreaux, nous n'avons jamais eu à enregistrer une seule défaillance...).

*Lời nhận xét này đã tố cáo chê-dó phong-kiến nhà Nguyễn nói riêng, phong-kiến Á - Đông nói chung chỉ biết có sống yên vui trong lầu son gác tía, hưởng mọi hạnh-phúc giữa đám mây-núi cung-tần, hồn non vợ đẹp mà gác bỏ bên tai việc dân việc nước, làm thịnh giả diếc trước những biến-cố lớn lao đang xẩy ra quanh mình và bên ngoài Thế-giới.*

*Ôi ! Nhiều dân-lộc da vàng chúng ta đã phải chịu cái hậu-quả vô cùng tai hại của đám vua quan uron hèn vô trách nhiệm này, trừ một vài quốc-gia lân-cận được những người dùi-dắt khôn ngoan sáng suốt như Tiêm-La, Nhật-Bản, Trung-Quốc và càng thăg sự hy-sinh xương máu vô bờ bến của mọi langle lớp xã-hội Việt-Nam trên bước đường lịch-sử bi-thảm này ta càng uất giận bọn người thiểu lương-tâm và nghĩa-vụ.*

Ngoài ra, từ giai-doạn nước Việt-Nam bại trận với Pháp có vài điều đáng lưu ý như sau : Do cái nạn xâm-lăng ào vào đất nước như gió bão, giai-cấp phong-kiến Việt-Nam đã trải qua một cuộc phân-hóa : Một bọn thay đại-cuộc nước nhà không cơ cùu vẫn đã trắng-trơn bước ra đầu hàng kẻ mạnh, và làm tay sai cho chúng ; một bọn khôn ngoan hơn đã thi-hành chước liệu gió phết eờ, chán trong chán ngoài, ngậm miệng ăn tiền ; còn một thiểu số có thái-độ rõ-rệt, thẳng-thắn chỉ biết một mảnh một cõi với xứ sở. Đó là các lãnh-tụ cầm-vương, dũng đầu có Nguyễn-phúc-Thuyết, Phan-dinh-Phùng, Tống-duy-Tân, Trần-xuân-Soạn... Mọi hoạt động của các vị trên đây đã được ghi vào phần nhất của sách này dưới tiêu-dề PHONG-TRÀO TIỀN VĂN-THÂN và các thành-tích của các nhà ái-quốc đó đã chấm dứt vào cuối thế-kỷ thứ XIX.

Kế tiếp là PHONG-TRÀO HẬU VĂN-THÂN với Phan-Bội-

*Châu, Cường-Đài, Phar-chu-Trinh, Nguyễn-thượng-Hiền, Nguyễn-thiện-Thuật v.v... các sĩ-phu này đã rút được khá nhiều kinh-nghiệm ở các cuộc thất-bại mười lăm năm trước.*

Rồi phong trào Hậu-văn-thân cũng kết-liễu và hầu không còn hoạt-dộng nào đáng kể nữa vào năm 1927. Nhưng cũng từ giai-doạn này trở đi, giới Tây-học nối tiếp các nhà Nho, bí-mật thành-lập các Hội kin, các đảng Cách-mạng từ trong nước ra ngoài nước. Việt-Nam Quang-phục-hội biến vào bóng tối thì Việt-Nam Cách-mạng-đảng, Việt-Nam Cách-mạng đồng-chí-hội, Việt-Nam Thanh-niên Cách-mạng đồng-chí-hội ra đời, đồng thời từ Việt-Nam qua Quảng-châu một số đảng phái cũ biến-thè, một số đảng phái mới nảy-nở ra, còn lại ở phút chót là Việt-Nam Quốc-dân-đảng theo huu-khuynh và Đông-dương Cộng-sản-đảng theo tả-khuynh cùng tranh-dấu với Đế-quốc thực-dân Pháp cho tới cuộc Thế-chiến thứ hai, chúng ta thâu hồi được độc lập sau 80 năm làm than, nô-lệ.

Ở đây chúng ta có một nhận xét chung: từ 1884 đến 1940 trung-bình 10 năm lại có một keo vật mãnh-liệt giữa ta và quân thống-trị. Và đúng như lời Thống-chế Turenne đã nói: đánh chiếm nước người ta thì dễ, giữ gìn được lâu dài khó hơn. Điều này cũng được Đại-Úy Gosselin ghi chép trong bài tựa cuốn « L'Empire d'Annam » sau nhiều năm lăn lộn trên chiến-trường Việt-Nam cuối thế-kỷ XIX. Rồi vị sĩ-quan này đã có ý khuyễn-cáo Chánh-phủ Paris nên thi-hành một chánh-sách thân-thiện và hợp-lý với người Việt hầu bảo-vệ quyền-lợi chung bởi ngay khi ấy ông ta đã nghĩ đến nước Nhật hay một cường-quốc nào đó, một ngày kia sẽ can-thiệp vào nội-tình xứ Đông-Dương. Nhưng con gấu Thực-dân bao giờ cũng háu đói, bọn tài-phiệt và tư-bản ở Quai d'Orsay lúc nào cũng ngoan-cố nên Thế-chiến thứ hai chấm dứt thì nước Pháp đi dần đến chỗ phá-sản hoàn-toàn từ bên này Thái-binh-Dương qua bên kia Địa-trung-Hải. Có hối cũng muộn rồi, chế-dộ người bóc lột người đã hết thời.

Về phần người Việt chúng ta tuy đã giành được độc-lập nhưng vẫn còn nhiều điều đáng phải suy-nghĩ. Hiện-tình Thế-giới ngày nay đang vô cùng phức-tạp. Dù muốn, dù không, sau Thỏa-hiệp Genève, lãnh-thổ Việt-Nam cũng đã nằm trong cái thế Quốc-Cộng. Thỏa-hiệp này đã là lưỡi dao xé đôi đất nước này, lấy vĩ-tuyến 17 làm đường phân-giới. Người Việt nào mà chẳng đau lòng? Độc-lập hay Liên-lập, Cộng-đồng hay Đồng-hóa hay dịch-chủ

tái-nô là những trạng-thái chinh-trị đang ào-ạt diễn ra lúc này. Vận mệnh và tương-lai Việt-Nam chưa rõ đi về đâu. Từ mũi Cà-mau tới Ái Nam-Quan quốc-dân ngày đêm thắc-mắc : Ông cha đã dỗ bao nhiêu xương máu, ông cha đã hy-sinh vô bờ bến từ nhiều thế hệ mới tránh cho giỗng-nội khỏi nạn diệt-chủng. Bao nhiêu dòng huyết-lệ đã thấm vào lòng tặc dắt của xú-sở để bảo-vệ xú-sở, sự kiện này đã đủ khiến những nhà lãnh - đạo dương - thời duyệt lại hành-động và lương-tâm của mình chưa ? Bốn ngàn năm lịch-sử đang nhìn vào chúng ta và đợi chờ một câu trả lời thỏa-đáng.

### **PHẠM - VĂN - SƠN**

(Viết tại Saigon ngày 1-3-1963)

LA, August 27, 2017

## **PHẦN THỨ NHẤT**

# **PHONG-TRÀO TIỀN-VĂN-THÂN KHÁNG PHÁP**

### **CHƯƠNG I**

#### **TÌNH-HÌNH VIỆT-PHÁP TRƯỚC VỤ THẤT-THỦ KINH-THÀNH NĂM ẤT-DẬU (1885)**

**TỬ VUA KIẾN - PHÚC ĐẾN HÀM - NGHI** Kinh - thành Thuận - Hóa trải một cơn sốt rét chánh trị rất nặng-nề vào những tháng cuối cùng năm Quý-Mùi (1883) sau vụ bức tử hai vua Hiệp-Hòa và Dục-Đức. Nhiều quan đại thần càng xanh mặt thêm trước cái chết đột-ngột của Đệ-nhất Phụ-chánh Trần-tiễn-Thành, người duy nhất dám tỏ ý không tán đồng lập-trường bạo-động của hai bạn đồng-liêu Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết. Một cuộc khủng-hoảng tràn ngập từ triều đình vào tới Hoàng-cung như một tình trạng thường-xuyên. Phe Kháng-chiến bấy giờ đã có thái-độ công-khai bài ngoại còn phe thân Pháp, phản-động ngầm-ngầm liên-lạc với tòa Khâm và Giám mục Caspar, viên Cố-vấn bí-mật của bọn de Champeaux và Rheinart — Giữa lúc này ông Dương-Thiên, húy là Ưng-Đăng lên ngôi ngày 7-10 năm Quý Mùi (1883) lấy niên-hiệu là Kiến-Phúc. Vua Kiến-Phúc bấy giờ mới 15 tuổi. Mọi việc của nhà vua ở bên trong đều do bà Học-Phi là mẹ nuôi chi-phối và bên ngoài do hai quan Phụ-chính Nguyễn-văn-Tường, Tôn-Thất-Thuyết (Bà Học-phi tức Hoàng thái-phi là vợ ba của vua Tự-Đức sau bà Trang-Ý và là mẹ nuôi của Dục-Đức, ngoài hai bà này còn bà Từ-Dũ là mẹ vua Tự-

Đức, Người ta gọi Tam cung là như vậy). Bà Hoàng thái-phi còn là mẹ nuôi của Hàm-nghi sau này nữa. Bà đã hai lần phá bỏ việc nối ngôi của Mèo-Tríu là anh của Kiến-Phúc và Hàm-Nghi từ ngày vua Tự-Đức qua đời. Ở Huế người ta cho rằng bà được nhiều uy thế là nhờ có tư tình với Nguyễn-văn-Tường từ lâu (1). Ngoài thành cũng như trong Nội có nhiều tiếng đồn về vụ này và đến tai vua Kiến-Phúc. Dần dần nhà vua sinh nghi ngờ bà Học-Phi nhưng vẫn giả bộ không biết gì về hành-động ám-muội của bà. Lúc này ông Tường vẫn thường ra vào cung cấm, không ngoài ý muốn gặp bà Thái-hậu. Bấy giờ vua Kiến-Phúc bị bệnh mai-độc gần như kiệt sức. Ông Tường càng có thèm lý-do đi lại, thăm vua. Nhà vua tuy đau nhưng vẫn tỉnh tri và có ý rình ông Tường và bà mẹ nuôi thì một hôm bắt gặp ông Tường đưa cho bà Thái-hậu điếu thuốc lá ông đang hút dở. — Bà Thái-hậu cầm lấy hút rất tự-nhiên. Hơn thế, bà và ông Nguyễn-văn-Tường còn nhiều cù-chỉ thân-mật khác nữa. Tuy vậy việc này vẫn chưa là một bằng cớ có giá-trị lớn lao lăm cho tới một hôm khác vào buổi khuya, nhà vua vò mệt ngất miên-man đã thấy bà Thái-hậu cùng ông Tường thả súc trao ân đổi ái. Rồi không né được giận, vua Kiến-Phúc đã hét lên: « *Tao lành, tao sẽ chặt đầu cả ba họ chúng mà!* »

Thấy việc bại lộ, ông Tường liền nghĩ ngay đến việc thí vua. Đêm đó là mồng 10 tháng 6 năm Giáp-thân tức 31-7-1884 ông xuống ngay Thái-Y-viện bốc một chén thuốc có độc-dược. Bấy giờ là canh ba, trong Hoàng-cung không còn ai khác hơn là ông Tường và bà Học-Phi. Bà bưng chén thuốc vào mời vua Kiến-Phúc uống. Nhà vua không ngờ dường-mẫu của Ngài có thể sát hại mình. Chén thuốc đêm đó đã kết-liễu một đời vua. Sáng tinh sương, có tiếng bay ra ngoài thành : vua Kiến-Phúc băng !... (2)

Câu truyện trên đây có sự thực hay không, hoặc vua Kiến-Phúc chết vì bệnh hơn là vì bị đầu độc, ngày nay khó ai nói chắc được, nhưng bởi cái chết của ông vua ít tuổi này, Pháp lại có cơ hội thi hành triệt-để Hiệp-ước 1884.

Ngay sáng hôm sau, Triều-đình nhóm họp đưa ông Hoàng

(1) Viện Tông-nội-giám đã nắm được nhiều chứng cứ về vụ tư thông này, Nguyễn-văn-Tường liền bắt giam luôn.

(2) Vua Kiến-Phúc ở ngôi được 8 tháng, băng vào ngày 10 tháng 6 năm Giáp - Thân (31-7-1884). Năm ấy nhà vua được 15 tuổi.

Ưng-Lịch lên thay vua Kiến-Phúc (1). Cũng như lần trước, Nam-trieu không cho tòa Khâm biết việc này. Sau một đêm và một ngày việc lập tân vương mới đến tại Khâm-sứ Rheinart do Linh-Mục Thơ, viên thông-ngoôn chính-thức của sở Thương-Bạc; Rheinart cực-lực phản-dối Nam-trieu rằng truyện này là việc vi-phạm tráng trọng Hòa-ước Qui-Mùi (Hòa-ước Harmand) và đánh điện về Paris xin chỉ-thị. Theo quan-niệm của Rheinart, nếu bỏ qua việc này thì Hòa-ước Qui-Mùi chỉ có hiệu-lực về mặt quân-sự mà thôi, còn về chánh-trị, nội-trị Nam-trieu vẫn được tự-do, Pháp không nắm được ánh-hưởng nào khác nữa. Thái-độ ngang-ngạnh này có bị chấm dứt, ý-nghĩa của hai chữ Bảo-hộ có được tôn-trọng đầy đủ thì Nam-trieu mới hoàn-toàn nằm trong vòng thao-túng của Pháp. Nguyễn-văn-Tường cãi rằng trong Hòa-ước không có ghi khoản buộc Nam-Triều phải hỏi ý-kiến và có sự chấp-thuận của chánh-phủ Pháp mỗi khi có việc tôn-lập, ngoài ra ngôi vua là việc trọng không thể bỏ trống lâu ngày, nên trong khi hấp-tấp không kịp báo cho quan Tông-trú-sứ biết. Rheinart đề-nghị lập Gia-Hưng Quận-vương là em Vua Tự-Đức (Ông này là một nhân-vật thân Pháp). Nam-trieu trả lời việc tôn lập Ưng-Lịch là do di-chỉ của tiên-quân. Rheinart nói vua Kiến-Phúc vị thành-nhân, quyết định ấy không có giá-trị. Mặc dầu đại-diện Pháp kháng-nghi, Nam-trieu vẫn giữ nguyên vẹn lập-trường của mình.

Thủ-tướng Jules Ferry được tin này cũng ra lệnh luôn cho Trung-tướng Millot đang hành quân ngoài Bắc-Kỳ thuở đó phái một Đại-đội vào Huế chiếm đóng Hoàng-thành để cử-hành lễ tấn tôn vua mới. Đại-tá Guerrier được Millot trao cho công việc này, tức thi dùng tàu TARН vào gấp Trung-Kỳ với 600 chiến-binhh và một đội pháo-thủ.

(1) Vua Hàm-Nghi là con trai Kiến-thái-Vương, em ruột vua Kiến-Phúc, huynh là Ưng-Lịch lên ngôi ngày 1 tháng 8 năm 1884, bấy giờ mới 14 tuổi. Trước đó Ngài không được học hành, nuôi dậy trong cung như hai anh là Chánh-Mông và Dưỡng-Thiện, Cuộc sống lúc thiếu thời của Ngài rất là khổ sở, nghèo nàn. Lúc sứ-giả đến đón Ngài ra làm vua, Ngài đang mặc quần áo rách rưới và đang chơi với các trẻ con nhà bình-dân ngoài đường. Người ta đưa mũ áo cho Ngài thay, Ngài run lẩy bẩy không dám mặc. Rồi người ta phải khoác bộ quần áo mới để đưa Ngài về giữa hai hàng thị-vệ. Ngài bước chân vào điện để triều thần làm lễ đăng quang với những thủ tục phiền-phức, Ngài chưa được thấy bao giờ. Và từ đấy, dầu muôn hay không, Ngài phải nhận đóng một vai trò lịch-sử để qua năm sau chịu đủ mọi sự gian lao của một ông vua thời vong quốc cho tới khi chết.

Hai hôm sau Guerrier đến nơi liền gửi tối-hậu-thư cho Nam-triều. Ông Nguyễn-văn-Tường không chịu cho mở cửa đê đón tiếp nhưng cũng không có giận bày quân-đội để gây chiến. Guerrier đòi mở cổng thành ngay tức khắc. Ông Tường nói thắc rằng Nam-triều cùng Ông Rheinart có điều ngộ-nhận và ông sẵn-sàng mở cuộc thương-thuyết về một Hiệp-ước mới với đại-diện Pháp. Guerrier trả lời : Hiệp-ước Patenôtre (6-6-1884) vẫn có hiệu-lực, không phải nói thêm gì nữa, hẹn cho các ngày 12 tiếng đồng hồ nếu không mở cổng thành chúng tôi sẽ nã đại-bác vào cung điện... »

Ngày 16-8-1884 vào 3 giờ trưa, trước thời-hạn đã định một ít, ông Nguyễn - văn - Tường tắt - tưởi đến Sứ-quán xin lỗi và chịu làm tờ *Xin phép tôn lập Ông Ung - Lịch*. Tờ xin phép viết bằng chữ Nôm, Rheinart không chịu, sau ông Tường phải viết bằng chữ Hán. Trong dịp này y không quên cho ông Tường biết do sự vi-phạm Hòa-ước Quý-Mùi hai quan Phụ-chính có thể phải bị truy-tố ra trước Tòa-án binh (!) nhưng ông Tường đã thay mặt Nam-triều xin lỗi thì người Pháp cũng bỏ qua rồi Guerrier thỏa-thuận hôm sau cử-hành lễ tôn vương. Khi ông Tường ra về thì viên Đại-tá Pháp qua đồn Mang - Cá duyệt-binh và quan-sát vị-trí này.

Ngày 17-8-1884 hời 9 giờ sáng, Guerrier cùng viên Khâm-sứ Pháp và thuyền-trưởng tàu Tarn là Wallarmé với 25 sĩ quan Pháp và 160 tên lính kéo vào điện Thái-Hòa. Họ không mang súng đeo gươm trong khi tiến vào cửa Ngọ-Môn, riêng sĩ-quan Hải quân và Lục-quân và 160 lính tráng thì đi lối cửa bên, còn bao nhiêu túc-trực bên ngoài cả. Ông Thuyết dàn linh Cấm-vệ, sắp đặt ván vồ bá quan rất nghiêm chỉnh. Vua Hàm-Nghi cứ ngồi trên ngai tiếp đại-diện Pháp, không xuống đón mà cũng không đứng dậy. Guerrier tiến đến trước mặt vua Hàm Nghi trao giây huy-chương nhất đẳng Bắc-dầu bội-tinh cho Ngài sau khi nhân-danh chánh-phủ Pháp đọc một bài chúc-tử mà điểm chính là sự công-nhận Hàm-Nghi làm vua nước

(3) Tài liệu này trích trong cuốn *Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam* của A. Delvaux thuộc Hội truyền-giáo ngoại-quốc. A. Delvaux cẩn-cứ vào sách dưới đây để viết : Nos premières années p. 110-112 ; p. 217 ; La guerre du Tonkin pag. 271-278 – L'Indochine française contemporaine, II, p. 211 Ferradin I/Défense des colonies p. 170, 171.. Quelques notes sur l'Annam, par L. de Ste Marie, p. 192.

Việt-Nam. Chúc-tử này đựng trong một chiếc hộp đỏ. Chính Guerrier bung nó đến trước ngai rồng rồi mở ra để đọc. Các cù-chỉ của Guerrier đã được bộ Lễ dặn-dò nhưng Guerrier đã không theo được đúng lầm. Sau khi nghe chúc-tử, Vua Hàm-Nghi sai một quan đại-thần hỏi Guerrier về tin-tức Tổng-Thống Pháp và các tướng-lãnh cùng các quan văn đã từng qua Việt-Nam. Lúc trở ra phái-doàn Pháp thấy cửa Ngọ-môn đã đóng, phải do cửa bên mà về (1). Bọn Thực-dân giận vô-cùng, song cả nước Việt-Nam hoan-nghênh cù-chỉ này của nhà vua cũng như của Tôn-thất-Thuyết. Trong cuốn « *Le roi proscrit* » trang 40 - 41 Marcel Gauthier viết :

« *Vua Hàm-Nghi đã giữ được tinh chất thiêng-liêng đối với thần dân mình. Vô tình vị vua trẻ tuổi đã làm một việc có ảnh-hưởng vang-dội khắp nước : với ý-chì cương-quyết độc-lập và dù Pháp có đóng quân tại Huế, triều - đình Việt - Nam vẫn biểu-dương một thái-dộ không hèn. Thái-dộ ấy do Hội-dồng Phụ-chánh đề ra, Hội-dồng rất có lý mà tin chắc rằng quân chúng nhân dân trông vào thái-dộ của vua để noi theo, xem thái-dộ ấy như là mệnh-lệnh không nói ra bằng lời để cho nhân-dân chống lại những kẻ mới tới... » Dĩ-nhiên trong giai-đoạn này Pháp hiểu rằng tinh-thế của họ ở nơi đế-đô nhà Nguyễn cũng như ở mọi nơi rất là bất chắc. Khâm-sứ Rheinart hội-ý với Trung-Tá Pernot thiết-lập gấp các co-cấu phòng-thủ ở Mang-Cá và quanh tòa Khâm. Bọn ông Tường, Thuyết khó chịu lắm vì sự hiện-diện của quân Pháp trong Hoàng-thành là điều chướng-ngại hết sức cho nhiều kế-hoạch chống Pháp của các ông. Ông đã vien lẽ rằng Hiệp-úớc bấy giờ tuy đã ký nhưng bên Pháp chưa có phê-chuẩn và hổ-giao nên chưa thể áp-dụng khoản 5 trong Hiệp-úớc nói về việc Tổng Trú-sứ Pháp được quyền đặt đồn binh Pháp tại Mang-Cá để tự-vệ (Hiệp-úớc này sau được Thượng-Hạ Nghị-Viện phê-chuẩn vào đầu tháng 6 năm 1885), việc lập căn-cứ quân-sự ở Mang-Cá cũng sẽ làm giảm uy-thể của nhà vua và làm kinh-động dân-tâ... Đầu có sự phản-đối này bọn Guerrier và Rheinart ngay hôm đó (17-8-1884) vẫn tới Mang-Cá để treo lá cờ Tam-tài ở Trấn-bình-đài và quân-đội Pháp đã có mặt ở đây từ hai hôm trước. Giữa lúc không-khí Việt-Pháp*

(1) Việc này có ghi trong bài *L'intronisation du Roi Hàm Nghi* của Marchant de Trigon trong ĐÔ THÀNH HIẾU CÒ trang 77 đến 88 năm 1924 và của Cosserat trang 273-293.

đang ngập thở và cũng là lúc Rheinart trở nên hữu-ích cho Pháp hơn bao giờ hết thì y bị triệu-hồi về Pháp do công-diện của Thủ-tướng Jules Ferry gửi qua vào ngày 15-5-1884 (vài tuần lễ trước Hiệp-ước Patenôtre). Việc này xảy ra vì Tông-trú-sứ hay Khâm-sứ ở Huế tức là Bộ-Trưởng Ngoại-giao của nước Nam có quyền chỉ-huy cả viên Đại-tướng Tông-Tư-lệnh quân-đội Pháp, vậy mà Rheinart chỉ là một Trung-Tá thì ông ta phải nhường địa-vị cho một văn-quan mới tiện. Rheinart lên đường, người kế tiếp y là Lemaire do công điện ngày 30-8-1884. Ông ta tới Việt-Nam vào ngày 10 tháng 10-1884 và ở lại đây tới 5-6-1885. Lemaire trước đó là Lãnh-Sự Pháp ở Thượng-Hải như ta đã biết. (1)

Vua Hàm-Nghi bước lên ngai vàng, việc đầu tiên của nhà Vua là làm tội Hường-Đĩnh con thứ 23 của Vua Thiệu-Trị tức là Hoàng-Thân Kỳ-Phong, lấy cớ ông này nghiện hút lại phỏng - đắng và đã dám nhục-mạ nhà vua là đứa con hoang khi ngài vừa được tôn lập. Kỳ-Phong cũng chịu hình phạt như Dục-Đức và chết đói trong ngực vào ngày 19-9-1884. Trong dịp này, một hôm người ta thấy một tờ giấy dán tại cổng bộ Lại đói câu đói dưới đây :

*Nhất giang lưỡng quốc nan phân THUYẾT  
Tứ nguyệt tam vương triều bắt TƯỜNG (2)*

Một việc đáng lưu-ý nữa cũng xảy ra lúc ấy (trung tuần tháng 4-1885) là vụ Gia-Hưng quận vương, cựu Phụ-chính đại-thần dưới triều vua Kiến-Phúc và là người cầm đầu Tôn-Nhân-

(1) Khi chính-phủ Pháp thay Trung-Tá Hải-quân Rheinart bằng một văn quan, không chỉ vì Rheinart là một sĩ-quan cấp tá mà chỉ-huy viên Tông-tư-lệnh quân-đội viễn-xâm bao giờ cũng là một sĩ-quan cấp tướng thì có nhiều sự bất tiện và vô lối trên nguyên-tắc nhưng việc này còn do một thủ-đoạn chính-trị. Ai mà không thấy Rheinart đã ở Việt-Nam lâu năm rồi, đụng đầu với Nam-triều nhiều phen ? Ai làm phận sự của người này, tất nhiên Rheinart tranh đấu cho quyền lợi Pháp thì hai ông Tường, Thuyết tranh đấu cho quyền-lợi Việt-Nam, đôi bên làm sao tránh khỏi cái thế giảo, mặc ! Chính-phủ thực-dân rất sành tâm-lý nên luôn luôn thay đổi chước mầu, việc cử Lemaire đến thay Rheinart có mục-điệh giảm bớt cái không khí ngọt-ngạt giữa các đại-diện Pháp – Nam tại kinh-dô nhà Nguyễn.

(2) Xin dịch : Một sông hai nước khôn đường nối.  
Bốn tháng ba vua triều chẳng lành.

Đôi câu đối này đã do một nhân viên bộ Binh làm ra. Người này đã xin từ chức ít ngày trước. Có người nói tác-giả của hai câu đó là Ông Ich-Khiêm.

Phủ có ý định chống lại chánh-sách độc tài của Nguyễn-văn-Tường. Vương định hạ ông này bằng cách mở cuộc điều tra về cái chết bí-mật của vua Kiến-Phúc, nhưng việc chưa được thi hành đã bị bại-lộ. Nguyễn-văn-Tường liền ra tay trước. Ông cho bắt giam ngay Gia-hưng-Vương vào đầu tháng 5-1885 lấy cớ ông này phạm tội loạn-luân và giao - thông với Pháp (giữ phỉ quan thông) chứng cứ là ông có liên-lạc mật-thiết với Rheinart nên viên Khâm-sứ đã đề nghị lập ông làm vua và tinh đánh đỗ vua Hàm-Nghi. Lemaire can thiệp ngay nhờ vậy Gia-hưng-Vương được ra khỏi khâm-đورng. Nhưng Nguyễn-văn-Tường lại kiểm cớ khác, sau đó Vương bị lột hết phầm-tước và đày ra ngoài Cam-Lộ (Quảng-Trị), con cái đều cải qua Tôn-thất và đi an-trì các nơi (1). Ngày 9-5-1885 Vương cùng gia-quyến ra khỏi tu-dinh liền bị sát hại hết. Nhiều phần-tử thân Pháp và bị tinh-nghi phản-động cùng chống đối chánh-sách bài ngoại cũng bị tiêu-diệt.

Xét các việc đã xảy ra, Pháp rất căm thù Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết bởi không mua chuộc được cũng như không uy-hiếp nổi. Hai Ông lại là hai lãnh-tụ kháng Pháp quyết-liệt nhất, và đang nắm hết ưu-thế trong triều-định. Hai ông đã thẳng tay phá hết các kế-hoạch thiết-lập cuộc thống-trị ở Việt-Nam của họ từ ít lâu nay. Dân chúng cũng hận với Tường không kém do một việc tiền bạc mà người ta cho rằng Tường đã lạm dụng bồ túi riêng nhiều hơn là để dùng vào công cuộc kháng Pháp. Nguyễn vào cuối năm 1884, Tường cho thu hết tiền đồng đang được tiêu xài ở các chợ búa, phố phường và thay bằng thứ tiền mới mỏng-gần như giấy, đến nỗi tiền bằng đồng mà nỗi trên mặt nước, Giáo-sĩ Max de Pirey đã đem thí-nghiệm tiền nỗi trên nước trước nhiều đám dân chúng để phản tuyên-truyền ông Tường. Muốn sao thì việc phát hành tiền mới này cũng là một việc thất nhận-tâm và bất-lợi cho uy-tín của ông. Hậu-quả tai hại của nó là nhiều nhà giàu đã dấu tiền cũ, các chợ búa đã vắng vẻ vì không ai muốn tiêu tiền mới. Ông Tường thấy dư-luận sôi nổi và tinh

(1) Việt-Nam Pháp-Thuộc sứ-nói : Gia-Hưng-Vương tức Miên-Dần con vua Thiệu-Trị bị đày ra Mai-Linh. Sứ *Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam* viết : Vương bị đày ra Sơn-phòng Cam-Lộ. Đại Nam chính biên liệt truyện ghi Vương mất ở Lao-Bảo trong bài La Légation de France à Hué et ses premiers titulaires (1875-1893), nhưng sự thực Vương vừa ra khói thành đã bị giết. Con cái cải qua họ mẹ Cải tùng mẫu tinh hoặc cải qua Tôn-thất tức là không còn thuộc hàng thân cận nhiều đối với Hoàng-gia.

hình không ôn nêñ đã phải xử chém một tên Tàu trong bọn người được lãnh thầu việc đúc tiền cho triều-đinh, có ý gián-tiếp cải-chính với nhân dân việc điệu bạc gian ngoan đã do tên Hoa-Kiều tham-lam gây ra. Còn việc thầu tiền đồng này có phải đúc đạn hay không, ta không thấy sử-liệu nào ghi chép hết (1).

**Khâm-sứ Lemaire đối với Nam-triều như thế nào ?**

Trong việc xúc tiếp hàng ngày với Nam-triều, Lemaire chăm chú vào khía cạnh chính-trị nhiều hơn, tất nhiên ông ta không ưa chánh-sách cứng đắn và khùng-bố của đám người gươm dài súng lớn. Ông ta cố chấm dứt sự bất hòa đang tồn-tại giữa Nam-triều và Bảo-Hộ rồi đã có phen tự hào tuyên bố với một biên-tập-viên của báo Gil Blas rằng « Ông muốn gì với Nam-triều cũng được và chẳng bao giờ phải dùng sự uy-hiếp Nam-triều bằng vũ-lực, khéo xử đối với nhau là có sự tương nhượng ». Điều mà Lemaire không ưa là bọn quân nhân : bên Việt có Hoàng-tá-Viêm, Lưu-vĩnh-Phúc ; bên Pháp có Brière de l'Isle, tướng Tổng tư-lệnh Pháp ở Bắc-Kỳ và Pernot Trung-tá chỉ-huy đồn Mang cá bấy giờ. Những người này đã bị ông ta cáo vào tội luôn luôn đi ngược với chánh-phủ dân-chính và làm sai lạc ý-nghĩa Bảo-hộ. Vừa mới tới Huế được ít bữa, ông ta liền lo giải-quyết cho xong vài việc còn dở-dang từ buổi Trung-tướng Millot về Pháp, ngoài các vụ ám-sát 7 giáo-sĩ Pháp và các giáo-dân ở vài vùng giáp giới Ai-lao và tại Thanh-Hóa mà trách-nhiệm phải quy vào quan-lại địa-phương và cuối cùng vào hai quan Phụ-chính. Người ta đã lập một hội-đồng hỗn hợp để đem vụ này ra xét xử nhưng Nam-triều đã vận động bãi bỏ (Do riêng việc này ta thấy Pháp bắt đầu đóng vai kẻ cả với Nam-triều và như vậy họ muốn sửa phạt ai cũng được). Vào tháng hai và tháng 3 năm 1885, Thống-đốc Nam-kỳ Thompson đã nêu ra bằng cớ là hai ông Tường, Thuyết cho người vào Cao-Mên gây loạn Hai bên Việt, Pháp lại bắt đầu gay-go với nhau. Ông Thuyết ra mật-lệnh đặt đại-bác ở chung quanh Cung-điện, trong thành và ngoài thành, lại chia cả sang Sứ-quán. Pernot, báo cho Lemaire hay nhưng không thấy Lemaire có những phản-ứng như ý mong muốn, y liền phúc-trình ra ngoài Bắc cho

(1) Dĩ-nhiên những sử sách viết về đời nhà Nguyễn vừa đây đã chịu ảnh-hưởng uy-quyền của thực-dân rất nặng nên không dám nói đến việc này e bị buộc vào tội thân với kẻ nghịch của « Nhà-nước Đại Pháp ».

Brière de l'Isle biết. Viên Tông Tư-lệnh hạ lệnh tức khắc cho y phái quân đi tuần tiễu vào Thành-nội, mở các cuộc tập trận giả và đêm hôm động-binh bất thắn tại các địa - điểm khả nghi về chiến sự. Nam - triều kháng - nghị sang Tòa Khâm, Lemaire liền can thiệp luôn với tướng Tư-lệnh đòi đê ông trang trải bằng biện - pháp hòa - bình. Nhưng cũng nhân dịp này Lemaire đã trách Brière de l'Isle tự ý đuổi về Pháp vài Trú-Sứ mà không hỏi ý kiến của ông ta. Còn việc Nam-triều giàn đại bác quanh thành, Lemaire cũng được các ông Tường, Thuyết chiều ý cho dẹp mỗi ngày 20 khẩu. Nhưng hai nhà lãnh-tụ kháng Pháp lại bí-mật chuyền súng đạn và quân nhu ra Cam-Lộ (Tân-Sở) và xây dựng nhiều đồn trại khác ở Quảng trị là một chiến-khu tương-lai.

Việt-Pháp còn vài việc lôi-thôi xảy ra như sau : Nam-triều thông-tư ra ngoài Bắc thâu tiền bạc và gạo để đồi trác lấy vũ - khí dự phòng chiến tranh. Sau khi Lemaire đã mở cuộc điều tra về các vụ rối loạn ở Cao-Mên, ông ta có kháng nghị với Nam-triều và Nam-triều đã phải chấm dứt việc này không trên thực-tế, thì cũng trên giấy mực. Cuối tháng 3-1885 một pháo-thuyền Pháp khám bắt được một chuyến hàng 6000 thước xích sắt cờ lớn từ Hương-Cảng gửi đến Huế bằng Tàu *Triumph* thượng cờ Đức. Lemaire ký giấy cho nhập nội số hàng này, xét Hải-quân của Triệu-đinh có cần đến thứ đó. Theo Pháp thì số giấy xích này có mục-dich sử-dụng vào việc ngăn cản tàu Pháp. Một vị Hoàng-thân đi chơi, bị một sĩ-quan Pháp đánh một tát tai vì đã chế nhạo y. Lemaire đòi viên Tư-lệnh Pháp ở Huế trừng trị ngay viên sĩ-quan ấy ; một lần vài thủy - binh của tàu *Lionne* đồn trú tại cửa Thuận bị dân làng gần đấy (Lại-ÂN) móc túi. Thuyền-trưởng tàu này là Đại-úy Hải-quân Hennique liền kéo một phân-đội vào làng bắt Lý-Trưởng lôi ra đánh bằng roi cá đuối. Ông Tường liền báo cho Lemaire biết và Lemaire đã tư giấy khiển trách Hennique. Hennique không chịu, y khiếu - nại về Hà-Nội và được tướng Brière de l'Isle đồng tình. Sau đó Tống - trưởng Hải-quân can-thiệp cho Hennique rời Hennique đang là Đại-úy được thăng luôn Trung-tá (Capitaine de Frégate).

Nhận thấy văn võ Pháp hục-hặc với nhau, Nam-triều liền khai - thác triết - đế sự mâu-thuẫn này và đã đưa ra một giác thư gồm 5 điều dưới đây :

1.— Hòa - ước chưa phê chuân mà đã có 200 hay 300 lính Pháp đến đóng ở Mang cá ; xin sửa lại khoản 5 để quan Tống-Trú-sứ trú-ngụ ngoài kinh-thành cho khỏi phạm đến uy-thể của Hoàng-triều và kinh-động nhân-tâm.

2.— Nhiều quan Trú-sứ Pháp ở Bắc-kỳ đã làm án tử-hình các quan Nam hoặc đánh đòn, hoặc phạt tiền (1).

3.— Các tàu Pháp kiểm soát tàu, thuyền vua nước Nam gắt gao quá, việc buôn bán ở Thùa-Thiên bị ảnh hưởng tai hại bởi hàng bị giữ xét quá lâu.

4.— Nam triều bị bắt buộc phải để cho nhà cầm quyền Pháp phá hủy cái ăn phong vương đáng lẽ phải để cho Nam triều gửi trả lại nước Tàu hơn là để các quan Pháp có mặt trong cuộc phá hủy lấy tiền chia nhau, cục bạc này chỉ đáng giá 240 đồng Mẽ-Tây-Cơ.

5.— Viện Cơ-Mật yêu cầu chánh-phủ Pháp trả lại những món tiền thâu về thuốc phiện, thuế khoáng-sản và các thuế khác.

(Theo tài-liệu của Quốc-sử-quán ở Huế, ông quan bị Pháp kết án tử-hình là Hà-văn-Quảng, Tống-Đốc Hải-Dương vì đã kêu gọi dân chúng nổi dậy chống Pháp. Ông này đã ký tên vào tờ hịch và có lời lẽ chống Pháp rất kịch-liệt ; ngoài ra ông còn có liên-lạc mật-thiết với các tướng Tàu bằng giấy tờ và bị bắt quả tang cầm đầu cuộc chống Pháp nhưng đã khéo chối cãi tội lỗi. Tòa án đã lập ra để xét vụ này là một tòa án của các quan Việt-Nam ; nhưng sau ông được xử phạt 100 trượng (2) và phải 4 năm khổ sai đầy ra Côn-đảo. Sau này đến Paul Bert sang làm Toàn-quyền ông Quảng được ân xá)

Ông Nguyễn-văn-Tường không lạ gì việc kể trên vì việc điều tra đã rõ ràng rồi, ông vẫn tiếp-tục ra lệnh cho các quan ta ở ngoài Bắc không được tiếp tay cho quân Pháp

(1) Chính Rheinart cũng chịu xác-nhận việc này trong cuốn Notes et correspondances de Rheinart (22-10-1884) như sau : Nos agents du Tonkin ont voulu traiter le pays comme s'il était indépendant de l'Annam, ils nous ont aliéné les fonctionnaires en froissant leur amour-propre sans aucun ménagement. Ils les ont eu quelque sorte poussé dans les bras de nos ennemis, vers lesquels ils n'étaient déjà naturellement que trop portés ».

(2) Trương là bị phạt bằng gậy, suy là bị đánh bằng roi.

luyễn mỗ hai đại-đội pháo thủ và hai ba vạn lao-công. Bọn này sau mát tăm tích, có lẽ Pháp mang qua xứ thuộc-địa khác để khai hoang chǎng ? Nam - triều cho rằng việc này nghịch với tinh-thần Hòa-ước 1874. Về phần ông Thuyết là Bình-bộ Thượng-thư, ông viết cho Lemaire rằng các tướng Pháp ở ngoài Bắc không khôi phục nổi trật-tự ở xứ này ; ông yêu cầu triệt hết quân-đội viễn-xâm và ông cam-kết giải-quyet nỗi việc binh - định với bốn năm quan Trú-sứ là đủ.

Trước thái-độ hiên-ngang của hai quan Phụ-chinh, chánh-phủ Pháp tức lầm. Freycinet, Bộ-Trưởng Ngoại-giao gửi công-diện cho Lemaire yêu cầu tìm cách trừng trị Tôn-Thất-Thuyết cho kỵ được (lúc này được coi là nguy hiểm nhất) không cho ông ở địa-vị Thượng-thư Bộ binh nữa mà đày đi một nơi thật xa.

Trước các kháng-nghị của Nam-triều, Lemaire chưa biết trả lời ra sao thì ngày 5-6-1885 ông ta phải rời chức. Tại Paris người ta đã lên án tinh-cách hiếu hòa của ông cũng như người ta đã kết tội Philastre trước đây. Tóm lại không cung dấn với Triều-đình Huế là bất lực và không hết lòng bảo-vệ quyền lợi của quốc-gia Pháp. Quan-niệm của các nhà Thực dân bấy giờ đều như vậy.

Paul Bonnetain, một tên Pháp nặng đầu óc Đế-quốc trong buồi rổi ralen này đã viết : « Tại Qui-nhon, tôi đã thấy nhiều giáo-sĩ sẵn sàng xuống tàu vì Tòa Khâm-sứ của ta ở Huế thiếu sự cung dấn khiến họ sợ sẽ lâm vào nhiều sự hiềm-nghèo. Ở Paris, người ta cần phải hiểu rằng : đối với Triều-đình Huế, theo đạo Công-giáo là theo Pháp. Liệu có nên mềm yếu ở Bắc-Kỳ nữa không, để lại mở thêm ra những vụ tàn sát ? Hàng ngàn giáo - dân bản-xứ, từ đứa trẻ lên 10 đã phải chết vì đã chịu lê nháp đạo. Ở các miền này, lê nháp đạo là lê tham-gia chính-trị, muốn nói thế nào người ta cũng chỉ nghĩ như vậy.

Cứ như hiện nay, nhường như chúng ta đứng về phía quan lại ở đây để chống với dân chúng và đúng là chúng ta đang đóng một vai trò ngược với các điều người ta có thể và phải trông chờ ở các công - dân một nước Cộng-hòa. Người dân xứ

bị thuế mà nặng nề, đang chết đói dở, kêu cứu chúng ta; chúng ta cứ đứng hoài ở phía bọn dao-phủ và bọn ăn cắp. Dưới sự kiểm soát của ta, triều-dinh Việt-Nam dám làm bạc giả (tiền đồng) bắt dân tiêu, khiến nhiều nhà buôn phải đóng cửa, phải lẩn trốn tiêu xài bằng sổ tiền đã dành dụm bấy lâu, còn đa số nhân dân là những kẻ túng bẩn không có gì đút miệng, chủ có kêu trời vì họ không còn sức mà nỗi loạn.

Người ta thương xót vô cùng số phận người dân Việt vì thấy họ sống mãi trong cái cảnh trên de dưới búa: de là chúng ta mà búa là Nam-triều và người ta muốn rằng nạn nhân vĩnh viễn này gồm có cả cuộc bão-hô.

Nam-triều vẫn mạnh, chặt đầu người như ta phát mảng nhưng uy-quyền của họ chỉ tồn tại bằng khùng-bố. Chúng ta (người Pháp) không có nghĩa lý gì trước mặt họ, dân thì chỉ có tin tưởng vào điều họ thấy. Là người Đông-phương, họ chỉ kính sợ có sức mạnh, riêng sức mạnh mà thôi. Chúng ta đã quá nhu-nhược, nhu-nhược đến chỗ thành trò cười đối với một quan Phụ-chính nhiều tham-vọng và quý-quyết. Nếu ta biết ra lay ngay từ lúc đầu thì chỉ cần 4 tên lính và một anh cai cũng đủ hạ nỗi thura đi. Nếu năm ngoái đãg ta đảo-chính thì ngon lành quá, nhưng nay thì khó rồi, chúng ta đã để cho bọn họ tề-chức xong lực-lượng kháng-chiến. Lực-lượng này sẽ nỗi dậy chống ta một ngày gần đây (1)...

Paul Bonnetain hẳn đã sống ở Huế thuở ấy, đã am hiểu nhiều về thời-cuộc ở Việt-Nam. Luận-điệu của y thật đúng với nhiều quân-nhân Pháp khác đang đổ máu bọn dân đen không tiếc tay để gây sự nghiệp cho bọn tư-bản và tài-phiệt Pháp. Dân nước chúng, còn chẳng tiếc, dân nước người, chúng thiết tha chẳng? Chẳng vậy chúng luôn luôn thúc dục Paris đánh chiếm gấp toàn thể bán-đảo Đông-Dương nói chung, Việt-Nam nói riêng bằng bất cứ giá nào, vì chúng sợ nước Pháp đi quá chậm trên con đường thực-dân-hóa các xứ Á-châu lạc-hậu. Ý kiến này đã thành

(1) Xem lời lẽ của Bonnetain, không ai không nghĩ đến chỗ một số người Pháp hay nói văn-hoa, đạo-đức. Nhưng có nhìn vào hành động của họ mới thấy họ chỉ đạo-đức ở đầu lưỡi mà thôi.

một truyền-thống lâu đời ăn sâu vào đầu óc bọn quân nhân cao cấp ngời đầy ở Bộ Hải-quân và Thuộc-địa khi đó và ở Bộ Pháp-quốc hải-ngoại sau này.

Ngày 12 tháng 4 năm Ất-Dậu (1885) Bộ Chiến-tranh Pháp cử Trung-tướng Roussel de Courcy (1) sang Việt-Nam với những quyền-hành hết sức rộng rãi, nghĩa là các văn-quan Pháp kè từ Khâm-sứ tại Huế phải thuộc sự điều-khiển của y. Y nắm mọi quyền hành-chinh và chính-trị với chức vụ Tổng thống toàn quyền và về quân-sự, y là Thống-đốc quân-vụ coi cả các tướng tá khắp Trung, Nam, Bắc. Lemaire dĩ-nhiên không chịu nỗi tình-trạng này vì mất hết địa-vị, nên sau khi đáp tàu Pluvier do De Courcy phái vào Huế đón ông ra hội-kiện với y ở ngoài Bắc (tới Bắc-Kỳ vào 31-5-1885), ông trình bày công việc xong liền bàn giao và xin từ-chức để không trở lại Huế nữa. De Champeaux được thay Lemaire và đại-diện cho de Courcy ở Huế. Như vậy với sự bồ-nhiệm mới này, từ nay Khâm-sứ ở Huế không còn là người thay mặt chánh-phủ Pháp nữa.

Quan tân, chế-độ tân, de Courcy được chỉ-thị mở một giai-đoạn mới ở Việt-Nam : Đặt ách thống-trị lên xứ này mạnh hơn bao giờ hết, biến Nam-triều thành một chánh-quyền bùnhin, trừ tiệt căn các cuộc chống đối, đánh mạnh đánh mau ở Bắc-Kỳ để chấm dứt chiến tranh. Lúc này cuộc điều định lần thứ hai giữa Pháp với Chánh-phủ Tàu đã chu tất (4-4-1885). Dựa vào sự thuận lợi này, việc đầu tiên phải thi hành của de Courcy là tiêu diệt ngay hai vị thủ-lĩnh của kháng chiến đang nắm giữ mọi uy quyền bên bờ sông Hương. De Courcy đã đánh bức công điện sau đây về Pháp khi đã nắm hết tình hình ở Việt-Nam : « Tôi rất căm giận hai viên Phụ-chánh của Triều-dinh Huế và sẽ hành động thận trọng nhưng cương quyết. Xin đánh điện qua Huế nếu Bộ không tán thành dự định dùng vũ lực của tôi ».

(1) Trung-tướng de Courcy rời quân-cảng Toulon ngày 30-4-1885 với Tham mưu trưởng là Trung-tướng Warnet và hai Thiếu-tướng Jamont, Prudhomme cùng một đội lục-bộ-binh đến Bắc-Kỳ vào cuối tháng tư năm đó (Ất-Dậu).

Không ngờ Bộ Chiến tranh lại không tán thành đề-nghị này thật, de Courcy liền cố tình tạo ra cơ hội để dùng bạo-lực mà vẫn không phải chịu trách-nhiệm nếu có điều bất lợi xảy ra, nghĩa là y khiêu-khích và cố ý đẩy Nam-triều đến chân tường.

## CHƯƠNG II

## DE COURCY KHIÊU-KHÍCH KHÁNG-CHIẾN NAM-TRIỀU

**VỤ KINH - THÀNH  
THẤT THỦ  
(ẤT-DẬU-1885)**

Như ta thấy, Hòa-ước Patenôtre được thực thi kể từ ngày 27 tháng 4 năm Ất-dậu (1885) nhưng Pháp vẫn tiếp-tục gửi quân qua Viễn-đông vì hai lý-do :

1.— Cần có một số quân đông đảo để thị uy với Bắc-kinh để buộc Thanh-định thi-hành đứng-đắn điều-ước đã ký nhất là Hòa-ước Patenôtre có chỗ sơ hở là không nói đến việc bãi-bỏ cuộc phong-tỏa Trường-giang. Việc này thuộc thành-phần công-tác của Đô-đốc Courbet.

2.— Cần tiêu-diệt kháng-chiến Việt-Nam đang sôi nỗi khắp nơi sau khi được tin Trung — Pháp đã bãi binh riêng với nhau và Thanh-triều đã quyết tâm bỏ rơi kháng-cbiến Việt-Nam. Việc này cần phải thi-hành gấp vì Pháp nhận thấy rằng theo kinh-nghiêm ở Nam-kỳ, chiếm thành-tri, hạ quân chính-quy, áp bức Triều-định nước Nam thời dễ nhưng đàn-áp một dân-tộc đã có một lịch-sử tranh-đấu cho tự-do, độc-lập từ ngàn năm là khó. Ngoài ra, để phong - trào kháng Pháp mở rộng bao nhiêu, Pháp sẽ khó nhọc, tốn-phí bấy nhiêu.

Ngày 24-4 tướng Brière de l'Isle đánh điện về Pháp báo cáo rằng : « *nhiều toán giặc nhỏ được thành-lập ở các nơi, cả ở vùng đồng-bằng... đã phải tổ-chức nhiều đoàn quân lưu-dộng đánh nhiều trận nhỏ nhưng rất gian-khổ và hiểm-nghèo trong lúc chờ* »

*đợi mùa thu tới mới có thể hoạt-động với quân-số quan-trọng hơn».*

Tuy vậy, trong giai-đoạn này Pháp vẫn hy-vọng ít nhiều rằng Chính-phủ Bắc-kinh bỏ rơi Việt-Nam sẽ làm cho người Việt-Nam chán-nản, nhưng họ lầm ; sĩ-dân Việt-Nam tuy mất bạn đồng-minh nhưng vẫn không buông girom hạ súng. Chính-phủ Brisson (thay Chính-phủ J. Ferry) liền cử tướng de Courcy sang Việt-Nam với chức-vụ Toàn-quyền chánh-trị và quân-sự. Viên tướng lĩnh này đến Vịnh Hạ-long vào ngày 1-6-1885 (Courbet chết trước khi de Courcy tới Việt-Nam vài ngày). Với nhiệm-vụ kể trên, De Courcy bắt đầu làm mưa, nắng ở nước ta. Nhưng tên Bảo-hoàng phản-động hạng nặng và tên tướng lĩnh rất khát máu này lại rất dốt chính-trị và ngoại-giao, do đó y vào Huế đã tái-diễn cái trò hâm thành bắt tướng kiêu F. Garnier và H. Rivière xưa kia. Vì việc quá táo bạo này Pháp định đã phải quả trách và triệu-hồi vai chủ-động về nước sau đó không lâu.

Việc phải làm trước tiên của de Courcy là với số quân có trong tay, tung ra để tiếp thu các yếu-diểm ở biên-giới và thượng-du Bắc-việt sau khi quân Tàu đã triệt thoái (sự rút lui của quân Thanh cù-hành vào cuối tháng 5 năm 1885 mới xong) (1). Nhưng lúc này là mùa mưa ở Bắc-kỳ, quân Pháp không thể tiến nhiều lên các vùng ngược ; đã vậy từ Trung-du xuống Trung-châu Bắc-kỳ quân khởi-nghĩa đua nhau hoạt-động quanh các vị-trí chiến-lược quan-trọng của Pháp từ lưu-vực sông Hồng lên Tam-Đảo (Vĩnh-Yên). Nhưng điều đang nung-nấu đầu óc của de Courcy nhiều hơn cả vẫn là vấn-de Tôn-thất-Thuyết, vị lãnh-lụ đang nắm trong tay linh hồn của kháng-chiến Việt - Nam. Y còn muốn đồng thời rửa cái nhục của

(1) Sau khi J. Ducan Campbell nhân-viên sở quan-thuế Tàu đại-diện cho chính-phủ Tàu và Billot thanh-trá chinh-trị của bộ Ngoại-giao Pháp ký xong thỏa hiệp bái-chiến, Đề đốc Lưu - Vĩnh - Phúc phải rũ áo ra về. Ông đã lại nhiều sự luyến tiếc cho các đồng-chi kháng-chiến ở Việt Nam vì ông đã tận tâm cộng sự với dân tộc ta trong việc chống xâm lăng Tây phương. Ông từng lập đưọc nhiều công lớn, giết đưọc nhều quân giặc và không khóc uất hận

Guerrier năm trước trong dịp tấn tôn vua Hàm-Nghi, tất cả những người Pháp ở Việt-Nam đã phải bấm bụng chịu đựng cái nhục này và chưa quên lâng.

Khi de Courcy hùng-hồ lên đường với binh đội, tướng Brière de l'Isle ở Hà-nội còn nhắc : « *Tôi luôn luôn cho rằng cách duy-nhất để giải-quyết hiện tình là phải bắt cóc hai quan phu-chính...* » Còn de Courcy cũng đã tuyên - bố nửa úp nửa mở : « *Phải giải-quyết vấn-dề này tại Huế* » Đại - Úy Gosselin tác-giả cuốn L'Empire d'Annam trang 197 có trích trong một bức thư của viên tướng thực-dân viết vào ngày 1-7-1885 một câu như sau : « *Trễ còn hơn không, ta sẽ bắt Tướng và Thuyết hoặc ta sẽ làm cho họ hết phương phà hoại ta ..* » Điều mà de Courcy khó chịu nhất là hai ông này lại nắm được hai co-quan quan trọng và mạnh mẽ nhất, đó là Bộ Binh và bộ Lại. Thêm vào hai ông lại có tinh-thần dũng cảm nên làm gì thì cứ tự-ý, không hề hỏi ý-kiến của Lemaire trước đây là Khâm-sứ ở Huế. Nay mục-dịch của de Courcy là loại Tướng, Thuyết ra khỏi Hội-đồng Phụ-chính, trước đoạt quyền binh của hai ông và giải tán bộ đội *Phản nghĩa*, có thể Nam - triều mới hoàn-toàn nắm yên trong tay Pháp.

Ngày 19-4 Ất-Đậu (1-7-1885) De Courcy cùng Tiêu-doàn-trưởng Metzinger đem 800 lính Á-rập và 150 khinh-binhan vào đế đô nhà Nguyễn sau khi ban lệnh giới nghiêm, và sắp đặt mọi việc ở ngoài Bắc-kỳ. Champeaux liền báo tin cho Nam-triều biết viên Thống - đốc quân - vụ Pháp sắp tới trình ủy-nhiệm thư lên vua Việt - Nam. Hai ông Tướng, Thuyết bàn với Champeaux mọi chi-tiết tỉ-mỉ về việc đón tiếp de Courcy và hứa phái hai quan đại - thần cùng một bộ - đội danh - dự chờ tại cửa Thuận-An. De Champeaux không nhận.

---

phải bỏ cuộc do thái-độ bất-tin, bất-nghĩa của hai triều Thanh - Nguyễn. Nhiều thủ - túc của ông cũng có tâm sự như vậy nên một số đã cương quyết ở lại góp phần xương máu để đánh một tiếng hạc chót với Việt-Nam. Đó là các Ông : Lục-đồng-Hoàn, Vương ngọc Châu, Đàm vinh Định, Hoàng tuấn-Phương, Diệp-thành-Lâm, Chu-bằng-Thanh, Lưu văn Khiêm, Tham thông Chính, Lương mậu Lâm, Tạ bình An, một thời hùng-cử ở các miền Thượng du Bắc-kỳ bên các đồng bào thiểu-số.

Băng tàu H. Rivière và Brandon, de Courcy đến Huế vào ngày 1-7-1885 (tức ngày 19-5 Ất-Dậu) với viên quan năm Crétin và hai đại-đội bộ-binhl do hai tàu chiến chuyèn chở. Bên phia người Pháp có de Champeaux và mấy văn võ quan, bèn ta có hai vị đại-thần và binh sĩ dàn hầu. Các cửa thành đều treo cờ, và tàu vào bến, bèn ta nổ 19 phát đại bác đê chào mừng.

Sau khi bọn Pháp nghỉ ngơi ở đây vài ngày, vào hôm (3-7) de Champeaux mật bàn với các quan văn võ Pháp kế-hoạch bắt Tôn-Thất-Thuyết. Kế-hoạch đó rất giản-dị và cũng rất if quân tử nghĩa là họ mở một *Hồng - mòn hội - yến* theo lối Ngô-Tôn-Quyền mời Quan-văn-Trường đến dự để bắt giũa Nghị-trường. Hình như cái gian-mưu này do sự sơ hở của một sĩ-quan tùy tòng của de Courcy (1) đã đến tai ông Thuyết.

Giám-mục Gaspar cũng như Khâm-sứ Champeaux là những tay thực - dân lành nghèè đã can ngăn y đừng khinh-lu-xuất, nhưng y không chịu. Chiều ngày 4-7 là trước khi nổ súng, viên-võ tự-ứng này đã nói một cách tự-đắc.

*« Trên bước đường công danh bắn chức, bao giờ cũng thành-công; nơi nào bắn-chức đến ngôi, sao của bắn-chức không hề bị lu mờ. Hiện nay bắn-chức có cảm-tưởng ngôi sao của bắn-chức sắp tỏ thêm .. »*

Rồi đây ta thấy ngôi sao của De Courcy sáng hay mờ và y còn được ở lại đất nước này lâu dài để tung-hoành ngang-dọc như y đã muốn ra sao.

Tôn-thất-Thuyết vội đến bàn cùng ông Nguyễn-văn-Trường

(1) Theo Bửu Kế tác giả bài TÒA KHÂM SỦ trong tạp chí Bách Khoa số 133 trang 26-27 cơ mưu bắt ông Thuyết bị vài người bồi bếp trong Tòa Khâm tiết lộ ra ngoài.

Bản về thái độ tự kiêu, tự-đắc của de Courcy, tác giả l'Empire d'Annam trang 203 Ch. Gosselin viết: Cái sai lầm lớn lao vô cùng của Đại-tướng De Courcy là không biết gì về nước An-nam cả. Ông khinh-khi người An-nam lắm. Ông tin rằng các quan An-nam không dám hành-động gì, và ông nghĩ rằng tiều-doàn Zouaves và đại-đội bộ-binhl đã đủ làm cho cả Hội đồng Phụ chính, triều-đình và dân An-nam phải khiếp sợ.

cách đối phó với Pháp, Tường nói : « *Quan lớn là kim-chi  
ngọc-diệp lẽ tất nhiên phải hết lòng tôn phù xã-tắc. Còn  
tôi tuy là kẻ bách tính cũng biết vị quốc vong thân. Nhưng  
có nên nghĩ rằng nếu gây can qua, ta có khởi thắt trận chăng ?  
Gia-Định thành kiêa-cố như vậy mà không chống nổi đại-báu của  
giặc. Việc của Thuận mới đây cũng đã làm cho nhau-lâm náo-dộng,  
vàng ngọc tiêu tan — và đánh nhau thì Hoàng thượng không khỏi  
kinh tâm... nay đem của cải, đất đai mà nộp cho chúng để yên  
chuyện áu cũng là một cách để giải quyết. Còn cách khác nếu  
quan lớn tin dẹp yên được giặc, lập lại được cuộc thanh-bình thì  
xin tùy quan lớn; tôi không dám bàn đến... »*

Thuyết tuy thấy lời biện-luận của Nguyễn-văn-Tường có đúng ít nhiều nhưng ông đang hăng trong việc chống Pháp, phần bị dồn vào thế bí ngay lúc đó nên nghĩ rằng bè nào cũng phải nói truyện bằng gươm, bằng súng với Pháp, chẳng lẽ khoanh tay chịu trói, ông thấy mình đứng vào đúng cảnh ngộ của Nguyễn-tri-Phương và Hoàng-Diệu xưa kia không sai mảy may. Ngoài, ra ý Pháp là nắm toàn cõi Việt-Nam, tước hết quyền hành của người Việt bằng lối *Tâm thực*, điều này đã rõ, có hòa hoãn cũng chẳng được lâu. Rồi ông tỏ một lời cuối cùng là : *Ăn cơm Vua phải đèn nợ nước, binh qayền còn ở trong tay mà để giặc chiếm thành thì cũng nhục.* Việc chống Pháp được hay thua cũng phải làm, tôi đã ra lệnh cho binh tướng sẵn sàng chiến đấu...

Rồi de Courcy đặt giấy mời các Hoàng-thân, các quan Cơ-Mật sang sông dự tiệc tại tòa Khâm (Tòa Khâm ở bên kia sông, đối diện với hoàng-thành) để bàn về lễ triều yết vua Hàm-Nghi cùng đệ trình quốc thư. Mọi người đều đến trừ quan đệ-nhị Phụ-chánh (1) de Courcy bức lầm. Vào tiệc Courcy nâng ly cầu chúc cho hai nước Việt — Pháp thịnh

(1) Cầm đầu phái đoàn sang dự tiệc bên tòa Khâm lúc này là Nguyễn-văn-Tường và Phạm - thận - Duật. Theo Việt-Nam Pháp-thuộc-sử, de Courcy không thấy ông Thuyết lời giận dữ ra mặt, quan ta phải về nài ông Thuyết đến, ông cũng không chịu. Sau mấy tin bức-bách không kết-quả, de Courcy bèn phái viên thày thuộc Mangin tới xin chữa đẽ dò xét hư thực, nhưng

vượng rồi đưa ra vài lời rất đột ngột và tráng lệ như sau :

— Nếu quý quốc muốn yên ổn thì trong vòng ba ngày phải nạp chiến - phí cho chúng tôi là 200.000 thoi vàng, 200.000 thoi bạc và 200.000 quan tiền...

— Chúng tôi lấy làm mừng được thấy các ngài đến đây đông đủ, nhưng sao quan Phụ-chánh Tôn-Thất-Thuyết lại vắng mặt ? Hay là quan Phụ-chánh ở nhà để sửa soạn đánh chúng tôi chăng ?

Mọi người tái mặt, biết de Courcy dở mặt và gây sự. Một vị đại-thần liền nói dở :

— Quan Phụ-chánh chúng tôi bị đau không sang được.

De Courcy cười nhạt rồi dõng-dạc nói lời :

— Nếu đau thì phải đi vãng mà đến. Tôi cho bắt ông Thuyết để coi :

Do việc này cuộc bàn bạc về lễ triều-yết vua Hàm-Nghi hầu như tan vỡ. Cơ-Mật-viện yêu cầu riêng Thống-tướng vào triều thì đi cửa giữa còn các quan hầu và binh-sĩ thì đi hai cửa bên và không mang vũ-kí, Thống-tướng vào điện Thái-Hòa thì bước lên đến hàng cột thứ nhì sẽ có một quan đại-thần cầm quốc-thư đệ lên nhà vua. De Courcy không chịu; y buộc nhà vua phải từ Ngai vàng bước xuống thân nhận quốc thư và tờ Hòa-ước đã được Thượng-Hạ nghị-viện Pháp phê-chuẩn vài tườn trước, y lại đòi cho cả tướng tá, binh-sĩ tùy tòng cùng vào cả cửa giữa. Cuộc bàn cãi kéo dài, sau de Courcy ra lệnh hoãn chờ Tôn-Thất-Thuyết bình-phục. Còn tặng phẩm của bà Thái-hậu Từ-Dũ và của vua Hàm-Nghi cho mang sang de Courcy sai gửi trả lại (2).

Thuyết không tiếp, cho người ra từ chối rằng mình không quen dùng thuốc Tây. Tình thế đòi bên đến nước này rõ là quá gay gắt rồi.

Tâm thực là lối tầm ăn lá dâu hay vết dầu loang, lấy dần rồi lấy hết.

(2) Trước ngày 22-5 Ất-Dậu, Nam-triều còn ủy mấy quan đại thần sang

Trong ngày 3-7, ông Thuyết hối-hả sửa soạn động binh, tập trung quân các doanh-vệ chia thành hai đạo gọi em là Tham-biên Tôn-Thất-Lê từ Sơn phòng về. Ông Tường phản đối với de Courcy về việc binh-sĩ Pháp hay phá phách ngoài dân chúng và ăn mặc lôi thôi nên xin cấm họ vào thành-nội. Mặc dầu được Trung-tá Pernot và Giám-mục Caspar báo tin, Courcy vẫn không tin rằng Nam-triều dám chống lại Pháp. Buổi sáng hôm 4-7-1885 de Champeaux nhận được một tờ mật-trinh của mật-thám Pháp rằng ông Thuyết cố ý tránh mặt de Courcy và ông Tường phải miễn cưỡng theo ông, Bà Từ-Dũ (và Hoàng-thân Hoài-Đức em vua Thiệu Trị) đã không tán-thành dự-định bạo-hành của phe kháng-chiến (2).

Tiệc tan, Nguyễn-văn-Tường đến thẳng ngay bộ Binh tìm ông Thuyết nói rằng : « *Đã đến lúc không còn hòa-hỗn được thêm nữa, đánh liều may rủi vậy* ».

Tôn-thất-Thuyết cũng bức hết sức bàn với Nguyễn-văn-Tường đánh gấp cho địch không kịp trở tay. Theo ông, Pháp đang đánh chiếm hết Bắc-kỳ, các tỉnh Thái-Nguyên, Tuyên-quang, Hưng-Hóa v.v... đã bị chiếm hết, nay quân Pháp đến đóng cả Cửa-Thuận, không cựa quậy cũng mất nước rồi, thà một trận hơn thua với giặc sau muộn ra sao thì ra. », thật là một cuộc đánh bạc với trời lúc này vậy. Rồi ông sắp đặt theo đây : Mặt tiền giao cho các đội Long-thuyền, Võ sinh là những đơn-vị tinh-thông vũ-nghệ tấn-công thẳng vào phía giặc Pháp ; trong Hoàng-thành có lính Cầm-y và Kim-ngô chống giữ. Lính mới tuyển-mộ phụ-trách mặt sau. Cửa Đông-Ba có 5 vệ đóng chạy dài tới Trường Đinh — Cửa An-Hòa và cửa Hậu, mỗi nơi đặt 5 Vệ ; Cửa Tả có vệ Hồ-Oai

---

Sứ-quán điều-dịnh lại việc đi cửa bên về phần các quan và lính tùy tùng nhưng de Courcy không tiếp. Trên phương-diện xâ-giao, việc này đáng kẽ là một hành-động khiêu-khích.

(2) Theo A. Delvaux tác-giả tờ mật-trinh này có thể do ông Tường hay một kẻ tùy thuộc đưa ra (Guerre du Tonkin p.885) nhưng theo chúng tôi việc này không đúng, vì nếu Tường tư thông với Pháp khật sự thì thái-độ của De Courcy đã không quá gay-gắt với ông khi ông về Huế gấp y sau này.

gồm những binh-sĩ thiện-chiến, cửa chính và cửa Tây có đội Hùng - Duệ. Ngoài thành có tượng-binh, mỗi con voi giao cho hai Nài. Đại-bác thì bố-trí ở các nơi cần thiết và hiềm - yếu. Bên kia bờ sông, quân Phấn - Nghĩa và Long-thuyền là quân xung-phong, cầm-từ chờ lệnh là xông luôn vào trại Pháp... Các phạm-nhân trong hai nhà lao Thùa - Thiên và Trần - Phú sẽ được thả ra cho cõm rượu và tiền bạc dư-dả để góp sức thêm vào việc chiến đấu, Tóm lại đạo quân do Tôn-Thất-Lệ chỉ-huy nửa đêm sẽ qua sông hợp với quân của Đề-đốc và Hiệp-ly thủy quân có nhiệm-vụ đánh vào Tòa Khâm. Còn ông Thuyết cầm đạo « *Phấn nghĩa* » với Đề-đốc Trần-xuân-Soạn đánh úp vào phía Nam Trần-Bình-Đài (Mang Cá).

Buổi chiều khi mặt trời gần lặn, Đề-đốc hộ - thành Trần-Soạn dẫn một toán quân đi đóng các cửa thành và cho đặt thêm ít khẩu thàn-công. Số quân của ta có tất cả 12.000 được lệnh nấu cơm sẵn phòng có việc gấp. Tại Cơ-mật-viện, hội-nghị tính khai hỏa vào hồi 10 giờ tối, bởi lúc này các sĩ-quan Pháp còn có mặt ở tòa Khâm, như vậy tại Mang-Cá không có ai chỉ-huy, nhưng bất lợi ở chỗ vào giờ này trời còn tối quá không thể điều-khiển được trọng-pháo, ngoài ra việc bố-trí quân đội cũng chưa xong kịp nên phải lui giờ khai chiến vào giờ Sỉu (1 giờ sáng).

Mọi việc sắp đặt xong, ông Tôn-thất-Thuyết cùng con là Tôn-thất-Đạm lên vọng-lâu chờ hết giờ Tý là nỗi hiệu.

Tuy việc được xếp đặt hết sức bí-mật nhưng vẫn không qua mặt Giám-mục Caspar. Ông liền thông báo ngay cho de Courcy nhưng de Courcy vẫn không tin (1). Trong lúc này một số quan lại của Nam-triều thấy việc chuẩn-bị chiến-tranh, ai nấy đều xanh mặt. Kẻ bàn : gắng quá sinh biến ; kẻ nói : phòng-bị như thế này là quá đủ, chống Pháp chỉ có bất lợi. Trước tình-thần thoái-bại và chủ-bại cửa họ thì bọn ông Thuyết quả đã làm một cuộc phiêu-lưu.

(1) Người ta cáo rằng nhiều giáo-sĩ Pháp làm tay sai và mật thám cho quân đội thực-dân xét ra không sai. Bọn này làm gián - điệp suốt thời Pháp đánh chiếm và thống-trị nước ta,

Tối hôm 22 tháng 5 (4-7-1885) Thống-tướng Pháp mở tiệc đãi các quan văn võ Pháp trên lầu Sứ-quán rất vui-vẻ. Lúc này trăng đã lên cao. Giữa bữa tiệc, de Courcy bàn sẽ làm một cuộc thị-uy quân-sự rất lớn hôm y vào triều-yết vua Hàm-nghi. Vào canh một, thì trên khúc sông gần Sứ-quán, thuyền bè của ta đi lại bỗng trở nên tấp-nập khiến viên sĩ-quan trực là Trung-úy Bouché phải lên báo Thống-tướng. Trong lúc này, tiệc đang vui, de Courcy bức mình dọa sẽ phạt y vì man báo. Hồi 11 giờ 30 các thực khách đứng dậy. Những khẩu đại-bác của ta đặt sẵn trên thành chĩa ra cầu Thanh-Long tính đợi các quan Pháp ra về sẽ bắn thi vì cuộc tấn công bị chậm lại nên bọn Pháp về Mang Cá được bình yên vô sự (2).

Lực-lượng của Pháp ở Huế lúc này gồm có : Tại Mang-Cá 2 đại-đội bộ-binh da đen, 3 trung-đội thủy-quân lục-chiến tại khu nhượng-địa gần thành Mang-Cá, 2 đại-đội lính Phi-châu, 1 trung-đội thủy-quân lục-chiến. Ở phía Bắc Mang-Cá có hai pháo-hạm Javeline và Brionval và 1 chiếc tàu nhỏ. Tổng cộng có : 31 sĩ-quan và 1.387 binh-sĩ, 37 đại-bác.

Trong đêm tối dày đặc, mọi người đang ngủ yên thì vào lối 1 giờ sáng có tiếng đại-bác nổ, tiếng reo hò vang trời rồi lửa đỏ bốc dữ-dội ở Mang-Cá và ở phía Sứ-quán. Ở Mang-Cá mấy toán lính ta xông vào đốt các trại lính của Pháp, mấy toán khác dùng súng phá cửa Tây tián vào. Bên trong lính Pháp bị đánh bất ngờ vùng dậy, nhiều kẻ chẳng kịp mặc quần áo, bỏ chạy lung tung, bọn thì không kịp mang vũ-khi, mắt nhắm mắt mở rất là rối loạn. Đại-Úy Bruneau bị đạn bay qua ngực chết không kịp ngáp. Đại-Úy Drouin bị gãy luôn hai chân. Qua ít phút hoảng-hốt quân Pháp được lệnh lo gấp việc phòng-thủ : Tốp thi lấy các bao đựng bột, những thùng không đồ đất vào để lắp chặn các cửa đồn, tốp thi đi chữa cháy, tốp thi giữ các kho thuốc súng và đạn-dược, nhà giây thép, tốp thi chống đỡ đám quân xung-phong. Cuộc tấn-công

(2) Sau này Pháp đặt tên cầu Thanh-Long là : Pont de l'attentat tức là Cầu Mưu sát.

của Việt-quân được khởi vào cùng một lúc vừa chung quanh Sứ-quán vừa nhắm vào đồn Mang Cá. Tại đây quân Pháp được lệnh bất động để nghe ngóng và chờ sáng. Đè-dốc Trần-xuân-Soạn tưởng họ đã chết cả. Ông Thuyết bèn chuyển họng đại-bác bắn qua Tòa Khâm bên kia sông, trong khi đạo quân của Tôn-Thất-Lê đang đánh sát, chiếm được một khu của co-quan này. Hàng - hái nhất có lính *Phǎn-nghĩa* là thân - binh của Tôn-Thất-Thuyết và các phạm-nhân vừa được phóng - thích, để lập công chuộc tội. Họ mang súng hay đại - bác hoặc mã tấu, mình trần trùng-trục, tóc xõa xuống lưng đánh giáp lá cà với địch rất gan dạ. Mái nhà và gầm lầu tòa Sứ bị đạn đại-bác bắn trúng sụp đổ nhiều nơi. Trên cửa sổ Sứ quán quân Pháp bắn xuống các đám cỏ đang cháy vì quân Việt hoạt-động mạnh ở đây. Chúng bắn dữ nêu Tôn-thất-Liệt cùng đội quân của ông bị chặn lại. Từ gà gáy trở đi, đại bác trên thành càng bắn đúng mục-tiêu, lầu Tòa khâm bị hư hại nhiều, trần vách sập hết, trừ gian phòng chính còn đứng vững. May cho họ là đại-bác của ta ít công phá. Nhưng cũng từ lúc trời bắt đầu sáng, Pháp mở cuộc phản-công và trước ít phút de Courcy đánh điện xin Hải-phòng gửi gấp quân tiếp-viện.

Ở Mang-Cá sau những phút kinh-hoàng, Trung-tá Pernot và Thiếu-tá Metzinger sắp đặt lại hàng ngũ và mọi việc xong liền mở cuộc đánh chiếm Kinh-thành. Họ chia quân ra làm ba đạo kéo đi. Hai chiến-lụm của họ nhờ có ánh lửa của những túp nhà đang cháy nã trúng vào cửa Đông-Bắc của Hoàng-thành trong khi quân đội của họ tiến sang bên này sông gặp người Việt-Nam nào, bắt kẽ già, trẻ, gái, trai đều giết hết. Tiếng than khóc kêu la chìm trong tiếng tre nô đạn rèn, náo động cả một góc trời. Quân Việt cũng đánh rất hăng, hò hét theo tiếng trống, tiếng thanh-la và ùa ra đánh giết quân Pháp giữa lúc họ bắn phá các co-cầu hành-chính và quân-sự và nhà cửa chúng ta. Quân ta trong thành đánh ra, giành nhau với địch từng tấc đất. Địch chiếm được chiến-lũy này thì chiến-lũy khác lại mọc ra, gạch đá, bàn ghế, xe cộ ném ngỗng ngang ra để cản lối. Sau một tiếng đồng hồ quân ta bị tan rã dần. Pháp chiếm được 6 cỗ đại-bác hạng lớn đặt

trên mặt thành, họ đã dùng 6 đại-pháo áy bắn lại quân ta. Trời tuy gần rạng, cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn, nhưng thế chủ-động đã lọt qua tay quân Pháp. Hai nơi địch chủ ý phá trước hết là bộ Lại và bộ Bình của hai ông Tường, Thuyết.

Sắp bình-minh thì đại-bác của ta đã thua tiếng. Trong khi ánh sáng còn mờ - mờ, người ta thấy một toán quân Á-Rập từ tòa Khâm kéo sang cửa An-Hòa xông vào các nhà dân gắp ai giết người áy, đốt cái gì có thể đốt được, hiếp ai có thể hiếp được. Lúc này ở thành cũng như ở bên ngoài, quân ta đã có lệnh triệt-thoái, Quân Pháp định tiến vào cửa Hiển-Nhơn nhưng phá không nổi phải đi ngả khác. Tám giờ mười sáng, cờ Pháp đã bay trên kỳ-dài của ta, nói cho đúng cờ Pháp lúc này là hai mảnh vải do một tên lính Phi-châu buộc vào giây lưng mà mắc lên.

Chín giờ thì yên tĩnh trở lại. Quân Pháp vào được Đại Nội. Hoàng thành vắng lặng. Sở cung điện của vua bị cướp phá, Pernot phải đặt một tiểu-đoàn ở đây để canh gác. Ngoài cung-điện nhiều dinh-thự trong thành bị quân Pháp đến chiếm giữ. Theo sự ước-lượng của Pháp, quân-số Việt-Nam hoạt-động trong đêm mồng 4 rạng ngày 5-7-1885 có vào khoảng hai chục ngàn (A. Delvaux nói quân ta chỉ có sáu ngàn) số tử trận vào 1.200 đến 1.500 người. Ta mất một số vũ-khi rất quan-trọng : 812 khẩu đại bác — 16.000 súng tay trong kho, vô số gươm giáo trong Nội.

Quân Pháp có 1.387 người, 31 sĩ-quan trong đó 4 sĩ-quan và 19 binh-sĩ tử trận, 14 người bị trọng-thương, 50 người bị thương nhẹ, quần áo bị cháy mất nhiều (có kể suốt ngày hôm ấy phải bận quần lót) (1).

Mặc dầu ông Thuyết không thành-công như ý muốn trong vụ đánh đồn Mang-Cá và tòa Khâm-Sứ Pháp song các võ quan Pháp vẫn khen ngợi ông đã tổ-chức cuộc chiến-tranh

(1) Trung-ý Constant bị thương nặng. Trung-ý La Croix bị đạn xuyên qua bụng, Trung-ý Heitschel và một tên lính bị thương do thuốc súng nổ trong một túp lều tranh, sau đây cả hai sĩ quan dưới đều chết cả.

rất chu đáo, ông thất bại chỉ do vũ-kí kém hiệu-lực, kỹ-thuật quân-sự non nớt. Nhưng không ai có thể phủ-nhận rằng vụ đánh Pháp ở Kinh-thành của ông không do lòng ái-quốc, ngoài việc tự-vệ trước chủ-trương thanh-toán toàn thê nước Việt-Nam của Pháp lúc đó. Việc ông chuẩn-bị quân-sự từ hai năm trước minh-chứng rằng ông đã cương-quyết bảo-vệ đất nước bằng một cuộc xung-đột cuối cùng với thực-dân Pháp trong khi bao nhiêu kẻ đồng-liệu đang nung nấu trong đầu óc những tư-tưởng thoái-bại.

Người Pháp cũng không hề chối cãi sự hy - sinh của Ông đến mức tuyệt-đối tuy rất thù ghét ông, vậy mà sau này vào thời Tây thuộc tiếc thay, nhiều kẻ « *Bảo hoàng hơn cả nhà vua* » đã dám mở miệng mật-sát ông, có lẽ do sự hiếu làm hoặc họ làm vậy để lấy lòng ông chủ.

Gần đây một trí - thức miền Nam, ông Diệp - văn - Kỳ cũng đưa ra một nhận - định ít xác - đáng như sau : « *Thành Thuận - hóa* » (*Huế*) thất - thủ, nước Việt - Nam mất chủ quyền từ đó » Lầm ! Qua hai Hòa - ước Qui-mùi (1883) và Giáp-thân (1884) chủ-quyền nước Việt-Nam còn đâu nữa ? Việc ông Thuyết diệt Pháp ở Kinh-thành là những cố gắng cuối cùng của sĩ - dân Việt-Nam để khôi-phục lại những gì đã mất — hay ít ra để đỡ nhục với kẻ địch.

### CHƯƠNG III

#### VUA HÀM-NGHI VÀ TÔN-THẤT-THUYẾT CHẠY RA BẮC

##### TỪ HUẾ RA TÂN-SƠ (QUẢNG-TRỊ)

Trong việc đánh Pháp đêm hôm 22 tháng 5 Ất-dậu (5-7) tại giữa Kinh-thành Thuận-Hóa, vua Hàm-nghi và Tam-cung gần như không biết gì cả. Nếu bà Thái-hậu có biết chỉ là biết chủ-trương chống Pháp đến cùng của hai quan Phụ-chính nhưng không được báo rằng sự-việc sắp phải giải-quyết gấp. Có lẽ hai quan Phụ-chính ngại rằng nhà vua và Tam-cung không chấp-thuận ý-định táo-bạo của hai ông. Hai ông bí-mật động-binh rồi vua Hàm-Nghi và Tam-Cung là những người cuối cùng được biết đến việc đánh Pháp.

Vào gần sáng là lúc Nam-quân đã núng thể, Tôn-thất-Thuyết tập-trung tàn quân trực sẵn ngoài cửa Chương-Đức(1). Ông cầm gươm bước vào Đại-Nội mời vua và Tam-cung đi trốn. Thuyết đem việc đại-náo Kinh-thành ban đêm và việc thất-bại tâu Thái-hậu. Bà Từ-Dũ bất-bình nói :

— Nước yếu phải thua nước mạnh, có gì lạ ? Đời đức Tiên-đế còn phải thi-hành Hòa-ước, huống hồ ngày nay, sự thế mỗi ngày một khác...

Tuy nói vậy Thái - hậu cùng hai bà Trang-Ý và Học-Phi vẫn phải bước chân lên kiệu. Vua Hàm-Nghi cũng bị hối-thúc. Nhà vua thảng-thốt nói :

— Ta có đánh nhau với ai đâu mà phải chạy ?

Thì giờ quá gấp, ông Thuyết không đáp rút gươm ra khiến binh lính bồng vua lên kiệu do cửa Hữu ra khỏi hoàng thành, theo lối Tây-Nam mà đi. Lúc đầu ông Thuyết tính đưa Ngự-đạo lên tạm trú ở Khiêm-cung cho khỏi quân Pháp xúc-phạm.

Trong phút vội-vã người ta chỉ kịp mang theo được cái áo ngự-tiền chi-bảo và hai thanh kiếm. Vào khoảng bảy giờ rưỡi, Ngự-đạo ra khỏi cửa thành tất tưởi tiến thẳng về ngả chùa Thiên-mụ. Ông Thuyết ở lại cho phá cầu Bạch-hồ phòng quân địch đuổi theo. Vua Hàm-Nghi trong lúc này tâm-sự rất là áo-não vì ngài còn quá nhỏ tuổi (dưới 15 tuổi), con quốc-biển lại quá đột-ngột. Khi bước lên loan-giá Ngài vừa vấp phải nấc thang đã khóc ròng, khiến Tam-cung cũng không ngăn được giọt lệ. Ông Thuyết tuyên-bố ở lại Trương-Thi cho tới chiều tối để đón mọi tin-tức, nhất là chờ viện - binh. Những binh-sĩ cũ của ông lúc này bỏ chạy gần hết. Trong lòng buồn-bực, ông thét mắng Thị-lang bộ Hình Tôn-thất-Phan rất nhiều. Chính Phan vừa đây đã hô-hào kháng-chiến rất mạnh rồi lâm sự, y đã có ý lơ-lảng trước hết. Ông cự-nự cả bọn Châu-đinh-Kế Tham tri bộ Công và Phạm-thận-Duật, Thượng-thư bộ Lễ đã làm hỏng nhiều điểm trong kế-hoạch kháng-chiến khiến bà Từ-Dũ phải can-thiệp mới xong. Còn vua Hàm-Nghi đứng riêng một chỗ chỉ lúc nào mọi người lên đường mới bước ra. Đạo-ngự phần đông gồm các ông hoàng, bà Chúa, các Vương - tôn, công-tử, kẻ đi ngựa, người đi chân; dân chúng thì già trẻ hõng bế nhau, ai nấy đều hoảng-hốt la khóc om xòm, tìm đường lẩn tránh tên bay, đạn lạc trên mọi nẻo đường ngoài Kinh-thành. Các quan đại-thần có Tả-quân Đô-Thống Hồ-văn-Hiền đem 100 tay súng đi hộ-vệ ngự-đạo họp thành một đám đông chừng một ngàn người. Trong các quan hộ-giá có ông Phạm-thận-Duật. (Thượng-thư bộ Lễ) Trương-đăng-Đệ (Tham-tri bộ Bình), Tôn-thất-Liệt... Đề-đốc Trần-xuân-Soạn đi đầu, Nguyễn-văn-Tường đoạn hậu. Nhưng rồi ngoài số quan văn võ dự vào việc hộ-giá, một số ẩn nấp ở nhiều nơi để nghe ngóng. Bọn này có nhiều kẻ bị giao-động tinh-thần.

Ngự-đạo cố đi rất nhanh.

Tới bến đò Kế-Vạn vua Hàm-Nghi phải xuống kiệu. Lúc này bến sông không có chiếc đò nào, nhà vua phải bỗng giày

(1) *Sử Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam*  
và hép nhằm cửa này ra, Quảng-Đức,

vén quàn lên đầu gối đè qua sông nhưng đi được vài bước phải lùi lại vì nước sông quá sâu. Ông Thuyết phải theo con đường áp mặt hoàng-thành và do cầu Bạch-Hồ dẫn Ngự-đại đi về phía nhà thờ Kim-long, nhằm thẳng lối lên chùa Thiên Mụ. Ở phía sau, giữa hoàng-thành tiếng súng của Pháp vẫn nổ ran. Ngự-Đạo sợ địch đuổi theo, chạy gấp. Đường gò già làm cho đầu vua Hàm-Nghi và vào thành kiệu. Ông Thuyết phải mời nhà vua xuống đi vồng.

Xa-giá đến làng Văn-Xá thi dừng lại vì trời tối, gà già lại lên đường ra Quảng-Trị. Trong khi vua và Tam-Cung n  
khỏi đế-đô, cờ tam tài của Pháp đã bay phất-phới trên K  
đài. Quân Pháp ủa vào thành-nội mở một cuộc đốt phá vi  
tàn sát kinh khủng. Bộ Binh và bộ Lại là hai cơ-quan củ  
Ông Thuyết và Tường làm mồi cho thán lửa trước hết. Nh  
dân và các dinh-thự khói bốc mù trời, hai hôm sau lửa c  
thoi-thóp. Bọn lính canh gác cũng không còn lấy một tên. Tron  
cung của bà Từ-Dũ, chiếc mâm vàng đường kính dài n  
sáu tấc còn đồ ăn thừa của bữa sáng cũng không được d  
cắt. Tại Duyệt-thị-đường hàng trăm hòm bạc nén vẫn nguy  
vẹn. Luôn năm ngày 50 tên lính chuyên xếp các thỏi v  
bạc để gửi về Pháp cùng các bảo - vật trong cung điện quý  
giá không thể tưởng-tượng được. Bộ Tư-lệnh còn cho phé  
quân lính ra ngoài dân tự-do cướp phá luôn 48 tiếng đồn  
hồ khiến đứa nào đứa nấy đều nhét đầy bạc nén trong cái  
túi áo quần. Sau đó quân Pháp chia nhau đóng giữ các c  
thành và lấy thóc ở kho ra thuê dân dọn dẹp các tử-th  
và chôn cất.

Trong khoảng thời - gian Ông Thuyết với một số thâ  
binh ở lại đánh Pháp để cầm chân địch cho Ngự-đạo tiế  
xa thì bà Từ-Dũ thái-hậu hạ lệnh cho Nguyễn-văn-Tường tr  
lại kinh thành điều-định với Pháp. (*Đại-Nam thực lục*, *Hạnh-th  
ca* của Lễ-tần Nguyễn - nhược - Thị - và Việt - Nam sử lược củ  
Trần-trọng-Kim có ghi sứ-sự này). Mấy giờ sau Ông Thuyết chạy  
theo kịp Ngự-đạo, Ông luôn luôn dục mọi người chạy gấp.

Trưa hôm ấy (6-7-1885) giữa lúc hoàng - thành còn ngh

ngút khói lèo, Nguyễn-văn-Tường đến nhà thờ Kim-long (cách thành phố Huế 5 cây số) để gặp Giám-Mục Caspar, ông ăn cơm ở đây. (Trong Văn-hóa Nguyệt-San số 78 phát hành vào tháng 3-1963 tác-giả đã có bài bình-luận dài dù về thái-độ chánh-trị của Nguyễn-văn-Tường).

Rồi vào buổi tối ông nhờ Giám-Mục đưa đến gặp tướng de Courcy. Thống-Tướng Pháp cho Tường ra ở Thương-bạc-viện giao cho Đại-uy Schmitz và một toán lính Pháp coi giữ (cuối tháng 7 Tường bị trao qua cho Phó Trú-sứ Hamelin vừa mới đến Huế hẹn cho hai tháng phải thu xếp mọi việc cho yên...) Việc làm thứ nhất của Tường ngay hôm đó là phải ký tên vào một bản tuyên-ngôn đã được viết theo ý de Courcy đề tó cáo Tôn-thất-Thuyết và yêu cầu các lực-lượng kháng-chiến, các Hoàng-thân và vua Hàm-Nghi trở lại Kinh-thành tiếp-tục mọi việc như thường lệ. Bản tuyên-ngôn này cũng có de Courcy ký dì ngày 6-7-1885. Kế tiếp ngày 9-7 Tường phải viết thư mời Tam-cung về ở tạm lảng vua Từ-Đức (Vạn-Niên). Thư này được kết-quả tốt bởi ba bà Thái-hậu chịu nghe theo. Ngày 11-7 Tường lại gửi thảng cho vua Hàm-Nghi những lời lẽ sau đây :

« Muôn tâia Bé-hạ,

« Thần vua được bức điện-văn của Trương-quang-Đản cho biết rằng Ba Ngài Hoàng Thái-Hậu đang ngự trong Hành-cung Lĩnh Quǎng-Trị. Thần đã thỉnh ba Ngài về nghỉ tạm ở Khiêm-cung, quan Tòng-Tư-Lệnh Pháp muốn mời Bé-Hạ càng trả về một lượt với ba Ngài ». Ký tên NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG

Hai ngày hôm sau (tức là vào hôm 13-7) de Courcy cũng

(1) A. Delvaux nói : Ngay chiều hôm 6-7-1885 Tôn-Thất-Thuyết được tin Tường ra đầu Pháp, rất tức giận, đã ra lệnh cho người về Huế đốt tư-thất của ông. (Theo tài-liệu của Tòa Khâm F. V, số 30, tư-thất này ở trong thành Nội, gần cửa Đông-Ba, bị cháy vào ngày 24-7).

Tài liệu dưới có lẽ đúng hơn vì ông Thuyết phải đợi ông Tường làm những việc gì với Pháp mới ra tay. Ông Thuyết hẳn cũng được biết ông Tường quay về Huế là do lệnh của bà Thái-hậu Từ-Dũ thì thường phải xem động tĩnh Huế nào đã.

gửi cho vua Hàm-Nghi một bức thư mời Ngài về Huế, dọng điệu rất trân-trọng và khẩn-thiết.

Ngày 13-7-1885 vua Hàm-Nghi trả lời Nguyễn-văn-Tường như sau :

« Trâm còn niên-thiếu và rất bạc đức, gặp буди quốc-gia da nạn, dân chúng làm than, khổn quản không sao kè xiết. Ngày nay trong nước Trâm trông vào các quan, bên ngoài vào tình hữu nghị chân thành của nước Pháp... Than ôi, vạy mà nước Pháp chỉ tìm cách áp-bức Trâm khiến Trâm phải rời bỏ Kinh-thành. Trâm phải ra Hà-Tĩnh cùng quan Phụ-chính Tôn-thất-Thuyết chờ coi thời-cuộc ra sao ».

« Nay Trâm ủy khanh là một Phụ-chánh đại-thần, xứng đáng hơn ai hết để thu xếp với nhà đương-cục Pháp. Thiên-dịa cũng như thần-dân đang ngó vào Trâm. Trâm họ với Trâm như cá với nước, bỏ nhau sao được ! Trong gương đức Tiên-dế, khanh cố thương-nghị đề không-khi giữa hai quốc-gia trở nên hòa dịu và giữ vững được tình huynh-dệ cùng chia xẻ vinh nhục, vui buồn dũng khởi phải dùng đến vũ-lực, mưu-mô đổi phó với nhau ».

« Nếu ước-vọng này thành, Trâm sẽ trở về Kinh-kỳ để chầu hầu Tam-Cung cho trọng đạo và thỏa lòng mong đợi của thần dân... Còn việc chẳng thành, thì Trâm xin ủy việc trông coi lăng miếu và Hoàng-gia cho khanh vì còn nhiều người không theo Trâm được...».

« Nếu sau này khanh có thư gửi cho Trâm thì cứ do trạm này mà gửi ...»

Ngày 2 tháng 6 Hàm-Nghi đệ-nhị-niên (Ất-Dậu).

Thư này đóng dấu của Tôn-thất-Thuyết như bản hiệu-tribu đầu tiên của nhà vua và đề lui ngày vào 7-7 tại Quảng-trị.

Nay xin nhắc lại hành-trình của Ngự - đạo. Trưa hôm 6-7-1885 sau khi lên đường vào lúc tinh sương rồi từ Van-xá, Ngự - đạo đến Quảng-Trị. Mọi người đều mệt, Tuần-Vũ Trương-quang-Đản rước ba bà Thái-hậu vào Hành-cung và đặt quàn linh phòng

vệ. Các quan Hậu-quân Nguyễn-Hanh, Đô-Thống Tôn-thất-Ninh, Tả-quân Đinh-tử-Lượng, Tham-tri Tôn-thất-Phan, Biên-lý Trần-khánh-Tôn, Thủ-sư hiệp-lý Cao-hữu-Sung, Thủ-doãn Nguyễn-Đinh-Đường, Toản-tu Phạm-phú-Lâm cũng lục-tục đến. Riêng Thị-Lang Phạm-hữu-Dụng do Nguyễn-văn-Tường sai ra vời vua Hàm-Nghi về Kinh, ông Tôn-thất-Thuyết biết ý liền ngăn trở không cho Dụng tâu trình việc này. Nhiều người xin rước xa-giá lên Tân-sở để mưu khôi-phục đại sự nhưng bà Từ-Dũ cương quyết đòi trở về thành. Ông Thuyết tính ghé vào Tân-Sở một lúc, nhưng lại thôi vì thấy tình-thể cấp-bách quá. Trong khi nhà vua và các quan dùng cơm thì một việc náo-động đã xảy ra. Bọn lính mới từ Văn-Xá đến không có gì ăn, họ đòi hỏi nhiều mới được một ít gạo lứt (*chưa già*) lót bụng. Sau 2 đêm trắng và phải chạy bộ 70 cây số, tinh-thần của họ xuống rất nhiều và một số bắt mẫn đã bỏ trốn. Ông Thuyết phải can-thiệp để làm nguôi lòng họ. Qua hai tiếng đồng hồ vỗ-về, ông đưa ra một quân-lệnh cho phép một vài loại binh-sĩ được nghỉ ngơi. Bấy giờ quân-đội theo vua có 400 thì 250 kẻ quê quán ở Quảng-Trị hay Quảng-Bình. Bọn này được đi lại dễ dàng, trái lại binh-sĩ của đồn cũ trong Hoàng - thành bị cấm - túc để già gạo rồi được lệnh săn sàng lên đường vào buổi sớm hôm sau. Tôn-thất-Thuyết chỉ - thị cho Tuần-Vũ Quảng-Trị lấy kho của Nhà-nước 10.000 hộc lúa và da, số đại - bác chở đến Tân-Sở. Ông cho cắt 200 lính hộ-vệ ba bà Thái-hậu ở Quảng-Trị vì ba bà từ chối không đi chiến-khu.

Việc Tam-cung ở lại Quảng - Trị đến nay được coi là một việc sơ-xuất của ông Thuyết vì ba bà Thái-Hậu về Kinh-thành đã trở nên một cây bài chánh-trị cho thực-dân Pháp. Nhờ nắm được bà Từ-Dũ, Pháp mới thi-hành nổi kế-hoạch lập vua mới sau đó có một cái Triều - đình hợp - cách theo mình chống lại vua Hàm-Nghi. Quả vậy, nếu không nhờ có Tam-Cung và đám Hoàng-tộc, Pháp chưa dễ bày được llop tuồng mới. Như ta thấy, trong khi vua Hàm-Nghi xuất-bon, Pháp đã vỡ cùng bối rối. Theo lời của tác-giả L'Empire d'Annam : *Đại-littérature làm chủ Hoàng-thành và thành phố Huế, điều ấy không ai không chối cãi được, nhưng mà quyền-hành của ông không*

*vượt ra ngoài cương-giới hép-hòi ấy, sự thật là sau khi thắng trận, ông bị rắc - rối vô cùng vì cuộc xung - đột đó mau đêm 5-7-1885 đã biến đổi hoàn-toàn thời-cục xứ Annam. Vì vua trẻ tuổi đã rời khỏi kinh-thành thì ở Huế không còn có Chánh-phủ, không có chánh-quyền, không còn có ai có thể thi-hành các điều-ước liên-tiếp mà ta đã ký kết với nước này...»*

Còn Ông Thuyết đề Tam-cung ở lại Hành-cung Quảng-Trị có lẽ không ngoài ý nghĩ rằng nếu đề đàn bà, ông già, con trẻ đi theo sẽ ngăn trở rất nhiều cho ngự-đạo đang cần đi gấp đến chiến-khu (Tân-Sở). Đạo-ngự đi chậm, lại thêm nỗi lương-thực thiếu-thốn, địch thế nào cũng đuổi theo là cả một mối nguy. Ông chỉ còn dặn Tuần - phủ Quảng - trị từ nay chờ nghe Tường. Nhưng ông này thấy tự mình không giữ nổi Quảng-Trị đã viết thư bàn riêng với Nguyễn-văn-Tường đưa Tam-cung về Huế. Còn các quan thảy đều phải ra gấp Tân-Sở. Một số các quan muốn lẩn tránh ; tỉ-dụ viên Phủ-thừa, viên Tham-tri bộ Lễ v...v... Viên Công-bộ Thượng-thư và Thị-lang bộ Hình Tôn-thất-Phan xin ở lại phò Tam-cung nhưng ba bà Thái-Hậu không nhận. Rồi Tôn-thất-Phan về Kim-Long, Châu-định-Kế Tham-tri bộ Công về Văn-Xá. Ngày 27-5 Ất-dậu, Tôn-thất-Thuyết đưa vua đi Tân-Sở. Vua Hàm-Nghi vào lạy Tam-cung đề từ-giã. Các quan và hoàng-phái cũng lạy vua đề ra về. Mọi người đều úa lệ. Đến Tôn-thất-Thuyết từng chém người không ghè tay, trước cảnh đau lòng này cũng phải ngoảnh mặt đi.

Trước ngày vua đi tại Hành-cung đã có cuộc thảo-luận như sau : Thái-Hậu muốn trở về Kinh-Thành và tiếp-tục thi-hành Hiệp-ước mùng 6-6-1884. Hoàng-phái và một số thân-thần phụ họa theo. Ông Thuyết tuyên-bố : « *Về Huế là tự mình đưa chân vào cái ngục-thất mà người cầm chìa khóa là quân-dội Pháp. Thì ra nhân Hiệp-ước 1884 là đảng nước Việt-Nam cho kẻ địch dành rằng hòa-bình là quý nhưng không lo khôi phục sê mang tiếng là đã bỏ giang-sơn của tiền-trieu đầy công gầy dựng và còn có tội với hậu-thế.* ».

Thái-hậu khóc rằng : « *Kinh - đô là nơi miếu-xã, về Huế dần chết đi nữa cũng còn được trông thấy liệt-thánh chốn hoàng-tuyền.* ».

Xin nhắc rằng sau khi rời Kinh-thành, ngày 6-7 tại nơi tạm-trú là Văn-Xá, ông Thuyết thừa lệnh vua Hàm-Nghi thảo chiếu càn-vương hô-hào sĩ-dân ứng-nghĩa. Bài hịch này kể lỵ - do đã phát-động cuộc xung-đột giữa Nam-Triều và thực-dân Pháp lời lẽ rất bi-thiết và kích-thích, văn chương lại gọn-gàng bóng-bảy. Ông Thuyết đóng dấu riêng của mình vào văn-kiện này trước khi phô-biến đi toàn-quốc. (Trung, Nam, Bắc.)

Bài hịch kêu gọi càn-vương của vua Hàm-Nghi :  
Dụ :

« Từ xưa việc chống giặc không thể ra ngoài 3 điều : giữ, hòa, chiến. Giữ thì khó định được sức, hòa thì giặc đòi không biết thế nào là cùng, đánh thì chưa có cơ. Đang lúc sự thế nguy vạn khó khăn như vậy, bắt-đắc-dĩ phải dùng quyền Thái-dương ra đời ở đất Kỳ ; Huyền-tông qua đất Thục cũng là việc thường từ xưa đã có.

« Nước ta gần đây gặp nhiều sự thế da-doan, Trâm tuy lẻ tuồi nối ngôi nhưng không bao giờ quên lự-cường, lự-chủ. Giặc mỗi ngày một ngang ngạnh khiến chánh-tình bối rối vô cùng. Hôm trước chúng tăng thêm binh thuyền, buộc Triều-dình những điều không thể nhận được. Dân trong Kinh-thành cũng sợ mối nguy sắp đến. Kể đại thần mưu việc nước không thể khônug lo bảo-vệ xã-tắc. Chúng ta đã phải đắn-đo hai điều ; cứ đầu theo lệnh giặc sao bằng nhìn thẳng vào mưu gian của giặc mà đối phó trước. Việc đã không tránh được thì việc làm ngày nay để mưu cái lợi về tương-lai, ấy cũng do thời-thế xui nên vậy. Ai là người đã cùng chia mối lo này, tưởng cũng đã đủ biết. Biết thì phải góp sức, nghiên rằng dưng tóc, thế giết hết giặc cho hả, nào ai là không có lòng như thế ? ... Vả lại nhân-thần đứng trong Triều-dình chỉ có theo nghĩa-dồ mà thôi, nghĩa ở đâu thì sống chết ở đó. Hồ-Yền, Triệu-Thôi nước Tấn, Quách-tử-Nghi, Lý-quang-Bật đời Đường xưa kia ra sao vậy ?

Trâm tài hèn, đức mỏng, gấp biến-cố không thể đối-phó được đe thành bị bức, xa-giá Tam-cung phải rời xa, tội ở mình Trâm cả.

*Thật là xấu-hồ vô cùng. Nhưng chỉ có luân-lý quan-hệ với nhau, bách quan khanh-sĩ không kẽ lớn nhỏ, tất không bỏ Trâm. Kẻ tri hiến mưu, người dũng hiến sức, ai giàu có bỏ của ra giúp, đồng bào, đồng chủng chờ nè nguy-hiểm mới phải. Cứu nguy chống đỡ, mở chỗ truân-chuyên, giúp nơi kiền-bách đều không thè tiếc tâm lực, ngõ-hầu chuyen loạn thành trị, ngay ra yên, thu lại giang-sơn, bờ cõi, ấy là cơ-hội này, phúc của tôn-xã là phúc của thần dân, cùng lo với nhau, cùng nghĩ với nhau, há chẳng tốt lắm ru ? Bằng lòng sợ chết nặng hơn lòng thương vua, lo cho nhà nhiều hơn lo cho nước, làm quan thì mượn cớ tránh xa, đi lính thì đào ngũ trốn lẩn, người dân không biết trọng nghĩa cứu-cấp việc công, kẻ sĩ cam bỏ chỗ sáng đi vào chỗ tối, vì không phải sống thừa ở trên đời thì thân áo mũ mà làm trâu ngựa, Triều-dinh sẽ có diễn-hình hằn-hoi, chờ đẽ sau này phải hối ! Phải nghiêm-sợ mà tuân theo !*

*Khâm-thú !*

Hàm-Nghi đệ-nhi-niên, tháng 6 ngày mồng 2 (Ất-Dậu).

Đáp lại lời kêu gọi của vua Hàm-Nghi, ngay tỉnh Cao-Bằng là nơi sơn cung thủy tận của Bắc-kỳ cũng có lời hưởng-ứng bằng cáo-thị sau đây :

Bắc-kỳ quân-thú, vì trích-lục việc như sau :

« Trước đã phung Dụ trong lược kè quốc-gia da-nạn, thần người phân-uất, phàm ai có lòng căm thù giặc nước, là quan quân hay sĩ-thú, đều phải đến thành Cam-lộ hộ-giá, hoặc khởi-nghĩa tại địa-phương để tiêu-diệt giặc nước, tôn phu quốc-lộ cứ việc tùy tâm, tùy sức mà làm, Triều-dinh sẽ có thành-diễn để định công ban thưởng. Nay gấp trích các lời trong Dụ để mọi người biết mà hưởng-ứng ngay.»

Hàm-Nghi đệ-nhi-niên tháng 7 ngày 15

Cao-Bằng hạ tinh phung sao

Cũng xin nhắc rằng trong tờ chiếu thứ hai đẽ ngày 2 tháng 6 Ất-Dậu, vua Hàm-nghi khai-phục nguyên-hàm cho Hoàng-tá-Viêm (vì bị áp-lực của Pháp, Nam-triều đã cách hết

Giúc tước của họ Hoàng bởi sau Hòa-tước Giáp-thân, Hoàng vẫn ở lại Bắc-kỳ để chống Pháp). Nay Hoàng được sung Tiết-chế quân-vụ đại-thần tại Bắc-kỳ như cũ, các đồng chí của Hoàng (phe kháng Pháp) cũng được xử như vậy: Nguyễn Tông-đốc Sơn-Hưng Nguyễn-đình-Nhuận nay sung Hiệp-thống quân-vụ đại-thần thăng thụ Tuần-phủ Lạng-Bình, Lã-xuân-Oai làm Tông-thống; Nguyễn-văn-Như, Nguyễn-văn-Giáp, Nguyễn-Cao, Nguyễn-Thiện, Vũ-Giốc, Ngô-quang-Huy, Hoàng-đình-Kính cũng đều được khai phục và thăng chức.

Ngoài việc phò-biến lời chiếu Càn-vương đi khắp nước, vua Hàm-nghi còn phái Nguyễn-quang-Bích sang Bắc-Kinh xin lấp-viện (1) và kết-quả của bài hịch Càn-vương là nhân dân Việt-Nam từ phía nồi lên. Ông Nguyễn-đình-Chiều vị nhân-sĩ Nam-kỳ cũng hết sức phấn-khởi trong dịp này. Khắp ba kỵ, đồn trại của Pháp bị đột-kích, bọn Việt-gian thân Pháp bị sát-hại. De Courcy hoảng-hốt. Mặc dầu y có trong tay ba vạn quân, y vẫn xin về Paris gấp tiếp viện, bởi y không tin trước tình thế khẩn-trương như vậy lực-lượng khá mạnh của y đối phó nồi với mọi sự khó khăn. Hơn thế, y còn đề-nghi với Chánh-phủ Pháp xin triệt-binh ở Bắc-kỳ để dồn hết quân-dội vào Trung-kỳ sau khi khói lửa ở Huế vừa tan. Tóm lại y muốn ăn chắc cái món Trung-kỳ và muốn ăn chắc thì phải giải hết quân Pháp khắp miền Hồng-Lam, nếu không Trung chẳng chiếm nổi, Bắc lại mất nốt thì y phải gánh hết trách-nhiệm (2) xem thế ta thấy viên Thống-tướng Pháp đã mưu hết tinh-thần trước cao trào tranh-dấu của dân-tộc Việt-Nam bấy giờ. Giữa lúc Pháp đang bối rối, thi may thay ông Tường ra thủ, Tam-Cung cũng trở về Kinh-thành. Sự-kiện này đã gỡ cho bọn Pháp một nút cờ bí...

(Ta cũng nên biết rằng trong tờ hiệu-triệu ông Tường đã

(1) Việc này dĩ-nhiên vô kết-quả và không thấy sách nào nói việc Nguyễn-quang-Bích đi Tàu ra sao, có lẽ Nguyễn-quang-Bích không đi tới Bắc-kinh do lẽ này Thanh-đình đã có thái-độ rõ rệt nghiêng về Pháp. Còn các việc sắp đặt trên đây đều do tay Tôn-thất-Thuyết nhưng bে ngoài là do vua Hàm-nghi.

(2) Xin coi tài-liệu minh-chứng việc này ở chương dưới.

phải ký để kêu gọi Kháng-chiến toàn quốc có sự hạn-dịnh về thời-gian, nghĩa là nội trong 12 ngày kể từ ngày 9-7 ai theo Kháng chiến phải ra thủ. Ngoài ra theo luận-điệu của tờ hiệu-triệu đó Kháng-chiến đã bị coi là phiến-loạn. Thêm vào, Pháp, còn tung ra một cáo-thị tuyên bố giải-tán quân đội Việt-Nam do ông Thuyết cầm đầu. Như vậy Pháp đã khai thác triệt-dè ông Tường và dù muộn dù không, ông Tường cũng như Tam-Cung từ nay đã thành những công-cụ của Đế-quốc).

### Những hoạt-động của ông Thuyết ở Tân-sở ?

Tân-Sở là một cái thành xây trên một Cao-nghuyên, phía Tây là Lào, phía Đông là những bãi cát khô-khan của tỉnh Quảng-Trị,

Tân-sở ra đời có mục-đích chống Pháp. Hai năm trước khi có cuộc đại-biến tối hôm 22 tháng 5 năm Ất-Dậu (5-7-1885) nó được lập nên bởi người cầm đầu kháng-chiến Việt-Nam thuở đó đã biết rõ sớm muộn Pháp thực-dân cũng lấy cho xong nước ta, không đánh cũng mất nước, mà đánh may ra còn hy-vọng được phần nào hoặc để lại một dư-uy về sau hẫu giũ lấy được lòng tin-tưởng của quốc-dân.

Tân-sở còn là một kinh-dô quân-sự, là nơi tị-nạn của Triều đình, nếu có sự thất bại xảy ra tại đế-thành. Bởi ông Thuyết đã chọn địa-điểm của nó ở khoảng giữa con đường Lao-Bảo — Mai-Lĩnh cách huyện-ly Cam-lộ chín mươi cây số về phía Nam với chủ-trương nếu khi cần đến sẽ rút sang Lào do đường thương-đạo hoặc tìm lối Hà-Tĩnh và ra Bắc-kỳ. Có nhiều đường lối đi đến Tân-Sở, nhưng ngoài con đường lớn đi bên ngoài Tân-sở còn có con đường nhỏ đi tới thành này mà ít người biết, đó là lối đi bí-mật của Kháng-chiến. Trên con đường này có những kho lúa dấu kín trong rừng được canh gác hắn-hoi. Số lúa này khá nhiều do các tỉnh Bắc - kỳ chở vào Cửa Việt đem đến Cam-lộ rồi đưa vào Tân-sở ... Thành được dựng lên chung-quanh có 3 lớp bằng đất mới trồng tre làm rào bốn mặt có khoảng trống làm cửa (lã, hữu, tiền, hậu), diện-tích là 23 mẫu tây, hình chữ-nhật, bề dài 548 thước tây và bề ngang 418 thước, trong

có kho lương, trại lính. Thành nội dài 165 thước tây rộng 100 thước có mẩy nếp nhà tranh dùng tạm làm Hành-cung. Núi non rùng rậm bao trùm nên có thể nói Tân-sở được lợi-thế về quân-sự và chiến-lược. Ông Thuyết trước đó hai năm cho huy-động tới 2.000 dân phu vào việc đào hầm, đắp lũy và 3 tháng trước ngày đánh úp Pháp ở Huế, Thuyết đã cho chở các vật-liệu, vũ-khi cùng thóc gạo rời đến bắc tiền. Khi Lemaire còn làm Tổng-trú-sứ ở Huế, nghe tin Nam-tribù chở súng ống tiền bạc đi Tân-sở, có hỏi ông Tường — Tường làm bộ ngạc-nhiên và chối-cãi không có sự thực lại xin đưa Trú-sứ Pháp ra thăm Tân-sở và Cam-lộ để xét mọi việc. Sau này Tường phải thú thật với De Champeax rằng từ đầu tháng 6-1885 số bạc nén đưa ra tân-đô trị-giá 300.000 lượng và trước việc kinh-thành thất thủ mấy ngày (5-7) Tôn-thất-Thuyết muốn chuyền nốt số còn lại ở kho nội-vụ ước 700.000 lượng nhưng Tường không thuận. Vì thế quân Pháp khi lọt được vào thành-nội còn vơ-vết được hàng trăm hòn bạc nén để chuyền về Pháp. Trong khi xây-dựng thành Tân-sở, ông Nguyễn-văn-Tường đóng vai đốc công và ngày nay người ta tới xem thành này nhận ra hai ông Tường, Thuyết không phải là không có ý-thức về quân-sự.

Vào trung tuần tháng 7-1885 một số viễn-binh tới lẻ-tẻ từng toán một. Án-sát Quảng-trị là Tôn-thất-Nam đem đến Tân-sở gần 200 tân-binh tuyển-mộ một cách vội-vã. Võ-trọng-Binh đang hưu-trí ở Quảng-Binh cũng nộp được một số tương-tự mộ tại Quảng-Binh, nhưng ông này không dám đến hầu vua, mặc dầu vua ông Thuyết đòi hỏi rất gắt. Tóm lại cả lính lẫn lao-công ở Tân-sở bấy giờ chưa có nỗi 1.000 người.

Có cháy nhà mới ra mặt chuột, nhà nghèo mới biết con hiếu, nước loạn mới thấy ai là kẻ trung-thàn. Phạm-thận-Duật, Thượng-thư bộ Lễ đã ngầm theo Nguyễn-văn-Tường và tiết-lộ ít nhiều tin-tức quan-trọng về Tân-sở; Tuần-vũ Quảng-trị Trương-quang-Đản xui em Trương-đăng-Đệ và Đô-thống Hồ-văn-Hiền rời bỏ kháng-chiến và mưu đưa vua Hàm-Nghi trở lại Kinh-thành. Hai ông này khuyên Tôn-thất-Thuyết cho mình đem vua

về Huế để an lòng dân thì Thuyết dọa sẽ xử-tử những ai có manh-tâm đầu Pháp. Qua sự-kiện này ta thấy một số quan triều nao-núng tinh thần vì họ ngại một cuộc sống vất-vả gian-lao, không có ngày mai. Giáo-sĩ A. Delvaux còn nói ông Tường có cho một số quan đến gần Thuyết để ám-sát, nhưng bốn, năm lần ông Thuyết đều tránh được do những sự may mắn đặc-biệt. (1).

Trong lúc này ông Thuyết cử một Phó-lãnh-binh gấp qua Lào trước lo việc tiếp-té gạo nước cho 6 cái đòn đóng rải-rác trên thương đạo và sau đó ít lâu một quan Đề-đốc đã đưa bà vợ cả và một thú-thiếp cùng vài đứa con nhỏ của Thuyết di Nghệ-an cũng do con đường xuyên sơn.

Ngày 19-7-1885 ông Thuyết đem vua ra Tân-sở rồi đưa ngài đến làng Điềm ở Bảng-sơn (ngoài thành) cách đây 2 cây số về phía Bắc. Vua ở Bảng-sơn mươi ngày, sau đạo-ngự ra Cam-lộ (giáp Quảng-Bình) vào một buổi sáng. Ông tính dùng xứ Bắc để lấy vật-lực và nhân-tài chống Pháp, bởi lúc này dưới con mắt của ông, Bắc-kỳ có thóc gạo và nhân-sự còn đang hăng-hái yêu nước. Xét ra vua Hàm-Nghi ở Tân-sở chỉ độ 4 hay 5 ngày.

Tôn-thất-Thuyết sở-dĩ bỏ Tân-sở vì có tới đây ông mới thấy vùng Cam-Lộ có nhiều điều bất lợi bởi không đông dân chúng và trù-phú, việc tuyển mộ lính tráng sẽ khó khăn ; Ngoài ra nếu đánh chiếm đóng Cam-lộ, Tân-sở sẽ thành cái túi mà cửa đã đóng rồi, các lối ra biển, lên Lào vào Nam ra Bắc đều sẽ bất tiện. Việc tiếp vận quân lương, vũ-khi sẽ bế tắc nốt và càng thêm nguy-hiểm. Nói về sự bền vững thì tuy Tân-Sở có 3 vòng thành liên tiếp bao bọc các kho vựa, doanh-trại được trang bị trọng-pháo, nhưng vẫn chẳng khoẻ bằng thành Huế. Chính ý-kiến này đã xui giục ông đem vua đi Nghệ-Tĩnh là nơi có thể làm trung-tâm lâu dài cho cuộc kháng-chiến. Khoảng 10 ngày sau ông Thuyết hạ lệnh cho quân đội tiến ra Quảng-Bình. Đạo-ngự dừng bước ở đây để ăn uống và việc vượt qua sông Bến-Đuối cũng làm mất khá nhiều

(1) Ngoài A. Delvaux không thấy ai xác-nhận việc này.

thì giờ. Buổi chiều, sau khi đi được 13 hay 14 cây số khỏi Bến-Đuối, vua Hàm-Nghi nghỉ chân ở An-Hương phía Bắc Cồn-Tiên. Quân-đội hộ-tống chỉ có đủ 5 ngày lương phải tản mác vào trong các làng để kiểm thực-phẩm. Đến đâu ông Thuyết cũng thiết quân-luật : cấm dân chúng ra ngoài đường để phân ngay gian, ai vi lệnh sẽ bị đánh, nhà nào để chó kêu ban đêm làm kinh-động xóm làng, làm lộ việc chuyền quân bí-mật chịu tử hình.

Ngày 20-7 đạo-ngự tới Thủy-ba vào 10 giờ sáng rồi đến bến Bảo-dài vào ba, bốn giờ chiều. Đến đây thì có tin hậu-đạo bị mất một số vàng bạc do bọn phu khuân vác đồng-tinh ăn cắp và cùng bỏ trốn. Khi tới Lai-cách một thám-tử ở miền Bắc vào cho tin quân Pháp đã kéo đến Đồng-Hới (Quảng-Bình) hồi 2 giờ sáng hôm trước và hạm-đội Pháp đã bộ lên tỉnh này gồm 6 pháo-thuyền có ý chặn đường vua Hàm-Nghi tiến ra vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, hay ra Bắc-Kỳ. Chiếm được Đồng-Hới, quân Pháp không tổn một viên đạn, còn quan quân của ta đã bỏ đi trước khi bộ đội Pháp tới.

Tức thì đạo-ngự triệt-thoái và đến Thủy-ba-thượng vào 9 giờ tối. Bọn lính tráng gốc-gác ở Quảng-Bình đào ngũ nhiều.

### VUA HÀM - NGHI QUA AI - LAO

Không ra Bắc nỗi vì đường Quảng-Bình đã bị Pháp ngăn đón, ngày 21 và 22, đạo-ngự quay về lối cũ là đường đi Bai-trời và Cam-lộ. Ngày hôm sau (22-7) đạo-ngự lại có mặt ở Tân-sở. Vua Hàm-nghi không quen gian lao, vất vả nên mệt lá cả người. Đoàn quân hộ-tống bấy giờ chỉ còn dưới 300 người. Cũng trong ngày hôm ấy Tri-phủ Cam-lộ cùng với em ông Thuyết là Tôn-thất-Lệ mang 140 lòm bạc của nhà vua đến gửi ly quan-thuế Ngưu-cước và một phần để lại ở Tân-sở. Sau này người ta được tin rằng 140 thùng bạc kề trên gửi cho Võ-trọng-Bình nguyên Tổng-đốc Nam-định đang hưu-trí ở Quảng-Bình lúc này. Ông ta không dám giữ e mang họa nên lột đem số bạc này nộp hết cho Pháp. (Võ-trọng-Bình trước kia

cũng được liệt vào loại quan có tư-cách dưới đài Tự - Đức.)

Ngày 25-7 Trương-đăng-Đệ tới Quảng-trị kiểm-diểm lại số binh-sĩ của đạo ngự thấy còn : 49 tên thị-vệ, 200 lính môt người Hà-Tĩnh, 47 tên lính *Phǎn-nghĩa*, 60 lính thắn-cơ tức pháo-bin. Cộng lại có là 356 người tất cả. Tại Tân-sở có tin một đại đội của Pháp tiến đến Cam-lộ, ông Thuyết phải vội rời Tân-sở đi đường Mai-lĩnh vượt qua Ai-Lao tính lại kiểm đường khác ra Bắc, bỏ lại nhiều vàng bạc và báu vật. Miền này rừng rậm um-tùm, núi non hiểm trở, xưa nay không có đường xá, chỉ có vài ngách nhỏ của người Mọi hay Lào đi kiếm củi lai vãng. Hết rừng núi người ta lại gặp những thác nước chảy siết, nổi bọt trắng phau cũng vô cùng nguy-hiển. Có khi đạo ngự phải lưu lại cả ngày để đóng bè mới qua được, Đạo-ngự có bữa phải cắm trại giữa rừng để nghỉ. Hơi lá ẩm-ướt bị trời nắng bốc lên phát sinh bệnh tê-liệt, khiến một số người phải bỏ lại ở những lều quán tình cờ gặp ở bên đường. Người chết chỉ được vùi qua loa, thật là thê-thảm. Quân Pháp đuổi theo, đua nhau cướp của. Nhân dân các làng Mai-lộ, Bang-Mai, Đan-son ùa ra ngăn giặc để vua đi thoát. Sau các làng này bị giặc đốt sạch. Khi ngự đạo ra khỏi Tân-sở, các ông Phạm-thận-Duật (1) Ngô-tất-Ninh, Biện-lý Thủ lén đi đường khác để đến Hà-tĩnh thì bị Tri-phủ Triệu-Phong bắt đưa về Huế. Lúc này bọn quan lại của Nam-triều đã ra mặt theo Pháp, kẻ nào cũng hăng hái lập công với chủ mới. Ngày 24-7-1885 Pháp sai Trương-quang-Đản Tuần-Vũ Quảng-trị cầm đầu 300 lính ở Huế, chia làm hai đạo đuổi theo Tôn-thất-Thuyết, một đạo kẽo thẳng đến Tân-sở, một cắp tốc tiến về Mai-lĩnh và Ngưu-cước. Ngày 25-7 hời 3 giờ chiều, viên Phó lãnh-bin Quảng-trị gặp bọn Tôn-thất-Lệ ở Ngưu-ước, cướp được 35 hòn bạc đem về Quảng-trị. Chính viên Tuần-vũ này cũng góp một lực-lượng tương-đương đặt dưới quyền Tả-quân Lượng đi bắt vua Hàm-nghi. Bọn này ngoài súng ống và giáo mác còn mang theo vài khẩu đại-bác nhỏ. Theo sử của A. Delvaux, Tả-quân Lượng đến Vụng-kho ngày 29-7 vào

(1) Phạm-thận-Duật cũng bị de Courcy nghi không thực bụng và đặt vào cùng trường-hợp với Nguyễn-văn-Tường sau đó ít lâu.

giữa lúc quân của viên Phó Lãnh-binh tới huyện Hương-Hóa cùng giờ, rồi cả hai hợp sức đánh đuổi ngự-đạo ngay đêm hôm đó tại biên-giới Lào. Đoàn quân Việt-gian này đã được Pháp dặn bảo phải gìn giữ nhà vua cho được an-toàn vì Pháp còn e lúc cùng đường ông Thuyết dám giết vua Hàm-nghi để Pháp hết lợi dụng. Ông Thuyết được tin giặc đuổi theo gần sát nên ngay tối hôm ấy ông qua Bạng-Câu. Ông đến đây vào sáng sớm ngày 30-7. Bạng-Câu là một làng Mọi cách Ai-lao 30 cây số. Đôi bên gặp nhau. Lượng truyền lính bắn ông Thuyết, ông vội nhảy xuống ngựa và chạy đứng trước vũng vua hét : *Chúng mày có gì lỗi cứ bắn vào ta !* Bấy giờ quân lính của ngự-đạo đã chuẩn bị chống lại quân địch đang bị mệt nhọc. Bọn Lượng yếu thế phải rút lui, có mấy kẻ bị chết trong cuộc xung đột về phía nguy-quân rồi ngự-đạo vội vã lên đường.

Nhờ đường đi đã sửa sang trước, ngự-đạo đến được vùng Mả-Hạc tức Cửu-châu ngày 28. Vua Hàm-nghi ngồi trên voi đê chạy, lúc này Trương - quang - Đản cũng theo được gần tới nơi. Y phái Trương - đăng - Đệ đi tắt lên ngả Cửu - Châu đón đầu ông Thuyết nhưng đường xá khó đi, thời tiết xấu, quân Mĩ bị sốt rét gần đủ mặt nên Đệ phải rút về Tân - sở, nhờ vây đao-ngự đi thoát.

Khi ấy Phạm-thận-Duật đã hàng Pháp, ông được tin rằng tại Cửu-Châu, Thuyết mua được đủ lương-thực và mướn được dân-phu, một điền-chủ có gạo không bán cho kháng-chiến nên bị bắn chết. Ông Thuyết tinh túi Bản Ta-Ba-Chon, một địa-phương thuộc điểm cực Nam Cammon là lỵ-sở tỉnh Thakhet ở phía Bắc tỉnh Savannakhet của Ai-lao (1) Từ nơi này ông sẽ đi lên Qui-hợp (2) là một làng rất khó đến thuộc huyện Cam-Cúc gần Sơn-

(1) Ngự-đạo do đường sông Khone qua các vùng Mường Tchepone, Mường Vang và Mường Mahaxay một tỉnh Lào giáp Quảng-Bình. Ngự-đạo phải lưu lại đất Ban Tong thuộc về phía Đông-Bắc Mường Mahaxay, chỗ này là trung-tâm-diểm của ba tổng Ban, Tong, Phon Savan và Ban-na-Thot. Dân địa-phương ở đây vốn rất trung thành với triều-dinh Huế nên luôn từ 1885 – 1895 đã tích-vực ủng-hộ vua Hàm-Nghi và cụ Phan-định-Phùng sau này.

(2) Đường đèo Qui-hợp là độc-đạo từ Ai-lao sang Hà-tĩnh đi theo sông Nai là con sông nhỏ lách qua khe núi chảy vào sông Gianh, tỉnh Quảng-Bình.

Phòng (Hà-Tĩnh), để gặp bầy tám trăm quân nghĩa-dũng của ông đang chờ ở đây. Ngoài ra ông còn hy-vọng ở một cù-mục nào đó tên là Cai-Mân quê quán ở Thanh-hóa đã kết nạp được 1.000 lính Tàu. Bọn này đang được rèn luyện tại xã Ngọc-Lâu gần Ninh-Bình. Trước đó ông đã ra lệnh nhiều lần cho các quan chức ở Thanh-Hóa và Hà-Tĩnh đem 500 quân đến đón vua. Trong dịp này ông tuyên bố cho dân chúng biết việc đánh kinh-thành đêm 5-7-1885 là do Pháp gây ra trước.

Xin nhắc lại rằng lúc này đồng bào Mường bên kia đỉnh Trường-sơn đón tiếp và bảo vệ vua rất chu đáo. Ngự đạo đến vùng đèo Qui-hợp thì Nguyễn-Chánh Tông-đốc Nghệ-an kiêm Chỉ-huy Sơn-phòng Hà-tĩnh đem 500 quân đến tiếp giá. Ngự-đạo bấy giờ chỉ còn một ít quân hẫu cận mà thôi. Trong giai-đoạn này ông Phan-định-Phùng và nhiều đồng-chí đang hoạt-động mạnh tại Nghệ-an. Ở Hà-tĩnh có Lê-Ninh con Bố-chánh Lê-Kiên người La-sơn lãnh đạo văn-thân và dân-chúng chiếm tinh-thành Hà-tĩnh giết chết được Lê-Đại, bắt được Trịnh-văn-Báu là bọn quan-lại theo Pháp chống quân Cần-vương. Xin lưu ý: phong-trào ái-quốc ở đây bốc lên mạnh-mẽ một cách đặc-biệt, các xích-mích cá-nhân hay giữa các đồng-bào Kinh, Thượng, mọi sự xung đột lương, giao đều tiêu tan ngay để cùng hợp sức đánh giặc, cả những phe đảng phù Lê, phù Nguyễn cũng đoàn-kết để thống-nhất hành-động.

Còn Nguyễn-văn-Tường ở Huế dĩ-nhiên phải tích-cực làm việc cho Pháp trong giờ phút đó để cứu lấy cái đầu của mình. Ông gửi thư cho Nguyễn-Chánh nói đã đè-nghị với Pháp phong Chánh làm Hình-Bộ Thượng-thư nhưng Chánh phải mang được vua Hàm-Nghi về cho Pháp và phải triệt-để tuân hành các chỉ-thị của tân-trieu.

---

## CHƯƠNG IV

### PHÁP TÔN-LẬP VUA ĐỒNG-KHÁNH

#### NHỮNG SỰ BỐI-RỐI CỦA PHÁP Ở TRUNG-KỲ

Một vấn đề có thể làm ngạc-nhiên những ai theo dõi thời cuộc đến giai-đoạn này là sau vụ ông Thuyết đánh úp Tòa Khâm và đòn Mang - cá, Pháp không

đem quân đuổi theo ngay cái triều - đình bại trận đang chạy gấp ra Quảng-trị. Theo tài - liệu của văn - khố tòa Khâm ở Huế (F.V. trang 67. phụ-trương I) sau khi ông Tường đã về với Pháp và tái-niệm chức Thượng-thư bộ Lễ (gồm Tài-chánh) ông ta đã cho Trương-quang-Đản chủ-tỉnh Quảng-trị hay rằng từ ngày 9-7-1885 ông đã xin Thống-tướng de Courcy một số quân ra Quảng-trị đón vua về, nhưng họ Trương xin hoãn việc này cho đến ngày ba bà Thái-hậu về Huế rồi xin phái thêm cho 300 lính tập. Cũng trong dịp ấy de Courcy nhận được lệnh của Bộ Chiến tranh Pháp *không được làm gì mạnh ở nước Nam* (1). Viên tướng Pháp lại còn lúng-túng trước vấn đề lập vua mới sẽ khó được lòng dân; y biết rằng dù Hàm-Nghi có yếu thế, nhưng ông được sự ủng-hộ của quần chúng bởi chỗ nhà vua ái-quốc và dám kháng-dịch. Ông vua mới sắp lập nên dù sao vẫn chỉ là một ông vua bù-nhin. Việc lập vua mới lúc này tỏ rằng Thực-dân Pháp không tin rằng chúng có thể dũng nỗi vua Hàm - Nghi khởi tay Kháng - chiến, bấy giờ sĩ - dân Việt - Nam khởi nghĩa khắp mọi nơi lại càng khiến Pháp thêm bối rối. Pháp tuy làm chủ Hoàng - thành và thành-phố Huế nhưng ảnh-hưởng không ra khỏi vùng sông Hương núi Ngự được bao nhiêu. Sau biến cố 5-7-1885 tình-trạng

(1) Trong cuốn *La guerre du Tonkin*, tác-giả là P. Lehautcour phê-bình lệnh này thật đại-dot và rất tai hại (trang 469-475-482).

Việt-Nam biến đổi tất cả. Ở Huế người ta coi như không có Chánh-phủ và Chánh-quyền nào hết. Pháp thấy cần phải tìm ra một giải-pháp chính-trị để tiếp sức cho giải-pháp quân-sự. Đã có lần Pháp nghĩ bất chấp việc phải có vua, có triều-dinh Việt-Nam, cứ biến thắng Việt-Nam ra thuộc-địa để trực-trị như Nam-Kỳ, Nhưng nghĩ lại, họ thấy có sự khó khăn như sau: Việc này sẽ đem lại một hậu-quả chắc-chắn là tầng lớp sĩ-phu, phong-kiến, bảo-hoàng còn sót lại sẽ bỏ thái-độ lưỡng-lự mà quyết-tâm nhào theo ngọn cờ Kháng-chiến. Lực-lượng và thanh-thể của Kháng-chiến sẽ lớn thêm gấp bội. Cuộc binh-dịnh sẽ chưa biết đến bao giờ mới xong. Thêm vào đây nguyên-tắc của Thực-dân trong việc xâm-lược một nước bao giờ cũng phải đồng-minh với giai-cấp thống-trị của nước ấy thì mới dễ thành công. Quả vậy, nguyên-tắc này phát-sinh ở nguyên-lý chủ-yếu của khoa-học chánh-trị đế-quốc.... Một điều phiền-phức thứ hai là xóa bỏ triều-dinh Việt-Nam như thế là Pháp tự ý bãi bỏ Hòa-ước Thiên-tân, Pháp tự hỏi: *Như vậy có thể tránh được sự phiền-phức với Tàu không?* Đây là những ý-nghĩ đã lung-lạc rất mạnh đầu óc của các nhà thực-dân từ Saigon, Huế, qua Paris và ngược lại. Rồi họ phải rút bỏ ý-nghĩ kề trên và thấy không còn giải-pháp nào tốt hơn là lựa chọn một ông vua khác để làm bù-nhin tuy họ biết rằng dân Việt-nam bao giờ cũng chỉ nhận vua Hàm-nghi là vua chánh-thống, là tiều-biều duy nhất có giá-trị đối với quốc-gia. Trước sự khó khăn này de Courcy và Nguyễn-văn-Tường hội ý với nhau rồi đưa ra bản tuyên-ngôn rằng hai nước Việt — Pháp vẫn giao-hảo với nhau như cũ để nhân-tâm trong nước và ngoài nước khỏi bị hoang-mang và ngày 15-7, y triệu-tập hoàng-tộc nhà Nguyễn tại Sứ-quán để lập tạm hoàng-thân Thọ-xuân lên làm Giám-quốc trong khi chờ-đợi vua Hàm-nghi hồi loan. Hoàng-thân Thọ-xuân tức Thọ-xuân-Vương Miên-Định là chú vua Tự-đức bấy giờ đã 75 tuổi. Ông còn là trưởng-tộc của dòng Nguyễn-thị. Một việc nữa cũng đáng chú-ý là de Courcy cử de Champeaux làm Binh-bộ Thượng-thư trong cái triều-dinh và-viu và lâm-thời, binh-sĩ Việt-Nam bị giải-tán hết. Y còn cho gọi Nguyễn-hữu-Độ đang làm Hà-Ninh Tông-đốc ở Bắc-kỳ và

**Phan-dinh-Binh** Tòng-đốc Nam-dịnh vào Huế cùng với Nguyễn-văn-Tường coi việc Cơ-mật (1). Hai ông này đã thảo việc phục-vụ Bảo-hộ và có tinh-thần thân Pháp từ lâu. Nhưng rồi hai ông Tường, Độ không thỏa-hiệp được với nhau nên ông Độ ít bữa sau lại trở ra Bắc-kỳ.

Ngày 28- Âm-lịch, Tam-cung được tin của Nguyễn-văn-Tường ra nói mọi việc đã thu xếp xong và mời các Bà trở về. Các Bà cho người đi rước vua nhưng chỉ nhận được thư của ông Thuyết tố cáo sự phản-trắc của Nguyễn-văn-Tường và yêu cầu các bà đừng nghe. Mọi người phân-vân luôn hai ngày rồi ngày 30 các bà tiếp được sớ của Tường lần nữa. Bà Từ-Dũ liền quyết định lên đường vào ngày mồng 4 tháng tám. Chiều tối mồng 5 tháng 6 Ất-dậu (17-7-1885) các bà Thái-hậu về đến Khiêm-cung. Đi phò già có Biện-lý Trương-như-Cương và Tôn-thất-Thiệm. Trương-quang-Đản cũng đem quân đi hộ-tống. Ngày 7-6 Nguyễn-văn-Tường và một tên Pháp (không rõ chức gì) là Ranchot đến vấn-an các bà ở nơi tạm-trú này. Trong dịp này như trên đã nói, Pháp và bè lũ Việt-gian lợi-dụng ngay các bà Thái-hậu xuống chỉ-dụ kêu gọi các thân-hào và dân-chúng cùng giáo-dân yên-trí làm ăn, các hoàng-thân và quan lại trở về kinh-thành làm việc như trước.

Như ta đã biết, đề-nghị của De Courcy không có hiệu-quả, y có phần thất-vọng nên đã triệu Silvestre Giám-đốc hành-chính và chinh-trị ở Bắc-Kỳ và Nguyễn-hữu-Độ từ Hà-Nội vào Huế để lo giải-quyết vấn-dề miền Trung. Bọn này tới Huế sáng hôm 28-7. Sau khi hội-kiến với de Courcy, Silvestre đến thăm Nguyễn-văn-Tường tại Thương-Bạc và cùng quyết định mở Đại-hội nghị vào ngày hôm sau. Sáng 29-7 Tường, Độ và Silvestre nghiên-cứu với nhau rất lâu kế-hoạch ổn-định tình-hình chung và lựa chọn chế-độ chánh-trị cho Trung, Bắc-Kỳ. Hôm

(1) Theo sử-liệu của A. Delvaux, (trang 41), Việt-nam Pháp-thuộc-sử (trang 344) Nguyễn-hữu-Độ bị bọn ông Tường bắt uống thuốc độc sau vụ giết cả gia-dinh Gia-hưng Quận-vương vào trung-tuần tháng 4-1885 vì lý-do thân Pháp. Độ chạy kịp ra Bắc-Kỳ nên không bị hại, rồi 돌아 về ngày Pháp thắng ở Huế Độ cứ ở lỵ xứ Bắc làm việc cho Pháp. Sau này y mới dám đi lại đất Huế.

sau Silvestre qua bàn riêng với các tướng de Courcy, Negrer (Negrer nghỉ phép vào Huế chơi) và de Champeaux. Cuộc nói chuyện rất sôi nổi sau đó dự-án cải-thiện tinh-thế của Silvestre được chấp-thuận. Chiều hôm ấy lại có một buổi họp hồn-hợp giữa Silvestre và de Champeaux cùng mười lăm vị quan lớn của Cormat-viện tại sứ-quán Pháp hồi 4 giờ. Sau các cuộc thảo-luận này, de Courcy đánh điện về Pháp xin bồi-sung vào Hòa-trúc Giáp-Thân (6-6-1884) một Phụ-ước để đem thi-hành cho sớm yên thời-cuộc. Nhưng vào ngày 13-8-1885 Bộ Chiến-tranh Pháp bác bỏ hầu hết các điều-khoản của Phụ-ước nhất là bởi việc bầu-cử Nghị-viện sắp đến vào tháng 10 Dương-lịch, Nội-các không muốn phát-động những việc quân-sự lớn lao ở Bắc-kỳ (1). Người ta cho rằng do chủ-trương ngang trái kẽ trên, Kháng-chiến Việt-Nam ở Trung, Bắc-kỳ tha hồ hoạt-động và bành-trướng, còn nếu Paris nghe bọn de Courcy đánh mạnh đánh mau thì Kháng-chiến không kịp trở tay, việc bảo - hộ có thể sớm thành hình hơn. Đã không được hoạt-động lại vì dịch-lệ và doanh-trại thiếu vệ-sinh, tinh-thần quân đội Pháp xuống trông thấy, kẽ cũng là một sự-tai hại. Ở Bắc-kỳ cũng như ở Trung-kỳ lúc này, tối ngày 31-8 năm ấy số kẽ-toán của các Quân-y-viện Pháp ghi chép tới 4.000 vụ tử túc là 1/6 quân-số của Pháp ở Việt-Nam bấy giờ (2). Tình-trạng này càng nặng-nề thêm do vụ tàn sát trước đó không lâu 24.298 giáo-dân của giáo-khu Qui-nhơn vào tháng 7 năm 1885. Tám giáo-sĩ Pháp bị giết, các nhà thờ, các chủng-viện hoàn-toàn bị phá hủy, cộng thêm số giáo-dân tử đạo của tỉnh Quảng-trị từ ngày 8 đến 20-9 là 8.620 người.

Nam-trieu được tổ-chức lại nhưng không có gì thay đổi về cǎn-bǎn. Người ta thấy một số quan lại thân Pháp được đặt vào chỗ một số văn võ bồi theo Kháng-chiến. Cái Triều-đình mới và hoàn-toàn lệ-thuộc thực-dân Pháp vẫn không dẹp nổi phong-trào

(1) De Lanessan, sau này là Toàn-quyền Đông-Dương đã thống-trách chánh-sách gian-ngoan này của chính-phủ Pháp. Theo ông, Phụ-ước ngày 30-7 có thể ổn-định tinh-hình nước Nam mau hơn và việc đặt Bảo-hộ sẽ hiệu-lực và đỡ tốn hơn. Phụ-ước này được bàn từng chữ và được chấp-thuận do Nguyễn-văn-Tường và các bạn đồng-liêu thảo ra.

(2) Riêng ở Huế trong tháng 8 Dương-lịch lính Pháp chết tới 700 người.

phản Đế bài Xâm đang lan rộng khắp nơi. Xin nhắc rằng phong trào này được xây dựng từ nhiều năm trước. Lại thêm gần đây Ông Thuyết tung ra bản hiệu-triều Cần-vương, các tầng lớp nhân dân Việt-Nam càng thêm công-phẫn và hăng-hái chống địch hơn bao giờ hết. Về phần Nghĩa-quân được phát-động mạnh-mẽ, sĩ-khí Việt-Nam được kích-thích đến cao-độ, vậy mà quân Pháp thì bị cấm-bế ở khắp nơi do lệnh Chánh-phủ Paris gửi sang.

Cuối tháng 8 năm ấy, giữa lúc cuộc tranh-chấp Việt — Pháp đang khai-diễn ào-ạt thì có tin vua Hàm-nghi bị bệnh sốt rét ngã nước rất nặng tại Ai-lao. Báo *Avenir du Tonkin* ngày 10-9-1885 đăng :

*.. Người ta dồn rằng nhà vua đang lâm trọng-bệnh, có kẻ xác-nhận rằng Ngài đã bị đầu độc.* Nhiều giáo-dân loan-truyền tin này ra ngoài Hà-Nội, sự thực đây chỉ là một mưu gian của Pháp và bè lũ tôi tớ để thăm dò dư-luận và lung-lạc tinh-thần quần-chứng Việt-Nam. Giám-mục Puginier ở Kẻ sỏ lên gặp De Courcy để trao đổi ý - kiến về việc này. Hai quan đại - thần Nguyễn-trọng-Hợp Kinh-lược phụ-khuyết ở Bắc-kỳ, và Phan-đinh-Bình nguyên Tông-đốc Nam-định nay làm Thượng-Thư bộ Hộ nhân dịp này nêu ra vấn-đề Hàm-nghi lên làm vua có điều bất hợp - lý. Xét ra hai ông quan to này chỉ là những kẻ đầu-tor chính-trị, hoặc họ có ý, hoặc họ được lệnh dọn đường cho Thực-dân Pháp phế lập Vua Hàm-nghi bởi nhà vua không chịu về với chúng để đóng vai bù - nhìn, phỗng đá. Đến nay ta không thấy sử ghi chép lý - luận của Hợp và Bình thế nào trong khi họ mở mồm nói ông Hoàng Ưng-Lịch ở địa-vị chí-tôn ấy giờ là vô-lý hay bất hợp-pháp về phương-diện này hay phương-diện kia. Điều rõ rệt là de Courcy không thể để Hoàng-thân Thọ - Xuân kéo dài vai trò Giám-quốc vì y không thấy Ông ta gây được một ảnh-hưởng chánh-trị tốt đẹp nào trong quần-chứng. Trước đây Thọ-Xuân có tung ra một bản tuyên-cáo quốc-dân buộc tội Thuyết lập nghịch-đảng, nhưng có ai để ý nghe bản tuyên-cáo đó ? Phê-bình Giám-quốc Thọ-Xuân, tác-giả *l'Empire d'Annam* nói : *Cái khả-năng duy-nhất của ông Nhiếp chánh này chỉ là ký tên mà thôi.* Đòn phép này vô hiệu-quả chúng quay ra bày trò hề khác, như vậy phải có những đại-

thần lèn tiếng vừa để dập tan uy-tín của vua Hàm-nghi, vừa để hợp-lý-hóa việc tôn lập vua mới là ông Chánh-Mông tức vua Đồng-Khánh sau này. Tóm lại, ta có thể cho rằng một là bọn Họp, Bình đả-kích vua Hàm-nghi rồi chỉ đường cho hươu chạy để lập công với Pháp, hai là Pháp đã xui mấy phàn-tử phong-kiến xu-thời này hợp-lý-hóa việc đưa vua Đồng-Khánh lên ngôi theo kế-hoạch mới để sĩ-dân Việt-Nam quên ông vua lưu-vong. Pháp quen chơi thủ-đoạn đứng ở hậu-trường sân-khấu để giật dây cũng như sau này nhiều phen Pháp đã ném đá dấu tay, mượn dè giết dè khi phải đối-phó với những nhà cách-mạng của chúng ta.

Bà Từ-Dũ Thái-Hậu khi nhận được đề-nghị lập vua mới « *vì vua Hàm-nghi không biết bao giờ về, vì vua Hàm-nghi không đáng giữ địa-vị chí-lôn* », lúc đầu có ý ngần-ngại, nhưng sau cũng nhượng-bộ cho bọn gian làm bản tuyên-ngôn phế bỏ Tuy nhiên Bà cũng được an-ủi phần nào vì phế Hàm-nghi Pháp lại lập ông Chánh-Mông Ưng-Ky (tức Kiên-giang Quận-công) là anh của hai vua đã khuất thì cũng cho là ổn. Thực ra quân-đội kháng-chiến đồ-xương máu để cản đường quân xâm-lăng, thất bại khắp nơi thì còn có gì để khuyến - khích bà Thái - hậu chống Pháp ? Đã vậy, bà Thái-hậu lại có óc cầu an rất nặng ngay từ khi vua Dục-tông còn sống và đã gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho việc nước... Vai vế to tát ở Triều-định Huế do de Courcy cấu-tạo ra để tiện sai khiến bấy giờ có Nguyễn-hữu-Độ khi ấy được Pháp chính - thức cho thay Nguyễn-văn-Tường, giữ chức chủ-tọa Cơ-mật-viện và Phan-đinh-Bình nguyên Tổng-đốc Nam - định sung chức Hộ-bộ Thượng - Thư cùng coi việc nước từ Trung ra Bắc. Nguyễn-văn-Tường bị đầy vĩnh-viễn khỏi chánh-trường từ nay là bởi de Courcy cho rằng ông ta là con người nguy-hiểm, xảo-quyết khôn-lường và để Tường ngồi giữa Triều-định, có thể ông sẽ lại nắm được ông vua mới đang còn non nớt thì sẽ ngày ngà cho người Pháp chưa biết đến thế nào và chưa biết giờ phút nào (1).

(1) Gia-sảu của Nguyễn-văn-Tường còn bị De Courcy hạ lệnh tịch thu, lúc này vây cánh của Kháng chiến cũng còn một số nào trong đám Nam-trieu thân Pháp.

Như vậy uy-tín của ông Tường vẫn chưa mất hết chăng ? Lại nữa, y thấy hạn hai tháng (!) mà Tường xin để chiêu hồi hay dẹp yên Kháng-chiến đã qua mà Kháng-chiến vẫn còn, vẫn sống. De Courcy liền đem ông Tường đày ra Côn-lôn, nhưng Tường không phải độc-hành trên con đường khứ-quốc, lưu-vong vì có ông Tôn-thất-Đinh (cha ông Thuyết bấy giờ tuổi đã ngoài 80 tuổi) và Phạm-thận-Duật cùng chia số phận. Việc này xảy ra vào ngày 28-7 năm Ất-Dậu (6-9-1885). De Champeaux và Giám-mục Puginier cố can de Courcy đừng sát-phạt Tường nhưng không được. Ông Phạm-thận-Duật chưa đi đến nơi đã chết nên phải ném thây xuống biển. Còn ông Tường sau bị đưa sang đảo Tahiti Ông mất vào tháng hai 1886 ở đây và ngày 30-7 năm ấy, xác được đưa về quê nhà. Việc ông Tường phải lưu đày không kẽ làm gì nữa duy trường hợp của hai ông Phạm-thận-Duật và Tôn-thất-Đinh cũng phải trùng phạt là vì Pháp nghi hai ông vẫn giữ liên-lạc với Kháng-chiến. Trước ngày tuyệt-mạng ở hải-đảo, Nguyễn-văn-Tường có để lại một bài thơ còn đoạn dưới đây có ý minh oan với hậu-thế về tâm-sự và hành-động của mình :

**Sơn sắc thiên trùng thương thủy liễu,  
Thần tâm nhất dạ luyến đan định.  
Thị-phi nhiên phó thiên thu luận,  
Xã-tắc quân-vương thực trọng khinh.**

dịch :

*Xa giá ngàn trùng lân đậm xanh,  
Lòng tôi riêng luyến chốn đan định.  
Đở hay xin mặc người sau xét,  
Vua nước đôi đường hỏi trọng khinh ? (1)*

Sau khi ông Tường rời khỏi xứ-sở thì Thương-bạc-viện được sửa sang để Tam-cung đến ở tạm từ ngày 7-9, ngày này cũng là ngày vua Đồng-khánh được chỉ-định lên ngôi báu. Hoàng-tử Ưng-Ký lên làm vua lấy niên-hiệu là Đồng-Khánh. Nhà vua chọn ngày mồng 6 tháng 8 năm Ất-dậu (tức 14-9-1885),

(1) Không tìm được tên dịch-giả.

hồi 8 giờ 30 sáng để vào Hoàng-thành (1). Ông đi thuyền đến Phú-văn-Lâu. Tại đây de Courcy và de Champeaux đứng trực sẵn đón ông vào trong Nội làm lễ đăng-quang.

Ba bà Thái-Hậu hai hôm sau mới về Cung (thành nội). Ba ngày hôm sau (19-9-1885) ông Chánh - Mông bước lên Ngai vàng tại điện Thái-Hòa.

Việc đầu tiên của Đồng-khánh là làm quốc-thư gửi sang Pháp cảm tạ Pháp-đinh đã hết lòng xây-dựng cho mình trên địa-vị chí tôn ở Việt-Nam và tinh-nghuyệt giữ vẹn mối giao-hảo Pháp — Nam từ nay. Để tỏ lòng biết ơn những kẻ đỡ đầu mình, Đồng-Khánh tặng de Courcy trước Bảo-hộ Quận-vương, de Champeaux trước Bảo-hộ-Công.

Đồng thời vua Đồng-khánh cho ra một bản tuyên-ngôn kết tội hai quan Phụ-chánh Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường, buộc hết trách-nhiệm cho hai ông đã lạm quyền khiến quốc-gia suýt bị sụp đổ tai hại... Trước đó (4-8 Ất-dậu) bà Từ-Dũ cũng đã làm tờ Dự kề lề sự giao-hảo giữa Nam-triều và nước Pháp vốn rất tốt đẹp rồi ngày 23 tháng 5 (5 - 7 - 1885) thành quách tan hoang, dân chúng làm than là do Tôn-thất-Thuyết sinh mầm biến loạn đã cưỡng ép xa-giá rời khỏi Kinh-thành. Ngôi Chí-tôn không thể bỏ vắng lâu ngày, nếu vua Hàm-nghi về sẽ được hưởng trước Công để tiếp-tục việc khói hương nơi lăng miếu v.v...

Vì từ khi xảy ra vụ đánh úp ở Kinh-thành, Pháp nắm giữ mọi kho tàng, mọi cơ-quan trong thành nội, nay lập xong vua mới, ngoài số vàng bạc quý vật họ đã chuyển về Paris theo ý nghĩa chiến-lợi-phẩm, Pháp phải

(1) Vua Đồng-Khánh bấy giờ 23 tuổi, thường có cơn điên. Riêng chỗ thiếu sức khỏe đủ hiểu ông là người dễ nắm, dễ bảo. Ông phải thân-hành qua sông Hương chào De Courcy, nhận chức vua Pháp ban cho. Ông xin một đội «thân-bin» gồm toàn người Pháp; ông lại thường hay tiệc tùng với quan quân Pháp, và như thế uy-thể của vua Hàm-nghi lại được nỗi bật hơn lên. Điều-nhiều dân chúng rất khinh-bỉ ông vua bù nhìn này và càng nức lòng theo Kháng-chiến. Ngoài ra Đồng-Khánh lên làm vua khi ấy có khác gì là giành ngôi của em mình, việc này si-dân hết thảy đều bất mãn :

lô nuôi sống cái triều-dinh bù-nhin của mình. Pháp trích giao hai vạn lượng bạc và hai vạn quan tiền để chi-dụng cho Nội-cung (1) còn kho tàng của ta họ vẫn giữ; hàng tháng họ trao một số bạc để phát lương cho quan lại. Quân Pháp rút khỏi điện Long-An, Hiếu-Àn và Quốc-sử-quán trước đây làm nơi đồn trú cho lính tráng.

Lập xong vua mới ngày 20-9-1885 de Courcy yên trí lên đường ra Bắc trao quyền cho de Champeaux về mặt chánh-trị, cho Thiếu-tướng Prudhomme về mặt quân-sự (Prudhomme cũng được phong Bảo-quốc-Công).

De Champeaux thấy mình quá mệt xin về Pháp nghỉ. Ngày 3-10 y được Hector đến thay nhưng tạm thời tướng Prudhomme quán-xuyến cả việc giao-dịch với Nam-triều. (de Champeaux về đến bến Marseille thì chết). Lúc này tướng đại-diện Pháp-dinh với vua Đồng-Khánh rất là thuận-thảo (2), vì Nam-triều bấy giờ gồm hầu hết các phần - tử thân Pháp hoặc do Pháp đặt để. Tướng Prudhomme không mấy khi vắng mặt ở các phiên - họp của Cơ-mật-viện, và y cho lập thêm một vài tiểu-doàn lính lập Việt-nam. Trong giai-đoạn này công việc chính-trị và quân-sự của Pháp từ Trung ra Bắc không tốt đẹp chút nào nên ta không lạ gì việc de Courcy ra Bắc là để cùng ba tướng Brière de l'Isle, Négrier và Warnet lập kế-hoạch đối phó với tình hình chung. Tình hình ấy đã được đánh dấu bằng những dòng dưới đây trong cuốn *La Conquête*

(1) Việc này tố rằng Tam-cung cũng được Pháp khen thưởng vì đã thỏa-hiệp với họ để đặt Đồng-Khánh lên ngôi. Nhìn vào việc sắp đặt của Pháp ta thấy rõ ràng triều-dinh của Đồng-Khánh là cái triều-dinh không quyền không tiền, không linh. Nó chỉ là một bọn nô-bộc của giặc để đóng dấu, ký tên, cầm đầu chạy xuôi chạy ngược tung-tăng.

(2) Đầu năm Bính-Tuất, Thiếu-tướng Prudhomme đem quan Pháp vào điện Thái-hà làm lễ triều-hạ sáng ngày Nguyên-Đán. Vua Đồng-khánh ngự-du thưởng Xuân có linh Pháp theo hộ-giá. Nhân-dân không khỏi tức cười, mà kẻ tri-thức cũng ngậm ngùi trước cảnh-tượng mới lạ đó. Rồi người ta lựa một ngày tốt trong tháng giêng năm ấy làm lễ hổ-giao Hòa-ước Hiệp-thân trên lầu Sú-quán cùng tặng nhau bội-tình và phàm-vật. Đại-diện của Nam-triều là Nguyễn-hữu-Độ và Nguyễn-Thuật, đại-diện của Pháp là Khâm-sứ Hector.

de l'Indochine française trang 275 của Thomazi : « Quyền đô-hộ của chúng ta chỉ được thừa nhận ở tại kinh-thành và ở các vùng kế-tiếp các đồn binh, nhưng các đồn binh không có nhiều. Ngoài ra tất cả xứ Trung-kỳ đang hoàn-toàn rối loạn... Ở Bắc-kỳ các đồn trại của ta càng ngày càng bị bao vây chật. Bao vây quân ta là những tướng cướp (!) nhiều khi rất đông-dảo gồm vừa lính chính-quay người Tàu bị loại, vừa lính Cờ-den cũ, những phu-phen, những nông dân nghèo khổ... Một toán cướp đang đóng sát thành Bắc-ninh, chủ-tướng của họ nắm quyền cai-trị cả tỉnh, tha thaế, đặt quan. Cả miền Trung-châu Bắc-kỳ sôi nỗi dữ dội. Chiếc pháo-thayền Bourrasse của ta bị lắp-kích. Các miền ngoại-bắc Hà-nội, Hải-phòng luôn luôn bị đốt phá. Ở Lang-Son sau khi quân Tàu triệt-thoái, quan An-nam trở lại, tái lập việc cai-trị. Vị-trí quân-sự của ta ở Kép (Phủ-lạng-thượng) và ở sát thành Sơn-tây bị quấy phá thường-xuyên. Giữa sông Lô và sông Thao, hàng ngàn quân phiến-loạn nắm quyền chủ-dộng và cai-trị. Họ thường qua tấn-công ta tại Bạch-hạc (Vĩnh-Yên).

Ngày 17-10-1885, Thiếu-tướng Prudhomme thấy đã có thể đem quân đi bắt vua Hàm-Nghi và đàn-áp kháng-chiến; đang dựng căn-cứ ở miền Sơn-cuộc Quảng-Bình và Hà-tĩnh. Căn-cứ này thuộc châu Qui-hợp, huyện Tuyên-hóa nằm giữa hai tỉnh Quảng-Bình và Hà-tĩnh sát giầy núi cao, bắt đầu từ Trường-Sơn đi thẳng ra biển. Xưa nay đi vào Hà-tĩnh người ta dùng quốc-lộ số 1 là con đường thiên-lý đi sát bờ biển, hoặc đường đèo Tân-Ấp (tức đèo Bãi-đức). Nhưng từ vài năm nay Kháng-chiến phòng xa địch chiếm duyên-hải, nên mở thêm một đường mới song hành với đường thiên-lý. Đường này chạy qua đèo Tân-Ấp là nơi có sông Ngàn-Sâu (chảy về Bến-Thủy) và sông Gianh (chảy về Quảng-Khê). Hai dòng sông này cách nhau 15 cây số. Vua Hàm-nghi đóng ở thượng-hru hai con sông này vì nó thuộc một khu-vực trù-phú và đồng dân-chung. Ngoài ra về mặt chiến-lược, Kháng-chiến có thể do đây xuất-phát ra Bắc hay nếu cần lui thì cũng do diêm này rút qua Ai-Lao. Núi cao rùng thẳm che dấu Kháng-chiến rất kỹ khiếu địch khó mà tìm nỗi. Ch. Gosselin phải nói : « Địa-thể vùng vua Hàm-nghi lựa làm căn-cứ thật là khôn

*khéo. Nó thuận tiện cho sự liên-lạc của hai tỉnh Quảng-Bình và Hà-tĩnh. Ở đây còn là đất của Văn-thân, của các thế-lộc săn sango chống lại uy-quyền của ta.. L' Empire d'Amam p. 249).* Đã thế, nếu Pháp dùng tàu từ cửa biển tiến vào thì vương phải các cồn cát. Khỏi Thanh - Thủy trở lên thì lưu-vực sông Gianh thường bị cắt ra từng khúc do núi đá chạy ra vùng đồng bằng. Nghĩa-quân ở trên cao kiềm-soát dễ-dàng mọi sự động-tinh của địch. Ở dưới dàn Kinh ở, trên rìng thì có đồng-bào Mường, tổng - số dân cư có tới 40.000, giáo-dân có độ 1/4. Dân địa-phương đến họp ở Chợ Đồn, mỗi tháng ba kỳ để buôn bán. Mỗi lần họp có tới một vạn người nên nơi này thành một trung-tâm thương-mại. Vua Hàm-Nghi đặt đại bản-doanh ở đây, còn thêm một sự tiện-lợi nữa là liên-lạc với các nhân sĩ, các nhóm nghĩa-quân trong Nam ngoài Bắc).

Prudhomme nhờ Linh-mục Hoằng lấy một người thông-thạo địa-thể tỉnh Hà-tĩnh nghiên-cứu các sơn-xuyên trước khi mở cuộc xuất-binhh. Cả ba đều nhận thấy phải khai-thác tất cả 11 lối qua núi Đèo (đèo Qui-Hợp) để tới chỗ vua Hàm-Nghi trú ẩn lúc này là Hàm-thảo thuộc huyện Tuyên-hóa. (Bản đồ chiến-tranh do Hoằng vạch ra sau này được xếp trong văn-khổ tòa Khâm-sứ, theo lời giáo-sĩ A. Delvaux) De Courcy đang cho đem quân Pháp từ Bắc-kỳ vào hợp với cánh quân Pháp ở Nghệ-an của tướng Prudhomme thì bị triêu-hồi về Pháp ngày 28-1-1886; Y quên báo cho tướng Prudhomme biết đạo quân của Trung-tá Mignot đã rời Ninh-Binh ngày 22-11-1885 đến tiếp ứng cho bộ-đội của Trung-tá Chaumont đang đóng ở Nghệ-an từ 14-12-1885. Thiếu-Tá Carnot chỉ huy đơn vị hạ-lưu sông Gianh cũng rời Huế ngày 16 tháng ấy, còn Trung-tá Metzinger lèn đường ngày 30-1-1886 đến chỉ-huy tại Quảng-Bình. Metzinger có nhiệm-vụ làm hậu-viện cho các đạo quân kề trên tới đặt Hành-doanh ở Chợ Đồn và Minh-Cầm. Y có mang ông cố Tortuyaux đi làm hướng - đạo để lèn đòn Vé. Bấy giờ vua Hàm-nghi tuy ở vào cảnh bôn-đảo, nhưng đã liên-lạc được với vài cánh quân Cần-Vương. Bên cạnh nhà vua có hai con ông Tôn-thất-Thuyết là Tôn-thất-Đạm và Tôn-thất-Thiệp cùng với Đề-đốc Lê-Trực (1) và Nguyễn-phạm-Tuân, vừa già gìn giữ nhà vua, vừa đem quân đi đánh phá địch. Các đạo quân

Pháp do không mọc-nối được kịp thời với nhau nên chiến-dịch truy nã vua Hàm-nghi bấy giờ không có kết-quả.

Vì Pháp chậm trễ như ta đã thấy, ông Thuyết mới kịp ra lệnh cho quan Đinh-nguyên Phan-đinh-Phùng và Phó-bảng Đinh-nho-Hành tuyên-mộ binh sĩ cùng cỗ-xúy Văn-thân Trung-Bắc-Kỳ nỗi dậy. Giờ này hai ông Thuyết, Phùng quên sự bất hòa đã xảy ra trước đó dưới thời Dục - Đức (*Phan - đinh - Phùng không tán thành việc phế bỏ Dục - Đức của ông Thuyết*) rồi chỉ biết hợp sức cứu nước mà thôi. Về phía Kháng - chiến khi ấy có Lãnh-binh Phạm-văn-Mỹ nhân-viên của Cơ-mật-viện chiếm giữ được tỉnh Hà - tĩnh nên vua Hàm - Nghi một thời có khá nhiều thành-thế (2). Nhà vua lưu-động tại vùng Nghệ-Tĩnh-Binh, vừa đột-kích vào các đồn Pháp mỗi khi có cơ-hội, vừa mở rộng chiến - tuyến Cần-vương, đồng thời trừ khử bọn Việt-gian theo giặc.

(1) Ông Lê-Trực quê ở Thanh-Thủy (Quảng-Bình) xuất thân là võ-tướng. Năm 1883 ông là Hộ-thàn Đè-Đốc ở Hà-nội. Henri Rivière đánh thành, Thăng-Long thất-thủ, ông phải triệt-thoái rồi về nghỉ chờ thời ở quê nhà. Khi tiếp được chiếu Cần-vương, ông hăng hái đứng ra chiêu nạp được 2.000 kiệu-sĩ trong vùng; không đầy hai tháng ông đã giải được nhiều binh đội khắp miền trung-lưu sông Gianh (đại đồn đóng ở Thanh-Thủy), một phần có súng, lo việc vận-tải lương-hương. Ông Nguyễn-phạm-Tuân có 1.000 quân đóng ở thượng-lưu sông này. Ngoài ra có Lãnh-binh Khiêm, Lãnh-binh Dương-Môn hoạt-động khắp địa-phương để bảo-vệ vị Hoàng-đế thất-thế.

(2) Kháng chiến - giữ được tỉnh Hà-tĩnh trong 5 tháng.



*Vua Hàm-Nghi*





Cụ Tôn-thất-Thugết  
(Lĩnh-tụ của Phong-trào Càn-vương)



## CHƯƠNG V

### PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG SAU LỜI HỊCH CỦA VUA HÀM-NGHI

**VUA HÀM-NGHI HOẠT ĐỘNG Ở HÀ-TĨNH** Như ta đã thấy, bị chặn ở Quảng-Bình, ông Thuyết phải dùng đường Ai-lao đưa vua ra Bắc-kỳ tinh lập thêm cơ-sở chiến-đấu. Ngự-đạo theo phía Tây giãy Trường-sơn mà đi rồi tới Cửu-châu thuộc thị-trấn Savannakhet của Ai-lao. Ngự-đạo dừng bước ở đây ba ngày vì quá mệt mỏi. Thời-tiết ở Ai-lao bấy giờ cũng như ở Trung-kỳ rất là khó chịu. Trên đất Lào lúc này đang là mùa mưa, mưa sầm-sụt liên-miên suốt ngày, suốt đêm; trái lại bên Việt-Nam lại là mùa nóng cháy da bồng thịt. Mưa nhiều quá đến nỗi sông ngòi tràn đầy, đồng bãi ngập-lụt phát-sinh nhiều bệnh tật và thường là bệnh sốt. Vua Hàm-nghi không quen rầu raily phong-trần nên lâm bệnh phải nằm lả trên võng, cho binh-sĩ khiêng. Theo sau cũng có hốn, nǎm chiếc võng chở các quan, 10 con ngựa và 3 con voi, 50 dân phu tải đồ, 200 binh-sĩ và các quan tùy-tùng đủ cấp-bậc.

Viên Châu-Mường ở Mahaxay tên là Tong-Hom được mật báo vua sắp tới, vội cử 5 nhân-viên đến Bản Ta-Pa-Tion đi đón ngự-đạo, giúp đỡ lương-thực, chốn ăn chốn ở trên con đường ngự-đạo chảy qua. Nhà vua cảm lòng tốt của ông ta đã tặng 4 con ngựa và 10 khẩu súng, nhưng sau mùa mưa, việc này đến tai Chánh-phủ Tiêm-la ông bị đòi về Vọng - các đế chịu phạt 1.600 ticaux (lúc này trị giá 2.400 quan) và bắt nộp lại các tặng-phẩm đã nhận được vì không có xin lệnh của vương-triều (*xin nhắc lúc này Ai-lao còn lệ thuộc triều-dinh Vọng-các (1)*).

Theo Đại-úy Gosselin, hành-trình của vua Hàm-nghi đã qua những nơi sau đây :

(1) Vương-quốc Tiêm-La từ lâu có lệnh cấm voi ra ngoài.

«Ngày thứ nhất tức là 5 hay 6-8-1885, Ngự-đạo ngừng chân tại Bản Ta-Pa-chôn trên sông Nam-pha-nang là chi-lưu của sông Sé-Bang-Fai. Đạo-ngự ngủ đêm ở đây.

Ngày thứ hai nhà vua ngủ tại Ban Na-Poung.

Ngày thứ ba và thứ tư nhà vua ngủ tại Ban-na-Sen.

Ngày thứ năm nhà vua ngủ tại Ban Na-Pong.

Ngày thứ sáu nhà vua ngủ tại Ban Soi.

Ngày thứ bảy nhà vua ngủ tại Ban-Sok.

Ngày thứ tám nhà vua ngủ tại Ban Tha-chou.

Ngày thứ chín nhà vua ngủ tại Ban Bo rồi vượt núi Phu-Ak.

Ngày thứ mười nhà vua ngủ ngay trên núi.

Ngày thứ mười một nhà vua ngủ trong rừng  
bên sông Nam-An.

Ngày thứ mười hai (khoảng 18-8-1886) nhà vua ngủ ở Ban-Tong.

Nghỉ chân ở các làng Lào, chỉ có nhà vua và các quan có có chỗ trú mưa trú nắng mà thôi, còn quân lính thì gấp đâu nǎm dãy, ngắn ngang trong các nhà sàn, quần áo ướt át không được phơi và ăn uống chỉ có ít gạo đỗ hay bắp. Cũng có khi trời tối đến và đang đi trên đường rừng không làng không xóm, quân lính phải dồn cây chặt lá dựng lên những túp lều tạm cho vua tránh sương, tránh gió. Gặp những quãng đường nào lầy-lội thì cho voi lấy vòi vục vào bùn xem nông sâu rồi làm bè cho voi kéo cả đoàn đi qua. Voi là quí-vật trong giai-đoạn này để vượt qua sông ngòi có khi sâu đến trên hai thước nước do đó mà ông Thuyết thấy chỗ nào có voi là cố hỏi mua nhưng triều-dinh Vọng-các đã nghiêm cấm việc bán voi ra khỏi nước nếu không có lệnh đặc-biệt của chánh-quyền. Việc mua voi vì thế thật là khó đầu trả giá rất cao.

Bởi quân lính và phu phen bị sốt rét, bị kiết ly nhiều nên có nhiều kẻ bỏ trốn, nhiều kẻ bị chết, tuy có chạy thảy chạy thuốc và có sự chăm nom nhau cần thận. Số người mệnh-

một đáng thương ấy trên con đường bôn-tâu nơi thâm sơn cùng cốc này có đủ mặt, từ quan đến lính không có lấy tấm áo quan dụng kín thi-hài. Người ta vùi lấp qua loa rồi vội-vã bỏ chạy cho khỏi hanh vuốt của giặc. Sau này trở về miền Trung con số những người sống sót không quá 40 kẻ.

Qua đèo Qui-hợp (đường Qui-hợp là độc-đạo từ Ai-Lao sang Hà-Tĩnh) vào cuối tháng 7 (tức là cuối tháng 8 Dương-lịch, vua Hàm-nghi đến Hàm-thảo là một xứ Mường cách Sơn-Phòng Hà-tĩnh 7 ngày đường, Quan Sơn-Phòng là Nguyễn-Chánh cho Suất-đội Cao-Đạt mang một số binh-sĩ tới đón, nhờ vậy ngự-đạo lại được tăng-cường rất nhiều (1). Dự định của ông Thuyết là lấy vùng này làm căn-cứ cho việc khôi-phục. Quan tỉnh tâu về Huế, Tam-cung mừng lắm phái Tôn-thất-Phan làm Khâm-sai đem 350 quân lính tinh Hà-Tĩnh và một Lãnh-binh đi rước Vua. Vào ngày 5-9 vua Hàm-nghi đã được bớt sự mệt nhọc, nhưng đến đây nhà vua được tin Pháp đã truất phế mình để đưa anh cả của Ngài là Mệ-Tríu lên ngôi, Vua Đồng-Khánh và bà Từ-Dũ đã ban hành một đạo Dụ vừa kể tội vừa kêu gọi Kháng-chiến một lần nữa. Tại nha Sơn-Phòng Hà-Tĩnh, quan-lại và thân-hào nghe vua đến kéo tới chầu hầu rất đông. Ông Thuyết cho sắp đặt lại nhiều việc: mộ quân nghĩa-dũng, lập trạm và đồn trại ở các nơi hiểm-yếu, đặt quan lại: nguyên Viên-ngoại-lang Phan-quang-Cự làm Bố-chánh Hà-tĩnh; nguyên Án-sát Huỳnh-xuân-Phong làm Sơn-phòng-sứ, nguyên Tri-phủ Ngụy-khắc-Kiều làm phó, Nguyên Tri-phủ Phan-khắc-Hòa làm Án-sát Hà-Tĩnh, nguyên Đô-ngự-sử Phan-định-Phùng làm Tán-lý, Phan-trọng-Mưu làm Sơn-Phòng Tham-biện). Nhưng công việc mới tạm tính toán và thi-hành được ít nhiều thì có tin quân Pháp đuổi theo sắp tới. Giữa lúc này ông Thuyết lại thảo tờ chiếu Cần-vương thứ hai lấy lời lẽ của vua Hàm-nghi vừa kêu gọi toàn quốc Kháng-chiến thêm một lần nữa vừa trả lời đạo Dụ của vua Đồng-Khánh kể trên. Chiếu này đ𝐞 ngày 11-8 âm-lịch (tức 20-9-1885), Hàm-Nghi Đệ-nhị niêm ban-hành ngay sau ngày Pháp làm lễ tôn-vương cho vua Đồng-Khánh, đại-ý nói: « Nước Pháp và nước ta đã ký hiệp-ước giải-hòa từ mấy chục năm nay. Thoạt tiên ta

(1) Theo tờ trình của Tôn-thất-Phan gửi lên Nguyễn-văn-Tường.

đã nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam - kỵ, hai năm sau họ chiếm nốt ba tỉnh miền Tây nhưng lòng tham của họ vẫn chưa thỏa, rồi họ lập mưu đặt Sứ-quán ở Huế và Lãnh-sự ở Bắc-kỵ, gây áp-lực bắt ta luôn luôn sửa điều này, đòi điều nọ không biết bao nhiêu lần; cuối cùng họ quyết tâm chiếm xứ Bắc-kỵ là di-sản vô cùng quý-giá của ông cha ta để lại. Rồi trong dịp vua Dực-Tông băng-hà, quân Pháp kéo vào đánh cửa Thuận-an, đốt cháy cả ấn phong vương của nước Tàu phong cho vua ta. Họ lại đòi đóng quân trong thành-nội, đặt súng lớn nhắm sang các nơi quan-trọng của ta, hả-hiếp Triều-đinh ra mặt khiến quân dân không ai nhịn được.

« Tháng 5 vừa qua Pháp kéo tới hơn vạn người ép ta nhường lại Hoàng-thành và thi-hành mệnh-lệnh của họ, Hội-đồng Cơ-mật vì thế phải mở một cuộc tấn công tại đê-đô. Nếu ta thắng thì Nguyễn-văn-Tường ra đón Trẫm, lúc này tạm lánh ra Nghệ-an, còn Tôn-thất-Thuyết ở lại Kinh-thành chống Pháp và tiêu-diệt bọn giáo-dân đã cấu-kết với giặc chống lại Triều-đinh. Nếu thua, Trẫm sẽ cùng triều thần ra Bắc lo việc khôi-phục.

« Cuộc tấn-công Pháp đã phát-động vào đêm 23 tháng 5 đến nửa buối sáng hôm sau thì dứt. Giặc chết rất nhiều, nhưng dân chúng không cứu kịp bị thiệt mạng cũng không ít. Àu cũng là việc trời không sao tránh được.

« Ngay lúc ấy Nguyễn-văn-Tường theo Trẫm ra khỏi Hoàng-thành, không ngờ y đổi lòng trốn vào nhà thờ Kim-long, riêng Tôn-thất-Thuyết vẫn không rời Trẫm.

« Trẫm tới Quảng-trị thì Pháp sai Tường triệu Trẫm về để trả lại hoàng-thành. Đó là mèo lừa, chước dối. Từ nay Tường đã theo giặc, đổi dân tính bắt Trẫm nộp cho Pháp để mưu-đồ phú quý, tội ấy nặng tày trời.... Tường còn mạo chữ Thái-Hậu dù Trẫm trở về, nhưng Thái-Hậu lúc này ở trong tay Pháp, Tường muốn bắt viết gì chẳng được. Nhưng theo di-chiếu của Tiên-đế, đàn bà không dự việc nước, vậy nếu ai bắt được Dụ ấy nên đốt đi và đừng nói đến là hơn...

Hiện nay Trẫm cùng Tôn-thất-Thuyết đã tới Âu-Sơn (Hương-Khê) các quan nên tìm đến dự việc cần-vương (1)...

Hịch-yǎn trên của vua Hàm-Nghi là điều tất-nhiên phải có để đính-chính hay đối-phó với những sự kết tội hay vu-cáo của bọn Nam-triều thân Pháp đã triệt-để khai-thác vua Đồng-Khánh và Bà Từ-Dũ.

Ngày 17-10-1885 về phần Kinh-lược phu-khuyết Bắc-kỳ Nguyễn-trọng-Hợp cũng làm bài tuyên-cáo quân dân như sau để hòa điệu với Dụ của bà Từ-Dũ và vua Đồng-Khánh :

*« Mặc dầu lời Dụ của Đức Kim-Thượng và của Đức bà Thái-hậu đã ban hành, bản chúc vẫn thấy nhiều người còn nghe lời phỉnh gạt của quân phiến loạn (1). Những năm tháng gần đây, triều-dình ta phải trải qua nhiều biến-cố, một số đại thần đã lạm quyền, giết vua này, lập vua khác, thật là bạo thiên-nghịch địa. Họ còn đem lưu đầy nhiều vị trong Hoàng-lộc và nhúng tay vào biết bao trọng-tội khác... Vua Hàm-nghi xét ra không có quyền dự vào ngôi báu nhưng đã được tôn lập là do hai viên Phụ-chánh-muốn thỏa mãn quyền lợi riêng rồi họ hư-truyền việc này là do ý của vua Kiến-Phúc. Chứng cứ nào đâu ? »*

*« Còn việc biến-cố xảy ra ở Kinh-thành hoàn-toàn bởi bọn Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tiròng gây nên. Trước họ cùng một lòng một chí với nhau, sau bọn này chia rẽ khiến cựu Miếu phải ngửa nghiêng, triều đình phải lâm-nguy, chẳng khác chi sợi tơ trước giờ... Nay Hoàng-thiên có hảo-tâm phù-hộ cho Nhà-nước qua khỏi bước gian-nan, sóng nay đã yên, gió cũng đã lặng v.v... »*

Không nói ai cũng biết rằng các lời chiếu hay bản tuyên-ngôn trên đây đều do bọn tay-sai của Pháp phu-họa

(1) Bức thư này trích ở sách « Vua Hàm-Nghi » của Phan-Trần-Chúc.

(1) Có lẽ các hoạt động của bọn Việt-gian tại Kinh thành hàng ngày đến thi Kháng chiến nên đôi bên đã đối đáp nhau rất kịp thời. Vua Đồng-khánh vừa lên tiếng thì vua Hàm-Nghi cũng hồi âm luôn, chỉ có ác là hai vua không có mạt-sát nhau mà thôi.

theo ý chủ mới quảng-bá ra để đập tan uy - tín của Kháng chiến. Bà Từ-Dũ thái-hậu cũng như vua Đồng-Khánh bấy giờ không hơn không kém chỉ là bù-nhin của Đế-quốc, và đã ở trong tay Pháp lẽ dĩ-nhiên họ không thể làm gì khác được. Nhưng hỏi rằng uy-tín của ông vua và của bà Thái-hậu bù-nhin kia có thể làm mờ vai trò của phe kháng-chiến được chăng? Không! Nếu quả Pháp và bè lũ tay sai thành-công trong việc này thì phong-trào Cần-Vương đâu có thể kéo dài thêm được ngoài hai chục năm nữa. Nói cách khác, Pháp đã không hạ được uy-thể của vua Hàm-nghi và của ông Thuyết, trái lại còn làm tăng giá-trị của các thủ-lĩnh Kháng chiến, nên khi lời hịch Cần-vương đến tai mọi giới đồng-bào thì làn sóng ái-quốc và căm-hờn Thực-dân bốc cao như lửa đay. Trên toàn quốc các thân-hào hăng-hái cỗ động việc bài Pháp và bài đạo (*Binh Tây sát Tả*). Tiếng nói của những người ái-quốc từ Nam ra Bắc đã làm át hẳn tiếng kèu gọi Hòa-bình, trật-tự của bọn lưu-manh chính-trị bên bờ sông Hương. Riêng tại Thừa-Thiên, Nguyễn-văn-Tường ra lệnh phỏng-tráp và vỗ-về nhân dân, phỏng-trào chống Pháp dịu bớt được phần nào nhưng từ Bình-thuận trở ra, đâu đâu cũng có những vụ biến-động, máu lương-giáo tràn ngập khắp các làng xóm rất là bi-thảm. Và cùng dịp này, nơi thi chiêu-mộ nghĩa-dũng quân đi kháng-chiến, chỗ thi côn-đồ nỗi lên ăn cướp, đục nước béo cò, chỗ thi quan lại bị bắt, bị giết, chỗ thi sĩ-phu chạy theo Cần-vương, tinh thế, rối-ren, lung-tung không sao kể xiết.

### NHỮNG VỤ KHƠI- NGHĨA TẠI MIỀN NAM TRUNG-KỲ

Bạn đọc hẳn không quên rằng từ Hòa-ước Giáp-tuất (1874) ra đời, phong trào Cần-vương và Văn-Thân đã được phát-động. Tại Nghệ-an, Tú-tài Trần-Tấn và Đặng-như-Mai đã họp các nhà khoa-mục trong địa-phương truyền-hịch bình Tày, sát Tả, rủ nhau đi triệt-hạ nhiều làng Công-giáo. Chống không nổi sự đàn-áp của Pháp họ liên-kết với một nhóm nghĩa-sĩ có quân-dội trong tay như Trần-quang-Cần, Trương-quang-Thủ, Nguyễn-huy-Điền đánh thành

Hà-tĩnh, vây phủ Diễn-châu, sau Triều-đình phải sai Nguyễn-văn-Tường làm Khâm-sai và Lê-bá-Thận làm Tổng-thống đi đánh dẹp. Cuộc khởi-nghĩa này bắt đầu từ tháng giêng đến tháng 6 năm ấy mới bị dập tắt. Việc diệt-trù Văn-Thân kháng Pháp này đã do Tự-đức vừa ký hòa-ước với Pháp nên không dám dung-tung các cuộc bài Pháp, đó là điều ta đã thấy cả ở Nam-kỳ trên 10 năm trước.

Cuộc bạo-động của Văn-Thân Nghệ-Tĩnh tạm yên, nhưng cuộc vận-động quần-chúng vẫn ngầm-ngầm tiếp-tục, nhất là từ khi Văn-thân thấy phe kháng Pháp làm chủ Nam-riều, thái-độ kháng Pháp của bọn ông Thuyết rõ-rệt từ vụ quân Pháp đánh phá cửa Thuận-an, rồi họ bắt lién-lạc để hưởng-ứng với lời kêu gọi của vua Hàm-nghi sau ngày kinh-thành thất-thủ và từ đây một giai-đoạn mới bắt đầu.

Tháng 6 năm Ất-Dậu (1885) quân Pháp tới đóng ở Đồng Hới, tháng 7 chiếm thành Nghệ, tháng 8 chiếm Quảng-trị và Bình-Định. Có lẽ Pháp không đóng đồn ở Quảng-trị bởi họ biết lúc này vua Hàm - Nghi đã ra Quảng - Bình, việc đóng vị-trí ở Quảng - trị vô-ích và tốn thêm quân... Một đại - đội Zouaves (lính quần rộng) được phái vào lưu-động khắp hai tỉnh *Nam, Ngãi*.

Tháng 7 năm Bính-tuất (1886) nhàn-sĩ của tỉnh Bình-định cũng dậy động, Nguyễn-Thân đánh tan được.

Tháng 10 và 11 năm ấy, Chánh-sứ Sơn-Phòng Trần-văn-Dự lập Nghĩa-hội và đem nghĩa-quân đến bức tinh-thành. Tuần-Vũ, Nguyễn-Ngoạn, Bố-chánh Bùi-lẩn-Quang, Án-sát Hà-thúc-Quán bỏ chạy. Sau quân Pháp đánh chiếm lại được tinh này phá được đồn Trung-lộc và Nha Sơn-phòng. Nghĩa-hội của bọn ông Dự bị tan rã. Ông Dự về Kinh đầu thú vừa tới tinh-ly liền bị quân Pháp bắt đem giết ngay. Ông Phó-Bảng Nguyễn-Hiệu lén thay ông Dự lập tinh mới ở Trung-Lập, huyện Quế Sơn (tại đây dâng Văn-thân đã lập các nha, thự, doanh trại và cả văn-miếu cùng quan lại để giữ uy-tin trước nhàn-dàn).

Tháng 2 năm Bính-Tuất (1886) vua Đồng-Khánh sai Phan-thanh-Liêm (con ông Phan-thanh-Giản) làm Khâm-sai ra phủ-dự

các thân-hào. Tháng 5 Phan-thanh-Liêm được cử vào hai tỉnh Thuận-Khánh giữ chức Tông-Đốc. Án-sát Nguyễn-đinh-Văn làm Bố-chánh Bình-Thuận, nguyên Tuần-vũ Bình-thuận là Võ-doãn-Tuân làm Bố-chánh Khánh-Hòa ; Ngự-sử Nguyễn-văn-Chất làm Án-sát Khánh-Hòa v.v... các chức dưới cùng được tùy quyền quan đầu tỉnh đề - cử. Ở Quảng - Nam lúc này nghĩa - quân đã yếu dần mỗi ngày. Tháng 6 ông Nguyễn-Hiệu đại bại ở núi An-Lâm, nhiều cù-mục bị tử trận, lương-thực tiền bạc khí-giới bị giặc tịch-thu hầu hết. Vài tháng sau Nguyễn-Thân bắt được ông Hiệu đóng cũi giải về Kinh. Rắn-mắt đầu, Kháng chiến Quảng-Nam đến giờ phút đó bị tuyệt - diệt, thân-hào ra thú dần dần.

Tháng 3 năm sau (Đinh-Hợi — 1887) Pháp tăng - cường cho lực-lượng của Khâm - sai họ Phan và của Nghĩa - Định chiêu-thảo-sư họ Nguyễn hai đại đội lính Tây và một đại đội lính tập, mỗi đại đội có 200 người để mau kết-liễu việc bình-định.

Tháng 7 năm Đinh - Hợi, từ Quảng-Nam trở vào Bình-thuận tương-đối đã có an-ninh, trật-tự nên Nam-triều sai Nguyễn-Thuật làm Tả-trực-ký Tuyên-Ủy xử-tri đại-thần vào hiếu-thị nhân dân hai tỉnh nói trên đây.

Việc đánh dẹp từ Quảng-Bình trở ra Bắc-kỳ khó-khăn hơn nhiều cho thực-dân Pháp. Vua Hàm-nghi vẫn đi lại từ Quảng-Bình ra Nghệ-Tĩnh, đảng Cần-vương ở vùng này cũng mạnh mẽ hơn, càng thúc đẩy mạnh các cuộc quật khởi của sĩ-dân, Quảng - Nam, Quảng - ngãi. Tháng 5 Nam - triều thấy việc vỗ-về vô hiệu-lực nên thỏa-hiệp với Pháp dùng biện-pháp cương-quyết hơn đối với Nghĩa-quân, do đó Nguyễn-Thân đã được lịnh chức Nghĩa-Định chiêu-thảo-sư (Quảng-Ngãi, Bình-Định) như ta đã thấy. Sau ba tháng Nguyễn-Thân dùng đủ mọi cách tàn ác, giết tróc dân chúng không từ đứa con nít, ông già, làm tan-tác rất nhiều gia-đinh nên nghĩa-quân mất hết chỗ tựa ở nhân dân. Cuối tháng 7 năm ấy Nguyễn-Thân đã thành công. Tại các tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa, Phú-yên Trần-bá-Lộc, Thiếu-tá De Lorme và Trú-sứ Aymonier cũng được Thống-đốc Nam-kỳ phái ra

đánh dẹp, bọn này đã lập một chiến-dịch dài rộng, ứng tiếp cho nhau rất chặt-chẽ, dễ-dàng.

Trần-bá-Lộc cũng dùng những thủ-đoạn dã-man nhất khiến các quan thày Pháp của y cũng phải kinh tợn, (xin coi Việt-sử tân-biên quyển V) nhưng bên trong Pháp mừng thầm cái chước *lấy đê giết đê* đã hiệu-nghiêm vô-cùng. Tháng 4 nhuận năm Đinh-hợi Trần-bá-Lộc bắt được Cử-nhân Mai-xuân-Thưởng và Bùi-Điền là Thống-Trấn và Phó-tướng của nghĩa-quân cùng 11 cù-mục đem giết chết hết để khủng-bố phong-trào khởi-nghĩa ở địa-phương này.

Ở Phú-Yên nghĩa-quân nỗi lên chiếm được tỉnh, bắt được Bố-chánh Phạm-như-Xương. Án-sát Huỳnh-Côn, Lãnh-binh Nguyễn-văn-Hanh chạy thoát. Quân Pháp đã đem binh thuyền đến lấy lại ngay được tỉnh này rồi Nam-triều phái Tá-lý bộ Hộ là Lương-xuân-Huyền và Thị-độc Nội-các là Cao-Đệ vào lập lại trật-tự và các cơ-sở hành-chinh.

Huyện lĩnh chức Bố-chánh, Đệ giữ chức Án-sát.

Bốn tỉnh miền Nam được yên, Trần - bá - Lộc phạt thân-hào vùng này 18 vạn đồng để bù vào quân-phi. Tháng tư (Đinh-hợi) vua Đồng-Khánh sắp đặt lại bộ máy cai-trị ở miền Trung : Tá-lý Tôn-hất-Bá lãnh Bố-chánh, nguyên án-sát Đinh-duy-Tân giữ chức cũ, còn phủ, huyện và các nha lại thì cho bọn này thu-nạp lấy.

Trong lúc này các nhà cách-mạng Phan-đinh-Phùng, Tống-duy-Tân, Cao-Điền cũng lấy Hương-khè, Hùng-Lĩnh làm trường hoạt-động kháng-dịch từ 1885-1895.

Chúng tôi sẽ xin kể rành - mạch một vài trận đánh được nổi tiếng vào các chương sau để làm điển-hình cho cuộc chiến đấu anh-dũng của giỗng nòi Việt-Nam ta. Chính địch-thủ của ta cũng đã từng thàm-phục những cuộc chống trả đó.

Đối với các cuộc khởi - nghĩa ở miền Nam Trung - kỳ chúng tôi rất lấy làm tiếc không có đầy-dủ sú-liệu bởi Quốc-sử-quân bấy giờ nằm trong hệ-thống của nguy-quyền nên sự

ghi chép việc cần-vương rất là sơ-lược. Thực ra từ Lạng-Sơn tới Hà-Tiên sĩ-dân đều nỗi lên hết để hưởng-ứng lời kêu gọi của vua Hàm-Nghi, chỉ có khác chỗ mạnh nhiều chỗ mạnh ít mà thôi và các cuộc khởi-nghĩa ở Nam-Ngãi trở vào đã không kéo dài được như phong-trào miền Bắc Trung-kỳ trở ra là do điều-kiện địa-lý và kinh-tế ít thuận-lợi.

## NHỮNG TRẬN ĐÁNH TẠI MIỀN BẮC TRUNG-KỲ

De Courcy đuổi theo vua Hàm-Nghi thế nào ?

Tháng 7-1885 quân Pháp chiếm Đồng-Hới để chặn đường ra Bắc của vua Hàm-Nghi. Tháng 8 năm ấy, Đại-tá Chaumont đem một tiểu-đoàn và ba chiếc tàu chiến từ Đà-nẵng vào Sông Lam chiếm được tỉnh-ly Nghệ-an. Nhưng chúng chỉ nắm được tinh thành còn quan lại và nhân dân đã bỏ trốn hết. Nếu có ít kẻ ở lại thì họ đóng vai gián-điệp-đôi nên bọn Pháp không dám tin dùng hẳn.

Kháng-chiến thuở đó đã biết áp-dụng chánh sách vươn không nhà trống và bất hợp-tác với địch, lại còn đặt được cả nội-tuyến trong lòng địch. Địch tức giận chỉ còn cách tàn sát nhân dân, đốt phá chùa chiền và lôi kéo đồng-bảo Công-giáo về làm nguy-binh và chỉ-diểm cho chúng.

Ngày 10-9-1885 Thiếu-tá Roy đi thị-sát tại Quảng-trị cho quân vào đóng và tái lập Chợ - Sãi, hô-hào dân chúng đến buôn bán làm ăn cho sầm-uất. Ngày 3-4 và 5-10 Đại-úy Dallier đến giải-tỏa Chủng-viện An-Ninh ở Cửa Tùng. Tại đây 4.000 giáo-dân từ ngày 8-9 đã chống lại cuộc bao vây của Nghĩa-quân rất là anh-dũng. Ngày 12-10 quân của Dallier được phái đến Bá-Sơn, tại đây 200 giáo-dân vừa bị tàn-sát hôm trước. Hơn một ngàn người Công-giáo nhòe ẩn núp trong thành Quảng-trị được sống sót (1).

(1) Tính ra chưa tới một năm rưỡi đã có đến 40.000 giáo-dân bị giết, 18 giáo-sĩ Pháp, trên 40 Linh-mục Việt-Nam thiệt mạng, 9.000 giáo-đường bị thiêu-hủy tồn hại có bạc triệu. Có nên nhắc rằng cuộc xung đột Lương-giáo đã bắt đầu từ 60 năm trước, nay vì lòng ái-quốc người ta sát phạt nhau mạnh hơn bao

Ngày 22-10-1885 Đại-úy Petit mang một đại-đội kinh-binh đi Quảng-trị rồi vào thăm Cam-lộ, Tân-Sở và Mai-lĩnh, Dolinh. Quân Pháp đốt kho thuốc súng của nghĩa-quân ở Tân-Sở bắt giết 40 chiến-sĩ. Petit trở về Quảng-trị ngày 4-11-1885. Cũng nên kể thêm rằng Pháp cho lính da đen vào bình-định miền Nam Trung-kỳ từ ngày 5-10-1885 đến cuối năm ấy vì ở đây nghĩa-quân đang nối nhau nổi dậy. Cuối năm 1885, Pháp lập đường điện - tin để tiện việc hành-quân từ Quảng-Nam ra Huế.

Vào khoảng tháng 10 Ất-dậu (26-11-1885) Kháng-chiến giết 600 giáo-dân của hai làng Thọ-Ninh và Định-Trường thuộc phủ Đức-Thọ, tỉnh Nghệ-an. Giáo-sĩ Satre lánh nạn với giáo-dân trong dịp này bị Kháng-chiến bắn trúng ba phát nên tử thương. Bấy giờ quân của Thiếu-tá Grégoire được lệnh đi đánh đuổi Kháng-chiến. Bọn này vì tàn-sát dân chúng nhiều quá nên không đem lại kết-quả nào khả-quan. Chính Thiếu-tướng Prudhomme phải phản-nản như vậy. Đạo-ngrư bị quân của Pelletier đuổi theo gấp nên phải rút về hướng Nam và đến ẩn núp ở Bãi-Đức và Cửa Vé (lưu-vực sông Gianh và chỗ chi-lưu của sông Rào-Nậy và Rào-Năn) vào trung tuần tháng 11-1885. Trong giai-đoạn này quân Pháp không có sự thảo-luận với nhau và không biết phối-hợp công-tác nên nhiều cuộc hành-quân trở nên vô-ich.

Tháng 2 năm 1886 địch chiếm tỉnh Hà-Tĩnh lập căn-cứ ở Chợ-Đồn và ở cửa sông Gianh. Lúc này cuộc chống Pháp của đồng-bào Bắc-kỳ cũng đang làm cho địch bối rối tuy địch có tới ba vạn quân rải-rác khắp nơi. Địch phải rút binh đội đang lưu-động ở Trung-kỳ ra Bắc vào đầu tháng 3-1886.

---

giờ hết. Thuở đó ai ai cũng có thành-kiến rằng người Công-giáo theo Pháp hết, sự thật chỉ có một số cha, cố di với thực-dân rồi lôi kéo ít nhiều giáo-hữu đi theo, nhưng khi Kháng-chiến trừng trị thì vàng thau lẩn lộn, ngay gian chẳng còn được phân biệt. Rồi nhiều Giáo-dân dù muôn dù không đành phải chạy theo Pháp để được bảo-vệ. Nếu việc đá-đảo Công-giáo được đặt ra thành một chánh-sách thì đâu có thể sinh ra cả một phong-trào nồi da xáo thịt, thủ-túc tương tàn và mặt trận chống Pháp có thể có nhiều chiến-sĩ Công-giáo là đáng khắc. Nhưng sự quyết-định thiêу sâu sắc, vội-vã đã đầy một số đồng đồng-bào sang hàng ngũ địch. Đáng tiếc thay ! Lỗi lầm này rõ rệt ở nơi Kháng-chiến không còn đỡ cho ai được.

Sự việc này khiến chúng phải bỏ nhiều vị-trí ở ba tỉnh Nghệ-Tĩnh-Bình chỉ còn cố-thủ ở cửa sông Gianh mà thôi. Thấy việc Pháp chuyên bót quân miền Trung ra tăng cường cho miền Bắc, triều-định Đồng-Khánh lo-ngại vô-cùng.

Để trấn-tĩnh tinh-thần đám vua quan bù-nhin và theo đề-ngrí của cha Hoằng, thực-dân bầy cuộc «*Bắc Tuần*» cho Đồng-Khánh vào mùa hạ, đồng-thời lập ngụy-quân dưới danh-nghĩa của Nam-trieu và phái một số lính Pháp đi hộ-giá, Trên đường đi từ Huế ra Quảng-trị, Quảng-Bình, nghĩa-quân mở-luôn mấy cuộc đột-kích vào đạo ngự. Sau hai tuần hoạt-động vô hiệu-quả và có lẽ vì cả lý do an-ninh, Pháp phải cho vua Đồng-Khánh đáp tàu-thủy về Kinh vào ngày mùng 7 tháng 8. Pháp còn cố gắng bầy một quỷ-kế nữa là xui vua Đồng-Khánh làm tờ Dụ phong cho vua Hàm-nghi chức Tổng-trấn ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh, hòng lợi-dụng uy-tín của ông vua kháng-chiến để làm êm dịu các mầm-loạn ở mấy địa-phương đang sôi nỗi không-khí chống Pháp. Nhân dịp này Paul Bert còn bảo Nam-trieu khôi-phục nguyên-hàm cho Phò-mã Hoàng-tá-Viêm và phong cho ông này làm Hữu-trực-kỳ yên-phủ kinh-lược sứ (1). Việc trả cho ông Hoàng-tá-Viêm chức tước cũ đáng kể là một thủ-đoạn khôn-ngoan của Thực-dân Pháp. Vì sao ? Vì Hoàng-tá-Viêm xưa nay vẫn nổi tiếng là một chiến-sĩ yêu nước, một linh-tụ Cần-vương trung - kiên trước đây đã lập nhiều thành-tích kháng Pháp ở Bắc-kỳ ; ông còn năm được nhiều cảm-tình của các sĩ-dân toàn quốc, vậy đem ông ra làm con cò mồi, Kháng-chiến sẽ không nghi-ngại chăng ? Khi Hoàng lèn đường, Đồng-khánh đã ban-hành xong Dụ phong cho vua Hàm-nghi chức - vụ nói trên ; các cựu thần như Trương - văn-Ban, Nguyễn-Trực, Nguyễn - Chử, Lê - mỗ - Giai, Nguyễn - nguyên-Thành, Phan-trọng-Mưu, Nguyễn-xuân-Ôn, Lê-doãn-Nhạ, Ngô-xuân-Quýnh cũng được theo nguyên-hàm trở lại làm quan từ Quảng-Bình, Quảng-trị trở vào. Trường-hop của Trần-xuân-Soạn, Phan-đình-Phùng, Nguyễn-phạm-Tuân nếu chịu về

(1) Hữu-trực là Quảng-trị, Quảng-Bình, Hữu-lỵ là Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa.

cũng được khoan giảm và sẽ phong chức hàm khác, trừ Lê Thuyết không thể tái-dụng nhưng được miễn truy-tố.

Tháng 10 năm Bính-Tuất (tức tháng 11-1886) Hoàng-tá-Viêm (1) đem 300 lính tập ra Quảng-Bình, mở việc chiêu-dụ nhưng chỉ có một ít người không quan trọng ra đầu thú mà thôi, trong đó có Phạm-văn-Mỹ là nhân-viên của Cơ-Mật-viện trước kia tìm đến phò vua Hàm-nghi sau khi quân-đội càn-vương rút khỏi thành Hà-tĩnh. Vừa đây y được liệt vào loại cận-thần. Nay thấy việc kháng-chiến không có tương-lai, Phạm-văn-Mỹ ra hàng với Hoàng-tá-Viêm. Viêm gửi Mỹ lên Minh-cầm để Đại-ý Boulangier sử-dụng. Lúc này vua Hàm-nghi luôn luôn lưu-động, Mỹ mách Pháp tìm Trương-quang-Ngọc là người được gán gũi vua để thi-hành kế bắt vua.

Bấy giờ các cứ-diểm của Pháp bên đường quốc-lộ cũng chẳng đặt được nhiều. Việc giao-thông từ cứ-diểm này đến cứ-diểm kia rất là khó-khăn vì quân kháng-chiến phục-kích thường-xuyên, phải có quân hộ-tống bọn quan-lại của Pháp mới dám di-chuyen. Bọn này giữ việc cai-trị nhưng phải làm trụ-sở ngay bên cạnh đồn Pháp. Đôi khi chúng lẩn mờ đến những làng lân-cận để bắt phu, bắt lính thường bị bắt hay bị giết. Từ Quảng-Khê đến Hà-Tĩnh hay từ Quảng-Khê vào Đồng-Hới địch phải dàn nhiều quân mới đi lại được. Đề-đốc Lê-Trực chỉ-huy ở đây. Căn-cứ của ông đặt trên sông Gianh thuộc vùng Thanh-Thủy. Đó là một tiền-đồn để xuất-phát binh-sĩ qua hai tỉnh Quảng-Bình và Hà-Tĩnh.

Đối với ta cũng như đối với Pháp, trung - tâm kháng-chiến bấy giờ vẫn là Quảng-Bình và Hà-Tĩnh. Cả hai bên đều gắng sức rất nhiều ở địa-phương này.

Đầu năm 1886, địch bị kháng-chiến vây chặt tại Đồng-Hới đến nỗi chúng bị thúc-thủ không dám ló ra khỏi thành.

(1) Hoàng-tá-Viêm hay Kế-viêm chỉ là một. Người ta kiêng chử Kế nên đổi ra Tá. Trường-hợp của ông Tú Trần-kế-Xương đổi re Tế-Xương cũng vậy.

Địch phải cho Đại-úy Carnot mang quân ra tiếp viện mới giải-nuguy được, có thể nói rằng tình-thế của Pháp khi ấy rất mờ tối và lúng-túng.

Và xét tổng quát, ta thấy việc đánh dẹp của Pháp trên toàn diện từ cuối 1885 đến cuối 1886 ở Trung-kỳ không mấy khả-quan, ngoài ra các phong trào khởi nghĩa ở Bắc-kỳ cũng rất dẻo dai và kịch-liệt. Vì lý-do kỹ-thuật, chúng tôi sẽ kể tới ở phần thứ hai sách này.

**Chú thích.**— Theo lời khai của một quan ta với viên chỉ huy tỉnh Đồng-hới và của viên Võ-cử Nguyễn viết Tôn-quê ở Thanh-hóa khai ra những chi-tiết dưới đây:

Bảy tám tháng sau khi rời kinh-đô, vua Hàm-nghi cùng các quan-tòng vong còn lẩn lút ở quanh Quảng-Bình về phương Bắc. Quân Pháp đuổi theo còn nhặt được cái vồng của nhà vua và ngựa của ông Thuyết. Lương-thực của nhà vua cũng kiệt dần kẽ cả 170 hòn bạc giao cho Tôn-thất Lê (em của ông Thuyết) vào tháng 7-1885 cũng không còn là bao nữa. Đã thế, việc lấy quân lương, tiền gạo, thuế má do Đề-đốc Trần-xuân Soạn phụ trách lúc này cũng gặp nhiều sự trở ngại. Việc hoạt-động của Kháng-chiến càng ngày càng ít hiệu quả, trong khi đầu não của Kháng-chiến không tìm ra được lối thoát. Đến 14 qua 15-3-1886 một đám nghĩa quân từ Hà-tinh tới tập trung ở Nông-Cống do Tú-tài Phùng (em của ông Thuyết) đánh vào thành Thanh-hóa nhưng bị bốn đại-đội Thủy-quân lục-chiến của Pháp đẩy lui mặc dầu hai sĩ quan Pháp tử trận và Pivert viên Tham-biện sứ-quán bị trọng thương. (Đây là lời của Thiếu-tá Pelletier trong đạo-quản của Đại-tá Mignot). Cũng trong dịp này Kháng-chiến cho gián một bản tuyên ngôn ở ngay Tòa Khâm-thoa mạ bọn xâm-lăng và bè-lũ tay sai trong có kẽ cả vua Đồng-Khánh và Nguyễn-hữu-Độ. Pháp giận lắm bắt Cơ-mật-viện gạch tên Tôn-thất-Thuyết và toàn gia khỏi số Tôn Thất và cải qua họ mẹ là họ Lê. (Một sắc-đụ dưới đời vua Khải-Định sau này cho ông Thuyết được phục hồi địa vị cũ về mọi phương diện). Từ đó người ta gọi vị linh-tụ Kháng-chiến là Lê-văn-Thuyết.

## CHƯƠNG VI

### PHÁP ĐUỒI THEO VUA HÀM - NGHI

#### CHIẾN CÔNG CỦA ĐỒNG BÀO MƯỜNG

Cuối năm Ất-dậu (1885) vua rời Âu-  
son ra Qui-Đạt là một làng ở dọc  
sông Vạn. Nhà vua mặc áo vàng,  
ngự võng đòn rồng có bốn thị-vệ theo hầu. Theo sau có  
Đại tướng Tôn-thất-Thuyết và Tả-quân Trần-xuân-Soạn dẫn đầu  
100 tên lính mang gươm đeo súng, 50 bảo-dài, ba thót voi  
và 5 con ngựa : Trương-quang-Ngọc cùng một đạo quân Mường  
đi triệt-hậu (1).

Tới Qui-đạt, vua ngự tại nhà Đinh-Hiền, Tôn-thất-Thuyết  
ở nhà Đinh-Đối, Trần-xuân-Soạn đóng ở nhà Đinh-Trọng. Ngự  
đạo trú cư ở đây ba hôm rồi kéo lên Cồ-Liêm, lại quay  
về Xóm Lin thuộc làng Ba-Vương. Tám ngày sau do thám  
cho hay quân Pháp đã từ Bãi-Đức tiến đến Tranh, vua phải  
vội lánh vào núi Ma-rài thuộc tổng Kim-Linh.

Chiều hôm sau, quân Pháp kéo đến Ba-Vương rất đông. Viên

---

(1) Ngọc là nhân vật như thế nào ? Y là một thò-ty vùng Thanh-Lạng  
rất can-đảm, có nhiều bộ-hạ, giỏi sử-dụng súng hỏa mai và tên thuốc độc. Dân  
địa-phương rất sợ y. Thân-phụ y xưa kia phục vụ triều Tự-đứa bị thải hối vi  
phạm lỗi trong khi làm việc. Tức giận vua đã trừng phạt mình, cha Ngọc rút  
về làng Vé trên thượng-lưu sông Nai (thuộc sông Gianh) lập đồn và chiêu-tập  
dân Mường quanh đó để làm loạn một thời. Đầu có phen quân triều-định đến  
đánh dẹp bị thất bại. Nhưng người ta không hiểu do cẩn-nguyễn nào Trương-  
quang-Ngọc lại đi theo phò vua Hàm-nghi và lại được Tôn-thất-Đạm và Tôn-  
thất-Thiệp tin đến mực đặt y vào chức cận-vệ cho vua Hàm - nghi. Ngọc  
là kẻ nghịch cả thuốc-phện lẩn rugen, nhưng y có tinh cương-quyết và rất  
hoạt-động, Y được hưởng cái uy tín của cha y trước đây còn lại  
Y nắm được dân Mường ở địa phương nên tiếp-tế cho nhà vua cùng  
nghĩa - quân đầy đủ về mọi phương - diện. Khi vua Hàm - nghi đến  
Âu-son, Ngọc mang toàn đội ra ứng - nghĩa. Tôn-thất-Thuyết thấy y là  
một thiếu - niên dũng tướng liền phong cho chức Hiệp - quân và cho  
đự vào đoàn quân hộ-giá.

chỉ huy là Đại-úy Hugo và hai Trung-úy Gayge và Bellomy. Xin nhắc bạn này đã xô-xát với ngự-đạo tại Kế-bài trước đây là địa phương gồm khoảng đất giữa Vinh, Hà-tĩnh và Bãi-đức. Quân của nhà vua thua, giặc truy-kích đến Ba - Vương. Dân làng lẩn trốn hết vào rừng. Giặc lục soát hồi lâu ở trong xóm, sau bắt được một ông già vì yếu sức chạy không kịp. Ông tên là Cố Tư bị giặc đánh đau quá phải chỉ đường vua đi. Hugo đuổi theo đến núi Lập-Cập thì đạn và tên thuốc độc bay ra như mưa qua các khe đá và bụi rậm. Quá nửa phần quân Pháp bị tử-thương. Hugo bị Ngọc bắn trúng tay và lưng phải hô quân tháo lui về Bãi-Đức (3-1-1886). Tại đây giặc hợp với Đại-đội rồi kéo hết về Vinh. Mấy hôm sau Hugo chết vì bị ngấm thuốc độc.

Tại cửa Kế, một đoàn quân lưu-động của địch cũng bị tiêu-diệt vào ngày sau. Thắng lợi này đã khuyến-kích đồng bào gia nhập nghĩa-quân đông thêm khiến ông Thuyết phải giải quân về đồng-bằng vì các đồn trại vùng Thanh-Thủy đã thừa lực-lượng chống địch.

Sau cuộc đại thắng trong trận này, ngự-đạo lên lập đồn ở cửa Khe, đắp lũy cao hai thước để tạm trú. Dân Mường mang lương thực đến ủng - hộ, vua Hàm-Nghi ép họ phải nhận tiền.

Sang đầu năm 1886 hai Trung-úy Camus và Freystalter đem quân từ Hà-tĩnh lên sông Nai. Họ khởi hành từ mồng 10 tháng giêng qua Tốc-Kỳ, Lang-Mai và đến gần cửa Ve thi được biết nghĩa-quân có đóng ở vùng này đêm hôm trước.

Bọn Pháp không dám coi thường, tiến rất chậm để còn nghe ngóng. Ngày 17 trận đánh bắt đầu, kéo dài suốt một ngày. Camus bị 4 phát tên phải trao quyền cho Freystatter để về buộc thuốc. Giặc tiến qua sông Vé bị quân ta ở bên kia bờ bắn sang như mưa. Camus lội qua sông, một viên đạn đã vút thẳng vào bụng và đưa y về bên kia Thế-giới. Freystatter thấy bất lợi phải rút quân về Bãi - Đức rồi về Nghệ.



Ông Nguyễn Văn Tường



同慶皇帝容真



三元降  
安

海城



Vua Đồng-Khánh



Trong dịp thắng địch này, lòng dân rất phấn khởi. Ông Thuyết cho báo tiệp đi khắp nơi, thi-hành gắt-gao kỷ-luật đối với quân-đội để tránh sự vi-phạm vào tài sản của nhân-dân (trâu bò, gà, lợn) trấn-áp thô-phỉ, trừ Việt-gian, khuyến-khích đồng-bào đào mương cấy lúa để có lương-thực.

Tuy thua, bọn Pháp vẫn cương-quyết phục thù và quyết đánh cho được đòn cửa Khe. Chúng chia ra hai đạo quân : Thiếu-tá Plagnol mang quân từ Bãi-Đức đánh vào ; Thiếu-tá Pelletier từ Hà-tĩnh tiến đến Qui-Hợp rồi hành-quân xuống cửa Khe. Quân-số của giặc là hai Lữ-đoàn. Quân Mường ở sau lũy bắn ra rất dữ, giặc bị hại rất nhiều nhưng vì quân đơn súng ít, Ngọc không dám ham chiến, đem vua chạy sang núi Ma-Rài (Lịch-sử «Chống xâm-lăng» của T.V.G. chép : *Cũng tháng giêng 1886 Camus lên đánh Thanh-Thủy bị quân ta đánh giáp lá cà. Địch thiệt rất nhiều. Khi địch hoàn hồn thì quân ta đã lên núi Ma-Rài rồi qua sông Nái tức trung-lưu sông Gianh. Địch truy-kích, tới giữa sông thì quân ta phục-kích ở bên bờ nồ súng làm một số đông lính của chúng bị chết chìm. Camus bị một phát tên vào vai, kéo quân trở lại bờ bên kia; cuộc chiến đấu tiếp diễn, địch toan qua sông lần nữa lại bị đánh mạnh hơn rồi chủ-tướng bị giết ngay dưới sông, bọn sống sót chạy thẳng về Quảng-Khé*...)... Thế là ta thắng ba trận liên-tiếp trong nửa tháng, cách cửa Khe vài chục dặm. Địch thâu được một số ngựa, gươm súng và quần áo thường dùng của nhà Vua. Một điều đáng chú-ý, trước các sự-kiện xảy ra vào trung tuần tháng 11-1885, quân Pháp không nắm được kết-quả khả-quan nào là bởi đi tới đâu họ cũng tàn sát, hiếp bức dân chúng, tỉ-dụ đạo-quân của Thiếu-tá Grégoire như trên đã nói. Đạo-quân của Pelletier đuổi theo vua Hàm-Nghi về hướng Nam là Bãi-Đức và Cửa Vé (lưu - vực sông Gianh và là chỗ chi-lưu của sông Rào - Nay và Rào - Nǎn) cũng chẳng thâu-lượm được gì do họ không có kế-hoạch chung, mạnh ai người nấy làm đế tranh công. Quả vậy bọn Hugo, Camus, Fraystatter thất-bại đau-dớn là do cậy quân đông, súng nhiều xông-xáo vào rừng-rậm một cách liều-lĩnh trong

khi chưa có kinh-nghiệm về chiến-trường Việt-Nam và cũng không hiểu biết rõ địa-hình, địa-vật của nước ta.

Còn Ngọc và 200 thủ-hạ đã thắng Pháp-quân buổi đó là nhờ ở chỗ nắm được đầy đủ các yếu-tố địa-phương. Nếu nghĩa-quân dồi-dào quân-số, phuơng-tiện không nghèo-nàn, binh-đội của thực-dân chưa biết còn khốn-đốn đến mức nào nữa và ta đã không phải áp-dụng lối vừa đánh vừa chạy. Nhà vua không ở đâu lâu, khi thì ẩn ở Thanh-cước, khi nấp ở Ma-Rài, có khi về ở hòn cửa Khe, nhưng vẫn không ra khỏi vùng Nghệ-Tĩnh-Bình và Cam-Môn (Lào).

Mặc dầu bị thua liền ba trận kể trên, Thiếu-tá Pelletier vẫn hy-vọng bắt được ông vua Kháng-chiến trước khi đạo quân Metzinger được tập-trung. Luôn trong ba tuần 250 quân của Thiếu-tá Pelletier và Đại-úy Parreaux vạch lá trèo đèo, theo sông Ngàn-Sâu tiến vào Tuyênh-hóa, đụng-độ với Kháng-chiến nhiều lần. Trận đánh mạnh nhất diễn ra tại trại Na vào cuối tháng giêng 1886. Pháp vừa đánh thắng vào quân Kháng-chiến, vừa chia nhau học hậu làm ta nguy ngập trông thấy. Bị kẹt vào giữa hai lằn đạn của giặc, Đề-đốc Trần-xuân-Soạn phải vác loa kêu gọi các lính tập của Pháp : *Các con em đất Bắc ! Đừng đánh vua, vua là cha chúng ta. Hãy quay súng về phía bọn Tây, bắn chết chúng đi, chúng không đông đâu ! Hãy mang đầu chúng đến nộp để lãnh thưởng !* Sau trận này Pháp chết mất 5 tên, bị thương 17 tên. Quân của nhà vua cũng mất vài người, cái võng của vua một số gạo và con ngựa của ông Thuyết phải bỏ lại, một người Mường cõng vua chạy thoát. Bấy giờ là cuối tháng chạp năm Ất-dậu).

Trận thất bại ở Trại Na này càng làm cho ông Thuyết thấy rõ Kháng-chiến không tự-lực đánh được Pháp, nên bàn với Đề-đốc Trần-xuân-Soạn qua Tàu cầu-viện. Hai ông từ biệt nhà Vua để ra Thanh-hóa tìm đường sang Trung-quốc. Lúc này quân Pháp đang xạo-xục tìm bắt vua Hàm-Nghi trong suốt thượng tuần tháng hai 1886, nhưng vô kết-quả. Sau đó quân Pháp về nghỉ và tập-trung ở Quảng-Khê (cửa sông Gianh)

và Đồng-hời. Bấy giờ Pháp có nhiều quân-đội các binh-chủng khác nhau đóng tại Quảng-Bình dưới quyền của hai Trung-tá Metzinger và Mignot. Họ không có sự ăn ý với nhau. Đại-tá Brissaud khi ấy bận trông nom bọn khinh-binhh người Nam, do đó Thiếu-tướng Prudhomme ngày 16-2-1886 thân hành ra Đồng-Hới để chỉ-huy chiến-dịch bình-định và dụ hàng Kháng-chiến cũng lo đuổi bắt vua Hàm-Nghi. Ông ta bị Trung-tướng Warinet khiêng-trách kịch-liệt, cho rằng việc làm kẽ trên không có lý-do xác-đáng, sau đó Prudhomme bị cất khỏi chức Tổng-trú-sứ tại Huế. Prudhomme lấy làm hận bèn xin trả cả quyền quân-sự ở Việt-Nam và được Thiếu-tướng Munier kế-tiếp. Nhưng Trung-tướng Warinet cũng không được yên vì Pháp-định cử Paul Bert đến thay ông ta. Ông ta phải bàn giao quyền Tư-lệnh quân-đội lại cho Trung-tướng Jaimont. Trong giai-đoạn này quân-đội Pháp chẳng những không được thêm về số lượng lại còn bị Bộ Binh cắt bớt nên chỉ còn có một sư-đoàn (gồm 3 lữ-đoàn vào tháng 5-1886). Nội-bộ của quân-đội Viễn-xâm bấy giờ xét ra rất bi - đát. Tướng văn, tướng võ thì nay đi mai đến, lại luôn-luôn có tin đồn từ Pháp bay sang sẽ bãi binh ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, bên trong Tướng, Tá ganh-tị, tranh giành địa-vị giữa các binh - chủng. Vì văn quan, võ tướng hục-hặc với nhau luôn nên một không-khí hoang-mang, sợ-sệt tràn đến cả bọn tôi-tớ Pháp. Kiểm điểm thư từ của bọn Pháp thuộc-địa, người ta đã thấy những câu thảm hại như sau :

*« Quan với linh diên cả dồn, nhiều kẻ muốn hóa diên, at ai cũng chán nản hết »...*

Rồi Paul Bert đến Hà-nội vào ngày 8-4-1886. Một kỹ-nghuyên mới bắt đầu. Bọn nhà binh Pháp ở đây bị coi như là những chướng-ngoại-vật chính cho kế-hoạch bình-định của chế-độ dân - chính. Ngày 13-4-1886 Paul Bert đã nói : việc triệt-hồi một phần quân-đội Viễn-xâm không phải là quá sớm, phải nên tuân theo sự đòi hỏi của dư-luận và tinh-hình tài-chính. Ta muốn có an-ninh ư ? Thì an-ninh đã được bảo-dảm rồi, còn muốn gì nữa ? Từ nay chỉ cần quân đội cảnh-bị mà thôi. Rồi các Tiểu-đoàn lính tập Việt-Nam bị bãi bỏ để chuyên biến ra khinh - binh vào ngày 14 - 5 - 1886 và được

huấn-luyện để thành khinh-binh. Trong dịp này, Nghĩa-quân đánh vào họ đạo Sáo-Cát cách Đồng-hới 2 cây số, giết chết 40 giáo-dân làng Sáo-Bún và đốt cả nhà thờ. Ngay thành Đồng-hới cũng hai phen bị đánh nhưng nghĩa-quân không thành-công (5-8-1886). Ở Quảng-Bình quân Pháp bấy giờ chỉ còn đóng một ít ở Quảng-Khê, Chợ Đồn và Cửa Ròn.

Cuối tháng 12-1886 lính da đen và khinh-binh của Pháp lru-động quanh tỉnh Đồng-hới để thám-sát. Tiều-đoàn trưởng Bertrand phúc-trinh lên cấp trên có sự yên-tĩnh từ đồn Mỹ-thố (cách tỉnh-ly Đồng-hới 44 cây số về phía Nam) tới Kẻ Bàng 13 cây số về phía Bắc).

Để vỗ-về Kháng-chiến, trước đó ít tháng, theo lời của Thiếu-tướng Prudhomme, Nam-trieu đã có lần phái Thượng-thư Phan-đinh-Bình và Võ-bá-Liêm ra vỗ yên tại Quảng-Bình sau khi vua Hàm-Nghi đã từ Hà-tĩnh về ẩn tại miền thượng-du tỉnh này. Văn-thân đánh phá nhiều nơi, các quan phủ, huyện bỏ trốn rất nhiều.

Tinh-thần sỹ-dân đang lên cao như vậy, dĩ-nhiên bọn Phan-đinh-Bình và Võ-bá-Liêm phải thất bại. Hơn thế nữa, Kháng-chiến còn bắt được Võ-bá-Liêm và xử-tử tên này để tỏ sự cương-quyết chống Thực-dân và bè lũ phản-quốc.

Đầu năm 1887, thấy quân lính mỏi mệt, Tôn-thất-Đạm cho họ về quê ăn tết, bộ-tốt và đồn trại vì thế mà vắng nhiều. Mouteaux dù biết được việc này nên chia quân ra làm hai đội tìm đến làng Yên-Lương (trên sông Rào-Nam) là căn-cứ của ông Tri-sự Nguyễn-phạm-Tuân. Dẫn đường là một tên bồi (tên là Dura). Địch đi đêm cho kín đáo, vượt một giãy núi khá hiểm-trở. Khi tới nơi, nghĩa-quân đang đi ăn cơm sáng. Binh-sĩ của Mouteaux vào sát hàng rào tre quanh nhà ông Tuân đang trú-ngụ, bên trong mới biết có biến. Ông Tuân và vài kẻ thủ-túc cố chống cự nhưng vì bất ngờ nên không đủ sức và bị bắt. Ông chửi mắng địch để địch giết đi, nhưng Mouteaux đem ông và một số chỉ-huy dưới quyền ông về Minh-Cầm để tra hỏi. Không một ai khai gì hết. Ông Tuân bị thương rồi chết, các đồng-chi của ông bị xử-tử tại chợ Minh-Cầm. Nhưng bốn ngày sau nghĩa-quân phục thù ngay,

đột-nhập vào đồn Pháp, bắt được tên Dura rồi hạ sát tại chỗ. Sở-dĩ tên Dura bị trừng-trị một cách ráo-riết vì y đã phản bội. Trước đây ông Tuân dùng y làm phản - gián đến trả hàng với Mouteau, nay y theo địch phản lại Kháng-chiến. Giết được Nguyễn-phạm-Tuân, phong-trào khởi-nghĩa ở Quảng-Bình bị ảnh-hưởng trông thấy. Địch được đà, tiến đánh luôn vùng thượng-lưu sông Gianh mà bấy lâu chúng còn e-ngại.

Đêm 18 rạng 19 tháng 6 năm ấy (1887), gián-điệp cũng dẫn biệt-kích của giặc đến vùng núi của Thanh-Thủy là nơi ông Đề-Trực đang dùng làm căn-cứ. Địch cũng lại lợi dụng thế bất ngờ, bao vây được nghĩa-quân và bắt được gần đủ mọi người trong đó có vợ con của ông Lê-Trực và Lãnh-binh Phạm-Tường (địch sợ ông Tường còn hơn ông Trực, vì ông đánh Pháp rất dữ luôn hai năm liền). Ông Trực chạy thoát, Mouteaux đem ông Tường về giết tại làng Thọ-Ngõa là quê của ông, còn các tù-binh khác kể cả đàn bà, trẻ con đều bị giết ở Minh-Cầm. Ông Trực vẫn tiếp-tục chống Pháp (1) nhưng lực-lượng Kháng-chiến mỗi ngày một kém nên không còn đánh được những trận lớn nữa. Ông dùng du-kích đánh phá nhiều phủ huyệ, Mouteaux tức lâm nên đã thẳng tay tàn sát theo lệnh của tên Đại-tá Tư-lệnh Đại đoàn miền Trung như sau :

*« Hãy coi lệnh đem tù-binh về Huế bao giờ đến tay ông cũng trễ tràng »* Rồi do thành-tich giết người không ghê tay, sau này Mouteaux được Đồng-Khánh ban cho kim-khánh trước khi y lên đường về nước.

---

(1) Bản về Đề Đốc Lê-Trực và Khâm-sai Tôn-thất-Đạm, Đại-úy Ch. Gosselin người đã điều-khiển nhiều cuộc càn-quét trong những năm đánh dẹp quân Cần-vương và tìm vua Hàm-Nghi đã phải thú nhận như sau :

« Mặc dù chúng tôi đã tìm kiếm và theo đuổi (hai ông Lê-Trực và Tôn-thất-Đạm) và binh sĩ hết sức mệt mỏi, chúng tôi không sao bắt được hai địch thủ này; chúng tôi phải ngợi khen họ, tuy phuơng-liện eo-hẹp, binh-sĩ đơn-sor mà họ vẫn chiến-dấu hăng-hái, Họ đã có những cử-chỉ cao quý, có lòng trung-kiên đối với quốc-gia đang ở vào một tình-trạng tuyêt-vọng, khiến chúng tôi phải kinh-mến hết sức (Malgré nos activités et incessantes recherches, malgré les cruelles fatigues imposées à nos soldats, il nous fut impossible de mettre la main sur ces deux adversaires qui, nous devons le dire à leur gloire, tout en nous combattant sans relâche, malgré les si faibles moyens dont ils disposaient, avaient su, par leur noble façon de se conduire, par leur inaltérable fidélité à une cause déjà désespérée, acquérir notre estime et forcer notre admiration).

## CHƯƠNG VII

### BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG CỦA ÔNG VUA ÁI-QUỐC

#### TỪ QUẢNG-BÌNH QUA ALGER

Qua các trang sử trên đây ta thấy từ đầu năm 1886 quân-đội Pháp đã theo đuổi vua Hàm-nghi rất là gay-gắt trên các nẻo đường Quảng-bình qua Hà-tĩnh. Mặc dầu hai Trung-úy Camus và Freystatter đã bị tử-thương do đạo-quân Mường của Truong-quang-Ngọc gần cửa sông Vé và chúng phải rút về Bãi-Đức và về tỉnh Nghệ, nhưng vua Hàm-nghi vẫn không đi xa được vì quân Pháp đã bố-tri khắp nơi, từ biển vào sát rừng núi. Mất lười mỗi ngày một giày. Sau hai lần thăng Pháp, ngài về đóng ở cửa Khe, nhưng vẫn phải luôn luôn di-động. Làm chủ chiến-trường vẫn là quân-đội Pháp và phụ-lực cho chúng là bọn lính-tập người địa-phương được huấn luyện đầy đủ nên cũng rất lợi hại.

Còn quân Mường tuy có đòn vững chãi hiêm trổ, bắn nỏ ra giết được khá nhiều quân Pháp, nhưng vẫn không chống nổi hai lữ-đoàn của Thực-dân nên phải rời bỏ vị-trí rút vào rừng sâu. Lúc này ông Tôn-thất-Thuyết và Trần-xuân-Soạn do đường Qui-Đạt sang Hà-Tĩnh để qua Tàu vì thấy rõ ràng thực-lực của mình không chống nổi Pháp. Sau trận ở Cửa Khe, Ngọc mang vua chạy sang núi Ma-Rài cách đó chừng vài chục dặm. Thiếu-tá Pelletier vào lực soát còn bắt được một con ngựa đã đóng sẵn yên-cương và mấy nồi cơm vừa nấu, trong lúc ngót một trăm quân Mường đã hộ-vệ nhà vua ra khỏi bước hiêm-nghèo. Luôn mấy năm vất-vả phong-trần, vào sinh ra tử, vua Hàm-nghi đã có một tinh-thần cứng đắn. Ngài biết rằng sĩ-dân trông vào mình mà chống địch, nếu mình nhụt chí-khi hay sa vào tay địch sẽ là điều tai hại cho vận-mệnh và tương-lai xứ-sở. Ông Tôn-thất-Thuyết cũng quan-niệm nhà vua là linh-hồn của Kháng-chiến, là tiêu-biểu thiêng-liêng của

quốc-gia nên giao phó trách-nhiệm gìn-giữ vua cho hai con ông (Bấy giờ ông Thiệp mới 18 tuổi như vua Hàm-Nghi). Hai ông đều là những thiếu-niên anh-hùng và ái-quốc như cha. Trong giai-đoạn này, vua Hàm-Nghi long-đong suối ngược, lèn rừng xuống thác ; ông Đạm cùng Đề-đốc Nguyễn-phạm-Tuân đóng ở Vàng-Liêu (Thác-Đài) tại xóm « Coộc » chỉ cách vua chừng sáu bảy chục dặm : Biểu-chương của các đoàn-thề Cần-vương đều gửi hết về nơi này (Thác-Đài thuộc làng Cổ-Liêm) báo cáo các công-tác và xin chỉ-thị. Từ đầu năm 1888 Đạm mất liên-lạc với vua do Pháp lập nhiều đồn ở thượng-du sông Nai, vít tất cả các lối đi lại của Kháng-chiến và chẹn được mọi đường tiếp-vận của Kháng-chiến, xét ra bọn Plagnol và Pelletier đã thi-hành đúng kế-hoạch do Hoằng vạch ra trước đây. Nếu Trương-quang-Ngọc và Tôn-thất-Thiệp kém sự hiểu biết về địa-hình, địa - vật của vùng này, Pháp đã bắt được Hàm-Nghi sớm hơn. Có người đặt các câu hỏi như sau : Tại sao vua Hàm-Nghi cứ quanh-quẩn mãi ở vùng Quảng-Bình ? Sao nhà vua không mượn đường xứ Lào để ra Bắc ? Phải chăng vì nhà vua không quen thung thổ xứ Lào và vùng Quảng-Bình còn lợi thế hơn các vùng khác ? Ở đây ta thấy nhiều con sông chảy luồn vào trong : Nai ; Phe ; Khe Ve ; Ngân-Sâu ; Ngân - Phố. Con thuyền lênh-dênh trên dòng nước xanh cứ chuyền Người nay đây mai đó. Giữ việc tiếp - tể cho Ngài bấy giờ là Bát-Danh người làng Thanh-Lạng. Y mang nước mắm, cá khô, lá ngải-hương do phủ Quảng gửi đến để vua dùng. Tình cảnh vua Hàm-Nghi lúc này đen tối dần. Thêm một số tùy tướng nữa trung-thành bị bắt như Đề-Đốc Dương-Môn, Hiệp-quản Thước và một vị nữa tên là Tạo tới nay không rõ cấp bậc.

Xin nhắc rằng mùa hè năm trước (1887) dân Co-Xá thuộc một tổng Mường đã giúp nhà vua nhiều tay thiện-xạ bắn tên thuốc độc rất giỏi vì Pháp càn quét dữ quá phải ra hàng.

Lúc ấy Ngọc đang đóng ở làng Chà-mạc. Quân Pháp đến nơi thì Ngọc bỏ chạy. Trong làng bấy giờ chỉ có vài bà

(1) Pháp đã nghĩ rằng nếu bắt được vua Hàm-Nghi thì quân Cần-Vương không đánh tan. Do đó chúng gắng sức đuổi theo vua Hàm-Nghi hơn là đánh quân Cần-Vương.

lão, Đại-úy Boulangier liền nhờ đưa cái thư viết cho Ngọc rồi lui binh về Minh-Cầm. Được ít hôm kỳ-lý ở vùng đó về thú ở đồn Minh-Cầm.

Đại-úy Mouteaux liền mượn viễn Chánh-tổng đem trả cho Trương-quang-Ngọc cái bàn đèn đã bắt được tại nhà Ngọc trong dịp hành-quân hôm trước lại tặng thêm vài lạng thuốc phiện. Mouteaux còn gửi biểu vua Hàm-Nghi một tạ gạo trắng và hai bức thư, một của Thái-hậu, một của vua Đồng-Khánh khuyên nhà vua trở về. Nhưng y vẫn có một bức thư riêng cho Ngọc, nài Ngọc bắt giúp vua Hàm-Nghi và hứa hẹn trọng thưởng (các bức thư này sau được Cả Hinh là cha vợ Trương-quang-Ngọc chuyển giao). Xin nhắc rằng Pháp thiết tha nhờ Ngọc là do sự chỉ bảo của Phạm-văn-Mỹ Phí Mỹ về đầu với Hoàng-tá-Viêm.

Mỹ biết Ngọc là kẻ tiêu-nhân có thể mua chuộc được. Và từ đó Boulangier (1) để ý tìm cách giao-thông với Trương-quang-Ngọc. Rồi Trương-quang-Ngọc nhận được bức thư thứ hai của Boulangier. Ngày 12 - 10 - 1888 y mật ra hàng với Trung-úy Lagarrue hứa sẽ hết lòng giúp « quan Pháp » nhưng yêu cầu cho y được thông-thả mới nên việc. Tuy được sự hứa hẹn của Ngọc từ tháng 7-1887 Pháp vẫn tiếp tục hành-binh và bủa lưới vây chặt lấy ông vua Kháng-Chiến

Lúc này là mùa mưa, vua Hàm-Nghi đóng ở Khe Ta-Bac gần một cái thác cao tới ba bốn chục thước. Có một con đường nhỏ từ dãy Tha-Mạc đi tới rất bí-hiểm, rồi phải dùng giây mây leo lên một ghềnh núi. Bên cạnh con đường hẻm này có một con đường khác quang-dãng và được dọn dẹp sạch sẽ có ý làm cho người ta dễ-làm. Vua Hàm-Nghi ở trong một cái nhà lá rất rộng, vách làm bằng nứa đã dựng lên từ 6 tháng nay. Ở một phòng có đặt một cái ngai trên chiếc chiếu màu, kế bên có một gian đầy lúa; dài tới năm sáu chục thước.

(1) Việt-Nam sử-lược chép: Đại-úy coi đồn Minh-cầm bấy giờ (1887) là Mouteaux. Boulangier cũng có phận sự đến hành quân ở Quảng-Bình và phối hợp công-tác với Mouteaux hoặc được đặt dưới quyền của y như Bertheillet và Trupel là hai bạn đồng-cấp

Tại đây có một số người hầu hạ nhà vua như sau : một Đội - trưởng trông nom việc cơm nước, sau này bị bắt khai không thấy vua Hàm-Nghi đọc sách hay viết lách bao giờ. Ngài có Viên Phó thư già độ 50 tuổi, cao 1 thước 70. Người thư ký của ông này được gọi là cậu Hai, cao 1 thước 50. Lãnh-binh Ngọc bao giờ cũng có hai người tùy tùng là Tham-Tắc và ông Lai ; ba người trai tráng lực-lưỡng quê ở Thanh-Lạng hay Thanh-Cước làm phu cảng cho vua ; hai người nữa làm vườn và phụ bếp nước. Còn 4, 5 tên Mọi trẻ tuổi khác giúp đỡ các việc lặt vặt.

Vào cuối mùa hè năm 1888 quân Pháp tuy cố-gắng nhiều mà vẫn không tiến nổi một bước. Quan và lính đều mệt mỏi, tinh-thể đổi với họ như kéo dài vô-tận. Gần mùa thu vì sợ thời-tiết xấu, chúng phải bỏ bớt những đồn tiền tuyến đã đặt sát nơi rừng núi mà chúng ngờ có vua Hàm-nghi ẩn-nấp. Đây là những đồn mới lập hồi trong năm, chúng phải rút về cứ-diểm sát bẽ (Đồng-Hới). Một dịp may không ngờ đã đến với chúng : viên suất-đội Nguyễn-đình-Tình (Ch. Gosselin chép làm ra Nguyễn-tinh-Định) hầu-cận nhà vua bỗng ra thú ở đồn Đồng-Cả. Tình người xã Đức-Vũ gần Huế, thuộc đội quân hộ-gia cho tới tháng 9-1888 vẫn hầu cận vua. Tên này khai với Pháp rằng y đã theo vua từ 1885 và cho tới tháng 9-1888 y vẫn giữ chức-vụ vệ-sĩ. Tôn-thất-Thiệp con trai thứ hai của ông Thuyết không rời nhà vua lúc nào và đã có lúc tinh đem vua ra Bắc. Ông Thiệp đã giết một ông quan ngỏ ý muốn mở cuộc điều-định với Pháp. Tôn-thất-Thiệp nhất-định không bao giờ ra hàng và chính ông là người đã giữ vững tinh-thần chiến đấu của nhà vua; nhà vua hiện nay đang ở một thung-lũng cách Ngã Hai vài giờ đi chân và muốn đến nơi phải ngược dòng sông Nai. Tại đây không có làng-mạc nào cả. Dân xã Chà-Mạc đã dựng cho vua một cái nhà nhỏ. Y còn nói, y và Trương-quang-Ngọc đã định bỏ vua từ 6 tháng nay để ra hàng Pháp và đem vua ra dâng nộp. Quanh nhà vua lúc ấy ngoài Tôn-thất-Thiệp, còn có hai vị đại-thần và hai kẻ hầu-cận. Dân Mường ở đây vẫn tiếp-tế cho nhà vua, ngự-đạo chỉ có gạo và muối như biết bao dân nghèo

ở địa - phương. Nhà vua mặc quần áo nâu và đã 18 tuổi (1). Ngài hay bị sốt rét như các quan tùy-tùng. Mỗi khi quân Pháp sục tới gần thì một người Mường cõng vua chạy vào rừng sâu... Tôn-thất-Đạm đóng binh gần Vàng-Liêu giữa vùng núi Hà-Tĩnh. Đã tám chín tháng nay ông không liên-lạc được với vua Hàm-Nghi, nghĩa là từ khi quân Pháp có mặt ở thượng-lưu sông Gianh để ngăn trở việc giao-thông giữa nhà vua và binh-đội Càn-Vương trong vùng Nghệ-Tĩnh-Bình. Nhà vua lúc này hết cả tiền bạc, chỉ còn có vài chiếc huy-chương vàng và hai rương quần áo từ Huế mang đi và hai thanh kiếm mà một thanh là quà của chính-phủ Pháp xưa kia tặng vua Gia-Long từ đầu thế-kỷ. Tên Việt - gian này còn nói thêm rằng Trương-quang-Ngọc cũng bị Tôn-thất-Đạm nghi ngờ từ mấy tháng nay.

Rồi bọn Pháp đã trao cho Nguyễn-đinh-Tinh một bức thư gửi cho Ngọc rồi bảo Tình đi tìm Ngọc để cộng-tác và dặn-dò hai đứa cách thức lùng bắt vua Hàm-Nghi.

Theo chỉ-thị của Pháp, chúng phải gắng bắt sống vua Hàm-Nghi, rất kinh cẩn đối với Ngài còn các quan tùy-tùng nếu kháng-cự thì cứ việc giết thẳng tay.

Ngày 2-11-1888 hai tên Ngọc và Tình đem hai chục tráng-đinh làng Thanh-Lạng và Thanh-Cuốc mang giáo mạc cung tên tiến vào nơi vua Hàm-Ngi trú-ẩn.

Khoảng 10 giờ đêm, bọn chúng tới ngôi nhà của vua đã nói trên đây. Nghé có người rầm rập đi vào thì bên trong có hai cái bóng vụt ra bị bọn Việt-gian đâm chết ngay bằng gậy nhọn và giáo sắc (Theo Ch. Gosselin trong hai người đó, một là quan Thống-chế Nguyễn-Thúy đã có tuẫn, vị kia khoảng 45 tuổi là con Nguyễn-Thúy giữ chức Tham-biện Nội-các nhưng Pháp không truy ra được tên). Tôn-thất-Thiệp thấy động cũng hoảng-hốt cầm gươm chạy vội ra ngoài bị giặc đâm chết nốt. Tên giặc đâm ông Thiệp là Cao-viết-Lượng người làng Thanh-Cuốc. Sau khi hạ được các quan

(1) Vua Hàm-Nghi sinh vào tháng 3-1871, đến khi bị bắt vừa đúng 18 tuổi

hầu-cận vua Hàm-Nghi, bọn Việt-gian bước vào trong nhà Vua Hàm-Nghi đã cầm thanh-kiếm ở tay, biết rằng mình bị nội-phản liền đưa thanh kiếm cho Trương-quang-Ngọc bảo :

— Mày giết tao đi cho rồi chờ dùng bắn nộp cho Tây !

Một tên Mường xưa nay phục - dịch nhà vua liền ôm ngang lưng vua và dǎng lấy thanh kiếm. Từ giờ phút này nhà vua bình tĩnh lạ lùng. Một kẻ đã qui xuống trước mặt Ngài đọc bức của Đại-ý Boulanger sau khi đã thắp được ngọn đèn. Vua Hàm-Nghi ngồi xuống giường. Trong thư Boulanger mời nhà vua trở về Kinh-thành một cách khẩn-thiết. Nhà vua nói :

— Ta có quen người viết bức thư này đâu, ta chẳng hiểu gì cả, ta về Huế làm gì ?

Bọn tên Ngọc cùng nhao-nhao yêu cầu Ngài lên đường. Sau khi suy nghĩ một lúc lâu, vua Hàm-Nghi nói :

— Thôi được ! Chúng mày phản tao, âu cũng là do lòng trời, ta phải theo chúng mày vậy.

Trong giờ phút nặng-nề này, bọn phản-động đem xác Tôn-thất-Thiệp đi chõ khác, lau sạch vũng máu rồi thu dọn các đồ dùng của nhà vua vào cái hòm chữ thọ. Sáng ngày hòm sau (3-11-1888) bọn Ngọc vỗng Ngài ra bến Ngã-hai (đi về Tha-Mạc) đưa Ngài xuống cái bè đi mất 2 ngày mới tới đồn Thanh-Lạng, đồn Đồng-Cả. Trên dòng sông, Ngài trầm lặng ngắn phong cảnh, thỉnh thoảng hỏi tên các làng mạc đang lướt qua trước mắt. Rồi Ngài phải nghỉ lại ở đây hơn một tuần để chờ lệnh bèn Pháp. Từ Đồng-cả Ngài xuống Quảng-khê rồi đi bộ luôn về trại Thùra-hóa (cầu hai, Thùra-Thiên). Bấy giờ Đại-ý Boulanger cũng vừa tới. Linh Pháp bồng súng và thổi kèn chào. Ngài không nhìn, không đáp. Cho tới khi đến đồn Thuận-Bài, nhà vua không chịu nhận mình là vua Hàm-nghi. Có lẽ ngài cho việc mình bị bắt là một sự nhục nhã chẳng ? Thiếu-tá Dabat đọc chúc-tử, nhà vua trả lời :

— Tôi không dám nhận những lời Thiếu-tá vừa nói, tôi chỉ là bè tôi của vua Hàm-nghi. Nhà vua lúc này ở trong rừng nếu tôi không đau tôi đã theo kịp nhà vua.

Ngài còn hỏi : «Lang-sa là gì ? Tôi có nghe thấy tiếng ấy, bao giờ đâu...»

Viên Đè-đốc Thanh-Thủy là Nguyễn-hữu-Viết tới bài-mạng. Nhà vua cũng giả-vờ không biết. Nhưng thày học cũ của ngài là Nguyễn-Thuận đến thăm thì vô-tình ngài đứng dậy chào. Người Pháp bấy giờ mới tin đã năm được trong tay vị-nguyễn-thủ của nước Nam mà mấy năm qua Trung-Bắc-kỳ đã đổ máu để bảo-vệ và cũng vì lời hiệu-triệu của ngài mà mọi tầng lớp nhân-dân đã xả-thân, chiến-đấu.

Sáng 15-12-1888, người ta vồng ngài sang Bồ-trạch. Quan lại bản hạt và viên Trung-úy Pháp là Bonnefoy hộ-tống ngài đến Đồng-hói. Dọc đường dân-chúng nghe tin ngài sắp qua, liền bầy hương án nghênh-tiếp. Họ đem cả thực-phẩm đến cung-tiến. Hàng trăm người đi theo.

Ngài đến Đồng-Hói thì vừa tối, không vào thành mà xuống nghỉ dưới thuyền. Trong câu chuyện trao đổi với Bonnefoy, Ngài đã hỏi về việc chế thép, đúc súng, làm đường điện-tín, khai mỏ và mỏ-mang nông-nghiệp, đó là những chuyện không thể có ở những thiếu-niên 18 tuổi thuở ấy.

Tới Thuận-An, ngài ngừng lại ở đồn viên Trung-tà trấn-thủ.

Lúc này Nam - triều cũng đã được tin vua Hàm - nghi bị bắt. Vua Đồng-Khánh sắc ngay cho quan lại Thừa-thiên đưa ngài về thành và cho bộ Binhh ra nơi địa-cầu Thừa-Thiên nghênh tiếp, sửa soạn tiêm-dề cho Ngài về ở. Nhưng Trú-sứ đến thương với Viên Cơ-Mật rằng quan Pháp ở đồn Quảng-Binh trình vua Hàm-nghi lúc này tính-tinh khác thường, Ngài về Kinh sẽ có nhiều sự bất-tiện, nên mời Ngài qua một nơi khác vài năm khi nào trong nước bình yên sẽ rước Ngài về. Sự thật bên trong Pháp-đình đã ra mật-lệnh dìa vua Hàm-nghi sang Alger. Bọn Thực-dân nói : *Ngài cần nghỉ-ngơi cho bù lại những sự thiếu thốn, nhọc nhằn trong quãng đời phiêu-bạt ngoài rừng núi trước đây* (1). Có điều

(1) afin qu'il puisse s'y remettre à Alger des privations et des fatigues de sa vie errante dans les montagnes.

đang là cho nhiều người ở Huế lúc này là thấy nhà vua rất khỏe mạnh, ngoài lại không chịu nhận mình là xuất-đế Hàm-Nghi. Rheinart đến thăm Ngài rồi một chiếc ghe đưa Ngài từ Cầu Hai tới cửa Tư Hiền có ý nhờ bọn quan lại Nam-triều nhận mặt Ngài. Vua Đồng-Khánh sai các quan Cơ Mật Đoàn-văn-Binh, Lê-Trinh và Tham-tri Bộ Công Phạm-Binh đến Thuận-An để làm việc này tuy bề ngoài nói là đến thăm nhà vua. Rheinart hỏi :

« Thái-hậu đang đau nặng. Nếu nhà vua có muốn thăm tôi sẽ cho rước nhà vua về để hỏi-hàn một đôi lời »,

Vua Hàm-nghi sa sầm nét mặt đáp :

— « *Tôi thán dã tù, nước dã mất còn dám nghĩ gì đến cha mẹ anh em nữa.* »

Rồi Ngài cáo từ về phòng riêng nghỉ.

Trong dịp này, một sĩ-quan Pháp đã chụp lén hình Ngài nhiều lần để gửi đi các tỉnh cho quan dân khắp nơi biết vua Hàm-nghi đã bị bắt là điều có thực. Bốn giờ sáng ngày 25-12-1888 Trung úy Bonnefoy mời Hàm-nghi xuống tàu đi Lăng-cô rồi cho biết chiếc pháo-hạm *La Comète* sẽ đưa Ngài vào Saigon, sau đó, rồi băng tàu Biên-Hòa, Ngài sang Alger vào chiều chủ-nhật ngày 13-1-1889.

Trên đường đi, viên võ-quan Pháp hỏi dò Ngài về Tôn-thất-Thuyết. Ngài chỉ trả lời vắn tắt :

— Tôi không biết Tôn-thất-Thuyết là ai hết ! Tôi không hiểu ông hỏi để làm chi.

Qua Hải-Vân quan, Bonnefoy chỉ vào chiếc pháo-thuyền nói :

— Chỉ vì Tôn-thất-Thuyết mà Ngài sắp phải bước xuống chiếc pháo-thuyền này để xa lìa Tổ-quốc. Vua Hàm-Nghi quay lại bảo :

— Tôi xin ông đừng nhắc đến việc này nữa.

Tới Linh-Kiên, vua Hàm-Nghi sang tàu *La Comète* để đi Saigon.

Trung-úy Bonnefoy đến chào Ngài để trở về Huế. Nhà vua nhìn lên bờ và không néo nỗi sự cảm-xúc vì nỗi mình, nỗi nước đã òa lên khóc. Mười lăm phút sau *La Comète* nhỏ neo. Tới Saigon, Ngài sang tàu *Biên-Hòa* để đi Bắc-Phi và tới đây vào trung tuần tháng 1-1889.

Nơi trú ngụ của vua Hàm-Nghi tại Alger là *El-Biar* cách thị-trấn không quá ba cây số. Ngài ở Biệt-thự thông reo (*villa des pins*). Đến đây Ngài vẫn dùng quốc-phục (áo dài khăn xếp). Sau ít lâu, Ngài tra đi xe đạp. Rồi vì đi tới đâu, những con mắt hiếu kỳ cứ quay lấy Ngài để ngắm nghía, Ngài bất-dắc-dĩ phải thay đổi việc ăn mặc và Ngài học tiếng Pháp, chữ Pháp. Người dạy vua Hàm-Nghi là thầy dòng Néopold (sau này chết ở nhà trường Pellerin tại Huế vào năm 1912) rất khen ngợi sự thông-minh và sự ham học của Ngài về các môn toán-học. Lúc này Ngài bỏ được tính trầm lặng buổi đầu, thứ nhất là sự lanh đậm với những kẻ cầm giữ Ngài. Khi mới học tiếng Pháp Ngài nói chưa đúng giọng và nói nhát gừng, nhưng 5 năm sau Ngài nói và thông thạo từ-ngữ Pháp một cách đặc-biệt khiến ai cũng phải ngạc-nhiên. Rồi Ngài đã có những người bạn Pháp hàng ngày tiếp-xúc thân mật với Ngài như Tirman, Toàn-quyền Alger, Cambon v.v... Người ta đã gắng sức làm cho ông vua lưu vong này voi hết lòng sầu cố quốc và quên cái hảm-hiu của số phận. Hàng năm Ngài gặp ông Sainte-Marie tại Vichy là nơi Ngài tới đổi gió theo thường-lệ Ông này nhắc rằng có lần vua Hàm-Nghi đã tâm sự với ông :

— *Lịch-sử của nước Pháp rất tốt đẹp, lịch-sử của nước tôi cũng vậy.*

Vua Hàm-Nghi lại có biệt-tài và năng-khiếu cả về âm-nhạc và hội họa. Ông de Varigny khen Ngài như sau :

*Hai thứ nghệ-thuật này đã bắt thình-linh và bắt mở ra trước mắt Ngài một thế-giới mới và gây trong tâm hồn Ngài những cảm-xúc lạ. Ngài xuất ngay ngồi trong xưởng chỉ*

---

**Chú-thích :** Ở miền Trung sau vụ vua Kiến-Phúc mất, Đặng-Khánh lên ngôi, vua Hàm-Nghi xuất bến có hai câu ca dao dưới đây được truyền tụng :

*Một nhà sinh được ba vua — Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.*

*chăm chú vào âm-nhạc và hội-họa tỏ ra rằng Ngài rất tò mò, ham thích hiểu biết và sáng tác.*

Sau Ngài lấy một người vợ Pháp thuộc một quí-tộc Pháp. Cuộc đời của Ngài không đến nỗi quá luân-lạc và bi-thảm như đời của ông Tôn-thất-Thuyết. Ngài sinh ra hai Công-Chúa, một là Như-Mai sau này học đỗ kỹ-sư Canh-nông và lấy chồng Pháp, và một hoàng-tử tên là Minh-Đức đến nay không có âm-tín.

Quả vậy, vua Hàm-Nghi là linh-hồn của Kháng-chiến Cần-Vương như chúng tôi đã nói trên đây. Do đó khi thấy Ngài bị giặc bắt rồi Tôn-thất-Đạm, một phần tử trung-kiên nhất của giới cựu-thần ái-quốc đã ngã lòng. Giữa ngàn Hà-Tĩnh ông truyền cho tướng-sĩ tùy ý ra thú rồi viết hai bức thư: một gửi cho vua Hàm-nghi, xin tha tội cho mình làm tội không cứu được vua, một gửi cho trưởng-đồn Thuận-Bài là Thiếu-tá Dabat để giới-thiệu các tướng-sĩ của mình ra hàng. Sau việc này ông tuyên-bố: *Quân Pháp muốn biết ta ở đâu thì vào trong rừng mà tìm mà ta...* Ngày 15-11-1888 tức là ngày 10 năm Mậu-Tí, ông thắt cổ chết (Theo sách *Le Laos et le Protectorat français* của Ch. Gosselin, ông thắt cổ mà chết nhưng theo Baille trong cuốn *Souvenirs d'Annam* ông uống thuốc độc). Xem lời thơ của ông, lời lẽ thật là cương-nghị đáng là khâm-thị của một kẻ anh-hùng.... Sau ít bữa, nhờ có sự mách-leo của vài nghĩa-quân, Pháp đã đào xác của ông Tôn-thất-Đạm để truy coi hình dáng và nhận diện rồi cải táng ông ở gần chùa Vàng-Liêu.

Ngày 17-11 Đại-úy Boulangier đến Đá-Cò để nhận 24 tướng-sĩ của Cần-Vương ra hàng, theo lời thư của ông Khâm-Đạm. Bốn ngày sau ông Lê-Trực cùng 100 đội-viên cũng ra thú ở đồn Thanh-Lạng. Các binh-sĩ được Pháp cho về làm ăn ở quê-hương bản quán sau khi nộp xong vũ-khi. Riêng các cấp chỉ-huy Cần-Vương đã từ chối việc phục-vụ Bảo-hộ và chỉ-tinh-nguyễn từ nay không chống Pháp và Nam-triều. Các vị này ăn mặc rất là lam-lũ, điều này tỏ ra họ đã chịu yết-vá, gian-lao quá nhiều suốt ba năm ròng, nhưng hết thảy đều có cử-chỉ hiên ngang, cao thượng như xưa. Bọn quan Nam-

triều thấy lời khâm cung của Lê-Trực có nhiều câu không được nhũn-nhận định bắt tội, nhưng bọn Pháp thấy ông là người anh-hùng, ái-quốc, lại vì lý-do chánh-trị đặc biệt lúc này, tha ông về yên ổn. Ông trở lại quê nhà là làng Thành-Thủy thuộc huyện Tuyên-hóa tỉnh Quảng-Bình. Quan Pháp thỉnh thoảng đến thăm và luôn luôn tỏ lòng kính nể. Đến đây ta không thể nín cười đối với bọn *phản - động Nam - triều* đã không bỏ lỡ cơ-hội nào gây cảm tình và tín-nhiệm với chủ Pháp. Với tinh-thần khuyen mầm võ-sĩ ấy, bọn tân phong - kiến sau này đã thành lớp người lãnh-đạo dân-tộc ta suốt 80 năm thì trách gì chẳng xảy ra bao điều bi-thảm khiến dân chúng đã có câu: *Trời làm một trận lăng nhăng, ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.*

Còn về Trương-quang-Ngọc, tên phản bội này được thưởng một số tiền lớn và chính - thức - hóa cái hám Lãnh - binh của hắn. Ngọc được bồ - nhậm đi nhiều tỉnh, nhưng hắn đến đâu cũng bị quan lại và dân chúng khinh bỉ, sau hắn phải bỏ việc về làng (Thanh-Lạng) cho tới khi cụ Phan-định-Phùng khởi-nghĩa thì hắn bị nghĩa quân Hương-khê giết chết. Đồng-lõa của y trong vụ này là Nguyễn-định-Tinh cũng được một chức trong quân-đội và gửi đi tòng sự tại Bình-Thuận và mất-tích từ đó, có lẽ y đã chịu chung số phận với tên phản-quốc dàn anh của hắn chăng? Còn vài tên thủ-hạ của chúng cũng được cấp bằng Cai-Đội và ít đồng bạc. Cứ cách Thực-dân xử-trí như vậy thì bọn khốn nạn đã bán vua Hàm-Nghi bằng một giá quá mạt, và sau này tên bán vua hại nước này đã phải đến tội ra sao, xin coi bài nói về Hương-Khê khởi-nghĩa dưới đây.

## CHƯƠNG VIII

### CHỦ-TRƯƠNG CỦA PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT-NAM TỪ HUẾ QUA PARIS

#### TẤN TƯỜNG BẢO-HỘ CỦA PHÁP TẠI VIỆT-NAM

Như trên đã nói, ngày 30-7-1885 bọn Pháp sau khi đánh bặt được quân-đội của ông Thuyết ra khỏi hoàng-thành ít ngày thì chúng họp nhau để nghiên cứu một chánh-sách đối với Trung-kỳ. De Courcy lập một hội-nghị có đủ mặt các yếu-nhân quân dân chính gồm có Paul-Bert, de Champeaux, Négrier, Silvestre, Nguyễn-hữu-Đô, Nguyễn-văn-Tường và toàn thể nhân-viên của Cơ-mật-viện. Thực-dân Pháp nhóm hội-nghị này để thiết-lập cho Trung-kỳ một chế-độ chánh-trị: *bảo-hộ* hay *trực-trị* và một kế-hoạch bình - định Trung-Bắc-kỳ. Nguyên-tắc bí-mật của quân cướp nước trước sau vẫn là chia để trị (*Diviser pour régner*) nghĩa là làm yếu đối-phương để dễ bề thống-trị đối-phương. Theo chế-độ chúng đã áp-dụng ở Tunisie là quốc-gia đã thành thuộc-quốc của Pháp trước ta, quốc vương bản-xứ chỉ là một bù-nhin. Bên cạnh quốc-vương có một Hội-đồng Nội-các do Toàn-quyền Pháp chủ-tọa. Bộ nào quan-trọng thì có quan Pháp tham-dự. Các quan to nhỏ người bản-quốc đều do Toàn-quyền Pháp bổ-nhậm. Pháp lập các lực-lượng người địa-phương nhưng cán-bộ Pháp chỉ-huy và ngân-sách quốc-gia Tunisie đai-thợ mọi tốn - phí. Các cơ-cấu kinh-tế, ngoại-giao, thương-chính, tạo-tác cũng qua tay Đế - quốc. Tóm lại, những gì là nguồn sống, là sinh-lực của bản-quốc đều bị Pháp thao-túng hết.

Trước vấn-de này như chúng tôi đã nói, Thực-dân Pháp đã có phen nghĩ đến sự phế bỏ hoàn-toàn triều-đình Huế, thuộc-địa-hoa miền Trung như với Nam-kỳ, tức là chiếm cả,

trực-trị thẳng tay. Nhưng tính lại, chúng thấy chánh-sách này có phần bất lợi vì rút kinh-nghiệm với đồng-bào xứ Đồng-Nai, chúng thấy chánh-sách này có nhiều sự sai lầm, bởi người Việt có một tinh-thần quốc-gia rất cao, rất mạnh khi cảm thấy mất nước sẽ chiến đấu rất hăng. Thực vậy, Nam-kỳ đã chống Pháp từ trước Hòa-ước 1862 đến Hòa-ước Quý Mùi (1873) khiến Pháp hao-tốn tài-chính và sinh-mạng không phải là ít. Nam-kỳ xa triều đình, Nam-kỳ là đất mới của quốc - gia Việt - Nam, Nam - kỳ cái ngọn nếu Bắc, Trung là cái gốc, cái thân mà còn khó ngắt như vậy thì một phút chặt luôn cái gốc, cái thân còn ngày-ngà gấp mấy. Lanessan sau này kế-tiếp Paul Bert làm Toàn-quyền ở Đông-Pháp đã phải thú-nhận : « *Thực ra tinh-thần dân-tộc của người Việt-Nam rõ-ràng sáu sắc quá sự tưởng-tượng của chúng ta* (1).. » Đã vậy ngay khi chúng họp bàn vấn-đề này, chúng còn đang chịu trận với Kháng-chiến rất là khốn-đốn từ miền Hồng-Lam ra ngoài Nùng-Nhi, nếu không chúng cần gì phải nghĩ-ngợi cho mệt, nghĩa là cứ đặt phảng cái bảng « *thuộc-dịa-Pháp* » trước thành Huế cũng như trước thành Hà-Nội

Rồi bọn De Courcy đã đệ về Pháp một Phụ - ước vào Hòa - ước Giáp - thân (1884) xin lập cho Trung - Bắc kỵ một chế-độ bảo-hộ gần giống nhau chiếu theo điều chúng đã thi-hành ở Tunisie.

Ngày 13-8-1885, Bộ-trưởng chiến-tranh Pháp là tướng Campenon đã trả lời không tán-thành Phụ-ước này và đưa ra một Quy-ước khác. Qui-ước này duy-trì tình-trạng chia xẻ Trung-Bắc-kỵ như cũ (theo Hòa-ước 1884) và còn mạnh hơn nữa (2) nghĩa là :

— Khâm-sứ Pháp ở Huế thay mặt Giám-quốc Pháp chủ-tọa Hội-đồng Nội-các của Nam-riều,

— Khâm-sứ Pháp quyết-định và phê-chuẩn các việc bỗn-nhận từ Phụ-chính, Thượng-thư trở xuống. — Việc cách bãi các đại-thần cũng vậy.

(1) Lanessan, trang 683.

(2) Xin coi nội-dung Hòa-ước Giáp-thân trong V.S.T.B, quyển 5 trang 430.

— Nếu cần, Khâm-sứ Pháp có thể thực-hiện chế-độ bảo hộ ở những tỉnh Trung-kỳ như ở Bắc-kỳ,

— Triều-đình Huế phải dài-thọ lương-bổng của bộ-đội người Việt do Pháp lập ra ở Trung-kỳ. Bộ-đội này bè ngoài là của Nam-triều (lính lập). Bộ đội này không được quá 10.000 người. Nam-triều không có quyền gì đối với bộ-đội Pháp lập ra ở Bắc-kỳ.

Bọn Thực-dân Pháp ở Việt-Nam hoảng-hốt trước Quốc-này và không dám đem ra thực-thi vì chúng trực-tiếp với tình-hình Việt-Nam nên hiểu rõ hơn bọn Thực-dân bên Paris. Chúng có lý bởi nếu người Việt được biết chủ-trương này của Pháp-đình thì chẳng những Kháng-chiến sẽ hoạt-động mạnh hơn mà cả bọn quan lại Nam-triều như chúng tôi đã nói cũng sẽ ngã lòng khi thấy không còn mảy-may thề-diện nào trước sĩ-phu và dân chúng.

Vấn-đề Việt-Nam ra trước Nghị-viện Pháp sau vụ bầu-cử tháng 10-1885 và Paul Bert đã có những hoạt-động gì ?

Trên đây chúng tôi đã kê chánh-kiến của bọn Thực-dân Pháp ở Việt-Nam đối với vấn-đề Trung Bắc-kỳ và những sự bất-động của Pháp-đình. Nay xin độc giả cùng chúng tôi duyệt qua những sự việc đã xảy ra từ khi Pháp thi-hành chánh-sách mới tại Việt-Nam sau vụ bầu-cử tháng 10. Chánh-sách này do Paul Bert xướng-xuất đã được áp-dụng ngay sau khi y bước chân lên đất nước chúng ta. Hiệu-quả của chánh-sách kê trên đã kéo dài vào nhiều năm sau tuy cũng có sửa đổi ít nhiều về cẩn bản mà chúng ta sẽ có dịp bàn tới (1).

Tháng 10 năm Ất-dậu (1885) Chánh-phủ Pháp trưng cầu ý-kiến của Hạ-nghị-Viện. Giữa lúc này (tháng 11), Bộ-trưởng Tai-chánh Sadi Carnot đệ-trình một dự-án ngân-sách năm tới là 79.360.448 quan để chi-tiêu cho việc Bắc-kỳ và Madagascar. Một Hội-đồng gồm 33 Ủy-viên được cử ra để xét vấn-đề. Trừ sáu, bảy người muốn quân-đội Pháp ở lại Bắc-kỳ còn đa số đề-nghị việc triệt-thoái quân-đội Viễn-xâm. Trong những

---

(1) Chúng tôi sẽ bàn trong VSTB quyển 7 tập hạ phát-hành vào 1964.

người chủ-trương thuộc-địa-hóa miền Bắc Việt-Nam có Paul-Bert. Tên thực-dân này không những to tiếng ở Nghị-viện còn vận-động báo-chí ủng-hộ lập-trường của mình. Rồi ngày 30-11-1885, Bộ - trưởng chiến - tranh đưa ra những luận - điệu sau đây :

— Nước Pháp cần ở lại Bắc-kỳ vì danh-dụ cùng quyền-lợi thương-mại và chánh-trị của nước Pháp. Pháp có mặt ở Đông-Dương thì mới có một căn-cứ Hải-quân vững chắc để Anh-Quốc phải kiêng nè ; căn-cứ này còn cần cho việc bảo-vệ các đảo Réunion và Tahiti ; bỏ Bắc-kỳ còn là mối nguy cho Nam-kỳ và Cao-Mên vì làm như vậy nước Pháp sẽ mất uy-tín ở hai xứ này, dân chúng sẽ nổi loạn, Trung - kỳ át sẽ ủa theo, lúc đó Pháp lại phải lâm vào chiến-tranh lôi thôi hơn bao giờ hết, đồng-thời sự tốn phí sẽ tăng lên không biết bao nhiêu. Ta sẽ mất mặt ở đây chưa đủ, ta còn xấu hổ cả với các nước trên thế - giới. Dân bản - xứ sẽ nghĩ rằng chỉ cần chống cự là đủ làm cho người Pháp phải bỏ ra đi đúng như lời vua Tự-Đức : «Chó sửa rồi chạy trốn». Chúng ta còn bị đe dọa ở các nơi khác như Calédonie, Tunisie, và cả Algérie nữa cũng sẽ vùng dậy.

Paul-Bert thêm đề-nghị : các thuộc-địa trước đây giao cho Hải-quân thì nay nên chuyển qua Bộ Thương-Mại và thống-trị Đông-Dương từ bây giờ phải là Văn-quan có lợi hơn là các Võ-quan. Đó là phương-pháp tốt hơn cả để thực-hiện hòa-bình và tiết-kiệm, ngoài ra việc binh chỉ cần để giữ-gìn an-ninh trong xứ mà thôi »....

Cuộc thuyết-trình của Paul-Bert có kết-quả là phe chủ-trương thuộc-địa-hóa toàn cõi Đông - Dương thắng phe đối-lập với tỉ-số 274 phiếu thuận tối với 270 phiếu nghịch. Rồi người được cử sang Đông-Dương để thi-hành chánh-sách thực-dân là Paul-Bert, điều này không đáng ngạc-nhiên chút nào. Sau đó Bộ-trưởng chiến-tranh Pháp gửi cho báo-giới tờ điện-văn ông ta nhận được của tướng de Courcy ở bên Việt-Nam với sự phản-đối như sau :

«Tôi đã nhận được một điện-văn nói : da-số trong Ủy-ban

*Ngân-sách đã đồng ý về việc triết-thoái quân-dội... Nếu diện-văn này phô-biến ra các báo-chí ở Đông-duong sẽ có một cuộc nổi loạn và tàn-sát bùng nổ ở khắp mọi nơi.»*

Đây là cả một sự đe dọa Pháp-định.

Ủy-ban này không khác gì Ủy-ban ciru-quốc năm 1793 và 1794 trong ngót một tháng đã triệu-tập một số Bộ-trưởng của các Nội-các trước và một số nhân-vật từng qua Việt-Nam như Brière de l'Isle, Đô-đốc Duperré, các ông Patenôtre, Lemaire, Le Myre de Villers, Thompson, ba bác-sĩ vừa ở Đông-duong v.v... Rồi ông Pelletan, thuyết-trinh-viên của Ủy-ban đã kết-luận sau nhiều buổi trao-đổi ý-kiến :

*«Chúng tôi không muốn có việc sáp-nhập (Bắc-kỳ), chúng tôi cũng không tán-thành chính-sách bảo-hộ ở Bắc-kỳ hay ở Trung-kỳ (1)»,*

Phái đối-lập là Giám-mục Freppel, các ông Lanessan Paul Bert và de Freycinet lôi kéo được vài nhân-vật còn do-dự, rồi ngày 24-12 có việc biểu-quyết ; 274 phiếu thuận và 270 phiếu nghịch, như ta đã thấy trên đây. Tuy thắng nhưng thắng không vẻ-vang lắm nên Thủ-tướng Brisson vẫn xin từ-chức (2), ông Freycinet lãnh-tụ phe thực-dân lên thay và ban hành sắc-lệnh lập bảo-hộ ở Đông-duong ngày 27-1-1886. Thống-tướng de Courcy vì chánh-kiến bất đồng, và có nhiều hận-riêng với ông Silyestre và tướng Warnet nên đã đẩy hai ông này về Pháp (3). Nhưng chính vì sự xung-đột này, ông bị Chánh-phủ Pháp gọi về (28-1-1886) và bắt trao binh quyền cho Trung-tướng Warnet tạm ở lại Việt-Nam giữ chức Tổng-trú-sứ (Toàn-quyền) giữa lúc Warnet đang lên đường về nước. Sau đó ta thấy ông Paul-Bert sang chính-thức lãnh địa-vị Tổng-trú-sứ để kinh-lý mọi việc ở Đông-duong. Từ giờ phút

(1) Ủy-ban định bài binh và chỉ-chuẩn cấp 18 triệu quan mà thôi.

(2) Trong 10 năm bộ Ngoại-giao thay đổi chủ-tới 21 lần. Xin coi P. Le Hautcour quyển 2, trang 549.

(3) Vua Đồng-Khánh phong cho Warnet trước Dực-quốc-công, cho Silvestre trước Vệ-quốc-công. Đây cũng là điều khiếu de Courcy khô chịu thêm

này Tổng-tư-lệnh Hải-quân và Lục-quân lại đặt dưới quyền của Tổng-trú-sứ. Việc này có hai mục-dịch :

A— Mang văn quan ra võ-về để không-khí chánh-trị ở Việt-Nam bót sự nặng-nề, tình-trạng sẽ đỡ sự căng thẳng.

B— Tránh sự xung-đột thường xảy ra giữa văn quan, võ quan. Các nhà chánh-trị ở Paris luôn luôn xắp đi xắp lại lớp tuồng này ở các thuộc-địa, ai mà chẳng thấy ?

Quân-đội Pháp ở Bắc-kỳ bị rút xuống một sư-đoàn (vì lúc này Pháp đã bãi binh với Tàu) gồm ba lữ-đoàn hai đóng ở Bắc, một đóng ở Trung giao cho Trung-tướng Jamont chỉ-huy. Thực ra quân-số này phải được tăng-cường là đàng khác đối với nhu-cầu bình-định thuở ấy.

Theo sử-gia A. Delvaux, việc kế-tiếp tướng de Courcy lúc này cần một tướng lĩnh khác thông-thạo mọi vấn-de ở Đông-dương và có uy-tín đối với quân-đội, tỉ như các tướng Négrier hay Warnet, Nhưng chánh-chủ Pháp lại không tìm được ai, và chẳng giải-pháp bấy giờ là gửi một viên Toàn quyền dân chính qua Việt-Nam nên mới phái Paul-Bert sang. (1)

Tháng 3 năm Bính-tuất (8-4-1886) Paul Bert tới Hà-nội với Paulin Vial và Dillon là tay thủ-túc của ông ta. Paulin Vial được bổ làm Trú-xứ ở Hà-nội, Dillon theo Paul Bert vào Huế nghiên-cứu tình-hình nhưng chẳng bao lâu y lại được phái đi dự Hội-đồng phân-định biên-giới Việt-Hoa ngoài Bắc-kỳ, Hector tới thay y vào tháng 5 năm ấy. Vừa đặt chân lên đất Việt-Nam, Paul Bert bắt tay ngay vào việc mở-mang miền Bắc về mọi phương-diện theo chương-trình khai-thác của Thực-dân : Lập trường học dạy chữ Pháp, làm thêm đê điều, đặt lề chuẩn-cấp các đồn-diền ở các vùng bỏ hoang, lập Phòng thương-mại, lập Hội nghiên-cứu văn-hóa Việt-Nam, lập Bảo-tàng-viện, lập các nhà thương, lập Hội-đồng thành-phố ở Hà-nội và Hải-phòng, Hội-đồng kỳ-mục ở các xã thôn, các sở sách dinh-diền, thuế má v.v...

(1) Sau 6 tháng tích-cực hoạt-động ở Việt-Nam, Paul-Bert mất vào ngày 15 tháng 10 năm Bính-tuất (11-11-1886) linh-cữu đưa về Pháp và Bihourd qua thay.

Kể từ giai-đoạn mới này Nam-triều hoàn-toàn lệ-thuộc Bảo-hộ, mọi việc đều phải trình-bày để lấy ý-khiến hay chỉ-thị của đại-diện Pháp trước khi thi hành.

Rồi Paul-Bert thực hiện ngay việc chia cắt Trung, Bắc kỵ ra làm đôi miền ; Vài kẻ Việt-gian phỉnh-phờ y trong ý-khiến này rằng Nam-triều ưng giao hẳn Bắc-kỵ cho Pháp để Pháp làm thuộc-địa như Nam-kỵ nếu Pháp cho Trung-kỵ được tự-trị. Paul-Bert muốn làm mạnh hơn là chẳng những thuộc-địa-hóa Bắc-kỵ và Bảo-hộ Trung-kỵ còn muốn cắt đứt Bắc-kỵ khỏi Trung-kỵ vì chủ-trương này, từ 1883-84 cho tới 1890 bọn Pháp ở đây đã đuổi một người đàn bà thuộc dòng dõi nhà Lê tính làm con bài chính-trị để tách Thăng-long khỏi Thuận-hóa. Mãi tới 1894 cái mộng tạo ra một « *Nước Bắc - kỵ* » mới chấm dứt. Vào tháng 9-1886 Paul-Bert đã đề-nghị với Nam-triều chế-độ nói trên, nghĩa là rút Bắc-kỵ ra khỏi ảnh-hưởng của Nam-triều, và ở Trung-kỵ có Khâm-sứ và Công-sứ cùng nhiều nhân-viên Pháp nắm giữ các co-cáu quan-trọng. Ngay trong lúc y dự-thảo Qui - ước này, y đã cho quân Pháp ở Nam-kỵ ra chiếm Bình - thuận và Khánh - hòa, sau đó Trần-bá - Lộc còn mang binh ra lấy cả Phú - yên, Bình - định. Miền Nam Trung-kỵ đã bị đeo gợt, miền Bắc cũng bị Paul-Bert cho chiếm Thanh-Nghệ-Tĩnh để sáp-nhập vào bản-đồ Bắc-kỵ, may mắn này nghĩa quân Ba-định và Huong-khê đang hoạt-động mạnh nên Paul - Bert không thực - hiện được ý muốn nói trên. Paul-Bert tuy biết là vi - phạm Hòa-ước 1884 một cách trắng trợn mà vẫn cắt đầu cắt đuôi xứ Trung-kỵ bởi y muốn dùng sức mạnh đè chết phong-kiến Việt-Nam, còn nếu dân Việt-Nam sau khi mất giới lĩnh-đạo của mình mà quay thì chúng dùng vũ-lực để tiêu-diệt nốt. Lấy sức mạnh giải-quyết mọi vấn-đề, đó là truyền-thống chánh trị của bọn thực-dân hôm qua cũng như hôm nay. Paul-Bert, kẻ nổi gót Harmand và sau đó nhiều Toàn-quyền khác đều quen dựa vào bạo lực, mấy phen ra tay sào-sáo hai Hòa-ước Quý-Mùi và Giáp-Thân ?

Trong năm Bình-Tuất Nam-triều có nhờ Pháp mấy việc dưới đây :

Tô-chức cho nước Nam một đạo quân riêng theo lối Âu-châu gồm 6 đại-đội bộ-binh, 2 đại-đội kỵ-binh, 2 pháo-đội,

1 đại-đội quân - nhu, một trường võ - bị ở Huế (do Đại-tá Brissaud cùng một phái-bộ quân-sự của ông lo liệu). Đề-nghị này không được chấp thuận như ý mong mỏi của Nam-trieu vì Pháp thấy tổn nhiều cho ngân-sách, lại nữa họ cho rằng nhân-tâm Việt-Nam chưa thể tin được. Sau họ chỉ lập cho 4 đại đội lính tập, để theo giúp lính Pháp, như vậy 4 đại-đội này có cũng bằng không.

Tháng 5 năm Bính-Tuất Pháp trả cho Nam-trieu nửa số vàng bạc họ đã tịch-thu trước đây, còn một nửa họ nói để dùng vào việc đúc bạc đồng chi lương cho lính tập trong 2 năm và vào nhiều công-tác khác. Một số cơ-sở như vò-khổ, trại lính trong thành nội, sở đốc công và kho đạn cũng được hoàn lại cho Nam-trieu.

Ba tháng sau Paul-Bert vào gặp Đồng-Khánh yêu cầu Nam - triều nhường thêm đất ở Mang-Cá để Pháp mở rộng doanh-trại và xin đem những đại-bác bằng đồng phá ra để đúc tiền đồng làm tiền chi-dụng vào việc này. Họ hẹn nếu quân Pháp có chỗ đồn trú rồi họ sẽ trả nốt các cơ-quan họ đang tạm chiếm. Việc phá súng sau mấy tháng bàn soạn đi tới chỗ quyết định: Ta xin đài-thợ tiền xây cất doanh trại cho Pháp để giữ lại 9 khẩu đại-bác hiệu « *Hùng dũng vô-dịch đại-lương quân* » và 60 khẩu nặng 70 vạn cân tây (120 vạn cân ta) trị giá bảy giờ là 120.000 đồng. Xin nhắc sau vụ Kinh thành thất thủ, Pháp thu được của ta tại Kinh-đô và ở các đồn xa 1440 khẩu đại-bác bằng đồng, Theo quyết định trên đây ta phải mua lại của họ. Nam-trieu còn phải bực mình về nhiều việc khác như: việc Thống-đốc Nam-kỳ cho quân ra chiếm tỉnh Bình-thuận, (1) số tiền phải trả cho Nam-kỳ bằng tiền thuế thu ở Bắc-kỳ, các giáo-sĩ hay can-thiệp vào các dân sự để bênh-vực

(1) Việc Thống-đốc Nam-kỳ theo lệnh P. Bert cho quân ra chiếm Bình-thuận xảy vào tháng 7-1886. Chỉ huy đội quân này là de Lorme. Trần-Bá-Lộc bình-dịnh xong 4 tỉnh miền Nam Trung-kỳ được cử luôn làm Tổng-đốc Bình-Thuận. Nam-trieu không khỏi bỡ ngỡ trước những hành-động này của Pháp nên đã phản đối việc chiếm thành đặt quan của Pháp là điều trái hẳn với Hòa-ước Giáp-thân. Ngày 12 tháng 9 Paul-Bert vào Huế giải thích rằng các vụ trên đây chỉ là những biện pháp thích-nghi nhất thời mà thôi.

người Công-giáo, quan Pháp tự tiện tự bắt giam hay xử-trị nhiều quan lại Việt-Nam, việc bồ-nhậnm quan chức ở các tỉnh Trung, Bắc lưỡng kỵ, việc bắt 4 tỉnh Nam Trung-kỵ nộp chiến - phí cho Trần - Bá - Lộc sau vụ đánh dẹp quân cách-mạng của Cử-nhân Mai-xuân-Thưởng tại Phú-yên, Bình-dịnh, Khánh-Hòa, Bình-thuận...

Vấn-dề tiền bạc cũng có sự vi-phạm Hòa-ước về phần Pháp : theo khoản 11 của Hòa-ước, tiền thuế định - diền ở Bắc-kỵ do hai chánh-phủ Pháp - Nam thâu, trừ một số nhập vào công-quỹ do một Hội đồng hỗn-hợp định, còn bao nhiêu trả về cho Nam-trieu. Nhưng từ năm Bình-tuất Paul-Bert chỉ cho nộp về Kinh có 38 vạn quan tiền, 38 vạn phương lúa (mỗi phương giá 5 quan, như vậy được tất cả là 228 vạn quan). Nam-trieu kêu không đủ chi-dụng, xin minh định phần dành cho Nhà-nước Bảo-hộ và phần riêng của Nam-trieu cho tiễn. Trong khi 228 vạn quan ấy chưa đưa về Huế, Tổng-trú-sứ Bihourd lại định chỉ đưa 1/5 số thuế ấy cho Nam-trieu ( $7.500.000 : 5 = 150$  vạn quan tiền tây tức 187 vạn 5.000 quan tiền ta mà thôi). Đến như vậy Pháp cũng lại còn không sòng phẳng. Sau nhiều lần khiếu-nại với Bihourd và Toàn-quyền Constans tháng 2 năm Mậu-tí (Đồng-Khánh thứ ba 1888) Nam-trieu gửi công-diệp sang Pháp yêu cầu thi-hành đúng Hòa-ước. Nam-trieu phản-dối cả vụ các cố-đạo và các Linh-mục can-thiệp vào việc nội-trị, yêu cầu việc này phải do các quan Nam xét-xử, các việc cách-bãi, trừng phạt các quan-lại cũng phải là công-việc của Nam-trieu, nếu người Pháp giành lấy quyền này trong lúc lòng dân còn sôi nổi sẽ có hại. Trong dịp này Tuần-vũ Ninh-Bình Đồng-sĩ-Vịnh, Tri-phủ Trần-bạch-Lân, Tri-huyện Nguyễn-như-Xước v.v... không phạm lỗi gì mà cũng bị Pháp bắt rồi xử tội trảm và tội lưu (hắn các ông này không vào hùa với bọn Việt gian).

Pháp còn tước thêm ảnh-hưởng của Nam-trieu khiến vua quan của ta thành *hữu dach vô thực* là việc bồ-nhậnm quan lại cũng do tay quan Pháp làm nỗi. Họ lấy cớ rằng Nam-trieu ở xa, việc bồ-nhậnm quan lại để nha Kinh-lược

Bắc-kỳ lo liệu cho tiện. Nha Kinh-lược lúc này là một cơ-quan tùy thuộc hoàn-toàn Bảo-hộ. Họ thu-dụng quan lại xong mới tường-trình về Huế không ngoài mục-dịch lựa chọn các phần-tử thân Pháp, hầu tránh những việc gây rối của người Việt. Ý của Nam-triều thì ít nhất các văn-võ ấn-quan phải do Triều-định cắt cử, còn các chức phụ-thuộc như phủ huyện trở xuống thì giao cho nha Kinh-lược tiến cử rồi trình Bộ xét lại.

Lời kháng-nghị của Nam-triều, buồn thay chỉ là truyện giao chém nước.

Theo Hòa-trớc, Pháp chỉ có thể đặt Trú-sứ-quán ở các cửa bể khai-thương để trông coi việc thương-chánh, Pháp nhận việc bình-định đã đặt Trú-sứ-quán và quân-đội ở cả các nơi không có cửa bể khai thương. Nam-triều lấy lẽ lúc này tình thế đã yên, xin Pháp bãi bỏ các Trú-sứ-quán và đồn lính đã thiết-lập ngoại-lệ, Pháp cũng ậm-ừ cho qua, Nam-triều cũng đành chịu. Ngoài ra Nam-triều đòi xin Pháp giao lại các Hành-cung các tỉnh đang bị các nhà quân-sự Pháp chiếm đóng.

Một việc khác khá túc cười sau vụ đánh dẹp Nghĩa-quân ở 4 tỉnh miền Nam Trung-kỳ (do Thiếu-tá de Lorme và Trần-bà-Lộc) bọn Việt-gian đã có sáng-kiến chia các thân-hào các vùng chống Pháp ra làm 5 hạng để định tiền phạt tùy theo giàu, nghèo, nhiều, ít. Nam-triều xin định thu số tiền này vì theo khoản 15, việc đánh dẹp các mồi loạn ở trong nước cũng như ở ngoài nước, không có vấn-de bồi-phí (việc này là một trong nhiều khoản ghi trong thư gửi cho Giám-quốc Pháp tháng hai năm Mậu-tí).

Tháng chạp năm Đinh-hợi, Pháp trả lại cho ta miếu công-thần và các trại lính cũ trong kinh-thành từ cửa Tây-Nam đến cửa chính Tây; đến tháng 8 năm sau nữa (Mậu-tí) họ mới giải-tỏa hoàn-toàn Kinh-thành sau lời kêu nài liên tiếp của Nam-triều.

Nhìn các sự việc trên đây, về các cơ-sở trong kinh-thành Pháp tràn trù rất nhiều mới trả hết là do có ý vẫn

e ngại ta bất ưng chống lại. Ngoài ra họ còn có ý muốn kéo co với Nam-triều trong nhiều vấn-đề khác để lấy sự tương nhượng.

Qua việc tiền bạc, thuế má và súng ống, thực-dân đã cho ta thấy chánh-sách ăn cướp một cách trắng-trợn của chúng. Đến cả việc phạt tiền các tinh chổng Pháp tại miền Nam Trung-kỳ cũng như ở ngoài Bắc qua mấy chục năm ly-loạn, dân đã nghèo xác-xơ, vậy mà khi họ thắng trận đã nghĩ luôn đến việc làm tiền không kẽ rảng làm tiền như vậy là vô nhân-đạo và ti-tiện. Họ vi-phạm hòa-ước Giáp-thân trong nhiều khoản cũng là việc cho ta ngày nay thấy họ không coi Nam-Triều ra gì nữa sau khi sức kháng chiến của sĩ-dân Việt-Nam ngày một yếu dần.

Họ còn tiếp uy-thể cho các cổ-đạo, cụ Đạo và các giáo-dân không ngoài mục-đích dùng đâm người này làm đạo quân thứ năm thường-trực ở khắp nơi hang cùng ngõ hẻm trên đất Việt-Nam.

Chánh-sách của họ thật là nguy - hiểm, quí-quyết, sâu sắc hơn ta cả nghìn lần, nhưng trách họ tàn nhẫn tham lam, dã-man, vô nhân-đạo, thì cũng nên trách luôn mình u-mê, hèn yếu, nhất là những kẻ có trách-nhiệm trước Quốc - Dân và Lịch-Sử trong giai-đoạn này...



## PHỤ-LỤC

### ÔNG TÔN-THẤT-THUYẾT TỨC NGUYỄN-PHÚC-THUYẾT (1835 — 1913)

Ông Nguyễn-phúc-Thuyết tức Tôn-thất-Thuyết, hiệu Huyền-am là cháu vị Hoàng-tử tú-đại nguyên-súy Nguyễn-phước-Hiệp. Ông ra đời vào năm 1835, học - thức không nhiều, nhưng có nhiều sở-trường về võ-nghiệp. Ông đã lập được nhiều chiến-công từ ngày nước nhà bị Pháp xâm-lăng. Nơi ông phục-vụ cuối cùng là Bắc-kỳ dưới quyền của Tiết-chế quân-vụ Hoàng-tá-Viêm tại Sơn-tài. Sau này Thăng-long thất-thủ, ông được gọi về kinh và giữ Bộ-binh.

Bấy giờ ông 50 tuổi, nhưng ông trẻ hơn tuổi, thân-hình vạm vỡ, béo tốt và khoẻ mạnh. Ông khác người ở chỗ hơi to bụng, tóc ngắn (không để búi tó như người đồng thời) ăn mặc rất giản-dị. Ông rất nóng tính nhưng rất sảng với quyền-lợi của Hoàng-Triều và của quốc-gia; lòng trung quân, ái-quốc của ông được bộc-lộ nhiều lần trong các hành-động do đó khi vua Tự-Đức hấp hối đã chỉ định ông làm Phụ-chính đại-thần bên Nguyễn-văn-Tường và Trần-tiễn-Thành để diu-dắt vua mới (Dục-Đức) mà Ngài đã đặt lèn Ngài vàng một cách bất-đắc-dĩ. Sau này việc nước rối-ren, Thực dân Pháp mua chuộc nhiều người trong Hoàng-gia và các quan giữ các co-cầu trọng-yếu, nhưng họ không mua được ông và ông Tường, Triều-dinh bấy giờ chia ra hai phe : Trần - tiễn - Thành đệ nhất Phụ - chánh cầm đầu đám người chủ - hòa. Ông Tường và Thuyết lĩnh-đạo phái chủ chiến. Hai ông Tường, Thuyết hợp sức với nhau trừ ông Thành. Hai ông ngờ ông Thành vì có lập-tường ôn-hòa đối với Pháp rồi ông Thành bị lính Phản-nghĩa giết thì hai ông Tường, Thuyết lại ngầm chống nhau, có lẽ

do kế ly-gián bí-mật của thực-dân. Một thời ông Thuyết phải trao bộ Binô cho ông Tường. Thực - dân lo ngại ông Thuyết nắm quân-đội trong tay là điều vô-cùng nguy-hiểm. Ông Tường cũng là mối lo của chúng bởi ông có nhiều ảnh-hưởng tại triều không những vì chức-vụ và khả-năng chính-trị, ông lại còn có con trai lấy một công-chúa chị em của hai vua Kiến-Phúc, Hàm-nghi. Cho tới gần ngày xảy ra vụ đại biến ở Kinh-thành (5-7-1885) lập-trường của hai quan Phụ-chánh Tường Thuyết rất xa nhau. Tường là con người sâu-sắc, thận-trọng, chủ-trương nuôi dưỡng bộ - đội để bảo - vệ uy - quyền của Nam - triều. Ông không tin vào chỗ ăn thua với Pháp bằng sắt máu. Nói cách khác ông muốn lấy quân-đội để ủng-hộ chính-trị, ngoại-giao mà thôi. Ông Thuyết tinh tinh cương-cường, nghĩ trái lại. Theo ông, thời-cuộc Việt-Pháp bấy giờ phải đi đến chỗ võ-trang tranh-dấu họa may mới giải quyết được mọi vấn-de, nhất là nước Việt-Nam qua Hòa-ước Quý-mùi và Giáp-thân phải coi là đã mất vào tay Pháp. Ông Thuyết là nhà ái - quốc nồng nhiệt nên có nhiều tu-tưởng đề-kháng. Chính cái lòng ái-quốc nồng nhiệt ấy đã soi sáng hành-động của ông vì quả thuở ấy, nước Việt - nam đã như miếng thịt ngon lợt dần vào miệng hùm, họng sói, chỉ còn dùng sức mạnh mà giành lại hơn là van sói nai cọp đừng nuốt mồi. Như vậy tuy ít học hơn Tường mà ông Thuyết lại có chính-sách thực tế hơn, bởi thế sau này ông không chịu để cho bọn Lemaire, Rheinart, De Champeaux đi quá trớn. Đã có lần bọn Khâm-sứ Pháp ép Nam-triều đòi ông Thuyết từ bộ Binô sang bộ lại, nhưng không xong, lại có phen họ đòi Nam-triều gầy ông Thuyết ra ngoài Hội-đồng Phụ-chính cũng không ổn. Trước sự thất bại này, Lemaire, De Champeaux và cả Brière de l'Isle đều nhận-định rằng phải dùng vũ-lực để giải-quyết vấn-de đối với ông Thuyết, xét rằng ông không bao giờ rời bỏ ý-chí chống Pháp. Trong giai - đoạn cái nhợt bọc chửa vỡ toang, Pháp đã làm cho một việc rất thực - tế và cần - thiết đổi với họ là bao vây ông Thuyết bằng bè lũ Việt - gian trong Triều - đình và trong Hoàng - tộc ; về quân - sự, họ cố hoàn thành gấp việc bình-định Nam-Bắc-kỳ để cô-lập lực-lượng Bình-trị-Thiên là trung-tâm kháng-chiến của Việt-Nam

lúc này. Họ xúc-tiến gấp cả việc chiếm-hữu các cơ-quan thương mại, thương-chính, thuế-vụ ở Huế, Đà-nẵng, Qui-nhon là các nơi thuộc quyền nội-ri của Nam-triều và là huyết mạch của chánh-quyền Thuận-hóa Tóm lại, kế-hoạch của Thực-dân Pháp lúc ấy là lấn đất, lấn quyền, đeо gợt, rút rỉa xương máu của dân-tộc Việt-nam trên mọi phương-diện để dân tộc ta đi đến chỗ kiệt-quệ, tức là không còn hơi sức để chống họ. Như vậy khi thực-lực của quốc-gia Việt-Nam bị tiêu mòn dần, họ chỉ cần giáng một nhát búa cuối cùng là xong hết. Đấy cũng là một phần ý-kiến của một số giáo-sĩ, đứng đầu là Giám-mục Puginier, Gaspar và Linh-mục Trần-Lực người cầm đầu khu truyền giáo lớn nhất tại Bắc-kỳ : Phát-Diệm.

Rồi ta thấy sau vụ Kinh-thành thất thủ, vào những tháng cuối cùng của năm 1885, ông Tôn-thất-Thuyết chỉ còn biết nhìn sang phía Trung-quốc để nuôi dưỡng những hy-vọng cuối cùng. Nhưng ông Thuyết cùng Tả quân Trần-xuân-Soạn và Phó-sứ Sơn-phòng, Tân-sở Ngụy-khắc-Kiều còn ở bên vua Hàm-Nghi tới cuối tháng giêng 1886. Các ông đã lên đường sang Tàu vào tháng hai năm ấy.

Theo bức thư của Cơ-mật-Viện gửi cho quyền Khâm-sứ Hector, ông Thuyết đã rời Nghệ-an vào tháng 3 (1886) cùng với 50 người tùy tùng và lưu-trú ở vùng thượng-du Thanh-hoa thuộc huyện Cầm-Thủy để gặp Trần-xuân-Soạn và em ông là Lê-Hàm. Linh-mục Trần-Lực tức cha Sáu ở Phát-Diệm xác nhận bức thư này, theo đó ông Thuyết đến trú-ngụ một đêm tại nhà thò-hào Cầm-bá-Thuóc tại làng Trịnh-Vạn rồi ngược sông Mã ngày 19-3 Âm-lịch tức 22-4-1886. Ông lưu lại nhiều ngày ở Điền-Lư (cũng xứ Mường), thượng-lưu sông Mã tại nhà Cai Mao (1) là một tù-trưởng của đồng-bào Mường đã ly-khai với chánh-quyền thân Pháp thuở đó. Ông này đã chống Pháp rất hăng-trớc đó ít tháng, đã giết được viên Đại-ý Dardaud và nhiều binh-sĩ, lại liên-kết được với một đám quân Tàu đánh phá các làng Mường thân Pháp nhưng sau cũng đi

(1) Cai Mao đây là Hà-văn-Mao. Trên đây ở trang 54 chúng tôi viết là Cai Mân; vậy xin định chính.

đến chỗ thất-bại và tự hỏa-thiêu mà chết hoặc bị giết do nội-phản vào năm 1886.

Ông Thuyết ngược sông ~~ki~~, lên đền Lai-châu vào nhà tù-trưởng Diêu-văn-Trì hồi tháng 6-1886. Ông bị đau nặng phải ở lại đây dưỡng bệnh tới 5 tháng. Ông được săn sóc rất chu đáo. Nếu như họ Diêu tầm thường như nhiều kẻ khác bắt ông đem nộp hoặc giết ông đem đầu nộp Tây thì đã lĩnh thưởng được 1000 lạng vàng (Pháp còn tuyên-bố ai bắt được vua Hàm-Nghi sẽ thường 5.000 lạng vàng). Tại Lai-châu ông Thuyết được coi Đạo Dụ của vua Đồng-Khánh ban-hành ngày 11 tháng 8 Đồng-Khánh nguyên-niên (12-7-1886) nói tha tội cho ông về những việc đã qua nếu ông trở về với Triều-định, nhưng kèm với Đạo Dụ trên đây, Đồng - Khánh lại có một bản thông - cáo kê tội các tên « *Thuyết và Soạn* » như sau đề ngày 2-7-1886 :

« *Tội của các người nhất định là rất nặng, nhưng lòng quảng-dại của Trâm rất lớn nên Trâm có thể cho các người trở về và tha chết cùng cả những kẻ mà các người lôi kéo vào con đường sai lầm* ».

« *Trâm sẽ cho lưu đày các người tại nguyên quán (Thanh-hóa) và nếu sau này các người biết ăn-năn hối quá, Trâm sẽ xét lại và cho phục hồi danh vị. Còn nếu cứ ngoan-cố, trâm sẽ trừng phạt các người về những tội làm ác làm cực khõ trãm họ. Đầu các người và dư đảng sẽ bị treo thưởng...* ».

« *Các người phải gánh hết mọi trách-nhiệm đã reo họa cho nhân-dân, họ sẽ nguyên rủa các người muôn đời. Tôi tay định của các người sẽ không thể tha thứ được và không một nước xa xôi nào dung nạp được các người. Họ đang ở trong tay các người, mong các người nên tinh-táo* ».

Đầu năm Đinh-hợi (1887) ông Thuyết rời Lai-châu cùng với Diêu-văn-Trì và hai chục kẻ thân-tín đi qua các vùng Bình-lư, Ba-xá và Mang-hao rồi tới Vân-Nam-Phủ (1). Họ Diêu giới thiệu

(1) Theo Pavie trong Mission Pavie, quyển II trang 20, khi Diêu-văn-Trì trở lại Việt-Nam, ông Thuyết cho thủ-hạ giết đi dè khỏi bị lộ tông-tích. Không rõ việc này có đúng không vì chỉ có người Pháp nói đến vụ này.

Tôn cho viên Phó Tổng-đốc Văn-Nam và Sầm-công-Bảo. Ông Thuyết được tiếp đãi rất ân-cần, trọng hậu, sau đó Sầm tặng ông Thuyết 500 lạng bạc và 50 quan tiền. Ông Thuyết cũng tặng họ Sầm một số vàng không kém phần quan-trọng.

Một tháng sau các nhà chức-trách Tầu đưa ông lên Quảng-Đông, nhưng ông không làm sao gặp được viên Tổng-đốc Lưỡng-Quảng. Tới Quảng-Đông được một tháng thì ông Đề Soạn cũng tới. Viên Lãnh-sự Pháp ở đây được tin liền gửi thư cho Richaud, Toàn-quyền Đông-dương vào ngày 26-3-1888 báo rằng một người Việt-Nam đang có mặt tại nhà Lưu-vịnh-Phúc ở Sa-Hà, có thể nghi là Tôn-thất-Thuyết, nhưng xét đoán lại các chi-tiết thì người đó là ông Đề-Soạn (1).

Một gián-diệp của tướng Bégin đã khám phá ra chỗ ở của ông Thuyết tại phố Cửa-Nam thành Quảng-Đông ngày 10 và 11-3-1887. Sau đó ông Đề-Soạn và Nguyễn-khắc-Kiều được gặp một Phụ-tá của Tổng-đốc Lưỡng-Quảng cho hay Chánh-phủ Bắc-kinh đã ký hiệp-ước với nước Pháp rồi nên không thể chấp-thuận được sự khiếu-nại của vua quan nước Nam đối với việc bảo-hộ của Pháp. Nhưng họ hứa giúp cho bọn ông Thuyết tiền bạc để chi-dụng trên đường hồi-hương. Vài tháng đầu các nhà cầm-quyền Trung-quốc chưa có thái-độ gì với bọn ông Thuyết, nhưng sau này viên Lãnh-sự Pháp ở Quảng-Đông đưa ra lời kháng-nghị, tiếp theo lại có sự phản-đối của sứ-quán Pháp ở Bắc-kinh nên Tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Trương-chí-Long phải gửi công-diệp cho Pháp như sau. Đây là lời tóm-tắt :

*« Gần đây một vị thương quan Việt-nam tên là Nguyễn-phúc-Thuyết cùng với mươi kê phụ-lá có đệ tên Triều-dinh chéng tôi một văn-kiện than phiền sự ngược-dai của người Pháp trên đất Việt-Nam để lâu lén Hoàng-đế. Nhưng bắn-chết đã cho cấp tiền bạc để họ hồi hương, nhưng họ nói không thể trở lại được đất Việt, do đó bắn-chết cho lệnh phát cho họ hàng tháng một số tiền là 57 lạng bạc 36 xu và ủy viên Đại-tá quản-vụ thị-trấn Quảng-Đông giám hộ. »*

(1) Xin nhắc rằng ông Trần-xuân-Soạn còn có mặt trong cuộc chéng Pháp tại Ba-đinh (Thanh-hóa) năm 1886-87.

*«Nhưng việc giam giữ họ ở giữa thành-phố này cũng có nhiều trở ngại nên bản chúc đưa họ về Lo-Ting-Tchéon (Long-châu) để các nhà chức-trách dân quân chính tỉnh này trông coi. Viện Tri-phủ ở đây phải trích hàng tháng 57 lạng bạc ở sổ tiền thuế Quế cấp cho bọn họ để làm tiền ăn tiễn. Bản chúc cho họ biết không được phép tăng thêm sổ người lòng vong dù cớ nào. Họ không được tính toán việc gì từ nay và cầm không được bước ra khỏi thành phố (1)... »*

Tại Lo-Ting-Tchéou bấy giờ có Đề-Soạn, Ngụy-khắc-Kiều và 9 tùy-viên kề cả binh-sĩ trong có Võ-cử Nguyễn-viết-Tôn. Sau này một nhà cách-mạng, ông Nghè Tống-duy-Tân trước đây có hoạt động ở vùng Thanh-hóa, cũng tìm đến ở với bọn ông Tôn-thát-Thuyết; 5 tháng sau, Tống-duy-Tân lên đường trở về Việt-Nam (2).

Tháng 2 năm 1891 Chánh-phủ Tàu ra lệnh đưa ông Thuyết và đồng bọn về Thiêu-quan là nơi gần tỉnh Phúc-kiến. Họ đi bộ luôn 18 ngày. Tới đây trừ ông Thuyết còn các tùy-viên được tự do ra ngoài thành phố. Ông Thuyết ở nhà vì bị cầm túc buồn quá, không còn làm được việc gì khác hơn là hút thuốc phiện. Ông Soạn và Kiều tới đây vài tháng thì bỏ ông Thuyết ra về vì không chịu được tinh gắt gỏng của ông Thuyết hàng ngày.

Tháng 4 năm 1891, nhà chức-trách Pháp chụp được hình ông Thuyết, và mấy thuộc-viên trong đó có một người Tàu là Trần-trí-Đông, Hà-ngọc-Bội, Nguyễn-viết-Tôn và vài tên lính. Đến lượt Tòn qui hồi cổ-hương (vào tháng 2-1892) chỉ còn có hai đồng bào Việt-Nam bên cạnh ông tướng bại-trận mỗi ngày thêm bạc đầu vì cái hận khứ-quốc và vong-quốc. Người trong thành-phố này chỉ biết đại-khai tung-tích của nguyên Phụ-chánh họ Tôn. Họ gọi ông là «vua Annam». Từ 4 năm ông ở Phố Co-hao-Kai, bên nhà một hào-mục người Tàu tên là Tsen-Fong-Tseug và sau tới ở phố Wong-

(1) Theo sử của T.V.C quan lại Tàu sau này có thả ngầm ông Thuyết để ra hoạt động & ngoài biên-giới. 2.— Ông Tống sau bị Pháp bắt được và đưa chém tại Thanh-Hóa vì lãnh đạo cuộc Hùng-linh khởi-nghĩa.

Kau-Kai. Ngôi nhà của ông có vẻ cũ nát và nghèo nàn. Người ta ít thấy ông ló mặt ra ngoài, còn những người tùy-thuộc thi ăn mặc rất lam-lũ, tiêu-tụy. Năm Quang-Tự thứ 27 (1899) ông Thuyết lấy một góa-phụ người Tàu nhưng không còn sinh nở nữa. Năm 1895 ông Thuyết có một lá sớ dâng lên vua Tàu và được cấp mỗi tháng 60 lạng bạc cho đến khi nhà Thanh đổi, Trung-hoa Dân-quốc ra đời (1912) việc tiếp-tế cũng không thay đổi. Năm 1897 ông cho Tsen-Fong-Fseung vay 1.500 lạng bạc nhưng sau đó người này không chịu trả. Ông làm đơn thưa kiện, kẻ bùa nợ bị tù rồi chết trong nhà lao. Sau nhà chức-trách Tàu bắt giam con tên Tseung nhưng cũng vẫn không đòi được món nợ.

Trong những năm tàn, ông Thuyết càng như điên dại, hẳn vì ông nghĩ nhiều về cuộc thất-bại bên nước nhà, đau đớn vì hết hy-vọng xoay chuyển thời-cuộc. Người ta kể rằng, khi ông sang Tàu có đem theo một thanh kiếm rồi mỗi khi nhớ nước, nhớ nhà, ông cầm gươm chém vào một hòn đá như để trút bỏ nỗi hận vào hòn đá, hòn đá tượng trưng cho quân xâm-lăng chăng? Vào tháng ba năm 1913, ông đau nhiều, không ngồi dậy được rồi thở hoi cuối-cùng vào ngày 28 tháng 6-1913 tại Long-châu thọ được 75 tuổi.

Một nhân-sĩ Tàu cảm thương ông Thuyết là người tiết-nghĩa, có hai câu đối viếng ông như sau :

**Quý bất khả ngôn, thiên cồ trung hồn lai Tượng-Quận  
— Tôn vô nhị thượng, bách niên tàn cốt kỵ Long-châu.**

Cũng nên nhắc rằng 1895 biên-thùy Hoa-Việt chưa bị đóng kẽ, Tôn

(1) Đôi câu đối viếng cụ Tôn-thất-Thuyết này do cụ Nguyễn-thượng-Khôi bào-de cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền đã trao cho chúng tôi (Cụ Nguyễn-thượng-Hiền là rể của cụ Tôn-thất-Thuyết). Còn hai câu :

Thù Nhung bát cộng ái thiên vạn cồ phuong-danh lưu Tượng-Quận.

Hò giá biệt tần tĩnh địa thiên niên tàn cốt kỵ long-châu.

có lẽ không đúng hẳn, nhưng hai câu này đã được phổ biến ở nhiều sách,

thất-Thuyết và Nguyễn-thiện-Thuật vẫn còn loanh quanh ở vùng lân cận để liên-lạc với Kháng-chiến trong nước. Trong việc này Đại-tướng Cò-Đen Lưu-Vĩnh-Phúc giúp sức một phần nào. Ông Thuyết chiêu-mộ binh-sĩ, tiếp nhận trâu bò và các lâm-sản, thô-sản, Việt-Nam gửi qua Tàu để đổi vũ-khi, quân-nhu. Ông cũng lo cả chỗ ăn chỗ ở cho các lãnh-tụ nghĩa-quân khi cần vượt biên-giới, để nghỉ ngơi sau khi bị địch càn quét dữ dội hay bị đánh bại. Có lần ông tổ-chức việc đánh tinh Cao-Bằng. Tại đây ông đã vận-động mấy cuộc tấn-công và cuộc tấn-công cuối cùng diễn ra vào tháng 3-1895. Nghĩa-quân chiếm vùng Lục-khu, nhưng nghĩa-quân hầu hết là người Tàu không có gốc dã của nhân-dân ta nên bị quân Pháp đẩy lui.

Nhà cách-mạng lưu-vong này còn gặp nhiều sự khó-khăn bắt ngò nữa là trong những năm đầu (1885-1894) quan lại nhà Thanh đã làm ngơ cho bọn Ông Thuyết hoạt-động nhưng sau xảy ra cuộc chiến-tranh Trung-Nhật ở Đông-Bắc, Trung-quốc, Thanh-dinh không dám tiếp-tục giúp đỡ người chinh-khách lưu-vong e Pháp sẽ vẹn vào sự-kiện này mà gây rối ở Hoa-Nam. Họ sợ cái vạ nhà cháy hai đầu, Thanh-dinh, xét cho đúng, đã hành-động hợp lý theo quyền lợi của họ vì trong năm 1894-1895 qua, Pháp đã biết họ lợi-dụng sự lúng-túng của Tàu để đưa ra đề-nghi khóa chặt biền-thùy Hoa-Việt. Sự công-tác Trung-Pháp trong vấn-dề này quả đã gây nhiều sự thiệt hại cho Kháng-chiến Việt-nam. Rồi cuộc bình-định miền Thượng-du Bắc-việt mỗi ngày mang lại cho Pháp nhiều kết-quả tốt đẹp: Một số lãnh-tụ nghĩa-quân bị bắt hay bị giết khi vượt qua biên-giới Tàu, Tôn-thất-Thuyết bị di an-tri xa hơn, Lưu-vĩnh-Phúc cũng bị quan lại Thanh và Pháp tìm cách cô-lập do đó mưu-toan cuối cùng của ông bị yêu-vong.

Ngày nay chúng ta hiểu tâm-sự và hành-động của Tôn-thất-Thuyết thế nào?

Bàn về việc đánh úp quân Pháp ở đồn Mang-Cá, tác-giả cuốn « *Chống xâm lăng* » (Lịch-sử Việt-Nam từ 1885 - 1898). Phong-trào Cần-vương, ông T.V.G. viết :

« *Nam-riều bị bắt buộc phải kháng-cự bằng vũ-lực hay*

*là phải bó tay nộp các lãnh-tụ ái-quốc và giải-tán quân-dội. Bằng không nộp Thuyết và giải-tán quân-dội thì de Courcy sẽ nô sảng trước. Những việc đã xảy ra ở Hà-nội năm 1873 và 1883 với F. Garnier và H. Rivière còn rành-rành trước mắt. Những bài học đau đớn của Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu, ai có thể chối cãi được ? Nay quan quân và nhân dân Kinh-thành sắp gặp cảnh tǎn công man trả của địch thì phải làm sao ? Cuộc đốt máu đêm 4-7-1885 ở Huế tuyệt đối không gọi là cái « Bẫy Tráp » của Tôn-thất-Thuyết mà là một cuộc chiến đấu tự-vệ của quân và dân ta trước sự tấn công, và âm mưu cạm-bây của địch. Nguyễn-văn-Tường hòa-hoãn ; Thuyết không chịu Tẩy hạ-thủ trước. Đúng về lý mà nói, chắc hẳn khỏi phải thảo luận rằng Pháp đã gây chiến-tranh xâm-lược Việt-Nam từ 1858 ; lần lượt chúng chiếm miền Nam rồi miền Bắc rồi miền Trung thì tất nhiên không có Hòa-ước nào ký-kết giữa Pháp và Triều-dinh là không bắt công, không ép buộc cả. Dân-tộc bị áp-bức, bị xâm-lược có quyền kháng cự bắt cứ lúc nào, đó là quyền thiêng-liêng, và lại sứ-giả gì mà đến với 1.400 quân ? Sứ-giả gì mà muốn giải-tán quân-dội nước khác trái với Hòa-ước mà bọn họ mới ký-kết năm ngoái ? Cho nên vì dù đêm 4-7-1885 Thuyết có nô sảng trước thì thực-tế kẻ gây chiến vẫn là thực-dân Pháp, vẫn là de Courcy »*

Chúng tôi đồng ý T. V. G. về vấn-dề này nhưng không thể tán thành cả quan-diểm dưới đây của tác-giả « Chống xâm lăng » khi bàn đến chủ-trương chánh-trị của Tôn-thất-Thuyết :

*« Ngày nay ta ngó lại lịch-sử 80 năm qua mà xét thì hẳn là ngày Thuyết cũng không phải là lúc nào cũng quyết tâm chống Pháp để khôi-phục giang-san.*

*« Năm quyền-bình trong tay, Thuyết không sớm thừa những cơ-hội hầu như cuối cùng khi Pháp thua trận ở Cầu Quan-Âm hay ở Lạng-sơn mà cõi đồng-bảo cả nước nỗi lên đánh Pháp và bản-thân mình cầm quân đánh Pháp ; một cuộc tổng-ứng-nghĩa như thế rất có thể làm懦 lòng người Khơ-me ái-quốc, có thể tăng thêm nhuệ-khi cho quân đội Trung-quốc ; nói cho cùng lý mà nghe, thái-độ rút quân ngồi xem và chán - bị chậm*

*chợp, cù sự trễ-tràng của cánh Thuyết ở triều-dinh Huế không khỏi gián-liếp khuyến-khích phe cầm-quyền nhà Thanh không tiếp-tục chiến-tranh chống Pháp nữa và ngay cả những người đồng cảm tình với nước Việt-Nam như Thương-tướng Lưu-vịnh-Phúc cũng có lúc nản lòng, thấy Triều-dinh Huế xem việc chống Pháp như là việc riêng của Trung-quốc. Nhưng mâu-thuẫn thay, Tôn-thất-Thuyết vẫn tiếp-lục lo tu bờ các cứ-diểm trong vùng núi gọi là Sơn-phòng. Ông tập-trung quân các tỉnh ở Bắc-kỳ về giữ Huế. Ông đặt nhiều đại-bác trên thành chĩa họng vào Sứ-quán Pháp, đó là những bắng có chứng rằng ý chí dẽ - kháng của phe ông không phải là đã nhụt đi. Nhưng đồng-thời ông chịu cho Pháp lấn lướt mãi như chúng đánh lầy thành Bình-dịnh, bắt triều-dinh khóa các đại-bác trong thành. Ông vẫn bóp bụng chịu, không dám sớm kháng-cự. Hơn nữa, khi quân Pháp và đại-diện nhà Thanh lên Hưng-hóa, Tuyên-quang để bảo tin cho quân Thanh rút qua biên-giới, vị nguyên Bố-chánh Sơn-tây là Nguyễn-văn-Giáp cầm đầu nghĩa quân đón đánh kẻ địch thì triều-dinh đã nghị rằng Giáp mưu phản, là đại-nghịch, lén án tử-hình, nhưng may là Giáp không bị bắt. Do sự mâu-thuẫn này, ta có thể cắt nghĩa được rằng bản-chất của giai-cấp phong-kien trong điều-kiện lịch-sử lúc bấy giờ là không còn thấy rõ tiền-dõ nữa; cũng có thể cắt nghĩa được rằng sự có mặt trong phe dẽ-kháng, một số người chỉ dám dẽ-kháng bằng mồm như Nguyễn-văn-Tường, một người chỉ biết chuyện-biện, lầm khi cũng khéo, nhưng không dám quả quyết hành-dộng, khi nghĩ đến kháng-chiến thì cũng đã nghĩ đến đầu hàng... »*

Ý nghĩ này, theo chúng tôi không xác-đảng lắm. Việc chống Pháp tại Bắc-kỳ thuở đó đã rõ rệt trao cho Hoàng-tá-Viêm và Lưu-vịnh-Phúc. Còn mọi việc ở Trung - kỳ thuộc trách-nhiệm của ông Thuyết, phân-phối cùng-tác như vậy là hợp-lý nên đến nay không ai thấy nhà viết sử nào ngoài ông T. V. G.,chè trách ông Thuyết đã hoàn-toàn phó-mặc việc Bắc-kỳ cho quân Thanh vì ông Thuyết ở Nam-triều còn phải lo trấn- áp bè lũ Việt-gian phản-dộng đang ra công phá-phách, bè khác phải bí-mật lập chiến-khu bởi tình-thế bấy giờ đã thấy đèn tối nhiều quá rồi.

Việc lén ám Nguyễn-văn-Giáp mưu phản hay bất tuân thượng lệnh bấy giờ chỉ là điều bất-bắc-dĩ để hòa-dịu với Pháp. Lúc này Nam-triều vẫn phải áp-dụng chánh sách vừa đánh vừa xoa. Lén ám nhưng không có thi-hành, đó là một thủ đoạn chánh-trị đã được đem dùng ngay từ thuở Nam-kỳ bị Pháp xâm chiếm. Thủ-đoạn này làm Pháp cău giận hết sức, nay tại Bắc-kỳ hai ông Thuyết, Giáp bèn trong vẫn là một đào một kép nhưng bên ngoài Nam-triều vẫn phải tái-diễn vỏ tuồng trước, chẳng thể sau này ông Thuyết còn có phen phái Nguyễn-văn-Giáp qua Tàu cầu viện. Sự-kiện này thừa sức chứng-minh cho việc trên đây, nghĩa là Nam-triều thuở đó trên thực-tế không có mâu-thuẫn với Nguyễn - văn - Giáp. Tuy nhiên ta cũng không thể chối cãi được Nam-triều từ đời Tự-Đức nhiều khi đã có những hành-động bất-nhất mà nguyên-nhân là sự hèn yếu. Nhà cháy bốn phía, người ở trong bị lúng túng, hết chạy Đông lại chạy Tây, tài không kịp chí, việc nước lúc đó lại quá khẩn-trương. Cảnh-ngộ của bọn ông Thuyết bấy giờ là như vậy.

Sau này mộng cầu ngoại-viện bất-thành, ông bỏ xương ở nước người, đáng kể là một sự đau khổ vô-tận. Hai con ông là Tôn-thất-Thiệp, Tôn-thất-Đạm, cũng hy-sinh cho đất nước. Cha ông là Tôn-thất-Đính trên dưới 80 tuổi cũng bị Thực-dân bắt đi đầy nơi đất lạ. Tóm lại toàn gia tan-nát vì Tô-quốc, ông mang hận quốc-phá gia-vong xuống tuyền-dài. Vậy mà còn có kẻ dám mở mồm chè con người tiết-liệt ấy là ngu :

**«Nước Nam có bốn anh hùng,**

**«Tường gian, Viêm Iáø, Khiêm khùng, Thuyết ngu.**

Như vậy ngày nay ta quan-niệm thế nào là « trí » ? Thay vua-tri nước, giữ quyền lớn trong tay gấp khi quốc biến cui đầu hàng giặc, thấy kẻ địch mạnh với mở cửa thành kéo cờ trắng để bảo-vệ lấy thân minh, nhà, mình địa-vị mình là phải chăng ? Xưa kia Lý-thường-Kiệt phạt Tống, Trần-hưng-Đạo diệt Nguyên, Nguyễn-Huệ đuổi Thanh, đã thắng

những địch-thủ mạnh gấp trăm, thì người đời ca-tụng là bậc anh-hùng khôn ngoan tài giỏi. Tôn-thất-Thuyết thua Pháp thì bị gán cho chữ «*ngu*» ; người ta quên rằng thời-thế, hoàn-cảnh là những yếu-tố quan-trọng có những ảnh-hưởng hết sức đặc-biệt. Sự thực phê-binh sự nghiệp danh-nhân mà luận vào điểm thành bại không khỏi là hẹp-hỏi nồng-cạn. Còn hai câu ca-dao trên đây chắc chắn không phải của người tri-thức đất Thuận-hóa thuở ấy. Chúng tôi nghĩ chính bọn Việt-gian, phản-động đời bấy giờ là tác - giả của nó.

Nguyễn-Du với mối tâm sự hoài Lê đứng giữa Triều Nguyễn như một hàng thần kơ-láo còn muôn ba trăm năm sau có kẻ khóc mình (1). thì Tôn-thất-Thuyết, một vai gánh vác giang-sơn giữa cơn giông-tổ, trong lúc lòng dân mệt mỏi, sức dân kiệt-quệ chẳng đáng có kẻ thương tinh sao ?

---

### BẢNG GHI CHÉP TÊN CÁC LÃNH TỤ VÀ TÊN CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ CUỘC KHỎI NGHĨA TỪ NAM RA BẮC (KỂ TỪ 1885 ĐẾN CUỐI THẾ-KỶ XIX)

- Tại Bình-Thuận *nghĩa quân* cùng *duỗi* được *bọn* *quan* *lại* do *Pháp* *lập* *ra* *sau* *khi* *vô* *bức* *tỉnh* *thành*.
- Tại Nha-Trang có *Ba Xu*
- Tại Phú-Yên có *Bố-chánh Phạm-nhữ-Xương*, *Án-sát Huỳnh-Còn*, *lãnh-binh Nguyễn-văn-Hanh* *hoạt-dộng*.
- Tại Bình-Định có *Cử-nhân Mai-xuân-Thường*, *Bùi - Điền Nguyễn-đức-Nhuận* *hoạt-dộng*.
- Tại Quảng-Nghĩa có *Bố-chánh Nguyễn-Loan* (*con* *quan* *Tòng-dốc Nguyễn-bá-Nghi*), *Bùi-Điền*, *Đặng-Đệ*.
- Tại Quảng-Nam có *Trần-văn-Dự*, *Nguyễn-duy-Hiệu*.
- Tại Hà-Tĩnh Nghệ-An có *Phan-dinh-Phùng*, *Lê-Ninh*, *Ám-Võ*.
- Tại Nghệ-son có *Lê-doãn-Nhạ*, *Chánh-sứ Sơn Phòng* *Đốc*.

(1) Nguyễn-Du, tác-giả Kim-vân-Kieu trước khi qua đời đã rút mối hận bình sinh trong hai câu :

« Bất tri tam bách du-niên hậu,

« Thiền-hạ hà nhân kháp Tổ Như ?

nghĩa là : ba trăm năm sau không biết rằng thiền-hạ có ai khóc Tổ-Như chăng ?

học Nguyễn-xuân-Ôn, Nguyễn-Si, Nguyễn-Hợp, Hà-văn-Mao và các thân-hào địa-phương nổi lên.

Tại Quảng-trị : Các ông Nguyễn-tự-Như, Trương-dinh-Hội. Một thảo-dã anh hùng là Huỳnh-văn-Phúc tự xưng Đề-Đốc chia quân làm 8 đội đi đánh phá.

Tại Quảng-bình năm 1886 cờ Cần-Vương cũng bay cao ở các phủ Quảng-trạch, huyện Tay-en-hóa, Bố-trạch. Đề-đốc Lê-Trực, Tri-phủ Nguyễn-phạm-Tuân là lãnh-lụ. Bố-chánh Nguyễn - định - Dương vì chống lại nghĩa-quân mà bị hại (Tại đây còn một tháp cờ khác ngoài cờ Cần-vương là cờ Cử-nghĩa).

Tại Thanh-Hóa (1886) Việc đổi Pháp về mặt quân-sự được tổ-chức chu đáo hơn, lại thêm có địa-thể hiểm-yến. Những người cầm đầu là Nguyễn Án-Sát Phạm-Bành, Hoàng-bật-Dạt, Đinh-công-Tráng, Hà-văn-Mao, Tống-duy-Tân, Cao-Đạt lấy Ba-Định (thuộc phủ Nga-sơn) làm nơi thủ-hiem.

Tại Hưng-yên (1887) Quan Tân-tương quan-vụ Nguyễn-thiện-Thuật Đề-đốc Tạ-Hiền Quản-Kỳ khởi nghĩa ở Bãi-sây.

Tại Bắc-Ninh có quan Bố-chánh Nguyễn-Cao hợp dân dũng chống cự với quân Pháp, sau có Đốc-Quế, Đốc-Sung, Đốc-Mỹ, Lãnh-Điền, Hai-Tước.

Tại Bắc-giang Bắc-ninh, Thái-nguyễn có Hoàng-hoa-Thàm, Thành-văn-Phúc, Thành-đức-Luận, Cai Biều, Đề Hoàn, Cai Bình.

Tại Tuyên-Quang có Quản-Tha.

Tại Hưng-hóa, Sơn-Tây có Hoàng-thụy-Kiều (tức Đề-Kiều) — Đốc-Văn:

Tại Thái-Bình có Tạ-quang-Viên.

Tại Thái-nguyễn Yên-thể có Đốc-Ngữ.

Tại Phúc-Yên có Đốc-Kết.

Tại Hải-dương có Đốc-Tích, Đề-Hinh, Đốc.Bom, Đốc.Tòng, Thu, Nghệ.

Tại Sơn-La có Đốc-Bat.

Tại sông kinh-thay có Ba-Báo ; tại sông Thao, sông Chảy, sông Lô có Đốc Thực. Tại ven biển Bắc-phần có Quản-Báo, Lãnh-Phá, Lãnh-Hy, và Hai Hán. Tại vùng sông Thái-bình có Lãnh Y, Đề-Hồng và Tiền-Đức.

Ngoài ra các đồng-bào sơn-cửu-cốc cũng vùng dày chống xâm lăng trong giai-doạn lịch-sử này chúng tôi sẽ có dịp giới-thiệu đến.

## CHƯƠNG IX

### NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỪNG DANH CỦA PHONG TRÀO

#### KHÁNG PHÁP Ở TRUNG-KỲ

##### I. CUỘC KHỞI NGHĨA BA - ĐÌNH (1886 — 1887)

Qua các cuộc khởi-nghĩa ta đã thấy vào thuở Pháp ra mặt chiếm nốt Trung-kỳ để thanh-toán toàn - bộ nước Việt-Nam, người Việt cũng như Thực-dân

Pháp không mấy ai quên những trận đánh nổi tiếng dưới đây. Những trận này đã từng làm cho mọi giới đồng-bào ta thấy Việt-Nam trên con đường tranh sống tuy nhiều phen thua địch nhưng cũng từng thắng kẻ thù giàu mạnh bội-phẫn. Có thể nói rằng lịch-sử Việt-Nam là một cuộc tranh-đấu liên-miên về mọi phương-diện để dân tộc ta tồn tại mãi trên mảnh đất hình chữ S này ; tinh-thần quốc-gia xây dựng trên hai chữ tự-do và độc-lập là cái gốc để người Việt tập-trung hết mọi sức mạnh của mình rồi từ ông cha đến con cháu bám vào cái gốc đó, gìn-giữ nó với tất cả mọi khả-năng và nhiệt-huyết. Do sự-khiển này người Việt dẫu ở trong tinh-trạng đen tối đến đâu, tuyệt-vọng thế nào cũng trở lại ngay với sự bình-tĩnh rồi quật khởi mạnh-mẽ khiến đối-phương không thể tưởng-tượng được. Chúng ta lại thường thắng họ bằng những phương-tiện rất đơn-sơ, âu cũng là một điều hết sức đặc-biệt. Có nhìn vào sự quật-khởi đó, mới biết rằng không một sức mạnh nào tiêu-diệt được con người Việt-Nam hôm qua cũng như hôm nay.

Nhưng cuộc khởi-nghĩa nào đã biểu-dương được sự quật cường ghê gớm ấy ? Xin thưa : Cuộc khởi-nghĩa Hùng-Lĩnh

của Tống-duy-Tàn, cuộc khởi nghĩa Bãi-Sậy của Nguyễn-thiện-Thuật, cuộc khởi nghĩa Ba-Đinh của Phạm-Bành, Hoàng-bất-Đạt, Đinh-công-Tráng, cuộc khởi nghĩa Hương-Khê của Phan-dinh-Phùng, cuộc khởi nghĩa Yên-Thế của Hoàng-hoa-Thám...

Cuộc khởi nghĩa Ba-Đinh (1) bộc phát vào lúc Tôn-thất-Thuyết tung ra lời hịch Cần-vương, tố cáo manh tâm của thực-dân muốn thôn-tinh toàn-bộ nước ta. Nhiều văn-thân và hào-mục đã tập-trung ở Thanh-hóa là địa-phương giáp-giới hai miền Trung, Bắc-kỳ có nhiều núi cao rừng rậm, chạy dài từ sông Đà ra biển Nam-hải chắn ngang quốc-lộ số 1 giữa Ninh-Bình và Thanh-Hóa. Vùng này đáng kể hiểm trở về quân sự cùng chiến-lược, do cái thế thiên-nhiên. Địa-phương này lại phong phú về kinh-tế, nhân-sự và cũng là nơi sản-xuất ra nhiều khoa-mục. Chủ-tâm của những linh-tụ kháng chiến ở đây là nắm giữ lấy địa-diểm cỗ-họng của Trung, Bắc lưỡng-kỳ để cắt đứt và khống-chế trục giao-thông của địch là quốc-lộ số 1 về mặt bộ. Con đường thủy từ biển vào có thể tiện lợi cho sự tiếp-tế của nghĩa-quân mỗi khi cần tới bằng các thuyền mành và cũng là con đường rút lui của nghĩa-quân một khi bị đánh bại ra khỏi núi rừng Hồng-Lĩnh.

Bắt đầu từ tháng 9 năm 1886 Ba-Đinh được ghi tên vào lịch-sử. Ba-Đinh gồm ba làng Mỹ-Khê, Thượng-Thọ và Mậu-Thịnh thuộc tỉnh Thanh-Hóa (*nơi phát-tích của hai triều Lê, Nguyễn*), Bắc giáp với tỉnh Ninh-Bình giữa khoảng sông Hoạt-Giang và sông Đại-lai chảy qua huyện Nga-Sơn. Về mùa mưa Ba-Đinh (1) có nước đọng chung-quanh ngập đầu người, nổi lên như một hòn đảo cách mặt nước tối 2 thước, thời thường đồng ruộng bao vây ba làng này chẳng khác chi cánh đồng lầy ngừng lại trước cái lũy tre xanh dày đặc. Tiến vào Ba-Đinh, người ta chỉ có một độc-đạo, từ bờ đê sông đảo (sông nối Hoạt-Giang với Đại-Lai).

(1) Nói đến cuộc khởi nghĩa Ba-Đinh là nói đến cuộc đè - kháng của đồng bào tỉnh Thanh-hóa sau lời hịch Cần-vương.

(1) Ba làng có một ngôi đình lớn, cả khu đó được gọi là Ba-Đinh

Đè ngăn đường cản lối quân Pháp mở cuộc bao vây và tấn công, Kháng-chiến đã cấm rất nhiều cọc ở dưới đầm, đào hào và đắp lũy là những công-sự thực ra chỉ có giá-trị nhất thời đối với cơ-giới Tây-phương. Những vị được lệnh việc điều khiển cuộc chống Pháp ở đây là Đốc-học Phạm-Bành, Đề-đốc Đinh-công-Tráng, Đề-đốc Nguyễn-Khê và hai tú-trưởng Mường là Hà-văn-Mao và Cầm-bá-Thuróc v.v... Các ông Tuần-vũ Nguyễn Bạt-Nô người Tĩnh-gia, Tống-Đốc Lê-như-Rạng, Bố-chánh Ngô-xuân-Quỳnh, Tri-huyện Nông-cống Tôn-thất-Hàm cũng nhiệt-liệt hưởng-ứng.

Công-tác chiến-đấu được phân-phối như sau : Việc quân sự do ông Đinh-công-Tráng chỉ-huy. Ông Tráng là một chiến sĩ rất can-dám, tri quân rất nghiêm, Thiết-lập các công-sự thuộc nhiệm-vụ của ông Nguyễn-Khê. Các sĩ-quan Pháp phải nhận rằng các công - sự của họ Nguyễn dựng lên rất đúng phương-pháp khoa-học tỏ ra có nhiều ý-thức chiến-lược, biết lợi-dụng các tru-thể thiên-nhiên. Ngoài khu vực Ba-Định có thêm một phòng-tuyến do dân-quân phụ-trách có mục-đích quấy rối địch, cản trở không cho tiến gần vào vị-trí ta. Chỉ-huy ở đây là Đề-đốc Trần-xuân-Soạn. Tuy vậy, như ta thấy quân chủ-lực vẫn là đám quân tập-trung ở Ba-Định. Sau vụ lúa chiêm (tháng 5) năm 1886, đồng ruộng tạm khô ráo, kháng-chiến bắt đầu xây dựng chiến-lũy Ba-Định, cấp tiền cho dân ba làng tản-cư ông già bà lão, phụ-nữ, trẻ con sang các làng lân-cận các như xã Liên, Nghị, Vinh, riêng trai tráng ở lại chống giặc. Mỗi làng thuộc hai huyện Nga-sơn và Tống-sơn phải nộp 30 cái rọ lợn, 100 cây tre. 10 gánh rơm và đem người tới đào hào chung-quanh ba làng. Hào rộng 4 thước, sâu 3 thước, đất ở dưới hào đắp lên cao làm thành, Thành dày từ 8 đến 10 thước, như vậy đủ rộng để cho quân đội có thể lưu-động được trong việc tuần tiễu quanh Ba-Định ; ngoài mặt thành có cẩm chông, cứ độ 5 thước lại có cọc nhọn là-là trên mặt nước. Phía ngoài cùng là một hàng rào tre kín có chông chà tua-tủa giải rộng tới 50 thước. Trên mặt thành hàng ngàn cái rọ lợn đựng bùn đầy, xếp cao lên. Đứng trong nhìn qua khe các rọ lợn thi thấy rõ được mọi

sự vật ở bên ngoài ; trái lại bên ngoài không thấy được những gì ở bên trong. Sau khi xây dựng xong thành này (mất một tháng) người ta tháo nước sông vào đồng, Ba-Đinh đột nhiên trở nên một cái hòm nước mênh-mông.

Từ đầu tháng 10-1886 nhiều đoàn xe Pháp đi qua quốc-lộ số 1 thường bị chặn đánh từng chặng do những loạt súng bên rừng xả ra, buộc Pháp phải mở các cuộc hành quân càn quét và bao vây. Cai quản vùng Nam-Định và Thanh-Hóa bấy giờ là Đại-tá Dodds và Đại-tá Metzinger. Cuộc phong-tỏa của hai tướng Pháp bắt đầu vào tháng chạp năm 1886 có mục-đích ngăn trở việc giao thông và tiếp-tế của nghĩa-quân ở hai phòng-tuyến nội, ngoại Ba-Đinh.

Ngày 18-12-1886 người ta đã thấy quân Pháp hoạt-động tại phòng-tuyến thứ nhất, trọng-pháo đi trước dọn đường, lục-quân tiến sau chiếm được mấy làng nhỏ. Nghĩa-quân đánh rà rất rát, giặc thiệt hại lớn.

Đạo quân Nam-Định của Dodds đánh vào phía Bắc của vị-trí thắng lợi được ít nhiều lúc đầu, Thiếu-tá Nugent chỉ-huy đại-đội Bắc-kỳ thứ hai chiếm được một tiền-dòn làng Thị-ượng-thọ, gặp sự kháng-cự của những đồn lẻ ở phía sau cách vài trăm thước rồi phải ngừng lại trước phòng-tuyến thứ hai. Sau giặc phải lui vì bị chết và bị thương nhiều trong đó có Thiếu-úy Audibert.

Đạo quân Thanh-hóa của Metzinger đánh vào phía Nam cũng bị tổn thất mặc dầu họ cũng khá gan dạ. Thiếu-úy Zanner và Thiếu-úy Tuffier, điều-khiển đạo quân này phải lội nước ngập đến vai mà tiến vào. Từng loạt súng bên trong xả ra, Zanner bị bắn vào đầu chết ngay tại chỗ cạnh nhiều binh sĩ của y trong chiến-hào, Tuffier không sờn lòng, vẫn thúc quân tiến. Một tay cầm súng, một tay cầm dao nhưng cuối cùng y cùng đồng bọn cũng bị thương, khiến Thiếu-tá Blaise phải hối-thúc trọng-pháo 80 ly hoạt-động ráo-riết cho quân minh triệt-thoái trong khi nghĩa-quân xông ra truy-kích ào-ạt.

Cuộc tấn-công này được coi là thất bại, Pháp đành chịu áp-dụng kế-hoạch bao vây như cũ, nhưng không đủ quân-số để thi-hành công-tác Pháp phải kêu gọi quân ở các nơi đến kề cả Thủy-quân của chúng đang trấn đóng ở ngoài biển Trung-quốc.

Đầu tháng giêng năm 1887, quân Pháp đã khá đông để phong-tỏa Ba-Đình, trong có hai đại-đội bộ-binh 260 người do các Thiếu-tá Rambaud, Deixonne và Cortes chỉ-huy; Đại-đội thủy-quân và bộ-binh 180 người do Thiếu-tá Valence cầm đầu; một đại-đội của sư-doàn ngoại-quốc thứ hai gồm 200 người thuộc quyền Thiếu-tá Préset, một đại-đội thuộc tiểu-doàn bộ-binh thứ ba người Phi-châu do Thiếu-tá Bernard điều-khiển gồm 180, một đại-đội quân đồ bộ của chiến-hạm *Turenne* có 150 người do viên Thiếu-úy thuyền-trưởng chỉ-huy.

Pháo-binh của giặc cũng rất hùng-hậu: 10 cỗ đại-bác cỡ 81 ly do 120 pháo-binhanh phụ-trách, 4 khẩu đại-bác cỡ 95 ly do Thiếu-tá Girard trông coi. Ngoài ra còn 4 đại-bác cỡ 65 ly của thủy quân do 30 pháo binh sử-dụng, thêm 2 đại-bác Hotchiss có 15 người phụ-trách và 4 khẩu đại-bác cỡ được 80 người điều-khiển.

Công-binhanh có Thiếu-tá Joffre và Trung-úy Netter phụ-trách có 46 tên lính dưới quyền. Ngụy-binhanh (lính khổ xanh) có 1950 tên thuộc các Thiếu-tá Monniot, Nugent, Bouchage, Audry, Blaise và các Trung-úy Lambelin, Drujon và Chatier chỉ-huy. Tổng số quân-đội của Pháp là 3.388 người trong đó có 1.580 lính Pháp.

Thủy-quân có 4 pháo-hạm yểm-trợ và phụ-trách tiếp-vận. Đó là Pháo-hạm Estoc do Trung-úy Thounine chỉ huy, pháo hạm Bossant do Trung-úy Le Prieur chỉ huy, pháo hạm Avalanche do Trung-úy Dantin chỉ-huy và pháo-hạm Moulin do Trung-úy Surecouf chỉ huy. Giặc còn 5.000 cu-ly bắt ở Phát-Diệm (Bắc-kỳ) đem vào Ba-Đình dùng vào việc phục-dịch chiến-trường và tiếp-tế. Tất cả các bộ đội kể trên đều thuộc quyền của Đại-tá Brissaud.

Kế hoạch tổng tấn-công Ba-Đình lần này là lần quyết-dịnh nhất, phải dựa vào công-tác của Công-binh là đập lũy theo dọc bờ đê để tiến từng bước, bề khát họ xé đường cho nước thủy triều chảy xuống đê nước cạn dần sau đó họ bit lại không cho nước thủy-triều tràn vào. Ngày 6-1-1887 đại bác xả hỏa-lực yểm-trợ cho lục-quân tiến lên. Quân Pháp chia làm ba đạo, đến hai giờ chiều cả ba đạo đã có mặt bên chiến-lũy trên đê. Đạo thứ nhất do Trung-úy Drujon và Fauret dẫn đến cách chiến-lũy của ta khoảng 100 thước thì đụng đầu với hàng rào tre. Họ phải ra công phá hàng rào tre bằng mìn và búa để mở đường tiến vào, họ bị ta nấp bên trong bắn ra kịch-liệt. Drujon hô quân tiến đến cổng làng, đi được nửa chừng thì bị trúng đạn cùng với Fauret lại phải trở ra. Đạo thứ nhì là trung-đạo của Thiếu-tá Bouchage gồm nhóm quân của Trung-úy Lambelin một đạo quân Bắc-kỳ thứ hai và nhóm quân thuộc đạo quân Bắc-kỳ thứ 4 do Thiếu-tá Goering chỉ-huy. Đạo này đi về bên tay trái của đạo quân thứ nhất đến gần chiến-lũy khoảng 20 thước cũng bị hỏa-lực của nghĩa-quân chặn tại. Lambelin và hai hạ sĩ-quan cùng nhiều binh-sĩ bị đạn đầy lui. Công-binh và nguy-binh cũng bị ngã gục nhiều. Đạo thứ ba đi về tay mặt do Trung-úy Collot cai quản gồm nhóm quân thuộc đạo quân Bắc-kỳ thứ hai dẫn công-binh mang chất nồ, cu-ly mang củi và các sọt đất có mục-đích đi phá phòng-tuyến của ta. Bọn này cũng bị đạn bắn chéo cánh sẻ nên không đến gần được.

Đại-tá Dodds thấy tình-hình quá khó-khăn cho thỗi kèn rút quân, nhưng đạo quân đi giữa tiến khá sâu không lùi ngay được. Pháo-binh phải bắn đại-bác để yểm trợ cánh quân này sau toàn thể bộ-binh và toàn quân hữu-dực của Goering phải liều chết xông vào tiếp-úng. Goering bị trúng đạn vào vai và quân đội bị sa lầy không cựa quậy được. Thiếu-tá Bouchage chỉ huy cuộc xung-phong này cũng bị thương ở đùi trong khi y đốc thúc việc lui quân và chuyển các thương binh về hậu-cứ. Nhờ có trọng-pháo, đạo quân xung phong tháo lui dần được. Thiếu-tá Amar thuộc đạo quân Bắc-kỳ thứ hai đang chăm chú đốc thúc yểm-hộ việc rút lui cũng bị thương nốt.

Kết-quả trận này: giặc thiệt hại 4 sĩ-quan và một số đồng binh sĩ đủ loại, chiến-thuật của nghĩa-quân bấy giờ là nhữ địch đến gần để lợi dụng tru-thế của vị-trí mà giết. Rồi mỗi tên tướng ngã xuống thì trên chòi cao lại có tiếng loa gọi quân ra cướp xác giặc lấy thưởng. Do kinh-nghiệm của trận này Pháp bỏ mộng xung-phong, trái lại ta từ trong chiến-lũy tung ra những lời thách đố khiến giặc giận uất người.

Đại-tá Brissaud thấy rằng mở cuộc tấn công không có hiệu-quả nên nhớ đến chiến - cuộc ở Mẽ-Tây-Cơ (Mexique) trong đó có việc phong - tỏa thành Puebla. Pháp huy - động đại quân chia nhau ra làm hai lực - lượng để chống nội-công, ngoại-kích và bao vây lâu dài. Xin nhắc rằng chiến thuật này áp-dụng được bởi quân bên ngoài của Đề-Soạn (1) chỉ đủ sức quấy rối mà thôi, nếu không nghĩa-quân trong đánh ra ngoài đánh vào, Pháp bị kẹt vào giữa thì khó mà chịu nổi. Rồi Brissaud đào giao-thông-hào tiến dần từng bước vào đồn Ba-Đình. Mặt khác y cho lũu nhặt tre gỗ, giày sắt ở các nơi để vào một chỗ dựng thành hàng lũy liên-tiếp, từng quăng lại có một đòn để quân trú ẩn, ban ngày; chỗ nào có nước sâu, y lập đòn trên thuyền hay bè học sắt. Sau đó y cho nã đại-bác suốt ngày đêm vào Ba-Đình. Chiến thuật này có hiệu-lực tốt, công-binhh của chúng tiến được mà không bị chết nhiều như trước. Rồi cả hai đạo quân cùng xung phong lần nữa. Đạo quân phía Nam theo Metzinger, đạo phía Bắc theo Dodds. Ngày 15-2-1887 những toán quân Pháp đầu tiên chỉ cách vị-trí của ta độ 100 thước. Tuy vậy chúng vẫn chưa rõ ta bố-trí việc phòng-thủ ra sao, chỉ thấy những hàng cọc nhọn lởm chởm dưới mặt nước và phòng - định phòng-tuyến của ta dài độ 1.200 thước tây, chiều ngang độ 400 thước. Sau thỉnh - thoảng Pháp bắt được ít người trong Ba-Đình trốn ra vì không chịu nổi sự phá - hoại của đại-bác Pháp, chúng mới biết được cách bố - phòng của ta lúc

(1) Đề-Soạn sau khi qua Tàu cùng Tôn-thất-Thuyết đã trở về Việt-Nam để chiến đấu với quân Càn-vương, vì thế ông đã có mặt ở chiến-khu Ba-Đình thuở ấy.

này chỉ chủ vào việc phòng-ngự, giữ thế thủ bởi hỏa-lực của Pháp quá mạnh. Sau cùng trong ngoài không tiếp ứng được cho nhau, Nghĩa-quân chỉ cầm cự được chừng nào hay chừng này tuy tinh-thần còn vững.

Ngày 19-1 Công-binh của giặc tiến được sát tới chiến lũy, tập-trung làm ba đạo, lấy trọng-pháo mở đường xông vào phía Bắc làng Thượng Thọ dùng vòi rồng phun dầu đốt các công-sự và doanh-trại bên trong vị-trí. Nghĩa-quân nấp sau các công-sự là lũy tre trát bùn bắn ra, ban đêm cũng lợi-dụng trời tối xông ra giết địch. Pháp hy-sinh nên không chịu lui và càng ra công đốt phá. Lựu-đạn và quả nổ tung vào vị-trí của ta tới 16.000 trái biến Ba-đinh thành một biển lửa, địch chết hại rất nhiều nhưng trước hỏa-lực quá phong-phú của giặc ta không có cách gì ngăn nổi.

Một cuộc rút binh bằng máu lửa : Từ mấy hôm trước ông Đinh-công-Tráng đã thấy tình-thế của Ba-Đinh có thề nguy đến nơi, có viết cho Đề-soạn tại Quảng-hóa một bức thư yêu cầu đánh mạnh ở bên ngoài để chia lực-lượng của địch. Ông Soạn bấy giờ tuy có 2.000 quân đóng cách Ba-Đinh độ nửa ngày đường, nhưng không dám tiến quân sát hậu-phương địch mà chỉ cho bắn đại-bác yểm-trợ từ nơi xa-xa nên không kìm hãm được các hoạt động của địch vào Ba-Đinh.

Ông Đinh-công-Tráng đành phải mở con đường máu cho quân rút ra vào chấp tối dưới ánh-sáng của lửa đỏ rực trời, Nghĩa-quân xung-phong đánh ra một nhịp với một số đơn-vị bạn từ mấy làng lân-cận đánh vào. Sương mù xuống dày đặc, quân của hai bên lẫn lộn chỉ còn nhận thấy nhau bằng những tia lửa của đạn bắn ra. Tiếng nổ lớn nhỏ rền trời, cuộc giao-tranh thật là vô cùng ác-liệt và kinh-khổng. Sáng sớm hôm sau một cảnh tượng ghê-gớm bày ra trước mắt mọi người : trên phòng tuyến Pháp, xác chết ngổn-ngang, máu hòa vào bùn tanh hôi lộn mửa (1)

(1) Pháp nói chỉ có 150 Nghĩa-quân ra khỏi vòng vây, nhưng

và quân Pháp lọt được vào Ba-Đinh cũng gặp nhiều xác chết chưa kịp chôn, ruồi nhặng, rồi bọ bậu nhung-nhúc. Ngoài sân đình người ta thấy có xác Đề-Đốc Khế, nơi này đã xảy ra cuộc giao-tranh kịch - liệt nhất.

Việc quân-đội Pháp chiếm được Ba-Đinh đã được Thực-dân coi là một chiến-công oanh-liệt và đã giúp cho Đại-tá Bris-saud bước lên địa-vị Thiếu-tướng. Nhưng theo tài-liệu mà Pháp bắt được là bức thư của ông Đinh-công-Tráng gửi cho vị chỉ-huy của Nghĩa-quân ở Mã-cao, quân ta phải rời bỏ Ba-Đinh gấp là vì hàng ngàn quân Pháp (kè cả nguy-binh) đã bỏ xác ở quanh chiến-lũy, nước bị tù hãm, người chết không được vùi thây, bệnh dịch tả có thể phát sinh, việc chuyển dịch quân-đội sang cứ-diểm thứ hai là điều không thể đừng được. Vậy ta có thể đề-kết được rằng Nghĩa-quân nếu không vì sự-kiện kè trên có lẽ còn kéo dài chiến-sự thì quân Pháp đâu đã thắng.

Một vài ý-kiến về trận Ba-Đinh: Nếu nghĩ rằng các nhà lính-tụ Kháng - chiến cố thủ ở Ba-Đinh để giành nhau hơn thua với quân-đội Pháp là một điều khờ-khở, vì mặc dầu ta được ưu-thể của địa-hình, địa-vật nhưng quân-đội không nhiều, lương thực vũ-kí chỉ hữu-hạn thì cũng chỉ có thể giữ được vị-trí này trong một giai-đoạn dài ngắn nhiều ít mà thôi. Lúc này địch nắm được nhiều lợi-thể chánh-trị, kinh-tế, quân-sự, dĩ-nhiên phuơng-tiện dồi-dào, nhân-sự tuyễn-mộ dẽ-dàng, đánh lâu phải thắng. Ta kém tiếp viện bên ngoài thì sức cố thủ ở bên trong chỉ là vấn-de ngày tháng. Bọn các ông Phạm - Bành, Đinh - công - Tráng không phải là không hiểu lẽ đó. Hắn rằng các ông chỉ muốn mượn chiến-khu Ba-Đinh với cái thế hiềm-trở của nó để tiêu - diệt lấy ít nhiều lực-lượng địch rồi khai thác tiếng vang của cuộc chống đối này về mặt tuyễn-truyền ra ngoài nước và trên toàn quốc mà thôi chăng ? Đúng vậy, địch quân

---

theo báo cáo của Đinh-công-Tráng thì hồi 10 giờ đêm hôm 20-1-1887, ông cùng Phạm-Bành chọc thủng phồng-tuyển của giặc mà ra. Quân địch chết một số lớn, còn quân ta vừa chết vừa bị thương khoảng 150 người.

đã thiệt hại khá nặng nề trong cuộc phong-tỏa và tấn-công Ba-Đình mấy tháng đó. Và bên Pháp, chính-giới Ba-Lê cũng bị xúc-động nhiều nên đã dấu diếm những sự thất-bại của họ tại chiến-khu Ba-Đình và đã ra lệnh cho quân-đội viễn-xâm gấp rút thanh toán sức Kháng-chiến ở đây bằng bất cứ giá nào và chỉ cho phép quân viễn-xâm báo tin chiến-thắng mà thôi.

Chúng ta còn nhận xét thấy tinh-thần chiến đấu của Ba-Đình rất là đáng khen : Khi bắt đầu xây dựng chiến-khu này để biến nó thành mồ chôn quân xâm-lăng, chỉ ông già, phụ nữ, trẻ con được tản cư ra ngoài còn những người trai tráng khoẻ mạnh đều phải ở lại để quyết-tử với đối-phương. Đạn - được không sung túc vì việc tiếp-vận cũng bị trở ngại rất nhiều do giặc quây lười mỗi ngày một dày đặc, nên Kháng-chiến phải hà tiện từng viên đạn một : họ phải đợi giặc đến gần chiến-lũy vừa tầm súng mới bắn để ăn chắc, nhờ vậy mà mỗi phát đạn là một tên thù táng mạng trong sinh lầy nước thối. Nghĩa-quân chiến đấu rất quyết liệt và gan dạ, khiến giặc từ tướng sĩ đến quân lính rất là khốn đốn. Sau một thời gian, Brissaud đau ốm vì quá mệt nhọc lại vì không quen thủy-thổ. Thiếu-tá J. Masson qua cuốn « *Những kỷ-niệm về Trung, Bắc-kỳ (Souvenir de l'Annam et du Tonkin)* » đã ghi chép sự hoang-mạng của quân đội viễn-xâm như sau :

*« Tình cảnh của chúng ta trước Ba-Đình lúc đó đã đến chỗ không mong được địch đánh hàng và cũng không trông được sự khoan-dung của họ một khi ta bại trận (1) »..*

Sau khi phái được vị-trí này là công sức vĩ-đại của nhân dân hai huyện Nga-sơn và Tếng-sơn, Pháp và phong-kiến Nam-tribù đã xóa bỏ tên ba làng Thượng-tho, Mậu-thịnh-hi và Mỹ-khê trên bản đồ tỉnh Thanh-hóa và đặt tại đây một tấm bảng với lời lẽ đe dọa nhân dân rất gắt :

(1) Notre situation devant Ba-Đình était telle que nous ne pouvions pas plus compter sur une capitulation de la place que sur la générosité de nos ennemis au cas où nous aurions été vaincus.

*Đây là ba làng Mỹ - khê, Thượng - thọ và Mậu - thịnh đã bị triệt - hạ vì bọn cướp (!) và phiến loạn đã xây thành đắp lũy ở chốn này mà dân chúng không báo trước với các nhà chức - trách. Các làng ấy từ nay phải biến mất trên mặt đất này. Những kẻ phạm tội sẽ bị trừng-trị...».* Nhưng ba làng trên đây cùng các giới đồng-bào ở Ba-Đinh, Tống-sơn và Nga-sơn đâu có bị «biến mất» trong ký-ức cũng như trong lịch-sử cận đại của nước nhà, trái lại không người Việt-Nam nào không nhớ rằng Ba-Đinh là nơi chiến đấu oanh-liệt bậc nhất của những người con yêu của Tổ-quốc Việt-Nam và là mồ chôn của bao nhiêu binh-tướng Đế-quốc (1) bị bọn tư-bản và tài-phiệt Pháp, đem hi-sinh cho công cuộc xâm-lăng và cướp nước của chúng.

*Tàn cục của nghĩa-quân Ba-Đinh.—* Mã-cao là một cứ-diểm thứ hai để kháng Pháp, để hỗ-trợ cho Ba-Đinh khi nghĩa-quân dùng Ba-Đinh làm nơi để áp-dụng chiến-thuật tiêu-hao địch. Mã-cao đã do một số văn-thân từ nhiều nơi đến xây dựng và lĩnh-tụ của chiến-khu này là tù-trưởng Hà-văn-Mao Trong quân-đội của Mã-cao có một số lính Cờ - Đen. Vị-trí này có rừng rậm núi cao bao phủ và có đường xuyên sơn thông sang Lào và Vân-Nam. Ngoài ra có nhiều sông nhánh từ biển chảy vào qua quốc-lộ số 1 như sông Lèn, sông Mã, sông Chu vượt miền đồng-bằng để tiến qua các vùng Thượng-du tỉnh Thanh-hóa và ngược ra cả Ninh-Bình song song với đường bộ ra Bắc-Kỳ.

Kháng-chiến dựng pháo-dài trung-ương ngay ở cạnh chỗ lượn.của con sông sâu tối 15 thước tây và rộng tối 40 thước được dùng như một chiến hào. Giữa lòng sông đá mọc lởm chởm, cửa sông có một con đê mà dân địa-phương đắp lên để phòng lụt, quân ta đào một chiến hào chạy dài theo dọc bờ đê. Để bảo - vệ pháo - dài trung - ương có 6 pháo-dài nhỏ đặt chung quanh trong vòng 3 cây số vuông, nép mình trong các bụi rậm; các pháo - dài này đắp bằng đất

(1) Đại-ý Joffre sau này trở nên Thống-chế Pháp nổi danh ở Đệ-Nhất thế-chiến đã bị trọng-thương trong thời kỳ Pháp đánh Ba-Đinh.

khi khô được dán chắc lại, súng trường bắn không chuyền. Một trong số pháo-dài kề trên là xưởng làm thuốc súng. Khu rừng rậm kế-cận có tên là rừng Cụ Bảo, chiến-hào đào lung tung để ngăn sự sự tấn-công của địch-quân từ ngoài tiến vào.

Từ Ba-Đinh, Nghĩa-quân rút qua Mã-cao thì địch cũng đuôi theo liền. Chúng chia ra hai ngả, mỗi ngả do một cánh quân dùng vào việc truy-kích: Đại-tá Dodds tiến binh vào phủ Quảng, Đại-tá Metzinger lẩn hưu-ngạn sông Mã tiến về phủ Thọ. Họ hẹn gặp nhau ở Mã-cao. Ngoài hai cánh quân chiến-dấu này còn một cánh do Thiếu-tá Joffre phụ-trách đã trung-dụng hết cả thuyền bè của dân địa-phương vào việc tiếp-vận lương-thực và đạn-dược.

Trưa ngày 2-2-1887 hai cánh quân kề trên đến đúng nơi đã định. Chúng chưa hiểu tình-thế chiến-khu Mã-cao thế nào, một tên Tri-huyện phản-động ở đây bắt hai người dân dẫn đường cho giặc vì y tinh-nghi hai người đó là quân của Mã-cao. Quả vậy, hai người ấy đúng là người của Kháng-chiến mà bọn Việt-gian không tìm ra được bằng cớ. Họ tinh dã quân Pháp đi lạc đường để lọt vào ồ phục-kích, nhưng giặc khôn ngoan không đi, đòi đi thẳng đến vị-trí Mã-cao. Đến một thung-lũng sâu, qua một dòng suối thì một phát đại-bác và một loạt đạn súng trường đã bay từ mé bên kia tới. Tức thì Brissaud ra lệnh cho quân đội lui gấp về sau hầu tránh ta bao vây rồi chia quân ra ba toán đánh vào ba mặt, vừa để dò xét đường lối, vừa chặn cuộc tấn-công của Kháng-chiến. Đạo quân của Dodds tiến sang bên phải, Metzinger tiến qua bên trái, Diguet đi giữa, Thiếu-tá Nugent và hai Trung-úy Faure cùng Betzelere chỉ-huy toán lưu-động.

Súng của ta nổ ran bốn phía, giặc không biết ta mạnh yếu ở nơi nào. Brissaud ra lệnh cho trung-đạo tiến lên, lội qua sông chiếm lấy pháo dài nhỏ chặn ngang đường, đội tiền-phong tiếp-tục xông vào rừng rậm, các toán quân khác phải tìm đường tránh bao vây của ta.

Sau một giờ sạo sục, đội tiền-phong của Pháp ngừng trước một thung-lũng sâu chung quanh có rừng cây um tùm. Cảnh hữu-dực của Pháp bị bắn rất gần, chỉ cách vài thước và cách 30 thước từ bên kia bờ thung-lũng đạn của Nghĩa-quân cũng vèo-vèo bay sang. Hai người dân đường vùng bỏ chạy kêu gọi Nghĩa-quân báo tin có tiếng Pháp và bộ Tham-mưu đến. Không may cho hai người này, họ bị mẩy tên ngụy binh rượt theo bắn chết.

Đạo quân xung phong của Pháp vẫn tiến, trên bộ dưới nước liên-lạc được với nhau nên có thể mạnh, Nghĩa-quân phải lui vào trong phòng-tuyến để lợi-dụng hiệu-lực của cứ điểm khác. Tiếng trống, tiếng loa kêu gọi ngụy-binl quay súng bắn vào giặc vang lên hòa với tiếng súng lớn nhỏ nổ vang khắp một vùng rừng núi. Quân Pháp dùng súng cối bắn vào các nơi có phục-binl và có khói súng bốc ra. Trong các pháo đài lần sau các bụi rậm của thung-lũng, nghĩa-quân tập-trung hỏa-lực bắn vào các toán quân Pháp đối diện. Địch chùn bước, cuộc ác-chiến diễn ra tối buỗi chiều. Sau cùng nghĩa-quân sợ địch bằng quân-số hùng hậu mở cuộc bao vây và cắt đứt đường lùi phải rút vào thung-lũng. Tối đến địch từ phía Bắc lọt được vào pháo-đài trung-ương thì Nghĩa-quân triệt-thoái về phía Nam. Nhưng địch phải trả một giá khá đắt đỏ trong cuộc đánh chiếm này: binh-sĩ chết nhiều; một Trung-úy thủy-quân lục-chiến bị đạn qua ngực chết tươi khi y xông vào pháo-đài; Trung-úy Causé thuộc đạo quân Bắc-kỳ thứ hai cũng bị thương với nhiều lính tập và lính khổ xanh. Pháp-quân sửa soạn đánh các pháo-đài khác vào hôm sau thì nghĩa quân đã rút ngay đêm ấy. Tại đây Pháp cũng nhận thấy việc bố-phòng của nghĩa-quân đúng phương-pháp như bên Ba-Đinh và nếu ta không có nhiều khả-năng về thế còng, chỉ do quân đơn và ít vũ khí đạn dược.

Cuộc khởi-nghĩa của sĩ-dân Thanh-Hóa đến đây thi chìm dần vào quá-khứ và từ đó nghĩa-quân không tập trung ở một địa-diểm nào nữa vì chỉ đủ sức đánh lối du kích và chuyển cuộc kháng địch lên mạn ngược hơn là ở vùng đồng-bằng. Còn chung-cuộc của các lính-tụ Cần-vương?

Khi rút khỏi Ba-Đinh đêm hôm 20-1-1887, ông Phạm-Bành chạy sang Mã-cao. Có kẻ Việt-gian xúi Pháp bắt mẹ và con ông để ép ông phải ra hàng. Quả nhiên ông phải ra để cứu mẹ, nhưng khi mẹ và con ông được trả tự-do thì ông tự vẫn ngay hôm đó. Ngày nay người ta quan-niệm rằng trong thời quốc-biến thì nên đặt chữ hiếu vào nước chứ không vào nhà, quan-niệm trung-hiếu của ông Phạm-Bành đã đặt không đúng mức chăng?

Còn Ông Đinh-công-Tráng? Lực-lượng cố-thủ Mã-cao tan rã, ông Tráng cố thâu-thập tàn quân tính tổ-chức lại việc Kháng-chiến ở các vùng lận-cận, nhưng Pháp-quân xao xuyến giữ qua, ông phải lánh minh sang Nghệ-an.

Ngày 5-10-1887 ông bị tên Lý-trưởng làng Tăng-Yên tố cáo với viên Thịếu-tá Coste, trưởng đồn Đô-Luong trên sông Cả. Lập tức Coste cùng một Trung-úy tên là De Fitz Jammes đem 65 binh-sĩ ngược sông băng thuyền ngay đêm được tin này. Làng Tăng-yên cách sông độ 20 cây-số, đường rất khó đi vì bị mưa lâu ngày. Ba giờ sáng chúng tới nơi, trong làng còn im-lặng như tờ. Chúng xông lên chiếc nhà sàn ông Tráng đang trú-ngụ, ông mới biết thì đã muộn. Ở trong nhà ông bắn ra hạ được hai tên giặc, nhưng Coste và một tên lính là Nguyễn-Tuyên vẫn nhảy vào bắn nhiều phát súng lục. Ông Tráng và người em vợ bị giết chết. (Có sách ghi ông Tráng sau trận Ba-Đinh lui về Ngọc-Lạc rồi trên đường đi về phủ Tương-dương (Nghệ-an) ông gặp đoàn quân tuần tiễu của Pháp. Ông hết sức chống nhau với giặc, sau bị bắt, ông tự-sát).

Pháp phè-binh ông Đinh - công - Tráng : «Ông không hề tránh nguy-hiểm, bao giờ ông cũng di dàu trong các cuộc hành-quân. Tuy vậy ông rất cần thận và mạnh bạo, lại có lòng yêu nước tích-cực. Là kẻ bình-dân, nhưng có nhiều đức tính cao quý, ông đã dũng dàu một số quan lại phản động có tinh kiêu-hanh. Nếu ông được một số người cưng-cáp giúp đỡ, quân Pháp còn chật-vật gian-lao chưa biết thế nào mới thắng nổi...»

Đó là lời của Đại-tá Masson, người đã dự việc chỉ-huy

nhiều trận đánh ở Ba-Định sau lại cực-lực ngợi khen thèm ông Đinh-công-Tráng là « *Người có trật-tự, có chí-khi, biết thi-hành nghiêm-khắc quân-kỷ, có óc quan-sát và nhẫn-nại. Ngoài ra, ông hiền minh, hiếu người nên không bao giờ dùng quân một cách vô-ích. Ông còn là một chiến-lược-gia đáng phục vì giỏi lập trận thế, có tài bố-trí quân-dội và như dịch vào những nơi nguy hiểm* »...

Ba-Định, Mã-Cao tuy bị dẹp yên nhưng thực dàn đâu được cởi yên bở giáp để ăn ngon ngủ kỹ nên quân đội của họ lại vội vã lên đường, để va chạm với những lực lượng ái-quốc khác còn mạnh mẽ gấp bội, đó là các cuộc Hùng-lĩnh, Hương-kê khởi-nghĩa và cuộc dấy quân của Lê-Ninh kể từ 1885.

## II. CUỘC KHỞI-NGHĨA HÙNG-LĨNH (1886 - 1892)

Cầm đầu cuộc khởi-nghĩa ở đây (Hùng-Lĩnh thuộc Thanh-Hóa) là Tống-duy-Tân, một nhà khoa-mục từng giữ chức Sơn-phòng-Sứ tại địa-hạt này. Nguyễn-

quán của ông là làng Đông-Biên (Bồng-Trung) huyện Vĩnh-Lộc-tỉnh Thanh-Hóa. Ông đậu Cử-nhan năm 36 tuổi và đậu Tiến-sĩ ba năm sau dưới đài Tự-Đức. Năm ông 44 ông làm Đốc-học tỉnh Thanh và bốn năm sau chuyển sang làm Thương-biện tinh-vụ Thanh-Hóa. Chức cuối cùng của ông là Chánh-sứ Sơn-Phòng (Vĩnh-Lộc). Cuộc khởi-nghĩa của ông xảy ra cùng thời với nhiều cuộc khởi-nghĩa khác như Ba-Định, Bãi-Sậy, Mã-Cao, là lúc phong-trào Kháng Pháp đang lan rộng ở khắp Trung-Bắc-kỳ.

Tổ chức của họ Tống gồm các hương-binhs, cứ mỗi huyện lấy một cơ (có khoảng 200 người), đứng đầu là Cơ-trưởng. Chiến-thuật của Tống đã giống hệt chiến-thuật của các lịnh-tụ Ba-Định trên nguyên-tắc là chọn một địa-diểm hiểm-yếu, xây dựng công-sự vững chắc rồi nhử giặc tới. Khi nào giặc mạnh quá, nghĩa-quân mới rút đi nơi khác (chiến-thuật cứ hiểm này dễ nguy ở chỗ địch có đại-hắc nên Nghĩa-quân không sao bảo-toàn được chủ lực). Phụ-tá cho họ Tống là tù-trưởng xứ Mường Cầm-bá-Thuóc và Cao-Điền, khi đó đang dấy quân ở Sầm-Sơn.

Trong thời-kỳ chiến-dấu với quân Pháp do Thiếu-tá Térillon chỉ huy ở xã Đông-khổ nghĩa - quân của Tống đã có phen thắng Pháp và giết được nhiều địch, sau Tống bị Pháp tấn công dữ - đội phải chạy ra Bắc-kỳ rồi qua Trung-quốc. Tháng 11-1888 vua Hàm-nghi bị bắt và bị di đày, ông được lệnh của Tôn-thất-Thuyết về Thanh-hóa để hoạt-động trở lại. Đầu năm 1889 ông lập cứ-diểm ở Vận - động tại miền Tây Thanh-hóa, cách Nông-cống về phía Tây-bắc 20 cây số. Ông cho đào hào đắp lũy, có ý lấy nơi này làm cơ-sở lâu dài. Do Thổ-hào họ Cầm ứng nghĩa, nhiều đồng bào Mường vùng này nhiệt-liệt gia-nhập nghĩa-quân.

Ngày 8-10-1889 được tin nghĩa-quân Tống-duy-Tân hoạt-động ở Vận-động, Thiếu-úy Morfond trưởng đòn khổ xanh ở Nông-cống đem 4 lính Pháp và 20 lính Việt đến dò xét. Gần tới Vận-động chúng vấp phải công-sự của Nghĩa-quân. Sau chiến-lùy đạn của nghĩa-quân bay ra như mưa khiến Morfond và 4 lính Pháp, cùng 4 lính khổ xanh tử-trận. Những kẻ còn lại bỏ chạy cũng chết thêm một số. Ba hôm sau một lực-lượng gồm 180 binh-sĩ địch từ tỉnh Thanh kéo vào. Sau cuộc va-chạm thứ hai này Pháp lại chết hàng chục tên nữa. Ngày 22-10 Đại-tá Barberet chỉ-huy 185 quân Pháp cũng từ Thanh-hóa kéo tới thì nghĩa-quân đã rút qua Đa-bút, một cứ-diểm hiểm-yếu hơn. Vào đây người ta chỉ có những con đường nhỏ. Trước khi tiến, địch cho bắn đại-bác. Hai bên kịch-chiến suốt ngày từ 2 đến 3-11 rồi nghĩa-quân rời về phía Bắc Phố Cát. Quân địch truy-kích nhưng không được gì phải trở về Thanh vào 9-11. Cuối tháng này một việc đáng ghi : quân của Đề-soạn đến hợp-tác với quân của Tống và Cao. Nghĩa-quân Hùng-lĩnh lại mạnh thêm và hoạt-động tràn qua vùng huyện Yên-định.

Thực-dân bắt đầu lo ngại và thấy cần dán-áp phong trào Hùng-lĩnh hầu hạn chế ảnh-hưởng của nó sang các miền khác. Trung - tá Lefèvre được thay Barberet. Y đem thêm 1 đội kỵ-binh có cả súng cối 80 ly. Nghĩa - quân bây giờ có mặt ở Vận-lại, cách tỉnh-lỵ 30 cây số về phía Tây.

Ngày 30-11-1889, chúng tìm đến Vạn-lại nhưng không dám nồ súng ngay. Chúng điều-trá tình hình mọi mặt rồi mới ra tay. Sau trận thứ nhất quân Pháp bị bắt lợi: chủ-tướng (Lefèvre) bị trọng thương, quân Pháp chết một số. Đại-úy Colleta thay Lefèvre về tinh băng bó vết thương. Colleta rút quân về Yên-lược là phía Nam. Vạn-lại. Nhân-tinh-thần đang hăng, nghĩa-quân chia ra làm 4 toán dùng toàn giáo-mác đêm 1-12-1889 đánh giáp lá cà trong hơn 2 tiếng đồng-hồ vào địch quân và gần sáng mới rút lui sau khi đốt cháy Yên-lược.

Địch bị tổn thất nặng và không dám coi thường ta nữa. Lần này chúng tung ra 500 quân, hai khẩu đại-bác và cho Trung-tá Jorne de Lacale thay Lefèvre. Họ Tống lại thay vị-trí vì địch đông và mạnh hơn nhiều, chúng lại biết rõ tung-tích của mình. Pháp cho quân truy-kích nhưng không có kết-quả. Ngày 12-12 chúng lại về đóng Yên-lược hầu chặn đường ra đồng-bằng của quân khởi-nghĩa.

Luôn 5 ngày, kể từ 20-12 địch mở cuộc càn quét và lục-soát các làng khả nghi. Ngày 30-12 chúng đến làng Sẻ do tin-báo có nghĩa-quân ở đây và buổi trưa hôm 1-1-1890 chúng gặp nghĩa-quân ở làng Kẽm là một tiền-dòn có 400 lính và 140 tay súng đang nấp sau chiến-lũy. Đại-bác Pháp nổ luôn 45 phút phá được chiến-lũy rồi quân Pháp xung-phong vào. Đôi bên kịch-chiến, rút cục Đại-úy Pháp là Christophe và nhiều binh-sĩ mang vong. Nghĩa-quân rút vào buổi tối.

Đêm 5 rạng 6-1890, nghĩa-quân đột-kích vào Nông-Cống do hai toán: một đánh vào huyện-ly, một phá cầu gần đòn đê ngăn địch đi tiếp cứu. Nghĩa-quân còn tung ra tin-tối sau sẽ tiêu-diệt đòn Nông-Cống. Trưởng đòn này là Thiếu-úy Jolly với cáo-cấp về tinh-ly. Công-sứ Lebrun liền gấp phái các Thiếu-úy Savereux, Détienne, Miche, Rémy mang viện-bin đến nhưng bọn này tối không thấy động tĩnh gì hết. Trên đường về, mật báo-viên cho hay 200 nghĩa-quân có mặt ở một làng lân-cận, chúng liền cho người về tinh lấy thêm quân. Ta bắt được tên liên-lạc-viên này và nhờ vậy đặt được kế-hoạch phục-

kích địch. Công-sứ Lebrun dẫn binh đến bị bao vây liền và bị đánh bại về Nông-Cống, thiệt hại khá nhiều. Jolly đến tiếp cứu không có hiệu-quả. Tin này đến Thanh-Hóa, Phó Công-sứ Neuville mang 100 quân Pháp nữa đến, tính phối-hợp để đánh nghĩa-quân thì Lebrun đã bại trận và đã lui về Nông-Cống như trên đã thấy. Còn nghĩa-quân sau khi thắng trận liền di-động về Yên-lăng, phủ Thọ-Xuân. Tướng chỉ-huy trận này là Cao-Điền.

Ngày 29-3-1890 quân Pháp chia làm 2 đường, một từ Nông-cống, một từ Thanh-hóa gồm 200 lính và 2 tiểu-đội đại-bác đến bao vây Yên-lăng, nghĩa-quân bắt lợi trong trận này, ta mất một số người trong có Chánh-tổng Yên-lăng. Ngày 16-4 tiền-đòn của Cao-Điền ở Nà - lung bị tấn - công. Nghĩa-quân thiệt 5 người, mất 6 cây súng trước khi chuyền qua làng Thanh-Khoái. Tại đây Cao có chừng 400 quân, 160 súng trường, 2 súng giữ thành (?) Ngày 29-4 hai bên gặp nhau ở Mỹ-hòa đánh nhau một lúc rồi nghĩa-quân rút về đồn chính. Ba toán quân địch do các sĩ-quan Viola, Bonnet, Marlier chia nhau đánh vào mặt trước đồn. Hai toán của Lê Breton và Détienne đánh vào hai bên sườn. Lameray cầm số quân chặn đường rút lui của nghĩa-quân — Tuy địch đông và sắp đặt chặt-chẽ cuộc phong tỏa như vậy mà chúng vẫn thua đậm. Một số chết (trong có Thiếu-úy Bonnet) một số bị thương (trong có Viola bị đạn ở má bên phải) và 6 lính cơ thiêt mạng — Vị-trí của đồn chính là một gò cao chung quanh có gài chống tua-tuba. Địch cố vượt và đã bị thiệt nặng vì táo bạo. Trận đánh kéo dài từ 3 giờ chiều đến 7 giờ tối thì kết - liễu. Thắng xong, Cao-Điền kéo quân về cửa Đạt.

Năm tháng sau (10-1890) 225 quân địch đến tấn công vị-trí này nhưng không lợi, còn nghĩa-quân rời qua An-Lâm.

Ngày 21-2-1891 Tổng - duy - Tân và Cao-Điền về cả Lang Vinh lấy núi cao ở đây làm thế hiềm. Giám binh Soler, Thiếu-úy Henschell, Marlier, Normand tìm đến. Chúng không rõ đường lối, bắt lý-tưởng Lang-Vinh dẫn đường. Cách vị-trí 60 thước, nghĩa-quân ở trong bụi rậm bắn ra. Quân Pháp

không tiến được và hôm sau chúng đang lội qua con sông nhỏ cũng bị tiêu-diệt một số. Nhưng luôn từ tháng 2 đến tháng 4 nghĩa-quân đến hồi đen thua luôn mấy trận cũng tốn-thất người và súng đạn. Rồi từ tháng 4-1892 trở đi lực-lượng nghĩa-quân không còn trên 100 quân và 50 tay súng. Hai lĩnh-tụ Tống và Cao chạy phen nữa qua Chính-văn không còn lạc-quan như mấy năm trước bởi nhân-dân bị khủng-bố dữ quá không giúp nghĩa-quân được đầy đủ nữa. Hai ông dành giải-tán các chiến-hữu cho về quê hương làm ăn, chỉ giữ lại một số ít tinh-nguyệt theo hai ông đến cùng.

Từ ngày 24-9-1892 Công-sứ Thanh-hóa Bouloche phái một toán quân đem tên Nguyệt con trai Cai-mậu là tướng cũ của Nghĩa-quân và chú hắn là Trương-Lương đi do thám. Bouloche đến nhà một Thổ-ty từ lâu có tham-gia nghĩa-cử và vừa đây còn chửa-chấp bọn ông Cao-Điền. Trước khi giặc đến, viên Thổ-ty đã cho người mang Cao-điền đến dấu ở nhà Đốc Tống bên Lang-chánh.

Bouloche hăm dọa viên Thổ-ty. Vợ ông này sợ quá nên phải dẫn Thiếu-úy Henschell và 20 tên lính đi bắt Tống duy-Tân hồi 6 giờ chiều ngày 4-10-1892. Đường đi hết sức hiểm trở, lèn thác xuống ghềnh và 6 giờ sáng hôm sau họ đến được chỗ ẩn của Tống lĩnh-tụ là một cái hang dài 2 cây số thuộc một trái núi phía Nam Niên-kỷ. Trước cửa hang có một khẩu đại-bác và một mồi lửa đang cháy. Họ Tống bị bắt giữa lúc bắt ngờ và bị giải về Thanh-hóa (1).

(1) Theo một tài-liệu khác, sau khi thất bại Tống-duy-Tân trốn vào rừng Sơn-dương Thanh-hóa rồi bị một tên học-trò cũ phản, mách Pháp đem quân đến bắt. Tên khốn kiếp này là Cao-ngọc-Lẽ. Ông Tân bị chém bêu đầu thì Cao-ngọc-Lẽ được lính chức Tri-huyện, sau thăng Án-sát. Đề mỗi ngày được thêm ân-sủng của giặc, y còn lùng bắt thêm nhiều nhà cách-mạng để tiến xa thêm như Nguyễn Thành và Hoàng-cao-Khai xuất xứ ở Quảng-nam và Hà-tĩnh. Đời bấy giờ nguyễn rủa quân lửa thầy phản bạn, bán nước cầu vinh bằng mấy câu dưới đây :

«Vô địa khả mai Cao-ngọc-Lẽ,

«Hữu thiên ưng thực Tống-duy-Tân.

Có chỗ đọc là :

«Vô được khả y Cao-ngọc-Lẽ.

Boulloche còn cho lùng cả Cao-diền vào ngày 3-10 tức là trước đó một hôm. Giữa đường toán quân 30 người của y bị đánh kịch-liệt, nghĩa-quân bị bắt 2, chết 6. Còn lại với Cao - Điền có bốn năm người và 2 tay súng. Họ Cao lánh được ra Bắc nhập với Nghĩa-quân Yên-thé rồi cũng sa lưới giặc vào 16 tháng giêng năm 1896.

Nay xét trong khi Ba-Đinh hoạt-động thì nghĩa-quân Hùng-Lĩnh cũng là cái gai trước mắt của quân-đội thực dân vì bên nọ làm thế ỷ-dốc cho bên kia. Ba-Đinh tan vỡ thì đạo quân Càn-vương trong tay nguyên Phòng-Súr họ Tống bị cô-lập (1887) và tương-lai mờ-mịt trông thấy ngay từ đó.

Luôn trong 6 năm ròng, Tống-duy-Tân dùng thế du-kích-chiến để quấy phá đối-phương, đột-kích vào các đồn Pháp rải-rác trên các trục giao-thông và ở các phủ, huyện. Sau mỗi trận đánh, nghĩa-quân lại rút lui về các vùng rừng núi để thủ hiềm. Tuy vậy, ở vài cơ-hội thuận tiện, nghĩa-quân cũng có mở một số vận-động-chiến hay tao-ngoèo-chiến khá lớn mà Pháp còn ghi vào những ngày 8-10 đến 22-10-1889, trận Đa-bút ngày 2-11-1889, trận Vạn-lại ngày 30-11-1889, trận Yên-lược ngày 1-12-1889, trận Nông-cống ngày 7-3-1890, trận Mỹ-hòa ngày 29-4-1890 v.v... các trận kè trên liên-tiếp diễn ra trong suốt 6 năm liền. Nhưng lực-lượng của nghĩa-quân mỗi ngày một hao mòn, việc bổ sung quân số chậm-chạp, trái lại đối-phương tuy có hao tổn nhiều nhưng việc tiếp vận đều hòa nên luôn luôn họ có những lực-lượng hùng-hậu để đòn áp. Nghĩa-quân tan vỡ dần, rồi vào đầu năm 1892, Tống-duy-Tân đã thấy tuyệt vọng vì không thể bảo tồn được lực-lượng đành phải gạt lệ giải-tán các chiến-sĩ từ lâu theo ông và sau việc giải-tán này hai ông Tống, Cao bị sa lưới quân giặc, thật là đáng tiếc và đau đớn.

Tuy-nhiên qua các hoạt-động của Tống-duy-Tân, ta thấy cuộc khởi-nghĩa của ông đã thực-hiện rõ-rệt được cuộc đoàn-kết

«Hữu tiền nan thực Tống-duy-Tân.

hay :

«Vô địa khả dung Cao-ngọc-lê.

«Hữu tiền nan mãi Tống-duy-Tân.

rộng rãi của mọi tầng lớp dân-tộc. Những bản tuyên-cáo hay truyền đơn kêu gọi ngụy binh do Cao-Điền thảo ra đã đề niêm-hiệu Hàm-Nghi thứ VI, nêu khâu-hiệu : *đánh lại giặc, đoạt súng của giặc để về với nghĩa-quân, lương - giáo nột nhà đừng sát phạt nhau* (1). Trong những năm đầu, nghĩa-quân đánh rất hăng, trai tráng tinh-nguyệt làm hương-binhh rất đông do đó nghĩa - quân lập được ở mỗi phủ huyện một cơ, có một cơ-trưởng là đảng viên Càn-vương điều-khiển. Trong dịp này các đồng bào Mường cũng xiết chặt hàng ngũ bên đồng bào Kinh do sự thúc đẩy và cỗ-dộng của tù - trưởng Cầm-bá-Thước.

(Xin nhắc rằng mở đầu cho cuộc khởi-nghĩa tại Hà-tĩnh trước tiên là cậu Ấm-Ninh tức Lê-Ninh hiệu là Mạnh-Khang. Ấm-Ninh thuộc giòng dõi thế-thần ở địa-phương này (xã Trung-lễ, tổng Văn-lâm, huyện La-sơn, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh). Ông xuất tiễn bạc riêng của gia-đình ra mua binh sĩ, rèn khí-giới. Quân-đội của ông lấy trong vùng, cứ nhà nào có ba suất đinh thì lấy hai, có hai thì lấy một. Ông tuyển cả lính ở bên quê vợ tại hai xã Phù - long và Yên - trường thuộc tỉnh Nghệ - an. Quân ông mặc áo đen thắt giây lưng màu xanh ngả lá mạ. Ở đây ông mua được 5 vê đem về tập trung ở Trung - lễ cộng với nghĩa-quân vùng Tông Nga, huyện Kỳ-anh, phủ Thanh-hà được tất cả là 5 đạo.

Ấm-Ninh lúc này còn trẻ tuổi nhưng có máu anh hùng nên đã có mặt ngay buổi đầu của phong trào Càn-vương. Tại Hà-tĩnh bấy giờ có Lê-Đại là Bố-chánh không tuân chiếu Càn-vương ông liền kéo quân ra tĩnh-ly bắt được tên ngụy-quan đem giết. Sau vụ này ảnh - hưởng của ông vang dội khắp nơi, ông lập đại bản-doanh-tại quê nhà, còn binh sĩ thì đặt ở khắp vùng La-giang. Ông bắt liên-lạc ngay với vua Hàm-Nghi và được phong Bang-biện quân-vụ. Sau Vua Hàm-Nghi cho ông đến cộng-tác với Cụ Phan-định-Phùng trong Hương-khê nghĩa-hội).

(1) Bức thư của Cao-Điền kêu gọi ngụy-binhh đồn Thi-Long :

« Ngày 24 tháng 2, Hàm-Nghi thứ 6 (14-3-1890) tôi là Cao-Điền Đè-đốc chỉ-huy nghĩa-quân có lời chán-thành gửi anh em quân-đội đồn Thi-Long : Bạn Pháp đánh chiếm nước ta từ mấy chục năm nay, thằng, người đều giận -

### 3. CUỘC KHỞI NGHĨA HƯƠNG - KHÈ (1885-1896)

Nếu so-sánh với các cuộc khởi-nghĩa văn-thân khác từ miền Nam ra tới miền Bắc Trung-kỳ, cuộc khởi-nghĩa Hương - Khè được uy-tín và kéo dài hơn cả do sự tổ-chức có quy-mô, sự huấn-luyện đầy đủ và trang-bị đàng-hoàng khiến kẻ địch cũng phải hết-sức khâm-phục.

Gia-nhập cuộc khởi-nghĩa của Hương-khè có nhiều chiến sĩ đã thất-bại ở các nơi khác nô-nức tìm đến tinh-nguyệt đặt mình dưới quyền chỉ-huy của quan Đinh-Đinh-Phùng. Cuộc khởi-nghĩa tuy mang danh Hương-khè nhưng địa-bàn hoạt-động đã gồm cả 4 tỉnh miền Bắc Trung-kỳ (Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Thanh-hóa). Vị-trí cǎn-bản của nghĩa-quân bấy giờ thiết-lập ở giữa núi rừng Nghệ-an và Hà-tĩnh có thể hiềm-trở, bí-mật. Xin nhắc rằng hai đời Trần, Lê chống Nguyên, Minh đã dùng vùng này làm nơi tiến thoái và thủ hiềm (Lê-Lợi lập cǎn-cứ chống Minh ở đây luôn 6 năm). Quả vậy, địa-phương này phía Đông gồm núi Thiên-nhãn, phía Bắc là Sơn-xuyên vùng Thanh-hóa, phía Nam là giãy Trường-vật chạy đến giãy Hoành-sơn, phía Tây là giãy Trường-sơn (còn gọi là núi Giăng-mản). Lưu-vực sông Lam gồm các chi-lưu Ngàn-phố (Hương-sơn) và Ngàn-sâu (Hương-khè). Tiến vào phía Nam là vào Tuyên-hóa (Quảng-bình) có thể tiến đến Quảng-trị, Thừa-thiên, tiến ra Bắc có thể thẳng một lèo tới Thanh-hóa, Hòa-bình.

---

Phụ-chánh và Tả-quân Đô-thống đã đi cầu viện Trung-quốc và nước Phổ để đem quân về Bắc-kỳ hỗ-trợ chúng ta. Tôi được lệnh tiêu-trù kẽ gian, nghĩ rằng, lương-giáo đều là con mồi không nên sát hại lão nhau.

Vậy tôi có thư này để anh em biết: lâu nay anh em đã có những hành-động chống lại quốc dân, các anh em nên trở lại với gia-dinh tìm nghè khóc làm ăn yên ổn, hoặc đánh lại giặc, cướp lấy súng của chúng nộp cho nghĩa-quân, thì không những được lính thưởng mỗi khẩu súng là một thoi bạc, các anh còn được trọng-dâi là đàng khác. Nếu như các anh muốn tự-do trở về quê hương làm ăn, chúng tôi sẽ cấp giãy cho được mọi sự yên ổn.

Trái lại sau khi bắt được thư này mà anh em vẫn còn theo địch thì anh em sẽ không thoát khỏi kỷ-luat của chúng tôi.

Nghĩa-quân đặt Tông-hành-dinh ở khu Ngàn-Trươi có giầy núi tên là Vụ-quang thuộc Hương-sơn, có ba con đường (độc đạo) thông sang Lào, Xiêm và ra Hà-tĩnh. Kẻ lạ lạc vào vùng này sẽ bị sa lầy đến ngang bụng. Đòn của nghĩa-quân đóng rải-rác từ chân núi Vụ-quang tới núi Trung-khê, Trí-khê dài gần 100 dặm thảy đều dựa vào rừng núi, sông ngòi vừa tiện về mặt chiến đấu, vừa thuận về mặt tiếp-vận.

Cụ Phan-đinh-Phùng là linh-hồn Kháng-chiến ở đây. Ta còn nhớ trước đó ít tháng cụ đã bắt đồng ý-kiến với hai quan Phụ-chánh Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường trong việc phế bỏ ông Dục-Đức nên bị giam ít ngày rồi bị cách-chức đuổi về quê nhà. Triều-đình Huế lúc này đang như chảo nước sôi lên sùng-sục. Một cuộc khủng hoảng chính-trị đè nặng đầu óc mọi người: hai vua Dục-Đức, Hiệp-hòa bị bức-lử, Phụ-chánh Trần-tiến-Thành bị hạ-sát, Án-sát Tôn-thất-Bá bị bỏ ngục, họ Phan tuy mắng ông Thuyết nhưng chỉ bị đuổi khỏi triều mà thôi vì ông Thuyết vẫn nêu cụ ở chỗ cùng chung một lập-trường chống Pháp. Không rõ rằng đây có phải là một cuộc sắp đặt hay không (điều lộn-xộn giữa ông Thuyết và cụ Đinh - nguyên), việc cụ Phan về làng Đông-thái là quê nhà thuộc tỉnh Hà-Tĩnh tổ chức cuộc khởi nghĩa bởi ông Tôn-thất-Thuyết đã bí-mật phong cụ làm Tham-biện sơn phòng Hà-tĩnh.

Cuối năm 1885 khi vua Hàm-nghi và ông Tôn-thất-Thuyết chạy ra Hà-tĩnh, cụ Phan-đinh-Phùng đã mang một số chiến sĩ đồng chí có nhiều uy-tín trong giới khoa-niục là Phan-quang-Cụ, Phan-khắc-Hòa, Hoàng-xuân-Phong, Nguy-khắc-Kiều Phan-trọng-Mưu, ra giới thiều và để lĩnh chỉ hoạt-động. Sau đó các ông Thám-hoa, Nguyễn-đức-Đạt, Hoàng-giáp, Nguyễn-Quý, Tiến-sĩ Nguyễn-xuân-Ôn, Phó-bảng Nguyễn-văn-Chất, Cử-nhân Nguyễn-văn-Hạnh, Nguyễn-Hành, Thái-vĩnh-Chính, anh em ông hồn-Ấn-Ninh, Cao-Đạt v.v... cũng nhiệt-liệt gia-nhập «*Hương-sơn nghĩa-hội*». Nhưng trong đám chiến-sĩ Cần-vương này kiệt-hiệt cả có Cao-thắng là một tướng tuồi trẻ nhưng có tài chỉ

huy và rất anh dũng (1). Có thể nói ông là cột-trụ của cuộc khởi-nghĩa Hương-khê cũng như Đinh-công-Tràng là cột-trụ của cuộc khởi-nghĩa Ba-định (Thanh-hóa), Ông lại là người gia-nhập nghĩa-quân từ ngày đầu.

Năm 1874, Hà-tĩnh có cuộc khởi-nghĩa của Đội-Lựu mà Nam-triều gọi là giặc Cò-Vàng, Cao-Thắng có mặt trong hàng-ngũ của Đội-Lựu mặc dù tuổi ông còn niên-thiếu. Đội Lựu thất-bại, ông cũng bị triều-đình truy-nã nhưng nhờ có ông Phan-định-Thuật là anh cụ Đinh-Nguyên cứu-thoát nên khởi bị bắt. Lớn lên họ Cao càng có tinh-thần giang-hồ mã-thượng, đã kết-nạp ít người hùng-cử núi rừng địa-phương chuyên đi cướp của các nhà giàu. Đến khi cụ Phan-định-Phùng kéo cờ khởi-nghĩa (1885) Cao-Thắng và một bạn là Nguyễn-Kiều đem 60 anh em đến tựu-nghĩa. Lúc đó Cao-Thắng mới trên 20 tuổi nhưng võ-nghệ đã lừng-danh, được cụ Phan thu dụng ngay và đặt vào chức Quản-Cơ. Trong các cuộc giao-phong vị chỉ-huy này bao giờ cũng đi đầu, khi lui binh bao giờ ông cũng là người đi sau cả.

Trong giai-đoạn đầu tiên là năm 1886 nghĩa-quân Hương-Khê không chống nổi cuộc càn quét của địch phải lùi về làng Phùng-công, huyện Hương-sơn, sau rút vào rừng núi đánh du kích và gần như bị tan rã. Sang năm 1887 Cụ Phan-định-Phùng phải ra Bắc tìm kiếm sĩ-phu Bắc-kỳ. Trước khi lên đường cụ đán các tướng ở lại nén lòng chờ thời, tránh bạo-động đợi cụ về sẽ liệu mưu khôi - phục tinh - thế. Mọi việc quân cơ trong giai-đoạn này Cụ đều trao hết cho Cao-Thắng. Họ Cao đêm ngày lao tâm, khổ tú, lo gây lại ngọn lửa cứu quốc đang tàn lụi trong lòng quân đội. Còn lại bên Cao-Thắng bấy giờ là Cao-Nữu, Cao-Đạt và Nguyễn-Niên. Tất cả phải rút về Lê-Động để tổ chức lại lực-lượng.

Một sự khó - khăn nhất bấy giờ đối với nghĩa-quân là

(1) Cao-Thắng là người làng Lê-Động, huyện Hương-Sơn tỉnh Hà-Tĩnh xuất thân chốn thảo dã nghèo nàn; người ông thấp nhô, tay chân ngắn ngủi nên người ta gọi là « Ngũ-đoán Tướng-quân ». Thuở nhỏ ông có đi học nhưng thích võ-nghệ hơn cả và có đầu óc ngang-tàng.

vấn-đề vũ-kí. Kinh nghiệm nhiều năm trong cuộc xô-xát Việt — Pháp, gươm giáo, gậy guộc không chống nổi súng đồng, chiến-hạm, Cao-Thắng liền nghĩ cách chế súng đạn, theo Tây phương. Rồi ông trở nên một kỹ-sư cơ-giới đầu tiên của Việt-nam. Ban đầu ông đúc được 200 cây súng hỏa-mai, mỗi đúc được 400 chiến hữu. Ông sử-dụng thứ súng nổ chậm này rất khôn ngoan là khi bắn chia ra làm hai giai-đoạn: một toán bắn trước thì một toán nạp đạn. Toán này bắn xong thì toán kia cung nạp đạn kịp bắn tiếp được. Do sự luân phiên khai hỏa và có sự liên-tiếp mau-lẹ, địch đã hết sức bở ngỡ không rõ vũ-kí của nghĩa-quân ở đâu ra.

Rồi nhờ trong một trận giáp-chiến bằng đoán - dao trên đường Nghệ-an — Hương-son, ông cướp được 17 khẩu súng bắn mau của địch sau khi giết được 2 sĩ-quan Pháp và 15 ngụy binh. Ông liền cho thợ rèn ở hai làng Vân-tràng và Trung-lương (huyện Can-lộc tỉnh Hà-tĩnh) lấy súng này làm mẫu, tháo ra từng mảnh theo đúng kiểu mà làm. Công việc gấp nhiều sự khó - khăn vì thiếu nguyên-liệu và máy móc. Sau mua được một số nguyên-liệu ở Xiêm, một số kiềm được tại chỗ, mấy tháng ròng-rã, ông đúc được 350 khẩu như hét kiểu súng 1874 của giặc.

Khi cụ Phan - đình - Phùng ở Bắc về, cơ-sở của nghĩa-quân đã khá vững - chắc trên phuong diện tő - chúc cũng như về quân số: nghĩa-quân có 1000 lính và 500 khẩu súng tốt. Tướng tá có Đề-Niên, Đề-Vinh, Đề-Đạt, Hiệp-Tuấn, Nguyễn-Chánh, Lê-văn-Tạc, Phan-đình-Phong, Phan-đình-Cần v.v...

Nghĩa-quân chia ra làm 15 quân-thú túc quân-khu. Quân khu đóng ở đâu thì lấy tên ở đấy:

(1) Đại-ý Ch. Gosselin, tác-giả cuốn *l'Empire d'Annam phè-bình súng* của Hương-son như sau: « Tôi có mang khẩu súng đó về Pháp; ai cũng nhận thấy nó giống hoàn toàn súng của ta chế tạo, khiến các sĩ-quan pháo-bin phải vô cùng ngạc nhiên. Nó chỉ kém ở chỗ lò-so yếu và không có đường soi trong nòng bắn kém xa... »

(2) Cụ Phan ra Bắc giả làm một ông Tú ngồi dạy học ở Sơn-Tây. Trong dịp này Cụ nghe ngóng tình hình chính-trị và nhân-si Bắc-kỳ, sau đó Cụ bắt liên-

TÊN QUÂN THỨ	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	TÊN VỊ CHỈ HUY
1) Khê-thú	Huyện Hương-khê	Nguyễn-Thoại
2) Can-thú	Huyện Can-lộc	Ng:-trạch, Ng:-Đật
3) Lại-thú	Huyện Lại-trạch	Phan-dinh-Nghinh
4) Bình-thú	Tỉnh Quảng-bình	Nguyễn-Thu
5) Hương-thú	Huyện Hương-sơn	Nguyễn-huy-Giao
6) Diễn-thú	Phủ Diễn-châu	Trần-Vinh
7) Anh-thú	Phủ Anh-sơn	Nguyễn-Mậu
8) Nghi-thú	Huyện Nghi-xuân	Ngô-Quảng
9) Lê-thú	Làng Trung-lễ phủ Đức-hòa	Nguyễn-Cáp
10) Cầm-thú	Huyện Cầm-khê	Huỳnh-bá-Xuân
11) Thạch-thú	Huyện Thạch-hà	Nguyễn-Thuận
12) Kỳ-thú	Huyện Kỳ-anh	Vũ-Phát
13) Lê-thú.	Huyện Lê-thủy	Nguyễn-Bí
14) Thanh-thú	Tỉnh Thanh-hóa	Cầm-bá-Thước
15) Diệm-thú	Làng Tình-diệm có núi Đại-hàm	Cao-Đạn

Số quân ở mỗi khu lớn hay nhỏ tùy theo sự quan trọng của địa-phương nhưng trung-bình mỗi quân-thứ có độ 100 binh sĩ lên tới 500 thường-xuyên liên-lạc với bộ Tổng-chỉ-huy để nhận mệnh-lệnh và kế-hoạch chiến-đấu. Quân-phục của nghĩa-quân nơi nào cũng giống nhau đáng kề là quy-cử. Bên chủ-tướng họ Phan có một đội thân - binh do Nguyễn-Mục điều-khiển. Xét việc bố-tri của nghĩa-quân ta thấy từ Quảng-bình ra Thanh-hóa là một hệ-thống quân-sự có tính

lạc với các linh-tụ Cần-vương & Hải-duong và Yên-thể. Nhưng Cụ thấy ít hy vọng gây-dụng được một cuộc hợp-tác có đủ hiệu-lực chống xâm-lăng với vài vị linh-tụ ở đây do chánh-kiến có nhiều điểm dị-dòng nên đang tinh-trở lại Hương-Khê thì tướng Cao-thắng cho người ra đón. Bấy giờ lực-lượng Hương-

cách phân tán lực - lượng của binh - đội thực-dân cho bớt mạnh, đồng-thời các đơn-vị có thể hỗ - trợ nhau mỗi khi gặp phải cuộc tảo - thanh của địch. Ngoài hệ-thống quân-sự kè trên, nghĩa-quân còn có những toán lưu-động chia đi nhiều nơi chặn các việc giao-thông tiếp-tế và đột-kích các đồn lẻ của giặc. Hơn thế nữa, nhiều phen nghĩa-quân đã nhử giặc ra khỏi vị-trí để phục-kích, phá đồn và đã có lần đánh thẳng vào tỉnh thành Hà-Tĩnh. Những khi địch hành-quân lớn vào căn-cứ của nghĩa-quân, nghĩa-quân luôn về hậu-phương của địch (các vùng đồng-bằng) để tấn-công các chỗ ách - yếu khiến địch phải vội-vã rút lui.

Đáng chú ý một điều là vấn-de lương-thực của nghĩa-quân nhờ sự tích-cực giúp đỡ của dân chúng nên được giải-quyet khá chu đáo. Nhân dân ở địa-phương nào có bồn-phận cung ứng gạo thóc cho quân-thư noi ấy như nộp thuế một cách chính-thức. Từ Vụ-quang lên Trí-khê cứ vài đậm lại có một hố chu-vi tới 30 trượng, đào sâu xuống đất. Để tránh sự ẩm-ướt, người ta lấy củi đốt cho hố được khô cứng như nung trước khi đồ thóc xuống, sau đó người ta lấp đất lại hóa-trang như chỗ đất thường. Quanh quẩn gần đấy có đẽ ít dụng-cụ để xay giã. Ngoài số thóc dấu trong các kho dự-trữ, dân chúng còn gánh một số lên đại-dòn Vụ-quang.

### *GIAI - ĐOẠN QUYẾT - LIỆT ĐỀ MỞ MÀN CHO 10 NĂM CHIẾN - ĐẤU*

Vào năm 1889 mọi tổ-chức của Hương-Khê đã có thể nói là chu-đáo, tình-thể lạc-quan vì lòng quân-dân bốn tỉnh miền Bắc Trung-kỳ rất phấn-khởi. Thấy nghĩa - quân bành - trướng trông thấy và có kế-hoạch đàng-hoàng, Pháp bố-trí nhiều đồn lẻ ở các nơi để phong-tỏa khu-vực ánh-hưởng và hoạt-động của nghĩa

---

sơn đã khá hoàn-bị (1900) nhưng phải có sự hiện-diện của Cụ là nhà ái-quốc có danh-vọng lớn mới khích-động mạnh-mẽ nhận tâm được. Quả vậy, khi đồng-bào được tin Cụ đã có mặt ở Vụ-quang, trai-tráng các nơi nô nức gia-nhập nghĩa-quân, lên Thượng-du Quảng-bình tìm vào làng Thanh-Lạng lấy đầu tên phản-quốc Trương-quang-Ngọc. Lúc này cũng là lúc các ông Vũ-Phát, Cầm-bá-

quân, địch chú ý nhiều nhất đến việc triệt đường tiếp-viên của Hương-Khè và ngăn chặn cả việc nghĩa-quân tràn xuống đồng bằng. Riêng ở Hương-khè, địch lập tới 20 đồn mỗi đồn có 30 tên lính đóng giữ. Một phần nguy-binh được lưu-động để tuần thám, sau đó sẽ có cuộc tập-trung lực-lượng để tấn công. Từ giai-doạn này địch áp-dụng thủ-doạn ác-độc và sâu-hiểm nhất là lấy người Việt để giết người Việt do Nghị-định ngày 11-2-1886 của tướng Warnet và nghị-định ngày 6-8-1886 của Toàn quyền Paul Bert. Sau khi hai nghị-định này ra đời, các tổ chức nguy-binh (khổ xanh) đầu tiên mọc lên như nấm để đàn-áp phong-trào Văn-Thân ở Trung-kỳ. (Và tháng 11-1889 Thượng-hội-đồng Đông-dương trao hẳn việc đàn áp nghĩa-quân cho lính khổ xanh).

#### Những trận đánh đầu tiên của Hương-khè :

1.) Ngày 1-9-1889 Đè Niên lập 2 đồn nhỏ tại Mỹ-hòa ở Cồn-chùa và Khe-Đen, thăng quân của Thiếu-úy khổ-xanh De Ninort. Trước đó ít lâu nghĩa-quân đã hạ được một Lính binh ngụy và 16 tên lính khổ xanh. Tuần phủ Hà-tĩnh và giám-binh Jacquet phải mang nhiều binh lính đến càn quét.

2.) Ngày 15 và 16 tháng 12 năm ấy nghĩa-quân đột-kích vào đồn Dương-liễu.

3.) Cuối tháng 12-1889 nghĩa-quân đánh vào huyện Hương-sơn, nơi Thiếu-úy Lambert và Roty đóng quân.

4.) Tháng 3-1890 đồn Pháp ở đây lại bị thêm một cuộc tấn-công nữa.

5.) Tháng 3-1890 quân địch đến càn quét trong huyện La-sơn và Thường-sơn có Đè Thăng và Phan-trọng-Mưu chống lại.

---

Thước, Nguyễn-Cáp, Ngô-Quảng đem quân đến góp sức với Cụ. Theo sử-liệu của T.V.G. trước đó cụ có liên lạc được với Tôn-thất-Thuyết và được phong làm Bình Trung tướng. (như vậy bấy giờ ông Thuyết chưa ra khỏi nước hoặc vẫn có liên lạc ở nước ngoài về với các lãnh-tụ cùn-vương?).

(1) Sau này Pháp nhận rằng : Đánh chiếm nước Nam là công lao của quân-đội viễn-xâm, nhưng dẹp yên các cuộc khởi nghĩa của Văn-Thân là nhờ & lính tập kề cả khổ đỏ, khổ xanh, khổ vàng.

Tại Hương-Khê các ông Bang Trúc và Hiệp-quản Diệp cũng hoạt-động mạnh.

6) Ngày 13-4-1890, Đốc Chanh và Đốc Trạch phục-kích giặc ở làng Hốt. Nhiều lính khổ xanh và lính dồng bị tiêu-diệt.

7) Đầu 26 rạng 27 tháng 5 năm 1890, Cai khổ xanh tên là Hép ở đồn Trường-lưu sang hàng nghĩa-quân chỉ đường cho quân ta đánh đồn này. Đồn - trưởng ở đây là 2 Thiếu-úy Devoogt và Trouvé. Đầu 28-5 cuộc tấn-công diễn ra, giặc chạy về Trường-lưu. Đầu 31 đồn này lại bị đánh phen nữa rồi nghĩa-quân sang đánh đồn Hương-sơn.

8) Ngày 2-6 tại Hà-trai một toán khổ xanh do Cai Hai chỉ-huy từ Napé đến bị Đề Đạt phục-kích.

9) Đầu 3-6 đồn địch ở Hương-sơn bị nghĩa-quân đánh phá và đồn Linh-Cảm bị quấy rối,

10) Ngày 4-6 Giám-binh Lambert bị đánh tại phía trên Hương-sơn.

11) Ngày 26-6 Lambert và 2 Thiếu-úy Khổ xanh bị đánh tại Gia-định, Đông-Tài và làng Hốt. Chúng bỏ chạy và nghĩa-quân tiến đánh Trường-lưu lần thứ tư.

12) Đầu 28 rạng 29 tháng 6 có cuộc xung-đột giữa nghĩa-quân và địch tại hai làng Trung-lẽ và Thương-Ích. Giặc đốt phá hai làng này.

13) Ngày 20-7 nghĩa-quân phục-kích một tên Thương-tá ngụy ở Linh-cảm đến tiếp cứu. Hai chỉ-huy nghĩa-quân là Đội Trạc và Cai Hép bị thương.

Đêm 24-7 nghĩa-quân đánh đồn Quý-Châu bị thất bại, Lãnh Thiệt tử trận. Giặc dò biết tình-hình của nghĩa-quân do Đề Mậu chỉ-huy ở vùng giữa Cây Chanh, Đồn Cốc và Trần-Lương. Công-sứ Nghệ-an tên là Luce tồ-chức đánh đồn của Đề-Mậu theo kế-hoạch bao vây. Thiếu-úy Haguet ở đồn Cây Chanh vây phía sau trại Đề Mậu, quân của Đinh-huân-Đương, Lãnh Hy ở

Phủ Diễn, Cửu Cát ở Đồng Cốc vây các mặt trước. Ngày 28-8 súng nổ kịch-liệt, địch mạnh quá nên Đè-Mậu phải tạm rút. Đêm 2-11 nghĩa-quân đánh quân Cửu-Cát ở đồn Mạc-Hạ.

14) Ngày 2-9 Đốc Tranh đánh một đơn-vị địch tại Cầm-xuyên trong khi chúng từ Hà-tĩnh và huyện Kỳ-anh tới.

15) Ngày 14-9 nghĩa-quân lại đánh Lambert tại làng Liễu cách tỉnh-ly Hà-tĩnh 14 cây số. Giặc phái Tuần-phủ Đinh-nho-Quang đến Trường-lưu và Nam-huân phủ-dụ dân chúng dừng theo nghĩa-quân.

16) Tháng 10-1890 nghĩa-quân hai huyện Hương - khê và Hương-sơn hợp với quân của Đốc Chanh đánh đồn Nam-huân Cuộc chiến đấu kéo dài từ 20 đến 25-10 tại các làng Gia-hanh và làng Hốt cùng các vùng phụ-cận. Tháng 12-1890 địch mang thêm quân đến đánh vào vùng trại Tháp cách Nam-huân chừng 6 cây số. Nghĩa-quân của Mai-văn-Vinh vẫn còn đủ sức đánh đồn Linh-cảm (gần Đông-thái) ngoài việc đương đầu với đạo quân tảo-thanh của địch. Xét trong giai-đoạn này nghĩa-quân nắm quyền chủ - động chiến - trường tại các huyện Thanh-chương, Hương-sơn, La-sơn, Hương-khê.

17) Ngày 2-2-1891 Bang-biện Vinh đánh úp toán lính khổ xanh di-chuyển từ đồn Nam-huân về Nghệ.

18) Từ mồng 2 đến mồng 9 tháng 3 Giám-binh Boudon càn quét từ Tri-ban đến đèo Qui-hợp và kéo vào Hương-sơn không gặp một cuộc kháng-cự nào, nghĩa-quân bí-mật tập-trung ở Thiên-thôn đón đánh giải thoát được một số tù binh của ta mà Thiếu-úy Hugnit được lệnh giải từ Nam-huân về Linh-cảm. Trận đánh kéo dài 4 tiếng đồng hồ ; bên nghĩa-quân Hiệp-quản Diệp tử trận, bên địch Hugnit nhò díp này thoát khỏi vòng vây. Còn Boudon hành binh đến Trường-Vật trại Tháp về đến Linh-cảm thì bị tấn công.

1.) Ngày 2 đến 5-3 Đốc Đớp và Bá-hộ Thuận đánh giám-binh Lambert ngay gần tỉnh-ly Hà-tĩnh.

2.) Ngày 28-3 Đè Thành đánh Thiếu-úy Robert tại Thương-bồn.

21) Đầu và cuối tháng 4, nghĩa-quân tiêu-diệt được một số lính khổ xanh khi chúng kéo đến đánh đồn và nghĩa-quân bao vây Đúc-thọ ngày 24-4.

22) Tháng 6-1891 toán lính của Boudon bị nghĩa-quân đánh úp và tháng 7 cũng có cuộc xung-đột vào ty Thương-chánh ở Can-lộc.

23) Ngày 15-7 Lãnh-binh Dương-Lê đánh nhau với Thiếu-úy Duravisseau. Trước các hoạt-động lẻ-tẻ nhưng liên-tiếp của nghĩa-quân, địch đã cho Giám-binh Boudon, Hugnit, Bourgeois, Focher, Magistris, Marquet và Robert là các sĩ-quan trấn-đóng các vùng Linh-cẩm, chợ Bông, Tri-Ban (Hà-tĩnh) mở cuộc tảo-thanh rộng lớn từ 1-9 đến 15-9 ở khắp nơi nhưng giữa hai bên chỉ có xảy ra vài trận nhỏ.

24) Ngày 19-11 Duravisseau, Magistris và Montigneau đem quân đến Trường-xim bị nghĩa-quân đánh kịch-liệt, chiến sự dài 1 giờ rưỡi sau đó nghĩa-quân rút về Vụ-Quang.

25) Đêm 19-12 Đề-Thắng mang quân đánh địch ở Lương-diền.

26) Ngày 7-3-1892 nghĩa-quân đánh đồn Trung-lễ vì có một bọn làm tay sai cho giặc chỉ nghĩa-quân cho giặc bắt. Nghĩa-quân còn bắt được hai tên Bá-hộ phản-động giam tại Lạc-hà, đánh úp huyện Thạch-hà tóm được viên Tri-huyện. Đó là công của Bá-hộ Thuận, còn Cao-Thắng cho quân giả làm lính khổ xanh bắt được Tuần-phủ Đinh-nho-Quang lúc này giữ chức Tiếu-phủ quân-vụ Huyện Hương-sơn. Tên giặc-quan đã có một lần viết thư mạt-sát cụ Đinh-nguyên nhưng khi bắt được cụ không giết chỉ buộc đem nộp một số tiền chuộc mạng mà thôi. Tóm lại, từ việc trừng-trị tên Trương-quang-Ngọc, đến việc bắt sống Đinh-nho-Quang, nghĩa-quân đã làm cho bọn Việt-gian phải bỏ via và không dám hoạt-động mạnh.

Mấy tháng đầu năm 1892, một việc đáng kể là vụ Phó-công-sứ Damade được lệnh mở một cuộc tảo-thanh lớn vào

khu Trường-xim. Tại đây có hiện-diện của nghĩa-quân Đề Thăng. Toàn-thể lính khổ-xanh Hà-tĩnh được huy-động để ào vào vùng giữa sông Ngàn-phố và sông Cả cùng vào rừng Trường-xim.

Nghĩa-quân chia lực-lượng làm hai phần : một phần ở lại chống cuộc càn quét : một phần lén về hoạt-động gần tinh-ly Hà-tĩnh và các phủ, huy-ện.

Ngày 2-3-1892 vài trận nhỏ diễn ra tại Trường-Xim, giặc đánh tháo được tên Đinh-nho-Quang và Cử Nhan.

Ở Kỳ-anh và Nam-huân, nghĩa-quân lập kế cho báo với Hugnit chõ ở cửa Bá-hộ Thuận, ngày 20-6 Hugnit bắt kẻ chỉ-diểm dẫn đường nhưng đến nơi chỉ thấy một trại nhỏ bỏ không từ lâu. Lúc này nghĩa-quân bao vây địch rất nguy quẩn. Thiếu-úy Briscout vội đem quân từ Kỳ-anh đến cứu viện bị phục-kích giữa đường. Trong hai giờ chiến đấu, địch thiệt hại nặng nề trước khi chạy tháo thân được về Kỳ-anh. Còn Hugnit đang loanh quanh tại chõ trại bỏ hoang nghe tin Briscout đang bị thua to và đồn Voi lại bị tấn-công vội chia quân làm hai toán kéo đến Voi thì nghĩa-quân đã rời khỏi. Rút cuộc cuối tháng 4 các toán quân tảo thanh của Damade phải kéo về sau hai tháng vất-vả, khổ-sở.

28) Từ tháng 4 đến tháng 8-1892 có những việc sau đây : Linh khổ-xanh và dồng đi chợ Hương-bộc cách đồn Ngụy-giang một cây số bị phục-kích vào ngày 8-6. Sau một tuần lễ nghĩa-quân xục vào các làng Trung-lễ, Đông-khè và Văn-lâm trừng-trị một số Việt-gian và giết một Hiệp-quản ngụy, ở Đông-khè. Trường đồn Linh-cảm đến cứu bị đánh úp ở Văn-lâm. Quân ở Nam-huân và Trí-bản đến tăng viện cho Linh-cảm cũng bị đánh. Tối 18-6 toán quân vận-lương của Nghĩa-quân ở Hà-tĩnh cũng có giao-phong với địch khiến trưởng đồn Robert phải đến trợ chiến tại Trường-Vật, nghĩa-quân đánh nhau với De Soulages (1) và Robert. Ngày 8-7 Hugnit

(1) De Soulages là đồn-trưởng đồn Nam-huân

và Le Parc tìm đến trại Bá-hộ Thuận, hai bên có đánh nhau một lúc rồi nghĩa-quân kéo đi.

**NGHĨA - QUÂN ĐỘT** Nhiều cuộc càn quét đã xảy ra mà **NHẬP HÀ - TỈNH** các hoạt động của nghĩa-quân vẫn không ngừng khiến địch uất giận vô cùng. Trước những thắng-lợi này dân chúng càng nao-nức giúp đỡ nghĩa-quân về lương thực. Giặc thấy cần phải cố gắng mở những trận đánh trước mùa mưa để chấm dứt sự hiện-diện của quân Hương-khê đã trở thành cái nhọt bọc trong mắt chúng.

Theo cuộc điều-trá của chúng, cụ Phan-dinh-Phùng và nhiều tướng tá và 150 tay súng đang đóng tại Hội-trung, Cao-Đạn và một ít nghĩa-quân đóng ở La-sơn, Bá-hộ Thuận đóng ở Trại chè, Đốc Chanh ở Thiền-thôn có chừng 100 chiến-hữu.

Chúng lập kế-hoạch tiến đánh Trại chè cho quân chủ lực của Hương-khê lạc hướng rồi nhân lúc bất ngờ địch mang đại-quân đánh thắng vào Hội-trung, sau đó sẽ thanh toán nghĩa-quân ở hữu-ngạn Ngàn Sâu.

Hugnit, Bourgeois, Le Parc và Lãnh-binh Trọng được lệnh đem quân càn quét từ Hà-tĩnh đến Trại chè. Cuộc hành binh của chúng bắt đầu từ 5 đến 9 tháng 8-1892 rồi địch phân công như sau :

— Thiếu-úy Haguet và Focher đem 80 khố xanh tới Hương-khê.

— Robert và Bourgeois đem 60 lính đến Trạc Cuội (Hương-sơn).

— Lambert cùng Thiếu-úy Crémon và Mariani đem 50 lính đến Hương-khê.

Ba cánh quân này theo lệnh phải tấn-công vào trại nghĩa-quân đêm 12 rạng 13-8 cùng một lúc. Kế-hoạch của

địch không được nghiên-cứu kỹ và cũng do sự điều-trá kém phần chính-xác, do đó địch đã không huy - động một lực lượng tương xứng với tình thế. Thực ra nghĩa-quân lúc này có mặt ở các phủ-huyện, sự liên-lạc giữa các đơn-vị được chặt chẽ và nghĩa-quân ngoài việc chống tảo-thanh có còn thể chuyên thế thủ ra thế công là đàng khác. Chủ-tướng họ Phan lại hiểu rõ cả mọi sự tính-toán của địch.

Hồi 9 giờ tối hôm 12-8 Robert mang quân đánh vào tiền đồn của nghĩa-quân, đôi bên đánh nhau một chap rồi nghĩa-quân rút. Sáng hôm sau Robert lại tiến vào rừng lục soát nhưng không gặp gì hết. Đêm hôm 13-8 vào 10 giờ nghĩa quân phản-công khá mạnh.

Địch ngã 16 tên, bị trọng - thương 15 tên, ngoài ra còn một số xéo phải chông không đứng nổi. Chúng hoảng sợ bỏ chạy. Vậy mà lúc này, cách Robert chỉ vài cây-số, Lambert đang hành-quân bên kia núi không biết gì hết để sang tiếp-viện. Và về phần Lambert sáng ngày 14-8 tới một cǎn trại bỏ hoang nên đi không lại trở về không, cho tới cuối tháng đó các toán ngụy-binh phải triệt-hồi về cǎn-cứ hết.

Trong khi địch loanh-quanh ở các vùng Khê-thượng, Hương-sơn và Hương-khè, sao-sục vào rừng sâu, bụi rậm thi vào ngày 23-8 Bá-hộ Thuận được lệnh cụ Phan bí-mật đem quân đến sát thị-xã Hà-tĩnh giả đánh vào phố-xá để gây cuộc náo-động trong khi đại-bộ-phận chia ra làm hai đạo tấn-công ráo-riết vào trại khổ xanh và nhà lao Hà-tĩnh lúc này có 70 nghĩa-quân bị cầm tù (trong việc đánh nhà lao, Bá-hộ Thuận còn có việc giải-cứu Duy-thịnh là anh ruột của ông ta).

Nghĩa-quân nỗ súng khắp nơi giữa lúc bất ngờ, địch và dân-chung vô cùng sững-sốt. Đội Sinh coi trại khổ xanh hò-hét quân lính liều chết chống cự. Chánh phó Lãnh-binh ngụy mang nhiều lực-lượng ra đương đầu với Bá-hộ Thuận ở ngoài phố. Lúc này hai mũi dùi chính đã tiến vào trại

khổ xanh và nhả lao. Nhờ có cuộc tấn công này các chiến sĩ bị giam được thoát vòng xiềng xích vì ngoài đánh vào trong phá ra, bọn lính gác đè-lao không đủ sức chống đỡ bỏ chạy và bị giết mất vài kẻ. Riêng Duy-thịnh bị giam riêng trong một lô-cốt (vọng gác) của trại khổ xanh theo lệnh riêng của Tuần-phủ nên nghĩa quân không kiểm được. Dầu sao cuộc chiến - đấu này cũng là thắng - lợi rõ-rệt, về phần nghĩa-quân không bị tổn-thất gì cả.

Tối ngày 28-8 Nguyễn-Cáp đánh nhau với De Soulages để cầm chân địch cho một toán quân về tải lương-thực ở Đông-khè (huyện La-sơn). Vì việc đột-kích thị-xã Hà-tĩnh vừa xảy ra, địch tập-trung hết lực-lượng về đồng-bằng lục-soát càn quét và khủng-bố nhân dân từ đầu tháng 9 qua đầu tháng 10 năm ấy. Trong khi đó, nghĩa-quân đã biến hết vào các nơi núi cao rừng thẳm.

Giữa giai-đoạn chiến-lắng tốt đẹp này có kẻ Việt-gian đã đưa quân Pháp đến trụ-sở của Đốc Chanh nên Đốc Chanh bị rơi vào vòng vây của địch và tử - trận. Cuộc càn quét của địch lại tái diễn. Không ham đánh ở các trường-hợp thiếu sự thuận-tiện, nghĩa-quân rút khỏi đồn Phượng-nga ngày 16-11 và đồn Trường-vật ngày 30-11. Ngày 15-12 có cuộc giao-phong giữa nghĩa-quân với Bourgeois và Robert ở núi Quạt.

Đầu tháng 2-1893 Pháp mang lính khổ-xanh và lính đồng đi tảo-thanh giãy núi Trường-vật và Ngàn-trươi. Chúng đem 120 tay súng vượt đỉnh núi Trường-vật tiến từ phía Nam lên phía Bắc và đặt một số quân đón các nẻo khác để đánh ập lại. Chỉ-huy các đạo quân này vẫn là bọn Lambert, Mariani, Haguet v.v... Đêm thi-hành kế-hoạch bao vây kẽ trên, De Soulages ngày 7-1-1893 đã đem quân về phía Bắc, xuất-phát từ Khiêm-ich, nhưng chỉ gặp một trại bỏ vắng ; Haguet bị chặn đánh tại Khê-thượng sau. khi kéo từ Trường-Xim lại phía Nam ; không vượt nổi khỏi địa-diểm này, y phải quay về Hòa-duyệt. Lambert vào khe Ngọn ngày 23 cũng bị ngừng lại. Bourgeois ngày 21 cũng không tiến nổi, vội liên-lạc với

Haguet và ngày 6-2 chúng bị nghĩa-quân tấn-công rất hăng và bị trọng-thiêng tới 20 kẽ. Chúng phải triệt-hồi, nghĩa-quân mấy hôm sau lại trở lại. Cho tới hết tháng 3 đôi bên còn theo đuổi nhau. Ngày 29-3 Đề Thắng gặp Bourgeois ở Mỹ-duệ rồi rút về Trại chè. Đầu tháng 4 Đề Nam xung đột với Bourgeois và Robert cũng có mặt ở vị-trí kẽ trên.

Cuối tháng 4, Hugnit lúc này đã được thăng Giám-binh và lên giữ chức Chỉ-huy-trưởng vùng Hương-sơn, Hương-khè xuất quân đánh vào Trại chè thì nhiều cánh quân của cụ Phan luồn về đồng-bằng tấn-công các đồn Trung-lương Kim-chúc, (ở Can-lộc), đồn Hương-khè và nhiều cǎn-cứ địch trong huyện Nghi-xuân. Hugnit lại phải rút về để bảo-vệ các vùng đang bị uy-hiếp. Từ tháng 5 đến tháng 7, Đề Nam, Đốc Trạch quấy phá địch dữ-dội theo chiến thuật : *Dịch di ta đến, dịch đến ta di* tức là tránh gặp địch để đánh địch ở những trường-hợp sơ-hở và bất ngờ.

### *CHIẾN - DỊCH NGOÀI ĐỒNG - BẰNG THẮT - BẠI (CAO-THẮNG TỬ TRẬN)*

**Cuộc khởi nghĩa Hương-Sơn khởi đầu vào cuối năm Ất-Dậu (1885) đến năm 1893 là vừa đúng 8 năm. Nó trải đủ thắng-trầm, bĩ-thái, nó từng thâu lượm được nhiều thắng-lợi vẻ-vang.**

Các tướng của nghĩa-quân luôn luôn nắm vững được yếu-tố nhân hòa, địa-lợi để chống các cuộc càn-quét của giặc cũng như để tấn-công giặc những dịp thuận tiện, nhưng vào những năm cuối cùng của thế-kỷ XIX, thực-dân Pháp đặt được gần đây đủ bộ máy thống-trị ở khắp vùng đồng-bằng và hệ-thống đồn lũy mỗi ngày tiến sâu vào các miền rừng núi thắt thêm chặt vành đai vào nghĩa-quân. Việc tiếp-vận của đồng-bào do đó càng thêm khó khăn thì việc đòn-áp của địch càng thêm có hiệu-quả. Thu hẹp trong một địa-bàn nhỏ hẹp dần, nghĩa-quân trông thấy tương-lai ngày thêm mờ tối, nhất là các quân-thú từ Quảng-bình ra Thanh-hóa sau này mất liên lạc không còn tiếp-ứng cho nhau dễ dàng như trước. Tướng Cao-Thắng đã quan-niệm rằng phải có những trận đánh lớn

để gỡ nước cờ bí này nếu không nghĩa-quân cũng tự-diệt do tình-trạng sài mòn đang diễn ra trước mắt hàng ngày. Cụ Đinh-Nguyễn lấy làm băn-khoăn, e rằng những trận lớn nếu không thành công thì nghĩa-quân có thể sụp đổ rất chóng bởi lực lượng địch lúc nào cũng xung mãn về mọi phương diện. Cụ cũng nhận thấy cứ loanh quanh giữa núi ngàn bốn tỉnh Thanh-nghệ, Tĩnh-Bình mà không tràn được ra ngoài đồng bằng cũng là thất bại rồi. Sau cụ đành chấp-thuận kế - hoạch của dũng-tướng họ Cao : mang quân chủ - lực đánh vào thành Nghệ, quân-thú các tỉnh khác nhất tè hoạt động để ủng-hộ cho cuộc tổng phản-công, đồng thời chia lực lượng của giặc cho đại-quân để thắng lợi. Nếu nghĩa-quân thâu đoạt được tỉnh - thành Nghệ-an thì các quân-thú khác cũng đánh ào-ạt vào lỵ-sở của địa-phương mình đang hoạt động. Cụ Phan phụ trách ngăn địch ở mặt trong tiến, ra Cao thắng lo giữ địch ở Bắc vào tiếp-viện và ngăn chặn cả mặt biển.

Ta có thể coi trận đánh này (vào tháng 10 Âm-lịch 1893) là một cuộc tổng phản công địch của Hương-Khê, một cuộc quật - khởi cuối cùng để sống hay để chết, để mở màn cho một tương-lai sáng-sủa hay để tự-diệt một cách vè-vang. Rồi họ Cao từ căn-cứ Ngàn-trươi kéo 1000 quân về thắng Nghệ-an, chia quân làm hai đạo : ông và Nguyễn Niên cầm 500 quân giữ nhiệm-vụ xung-phong ; Cao-Nữu cầm 500 quân làm hậu-tập. Trong giai - đoạn đầu, nghĩa-quân tiến đến đồn Nô. Tên chỉ-huy ở đây là ngụy Thiếu-úy Phiến có 100 lính biết rằng quân cô thế yếu không thể chống nổi danh - tướng Cao - Thắng nên chia lực-lượng ra làm hai : một nửa giữ vị-trí bắn ra ngoài ráo-riết ; một nửa cho luồn ra ngoài để mai - phục rồi đánh vào sau lưng nghĩa-quân. Chiến - thuật của y có kết-quả nên đêm hôm ấy nghĩa-quân tấn công vào đồn đã bị hỏa-lực của địch đán-áp cả trước mặt làn phía sau. Cao - Thắng không may bị đạn. Ông chết tại trận - tiền, trong lúc trái tim đang sôi máu giết thù cừu nước, giữa cái tuổi 29 hoàn toàn dâng mình cho đại-cuộc quốc-gia. Thế là kế-hoạch tiến ra đồng

băng tan vỡ vì cái tang bất ngờ của Đại-tướng. Di-hài người anh hùng dân-tộc được đem về Ngàn-trươi an-tàng. Bình-tướng Hương-Khở ai nấy đều nát gan đứt ruột.

Cụ Phan-đình-Phùng được tin này, chết lặng hồi lâu sau đó Cụ đã viết hai đôi liễn để thờ và để khóc người đồng-chí đã chia xẻ với mình 10 năm gian-khổ :

**« Công cầu tất thành, kích tiếp thệ tảo thanh quốc tắc ».**

**« Sự nan dự liệu, cử yên tích dĩ thiều tư nhân »**

và :

**« Vị tiệp tiên tử, thiên ý vị hà ?**

**« Hữu chí phất thành, anh hùng dĩ hỉ ».**

Rồi Cụ Phan đọc bài điếu văn do ông Võ-Phát người huyện Kỳ-anh làm băng chữ Nôm dưới đây :

*Than rắng :*

*Thanh bảo kiểm 10 năm săn có, đãng anh hùng dùi mài mãi chưa thôi ;*

*Áng nhung trường một phút như không, con tạo ghét ghen chi lầm thế ?*

*Nghĩa đồng ưu túởng lại luổng đau lòng ;*

*Tình vãng điếu nghĩ càng thêm áu-lệ.*

*Nhớ tôn linh :*

*Hào-kiệt ấy tài, kinh-luân là chí ;*

*Vén mây nửa gánh giang-san, vỗ cánh bốn phương hồ thi,*

*Gặp quốc-bộ đang cơn binh cách, nghĩa giúp vua chung nội an ưu ?*

*Bỏ gia-dinh theo việc nhung dao, lòng đánh giặc riêng phẫn lao tụy ;*

*Địa-bộ muỗn theo giúp Nhạc-Mục, thết nhung bào từng ghê trận oai-linh.*

*Thiên tài toan học churóc Võ-hàu, chẽ súng đạn biết bao chừng cõ-trí.*

*Ơn quân tướng Đỗng-nhang vây mạng, cầm ăn quan phong.*

*Tước triều - đình Chưởng-vệ gia phong, kéo cờ lân chẽ, mài gươm chuốt đá, chí khuông phò không phụ với quân vương;*

*Nào ngờ đâu ! một sớm không chừng, mơ màng đạn lạc tên bay, trường chiến-dẫu biết đâu là số-hệ ?*

*Trong ba kỷ xuân thu tuy chưa mẩy, trên yên ngựa đồi phen roi thét, trọng cương thường quyết mở mặt nam-nhi,*

*Ngoài mười sương, sự-nghiệp biết chừng nào, trước cửa viễn bồng chốc sao sa, tha linh-phách vội cướp công tráng-sĩ.*

*Non thiên nhện phải phơi hơi gió thổi, thương người tiết nghĩa ngâm ngùi thay !*

*Nước tam-thoa thấp-thoảng bóng trăng soi, nhớ kẻ trung trình ngao ngán nhẽ !*

*Thà chết nứa, song tay địch khái, theo vè tö-phụ ấy càng vinh.*

*Kia sống như mẩy kẻ hàng-di, ở với tình-chiên càng thêm bậy.*

*Nay nhán :*

*Chang thất tối tuần,*

*Thúc-sô dâng lê.*

*Chén rượu thoảng bay mùi chính-khi, trước đình đều đủ mặt quan-liêu,*

*Nén hương nghi-ngút khói bạch-vân, dưới án đua chen hàng cõ-vệ.*

*Chưa xót thay, hai già tuổi tác, ngọt bùi cây tay em thay đỡ, khói thảm-tình chưa thoát khỏi cõi hoàng-luyền.*

*Cám cảnh thay đàn trẻ thơ ngây, ân-cần nhở công vợ dây nuôi, may di-phúc lại nảy ngành dan-quế.*

*Tinh hồn vi dầu thành - sảng, hộ phen này cho tướng mạnh quân bền.*

*Linh hồn nếu có khôn thiêng, rồi ngày khác lại có sắc phong điện-tế,*

*Thôi ! thôi !*

*Cửa tia lầu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, dè tiếng thơm cho iỏi mặt anh hùng.*

*Sáng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lệnh ba-quân thết hơi mạnh dè xây nền bình-trị.*

*Thương ôi là thương !*

*Kè sao xiết kè (1) !!!*

Được tin Cao-Thắng tử trận, địch lợi-dụng luôn co-hội nghĩa-quân đang đau buồn vì tang tóc của chủ-tướng, liền tập-trung gấp lực-lượng để tổng tấn-công, nhưng chúng lầm, nghĩa-quân vẫn giữ vẹn tinh-thần chiến-đấu. Tuy nhiên ta không thể quên rằng thực-lực của ta về vật - chất bị hao-mòn khá nhiều rồi khiến đã có những ảnh-hưởng không tốt đẹp cho cuộc kháng - địch. Rồi cho rằng lúc này việc chiêu hàng đã thuận tiện, địch phái Hoàng-cao-Khai, một tên đại việt-gian mà ai đọc lịch-sử chống Pháp cũng nhớ đến. Với chức-vụ Khâm-sai đại thần. Vào tháng tư âm-lịch (1894), họ Hoàng bắt tay vào việc khuyến-dụ nghĩa-quân Hương-khê. Pháp biết rằng Hoàng-cao-Khai với cụ Đinh-nguyên là người đồng-hương (Đông-thái) và cũng có tình văn-mặc nên không ai có thể giao-dịch với cụ Phan được dễ dàng hơn. Nhưng người anh-hùng họ Phan đã cương-quyết từ-chối những lý-luận bề ngoài có vẻ rất tha-thiết chí-lý và lâm-ly tình cảm của nguy Quận-công họ Hoàng (1). Kế-hoạch này thất-bại, Pháp đánh lại phải dụng chánh-sách đánh mạnh đánh mau theo thường-lệ.

(1) Xin coi bức thư của Hoàng-thái-Xuyên gửi cho cụ Đinh-nguyên và lời hồi ức của người chiến sĩ núi Quạt ở phần mục-lục.

Ngày 1-3-1894 nghĩa quân đánh vào đồn chợ Phố và hai hôm sau nhử địch tới một làng ở gần đồn để chia bớt lực-lượng. Ngày mồng 4-3 nghĩa-quân ngụy-trang theo thường dân và tấn-công địch hồi 9 giờ sáng. Cùng ngày hôm ấy Bricout và toán lính khổ xanh của hắn bị đánh tại một địa điểm khác.

Ngày 29 - 3 - 1894 Đốc - Binh Nguyễn - Bảo giết được nguy Thiếu-úy Phiến, tên Việt-gian đã bắn chết tướng Cao-Thắng sau cuộc phục-kích tại Vạn-sơn (Nam-đồng). Lãnh Lợi chỉ-huy cuộc phục-kích hôm ấy.

Ngày 31-3 Bá-hộ Thuận mở cuộc tập-kích vào Thị xã Hà-tĩnh một lần nữa tính thực-hiện lại kế-hoạch cũ của Cao-Thắng, nhưng kết-quả không được như ý muốn. Luôn ba tháng (4,5,6 - 1894) nhiều cuộc xung-đột tiếp-diễn giữa các tướng nghĩa-quân là Phan-duy-Cần, Đốc Cơ, Đốc Trạch và De Soulages, Philippe của Pháp.

Ngày 25-6 và đêm 12-7 đồn Pháp ở Qui-hợp bị nghĩa-quân tập-kích.

Ngày 11-7 bọn Rallier du Baty tìm đánh Bá-hộ Thuận. Sáng hôm sau hai bên đều nấp trong rừng bắn nhau và chửi nhau. Nhiều lính địch rót xuống hầm chông và bị tập kích.

Ngày 14-7 Samaran mang quân đi tảo-thanh ở phủ Diễn-châu và huyện Anh-sơn. Về gần tỉnh-ly (Vinh) chúng bị nghĩa-quân chặn đánh.

Ngày 27-7 De Soulages bị đánh tại Đại-hầm phải bỏ chạy và luôn trong tháng 8 có nhiều cuộc giao-tranh xảy ra tại Ngàn-cỏ và núi Mô-ho giữa Samaran, De Soulages, Gruault, Rallier du Bati, Focher cùng nghĩa-quân.

**NHỮNG TRẬN CUỐI  
CÙNG CỦA NGHĨA-  
QUÂN HƯƠNG - KHÈ  
(TRẬN ĐẠI-HÀM)**

những trận cuối cùng của nghĩa-quân không đủ sức ngăn cản.

Tại đây đôi bên giằng co với nhau rất kịch-liệt. Cụ Phan đóng ở trên núi, địch bao vây dưới chân. Núi này thuộc làng Tĩnh-Diệm thuộc Diệm-thür. Tướng chỉ-huy quân-thứ này là Cao-Đạn, quân số có 400 người, súng trường có chừng hai trăm khẩu. Trái lại, địch có tới 1000 người vừa lính vừa dân phu đi phục-dịch chiến-trường. Lúc này nghĩa-quân đang bị đe-dọa về vấn đề lương-thực. Giặc vây kỹ và tấn-công mạnh. Hai đường tiến thoái đều khó. Cụ Phan do-dự, sau trung cầu ý - kiến mọi người. Cao - Đạn và Nguyễn - Mục xin đánh đầu tiên. Thấy mọi người có ý quyết tử để phá vòng vây, cụ cho lệnh nghĩa - quân nổ súng trước vào đám quân tiên-phong của giặc. Hai bên đánh nhau luôn 15 hôm liền. Ngụy-quân tiến lên núi bao nhiêu bị ngã gục bấy nhiêu. Nghĩa-quân bình-tĩnh chờ họ đến mới nhả đạn. Sự tồn-thất của chúng khá nhiều nên chúng phải kêu thêm 150 viện-binh từ Nghệ-an tới. Toán này chia làm hai cánh đánh thốc lên núi. Địch lén được núi thì nghĩa-quân đã rút khỏi vị-trí từ đêm trước và đã trở lại núi Quạt (Hương-khở).

Tháng 7-1895 nghĩa-quân rút về Vụ-quang định tiến lên một chỏm núi hiểm-trở nhất để lập căn-cứ, nhưng nghĩa-quân đến chậm, giặc đã chiếm được mỏm núi này trước rồi. Nghĩa-quân đành lựa một địa-diểm khác ở thung-lũng Vụ-quang. Chủ-tướng họ Phan có mặt ở đây. Trước trại của nghĩa-quân con sông Vụ-quang chảy qua rất xiết từ trên cao Nghĩa-quân dự tính địch sẽ mang đại-quân đến tấn công nên chặt nhiều cây lớn dẽ thành những khúc gỗ đặt ở đầu nguồn kết lại thành bè chờ lực-lượng của địch qua sông. Quả-nhiên địch rơi vào đúng kế-hoạch. Vài bữa sau khi chúng đang lội xuống nước thì nghĩa-quân phá bè. Hàng trăm cây gỗ từ đầu

Cuối năm 1894 cụ Phan-đình-Phùng phải di-chuyển Tông-hành-dinh về núi Đại-hàm. Lực-lượng của cụ bấy giờ

đã yếu nên trước đó không lâu, giặc đánh thẳng vào Đại-dòn mà nghĩa-quân không đủ sức ngăn cản.

dòng thác lao xuống như tên bay, địch bị xô đẩy, bị thương và chết không kịp chạy lèn bờ. Ngoài ra chúng còn bị đạn của nghĩa-quân hai bên bờ bắn chéo lại. Ba sĩ-quan Pháp và trên 100 tên lính bị tiêu-diệt. Chúng bị mất 50 tay súng cùng nhiều quân-trang, đạn-dược. Trận Đại-hàm được kề là một chiến thắng rất oanh-liệt giữa lúc nghĩa-quân đang lâm vào cảnh cùng-quẫn.

### TRẬN CAO - KHÈ

Qua ngày 17-1-1895, địch lo cuộc phục thù trận đánh ở Đại-hàm. Samaran đem quân vào lục soát giầy núi Trường-vật và ngày 4-2 giữa y và Đốc Trạch có giao-phong vào buổi chiều. Đốc Trạch bố-trí đầy đủ quanh đồn đợi địch-quân kéo tới. Viên tướng hiếu chiến vô mưu này xông thẳng vào vị-trí của nghĩa-quân, coi nghĩa-quân không đáng kể vào đâu thì bị hai cánh quân của Đốc Trạch đánh áp-lại. Samaran bị đạn trúng cổ ngã gục trước quân của mình, túc thì nguy-quân bỏ chạy. Quân ta đuổi theo. Ngày 5-2 quân của Đề-Đạt cũng đánh tan được một đơn-vị khổ-xanh rồi rút đi. Tuy quân của Hương-Khè thắng luôn mấy trận liền nhưng địch vẫn làm chủ chiến-trường và vẫn nắm vững được nghĩa-quân trong vòng kiềm-tỏa của chúng.

Ngày 20 Huguet cho ngụy phó-quân Di đem một đội khổ-xanh đến đánh nghĩa-quân ở Lang-trại thuộc huyện Nghi-Xuân và chiến-cuộc bị ngưng luòn đến tháng 5 mới lại tái diễn. Nghĩa-quân từ giai-đoạn này lo lắn tránh để bảo-toàn lực-lượng vì đã gặp đủ các thứ trở ngại.

Ngày 10-5 Marquet tấn công bộ đội của Phan-đinh-Nghinh ở Trường-vật. Hai hôm sau Lý Võ cho quân tập kích đơn-vị của Thiếu-úy Daufès nhưng thất bại và bị hy-sinh. Cuối tháng 5 Lãnh Dao cũng bị giặc bắt được ở phủ Diên-châu. Tháng 6 có nhiều trận đánh hơn giữa Phan-đinh-Nghinh và Đề-Đạt với bọn Huguet, Fonne, De Soulages, Gruault, Hugnit tại Trường-vật và Công-Khè. Mỗi ngày nghĩa-quân đi sâu vào cái thế thu-

động; về phần địch càng có sự gia tăng khủng-bò các làng phụ cận để cắt đứt mọi nguồn tiếp-tế của dân chúng.

Tháng 7-1895 Nguyễn-Thân lĩnh chức Khâm-mạng đại-thần thay mặt đám tân phong-kiến Nam-triều ra đánh dẹp nghĩa-quân ba tỉnh Nghệ-Tĩnh-Bình. Duvillier, Công-sứ Nghệ-an làm Tư-lệnh nguy-quân ba tỉnh; dưới quyền của y có 15 vữa tân vữa cựu Giám-binh đỗc-xuất 3000 lính khổ xanh mở một cuộc tổng tấn-công nữa vào quân-đội Hương-khê coi cuộc phong-tỏa này là cuộc phong-tỏa chót.

Trong giai-đoạn này quân chủ-lực của Hương-khê cũng như các lực-lượng quân-thú các nơi bị rời-rạc vì mất các đường lối giao-thông, tiếp-vận. Lương-thực vũ-khí, quân - số thiếu hụt không sao giải-quyet nổi, sự ủng-hộ của dân chúng bị hạn-chế thêm một cách nguy-ngập. Mỗi lần bị địch tấn-công mạnh, nghĩa-quân chỉ có thể chạy quanh từ núi Giăng màn sang núi Quạt rồi lại trở về núi Vụ-quang. Giữa giờ phút đèn tối này cụ Phan-đinh-Phùng vì chiến-đấu quá gian-lao vất-vả bị bệnh kiết-ly nặng, Cụ lại không đóng quân ở đâu yên ổn được quá ba ngày, tinh-thần của quân-đội mỗi ngày sút kém trông thấy. Ngày 12-7-1895 De Soulages cướp được gạo muối và cá-khô của một đoàn quân tiếp-tế cho nghĩa-quân. Ngày 19-7-1895 Phó-lãnh-binhl Hồ Lai bị bắt. Đề Mậu, Đề Vinh đóng quân ở Quí-châu, Diên-châu và Anh-son muốn luôn xuống vùng đồng-bằng không nổi và tháng sau họ bị bọn Stenger, Allain vây đánh gắt-gao. Giặc tập-trung quân-đội tại Thủ-hoàng tinh bắt cụ Phan cho rằng cụ đang ở Vụ-quang khi ấy, nhưng khi chúng tiến vào địa-diểm này thì cụ Phan đã rời khỏi. Ngày 21 tháng Giêng 1896 cụ Đinh-nguyên không còn gắng gượng được nữa. Cụ tạ-thế trên núi Quạt thọ được 49 tuổi.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Cụ có để lại một bài thơ đầy cảm-khai như sau :

Nhung trường phụng mạng thập canh đông,  
Võ lược ý nhiên vị tấu công,

Cùng hộ ngao thiên nan trách nhạn,  
 Phi dồ biến địa thương dồn phong,  
 Cứu trùng xa giá quan san ngoại.  
 Tú hải nhân-dân thủy hỏa trung.  
 Trách vọng dù long ưu dù đại,  
 Tướng mòn thâm tự quý anh hùng.

Dịch nôm :

Nhung trường vắng mạng đã mười đông,  
 Việc vỗ lôi thôi vẫn chẳng xong.  
 Dân dối kêu trời vang ò nhạn,  
 Quản gian dây đất rộn dàn ong,  
 Chín trùng lận đận miền quan-tái,  
 Trăm họ phôi-phá dám lửa nồng,  
 Trách vọng càng to càng mệt nhọc,  
 Tướng mòn riêng hổ tiếng anh-hùng (1).

Cũng như tàn-cục của nhiều cuộc khởi-nghĩa trước đây  
 ngày cuối cùng của Hương-khê thật là nǎo-nùng, bi-dát.

Nhiều tướng-lãnh chạy giặc lâu năm trong rừng núi  
 độc-địa bị đau ốm gần hết, một số nhỏ như Đốc Phương,  
 Đốc Trạch, Nguyễn-Duyệt không còn nghị-lực để chiến đấu  
 thêm nên đã ra hàng. Một bọn nữa ra thú vào lớp sau có:  
 Đề-Mậu, Tác-Ngạn, Phan-đinh-Nghinh, Phan-đinh-Phong, Phan-  
 đinh-Cần, Phan-đinh-Trinh. Dịch xứ tử 23 người trong cấp  
 chỉ-huy Hương-khê. Riêng Tòn-thất-Hoàng, Hiệp-Tuân, Phan-  
 đinh-Thoại, Tòn-thất-Định chiến đấu cho đến khi bị bắt, còn  
 Đề-Đạt và một số khác rút qua Xiêm.

(1) Bài dịch của Đào-trinh-Nhất tác-giả Phan-đinh-Phùng do nhà sách  
 Tân-Việt xuất bản (trang 231).

Một điều đáng lưu ý là tuy vào giờ phút chót, giặc vây sát nách, các tướng tá của cụ Phan vẫn chôn cất cụ cẩn thận. Một cây gỗ vàng tâm được đục ra làm quan-tài và được gắn rất kín rồi đem hạ xuống lòng đất núi Quạt. Việc mai táng xong, nghĩa quân san phẳng nấm đất và hóa-trang khu này cho địch khỏi tìm thấy. Tiếc thay, mười hôm sau vẫn có kẻ ham danh lợi chỉ bảo cho Nguyễn-Thân đào lên. Tên đại Việt-gian này liền đốt thi-hài của cụ thành than, tán nhô như bột trộn vào thuốc súng rồi bắn xuống La-giàng (2) Y còn cho ghi nhiều thành-tích phản-quốc của y vào một tấm bia đá dựng trên đỉnh Tùng-Sơn của miền Trung nhưng ít năm sau bia bị sét đánh tan và mất tích cho mọi người khỏi nhớ lại cái trò giết dân bản nước của ngụy Khâm-sai họ Nguyễn.

Còn sự-nghiệp của cụ Phan từ nay được ghi vào sử xanh, tên tuổi của Cụ sống mãi trong lòng dân nước. Chỉ bất khuất của cụ đã làm rạng vẻ giống nòi, và muôn đời Tồ-quốc không bao giờ hết lòng tri ơn đối với Cụ (1). Nhân sĩ Nghệ-Tĩnh viếng cụ đôi câu đối như sau :

« Thành bại anh hùng mạc luận, thủ cô trung, thủ đại nghĩa, thệ dữ chư quân-tử thủy chung. Châu chi anh, Mạc chi linh, độc thư mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận giả thùy diên đại hạ, nhất mộc nan chi ! Cung lãnh yên tiêu, thùy nhàn bắt tác thâm sơn oán. Huống đương nhật long phi vân ám cộng. Ta nhân sự vô thường khả lân La Việt giang-san bách niên vân-hiến phiên cung mã ;

(2) Việt-Nam sử-lược trang 568ENCHÉP : « Có người nói rằng việc ấy đã được Nguyễn-Thân định thế, nhưng sau lại cho đem chôn, vì muốn để làm cải tang chứng cho đảng phản đối với Chánh-phủ Bảo-hộ biết là quan Định-Nguyễn đã mất rồi. Từ đó đảng Văn-thân tan vỡ; ai trốn đi mất thì thôi, ai ra thú thì phải đem về Kinh chịu tội ».

Nguyễn-Thân sau đó về Kinh được thăng làm Phụ-chinh thay cho ông Nguyễn-trọng-Hợp về hưu ».

(1) Bọn Việt-gian có thể quật xé các nhà cách-mạng ra khỏi lòng đất, nhưng chúng có thể tách rời tên tuổi và hình bóng của các vị anh-hùng khỏi ký-íc của quốc-dân chẳng ?

« Cỗ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thủ đại trượng phu vũ-trụ. Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô ngại bách tùng điêu. Vị hà tai : hội quyết đồi ba, trung lưu đê trụ ! Tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viễn tinh ? Cập thử thời nhạn tán phong xuy, kham thán thiền tâm mạc trợ. Độc thử tùng, mai khí tiết, nhất tử tinh thần quán đầu ngưu ».

« Anh hùng thành bại kê chi, dạ săt son, lòng vàng, đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mặc chầu dúc khi tình anh, trung hiếu hẹn hò cùng sử sách. Ngao ngán nhẽ, lầu cao sắp đồ, một cột khó nâng, phòng vắng khói tan, liếc mắt non xanh thêm tức tối. Vả bấy giờ rồng bay mây ám, xót xa việc thế khôn lường, những thương La-Việt giang-san, văn-hiển trăm năm thành trận mạc.

« Trời đất xưa nay thế mãi ; đá dựng ngược, nước chảy xuôi, dò vân non sông, phường tuẫn-kiệt. Lam-hồng nỗi cơn bão tuyết, bách tòng úa rụng luống xông pha. Đau đớn thay đê uốn sóng vẫn, giữa dòng trụ đứng ; sao rời vật đồi, ngành đầu người cũ phải bôn-chôn. Đường lúc này gió thổi nhạn lia, cảm giận lòng trời cay-nghiệt ; riêng cảm tùng mai khí tiết, tinh thần một thác rạng rỡ sao (1).

Tổng luận về các sự việc đã xảy ra, phong-trào Cần-vương ở Trung-kỳ đã hoàn-toàn tàn lụi với cái chết của cụ Đinh-nguyên Phan-đinh-Phùng (1895). Phong-trào này chia ra hai giai-đoạn — giai-đoạn đầu khi còn vua Hàm-nghi kéo dài từ 1885 đến 1888. Sau lời hiệu triệu, các cuộc khởi-nghĩa nỗi lên lung tung khắp nơi từ miền Nam Trung-kỳ ra ngoài Bắc-kỳ, nhưng lẻ-tẻ, rời-rạc không trường-cửu được bao nhiêu (hai hay ba năm mà thôi) do các lượng-lực thiểu tổ chức thiếu huấn-luyện, vũ-khí và đạn-dược nên tuy được dân-chúng tham-gia hay ủng-hộ mà vẫn đi đến chỗ yêu-vong, và bị địch đàm-áp dě-dàng. Các nhà lính-tụ cần-vương trong giai-đoạn này chỉ làm được việc khích-động lòng yêu nước và

(1) Đào-Trinh-Nhất dịch

tinh-thần ham-chuộng tự-do của nhân dân cùng gìn-giữ cái hào-kí của quốc-gia trong khi chờ đợi một tương-lai sáng sủa mà thôi.

Đến Phan-đinh-Phùng, phong-trào cần-vương qua sang giai-đoạn thứ hai kể từ khi vua Hàm-Nghi bị bắt và mang lưu đày qua Bắc-phi, nghĩa-quân đã rút được khá nhiều kinh-nghiệm về tổ-chức cũng như về chiến đấu. Phong trào cứu quốc lên rất cao mặc dầu không còn vua nữa. (Lúc này có vua Đồng-Khánh nhưng dân chúng đã coi Đồng-Khánh và triều-đình của ông chỉ là một bọn bù-nhin mà thôi). Tuy vậy linh-tụ họ Phan vẫn không mở rộng được phạm-vi kháng Pháp hơn nữa ngoài 4 tỉnh miền Bắc Trung-kỳ. Và ngay trong phạm-vi này việc chỉ-huy vẫn không được chặt-chẽ như ý muốn, kết-quả các trận đánh vẫn không đủ mở đường cho cuộc khởi-nghĩa tràn ra tới vùng đồng bằng. Trong lúc này ngụy-quyền thực-dân tiến được rất nhiều bằng ngoại-giao hơn là quân-sự. Pháp đã nắm được Mèn Lào-Tiêm và Trung-quốc nên bit kín được biên-thùy Việt-nam. Và bit được các công ngõ ngoài biên-giới, các nhà cách mạng của ta mất cả viện-trợ, tiếp-vận cũng là điều vô cùng tai hại. Ngay trên đất nước của ta, kẻ thù cũng thu được nghĩa quân vào trong những địa-bàn nhỏ hẹp để tisia lông, tisia cánh dần cho đến khi các con chim Bằng của Cách-mạng Việt-Nam phải rũ ra mà chết. Hơn nữa, địch dần dần đặt được Phủ Toàn quyền, Phủ Thống-sứ, Tòa Khâm-sứ, các Công-sứ và các trại lớn, trại nhỏ khổ xanh, khổ đỏ từ Trung-châu lên miền núi dồn quân khởi-nghĩa vào rừng sâu để chết dần vì tên đạn, vì nước độc, vì đói kh俄 v.v...

Cuộc khởi-nghĩa Hương-sơn sau 10 năm mới cáo-chung đáng kể oanh-liệt nhất đối với các phong-trào cứu-quốc ở miền Trung trước đó. Nó đã gặt được nhiều thắng lợi từ 1885 đến 1895 nếu ta xét đến tương-quan thực-lực giữa ta và địch nghĩa là quân đơn-tướng ít, lương-thực, vũ-khi hiếm-hoi mà chống được với quân đội ngoại xâm đã đặt vững bộ máy thống trị ở nước ta. Phong-trào Cần-vương Trung-kỳ chấm dứt từ

đây, dầu sao nó cũng là một hanh-diện cho dân-tộc ta trên Lịch-sử kháng Pháp.

Một vài nhận xét: So sánh với phong-trào kháng Pháp ở miền Nam Trung-kỳ kể từ Quảng-Nam trở vào, ta thấy Kháng-chiến miền Bắc (Trung-kỳ) hay Kháng-chiến Thanh-Nghệ-Tĩnh mạnh mẽ, bền-bỉ và đều đặn rõ - rệt. Pháp phải vất-vả với Kháng-chiến ở đây rất nhiều, đồng thời phải hy-sinh không ít về nhân-lực và vật-lực. Lý-do là miền Bắc Trung-kỳ dân đông, của nhiều lại có truyền-thống anh-dũng lâu đời. Sức chịu đựng của đồng-bào tại địa-phương này cũng dẻo-dai hơn do đã phải đối đầu từ mấy trăm năm trước với cuộc Trịnh - Nguyễn phân tranh cũng là một cuộc rèn luyện, thử-thách lớn-lao hơn các miền khác. Thanh-Nghệ-Tĩnh lại có địa-bàn rộng rãi hơn cho cuộc chiến đấu, au cũng là thêm một điều-kiện thuận-lợi. Thực-dân trong việc đàn-áp các phong-trào Cần-vương vùng này còn có mục-đích đậm tan tinh-thần kháng địch của phong-kiến ái-quốc Việt-Nam vì đám người này có rất nhiều uy-tín đối với nhân-dân Việt-Nam. Phong-kiến ái-quốc bị diệt thì cuộc kháng-ngoại sẽ tiêu tan. Nhưng chúng đã làm, Lịch-sử Việt-Nam chứng-minh rằng động-lực cơ-bản của Kháng-chiến là ở quần chúng, xưa cũng như nay, còn Phong-kiến hay sĩ-phu chỉ giữ vai trò lãnh đạo mà thôi. Mà dầu giới lãnh đạo có bị tiêu-diệt thì quần-chúng Việt-Nam bao giờ cũng có lớp người khác từ đại-chủng nhảy ra để lãnh đóng vai trò này và chẳng kém phần hăng hái. Kháng-chiến Việt-Nam từ nhiều thế-hệ là con rắn nhiều đầu, chém đầu này, đầu khác sẽ mọc ra, bị diệt nơi này nó xuất hiện ở nơi khác, nó có mặt ở khắp nơi, có những khi nó im hơi lặng tiếng nhưng vẫn không là chết hẳn do đó không bao giờ một đế-quốc xâm-lăng nào có thể nắm giữ được đất nước này lâu đài dưới quyền thống-trị của chúng và nếu chúng có thắng, cuộc chiến-thắng ấy chỉ được nhất thời mà thôi.

Các bạn hẳn không quên rằng dưới đài Minh trong một hội-nghị bàn về việc đem quân can-thiệp vào Việt-Nam trong giai-đoạn Mạc-đặng-Dung giành ngôi của con cháu Lê-

thái-Tồ, bọn văn-thần võ-tướng đã đưa ra một nhận xét : *Không bao giờ Trung-quốc được đặc-chí lâu dài ở phuong Nam kề từ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh... (1)* Nay chúng ta lại coi những cuộc kháng Pháp tại Bắc-kỳ của Càn-vương và nhân-dân đê hiểu rõ thêm cái tinh thần quốc-gia của người Việt chúng ta bền-bỉ và hùng-mạnh đến thế nào để chúng ta ngày nay có thể nắm vững ý-niệm đấu-tranh giữa thời buổi mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết này.

### Ba bức thư đáng chú ý :

#### *Đồng ấp Phan-Đinh-Nguyên dài-nhau túc-hạ.*

« Tôi với ngài, xa cách nhau, hè đồng đắp đồi, thầm thoát đã mười bảy năm rồi. Dẫu bẽ cuộc đời, Bắc Nam đường bụi, tuy mỗi người đi mỗi ngả khác nhau, nhưng trong giặc mông hồn thường gặp nhau, không phải xa-xôi gì. Ngõi nghĩ lại ngày trước, chúng ta còn ở chốn quê hương, giao du với nhau, mối tình dăm thầm biết là đường nào.

« Từ khi ngài khởi nghĩa đến nay, nghĩa-khi trung can, đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý quan nói chuyện đều ngài, ông nào cũng thở than khen ngợi và tỏ ý kính trọng ngài lắm. Cho hay tấm lòng nghĩa khi tôn thân, dù là người nước khác cũng đều chung một tâm tình ấy thôi, chứ không phải chỉ những người cùng thanh-khi với nhau mới có vậy.

« Ngày kinh-thành thất-thủ, ngự-giá xuất bôn, ngài khảng-khai đứng ra ứng-nghĩa, kể sự thế lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Tuy nhiên, sự thế gần đây đã xoay đổi, thử hỏi việc có thể làm được nữa hay không, dầu kẻ ít học-thức, kém trí khôn, cũng đều trả lời là không được. Huống chi ngài là bậc tuấn-kiệt, há lẽ không nghĩ tới điều đó hay sao ? Tôi trộm xét chủ-ý của ngài, chắc cũng cho rằng : ta cứ làm theo sức ta, đem hết tài năng của ta, việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn việc nên được hay không là ở nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho

(1) Xin coi Việt-sử tân biên quyển III, trang 23, 28.

nước, đến chết mới thôi. Bởi vậy ngài cứ làm đến cùng, không ai có thể biến đổi cái chi ấy đi được.

« Có điều tôi thấy tình-trạng quê-hương chúng ta gần đây mà đau lòng nhường muôn dem ý kiến hép hỏi ngỏ cùng lượng cao minh soi xét ; nhưng mấy lần mở giấy ra, mài mực rồi, toan đặt bút xuống viết, lại gác bút thở dài, không sao viết được. Vì sao ? Vì tôi liệu biết can trường của ngài cứng như sắt đá, không thể lấy lời nói mà chuyen động nỗi. Huống chi lại còn nỗi khác tình, khác cảnh, xa mặt xa lòng, lời nói của tôi vì lết lọt iáo nơi ngài ; mà dẫu cho có lọt vào nơi ngài chẳng nữa, cũng vị lết lọt vào tai ngài, chẳng qua chỉ để cho cõ-nhân cười mình là thằng ngu vây.

« Nay nhân quan Toàn quyền (1) trở lại, dem việc ở tinh ta ra bàn bạc với tôi, có khuyên tôi nên sai người đến tò ý cùng ngài biết rằng : ngài là bậc người hiểu biết nghĩa lớn, dẫu không bận lòng tưởng nghĩ đến thân mình, đến nhà mình chẳng nữa, thì cũng nên nghĩ cứu vớt lấy sink dân ở trong một địa-phương mới phải. Lời nói ấy, quan Toàn quyền không nói với ai, mà nói với tôi là vì cho rằng tôi với ngài có tình xóm làng cõ-cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thính không nói ?

« Ngài thử nghĩ xem như quan Toàn quyền là người khác nước, muôn dặm tới đây mà còn có lòng băn-khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay, huống chúng ta sanh đẻ lớn khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn tộc ở đó, có lý dâia mình làm lơ dành đoạn thi trãm năm về sau người ta sẽ bảo mình ra làm sao ?

« Ôi, làm người trên phái có lòng thương dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm lâu nay, bảo rằng trung thì thiệt là trung, song dân ta có tội gì mà vương phái nồng nỗi làm than này, ấy là lỗi tại ai ? Nếu bảo là đã vì thiên-hạ thì

(1) Toàn-quyền Đông-Dương bấy giờ là ông De Lanessan, nguyên về nghỉ bên Pháp mới trở lại.

*không doīi trờ̄ng gīi đến nhà nřa, cung phái, nhung hy - sinh  
một nhà của mình thì có th  được, ch  còn bao nhiêu nhà trong  
một vùng cung bỏ di, sao cho dang tâm? Đến n i d  cho qu   
hương di u d ng xi u-t n, thi t-t r ng b c nh n-nh n qu n-l .  
kh ng l y làm vui mà hành-d ng như thế. Tôi nghĩ nếu như  
ng i c  kh ng-kh ng l m tr n t i m i, th  e r ng kh p c   
s ng Lam n i Hồng đều biến thành h c  h t th y ch  kh ng ph i  
ch  ri ng lo ngại cho c y c m một l ng Đ ng-th i ch ng ta m   
th i d u.*

« Tôi suy-ngh i d n-do m i, vụt l y làm m ng r  m n  
ri ng v i m nh: Được rồi! lời n i d  tôi c  th  trình b y  
d  x n ng i ch  b o cho, biết như v y c  ph i hay kh ng?

Tuy nhiên, s -th e c a ng i hi n nh  c i trên lung c p,  
d  l r r i, b y gi r mu n b rc xu ng, kh  kh n xi t bao!

« Nếu như tôi kh ng c  ch  t  lin ch c ch n n i m nh,  
th  quy t kh ng khi n o d m m  l i n i li u-l nh d  mang l g  
cho c -nh n v  sau. Nhưng may l i với quan To n - quy n,  
v n c  t nh quen bi t nhau l u, l i v i quan Kh m-s    Kinh, v   
quan C ng-s  Ngh -T nh, cung l i quen th n hi p y nhau l m, cho  
n n trước kia Tr n Phi n-S  (1), Phan-th -Lang (2), cung l  ch   
th n, trong t nh trong l ng, ho c b  t i n ng, ho c b  x u d y r i, th   
m t tôi b o-to n cho hai c ng  y d u  n-th a c . L i như m i r i,  ng  
Phan-Tr ng-M u ra th , tôi d n d n y t-ki n c c d i-hi n qu y  
quan, th  c c ng i ti p d i tr n-tr ng nh  d i kh ch qu  v   
t c th i di en v  t nh nh , b t tr lai m  m  v  tha c  b   
con v , nh  v y, ta nh n th y nh  n c b o - h  khoan-dung  
bi t l  d u ng n o! C  x m d o d u bi t l   y, l ng  y, d u  
l i ng i ng n d m xa nhau, v n l i gi ng nhau v y.

« B y gi r, nếu ng i kh ng cho l i n i l i l  d ng d i,  
th  x n ng i d ng ng n-ng i m t di n gi  kh c h t, tôi kh ng  
bao gi r d m d  cho c -nh n mang ti ng l i ng i b t tri d u.

HOÀNG-CAO-KH I

d n thư

(1) T c l  Tr n Kh nh-T n, l m Tu n-ph u n n g i l  Phi n-s .

(2) T c l  Phan H u-Nhu n, l m Th -Lang.

Thư trả lời của cụ Phan-Đinh-Phùng

*Hoàng quý dài các - hả,*

Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi chốn núi khe, lại thêm lúc này trời đông giá lạnh, nồng nỗi thực la buồm tênh! Bỗng được tin báo có thư của cố-nhân gửi đến. Nghe tin ấy, bất giác bao nhiêu nỗi lạnh-lěo và buồn-rãu đều tiêu-tán đi đâu hết thảy. Tiếp thư liền mở đọc. Trong thư cố-nhân chỉ bảo cho mọi điều họa-phúc, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tâm lòng của cố-nhân, không những muốn mưu sự an-toàn cho tôi thôi, mà còn muốn mưu sự yên-đỗn cho cả toàn hạt chúng ta nữa. Những lời gan ruột của cố-nhân, tôi đã hiểu hết. Cách nhau ngàn dặm tuy xa nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà, nói chuyện với nhau vậy.

Song-le, tâm-sự và cảnh ngộ của tôi, có nhiều chỗ muôn vàn khó nói ra được. Xem sự thế thiên-hạ ngày nay như thế kia, mà tài-lực của tôi như thế này, y như cố-nhân đã nói : « thân con bọ ngựa là bao mà dám dơ tay cản-trở cỗ xe sao nỗi ; không biết việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bọ ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.

Nhưng tôi ngâm nghĩ lại, nước mình mấy ngàn năm nay, chỉ lăg văn-hiến truyền-nội nhau hết đời này qua đời kia, đắt nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ý-lị dura-nương để dựng nước được là nhờ có cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen lâm-le muối. chiếm lấy đắt ta làm quận huyện của họ mà vẫn chiếm không được. Ôi ! nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể ý mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nami từ trời định phận riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thư lẽ nghĩa vốn có chỗ đã cho mình tự có thể trông cậy dura-nương lâm vagy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biêt là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tái

*dâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà cùng bị đắm chìm hết thảy, có phải là riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh làm than mà thôi đâu.*

*Năm Ất-dậu, xe giá thiên-lửng ngự đến Sơn-phòng Hà-tĩnh, giữa lúc đó tôi đang còn tang bà mẹ, chỉ biết đóng cửa cút tang cho trọn đạo, trong lòng há dám mơ-tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế-thần, cho nên tôi ba lần dứt Hoàng-thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng-gõ đứng ra vâng chiếu, không sao đứng được. Gần đây, Hoàng-thượng lại doái-lưỡng lựa chọn tôi mà giao-phó cho việc lớn, ủy-thác cho quyền to; ấy, mang vua ủy-thác như thế đó, nếu cỗ-nhân đặt mình vào trong cảnh như tôi, liệu chừng cỗ-nhân có dành chối-lùn tránh đi được hay không?*

*Từ lúc tôi khởi-nghĩa đến nay, đã trải mười năm trời, những người đến thân theo việc nghĩa, hoặc đã bị trách phạt, hoặc đã bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán-nản ngã lòng bao giờ; trái lại, họ vẫn ra tài, ra sức giúp đỡ tôi, và lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai-vạ nguy-hiem làm sự sung-sướng thèm-thuồng mà bỏ nhà dồn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chi tôi, cho nên hâm hở vây đó thôi. Ấy, lòng người như thế đó, nếu như cỗ-nhân đặt mình vào cảnh của tôi liệu chừng cỗ-nhân có nỡ lòng nào bỏ mà di cho dành hay không?*

*Thưa cỗ-nhân, chỉ vì nhân-lâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu-dạt, tôi cũng chẳng dám doái-hoài. Nghĩ xem, kẻ thù với mình mà mình còn không doái-hoài, huống chi là kẻ sơ; người gần với mình mà mình còn không bao bọc nỗi, huống chi người xa. Vả chẳng hạn ta đến đối diệu-dừng làm than quá, không phải riêng vì tai-hoa binh dao làm nên nồng-nỗi thế đâu. Phải biết quan Pháp đi tới, có lũ tiểu-nhân mình túa ra bàng kẽ lập công, thù vơ oán chạ; những người không có tội vì chúng cũng đám thọc buộc ràng cho*

*người ta là có tội, rồi thì bùa nay trách thể nợ, ngày mai phạt thể kia; phàm có cách gì đục-khoét được cửa-cải của dân, chúng nó cũng dùng lời nói hết thảy. Bởi đó mà thói hư mồi tệ tuôn ra cả trăm cảng ngàn, quản Pháp làm sao biết thấu cho cùng những lật khóc của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan-lìa trôi dạt đi sao được?*

*Cố-nhân với tôi, đều là người sinh để tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố-nhân còn có lòng doái-tưởng quê hương thay, huống chi là tôi đây đã từng lẩy thân chịu đựng và lẩy mắt trông thấy thì sao? Khốn nỗi cảnh-ngộ bó-buộc và lại súc minh chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải dành, chứ không biết làm sao cho được. Cố-nhân đã biết doái-hoài thương-xót dân này, thì cố-nhân nên lẩy tâm - sự tôi và cảnh - ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy-nghĩ xem, tự-nhiên thấy rõ-ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông-dài nữa ư?*

#### PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

#### phép thư

Còn về phần Nguyễn-Thân, ta thấy y có bức thư dưới đây kề công với Bảo-hộ. Thực ra trong vụ đối phó với nghĩa-quân Hương-Khè, y chưa hề trực-tiếp giao phong với cụ Phan bao giờ. Y chỉ có giải quân chặn đường liên-lạc và tiếp vận của quân khởi nghĩa mà thôi. Y đem 3000 lính ra Nghệ-Tĩnh vào tháng 5 năm Ất-mùi (1895) và kéo quân về vào tháng 11 vì sau khi cụ Phan lâm bệnh chết.

Bức thư này ngày nay là một bản án Việt-gian mà con cháu Ngụy Khâm-sai họ Nguyễn không sao chối cãi được và cũng là cái nhục muôn đời cho họ.

Người nhận thư là Toàn-quyền Paul Doumer và thư gửi vào năm 1912 tức Thành-Thái 18 lúc P. Doumer mãn nhiệm-kỳ Thủ-hiến Đông-Dương lèn đường về Pháp.

...« Trong lúc kinh thành có cuộc biến động (1885) và lúc Tôn-thất-Thuyết mang vua Hàm-Nghi xuất-bó: để xui đục nhân dân nỗi lên chống với nước Pháp, toàn cõi Trung-kỳ xôn-xao rồi loạn. Bọn Văn-thân hiêu triệu dân chúng, đồng thời nỗi lên

*phản kháng, một mǎi tàn sát dân dạo, một mǎi chống cự người Tây.*

« Giữa lúc bấy giờ, thân-phụ tôi qua đời, tôi được kế vị và đang làm chức Tiêu-phủ-sir các miền sơn-cước ba tỉnh Quảng-nghĩ, Quảng-Nam và Bình-định. Tuy có chỉ-dụ ở kinh thành triệu về, nhưng tôi chỉ lo việc giữ yên các miền thuộc quyền tiểu phủ của tôi để chờ thời cơ.

« Hai tên giặc Văn-thân là Cử-Định và Tú-Tâm lúc ấy chém-cùi lỉnh thành Quảng - ngã, đồ đảng đông lắm. Tôi đem hai ngàn quân lính ở miền trên kéo xuống đánh giặc Văn-thân ấy. Tôi thâu phục lỉnh thành bắt được 14 tên tướng giặc, sai chém đầu lại đó để cho dư-đảng Văn-Thân thẩy mà phải sợ. Tỉnh Quảng - Ngãi dẹp yên rồi, tôi vắng mạng của Đức Đồng-Khánh, đem bốn-bộ binh mã kéo vô Bình-Định đánh dẹp đám dân khởi loạn ở trong lỉnh này. Tôi tiêu trừ được loạn đảng, khôi phục được trật-tự và sắp đặt lại công việc cai-trị các phủ huyện. Còn tên tướng giặc sau chót là Mai-xuân-Thường chạy về An - Khê thì tôi cũng sai quân lính đuổi theo đánh riết (1). Cũng trong lúc này, ông Đốc-Phủ Lộc đem toán quân của ông ở Nam - kỳ ra tiêu trừ bọn Văn-Thân do Mai-xuân-Thường cầm đầu. Lúc ấy tôi phung mang Đức Hoàng-đế sai tôi đem quân ra Quảng-Nam đánh đám giặc Văn-Thân, cầm đầu là tên tướng giặc nổi tiếng Hướng Hiệu, chống-cự với Nhà-nước Bảo-hộ bấy lâu, đến đối các quan binh Tây phải lập ra tới 36 đòn lính ở trong miền đó dặng tuần tiễu mà vẫn dây dưa không yên. Tôi dẫn binh ra, sai người tám-phúc đi dẹp thám, khám phá được chỗ ẩn-núp của tên tướng giặc ấy tại miệt An-Tâm; rồi 25 tên phó-tướng của giặc bị bắt trong tay tôi, còn bao nhiêu dư-đảng xin ra đầu hàng tôi hết Hướng-Hiệu trốn thoát, chạy vô núi Ngũ - hành, sau tôi cũng bắt sống được, bỏ vô trong cùi mà giải về Huế (1).

« Thường đèn lồng tận trung của tôi đối với công

(1) Sự thực cụ Phó-bảng Nguyễn-duy-Hiệu sau khi thất bại ra thủ để tránh tai vạ cho nhân dân, tức là cụ hy sinh để cứu đồng bào.

*việc của nước Pháp, Chánh-phủ Cộng-hòa lúc bấy giờ ban tặng Bắc-dầu Bội-tinh ngũ hạng cho tôi.*

« *Cách đó ít lâu, tỉnh Bình-Định lại có loạn dâng lên nữa; Nhà-nước sai di liêu phủ lần thứ nhì, tôi dẹp được giặc dã, tỉnh này yên hẳn từ đó. Nhân việc đánh giặc thành công, quan Toàn-quyền Picquet và quan Khâm-sứ Hector tự xin Chánh-phủ Cộng-Hòa ban thưởng cho tôi Bắc-dầu bội tinh tú hạng.*

« *Rồi trở về chức cũ ở miền Thượng-du Quảng-ngãi tôi vẫn làm Tiêu-phủ-sứ các vùng sơn-cửớc như trước.*

« *Ít tháng về sau, tôi được chỉ triệu về Huế, lãnh chức Bình-bộ Thượng-thư. Quan Toàn-quyền De Lanessan thương-thuyết với triều-dinh khâm phái tôi vô làm Tổng-thống tỉnh Bình-Định là tỉnh rộng lớn mênh-mông, tôi giải-quyết được nhiều vấn-dề quan-trọng đã bỏ dở-dang bao nhiêu năm rồi. Sau đó tôi được phong chức Khâm-sai đại-thần đem quân ra đánh dẹp Văn-Thân Nghê-Tĩnh. Vì có quan Toàn-quyền Rousseau và quan Khâm-sứ Brière nói với triều-dinh nên chỉ tôi lại được lãnh cái trọng-trách ấy.*

« *Sở-dĩ tôi phụng-mạng đem quân ra Nghê-Tĩnh là cốt để tróc-nã tướng giặc Văn-thân Phan-dinh-Phùng khỏi loạn ở hai tỉnh Nghê-An và Hà-tĩnh đã 10 năm, mặc dùa Nhà-nước đã ra sức đánh dẹp mãi mà không được.*

« *Thân dẫu một đạo quân 1400 người, tôi đuổi đánh tên giặc ấy hết núi này đến núi kia rồi tôi vây bọc được là nhờ có những đồn lính phòng trấn lập ra rải-rắc khắp các ngả đường giao-thông.*

« *Thế cùng, lực kiệt, lại bị thương-lịch trong trận đại-chiến, Phan-dinh-Phùng phải uống thuốc độc tự-lử. Bao nhiêu bộ tướng của va đều bị bắt hết, mấy ngàn quân giặc ra hàng. Thế là mấy tỉnh ở miền Bắc xứ Trung-kỳ yên hẳn giặc-dã từ đấy.*

« *Nhân tôi có công-lao như thế, Chánh-phủ Cộng-hòa thưởng*

*chò tôi Bắc-dâu Bội-tinh tam hạng và đức Hoàng-đế với tôi  
về Kinh làm Phụ-chinh đại-thần v.v.. v*

### TIỄU-SỬ CỦA NGUYỄN-THÂN

Như chúng ta biết, bọn cướp nước bao giờ cũng lấy giới phong-kiến bản-dịa làm đồng-minh mới hy-vọng đặt được dễ-dàng nền thống-trị của chúng. Ở Việt-Nam, lúc dân ta cùng mặt đã nảy ra một số quan lại lớn nhỏ đủ cõi, thấy quốc-gia hèn yếu, thua kém Tây-phương, liền bắt tay với địch, tôn thờ chúng làm chủ để gìn-giữ địa-vị và quyền lợi của mình, chẳng còn biết liêm-sỉ là gì. Rồi trong tình-thế hỗn-loạn này, một số đầu trâu mặt ngựa mới cũng được nảy nở để xông ra giành nhau ngôi thứ với những kẻ đã có chân liền trong guồng máy của cái chánh-quyền hắc-ám thuở đó. Dĩ-nhiên bọn này phải tích-cực phục-vụ kẻ thù của chúng ta nhiều hơn để được chú-ý nhiều hơn, đó là bọn Trần-bá-Lộc, Đỗ-hữu-Phương, Lê-phát-Đạt trong Nam-kỳ, Hoàng-cao-Khai, Nguyễn-Thân ở miền Trung. Đây là những bộ mặt mới mà thời-thế đã cấu-tạo nên, nghĩa là trước đó trên sân tuồng chánh-trị Việt-Nam người ta chưa từng thấy họ.

Đào-trinh-Nhất khi viết đến đoạn Nguyễn-Thân (trang 185) xuất đầu lộ diện với vai trò Khâm-sai Tiết-chế quân vụ ngày tháng 5 năm Ất-mùi (1895) đem 3.000 lính ra Nghệ-tĩnh dẹp quân Hương-khè đã có những dòng như sau :

« Nguyễn-Thân cũng như Hoàng-cao-Khai đều là hai vị quan lớn do thời thế dụng nên

---

Chú-thích.— Bức thư của họ Hoàng gửi cho họ Phan vào cuối tháng 10 năm Nhâm-Ngọ (1895) do Phan-văn-Mán là anh con nhà bác của cụ Phan mang lên núi Vụ-quang. Trong giai-đoạn này Hoàng-cao-Khai giữ chức Bắc-kỳ kinh-lược sứ. Ông xuất thân là một cử-nhan nhưng chơi bài phỏng túng rồi trôi dạt ra Bắc. Ông được Pháp thâu dụng vào guồng máy thống trị để thay thế các ông quan cõi liêm-sỉ không chịu cộng-tác với địch (ba bức thư trên đây đều trích trong cuốn Phan-định-Phùng của Đào-trinh-Nhất, trang 168-172).

« Ông nguyên là chán Ám-sinh người tỉnh Quảng-ngãi con ông Nguyễn-Tấn, ngày trước có công dẹp giặc Mội ở tỉnh ấy. Giặc Mội đã tôn ông Nguyễn-Tấn là thần-tướng vì ông dùng kế mà chúng nó phải phục. Ông đem bỏ đường phèn lắn vào đá cuội ở dưới giọt mài tranh, rồi sai bắt mấy tên Mội vào, giả đò chiêu-dụ ; trong khi đó, ông sai lính ra lấy mấy cục đá cuội cho ông ăn. Lính chọn lấy những cục nào là là cục đường phèn đem lên, mấy tên Mội ngu tuồng là quan lớn ăn đá cuội thật đều cho ngài là thiên-thần, rồi về bảo nhau hàng-phục cả. Đời ông còn, quân Mội không dám làm phản Triều-dinh nữa. Nhưng sau ông chết, thì chúng lại nổi lên. Triều-dinh sai quân đi đánh dẹp mãi không yên. Sau phải sai Nguyễn-Thân đi. Giặc Mội thấy là con ông thần-tướng ngày trước, phải tan chạy cả, Nguyễn-Thân có tiếng từ đó.

« Ông sinh vào giữa hồi nước nhà lăm nạn nèn khi đầu, đối với thời-thế, ông cũng xem bằng con mắt bi-quan và có lòng phản-khích lăm Song vì tấm lòng lập công danh nặng hơn lòng yêu nước, cho nên sau ông đổi ý-kiến ngay, đem thời-thế lợi dụng vào cho mình. Cũng không nhớ vào năm nào, mà cũng không biết hồi đó ông làm chức gì, chỉ biết là giữa hồi nước ta và nước Pháp đang giao-binh, Triều-dinh ta thua phải ký hòa-ước với nước Pháp thì có một bọn lính ở Bình-dịnh nổi lên phản-đổi, nổi Triều-dinh hòa với người Pháp mặc lòng, họ không chịu, rồi họ làm như tinh Bình-dịnh tuyên-bố độc-lập vậy. Vốn trước, ông Nguyễn-Thân cũng đã có ý đó, nghĩa là ông muốn chiếm lấy tỉnh Bình-dịnh để phản-đổi với người Pháp, nhưng chỉ vì chậm một bước chân mà người ta làm mất rồi, ông nghĩ nếu bây giờ mình cũng làm thì chẳng qua sau bước người ta. Ông không thích. Ông muốn làm một việc gì mà người ta chưa làm kia, bèn xoay về phía người Pháp xin đem binh đi đánh dẹp bọn kia. Ông dẹp được, nhân thế người Pháp rất ỷ-trọng ông, cho nên chẳng bao lâu đã làm Tổng-đốc Bình-dịnh, chính là hồi ông phụng mạng đem quân ra tiễu cự Phan. Về sau ông làm đến Phụ-chính, hiển-hách ở trong triều, được phong Quận-công trước khi về hưu-trí.

Ông là người hung-ác và hiềm-độc lầm, hay giết người. Trong lúc ông còn dùng binh, ông giết người ta không biết bao nhiêu mà kể. Sau về hưu-trì ở làng Thu-xà bị bệnh điên cuồng mà chết. Người ta nói ông bị những oan-quỷ báo-oán, cho nên khi đang bị bệnh, hễ chớp mắt lúc nào là thấy nhiều lũ oan-quỷ đầu tóc rũ-rọi, máu-mê đầy người, hiện lên đòi mạng. Mỗi lúc thấy như thế thì ông hét lên, hình như lấy làm sợ hãi và hối-hận lầm. Tòa nhà lộng-lẫy của ông lập ngay trên một trái núi con ở Thu-xà, đằng sau là chợ và bên sông, đằng trước trông ra biển, có cái cảnh-tượng bầy tỏ ra là một người hùng-vũ. Người ta đồn cái nhà ấy nhiều ma, cho nên khi ông chết đi rồi thì nhà bỏ hoang không có ai ở ; bên cạnh có một cảnh chùa của ông lập ra, hình như có ý muốn siêu sanh tịnh độ cho những người đã bị ông giết oan thì phải. Người viết cuốn sách này đã có dịp đến Thu-xà xem dinh-thự của ông ngày trước, nhưng tuyệt-nhiên không có một cảm-giác gì cả».

### MỘT VÀI BỘ MẶT LIỆT-SĨ MIỀN TRUNG

**NGUYỄN-HIỆU**  
(1847 — 1886)

Một liệt-sĩ của phong-trào Cần-vương  
một thời đã khích-động mãnh-liệt lòng  
căm thù quân xâm-lăng của dân ta tại

tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi và Bình-định là ông Nguyễn-Hiệu. Ông sinh năm 1847 tại xã Thanh-hà, huyện Duyên-phúc (tỉnh Quảng-nam) tục gọi là ông Hường-Hiệu, đỗ Phó-bảng ; ông được cử làm Phụ-đạo dưới triều vua Kiến-Phúc và Hàm-nghi do có nhiều đạo-hạnh và học-thức uyên-bá. Do chức vụ trên đây ông được hưởng-thụ hàm Hồng-lô tự-Khanh.

Sau biến-cố năm Ất-dậu (1885) vua Hàm-nghi và ông Tôn-thất-Thuyết chạy ra Tân-sở (Quảng-trị) mưu trường-kỳ kháng Pháp và động-viên toàn-quốc tham-gia chiến-tranh, ông cõ-võ sĩ-phu và thân-hào ba tỉnh miền Nam Thừa-Thiên tổ-chức nghĩa-đoàn. Đại sự được khởi ngay từ 1885 ; đồng-

chí của ông có ông Phan-bá-Phiến là người đồng-hương rất tận tâm giúp đỡ ông mọi việc.

Ông thiết-lập các cơ-quan quân-sự và hành-chính, xây đồn đắp lũy và rèn đúc vũ khí, luyện-tập quân-đội tại làng Trung-lộc huyện Quế-son. Dàn chúng coi nơi này như một tỉnh mới hoàn-toàn thoát-ly chính quyền phản-động bên sông Hương núi Ngự của vua Đồng-Khánh. Trong các đồng-chi của ông có Nguyễn-Thân người Quảng-ngãi đã dự vào nghĩa hội ngay buổi đầu, sau Thân làm phản, mang hết cả mọi điều hiểu biết về tổ-chức quân-cơ và lực-lượng của nghĩa-quân cáo tò với giặc lấy công. Trước đây, Nguyễn-Thân đã được lâm Sơn - phòng-sứ nhưng bấy giờ y thấy Pháp mạnh nên theo Pháp để tận diệt phong-trào Cần-vương. Nhưng binh-đội thực-dân còn mắc đánh dẹp ở các địa-phương khác đang ở tình-trạng nghiêm-trọng hơn nên chưa mở được cuộc đòn - áp nghĩa-doàn ; ông Hiệu hoạt-động được ba năm sau vì Nguyễn-Thân bầy được nhiều kế-hoạch lợi-hại cho Pháp nên nghĩa-doàn của ông bị đánh tan vỡ.

Trước khi đi đến chõ thát-bại vì quân-cô, thế yếu ông bàn với ông Phan-bá-Phiến rằng : «Nghĩa-doàn của hai tỉnh Nam-Ngãi và Bình-định do chúng ta cầm đầu. Nay việc không thành ta chỉ có chết mà thôi. Nhưng nếu hai chúng ta chết cùng một lúc thì khó gỡ tai vạ cho đồng bào vì giặc sẽ bắt bớ để tra vấn và khủng-bố dã-man. Thà một người ở lại để gánh hết trách-nhiệm mới cứu được dân và cũng đến chết là hết. Vậy ông nên chết trước cho khỏi lọt vào tay địch, còn tôi sẽ giải tán các đảng viễn rồi nộp mình cho địch. Mai kia nếu có người trong đảng nổi được chi ta mà làm nên việc lớn, thế là ta sống đó !...»

Ông Phan-bá-Phiến khảng-khai nhận lời, ăn mặc chỉnh tề, bái-tạ thần linh năm/lạy rồi từ giã ông Nguyễn-Hiệu bằng cắn-bái hai lạy nói :

— Xin ông ở lại cố gắng cứu-vãn lấy sinh-dân, tôi xin đi trước !

Rồi ông lấy một gói thuốc độc đã có sẵn trong túi áo uống một hơi và tắt thở. Ông Phiến chết xong thì nghĩa đảng được giải tán. Công việc này xong xuôi, ông Hiệu tự nạp mình cho Pháp. Địch đóng cùi giải ông về Huế, cật vấn và tra tấn ông rất kịch-liệt để kiểm tung-tích các đảng viên và các cơ-cấu của nghĩa-doàn. Ông một mực khai chỉ có ông là người xướng xuất và cầm đầu việc loạn trong ba tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi và Bình định; dân chúng đã bị nghĩa-quân uy-hiếp phải theo vì sợ bị đốt cửa nhà, giết tróc vợ con, cha mẹ, họ không đáng một sự trùng phạt nào hết, giết một mình ông là đủ... »

Từ trong ngực, ông gửi về nhà ít lời cho con như sau : « Nếu may mà triều đình xử-tử-hình toàn-gia chúng ta thì chúng ta sẽ được gặp nhau hết ở nơi chín suối. Còn nếu không may, triều-định lại rộng tha chỉ làm tội riêng cha thì con chịu khó nuôi bà, dạy các em như lúc cha còn sống, không nên theo đuổi cái học khoa-cử, tú-chương nữa, chỉ làm mình, làm nhà, làm thiên-hạ mà thôi ».

Địch kết án tử hình, ông không một lời ta thán. Đúng ngày rằm tháng 8 năm Bính-Tuất (1886) trước khi rời đầu, ông để lại vài bài thơ cảm-khai dưới đây :

Cần-vương thệ dữ Bắc-Nam đồng,  
Vô ngại khuông tương hộ vị thông.  
Vạn cổ cương thường vô Ngụy-Tháo,  
Bách niên tâm sự hữu Quan-công.  
Thiên thu phận dì sơn hà định,  
Địa thế sáu khan thảo mộc cùng.  
Ký ngữ phù trầm tư thế giả,  
Hữu tương thành bại luận anh hùng.

Tây Nam vò dịch xích đồng tri,  
 Tảo cập kim thời thế khả vi.  
 Nhược sứ gian phong vò áo-viện,  
 Hà nan chung đinh thát cường-di.  
 Hèn sơn kỷ đặc cỏ tùng cản,  
 Đại hạ yên năng nhất mộc chí.  
 Hảo bả dan tâm triều liệt thánh,  
 Trung thu minh nguyệt bạn ngô quy.

Bài dịch của Sứ-binh-Tử (1).

1

Cần-vương Nam-Bắc kết lợ đồng,  
 Cứu giúp đường kia khờ chưa thông.  
 Muôn thuở cường thường ai Ngụy-tháo ?  
 Trăm năm tâm sự có Quan công.  
 Non sông phần lỵ thơ trời định,  
 Cây cỏ buồn xem thế đất cùng.  
 Chìm nỗi đời nag ai đó tá ?  
 Chớ đem thành bại luận ành hùng.

2

Võ .dịch Tây-Nam đã biết thừa,  
 Thời cơ như thế lẽ ngồi chờ.  
 Giáo như không trả, tay đòn kín,  
 Giặc khó gì hơn, gãy đuôi bùa.

---

(1) Sứ-binh-Tử là biệt-hiệu của Huỳnh-thúc-Khang.

Núi lạnh tùng cõi xơ-xác đứng,  
 Nhà to cột một khó ngăn-ngừa.  
 Về chầu liệt thánh lòng son đầy,  
 Tháng tám trăng rằm săn nhịp đưa.

Có bài dưới đây chỉ khác vài chữ không rõ bài nào là  
 nguyên-tác, cũng xin chép ra để bạn đọc duyệt-lầm :

Á-Âu phất dịch cự vò tri,  
 Sự dì đáo đầu thê khả vi.  
 Nhược sứ gian phong vò áo-viện,  
 Hà nan trung đỉnh thát cường di.  
 Hán sơn kỷ đắc cõi tùng bạn,  
 Đại hạ an năng nhất mộc chi.  
 Hảo bả đan tâm triều liệt thánh,  
 Trung thu minh nguyệt dusk ngô qui.

x  
x x

Vân biết thời cơ đã lỡ rồi,  
 Đến nơi, sự thế phải làm thôi.  
 Bọn gian vi thủ không người giúp,  
 Quân nghĩa lo chi phá giặc ngoài.  
 Nhà lớn một cây khôn chống đỡ,  
 Thông già tuyết lạnh đứng chơi voi,  
 Lòng son xin giải cung tiên thánh,  
 Trăng sáng trưng thu tỏ dạ người.

Qua mấy vần thơ trên đây ta thấy tâm-sự của Cụ Phó  
 Bảng họ Nguyễn cũng là tâm-sự chung của nhiều văn-thân  
 thử thời, tức là gấp việc phải làm thì làm, dầu biết việc  
 mình làm chỉ là việc dạ tràng se cát, nhưng miến sao tò  
 được tấm lòng son sắt với nhà với nước mà thôi.

---

(1) T.H.L. và Nguyễn-ngọc-Tỉnh tạm dịch.

Về cái chết vô cùng anh dũng của ông Nguyễn-Hiệu, Cụ Phan-sào-Nam phải thán-phục và đã ghi trong *Việt-Nam vong quốc-sử* những lời dưới đây :

*Than ôi ! hai người ấy (Hiệu và Học) (1) nhả tan không nghĩ đến, thán chết không lo đến, chỉ nghĩ giữ sao cho trọn nghĩa-dâng để mưa về sau ; trong mắt của họ, trong bụng của họ, chỉ có Tồ-quốc mà thôi, chỉ có đồng-bảo mà thôi ; can-tràng như thế thật là trời đất cũng phải khám-phục, quỷ thần phải tòa-thờ».*

### LÊ-THÀNH-PHƯƠNG TRONG VAI TRÒ CẦN-VƯƠNG Ở PHÚ-YÊN

Ngoài Mai-xuân-Thưởng là chiến-sĩ đã nêu cao tên tuổi chống Pháp ở miền Nam Trung-kỳ (Bình-định trở vào Nam) còn phải kể đến ông Lê-thành-Phương tức Tú Phương. Chính ông Lê-thành-Phương mới là người chỉ-huy phong trào trên thực tế, sự-kiện này chưa được nhiều người biết rành mạch để ghi vào sử sách (2).

Ông Tú-Phương sinh năm Ất-dậu (1825) tại xã Mỹ-phú tổng An-vinh (nay là làng An-hiệp) quận Tuy-an, tỉnh Phú-yên, thuộc một gia-đình trung-nông ở địa-phương. Ông đậu Tú-tài năm 30 tuổi (1855) dưới đời Tự-Đức sau thời kỳ tập văn với ông Điện-học Đinh-xuân-Trạc. Đậu xong Tú-tài, ông trở về quê nhà sống một cuộc đời ẩn dật nhưng lòng không khỏi bị xúc-động như bao nhiêu kẻ trí-thức thời đó đã được nghe và đã được trông thấy súng đồng của Trung-tá hải-

(1) Hồ-Học cũng là một chiến-sĩ cần-vương thuở ấy. Ông xuất-thân trong đám binh-dân theo tiếng gọi của thời-thế mà dấy-binhh ứng-nghĩa. Phong-trào cứu-quốc của ba ông Hiệu, Học, Phiến phát-động sau các cụ Lê-trung-Đỉnh, Trần-văn-Dụ. Các liệt-sĩ trên đây đều đồng-hương với Nguyễn-Thân và cùng bị vong-thân vì tên đại Việt-gian này.

(2) Theo tài liệu của Ngô-đình-Tư dưới nhan đề « Lê-thành-Phương với phong trào Cần-vương tại Phú-yên » đăng trong tạp chí Bách-Khoa số 43 x ất bản vào năm thứ 7 ngày 1-1-1963 tại Saigon.

quân Pháp Rigault de Genouilly dội vào cửa Hán mùa thu năm Đinh-vị (1847). Sự chống trả yếu ớt của binh đội Việt-Nam, sự đồ vỡ của các hải-dài Đà-năng đã tiên báo những giờ phút đen tối rất gần của đất nước. Lòng ông tràn đầy uất hận từ đó. Tiếp tới, địch ào vào Gia-định, ba tỉnh miền Đông và ba tỉnh miền Tây theo nhau mà mất luôn. Từ hòa ước 1862 đến hòa-ước 1884 đất nước đổi chủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn và triều đình bùn-nhin của vua Đồng-Khánh ra đời. Tình-trạng mất nước quá rõ, giới trí-thức và lãnh-đạo Việt-nam chỉ còn một sống một chết với địch.

Lời hịch Cần-vương vang dậy trên toàn-quốc, sĩ-phu bốn-phương thảy đều hưởng ứng, trừ một số Việt-gian, phản-động. Tại Quảng-nam ông Phó-Bảng Nguyễn-Hiệu lập nghĩa-hội được sĩ-tử địa-phương tham-gia nhiệt-liệt.

Tại Bình-định hai ông Mai-xuân-Thưởng và Bùi-Điền xướng nghĩa, ở Phú-yên ông Bùi-Giảng, Lê-thành-Phương, Nguyễn-hảo-Sự v.v... cũng phất cờ, đóng trống.

Bùi-Giảng xưng Tông-Trấn dấy quân chiếm đóng tỉnh thành tại xã Xuân-thọ, thôn Tân-thịnh quận Sông-cầu. Ông Tú-phương tự phong Tông-thống quân-vụ đại-thần lập bản doanh ở đèo Quán-cau thuộc xã An-hiệp, quận Tuy-an ngày nay, lấy người con là Lê-thành-Bính làm Hữu-tham-quân. Sau khi tể cờ ở núi Phù-điểm (trên đỉnh núi có khoảng rất bằng tụ-hop được hàng ngàn người) ông cỗ-động bà con toàn tỉnh hiệp sức với ông chống quân xâm-lăng. Lời kêu gọi của ông được nhiều nhà giàu trong hạt hưởng-ứng, tự-lực chiêu-mộ nghĩa-quân chia đóng các nơi. Vũ-khi của nghĩa quân lúc này không có gì đáng kể ngoài tinh-thần yêu nước. Lúc này Pháp còn mắc-míu với miền Bắc Trung-kỳ và Bắc kỲ, chưa mở rộng được việc bình-định vào miền Nam Trung-kỲ nhưng chúng đã cho hải-quân chạy dọc theo bờ biển để nghe-ngóng. Nơi nào chúng thấy có hoạt-động của nghĩa-quân, chúng xả đại-bác tới và về phần ta cũng có đặt súng thần công ở bên bờ để pháo-kích tàu địch. Ta cũng gây được ít nhiễu tồn-thất cho chúng.

Sau này Pháp cho quân đổ bộ. Địch có nhiều tru-thể hơn về vũ-kí cũng như chiến-thuật trước các ông nhà nho và đám đồng-bào nông-dân chỉ có lòng thương nước xót nòi là đáng kẽ. Bùi-Giảng có một lực-lượng khá mạnh nhờ trận đánh chiếm được tinh thành trước đây, đã thâu-đoạt được một số súng của giặc nên đánh lai-rại được một thời. Trận đánh cuối cùng của Bùi-Giảng diễn ra tại cánh đồng Hảo-danh sau chuyền về La-hai, còn quân của ông Tú-phương chiến đấu lần chót tại Cầu-đá thuộc Quán-cau.

Vũ-kí đơn-sor của quân Cần-vương tuy vậy cũng đã làm cho địch hại người hại của một phần nhưng cuối cùng gươm giáo vẫn không kéo dài được cuộc giao tranh với đại-bác, chiến-hạm và khoa-học chiến tranh rất tinh-vi của bọn xâm lược. Bị thua lớn mấy trận, ông Tú-Phương kéo đám tàn quân về Cửng-sơn tổ chức du-kích-chiến. Ông phải đương-đầu từ giai-đoạn này với tên Việt-gian lừng danh thuở đó ở Nam-kỳ là Trần-bá-Lộc được Pháp phái ra làm Bình-Phú-Khánh-Thuận Tổng-đốc (Tổng-đốc 4 tỉnh). Lộc theo Pháp trên hai chục năm trước đã thạo nghè cầu-tầu, đã giỏi việc giết người, đã lừa thuộc tâm-lý quần-chủng. Y chỉ-huy trên ngàn lính khổ xanh (lúc cần thì có lính Pháp giúp thêm); y cho đóng đồn rải rác khắp nơi vừa để dàn-áp vừa để tuần tiễu những vùng có hoạt-động của Cách-mạng. Đồng thời y thông tư đi khắp nơi để chiêu-an, hứa hẹn địa-vị quyền lợi cho Văn-Thân nếu chịu ra hàng «Nhà-nước Đại-Pháp». Đại-bản-doanh của y lập tại Ngàn-sơn là yếu-diểm có mục-đích chặn đường tiếp-tế của quân khởi-nghĩa. Vị-trí của Ngàn-sơn lúc này cũng không khác gì Vụ-Quang, là cứ-diểm chiến-lược của cụ Phan-đinh-Phùng tại Hà-tĩnh đã bị Việt-gian Nguyễn-Thân dùng kế vây hãm để tiêu-diệt.

Thấy việc chiến đấu hầu vô vọng, địch quá mạnh, thủ đoạn tàn ác của Trần-bá-Lộc thì cồ kim không hai (phanh thay mồ bụng bất kẽ già trẻ, gái trai, con đẻ quẳng vào cối già gạo quết như quết nem v.v...) Bùi-Giảng mang các bộ hạ ra hàng, mang tiền bạc đã chiếm được khi đánh thành

Phú-yên dâng hết cho Lộc. Y còn xin làm con nuôi Lộc để được đề-bạt với thực-dân Pháp và nhận chức Ký-lục tại sông Cầu ; sau 6 tháng y được bổ Tri-huyện rồi thăng dần lên tới chức Tổng-đốc Bình-định vào ít năm tới. Từ giai-đoạn bước sang nghề hại dân bán nước, y đổi tên họ ra Bùi-tử-Quảng và thành một tay sai đặc-lực cho Đế-quốc. Ai mà quên được trong vụ kháng-sự ở Bình-định năm Mậu-thân (1908) bị thất bại, Bùi-tử-Quảng khi ấy giữ chức Tri-phủ ở Tuy-phước đã tra tấn rất dã man đồng-bào dự vào phong trào kể trên...

Riêng ông Tú Lê-thành-Phương không đổi chí. Lời dụ dỗ của Trần-bá-Lộc không có kết-quả, y liền thi hành chánh sách khủng-bố. Rồi vợ con ông bị giam giữ, ông vẫn cương quyết không ra hàng ; cuối cùng Trần-bá-Lộc treo giải thưởng để bắt ông. Tên Chánh-tông Hòa - bình là Đặng - Trạch đã đánh lừa ông rồi bắt ông nộp cho Lộc. Lộc không giết ông mà vẫn lấy lời lẽ ngon - ngọt khuyên ông đầu hàng, đổi dãi với ông chu - đáo để dùng ông làm con mồi hòng chiêu-dụ nhiều văn-thân khác đang hoạt động tại địa-phương Ông đã nói một lời khẳng-khai cuối cùng để khỏi nghe luận điệu bắn tai, điếc óc của tên đại Việt-gian họ Trần « *Ninh thọ tử, bắt ninh thọ nhục* » ? (1) Sau một tuần vuốt ve, mơn trớn vô kết-quả, Trần-bá-Lộc mang ông ra xử-tử. Ông vươn cõi ra đón lưỡi gươm của địch tại bến đò Cây Dừa thuộc thôn Phường lụa, xã Ngân-sơn phủ Tuy-an ngày 28 tháng giêng năm Đinh-hợi (1887) giữ trọn lời thề với dân với nước. Ông thọ 62 tuổi. Trước khi chết ông nói với giặc : « Bọn chúng bay giết tao rồi mà không giết luôn cả thằng con thứ tư của tao thì nó sẽ cũng chặt đầu chúng bay ». Giết ông xong, chúng bêu đầu ở cây đa chợ Chiều xóm Gõ cũ tại quê nhà của ông. Sau một tháng, thân nhân ông mới lấy được đầu về để hợp-tang tại gò núi thuộc đèo Quán - cau cách quốc-lộ số 1 chừng một cây số.

---

(1) Thà chịu chết chứ không chịu nhục.

Con ông là Lê-thành-Bính sau vụ này cùng vài thuộc hạ thân-tín định trốn qua vùng Hạ-Lào tĩnh mưu khôi-phục về sau chẳng may đi qua đồn Vân-hòa thuộc quận Sơn-hòa bị Pháp chặn đánh bị trọng-thương. Nhưng nhờ có binh-sĩ ra công-cứu, cõng về đến nhà được 5 hôm thì chết. (Ông Lê-thành-Bính chết ngày mồng 3 tháng 2 năm Đinh-Hợi tức 1887) giữa tuổi 32, được chôn cất bên cạnh mộ của cha.

Lê-thành-Phương chết, phong-trào chống Pháp ở Phú-yên cũng mờ theo. Vài người trong các quan Thủ-xá tuẫn tiết như Nguyễn-hảo-Sự, Võ-Thiệp, nhiều kẻ khác ra hàng hay bị bắt và bị tù tội (1).

---

(1) Năm 1956 nhân-dịp kỷ-niệm Quốc-khánh và ban-hành Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa, chính-quyền Phú-yên và đồng-bảo tỉnh này đã bỏ ra một số tiền để sửa sang phần mộ và tuyên-dương thành-tích của cha con ông Tú-Phương rất trọng-thề.

---

## PHONG - TRÀO CẦN - VƯƠNG TẠI BẮC - KỲ

### CHƯƠNG I

#### MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ TÌNH - HÌNH CHUNG

Trong giai - đoạn vua Hàm - Nghi bôn  
đào ở vùng Nghệ - Tĩnh - Bình, quân  
ứng-nghĩa nỗi lên khắp nơi từ Trung  
ra Bắc, Sử của địch, cuốn « *La Con-  
quête de l'Indochine française* » trang 275 do tác - giả Thomazi  
có ghi chép những dòng dưới đây :

« Quyền thống - trị của chúng ta chỉ được thừa nhận ở  
kinh-thành và các vùng kế-cận các đồn binh, mà các đồn  
binh ta lập lại không được nhiều. Ngoài ra toàn-thể xứ Trung-  
Kỳ đang hoàn-toàn rối-loạn lúc này . . . »

Tại Bắc-Kỳ, mặc dầu Pháp đang có 30.000 binh - sĩ sau  
cuộc xung-đột với quân Tàu nay đã kết-liễu, vẫn-de an-ninh  
và trật - tự cũng rất nghèo nàn. Thomazi cũng đã thốt ra  
những lời thành-thực như sau :

« Các đồn trại của ta bị vây mỗi ngày một ngặt. Các  
vòng vây này do nhiều toán quân cướp thường rất đông  
đảo gồm lính chính-quy Trung - Quốc bị loại, quân Cờ - Đen,  
những phu-phen bỏ trốn, những nông-dân nghèo khổ ở các làng...  
Một toán cướp thiết-lập vị-trí ngay sát thành Bắc-Ninh. Chủ  
tướng nắm quyền cai - trị cả tỉnh, thu thuế đặt quan đàng  
hoàng. Cả miền Đông Trung-Châu nỗi lên ào-ạt, pháo thuyền  
Bourasse của ta bị tập-kích. Các vùng ngoại-ô Hà-nội, Hải-  
phòng bị đốt phá. Tại Lạng-Sơn, sau khi quân Tàu rút khỏi,  
quan lại An-Nam trở về, tổ-chức việc cai-trị như cũ ; nhiều  
vị-trí của ta ở Kép và Sơn-Tây bị tấn-công. Từ sông Lô tới  
sông Thao, loạn quân có mấy ngàn đang làm chủ về quân-

sự cũng như hành-chính và nhiều lần họ hành binh cả xuống Bạch-hạc (Vĩnh-Yên) (1).

Trong giai-đoạn này (1885) dịch còn bị lúng-túng vì bệnh hoạn do thời-tiết ác-độc của nước ta gây nên. Thời-tiết đã là mối nguy cho chúng lại thêm hành-quân mệt mỏi, ăn ngủ không đều hòa, muỗi rùng, đỉa, vắt, lam-sơn chướng khí cũng đem lại cho chúng nhiều sự chết tróc. Chẳng vậy, chỉ trong 4 tháng dịch chết tới 4000 người trong có 30 sĩ-quan chết bệnh hay bị thương, 70 sĩ-quan bị nhiều bệnh tật, nhất là bệnh ngã nước phải mang về Pháp điều-trị. Tại Trung-Kỳ Pháp chỉ có 5000 quân để giải trên một vùng duyên-hải dài 1000 cây số. Trên toàn cõi Bắc-Kỳ, Pháp chỉ thiết-lập được 45 đồn binh, Bọn quân-nhân Pháp lúc này hoang mang vô cùng vì lực-lượng của chúng rõ-rệt không đủ để chúng đóng vai chủ-động ở khắp nơi. Một thời de Courcy phải hết bay vào Trung lại chạy ra Bắc vô cùng khổ cực và kêu gào viễn-binhh về Paris như chúng tôi đã nói trên đây.

Thủ-tướng Brisson xin Nghị-viện cấp thêm ngân-khoản cho cuộc đánh chiếm Việt-Nam bị thuyết-trình-viên Pelletan phản đối. Ra hội-nghị, phe chánh-phủ chỉ thắng có 4 phiếu (274 270) tuy vậy Nội-các Brisson vẫn phải đỗ và de Courcy vẫn bị triệu-hồi.

Cái triều-dinh bù-nhin của vua Đồng-Khánh vẫn chẳng giúp gì đáng kể cho Thực-dân Pháp khiến tác-giả L'Empire d'Annam phải than rằng : « *Không một xít nào, thời nào, lại có một ông vua bị thần dân chán ghét như Đồng-Khánh* » (2).

Tóm lại lúc nay Pháp-quân ở Việt-Nam rất lúng-túng, bị câu-thúc vừa do lệnh của Paris, vừa do hoạt-động của binh đội Cần - vương mà thực chất là nhân dân dưới sự

(1) Xin coi « La Conquête de l'Indochine ». Những dòng này đã được ghi trong trang 64 và 275-76 của sách kề trên.

(2) L'Empire d'Annam trang 267.

lãnh-đạo của các sĩ - phu ái - quốc. Phải chi lúc quân-đội Pháp đang sa lầy trong cuộc xung-đột với quân nhà Thanh, bọn ông Thuyết từ Trung ra Bắc phát động sớm cùng tổ-chức và thống nhất được phong trào Càn-Vương thì cục-diện Việt-Nam đâu đến nỗi nguy-ngập khiến sau này người ta có thể trách bọn ông Thuyết đã bỏ lỡ một cơ-hội tốt hay đã vụng tính?

Riêng phong-trào Càn-vương ở Trung-Kỳ đến cuối năm mùi (1895) đi đến chỗ tàn lui trông thấy, nhưng ở Bắc-kỳ cuộc chống Pháp vẫn tiếp-tục. Xin nhắc rằng cuộc đế-kháng ở Bắc-kỳ đã phát-khởi từ vụ Hà-thành thất-thủ lần thứ hai (mồng 8 tháng 3 năm Nhâm- ngọ 1882) nghĩa là từ chuyến Henri Rivière ra Hà-nội tái-diễn cái trò đánh thành bắt tướng của F. Garnier mười năm trước. Và cũng từ năm ấy (Nhâm- ngọ) quân ta và quân Tàu hợp-tác đánh Pháp cho đến khi Bắc-kinh chinh-thức bãi chiến với Pháp bằng Hòa-ước lập giữa Patenôtre và Lý-hồng-Chương ngày 27-4 năm Ất-dậu (1885) là năm Quang-tự theo đó nhà Thanh cam-kết nhin-nhận cuộc Bảo-hộ của Pháp ở Việt-nam và nối tiếp cuộc kinh-tế và thương-mại với Pháp.

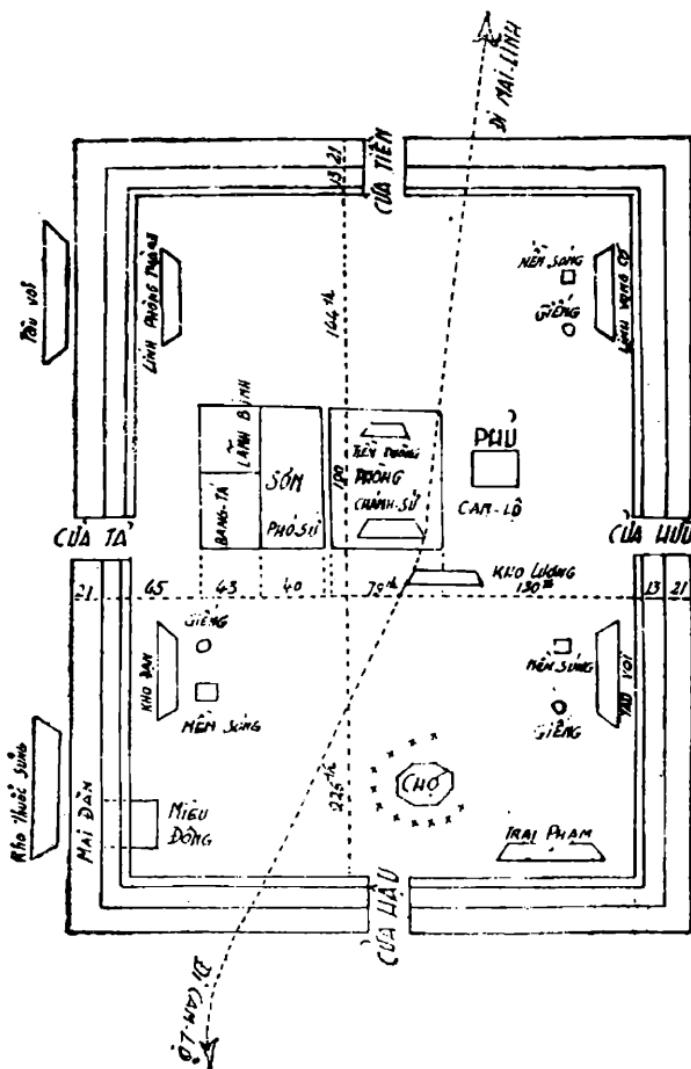
Kể từ năm Ất-dậu, mặc dầu Pháp thắng-lợi hoàn-toàn về quân-sự, nghĩa là Pháp đã chiếm được Bắc-kỳ, làm chủ xứ này sau khi những toán quân cuối-cùng của nhà Thanh đã hồi hương, nhưng Pháp vẫn chưa dám cởi yên hổ giáp: Pháp vẫn phải điều-động quân-đội để bình-định khắp nơi ở Bắc-kỳ vì sĩ-dân miền Bắc vẫn nổi lên, nhất là vùng Thượng du chỉ thuộc Pháp về danh-nghĩa mà thôi.

Đây những vùng Pháp phải tung quân ra từ 1885:

1.) Bình-đoàn Négrier và binh-đoàn Donier càn quét vùng Tả-ngạn sông Hồng-hà đến sông Luộc (Bắc-ninh).

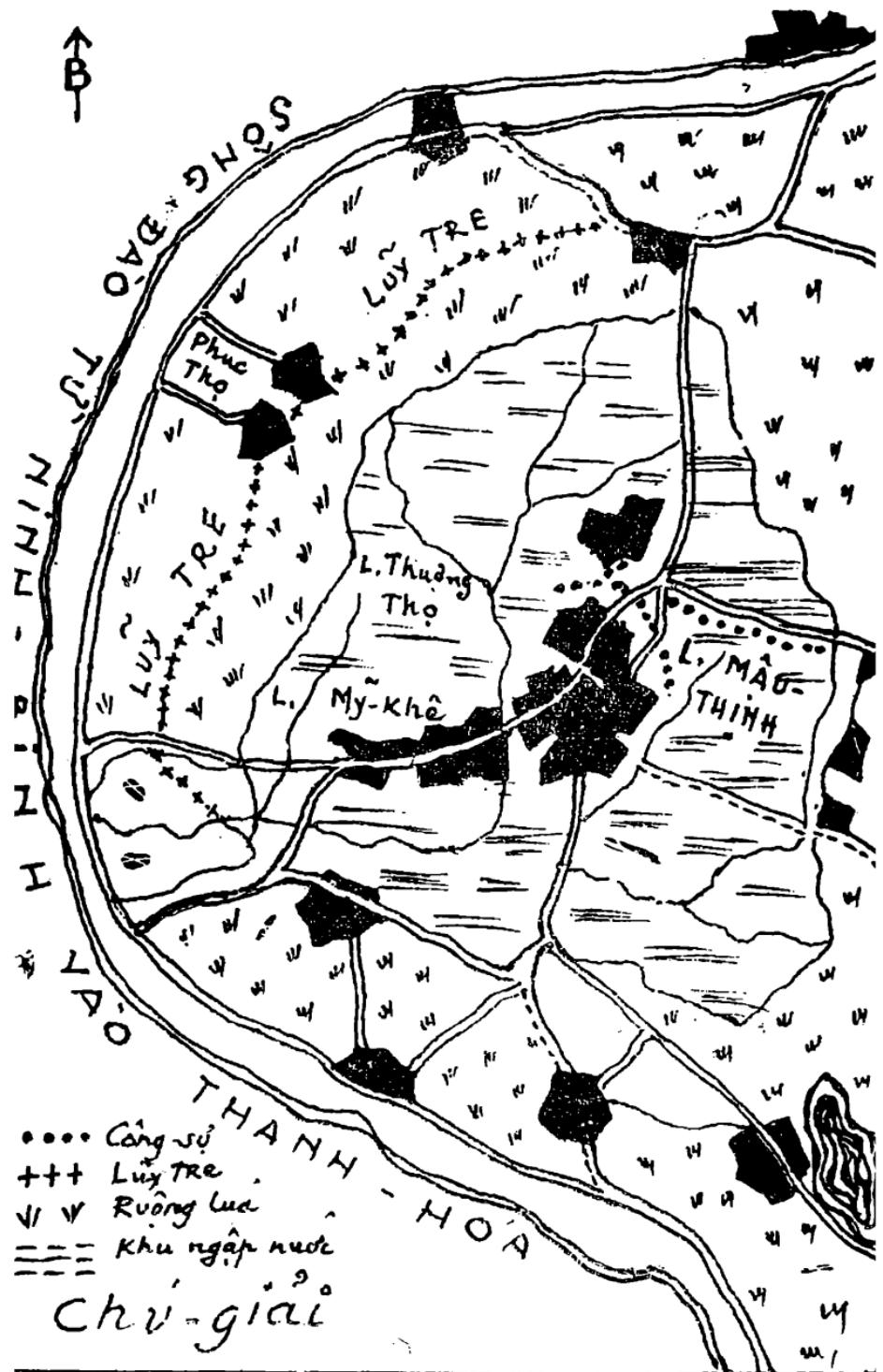
2.) Bình-đoàn Mourlan càn quét từ giữa sông Đáy đến vùng sông Hồng-hà gồm các tỉnh Sơn-tây, Hà đông, Hà-nam, Nam-định.

3.) Bình-đoàn Braziné và binh-đoàn Munier phụ-trách từ sông Luộc ra tới vùng duyên-hải.



*Thành Tân - Sở  
(nơi dự trù làm kinh-dó quân sự  
của phong-trào Cần-vương)*





Bản đồ phòng thủ Ba-Dinh (Lịch-sử 80 năm chống Pháp T. H. L.)



4.) Bình-đoàn Nenny phụ-trách vùng Đông-nam Trung-châu tức là phủ Nam-sách (Hải-dương).

5.) Bình-đoàn Falcon và Faure đánh dẹp nghĩa - quân của Đốc Tit tại Trại-sơn (Hải-dương).

6.) Bình-đoàn Rousseau và Fouquier bình-định miền Đông-triều (Hải-dương).

7.) Bình-đoàn Bellemare, binh - đoàn Bazine, binh - đoàn Prudhomme, binh-đoàn Buimare và binh-đoàn Piet ltru-động liên-miên từ 1886 qua 1887 khắp miền Trung-châu.

8.) Bình - đoàn Spitzen (tháng 8 năm 1888), binh - đoàn Monguillot (tháng 9-1889) và binh-đoàn Serviller (tháng 12-1888) hoạt-động tại vùng sông Đuống.

Tất cả các đạo quân trên đây đều có các cán-bộ cấp tướng và tá điều-khiển, đủ tinh phong trào kháng Pháp có uy thế khiến quân đội thực-dân không dám coi thường. Diện-tích hoạt-động của Pháp ở vùng đồng bằng Bắc-kỳ ra tới biển có khoảng 20.000 cây số vuông trên đó không có núi rừng lại được nhiều sông ngòi thuận tiện cho cuộc hành-quân. Địch đóng được ở nhiều vị trí tốt đẹp mà cuộc đế - kháng của Việt-Nam vẫn dẻo dai và kéo dài được 4 năm. Trước vấn đề này, ta thấy địch dựng được một vòng đai bao quanh vùng Trung-du, một bờ ngăn nghĩa-quân xâm-nhập từ vùng rừng núi xuống đồng bằng, bờ khắc chặn việc tiếp-vận của nghĩa-quân lên các chiến-khu sơn-cước.

Về nhân-lực, quân đội viễn-xâm khi ấy gồm quân da đen, lính Á-Rập và quân Pháp, nhưng sau đó Pháp tuyển mộ cả lính cơ là người Việt bởi thấy đám lính tập cũng rất đặc-lực từ 1862 theo kinh nghiệm trong những năm đánh chiếm Nam-kỳ. Đám lính cơ này được đặt dưới quyền của quan ta, ở đây dân Công-giao rất được tin dùng. Riêng Hoàng-cao-Khai, Lê-Hoan có những bộ đội do chúng tổ-chức lấy đế thành những lực-lượng đặc-biệt đi đánh nghĩa-quân lập công với Pháp tại Bắc-kỳ.

Một vài nhận xét về địch và ta : Trước 1890 địch vẫn phải áp-dụng chánh-sách võ - lực nhiều hơn là chánh - trị trong công cuộc bình-định nước ta. Nhiều bộ đội Pháp từ xa đến thay nhau bắn phá, giết chóc các làng xóm của ta rất tai hại. Chúng được quan lại, đồng lý giúp đỡ nhưng khi chúng đi khỏi, bọn này sợ Kháng-chiến nên không dám hoạt-động mạnh.

Kháng - chiến bấy giờ có bè phát - đạt nhiều ở Hải- dương, nhưng ở Nam-định phong trào kháng-địch không lên cao mẩy và nghĩa-quân không có vị-trí nhất-định trong giai đoạn này ở các vùng đồng bằng, trái lại ở các miền Trung du, ta đã sử - dụng được nhiều cứ - điểm hiểm-yếu dựa vào thế của núi rừng. Pháp lo xây - dựng đồn ắt ở các trục giao-thông chính như sông Đà, sông Thao, sông Lô là đường thủy ; Địch chiếm - đóng con đường đi Lạng-sơn, Hải-phòng, Việt - tri, Tuyên - quang là đường bộ ; đồng thời địch chiếm đóng cả các điểm biên-giới như Móng-cái, Lạng-sơn, Cao-bằng, Bảo - lạc, Hà - giang, Lào - cai để ngăn sự liên - lạc giữa ta với Tàu, xét ra chánh - phủ Bắc - kinh tuy kỳ hòa- ước với Pháp nhưng bên trong vẫn có thái - độ bất mãn. Một số quân-dân mẩy tỉnh Hoa-Nam vẫn ngầm nuôi dưỡng cảm-tình và ủng-hộ Kháng-chiến Việt-Nam. Ngoài các vị-trí của Pháp không nhiều lăm, các bộ-đội kháng-chiến vẫn làm chủ được đa số đất-đai và dân-chúng Bắc-kỳ.

Nói về nhân-sự, ta thấy trong các hàng ngũ kháng- chiến có đủ mặt đồng-bào Kinh, Thượng và, một số người Trung - quốc. Sự lãnh - đạo bè ngoài có vẻ thống - nhất. Trước đây Khâm-sai, Thống đốc quân-vụ đại-thần Hoàng-tá- Viêm là người thay mặt Nam-trieu trong cuộc chống Pháp ở Bắc-kỳ, nay nhiệm-vụ này được trao qua tay ông Ngô- quang-Bích vì Hoàng-tá-Viêm đã quy-phụ triều-định Đồng- Khánh. Thực-tế, ta thấy ở mỗi địa-phương có một nhân-vật phụ-trách, tỉ-dụ Đề-đốc Tạ-Hiền chống Pháp ở vùng duyên- hải, Tân-tương quân-vụ Nguyễn-thiện-Thuật ở Hưng-yêng (Bãi- sậy, trung tâm của đồng-bằng Bắc-kỳ) Bố-chánh Nguyễn-văn- Giáp ở Sơn-tây và Tuyên-quang, Hoàng đinh-Kinh tức cai Kinh

ở Bắc-giang, Bắc-ninh, Đề-Thám ở Nhã-nam (Bắc-giang) v. v., mỗi người có một quân-lực riêng, chiến đấu theo một kế-hoạch riêng, việc tiếp vận, ở đâu cũng hoàn-toàn được dân-chúng giúp đỡ.

Có nên nhắc rằng phong-trào Cần-vương ở Bắc-kỳ nếu so-sánh với phong-trào kháng-địch ở Trung-kỳ thì mạnh hơn nhiều, riêng nhìn vào số quân-đội của địch giải kháp lĩnh-thổ Bắc-kỳ đủ rõ. (30.000 người, trái lại ở Trung-kỳ, Pháp chỉ có 5.000 quân mà thôi).

### CÁC CUỘC HÀNH- QUÂN CỦA PHÁP Ở BẮC-KỲ KỂ TỪ 1888

Theo dõi các việc đã kể trên ta thấy Pháp bố-trí quân-đội ở khắp Bắc-kỳ không phải từ khi có lời hịch của vua Hàm-Nghi kêu gọi toàn dân kháng-chiến mà thôi. Nói cho đúng, dàn Bắc đã tiếp-tục kháng-chiến từ khi Henri-Rivière đánh chiếm Bắc-kỳ (8-3 năm Nhâm- ngọ — 1882) cho đến ba năm sau (1885) nhà Thanh ký Hòa-ước bãi chiến với Pháp. Quân Thanh rút về nước thì quân Việt đến đóng kẽ-tiếp khắp nơi khiến Pháp vẫn phải đeo đuổi cuộc chiến-tranh ở Bắc-kỳ. Trong giai-đoạn này ở Huế (Trung-kỳ) Pháp phải mở một mặt trận nữa sau vụ ông Tôn-thất-Thuyết đánh úp đồn Mang-cá và tòa Khâm-sứ. Về phía Pháp, công chuyện đánh chiếm thuở ấy đang còn mêt-mang lăm; nhưng vì nền tài-chính eo-hẹp, họ vẫn muốn quân-số giảm để bớt các ngân-khoản chiến-tranh. Về phía ta, tại Bắc-kỳ cũng như tại Trung-kỳ, ta không đánh các trận lớn, nhưng các vụ du-kích, đột-kích, phá đồn cũng cứ liên-miên xảy ra làm cho địch khó ăn khó ngủ, và cũng hại người tốn của khá nhiều.

Tuy vậy, tại Bắc-kỳ do nhiều cố gắng Pháp hoàn-thành được những công-tác thiết-yếu đầu tiên là cô-lập kháng-chiến Việt-Nam với quân-lực của nhà Thanh, ngăn vùng đồng-bằng yói sơn-cúrc, đặt các vị-trí chiến-lược trên các trục giao-thông và các nơi hiểm-yếu, sau đó chúng tung quân đi bình-định các miền

theo lối vết dầu loang và cuộc bình-định đã được phát-động cùng một nhịp khắp chốn.

Tại Trung-kỳ như ta thấy, Pháp cũng đã áp-dụng phương pháp trên đây trong việc truy-kích vua Hàm-nghi và tiêu-diệt quân Cần-vương của các ông Khâm-sai Tôn-thất-Đạm, Đề-đốc Lê-Trực, Nguyễn-phạm-Tuân, Phan-đình-Phùng, Tổng-duy-Tân v.v...

Dưới đây là những cuộc hành-quân của địch lên miền Tây-Bắc Bắc-kỳ.

Vùng này gồm 12 châu Thái, trên là rừng núi, dưới là lưu-vực sông Thao và sông Đà, ngược từ tỉnh Sơn-tây Hòa-bình lên các tỉnh Sơn-la, Lai-châu và Phong-thổ (Pháp gọi là Phong-to) Hưng-hóa, Yên-bái v.v... Người phật cờ kháng Pháp ở đây là Bố-chánh Nguyễn-văn-Giáp và địa - bàn hoạt-động của ông là vùng sông Thao. Pháp tổ - chúc ba cuộc hành quân vào khu-vực này :

1.) Bình-đoàn của tướng Jamont được chỉ-định lên chiếm địa-diểm Tân-Mai (gần đèo Hùng thuộc phủ Lâm-thao, tỉnh Phú-thọ) vào tháng 10-1885).

2.) Bình-đoàn của tướng Jamais phụ - trách đánh Tuần-quán thuộc phía Nam tỉnh Yên-bái, cách tỉnh-ly vài dặm vào tháng 2 năm 1886.

3.) Bình-đoàn của Đại - tá Maussion tiến đánh Lào - cai vào tháng 5-1886.

Hai bình-đoàn trên đây được lệnh bao vây và tấn công nghĩa-quân của Bố Giáp và vào đầu 1887 Pháp quân do Thiếu tá Pelletier chỉ-huy được tung ra từ Lào-cai đi kiểm - soát dọc vùng biên giới Việt - Hoa, chiếm Phong - thổ. Tháng giêng năm sau Đại-tá Pernot đưa quân từ Phong-thổ kéo đến Lai-châu và Điện-biên-phủ để tiêu - diệt lực - lượng của Điều-văn-Trì, vị lãnh-tụ đồng-bào Thái rất có uy-tín ở địa-phương Sơn-la và Lai-châu. Bọn Pernot cũng kéo tới địa-phương này. Tại đây Pernot gặp một cánh quân bạn, quân của Thiếu-tá Oudri từ

Bảo-hà kéo sang (Bảo-hà là một địa-hạt ở vào khoảng giữa Yên-bái và Lào-cai) Nhưng ở vùng này các cuộc hành-quân địch không thâu lượm được nhiều kết-quả mong muốn nên sau đó, chúng lại rút hết về sông Thao. Nhưng ta nhận thấy ở đây một điều: Bấy giờ địch đã chiếm xong lưu-vực sông Thao, chúng liền tiến sang lưu-vực sông Đà và sông Mã rồi xao-xục vào 12 châu Thái. Ngày 21-12-1888 Đại-tá Pennequin chiếm được Điện-biên-phủ. Địch dùng thủy-đạo để tới chợ Bờ rồi lên bộ xông vào Sơn-la và Lai-châu bằng con đường ta dùng để đi từ hai tỉnh này ra sông Thao. Như vậy ta hiểu rằng địch đã kiểm soát được các trục giao-thông từ sông Đà ra sông Thao, từ Yên-lương đi Văn-bú, từ Bảo-hà vào Tân-uyên đi Văn-bú, từ Ba-xát đi Phong-thổ qua Lai-châu và Điện-biên-phủ. Tóm lại, địch đã chặn đường tiếp-tế chính của nghĩa-quân tại vùng Tây-nam Trung-châu với Thanh-hóa.

Ngay từ 1885 ta đã thấy địch chiếm Bất-bạt (huyện Bất-bạt thuộc Sơn-tây) và cuối năm ấy địch lại đem quân lên đóng ở Tu-vũ, Phuông-lâm và Chợ-bờ và hai năm sau (1887) đã có những trận huyết-chiến dữ-dội giữa địch và ta quanh các đồn Mai-châu, Phú-lẽ nhất là tại đồn Yên-lãng. Điều-khiển cuộc xung-đột tại mấy cứ-diểm này là tướng Brissaud đã có phen xuất hiện tại Trung-ky sau vụ Kinh-thành thất-thủ mà ta đã biết. Còn về phía sông Lô, từ 1885 địch cũng đã có mặt ở thành Tuyên (Tuyên-quang), Bắc-mục, Vĩnh-tuy, Chiêm-hoa, Sơn-dương và phủ Yên-bình. Tuy vậy cho tới 1891 địch vẫn chưa nắm được dân, bộ máy cai-trị chưa đặt được vững vàng, các cuộc càn-quét chưa thâu được nhiều kết-quả tuy đã cố gắng rất nhiều. Bấy giờ Pháp lập được tòa Tổng-lãnh-sự ở Luang-prabang. Viên Tổng-lãnh-sự Pháp ở Lào bấy giờ là Pavie; tên này đã có phen tham-gia việc xâm-chiếm sông Đà và sông Mã với binh-đội thực-dân khi ấy (1).

Nay ta hãy kiểm-điem các trận đánh tại Tây-bắc Bắc-ky trong giai-đoạn đầu tiên của phong trào Càn-vương, Lĩnh

(1) Lúc này Xiêm có phái tướng Phia-Suriss mang binh lên 12 Châu Thái để tranh chấp miền này với Pháp. Rút cuộc Pháp thắng, quân Xiêm phải rút về.

tự nghĩa-quân ở đây là Ngò-quang-Bích, Bố - chánh Nguyễn-văn-Giáp và Đieu-văn-Tri. Ba ông bấy giờ đang có uy-danh lớn, ngoài ra còn một số chỉ - huy khác nữa. Khu-vực chiến đấu của ông Bich, Giáp là lưu - vực sông Lô, sông Thao sông Chảy và sông Đà thuộc Việt-Tri, Phú-thọ, Yên-há, Tuyên-quang, Thanh-hóa và Hòa-bình. Khu vực ảnh-hưởng của Đieu-văn-Tri gồm Điện-biên-phủ, Lai-châu, Phong - thỗ, Cha-pa v.v... .

### TRẬN ĐÁNH TÂN-MAI

Tân-Mai (1) là một địa-diểm then chốt nằm giữa hai miền sông Thao và Lô, tức là giữa Việt-tri và Hưng-hóa. Đối với Kháng-chiến nó là tiền-đồn có tác-dụng ngăn địch tiến quân vào miền Tây-Bắc xú Bắc-kỳ. Dĩ-nhiên Pháp phải tử-chiến với ta ở vị-trí này khi chúng có ý đi sâu vào 12 châu Thái. Còn Kháng - chiến phải bắt đầu hoạt - động từ các thủy - đạo như sông Hồng, sông Thao, sông Lô và sông Đà để ngăn thủy - quân của địch xú - dụng các đường giao - thông này đánh lên Vĩnh-yên và Sơn-tây. Tại đây, Kháng-chiến có những cẩn-cứ chiến-lược bí-mật đặt ở Liễn-sơn, Tam-dảo, Lập-thạch để chiến-đấu và liên-lạc trên hai phương-diện thủy-bộ. Cẩn-cứ chính của Kháng-chiến bấy giờ là Lập-thạch (Vĩnh-yên) (2) và vùng rừng núi Tam-dảo là nơi lui tới của binh-đội chống Pháp có khi tràn cả về sát Hà-nội. Địch đã thúc quân vào Tam-dảo, đánh Liễn-sơn tinh tràn xuống đồng bằng Vĩnh-yên là kho lương-thực của ta. (Trong *Histoire militaire de l'IC* trang 121, Pháp đã ghi : *thời-i-tiết còn nóng quá, trước khi đem quân lên sông Hồng phải tiêu-diệt những toán quân phiến-loạn ở vùng Tam-dảo. Những toán quân này đã có khi xuất-nhập tới gần thành Hà-nội, Bắc-ninh, Thái-nguyén, và*

(1) Pháp chép là Than-mai. Chúng tôi ngờ rằng chữ Tân-mai không đúng mà là Tân-mai hay Thanh-mai.

(2) Vĩnh-yên lúc này thuộc tỉnh Sơn-tây, do đó ta thấy có chúc Sơn, Hưng, Tuyên Tông-đốc mà không thấy có Vĩnh-yên.

*Việt-trì*) Việc này đã xảy ra vào 23-6-1885. Cảnh đầu binh đoàn ở vùng này là Đại-tá Mourlan. Quân-số của y có tới 1.000 binh-sĩ và thời-gian chiến-dấu kéo dài hàng tháng. Mourlan đóng một đồn binh ở Liễn-sơn nhưng không lợi gì vì nghĩa quân rút vào bên trong núi rừng Tam - đảo ; đến khi Mourlan đem quân về Sơn-tây, nghĩa-quân lại trở ra.

Tháng 10 vào đầu mùa thu, người ta thấy ba binh-đoàn khác do tướng Jamont điều - khiển lên tìm đánh Bố-giáp ở Tân - mai. Việt - tri bấy giờ được chọn làm Đại-bản doanh của địch. Trong ba binh-đoàn này có binh-đoàn của tướng Jamais gồm 71 võ-quan, 2.183 binh-sĩ gồm 1.035 lính Pháp và lính Algérie và 434 tên lính cơ cùng hai đội trọng pháo ; binh-đoàn thứ hai thuộc tướng Munier có 47 võ-quan 1.827 tên lính trong có 698 lính Âu-châu và 508 tên lính cơ và 1 đội trọng-pháo ; binh-đoàn thứ ba thuộc Đại-tá Mourlan có 65 võ-quan, 1657 tay súng trong có 1.087 tay súng người Âu và Á-Rập và 41 lính cơ, 2 đội trọng-pháo. Các binh-đoàn này đều có công-binh đi theo để sỉa chĩa cầu cống, đường sá, và một số pháo-hạm nhỏ để ngăn trở quân ta vượt sông Thao. Tổng-số quân-dịch có khoảng 6.000 và 11 đội trọng-pháo trong chiến-dịch Tây-bắc, đủ rõ địch đã dùng một lực-lượng khá quan-trọng và xin nhắc rằng nghĩa-quân ở địa-phương này một phần là binh-sĩ của quân-thú Sơn-tây xưa kia đã từng cộng-tác với quân Thanh và Cờ-den trong thời chống Pháp trước Hòa-ước Giáp-thân (1885) dưới quyền Khâm-sai Thống-đốc quân vụ Hoàng-lá-Viêm.

Ngày 7-10 tướng Jamais từ Việt-tri tiến quân theo tảngạn sông Lô đến huyện Phù-ninh thì tạt sang hữu-ngạn để bao lấy phía Bắc Tân-mai. Nghĩa-quân còn bị ba mặt sông quay lại có tàu chiến của Pháp dồn đánh, như vậy tiến thoái đều khó cả. Jamais dẫn binh từ Cổ-tích là một làng ở dưới chân đền Hùng đánh vào nghĩa-quân.

Cũng từ Việt - tri xuất-phát, binh - đoàn của tướng Munier tập-trung ở Cầu-Đo, đặt ở dày một phần để ngăn lối thoát của nghĩa-quân từ Tân-mai qua sông Thao về núi Ba-

vì, còn phần lớn cũng nhắm tấn-công vào Tân-mai do đường Minh-Nông từ phía Nam kéo lên. Bình-đoàn này có đại-bác chở bằng phà.

Binh-đoàn của Mourlan đánh vào Tân-mai bằng đường hành lang phía Tây sau khi tập-trung ở Nam-cường (Hưng-hóa) bên hữu-ngạn sông Thao trước một cái cồn giữa sòng. Tóm lại, chiến-pháp của địch là phong-tỏa quân Kháng-chiến bốn mặt bên ngoài rào cho kín rồi lập thành ba mũi dùi tiến vào bên trong, có trọng-pháo yểm-trợ, dĩ-nhiên lực-lượng của chúng dồi-dào như vậy ta chống không nổi phải chạy ra ngoài. Và chạy ra ngoài thì lười địch quay đã khắp. Trận đánh khai-diễn từ ngày 21-10 liên-tiếp tới 23-10. Hai bên xô-xát kịch-liệt ở làng Thạch-sơn. Địch thắng ở đày mới vào được căn-cứ Tân-mai cách bờ sông khoảng 10 cây-số. Đại-bác nổ liên-tiếp mở đường cho địch tiến, nhưng nghĩa-quân đã rút khỏi Tân-mai và địch không biết quân ta thoát bằng đường nào. Xét ra, Bố Giáp đã kéo quân về hướng Tuần-quán Yên-bái do phía Tây-bắc.

**TRẬN TUẦN - QUÁN** Trận này xảy vào đầu năm sau (1886) và Tuần-Quán là một vị-trí trên sông Thao dưới Yên-bái vài dặm. Cũng vẫn tướng Jammais điều-khiển cuộc hành-quân này với 4 binh-đoàn (nhưng lần này quân-số ít hơn quân-số của các binh-đoàn đã chiến đấu ở Tân-mai) : một của Đại-tá Maussion, một của Thiếu-tá Béranger, một của Thiếu-tá Godin và một của Thiếu-tá Mibiellé. Chiến-lược của địch cũng vẫn là tiến theo các nẻo đường có thể gập được nghĩa-quân. Theo kế hoạch này binh-đoàn thứ nhất của địch tập-trung ở Tu-Mỹ thuộc hữu-ngạn sông Thao để qua sông đánh vào mặt Tây và chặn không cho Kháng-chiến vượt sông Hồng ; binh-đoàn thứ hai từ Phú-thọ theo tả-ngạn sông Thao mà đi ngược lên Tuần-quán ; binh-đoàn thứ 4 ở phủ Yên-Bình (Yên-Bái) trên sông Chảy chặn đường phía Bắc và đánh vào phía Đông Tuần-quán ; binh-đoàn thứ ba từ Tân-Mai tiến lên giữa hai con sông có nhiệm-vụ đón nghĩa-quân nếu có

sự triệt-binh về phía Nam. Xét hành-trình từ Phú-thọ lên Yên-bái và từ Yên-bình qua Yên-bái không xa là bao nhiêu, vậy mà địch đã mất trọn một tuần lẽ đủ rõ địch đã phải giao-phong với ta nhiều lần và không dám khinh-xuất. Ba binh-doàn kề trên đến được Tuần-quán như thế còn là lẹ, riêng binh-doàn thứ ba một giờ không đi nỗi một cây số, hẳn rằng Kháng-chiến đã chống trả và ngăn-trở địch thế nào nhất là trên hữu-ngạn sông Hồng, tại làng Đông-viên tỉnh Phú-thọ.

Sau khi chiếm được Tuần-quán, Pháp thiết-lập vị-trí tại Yên-bái, Trại-hút, Phố-lu, Châu Văn-bàn và đến ngày 29-3-1886 địch mới tới làm chủ được Lào-cai. Trong lúc này Bố Giáp vẫn rút được qua sông Thao và đặt Bản-doanh tại một khu rừng già giữa Cầm-Khê và Hưng-hóa, có thể hiem-trở và liên-lạc dễ-dàng với các địa-phương khác.

Tại địa-diểm mới này, địch và nghĩa-quân vẫn bám sát vào nhau. Ở Tiên-Động, Bố Giáp cho nghĩa-quân đột-kích luôn luân vào các đồn binh của địch đặt rải-rác ở vùng Cầm-Khê dọc theo sông Thao rồi rút. Nhiều khi Đại-úy Lebocot, viên chỉ-huy quân-sự của Pháp ở khu này cũng đem quân đánh thắng vào Rừng già nhưng thất-bại. Tháng 6 năm 1886 tướng Jamais đã đích-thân đốc chiến tại Tiên-Động nhưng vô kết-quả. Năm tháng sau Thiếu-tá Bercand cũng xuất trận ở đây, chẳng thâu lượm được thành-tích gì đáng kể, trái lại thanh-thế của Kháng-chiến trong giai-doạn này lại bốc mạnh ở các châu Văn-bàn, Văn-chấn do ảnh-hưởng của các trận thắng ở Cầm-khê. Đồng-bào bên hữu-ngạn sông Thao bấy giờ hướng cả về kháng chiến.

Cuối năm 1886 Pháp thấy cần chặn bớt thế-lực của Bố Giáp mỗi ngày một lan rộng về phía Tày-bắc. Tướng Brissaud được lệnh vào ngày 2-1-1887 đem đại quân đến càn quét hai châu Văn-bàn và Văn-chấn. Y tiến binh theo lulu-vực Ngòi Vân đụng-độ với quân của Bố Giáp đang trấn giữ Đèo Go, giữa Yên-lương và Cầm-khê gần bờ sông Thao. Cuộc giao-tranh rất kịch-liệt. Trung-úy Bodin bị thương nặng

nhung địch-quân vượt được đèo Go tiến đến phía Đại-lịch và đèo Hạn-bái. Tại đây cũng xảy ra một trận ác-chiến. Địch vào được Đại-lịch ngày 3-1-1887 còn Bố Giáp rút vào bên trong Nghĩa-lộ.

Cho tới giai - đoạn này việc cầm cự của nghĩa - quân được dẻo-dai và hữu-hiệu, một phần do tinh-thần anh-dũng của cấp lĩnh-đạo cũng như của binh đội và một phần cũng nhờ ở việc tiếp-vận vũ-kí, đạn-dược, lương - thực được đều hòa ở bên ngoài cũng như ở bên trong. Tiếng tăm của hai lĩnh-tụ Ngô-quang-Bích và Bố-giáp mỗi ngày một lớn. Còn Pháp thì đứng trước hai điều uất-hận là tại vùng sông Đà, Pháp lo Xiêm có thể can-thiệp bằng võ trang (bấy giờ chúng nghĩ việc này có sự xúi dục của ông Tôn-thất-Thuyết hay của vài đồng-chí Càn-vương của ông), điều thứ hai là vùng Thanh-hóa vẫn thuộc quyền kiềm-soát của nghĩa-quân (Trong cuốn Histoire militaire, Pháp ghi rằng vào 1887 Bố Giáp vẫn tiếp-tục cai-trị hai vùng sông Thao và sông Đà).

Vào tháng 11-1887 Đại-ý Frayssines đem quân lính xông vào Nghĩa - lộ thì bị chặn ngay ở những bước đầu lại phải triệt-thoái. Điều này chứng - minh nghĩa-quân bám riết vào địch cho tới năm tháng sau, vào tháng tư 1888 phủ Thống-đốc Nam-kỳ gửi thêm viện-binhh ra Bắc, địch lại chia quân ra hai đạo : một gồm 400 quân do Thiếu-tá Bose chỉ-huy đánh vào phía Đông-bắc Nghĩa-lộ, đi từ Ngòi Hút (tức Đại-lịch) một gồm 384 quân do Thiếu-tá Berger cầm đầu tiến từ ngòi Lao. Quân của Bose vào sâu 40 cây số cách bờ sông gặp đường độc-đạo, một bên là vách đá dựng đứng, một bên là hang sâu. Địch bị thiệt-hại nặng - nề chốn này, lại còn do bị bệnh dịch và mưa to, lương-thực hư-hỏng phải tắt-tưởi lui về cẩn-cứ mang theo 20 thương-binhh và 15 bệnh-binhh ngày 3-5-1888. Bọn Berger cũng phải chịu các thứ tai-nạn như quân của Bose nên tuy đặt được vị-trí tại đèo Đại-lịch mà vẫn phải triệt-hồi. Lúc này hai đạo quân thực-dân không liên-lạc được với nhau nên không bày được kế-hoạch gì để xúc-tiến cuộc tấn-công nữa. Ít tráng sau kháng-chiến rồi bỏ Nghĩa-lộ. Tháng 9 năm ấy Thiếu-tá

Chapelet đến lập đồn nhưng một lịnh-tụ nghĩa-quân người Mèo là Đào-triền-Lộc và một lịnh-tụ Mản là Đông-phúc-Thịnh còn giữ Tú-Lệ (vùng Tây-Bắc Nghĩa-lộ) và thường đột-kích vào vị-trí của Pháp. Tướng Bichot ra lệnh triệt quân ở Tú-Lệ nhưng quân địch ở đây bị nghĩa-quân vây kẽm không ra thoát, sau Thiếu-tá Buquet ở đèo Hút lên tiếp-viên, chúng mới thoát khỏi và chạy về Nghĩa-lộ. Trong lúc này còn hai cánh quân từ Yên-lương và Sơn-la sang tăng - cường cho đám quân địch ở Nghĩa-lộ. Trên đường về, địch bị tốn hại nhiều (9-11) và trải nhiều sự vất-vả, gian-lao. Các võ-quan chỉ-huy cuộc triệt-thoái khỏi Tú-Lệ là Thiếu-tá Buquet Đại-úy Moll và Đại-úy Norker. Nghĩa-quân theo sát địch, cắt đường giao-thông giữa Nghĩa-lộ và Đèo Hút khiến đạo quân địch do Bouquet và Moll xuất phát từ Nghĩa-lộ không trở được về Nghĩa-lộ mà phải kéo qua bên Đèo-Hút. Norker và một số binh-sĩ Pháp bị tử-trận. Trước sự thảm - bại này chúng phải kêu gọi Thiếu-tá Gonard, chỉ - huy tiêu-khu Yên-bái sang giải vây cho bọn Bouquet.

Ngày 26-11-1889 Pháp - quân lại tái lập căn cứ ở Nghĩa lộ, nhưng lần này với một quân số phong-phú hơn. Chúng huy - động nhiều quân đội từ sông Thao sang và từ sông Đà lên do Đại-tá Pennequin điều-khiển. Lần này bọn Pháp thi-hành chánh-sách khủng-hỗ và chia rẽ dân tộc do mục-đích ly-gián các đồng-bào Kinh, Thượng trong hàng ngũ nghĩa quân. Cuộc kháng - địch cho tới giờ phút này đang tiến triển tốt đẹp thì Bố Giáp từ trần, tuy vậy hai năm sau Pháp mới đầy lui được nghĩa-quân khỏi Nghĩa-lộ. Dù sao chiến cuộc Nghĩa-lộ vẫn được ghi bằng những nét vàng son từ đây trên lịch sử chống xâm lăng của nước nhà và đánh dấu được những khả-năng tác-chiến của các đồng bào Kinh, Thượng ở địa-phương.

Cụ Ngò-quang-Bích đi Tàu về ai-diều người đồng chí già nua đường đứt gánh bằng bài văn-tế vô cùng thống - thiết như sau :

---

(1) Đến năm đó nhân-sĩ Việt-nam vẫn còn hy-vọng chánh-phủ Tàu nhưng hình-như họ chỉ bí-mật giúp ta được một phần nào về mặt tiếp vận mà thôi do một số quan lại vùng biên-giới.

« Ôi than ôi !

*Anh hùng đâu vắng ?  
Cây ngọc chôn vùi !  
Mây trời ảm-dạm,  
Cảm-niệm ngậm-ngùi . . .*

« Nhớ tướng-công xưa,

*Danh lừng khoa bảng,  
Giá đáng ngọc lành,  
Dân nhờ đức chính,  
Vua ban sủng vinh.  
Gặp con binh lửa,  
Báo ơn triều đình.  
Đưa quân cần-vương,  
Thề quyết tử sinh.  
Cứ-hiềm chống giặc,  
Hội-nghị đồng tình.  
Nào ngờ lâm bệnh,  
Thời vận lệnh-danh.  
Phải về son-phận,  
Điều dưỡng bệnh-tình,  
Vừa tan trận giặc,  
Đã mờ tướng tình...*

Than ôi !

*Âm-u gió Bắc,  
Mù-mịt phuong trời,  
Con thơ của ngài,  
Kêu khóc trong nôi,  
Linh-cửu của Ngài,  
Tiễn đưa vài người,  
Kẻ còn người mất,*

*Thể sự đầy vời,  
Chiến-trường ai nỡ ?  
Thảm-kịch ai bùy ?  
Nhiều người hèn nhát,  
Nước đạt sóng vùi,  
Chỉ duy tướng công,  
Sẵn có tướng tài,  
Trung hưng danh tướng,  
Khẩu, Đặng sánh vai (1).  
Địch khó làm hại,  
Quỷ cổ làm tai.  
Ghép thay số mạng !  
Giặc mộng yên bài,*

Than ôi !

*Kinh duy tướng quân,  
Hồn về tiên cảnh,  
Tiếng nỗi Nam-bang ;  
Khí tiết của Ngài,  
Đây lấp giang-san.  
Tinh trung của Ngài,  
Gió tràn sấm vang,  
Quốc thù còn lại,  
Di-hài chura tan.  
Xin giúp tướng sĩ,  
Giết quân Pháp-lang,  
Mùa đông tháng một,  
Ho mai đầy ngàn,*

(1) Khẩu-Tuân và Đặng-Vũ là hai danh tướng của Vua Hán-Quang-Vũ, đã giúp nhà Vua khôi-phục đế-quyền sau vụ thoán-đạt của Tề-tướng Vương-Mãng vì vậy người đương thời đã gọi hai ông là Trung-hưng danh tướng.

*Rượu hòa nước mắt,  
Khóc người suối vàng (1).*

Để sự nhận xét về các chiến-công anh-dũng của đồng bào Kinh, Thượng vùng Tây-Bắc Bắc-kỳ chúng tôi xin ghi thêm một số trận đánh khá lớn giữa ta và Pháp dưới đây tại lưu-vực sông Thao và sông Đà :

### TRẬN LONG - PO VÀ BÌNH - LƯ

Theo Hòa - ước Thiên - tâu thứ hai, Chánh-phủ Bắc-Kinh và Paris có ấn định với nhau lập một phái-doàn hỗn

hợp để phân giới cho hai miền Việt - Hoa ; ngày 13-8-1886 Thiếu-tá Daru và một số đại-diện Thanh - đình cùng nhiều binh-sĩ tùy tùng dùng 5 chiếc thuyền ngược từ Lao-Cai lên Long-Pò. Địch bị nghĩa-quân phục-kích và thiệt hại nặng-nề. Trung-úy Geil bị trúng đạn bẽ đầu, Đại-úy Henri bị thương ở ngực, thuyền bị chìm, Daru vội tháo lui về Lao-cai. Tại mạn Móng-Cái, địch cũng bị một trận đại-bại còn tai hại hơn trận Long-Pò nhiều cũng do trường-hợp di phân định ranh-giới giữa Hải-Ninh và Quảng-dòng.

Trận Bình-lư do Điêu-văn-Trì lĩnh-tụ vùng Sơn-La, Lai-châu điều-khiển trải nhiều giai-doạn gây cấn hơn. Bình-lư là một vị trí chiến-lược nằm giữa đường đi từ Lào-cai sang Lai-châu, và từ Phong-thổ qua Tân-uyên trên một con suối tên là Nam-mê. Điêu-văn-Trì thuộc một cố-gia đã cai-trị dân Thái từ nhiều đời tại vùng Tây-bắc.

Vùng này có chừng 240 ngàn đồng-bào Thái tập-trung nhiều hơn cả ở hai tỉnh Sơn-la và Lai-châu. Một phần sống ở Phong-thổ (Lào-cai), Tân-uyên, Văn-chấn (Yên-bái) v.v... tất cả có 16 huyện nối tiếp với nhau. Một số đồng-bào Thổ, Mèo, Mán cũng ở xen-kẽ với đồng-bào Thái và sinh-nhai bằng nông-nghiệp. Thấy thực-dân Pháp hành-trường thế-lực tới khu - vực của

(1) Dịch-giả bài Văn-tế trên đây là Kiều-hữu-Hỷ và bài này trích ở cuộn Chống xâm-lăng của T.V.G. xuất bản tại Bắc-Phồn.

mình để đặt ách thống-trị, đồng-bào Thượng liền hưởng-ứng lời kêu gọi của họ Đieu và nhiều linh-tụ khác (Đèo-văn-Tòa ở Lai-châu ; Nguyễn-văn-Quang, Cầm-văn-Thanh, Cầm-văn-Hoan ở Mai-sơn, Mường-la (Sơn-la). Lúc này triều-định Huế như ta biết đã ký xong Hòa-ước 1884 nhường nốt Trung-bắc lưỡng-kỳ cho Đế-quốc Pháp.

Đầu năm 1886 họ Đieu lập căn-cứ tại Tân-uyên phía Nam Lào-cai, một địa-điểm nằm giữa Hắc-giang và Hồng-hà. Chiến-thuật của nghĩa-quân cũng là tránh việc giáp-chiến với địch, đợi địch đi thi trở về hoạt-động rồi lợi-dụng các cơ-hội thuận-tiện và bất ngờ để công đòn và tập-kích.

Tháng 4-1886, nghĩa-quân có nhiều cuộc xô-xát với địch tại địa-phương của mình trong khi địch mở cuộc tảo-thanh. Trung-úy Aymérich bị bắn trọng-thương được Espitalier lên thay. Nghĩa-quân rút ra ngoài cứ-điểm rồi khi quân Pháp rời khỏi, nghĩa-quân lại trở về kiểm-soát Bình-lư, Phong-thổ và Tân-uyên để ngăn việc giao-thông của giặc.

Đại-úy Bercand mở cuộc tấn-công thứ hai. Nghĩa-quân rút lui về Bình-lư và Hiển-trai vào hạ tuần tháng 5 năm ấy. Cho tới phút đó, nghĩa-quân vẫn áp-dụng lối : «giặc đi ta về».

Đầu tháng 11-1886 Pháp mang đại-quân vào Bình-lư tính quét một lần cuối cùng cho xong bằng một trung-đội Lê - dương, một đại - đội khổ đỏ, một đội pháo - binh và 250 lính dồng xuất phát từ Dương-quy. Sáu giờ sáng ngày 6-11-1886 toàn lính dồng đã có mặt ở Bình-lư và buỗi trưa toàn quân Pháp tới nơi. Quanh Bình-lư có lũy tre bao bọc. Các lũy tre này được đắp bùn và đất giày đặc. Nghĩa-quân đặt pháo-đài ở ba góc và có 300 quân ở bên trong sẵn sàng chờ giặc. Chỉ-huy cuộc tấn công vào nghĩa-quân là Đại-úy Olive. Địch chia làm hai toán: một do Đại-úy Jaint, một do Trung-úy Brise điều-động. Trận đánh rất ác-liệt vừa bằng súng vừa bằng giáo, sau đó nghĩa-quân rút đi. Ngày 20 hai bên lại kịch-chiến ở Lương-tiên và Thanh

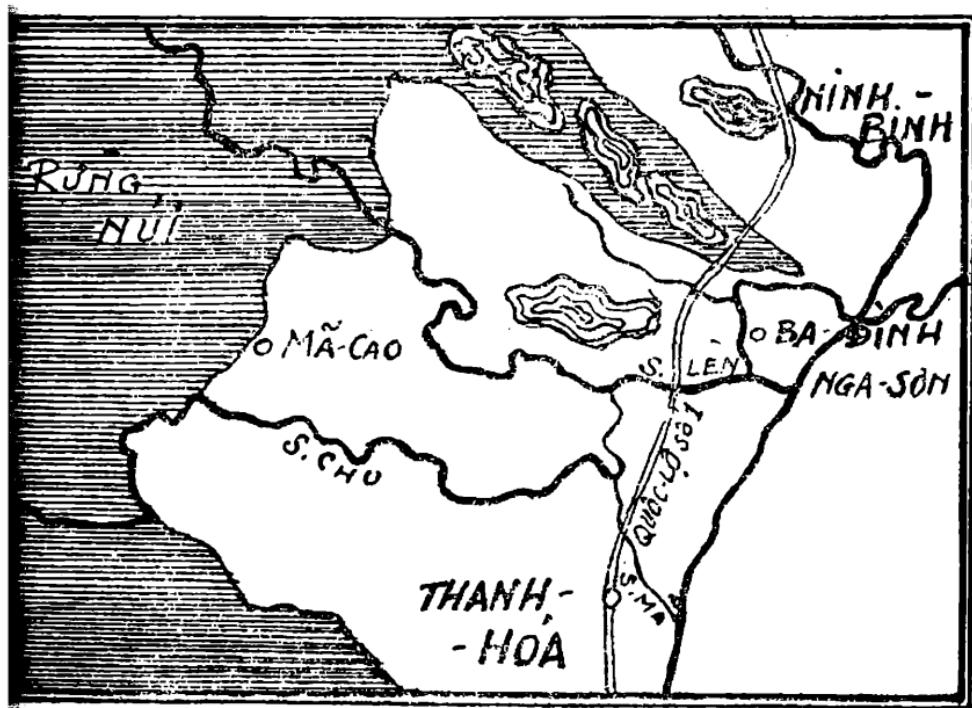
quy. Đánh xong Điêu-văn-Trì chuyển luôn quân vào Mường-bo, Pháp không dám đuổi theo.

Tháng giêng năm sau (1887), Pháp cho Thiếu-tá Pelletier dẫn quân đến Mường-bo thì nghĩa-quân lui qua Chapa. Địch đến Chapa thì nghĩa-quân rút sang Lai-châu và suốt năm ấy nghĩa-quân vẫn hoạt động ở đây và Sơn-la. Địch lập đồn ở Bát-xát chiếm đóng Phong-thổ lại cho quân chia ra từng toán đi càn quét ở Bảo-hà và Bình-liêu.

Ngày 4-11-1888, Đại-tá Pernot hành-quân từ Bảo-hà và Bát-xát dọc theo sông Đà tiến lên Sơn-la và Lai-châu bị chặn đánh ở quãng Bắc-Tân-trai suốt 5 tiếng đồng hồ, rồi nghĩa-quân biến mất.

Ngày 13 Pernot lại bị phục-kích ở Chinh-nura trên bờ sông Mã và ngày 26 chúng mới đến được căn-cứ của nghĩa-quân sau khi vượt qua bước hiểm-nghèo trên đường đi Lai-châu, Mường-tung, Mường-theng. Chúng đến nơi thì chỉ thấy vườn không, nhà trống, không kiếm được lương-thực mà cũng không thấy nghĩa-quân để đánh, dân chúng để thăm dò tin tức nên phải quay về Sơn-la. Trên đường về chúng bị đánh ở Tuần-giáo ngày 18-2-1888 và đến 24-2 chúng mới tới Sơn-la.

Hợp-tác với cánh-quân của Đại-tá Pernot, ta còn thấy đạo-quân của Trung-tá Oudri đã phát động từ 31-12-1887 và đến chiếm đóng Sơn-la vào 16-1-1888. Hai đạo-quân này tập-trung tại Sơn-la một thời và trong khi không gặp nghĩa-quân chúng mở con đường thủy từ Bắc-giang tới biên-giới Trung-quốc và cả con đường giao-thông giữa triền sông Hồng đến sông Cửu-long, nhờ vậy chúng đặt được ảnh-hưởng và sự kiểm-soát trên khắp vùng sông Đà và mé trên sông Mã kể từ tháng 6 năm ấy. Lúc này quân của họ Điêu hoạt động ở Lai-châu và Điện-biên-phủ. Từ giai-đoạn này trở đi thế-lực của nghĩa-quân đã bị sút kém. Cuối năm 1889, địch dùng thế biển người để uy-hiếp nghĩa-quân. Chúng tung rất nhiều quân thủy, bộ trên khắp nẻo đường Lào-cai, Yên-bái; Sơn-la và từ sông Hồng, sông Mã, sông Đà tới vị-trí của họ



Núi đá vôi.

Rừng núi.

Vị-trí Ba-Định và MÃ-Cao  
Bản-dồ này trích trong Lịch-sử 80 năm  
chống Pháp của T.H.L.





Cựu Hoàng-hoa-Thám

(Các hình in trong sách này đã được trích trong Lịch-sử cách-mạng cận đại V. N, *Quelques précisions sur une période troublée de l' histoire d' Annam, Lịch-sử 80 năm chống Pháp của Nguyễn-công-Bình, A. Delvaux và T. H. L.*)



Điều. Mỗi ngày địa-bàn của nghĩa-quân bị thâu hẹp thêm do đòn bót của địch thiết-lập lan-tràn khắp chốn, bè khát địch cho quân-đội lưu-động tuần-tiểu liên-miên. Quân-đội Càn-vương của Bố Giáp và Ngô-quang-Bích cũng mất liên-lạc dần với họ. Điều nên tình thế mỗi ngày càng đi thêm đến chỗ kiệt-quệ. Lúc này Điều chỉ còn dựa vào thế ỷ-dốc của tướng Xiêm Phia - Suriss đang đem binh-sĩ đến Điện-biên-phủ giành phần đất Tây-bắc Bắc-kỳ (không thấy sứ ta nói đến việc này), Pháp cho Tông lĩnh-sự Pháp là Pavie (1) ở Xiêm mở cuộc điều đình rồi quân Xiêm rút về nước. Bè khát Đại-tá Pennequin tấn-công Điều về chánh-trị trong lúc Điều đang hoang-mang và bị cô-lập. Pháp chịu trả lại cho Điều moi quyền-lợi vật chất, tinh-thần cố-hữu ở 12 châu Thái trước đây thuộc về Điều, như-vậy Pháp phải cắt bớt phần đất của Quan-Phong, một thồ-tú ở Dương-quy trao cho Điều vì Quan-Phong không kiểm-soát hết và đã dựa vào Pháp để giành của Điều. Từ đó Điều trở thành một tay sai của guồng máy thống-trị Pháp như nhiều kẻ khác.

Cuộc thương-thuyết này khai-diễn vào tháng 11-1888. Sau đó họ Điều giải-tán quân cờ Đen về bên kia biên-giới (tháng 4-1890), vùng Tây-Bắc từ đó trở lại với sự yên-tĩnh muôn thuở.

Còn tại lưu-vực sông Thao, sông Đà người ta cũng không quên những cuộc đụng chạm nảy lửa như sau :

200 nghĩa-quân đánh vào đồn Pháp ở Cầm-khé và làng Vạn-phúc gần đó vào ngày 7-1-89 (Phúthọ)

Đốc Học đánh Thanh-ba (Phúthọ) ngày 10-4 và 22-5-1889. Tại đây vị chủ-tướng của ta bị tử-trận.

Đốc Di phục-kích quân Pháp ở gần đồn Bảo-yên (hạ lưu sông Đà ngày 18-12-1889 sau đó ông lại mang 400 quân sang tấn-công địch bên kia bờ Thao-giang ngày 30, 31-12-1889, chiến-trường bấy giờ là hẻm Lãm-thao.

Một trận ngày nay được gọi là trận Hiền-lương đã

1) Pavie lúc này đã sang làm Lãnh-sự Pháp ở Xiêm.

diễn ra giữa Cầm-khê và Văn-bàn ngày 17-1-1889, không thấy ghi rõ ai cầm quân

**Đốc Cơ và Tuần Can tiêu-diệt hoàn-toàn vị-trí Đông-sơn**  
của địch ở dưới chợ Bờ vào ngày 5, 6 tháng 6-1889.

Trong thời-gian kể từ 1885 — 1890 người đóng vai trò lĩnh-tụ kháng-chiến tối-cao tại Bắc-kỳ là Ngô-quang-Bích (họ kép là Nguyễn) sau khi Hoàng-tá-Viêm trở về Huế. Ngô tiên-sinh bấy giờ rất được sự tin-tưởng của các giới quân dân nên đã đứng ra chỉ-đạo phong trào Cần-vương ở miền Bắc. Có lẽ người ta biết cụ trên cương-vị lĩnh-tụ tinh-thần của nghĩa-quân hơn là trên cương-vị một Hiệp-thống Bắc-kỳ quân-vụ đại-thần.

Tên tự của cụ là Hàm-Huy, biệt-hiệu là Ngư-Phong. Cụ sinh ở xã Trình-phố, phủ Kiến-xương tỉnh Thái-bình. Hồi 30 tuổi cụ thi Hội trúng cả ba trường nhưng không chịu xuất chinh. Cụ lấy nghề dạy học cho qua ngày. Thái độ này có lẽ do thời-cuộc bấy giờ đang rối ren, mờ tối nên tạm thời cụ làm nghề gỗ đầu trẻ. Năm 38 tuổi cụ uap quyền thi Đinh đậu đệ nhị-giáp tiến-sĩ đệ nhất danh đinh-nguyên. Sau cụ nhận đi làm Tri-phủ Lâm-thao (Phú-thọ). Khi còn ở quê nhà cụ đem cái sở-kiến và uy-tín của mình ra dạy dân đáp đê ngăn nước mặn, lấy thêm đất canh tác cho hai vụ chiêm, mùa; khi cầm quyền cai-trị cụ thanh trùng được quân cướp bóc nên dân địa-phương được yên ổn làm ăn. Dân tôn sùng cụ như một vị phật sống. Sau cụ được thăng Án-sát Sơn-tây. Tại đây cụ gặp Lưu-vịnh-Phúc chủ-tướng quân Gò-den. Cụ biết họ Lưu là một tay kiệt-hiệt và có óc bài Pháp nên đã tiến cử Lưu về triều-đinh để làm chức Bảo-thắng phòng-ngự-sứ. Lưu thấy cụ có lòng ái-quốc nồng-nhiệt, sở-học lại quảng-bá, đạo - đức cao - siêu nên coi cụ vào bậc thầy. Sau này Lưu chắt được đầu viễn tướng Pháp cướp thành Hà-nội năm Quý-dậu (1873) trên Ô cầu giấy là Đại-ý Francis Garnier, nhìn gần công ấy của hắc-kỳ đại-tướng, nhưng nhìn xa, đó là công của con người có mắt xanh, cụ Ngô-quang-Bich.

Từ đấy Nam-triều biết cụ có tài-năng và có nhiệt-tâm với nước, bắt đầu trọng dụng cụ nhiều hơn nên đã luôn luôn cử cụ vào nhiều việc khó khăn. Đã có phen cụ về Kinh để đi trọng nhậm tinh Bình-định rồi trở ra Hưng-hóa (Bắc-kỳ) giữ chức Sơn-phòng chánh-sứ. Cụ lập cản-cứ ở Thục-luyện và sau được Bố Giáp từ Lâm-thao sang hiệp-lực. Tới khi vua Hàm-nghi phất cờ kháng Pháp, cụ được phong « Hiệp thống Bắc-kỳ quân-vụ đại thần. Các quan văn võ từ Tham-tán đến đèo-dốc trở xuống đều thuộc quyền cụ lục-dụng. Tóm lại cụ được cử làm đại diện tối cao của kháng-chiến miền Bắc.

Thấy uy-tín của Cụ bao trùm xứ này, các nhà ái-quốc cũng như dân chúng thấy đều kính mến Cụ. Pháp cho nguy Bố-chính Hưng-hóa là Bùi-quang-Thích và nguy Tri-phủ Lâm-Thao Nguyễn-khai-Hợp lần lượt tới dự hàng với những điều-kiện rất dễ-dàng và trọng-hậu : một là Cụ ra làm quan với Bảo-hộ, Cụ sẽ được địa-vị cao sang như ý ; hai là Cụ trở về làng, Pháp sẽ cấp bông lộc đầy đủ... nhưng Cụ đã từ chối và trả lời nguy-quyền thực-dân như sau :

*« Cái nước nghìn vạn y quan lẽ nhạc hầu hết thành của Pháp rồi. Lẽ tôi không tự lượng sức, lão hơn trăm thán sī với mấy nghìn quân hèn mà cùng quý-quốc di tìm nhau trong chiến đấu, thật chẳng nguy ư ? Duy nghĩa cái nghĩa vua tôi đứng trong trời đất, cái phận hoa-di chia nghiêm-ngặt như sông Kinh núi Vị, lũ tôi không dám quên thân, cũng chỉ là quyết giữ cái danh nghĩa ấy thôi. Khi quý-quốc gần đây một rǎng hòa-hảo, hai rǎng bảo-hộ, thế rồi chiếm hết thành trì của ta, đuổi vua tướng của ta, lại tự quyền lập vua Đồng-Khánh, chẳng qua là kẻ bịt tai trốn chuồng, còn lợi quyền chánh-trị về tay quý-quốc nắm cả, Văn-thân võ-sĩ đều bị quý-quốc trói buộc. Ôi ! còn lòng nào nữa ? Gọi là hòa-hảo, gọi là bảo-hộ, lại có như thế ư ? Cây sức làm càn, ai là kẻ phải hơn ? Giả sử một nước lớn đến kinh-lý quý-quốc cũng như quý-quốc đã làm ở nước chúng tôi, thì quý-quốc cũng cứ nghe theo họ ư ? Hay là cũng nghĩa-kịch ở lòng, giận lộ ra mặt, cũng làm như chúng tôi đang làm ? Mong rằng bình tâm, nhẫn khí, đem cả họ mà về, phục Hàm-*

*Nghi ta, trả lại thành-trì ta, khiến cho vua và dân ta được yên hòa nhà nước của mình mà quý-quốc lại thông thương như cũ há chẳng vĩ-dai ư ?*

«Còn nếu không như thế thì quý-quốc cậy về sở-trường, lũ chúng tôi cũng không khứng bỏ sở-doản của mình. May ra mà thắng, mà sống thì là nghĩa-sĩ của triều-dinh, chẳng may mà thua, mà chết thì còn được là quỷ mạnh giết giặc. Thà chịu tội với quý-quốc, quyết không dám chịu tội với vạn thế. Một chữ «thú» xin chờ nhắc lại nřa. Muôn cam chết, chờ nên khuyễn bùa, quý quốc tự mưu cho» (1).

Chúng tôi tiếc rằng không có bức thư hoặc được biết lời lẽ dù hàng của Pháp và bọn tay sai ra sao để đối chiếu với sự hối âm của vị Hiệp-thống Bắc-kỳ quân-vụ đại thần họ Ngô, nhưng chắc họ chẳng khỏi đem những việc lợi hại, thế mạnh yếu rõ-rệt giữa họ và nghĩa-quân ra để cảm dỗ. Đại-khai nó không ngoài cái luận-điệu Hoàng-cao-Khai đã viết ra để kéo Đinh-nguyên họ Phan về với «Nhà nước bảo-hộ». Nhưng con người xuất-thân ở cửa Không-sân-Trình không thể vì danh-lợi mà bỏ cái nghĩa vua tôi, xứ sở được. Nho-giả chân-chính ở Đông-phương không phải chỉ thanh-toán sự - nghiệp, công tội với một thời mà còn phải di-lưu tên tuổi tới vạn thế. (*mai cốt bắt mai danh*). Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu mất thành thì phải chết. Võ-duy-Ninh Hộ-đốc tại Gia-dịnh bại trận cũng không ham sống, Lê-Tuấn ký hàng-ước táng quyền nhục quốc cũng uất lèn mà đi về bèn kia thế giới, đủ rõ cái đức liêm-sỉ là căn-bản của đạo - đức Á-châu, danh - lợi của bọn thực-dân, đế - quốc Đông - Tây lôi cuốn sao nỗi (2)

1) Tài-liệu của «Tổ-sử Việt-Nam cận-đại» xuất-bản tại Hà-nội. Xin coi lại bức thư của Phan-đinh-Phùng trả lời Hoàng-cao-Khai để hiểu rõ khí-tiết của nhà nho, hầu hết mọi người đều như vậy cả.

2) Hai ông Nguyễn-văn-Tường và Lê-Tuấn đã ký hòa-ước Giáp-tuất (1874) nhường toàn-bộ Nam-kỳ cho Pháp. Ông Tuất lấy làm nhục mà chết sau khi hòa-ước kè trên ráo mực,

Không lay chuyển được lòng họ Ngô bền vững như sắt đá, bọn Thực-dân lại dở trò Sở-Bá-vương bắt mẹ Vương Lăng, Tào-Thao giữ mẹ Từ-Thú là một kế-hoạch xét ra hèn hạ nhất. Cụ Ngô lúc này chỉ biết lấy Trung làm Hiếu, gạt nước mắt để tiếp-lục kháng-chiến. Mẹ cụ cũng chẳng nhẫn cụ ra hàng, thật đã nêu cao tư-cách Phụ-nữ Việt-Nam với muôn thuở.

Bấy giờ Tông-hành-doanh của cụ đặt tại Văn-chấn. Với cẩn-cứ này cụ muốn xúc-tiến cuộc kháng địch lâu dài dựa vào núi rừng miền Thượng-du xứ Bắc. Tại đây cụ qui-tụ được đủ mặt anh hùng ái-quốc Kinh, Thượng như Đề Kiều, Đề Mạc, Lãnh-binh Vương-văn-Doãn luôn luôn ở sát nách cụ, ở xa có Đề Cơ, Đề Cương hoạt-động tại Sơn-tây; Đề Vân, Đề-Vinh chiến đấu ở Bắc-ninh, Đề Vũ ở Nam-định; Đề Nhượng, Đề Quảng ở Thái-bình; Tân Thuật ở Hải-dương; Nguyễn-tử-Ngôn ở Ninh-bình. Các vị lĩnh-tụ này đều có liên-lạc mật-thiết với Cụ để nhận các chỉ-thị. Trong các vị hào-kiệt chống xâm-lăng, địch nhở đến Lãnh-binh Vương-văn-Doãn nhiều hơn cả vì chúng đã nhiều lần bị khốn-đốn với ông. Sau này địch giải - quyết xong vấn đề 12 Châu Thái và cũng do Bố Giáp qua đời, Kháng-chiến vùng sông Thao, sông Đà mất hẳn lực-lượng căn-bản nên kèm dần, Pháp mang nhiều binh sĩ đến phong-tỏa Văn-chấn. Cụ Ngô phải bỏ vùng này rút xuống Yên-lập (Phú-thọ) đến 1890 cũng qua đời nốt, nhưng các đồng chí của cụ như Đề Kiều, Đốc Ngữ, Đề Dị, Đề Thành vẫn tiếp-lục chiến đấu thêm được một thời nữa.

### *CHIẾN SỰ TẠI MIỀN ĐÔNG-BẮC BẮC-KỲ (GIAI ĐOẠN I)*

Vùng Đông-Bắc Bắc-kỳ kể từ năm 1885 cũng luôn luôn có hoạt động của các đảng cầm-vương và ở đây Pháp cũng phải giải quản rất nhiều để lo việc bình-định và chiếm-đóng. Nhưng các sự-khiện này gặp nhiều sự khó-khăn do sự chống đối của nghĩa-quân nên tiến hành rất chậm và chật-vật.

Ở Trung - du, đa số nghĩa - quân là người Kinh, tǐ-du binh - đội của Hoàng-đình-Kinh (tức Cai Kinh) tại Bắc-giang. Tuy vậy ta cũng thấy có một số người Trung-quốc kè cả các cấp chỉ - huy : Lưu - Kỳ ở vùng Đông-triều cộng tác với Đốc-Tit (trong quân của Lưu-Kỳ có đủ người ta, người Tàu và đồng - bào thiểu-số Nùng, Thổ). Tại Cao-Bằng, Lạng - sơn, các đồng - bào địa - phương Kinh, Thổ và Trung-quốc gia-nhập các đoàn nghĩa-quân rất mạnh, kè cả một số người Trung - quốc bên kia biên - giới thường vượt địa-phận qua đánh Pháp rồi lại rút về. Hình như chiến cuộc vùng Đông-Bắc không có sự chỉ-huy thống-nhất nhưng có liên-hệ mật-thiết với nhau để ủng-hộ nhau như chuyền giúp vũ-kí, tiền-bạc, đạn - được từ ngoài về và đem trâu-bò, nông-lâm-sản qua bán giúp bên kia biên-giới. (Theo *Chống xâm lăng — Phong-trào Cần-vương* của T.V.G. quyền thứ ba các tướng-lĩnh ở các vùng đều có sự liên-lạc với Tôn-thất-Thuyết sau khi ông qua Trung-quốc).

Về phần địch, chúng đã có những cuộc hành-quân như sau :

1) Đầu 24 rạng 25-11-1885 một nghĩa-hội mệnh danh là *Thiên-địa-hội* đã hoạt-động tại vùng duyên-hải mang 2000 quân, chiếm lại Móng-Cái trong một trận lớn. Bình đoàn Haitee bị vây hãm trong thành và bị tiêu-diệt gần hết (1). Sư-đoàn hải quân Beaumont lần-lượt chiếm-cứ đảo Cát-bà và Tiên-yên từ tháng giêng đến tháng 7-1886. Tháng chạp năm 1886 binh-đoàn Dugenne lấy lại được Móng-Cái, lập đồn ở Đinh-lập để kiểm-soát con đường Lạng-sơn — Tiên-yên nhưng vẫn có nhiều vụ đột-kích của nghĩa-quân từ Đông-triều đến Móng-Cái.

2) Ngày 18-12-1885 địch mới từ tỉnh-ly Bắc-giang tiến lên chiếm Lạng-sơn. Lúc này nghĩa-quân đang có mặt ở Mẫu-sơn cách tỉnh 30 cây số và tại Pò-Mu. Tại đây địch được sự cộng-tác của quân Thanh bên Long-châu nên ta không hoạt-động mạnh được. Rồi từ Lạng-sơn địch tiến qua vùng

(1) Giáo-sĩ Grand Pie đã báo cho Haitee tin này.

Tây-Bắc lần theo biên-giới đến Bảo-lạc trên thương-lưu sông Gâm. Dịch tiến theo ba giai-đoạn :

a) Chiếm Đồng-dăng ngày 20-12-85, Thát-khé ngày 23-12-85.

b) Chiếm Cao-bằng ngày 30-12-86.

c) Sau đó khá lâu dịch mới lập được đồn-bốt ở Nước-hai, Mô-xát, Trà-lĩnh (tháng giêng 1887), đồn Phú-hòa (tháng 7-1887) và đồn Trùng-khánh-phủ (tháng 10-1887).

Tháng 12-1887, dịch từ Mô-xát đến lập vị-trí ở Bảo-lạc, Bắc-mẽ và xuống vùng Ba-bè. Dịch đã gặp nghĩa-quân trong nhiều trận kịch-liệt. Cho đến 1887, nghĩa-quân còn hoạt-động ở vùng đồng-bằng tỉnh Cao-bằng. Đến 1888 nghĩa-quân yếu phải rút về miền núi Ba-châu, Lư-khu và Ngân-sơn. Cuối 1888 ta lại trở lại vùng đồng-bằng sát tỉnh-ly, tại Cảnh-biên và Âu-lai. Năm 1889 ta lại phải bỏ đi và tiếp-tục đánh địch vào năm 1890-1892-1894. Những trận lớn nhỏ xảy ra tại địa-phương này có tới hàng trăm và địch tốn hại khá nhiều.

Mãi đến tháng 12-1885 binh-doàn Mourlan mới lập đồn được ở Đại-tử (tức xã Hùng-sơn) thuộc tỉnh Thái-nguyễn có ý ngăn nghĩa-quân vùng chợ Chu, chợ Mới dùng địa-diểm này làm bàn đạp tràn xuống đồng-bằng. Luôn từ 1886 đến 1888, Pháp mở nhiều chiến-dịch nhưng không mở rộng được phạm-vi ảnh-hưởng. Mãi tới ngày 17-1-1889, binh-doàn của tướng Borgnis Desbordes mới dám hành quân ra xa, đánh chiếm được Chợ Mới và Chợ Chu vào ngày 2-2-89. Dịch đã huy-động tới 5000 quân chiến-đấu và 1200 phu vận-tải xuất phát từ Thái-nguyễn. Thủ-tỉnh nghĩa-quân ở Chợ Mới là Bá-Kỳ rút vào Khè-Thượng sau khi gày cho địch nhiều tổn-thất nặng nề. Quân tiếp-viện của địch cũng bị chặn đánh tại bờ. Một đạo quân khác của địch gồm 500 lính kéo sang Chợ Chu cũng bị nghĩa-quân phục-kích. Dịch phải rút về Chợ Mới và Thái-nguyễn tính tấn công vào dịp khác.

Trận đánh cuối cùng tại vùng Trung-du diễn ra vào cuối tháng 9-1889 như sau :

**GIAI ĐOẠN HAI**  
9-1889

Borgnis Desbordes tập-trung lực-lượng  
ở Hùng-sơn tinh đánh Chợ Chu bằng  
con đường phía Nam là đường Quán-

Thông, Quán Na chớ không dùng đường sông Cầu, Chợ  
Mới. Hắn lại chuyền 200 quân sang Đông làm nghi-binhh đê  
nghĩa-quân dồn lực-lượng về hướng Tây-bắc. Chuyến này  
địch mang 779 lính Pháp và 278 lính cờ, 37 sĩ-quan xuất-  
phát từ Chiêm-hoa.

Đến Quán-Thông vào ngày 29-1-89, địch đã bị cuộc phục  
kích của Lương-tam-kỳ rồi Lương-tam-kỳ lật-đật rút quân vào  
Linh-dàm bị kế-hoạch của Pháp lung-lạc dữ-dột bởi Tam-kỳ  
đã chỉ đê-phòng con đường sang chợ Mới mà thôi (địch tấn  
công bằng ngả Quán-thông và Quảng-nạp) Tam-kỳ không kịp  
dọn các kho thóc khiến địch tịch thu được cũng là điều  
thất sách lớn. Địch lập được đồn ở chợ Chu rồi rút  
phần lớn quân-sĩ về tĩnh-ly Thái-nguyễn. Xét địch tuy đặt được  
vị-trí ở Chợ Mới và Chợ Chu nhưng các vị-trí này vẫn rất  
có thể bị uy-hiếp bất thắn vì khó tiếp-viện và cùu-viện.  
Pháp xoay qua kế giảng-hòa, nghĩa là chịu nhận quyền  
chúa-tề địa-phương cho Bá-kỳ và Tam-kỳ để lo giải - quyết  
các vùng rối loạn khác. Đến 1895, Pháp thấy Tam-Kỳ thành  
thực qui-hàng nên chỉ đem quân tiêu-diệt Bá-kỳ mà thôi.

Trên đường sông Lô tiến lên Hà-giang, địch mới có  
đóng quân tại thành Tuyên-quang sau khi hòa với nhà  
Thanh. Thiếu-tá Bergounioux đem quân chiếm Bắc-mục, Vĩnh-  
tuy, Chiêm-hoa vào tháng 5-1886 và chiếm được Bắc-quang  
vào tháng 10. Mãi đến 1-9-1887 địch mới có mặt ở Hà-giang.  
Về phía Tây sông Lô tuy địch đã đặt được vị-trí ở Yên-bình-  
xã vào tháng 9 năm ấy nhưng rồi lại bỏ đi cho tới 6 năm  
sau địch mới tái lập căn-cứ.

Xét các việc kể trên thi từ 1885-1890 vùng Bắc và Đông-  
Bắc dàn chúng được tương-đối tự-do, dù địch có đặt được  
đồn bốt nhưng không kiềm-soát được xa rộng, một phần  
cũng do Đông-Bắc Bắc-kỳ có nhiều rừng núi hiểm-trở. Từ

1890 phong trào Kháng Pháp ở vùng này bốc cao như phong trào Đốc-Ngữ ở Hưng-hóa, Hòa-bình.

Địch cũng rất mệt mỏi với Hoàng-đình-Kinh tại Bắc-sơn. Nghĩa-quân kiềm soát con đường Bắc-giang — Lạng-sơn là cỗ họng của vùng Trung-du lên vùng Đông-Bắc. Cai-Kinh dẫn 400 nghĩa-binh năm 1886 hãm đồn Thanh - Muội (31-5). Địch phải lấy quân Lạng-Sơn xuống tiếp-viện. Cai Kinh rút về đánh vùng Bắc Phủ-lạng-Thương. Địch lại làm lối bao vây ta bằng một hệ-thống đồn, bốt và không dám xông vào vị-trí của ta mà chúng thấy rất nguy-hiểm do sự che-chở của rừng núi. Địch liền đóng quân ở Võ - nhai, Mô - ngãi, Phó-binh-gia và Hương-giao rồi từ Lạng-Sơn, Thát-Khở, Tin-Đạo và Thái-Nguyên chúng ào-ạt đánh vào Bắc-Sơn. tinh cắt hết đường liên-lạc giữa Cai-Kinh và biên-giới. Đại-tá Dugenne vốn nổi tiếng là tàn ác đã chết vào tháng 12 năm 1887 trong chiến-dịch này, nhưng Cai - Kinh bị phục-kích trong tháng 7-1888 khi ông rút qua biên-giới. Ông bị bắt và bị xử-tử vào ngày 6-7-1888. Đồng-bào căm thương người chiến-sĩ ấy bằng cách đặt tên giải núi ông từng đóng quân là giải núi Cai Kinh.

## CHƯƠNG II

### CHIẾN SỰ TẠI VÙNG ĐỒNG BẮC-KỲ

#### CUỘC KHỞI NGHĨA BÃI SẬY

Tại đồng - bằng Bắc - kỳ, nơi kháng Pháp mạnh nhất là khu Đông-triều (Hải-dương) nếu so-sánh với các địa phương khác vào tháng 6-1885 (Đó là nhận xét của Chabrol tác-giả cuốn *Les Opérations du Tonkin*). Nhiều người đã nghĩ rằng một khi nói đến cuộc chống xâm-lăng ở Bắc-kỳ thì phải nói đến cuộc khởi-nghĩa Bãi-sậy trước hết. Thật ra Bãi-sậy chỉ là chốn tạm-trú khá hiềm-trở của nghĩa-quân một vài huyện đã bị địch đàm-áp quá mạnh. Trong hai năm 1885 và 1886 địch mở ráo-riết các cuộc càn-quét nên đã làm tê-liệt gần hết mọi cuộc quấy phá của nghĩa-quân nhiều nơi trừ vùng từ-giác nằm trong phạm-vi sông Hồng-hà sông Thái-binh, sông Luộc và sông Đuống. Tại đây địch vấp phải cuộc chống trả của Tân-lý quân-vụ Nguyễn-thiện-Thuật, một cộng-sự-viên rất hăng-hái của Hoàng-tá-Viêm trước đây. Cụ Nguyễn lấy Bãi-Sậy làm cứ-diểm và tiếp-tục chống Pháp mặc dầu triều-đình Tự-Đức đã ký giấy đầu hàng Pháp, chịu rút quân đội ở các nơi về. Đáng lẽ cụ phải lèn đường về Kinh-thì cụ tạm lánh sang Long-châu (Trung-quốc) nghe ngóng tình thế. Khi hịch Cản-vương được phổ-biến ra Bắc, cụ vội trở về tuyên-mộ binh-sĩ lấy vùng Bãi-Sậy làm vị-trí.

Bãi-Sậy trước đây cũng là một vùng đồng ruộng nằm trong phạm-vi mấy huyện Văn-giang, Khoái-châu và Mỹ-hào thuộc tỉnh Hải-dương. Bãi-sậy trở nên một miền hoang-vu đầy lau sậy um-tùm như rừng rậm do dưới triều Tự-Đức quan lại bất-lực để Văn-giang vỡ đê 18 năm liền. Nhờ vị-trí của nó. Bãi - sậy đã khống - chế được mọi trục giao-thông quan-trọng giữa Trung - châu Bắc - kỳ như quốc-lộ số 5 giữa

Hà-nội, Hải-phòng, Hải-dương và quốc lộ số 39 giữa Hà-nội, Hưng-yên, Thái-bình. Dân chúng ở vùng này từ lâu bị đói khát nên phải tha phương cầu thực, một số đã phải trú ẩn ở đây làm nghề cướp bóc. Trước Tân-lý họ Nguyễn, vùng này đã thành khu an-toàn cho một lanh-tụ nghĩa-quân là Đồng-Quế xuất-phát từ đó mà đánh Hải-dương, Bắc-ninh, Hà-nội, khi thua thì rút về Bãi-Sậy nương-náu. Đến cự Tân Nguyễn, cự tập-trung quân đội chốn này, đặt liên-lạc với Tạ-Hiện ở Thái-bình và Đốc Tít ở Đông-triều. Một thời do những trận đánh mãnh-liệt của nghĩa-quân, Bãi-Sậy đã được lừng danh là một địa-phương kháng-dịch mạnh nhất.

Cự Nguyễn cho làm các giao-thông hào ra ngoài vùng lân-cận, lấy rừng lau rậm-rạp để che đậy các cuộc chuyền quân và đặt cạm bẫy để địch xa xuống. Các làng mạc gần gửi Bãi-Sậy đều nằm trong vòng kiềm-soát và ảnh-hưởng của nghĩa-quân. Đồng-bảo các thôn trang cũng tích-cực ứng-hộ quân ứng-nghĩa rất nhiều, nhờ vậy nghĩa-quân Bãi-Sậy hoạt động rộng ra mấy tỉnh kề trên (Hưng-yên, Hải-dương, Bắc-ninh, Bắc-giang và Lục-nam).

Lúc này nhiều lanh-tụ nghĩa-quân ở các địa-phương khác, một phần là văn-thân, một phần là những thảo-dã anh-hùng, giang-hồ hảo-hán tự xưng Đề-nẹ, Lãnh-kia đến liên-lạc với Bãi-Sậy. Xin kể một vài vị như: Cử-nhân Nguyễn-Đức ở Hải-dương, Lãnh Giang và Hai Kế ở Bắc-ninh và Đáp-cầu, Lưu-kỳ ở Lục-Nam, Đốc Tít ở Hai-sông (Quảng-yên) Đề Quý ở Hải-dương và Hải-phòng v.v...

Năm 1885 Pháp mang 5 binh-đoàn càn quét rất dữ khắp nơi, phong trào kháng Pháp tại nhiều vùng đồng bằng có phần suy-giảm trừ vùng tứ-giác.

Từ tháng 2 năm 1886 đến tháng 2-1887 địch đã phóng ra 4 binh-đoàn do bọn Rouchaud và Fouquet, Bellemare và Bazinel, Pyot chỉ-huy càn quét kinh-khổng khắp nơi. Tại huyện Văn-giang, Khoái-châu và Mỹ-hòa (hồi đó Hưng-yên

thuộc Hải-dương), tướng Négrier mang đại-quân đến Hưng-yên đàm-áp dân-chúng địa-phương rất dã-man, người ở xa thì chúng bắn, người gần cứ lưỡi lê chúng đậm không tiếc tay. Một thời riêng hai huyện Văn-giaiang và Yên-mỹ trong ba tháng cuối năm 1889 phải sống trong làn không-kì khủng bố của ba binh-đoàn do Négrier và Godart chỉ-huy. Chúng dùng lối đánh «cày di bùa lai» tính tiêu-diệt quân Bãi-Sậy đến gốc rễ và như vậy ta rõ chúng hờn ghét quân Bãi-Sậy đến thế nào. Quân Bãi-Sậy vẫn cứ hoạt động trên các nẻo đường Hà-nội, Bắc-ninh Hà-nội, Hải-dương và Nam-định. Địch dùng cả đường thủy và đã thừa đêm 10-8-1885 bắt thình-linh đánh vào làng Canh-nông là một cứ-diểm khá quan-trọng của nghĩa-quân. Ta và địch kịch-chiến cả ở Mão-cầu (thuộc huyện Ân-thi), bè khát địch cho quân càn quét từ sông Luộc lên Hưng-yên. Tán-Thuật nhiều phen xuất quỷ nhập thần nhờ ở sự ủng-hộ của nhân-dân, còn địch không sao lấy được tin-tức về nghĩa-quân vì nhân dân không ai chịu cho chúng khai-thác mặc dầu có phen chúng đã thẳng tay chém giết nhiều người.

Năm 1886, quân Bãi-Sậy còn mạnh tuy bị địch tấn-công nhiều lần. Ngày 27 tháng 9 năm ấy, nghĩa-quân tiến đánh Bàn-yên-nhân và tháng sau nghĩa-quân giả làm phu khuân vác đánh úp đòn Quỳnh-lôi trên hữu-ngạn sông Luộc cướp được một sò súng đạn của địch. Tháng 12 năm ấy binh-đoàn Bazinet bị ta đánh ở Lạc-đạo, Kê-sắt, Cư-yên, Công-hà, Đại-tử và tổn thất nặng. Các xã này sau bị giặc đốt sạch vì không chịu cho chúng tin tức.

Ngày 10-7 hơn 1.100 nghĩa-quân đến công-kích đòn Đông-triều sau khi bày kế dụ được địch rời một số quân đi trấn áp một căn-cứ khác. Địch và ta đánh nhau kịch-liệt và tuy địch ít, nhưng chúng có hỏa-lực mạnh của trọng-pháo nên ta thiệt hại khá nhiều.

Năm 1888 nghĩa-quân lại quật-khởi. Đêm 1-2-1888 có 200 nghĩa-quân vào chợ Tống-long. Đêm 25-3-1888 một lãnh tụ của ta tiêu-diệt hoàn toàn được đòn Bình-phủ thuộc Hưng-

yên (Hải-dương). Năm trăm nghĩa-quân hoạt - động ở vùng sông Cà-lồ. Hai trăm giao-chiến với địch cách đòn Hà-châu (Hung-yên) 2 cây số.

Ngoài ra cũng nên kể những trận thôn-trang-chiến hay tao ngộ-chiến rất dữ-dội như trận Đông-nhu, Vũ-xá do Đốc-Cop chỉ-huy bắn trọng-thương hai sĩ-quan Pháp là Leglée và Aubert cùng sát hại được nhiều quân địch, trận Hoàng-Vân do Đốc-Sung điều-khiển đã hạ được sĩ-quan Escot, những trận Đào-thuế, Quảng-xá, Điều-nha, Ngô-phan (1) đã làm nỗi danh các tướng Lãnh Hiền, Đốc Bân, Đốc Cop, Đề-Vinh tuy phần chiến thắng về địch. Chúng ta còn phải ghi việc tiêu-diệt đòn Bình-phú ngày 6-4-1889 của Đề Vinh cũng là một chiến-công lớn-lao của Bãi-sậy.

Cuộc khởi-nghĩa Bãi-Sậy kéo dài được 5 năm, lập được nhiều thành-tích. Các tướng sĩ có công là Lãnh Hạ, Lãnh Đề, Lãnh Chiêu, Lãnh Bá, Lãnh Văn, Lãnh Quý, Lãnh Quỳnh, Lãnh Phá, Lãnh Hải, Lãnh Hièm, Đốc Sung, Đốc Bân, Đốc Tính, Đốc Suất, Đốc Mỹ, Lãnh Điều v.v...

Kháng-chiến Bãi Sậy chống Pháp và triều - đình Huế đến cùng và vào những ngày tàn vẫn cương-quyết từ chối lời dụ hàng của Kinh-lược Hoàng-cao-Khai. Quả vậy, họ Hoàng đã nhân danh Nam - triều hứa sẽ khôi-phục lại chức tước uy-quyền cho Tân-lý Nguyễn-thiện-Thuật. Nhưng cụ Nguyễn đã phê: *bắt kháng thù chi*. Sau đó không còn đủ sức kháng địch cụ rút qua bên kia biên-giới lần nữa vào khoảng giữa năm 1889 là lúc nghĩa-quân tan rã ở nhiều nơi. Tuy vậy, phong-trào khởi-nghĩa chưa tắt hẳn vì tới năm 1891 Toàn quyền De Lanessan còn phải tuyển-bố : « *Cái gì thống-trị vùng đồng bằng đầu năm 1891, đó là quân khởi-nghĩa* ». Tại đây, xin lưu ý bạn đọc: địch cũng vẫn theo lối hèn nhát là dò xét mò mả cha mẹ của cụ Tân-Thuật tính đào lên theo lời bọn Việt-gian, nhưng dận chúng không ai chịu mánh bão. Trong thời gian thực hiện chương-trình bình - định của Bảo - hộ, Hoàng-cao-Khai khi ấy

(1) Các trận này đều khai diễn trong phạm-vi tỉnh Hưng-yên.

lĩnh-chức Tông-đốc Hải-dương kiêm Khâm-sai đại-thần cộng tác với quân Pháp đàn-áp nghĩa-quân rất dữ-dội. Ngày nay nhân dân Bắc-kỳ không sao quên được Hoàng-cao-Khai trong việc giết hại đồng-bào cũng như bà con Trung-Nam-Việt muôn năm còn nhớ Nguyễn-Thân và Trần-bá-Lộc là những kẻ đã nhúng tay vào cả máu của đàn bà trẻ nít để tỏ lòng khuyễn mã với chủ mới.

Ngoài cuộc chiến-đấu của Tân-lý Nguyễn-thiện-Thuật một nhóm nghĩa-quân khác cũng hoạt-động rất hăng ở vùng kế-cận Hải-dương, lấy làng Phương-Điền (huyện Gia-lộc) làm căn-cứ. Người cầm đầu nhóm này là Nguyễn-đức-Hiệu tức Đốc Tít. Ngày 30-8-85 Pháp đem một đại-đội đến tấn-công, tàu chiến của Pháp có trọng-pháo yểm-hộ cho lục-quân tiến lên. Đôi bên đều thiệt hại nặng. Căn-cứ vững nhất của nghĩa-quân là Trại-sơn thuộc địa-phận Quảng-Yên có núi dựng, có rừng rậm, có khe đá, ba con sông chạy quanh: Sông Định-thầy, Sông Hán và Sông Con).

Năm 1884 Đốc-Tít đã nổi danh tại đây vì đã tiêu-hao được một tiêu-đoàn địch. Tháng 11 năm 1885 Đại-úy Falcon và Đại-úy Faure đem nhiều quân hơn, kèm pháo-bin và pháo thuyền đến bao vây và tiến từng bước. Cuộc-giao phong kéo dài 12 ngày rồi Đốc Tít rút hết 600 quân đi nơi khác. Cuộc phong-tỏa của địch có thè nói là thất-bại, xin nhắc trong trận này đôi bên giành nhau từng khe-núi, từng bụi rậm làm chỗ thủ-hiểm. Tuy mất Trại-sơn từ 5 năm Đốc Tít vẫn giữ vững cù-lao Hai sông. Hoàng-cao-Khai cùng với Pháp đem 1.500 quân và pháo-thuyền v่าย đánh suốt mùa mưa năm 1889 nhưng vẫn không thắng-lợi. Lúc này Pháp và Hoàng-cao-Khai được một lĩnh-tụ kiệt-hiệt của vùng đồng-bằng là Đội-Vân ra hàng sau khi đã đo gươm thử súng với chúng suốt ba năm ròng. Chúng không ngờ Đội-Vân ra hàng chỉ để lấy súng đạn của Pháp mà thôi nên đã tập-trung cuộc công-phá vào vùng Bãi-Sậy, vùng sông Cà-lồ và phủ Vĩnh-tường.

Ngày 11 và 12 tháng 9 năm 1989 Đốc Tít đem quân tấn-công đồn Uông-bí và vào cuối tháng 9 nghĩa-quân đột-

kích các đòn địch ở Bắc-giang và đòn Lầm, An-châu, Bình-hội v.v...

Đốc Tít nhân lúc Pháp mở hành-quân vào khu Bãi-Sây đột-kích vào tỉnh Hải-dương đêm 23-7-1889 và tấn-công cả đòn Thuận-thành sau khi đánh được nhiều tàn quân địch trên sông Kinh-thầy, cướp được khá nhiều quân-nhu, đạn-dược.

Năm ấy ta mất mùa, phong-trào nghĩa-quân từ tả ngạn sông Hồng lên đến Trung-du (Tam-đảo, Bắc-giang, Đông-triều) mạnh hơn hết thảy bao giờ. Quân ta đang chiến đấu mạnh khắp mọi nơi nhưng rất không may lúc này Đốc Tít bị sa vào lưới giặc (1).

Đốc Tít lúc ấy đóng quân ở một địa-diểm gần hai xã Mai-động và Quý-khê (thuộc tỉnh Hải-dương) và Đông-triều. Tân-lý của Nam-triều là Cao-xuân-Dục và Đào-trọng-Kỳ đem quân chặn đường ra vào và đường sau lưng của nghĩa-quân. Đường này bị bít, nghĩa-quân không có lối chạy vào vùng rừng núi Đông-triều. Còn một đường ra sông thì có ngụy Tán-tương Nguyễn-hữu-Vinh ngăn cản. Vinh lúc này đóng quân ở xã Dương-Đông. Đại quân của Hoàng-cao-Khai giàn trước mặt quân của Đốc Tít có 10 chiếc pháo-thuỷền của Pháp ứng-trợ.

Nghĩa-quân bị vây ở đây cả tháng rồi, không sao phá được vòng vây. Dịch gửi Lê-phụng-Hiếu, một thủ hạ của Đốc Tít đã ra hàng Pháp để chiêu-dụ. Đốc Tít hẹn một tháng sẽ ra. Hoàng-cao-Khai không chịu, sau Đốc Tít chỉ xin 15 hôm. Đáng lẽ Khai thuận, nhưng lúc này có tên Trần-đức-Phong ra thú cho tin nghĩa-quân đã hết cả đạn-dược tuy còn 200 quân và 126 cây súng, Khai liền bắt chết. Đốc Tít không còn cách nào khác nữa đành phải cùng Trung-quân Nguyễn-hữu-Lan hạ khi-giới. Hoàng-cao-Khai liền đem Đốc Tít về nộp Pháp. Theo báo cáo của Trần-lưu-Huệ, nghĩa-quân của Đốc Tít đã

1) Bài tràn-thuật này được kè theo bản báo cáo của Trần-lưu-Huệ, quyền Kinh-lược-sứ Bắc-kỳ thuở đó gửi cho Thống-sứ Pháp ở Bắc-kỳ, đe ngày 7 năm Thành-Thái thứ nhất.

hung-cứ vùng Đông-Bắc Bắc-kỳ suốt bầy tám năm và đánh bại quân-đội của ngụy-quyền Bảo-Hộ nhiều phen. Từ nay cuộc kháng Pháp ở miền đồng bằng tàn lụi trông thấy, nhưng bên kia núi rừng Yên-thế, một ngôi sao đã hiện ra, ngôi sao của người thảo-dã anh-hùng Hoàng-hoa-Thám bắt đầu sáng rực và Pháp đã phải vô cùng nhọc-nhằn, lao-đao nhiều năm trong việc đàn-áp những người dân Việt-Nam ái-quốc luôn luôn vùng dậy chống quân xâm-lược.

Sau vụ này Pháp thưởng cho Cao-xuân-Dục hàm Tuần-phủ, Nguyễn-hữu-Vĩnh hàm Bổ-chánh và mỗi tên còn được ân thưởng một chiếc Long-bội-tinh. Riêng Hoàng-cao-Khai được nghỉ hai tháng đê về vinh-quy bái-tồ vì đã có công giết được nhiều đồng bào đồng-chủng, cho mát lòng hả dạ các « quý quan đại-hiến Pháp ».

Tuy vậy cái vui của Pháp và của bọn cầu-tầu vẫn chưa được trọn vẹn. Pháp yên được với Đốc Tít thì lại bị Đội Vân quay súng chống mình, sau 8 tháng trả hàng. Đội Vân một thời đã khét tiếng anh-hùng tại vùng sông Đuống. Vào ba tháng cuối năm 1888 Pháp đã phải phóng liên-tiếp ba binh-đoàn (Sitzer, Montgouillot và Servière) ra đàn áp nghĩa-quân. Nhiều trận lớn xảy ra ở đây vào tháng 7-1888. Nghĩa-quân cắt đứt mọi liên lạc của địch trên đường Bắc-ninh, Hải-dương dồn nhiều binh đội đến tận Phủ Tứ-sơn, đến đóng ở làng Quan-độ Ngày 23-7, 500 nghĩa-quân đã đánh tan lực - lượng Pháp do 2 Trung-úy Teyssandier và Laubarède chỉ-huy từ Bắc-ninh tới. Ngày 10-10 đòn của địch ở Lang-tài cách tỉnh Hải-dương 6 cây số về phía Tây bị nghĩa-quân tấn-công. Ngày 11-11 trong trận Sài-trang (thuộc huyện Mỹ-hào tỉnh Hưng-yên) nghĩa-quân giả làm thợ gặt đã tiêu-diệt hoàn-toàn toán quân đi tuần-tiểu của sĩ-quan Pháp tên là Ney trưởng-đòn Dương-hòa (Hưng-yên), nghĩa-quân suýt bắt được tên phản - quốc Hoàng-cao-Khai trong dịp này. Ngày 28-11 nghĩa-quân mặc quần áo lính cơ vào chiếm đòn Núi Voi (gần Hải-phòng) rất ngon lành vì địch bị lừa. Ta không phi một viên đạn nào cả. Cũng vào lúc ấy Đội Vân đánh bến đò sông Đuống vào đêm hôm trước. Đêm 2-12-1888, 400 nghĩa-quân hạ được 2 đòn địch là Tứ-ký và Yên-phương cách tỉnh Hải-dương 12 cây số về phía Nam...

Ngày 17-9-1888, Đội Vân có được 500 quân lính và có đủ súng đạn Pháp đã trao cho. Cùng trong giai-đoạn này một số Lĩnh tụ nghĩa-quân như Lãnh Giới, Lãnh Giám, Lãnh Thiết, Xuất-Lý, Lãnh Bôi v.v.. là thủ-hạ của Đội Voi trước đây vì lẽ này hay lẽ khác đã ra hàng giặc, đều kéo quân về chiến khu, tất cả có được trên 1.000 người vũ-trang đầy-đủ vượt sông Đuống sang nhập với nghĩa-quân Yên-thế. Trước sự bất ngờ này Pháp phải rút các toán quân nhỏ về để tập-trung thành đạo quân lớn. Không may lúc này Đội Vân bị bệnh nặng. Mấy Cha-cố ở Bắc-ninh được tin và biết chỗ cư-trú của ông nên đã báo giặc đến bắt. Đội Vân bị dẫn về Hà-nội và bị xử-tử vào ngày 7-11-1888 ở gần hồ Hoàn-kiếm.

---

### CHƯƠNG III

## CUỘC CHIẾN-ĐẤU CỦA ĐỒNG-BÀO NÔNG-DÂN YÊN-THẾ

**TỪ ĐÈ NAM ĐÉN  
ĐÈ THÁM  
(1889 — 1990)**

Với những trang trên đây, chúng tôi đã trình bày cùng các bạn đọc tình hình chung về các cuộc khởi-nghĩa ở Bắc-kỳ đã ăn nhịp với các phong trào kháng Pháp ở miền Trung. Các cuộc khởi-nghĩa này tuy có mãnh-liệt nhưng vẫn không đủ sức kéo dài sau một vài năm hoạt động, rút cục cũng theo số phận của các phong trào miền Trung vậy. Nay chúng tôi cũng giới-thiệu vài cuộc khởi-nghĩa khác ở Bắc-kỳ có nhiều điểm đặc-sắc một thời đã làm tiêu-hao rất nhiều lực-lượng của thực-dân Pháp trong khi các cuộc chiến-đấu khác chỉ còn ít nhiều vang bóng để chìm dần vào dĩ-vãng.

Dưới đây là cuộc khởi-nghĩa Yên-thế luôn ngót 30 năm khiến Pháp phải điên đầu, héo ruột. Cuộc khởi-nghĩa này có điều đặc-biệt là tuy vẫn có tính-chất Cần-vương nhưng từ các vị lĩnh-tụ đến các cấp dưới đều là nông-dân thuần-túy. Cuộc khởi-nghĩa Yên-thế đã ngăn-trở rõ ràng công-cuộc bình-định của Pháp nhất là chương-trình khuyếch-trương kinh-tế của chúng ở một phần đất Việt-Nam nhiều rùng ruộng và khoáng-sản.

Quả vậy, do nghị-định tháng 9-1888 nguy-quyền thuộc-địa cho phép bọn Tư - bản, tài-phiệt Pháp tha hồ bỏ vốn để chiếm-lĩnh và khai-thác các hoang địa ở Đông-duong. Bọn địa-chủ Pháp đã lợi-dụng được ưu-thế chánh-trị và quân sự của chúng nên đã lập ra những khu đồn-diền thẳng cánh cò bay bằng những vùng đất của các miền Trung-du mà dân chưa canh tác, nếu như vậy thì cũng không nói làm gì, trái lại chúng còn

sát-nhập bừa-bãi và trắng-trợn cả ruộng đất của dân-chúng bị ly-tán vì chiến-tranh, vì mất giấy tờ hoặc chưa hợp-thúc-hóa trên sổ sách bởi nhiều lý-do khác nhau. Rừng-rậm, núi cao, những đồng bãi mènh-mông lẩn lượt nằm trong bản-đồ khai-thác của chúng tại các cơ-quan công-quyền rồi chúng đợi nhân dân mở mang trồng-trồng xong liền xuất-trình giấy phép ra thi-hành gấp quyền sở - hữu, do đó dân chúng trở thành nông - nô của thực-dân bởi họ không thể nhất đán rời bỏ những mảnh ruộng đất mà ông cha họ đã nhỏ mồ-hôi nước mắt từ nhiều đời. Đây cũng là một trong nhiều lý - do khiến đồng-bào các vùng Thượng-du, Trung-du đã tiếp tay cho quân khởi-nghĩa nhiệt-liệt không kém các đồng-bào miền đồng-bằng đã đồ khà nhiều xương-máu từ trên hai chục năm trước (tức là từ trước hai cuộc đánh Bắc-kỳ của F. Garnier và H. Rivière) Cuộc chống Pháp ở Yên-thế kéo dài được bở thêm một yếu-tố nữa : hiềm-thế của rừng núi mây tinh Bắc-giang Thái-nguyên, Vĩnh-Phúc Yên, Lạng-sơn và chi-khi quật-cường của đồng-bào ở đây (1) v.v... Các vùng này bấy-giờ hãy còn ngào-ngạt mùi thuốc súng của các thò - hào liên-liếp nồi lên kháng Pháp trước đó là Hoàng-dinh-Kinh tức Cai-kinh ở Hữu-lũng và Lạng-sơn, Đè-Nam, Đè Công Đè-Dương, Đè-Thảo, Đại-Hả, Đè-Phúc, Thống-Luận vv... Yên-thế thuở ấy được các tập - đoàn nghĩa - quân từ các miền xa đến qui - tụ và thường phối-hợp với nhau sau khi không chống nổi được cuộc đàn-áp mãnh-liệt của địch. Các tập-đoàn này thấy Yên-thế có nhiều địa-diểm thuận lợi cho hoạt-động của mình và cuộc kháng Pháp ở đây đang có nhiều triển-vọng,

*TRẬN CHỢ BUÔN*

Vào năm 1889, dưới con mắt của bọn Thực-dân Pháp, Bắc-ninh và Bắc-giang là những khu-vực rối - ren rất nhiều. Các lĩnh-tụ nghĩa-quân thường là các thảo-dã anh - hùng hay là các hào-mục

(1) Ngạn-ngữ có câu : Trai cầu vòng Yên-thế, gái Nội-duệ cầu Lim dè ca-ngợi linh-thần quật-cường của đồng-bào miền này (thuộc Bắc-ninh và Bắc-giang).

nông thôn nồi lèn chống Pháp như Đốc Tiếu, Đốc Nghị, Tông-Bưởi (1) v.v.., tự phong cho mình các chức Đề-đốc, Lãnh-binh để có uy-tín với dân. (Trước đó đã có phen đại-diện chánh quyền Hàm-Nghi đặt cho họ các danh-hiệu và chức tước). Ngoài ra còn có một số binh tướng cũ của Thanh-đình dưới quyền Lưu-Kỳ không chịu giải-giới sau Hòa-ước Thiên-tân đến gia-nhập nghĩa-hội của các linh-tụ kè trên. Tông-số nghĩa-quân thuở ấy theo sự kê-khai của Pháp có khoảng 1.000 người vũ trang đầy-dủ. Dân-chúng có nhiều cảm-tình với họ và ủng-hộ họ. Họ lấy miền Đông-Bắc Bắc giang có núi Bảo-dài làm cứ-diểm và do nơi này nghĩa-quân tràn khắp vùng Trung-du rộng lớn. Nghĩa-quân kiêm-soát được địa-bàn này thì uy-quyền của Pháp dĩ-nhiên chỉ là cái bóng mờ, hay gần như vô nghĩa. Vai trò kháng Pháp nỗi nhất ở vùng này là Đè-Nam tuy thủ-lãnh là Bá-Phúc (2).

Bảo-dài từ lâu đã thành cái gai trước mắt bọn thực-dân nên vào tháng 8 và tháng 9-1889 ba đoàn quân Pháp đã thành ba mũi dùi chĩa vào nó. Đoàn Pretet có 350 tay súng đi từ Lầm lên Bắc-lệ với nhiệm-vụ chặn đường rút lui của quân khởi-nghĩa ; Đoàn Pegna có 250 tay súng từ Kép tiến đánh nghĩa-quân ở Bảo-lộc có ý dồn nghĩa-quân vào họng súng của đoàn Pretet ; Đoàn thứ ba giữ phần phục-kích ở phía Bắc đường quan ngăn nghĩa-quân triệt-thoái về Thái-nghuyên. Thêm vào, còn một lực-lượng nữa là thủy-quân giữ sông Lục-nam bằng pháo-thuyền không cho nghĩa-quân hành-binh xuống đồng-bằng.

Kế-hoạch này được thi-hành vào 25-8. Địch lục soát các làng trên núi tại Bảo-lộc, chỉ gặp các doanh trại bỏ không. Chúng hỏi tung-tích nghĩa-quân thì dân-chúng bao giờ cũng trả lời không biết hay không thấy. Ba hôm sau đoàn Pegna lẩn theo con đường mòn bên suối mới tiến vào khoảng 500 thước thì lọt vào ổ phục-kích. Nhiều kẻ chết và bị thương trong có hai Trung-úy địch là Montera và Bonnafous. Địch vội lôi các xác chết và các thương-binhl rút ra ngoài những

2) Histoire militaire de l'IC trang 190.

1) Đốc đây có nghĩa là Đốc-binh.

chưa kịp lùi xa lại bị đánh chập nữa. Lần này địch bỏ hết chạy về làng Mạnh vì không chống nổi cuộc cận-chiến của nghĩa-quân. Ngày 31-8 tại Đèo Quán hai bên lại gặp nhau. Cuộc xô-xát rất kịch-liệt rồi ba hôm sau địch tập-trung lực lượng đánh vào làng Thượng-lâm là một làng có tờ-chức và phòng-thủ đầy đủ để chiến đấu. Hai trăm năm mươi nghĩa quân núp sau hai hàng rào tre. Trung-úy Chavy vừa hô quân xung-phong thì bị trúng đạn chết liền, kế Đại-úy Nourichel và hai Trung-úy khác cùng nhiều binh-sĩ. Sau thắng-lợi này, nghĩa-quân rút ngay; địch vào chiếm được làng, giận lắm đốt mọi nóc nhà và giết những người chưa chạy thoát. Trận đánh kết-liễu vào 20-9-1889.

### *TRẬN LÀNG LẠI*

Yên-thế từ lâu là căn-cứ của Đè Nam nằm ở hữu-ngạn sông Thương về phía Bắc, Bắc-giang. Mãi tới 1889 quân-dội thực-dân vẫn chưa bén mảng đến nơi này.

Ngày 18-9-1889 địch phái Đại-úy Gorce đem khá nhiều lính khổ xanh và lính tặc từ Bắc-giang vào đánh làng Sắt. Tại đây nghĩa-quân có 250 chiến-sĩ. Hưởng ứng lời kêu gọi của nghĩa-quân Yên-thế, tàn-quân của Đội-Vân bấy giờ mất tướng chỉ-huy liền chạy qua hàng ngũ của Đè Nam đem theo cả vũ-khi. Biến-cố này làm cho địch lo ngại không đủ sức đối phó, chúng phải rút ngay về Tĩnh-ly. Sau vụ Đội - Vân làm phản, Đội - Voi, Lãnh-Giới, Lãnh-Giám, Suất-Lý, Lãnh-Thiết, Lãnh - Bôi v.v... thuộc lực-lượng của Tổng-đốc Hoàng-cao-Khai ở Hải - dương cũng kéo một số lính tặc vượt sông Đuống lên Yên - thế. Lúc này một lính-lụ khác là Đè Thám (tức Hoàng-hoa-Thám) đang hùng - cứ ở Nhã-nam. Nghĩa-quân chiếm lại Bảo-dài và tiêu-diệt các đoàn vận-tải của Pháp từ Tĩnh-ly đi các nơi.

Vào hai mùa thu-đông năm 1890-1891, Yên-thế và Yên-tử trong hai tỉnh Bắc-giang và Bắc-ninh là hai cứ - điểm chính của nghĩa-quân. Tại Yên-thế Đè Nam có 400 đồng-chí nhưng thường-xuyên dưới cờ chỉ có 114 còn 314 được về làng lo việc làm ăn, sản-xuất. Các chiến-hiệu này đều là nông-dân

ái-quốc bao giờ cũng sẵn sàng trở lại hàng ngũ khi có lệnh động-bin. Số súng có chừng 400, tương đối đủ dùng và số đòn lũy cũng lập được ở các nơi cần-thiết. Tại Yên-tử nghĩa-quân đóng sang tới Quảng-yên là miền Đông Bắc-ninh, Bắc-giang. Cai Biều đóng quân giữa Bảo-dài và Yên-thế kiềm soát được mọi hoạt-động của địch theo dọc sông Thương đến Đáp-cầu.

Không dám coi thường nghĩa-quân, Toàn - quyền Đông-duong và Bộ Tòng chỉ-huy quân đội viễn-xâm đã cử tướng Gedin mang đại-quân đến Yên-thế vào mùa thu 1890. Rồi địch phái ba đoàn quân của ba Thái-nguyên, Bắc-ninh và Bố-hạ (Bắc-giang) nhắm vào Cao-thượng mà tiến. Tòng-số quân đội địch tung ra lực này là 800 người, đại-bác sơn-pháo có 5 khẩu, pháo thuyền có 2 chiếc. Mùa xuân và mùa hạ năm trước địch đã xông vào vùng này nhiều lần với mọi sự cố-gắng, rút cục vẫn bị đẩy lui. Ngày 6-11 nhờ có pháo-binh giúp sức hai đạo quân địch từ Thái-nguyên và Bắc-ninh đến tạm chiếm được Cao-thượng nhưng chết hại khá nhiều. Cả bọn xuất-phát từ Bố-hạ đến, tinh-tập-kích nghĩa-quân trên đường lui binh cũng bị quân du-kích của ta gây tổn-thất. Lần này chúng cẩn-thận hơn; chúng chiếm Nhã-nam, lấy nơi này làm điểm tựa rồi đem quân tung dần ra ngoài nhiều ít tùy theo tình-thế. Chúng vẫn không đánh bại được quân chủ-lực của ta lại còn thiệt mất một Trung-úy sĩ-quan tùy viên của chủ-tướng. Tháng chạp năm ấy Thiếu-tá Tanneur mang 250 lính và 1 đại-bác lần theo dọc sông Thương mà lên phía Đông-Bắc bị thua đậm ở Hữu-thượng. Y cũng không vào nỗi làng Hữu-nhuế mặc dầu có mở cuộc tấn-công vào ngày 11-12; Tình-trạng này làm cho địch uất-giận hết sức nên Đại-tá Winckel và Thiếu-tá Mayer được phái đến tăng-cường cho Tanneur vào ngày 22-12-1890, mang 600 lính và 4 đại-bác trở-lại Hữu-nhuế. Quân ta và Pháp đánh nhau, luôn ba tiếng trong rừng rậm. Người ta không thấy đâu là lối vào cũng như lối ra. Hỏa-lực của địch ào-ạt như gió bão. Tuy vậy, nghĩa-quân vẫn chiến đấu bình-tĩnh khiến địch phải ngạc-nhiên. Họ không rời vị-trí; các công-sự ở đây rất kiên cố. Địch xung-phong ba lượt liên-tiếp đều vô-hiệu, xét ra

tử quan đến lính của họ cũng hết sức ghen dạ. Bọn này thuộc quân tǎ-đực của Tanneur và do chính Tanneur điều khiển có ý báo thù cho cuộc chiến-bại ít ngày trước. Số tồn-thất thấy qua nặng-nề (Trung-úy Blaise và 50 lính tử trận) và không có hy-vọng vật ngã được nghĩa-quân, địch nuốt hận trở lại Nhã-nam đợi lệnh mới sau khi tưới dầu lửa đốt rừng để đón đường về. LA, August 27, 2017

Qua năm sau vào ngày 9 tháng giêng 1891 Đại-tá Frey đến thế cho bọn Tanneur và Winckel mang 1300 lính đủ các loại và nhiều đại-bác, súng cối mở cuộc bao vây làng Núra và bắn ào-ạt luôn mấy tiếng đồng hồ, tính mở đường rừng để tiến vào vị-trí của ta nhưng chúng vào đến nơi chỉ thấy đòn trống. Chúng trở ra thì quân ta đã lén tới nấp sau các công-sự đón chúng bằng những loạt đạn rất gần nêu rất trúng. Xác người đồ xuồng như cây trút lá trong có Đại-úy De Guingé, Trung-úy Brezzi.

Mặc dầu hại phen thắng lớn nhưng Đề Nam vẫn nhận thấy rằng cần bảo tồn ráo riết quân chủ-lực, cọ-xát lăm cũng phải mòn nên phân tán rất mỏng và nhiều cánh quân của ông đi ngay các nơi phụ cận để lẩn trốn các cuộc càn quét của địch. Ông còn quan-niệm việc giữ đòn trong tình-trạng của nghĩa-quân bấy giờ cũng chỉ có hại nên cứ áp-dụng thật kỹ nguyên-tắc du-kích-chiến theo thường lệ. Ngày 11-1 địch vào được làng Núra thì không còn một bóng người nào hết. Nhưng chúng phải phục là đòn được xây dựng rất đúng phương-pháp khoa-học và rất vững chắc. Suốt cả một tháng địch sạo-sục quanh vùng Hữu-Nhuế nhưng luôn luôn bị quân du-kích đánh phá, chúng không làm cách gì hơn là lại trở gót về Nhã-nam. Nhưng trong giai-đoạn này tại miền Đông-Nam Bắc-ninh cũng có sự xung-đột gắt-gao giữa 200 tàn-quân của Đội Võn với 1300 ngụy binh ở phủ Thuận-thành, ở Bảo-dài, Đại-úy Simon giao chiến với quân ta ở đây.

Trong năm 1892 bọn Thiếu-tá Bérard, đại-úy Pélissier, Trung-úy Destré tung ra nhiều đội quân chuyên mở các cuộc tảo-thanh khắp vùng Yên-Thế và Nhã-Nam. Còn nghĩa-quân lẩn tránh các cuộc đụng - độ để bồ-sung thèm cán-bộ, lập

các công-sự trong các vùng đồi núi, tuyền-truyền xuống đồng bằng cùng mang trâu bò, lâm-sản sang bên kia biên-giới Việt-Hoa đồi lấy súng đạn. Việc này có sự trung-gian bí-mật của ông Tôn-thất-Thuyết và các thứ đem đồi chắc là do nhân-dân quyền-trợ cho Kháng-chiến.

Vào tháng giêng 1892 địch mở một chiến-dịch lớn để tiêu-diệt nghĩa-quân trong khu Yên thế. Chỉ-huy chiến - dịch này là Tướng Voyron và tá-m Thiếu-tá. Quân-số có tới 2.217 người chia làm 5 đạo ; điều này chứng tỏ địch coi cuộc hành-quân này rất quan-trọng. Phía Nam khu này giáp địch do đó nghĩa-quân đào một cái hào dài vài cây số trên sườn đồi. Phía Tây có binh-đội của Đề Dương, phia Đông có Đề Nam phòng-thủ bằng 5 công-sự lớn và đứng ở đây có thể quan-sát cuộc hành-quân của địch từ ngoài vào. Căn-cứ của Đề Nam nằm hai bên bờ sông Sỏi cạnh đường Bố-hạ đi Thái-nghuyên. Tổng hành-dinh của chủ-tướng Bá-Phúc đặt ở sau phòng-tuyến. Bốn đồn khác đóng rải-rắc là đồn Đề Lâm, Đề Thám, Đề Dương và Tông Tài. Đồn Đề Nam kiên-cố nhất. Các đồn kia cũng có được bảo-vệ bằng những bức tường đất và đá có lỗ chàu-mai. Tường cao từ trên xuống dưới chân có 4 tầng khác nhau để linh nấp và bắn rì, mỗi góc có «mặt trăng nửa vành» để dễ đánh xáp vào tường ; ngoài đồn có nhiều hàng rào tre và giữa tường với hàng rào có hào, ụ, hố chông, hố tác-chiến cá-nhan lẩn-khuất trong các lùm cây và bụi rậm đầy gai góc. Bọn võ-quan Pháp phải thán-phục tài lợi-dụng địa-hình địa-vật của nghĩa-quân nghĩ rằng họ chưa hề được học hỏi một lớp, một trường Cao-đẳng quân-sự nào. Đó là ý-kiến của Thiếu-tá Chabrol (y còn nhận rằng lực-lượng của Đề Nam kháng-chiến anh-dũng hơn nghĩa-quân Lưu-kỳ là tướng Hoa-Kiều ở bên Đông triều và nếu Yên-thế lợi về rừng rậm, thì Đông-triều lợi về núi non hiểm-trở).

Tổng-hành-doanh của địch đóng ở Bố-hạ. Đường tiếp vận là con sông Thương, và đường thiết-lộ Bắc-giang-Kép. Ngoài ra chúng còn đắp con đường bộ dài từ Kép đến Bố-hạ để vận-chuyển đại-bác 95 ly.

Địch phân-công như sau : Binh-doàn của Bérard từ Thái nguyên sang chia ra hai cánh, một hướng về đồn Đề Dương, một bọc lên phía Bắc đánh vào đồn Bá-Phúc tức Đề Phúc. Bọn này bị đón đánh ở Cầu Rùa, dọc đường Quỳnh-lân ; binh-doàn của Courtot tiến đến Mỏ-sắt đánh vào đồn Đề Nam ; binh-doàn của Bougie tấn-công làng Thượng, Am-đồng và Đĩnh-thép ; binh-doàn của Geil đóng ở Bố-hạ ; Henry và Bertin đánh vào Đề Dương, Vandenbrock đánh vào Đề Chung. Cuộc hành-quản ở mọi nơi khởi sự cùng một lúc và bắt đầu vào 25-3-1892.

Quân của Henry bị thất-bại rất lớn đầu-tiên vì tiến đến sát vị-trí của nghĩa-quân mà không hay. Địch thiêt ngay ở đây 50 lính và ba Trung-úy tuy trọng-pháo của chúng bắn suốt ngày 26 để yểm-trợ cuộc tấn-công. Tại đồn Đề Nam địch cũng trả một giá rất đắt mới chiếm được sau khi bắn tới 200 trái đạn súng cối và vận-dụng tới 6 sơn-pháo riêng ngày đầu. Địch còn nã trọng-pháo liên-tiếp hai hôm sau nữa.

Hỏa-lực của địch quá mạnh, nên nghĩa-quân lại phải rời bỏ các vị-trí lui về hướng Đông-Bắc vào đêm tối mặc dầu địch chưa dám xung-phong vào chiếm đồn. Ta chỉ đề một số quân nhỏ chia từng toán để đánh tia chúng. Đến 31-3 địch mới vào làm chủ chiến-khu Yên-thế. Một ít người mất tinh-thần ra hàng như Đề Sát, Đề Tuấn, riêng Đề Tiêu trá hàng không khéo (địch xét nhà thấy còn nhiều súng bắn mau và nhiều đạn) nên bị địch đem xử-tử ngày 28-7. Giai-doạn Đề Nam kháng Pháp tới đây thì cáo chung để Đề Thám thay thế bắt đầu từ tháng tám năm ấy, (1892). Tuy không có tài - liệu nào nói đến nguyên-nhận về việc này ta cũng có thể tin rằng sau chiến-dịch Vcyron nghĩa-quân Đề Nam tuy thắng nhưng sau bị tàn-lụi dần có lẽ vì thấy lực-lượng địch quá hùng-hậu chẳng ?

Một nhà viết sử đã phân-tích rằng giai-doạn Đề Nam là giai-doạn hoàn-toàn có tính cách chống Pháp giành độc-lập, nhưng giai-doạn Đề Thám là giai-doạn chống Pháp để ngăn sự cướp đất, ruộng của bọn thực-dân. Sự phân-tích này không thỏa đáng lắm.

## CUỘC KHỞI - NGHĨA YÊN - THẾ

Qua các phong-trào khởi-nghĩa miền Trung-du Bắc- kỳ, chúng ta thấy cuộc kháng Pháp của Hoàng - hoa - Thám đáng lưu ý hơn cả. Ông có một số quân bắn-bộ lúc đầu không lớn lắm khi còn hoạt - động với Bá Phúc và Đè Nam sau nhò - tập - hợp được một số tàn - quân của các địa-phương và nhò ở tài trí phi thường họ Hoàng đã mở được một cuộc chiến đấu trường-kỳ ngày nay sáng ngời trên sử sách.

Hoàng-hoa-Thám có điều đặc-biệt về phương-diện giao-cấp xã-hội. Cụ không phải là tù-trưởng miền ngược, cũng không là văn-thân hay quan-liệu mà là một nông-dân thuần túy quê quán ở Sơn-tài sau vì nghèo túng mà di-cư lên Bắc-giang, ngũ tại làng Bằng huyện Yên-thế. Tên thật của cụ là Trương-văn-Thám. Thuở nhỏ cụ đi chăn trâu và làm tá-điền cho một phú-nông địa-phương, sau gia-nhập nghĩa-quân và được nổi bật tên tuổi dần trong hàng ngũ cách-mạng nhò có tinh-thần chiến-đấu và lòng dũng-cảm hơn người. Do chỗ các đòn anh, các tiền - bối lần lượt qua đời hay ngã gục trước họng súng của giặc, Hoàng-hoa-Thám còn lại để lĩnh đạo các chiến-sĩ và các nhóm nghĩa - quân thường-thường do thất thế mà tìm tới.

Một tài-liệu nói rằng năm 20 tuổi Hoàng-hoa-Thám gia-nhập quân khởi-nghĩa của Trần-quang-Loan ở vùng Bắc-ninh Họ Trần thất-bại, cụ Thám về với Bá Phúc là một hào-phú lĩnh-tụ nghĩa-quân vùng Yên - thế. Cụ Thám được Bá Phúc lấy làm con nuôi, có lẽ do Phúc mến tư-cách anh hùng của Cụ. Nhưng rồi Bá Phúc cùng cụ Thám cũng bị đàn-áp siêng-liêng khiến cả hai phải đến hợp-tác với Cai Kinh đang chiếm - cứ một vùng núi rừng miền thượng-lưu sông Thương (Bắc-giang) bấy giờ. Rồi Cai Kinh chết, cụ tập-trung nghĩa quân đánh huyện Việt Yên (gần phủ Lạng-giang) cướp được một số khí-giới và lương thực. Cụ đánh liên tiếp các huyện Hiệp - hòa, Võ - giàng và Quế-dương. Pháp thấy nghĩa-quân thắng-thế liền cử Thiếu-tướng Godin lên dẹp. Từ đó nghĩa-quân dồn eo với Pháp ở các miền Yên-thế, Lạng-giang, Bắc-ninh, Đáp-cầu v.v... hết năm này qua năm khác kè từ năm 1890.

Hoạt-động của Hoàng-hoa-Thám chia ra làm nhiều giai đoạn cǎn-cứ vào những trận đánh lớn và những sự - kiện khác nhau :

Giai-đoạn thứ nhất kể từ 1887 đến 1893. Trong thời-gian này Pháp đã dàn-áp xong cuộc khởi-nghĩa vân-thản, thiết-lập được bộ máy cai-trị tại miền Trung-châu. Dĩ-nhiên Pháp phải mang quân tiến lên miền Thượng-du để mở rộng khu-vực khai-thác và hành-chính. Do nhu-cầu này Pháp thấy cần lập một hệ-thống đường sá, thứ nhất là con đường xe lửa Hà-nội, — Lạng-sơn. Con thiết-lộ này phải chạy qua tỉnh Bắc-giang thì đây là một mối lo của thực-dân bởi tỉnh này có hoạt-động của nghĩa-quân Đề Thám. Tổng-hành-doanh của cụ Thám lúc này ở Yên-thế. Từ năm 1889 Pháp tích-cực chiến đấu tại miền này và nghĩa-quân cũng tích-cực chống Pháp hoặc do cách liên-hiệp hay đơn-phương.

Những trận lớn được ghi chép sau đây :

*Trận Cao - Thượng.*— Trận này được mở ra từ mồng 4 đến 21 tháng 11-1890. Thiếu - tướng Godin đein hai toán quân Pháp từ Bắc - ninh, Thái - nguyên hợp với 480 quân Pháp có sẵn ở Bố - hạ, 300 kliô đỏ và 5 súng cối đánh vào khu này. Pháp mang cả hai pháo - hạm (Moulun và Jacquin) đến hỗ-trợ cho lục-quân. Ngày 6-11 toán quân Bắc-ninh và Thái-nguyên nhờ trọng-pháo dọn đường tiến được vào Cao-thượng. Nghĩa quân ở Bắc Cao - thượng rút lui về Luộc-hạ bị toán quân Pháp ở Bố-hạ ngăn lại. Ngày 10-1 Pháp quân từ Cao-thượng hợp với toán Bố-hạ ở Luộc-hạ tấn công yào Nhã-nam. Hai ngày hôm sau nghĩa-quân rút khỏi Yên-thế và Hữu-thượng. Ngày 13 một cánh quân khác của Pháp tiến về làng Sặt, Ngò-xá, Yên-lễ và Dương-lâm. Nghĩa - quân lui về Phú-khé, Đáp-cầu. Trong trận này Pháp mất một trung-úy (Plat) và một số binh-sĩ vừa Pháp vừa Việt. Kháng chiến thiệt khoảng 50 người.

*Trận Hữu-Nhuế.*— Nghĩa-quân đặt vị - trí rất kiên-cố ở giữa một thung-lũng có núi rừng bao phủ chung quanh, lại có cột gỗ chôn dày đặc, trên đầu cột gọt nhọn tẩm thuốc

độc. Pháo-dài giữa được bảo-vệ bằng 6 pháo-dài khác dựng kín trong rừng giao-thông với nhau bằng những con đường giả chằng-chịt có đào hố cắm chòng, cọc nhọn trên phủ kín lá cây và đất. Cụ Thám đóng ở trại giữa, các tướng như Lãnh Huân, Ba Biều, Cả Rinh, Cả Huỳnh trấn các địa-diểm lân-cận,

Ngày 4-12-1890 Đại-tá, Thiếu-tá Winckel Mayer mang quân từ Nhã-nam vào càn quét vùng mỏ Na-lương. Ngày 9-12 Pháp mang 40 tay súng đánh vào Tây-Bắc Hữu - thương. Hôm sau Trung-tá Tane mang 250 tên lính và một đại-bác đánh Hữu-nhuế lần nữa. Họ bị chết một số người rồi rút lui.

Ngày 22-12 Pháp tăng cường lực-lượng. Lần này chúng mang tới 600 lính, 4 đại-bác tấn-công lần thứ ba đồn Hữu-nhuế. Cuộc chiến đấu ào-ạt luôn 3 tiếng đồng. Tại đây Pháp chết 1 Trung-úy tên là Blaise và 8 tên lính, bị thương 25 tên. Họ phải trở ra Nhã-nam chờ chỉ-thị mới.

Lần thứ tư Pháp mang tới 1300 quân dưới quyền của Đại-tá Frey kèm theo 2 súng cối, nhiều mìn và lựu-đạn. Ngày 6-1-1891 cuộc giao-phong bắt đầu. Pháp chiếm ngay được pháo-dài Long-nhua và ngay 9 họ tiến được đến phía Nam vị-trí. Trong khi địch bị lung-túng vì các chướng ngại-vật và việc sử-dụng vũ-kí bị chậm-trễ, nghĩa-quân bắn chết được Đại-úy De Guigne và 2 Trung-úy hải-quân Bestagne và Brezzi bị thương.

Ngày 11-1-1891 nghĩa-quân rút khỏi Hữu-Nhuế để bảo toàn lực-lượng. Cho tới cuối năm 1891 nghĩa-quân vẫn làm chủ vùng Yên-thế, có khi tràn cả về sát tỉnh-ly. Sau một tháng 7 ngày, trong đợt tấn-công nào Pháp cũng thiệt một hai sĩ-quan và một số binh-sĩ vừa người Pháp vừa người Việt, như vậy phần chủ-động chiến-trường rõ-rệt vẫn ở trong tay nghĩa-quân.

*Pháp đánh Yên-Thế.*— Tại Bắc-giang, bấy giờ Pháp chỉ đóng được đồn ở Nhã-nam, Cao-thượng, Bố-hạ v.v... thỉnh-thoảng họ hành-quân càn quét quanh vùng rồi lại rút về vị-trí. Còn nghĩa-quân tại Yên-thế hoạt-động được trong một

vùng ngang dọc ba cây số. Phía Tây có chiến-lũy của Đề Thượng; phía Đông có chiến-lũy của Đề Nam và một phòng tuyến bao ngoài. Nơi kiên-cố nhất do Đề Phúc giữ (ở phía Bắc phòng tuyến).

Ngày 5-10-1891 Thiếu-tá Bérard chỉ-huy vùng Thái-nghuyên mang quân sang đánh nhau với quân ta gần Hữu-Thượng. Ngày 14-10 Thiếu-tá Plessier ở Nhã-nam cũng mang 40 lính lê-dương và lính tập đến đánh mọi địa-diểm nghĩa-quân cách Nhã-nam 6 cây số về phương Bắc. Ngày 31-12-1891 trên đường hành-quân từ Cao-Thượng đến Lang-cao có cuộc xô-xát giữa ta với Pháp. Đề Thảo bị giặc bắt.

Các trận giao-chiến nhỏ này mở đầu cho một chiến-dịch lớn do đại-tướng Voyron điều-khiển theo kế-hoạch bao vây toàn thể vùng Yên-thế rồi thúc nhiều đạo-quân xục-xạo bèn trong, những nơi xét là sào-huyệt của quân khởi-nghĩa để tiêu-diệt. Pháp đóng thêm đồn ở Trại-sơn, phía Tây ở vùng Quỳnh-lâu và phía Nam ở con đường Bố-hạ — Nhã-nam. Pháp đánh phía Nam Nhã-nam và Luộc-hạ thốc lên, một đạo đánh mạnh vào phía Đông-Bắc rồi đặt trọng-pháo khung bố cả vùng. Từ 11-3-1892 đến ngày 15-3 Pháp và nghĩa-quân gặp nhau ở chợ Tràng, mỏ Na-lương, Quỳnh-lâu, đôi bên cùng bị thiệt hại ít nhiều rồi nghĩa-quân rút về phia Chợ Sỏi. Từ 19-3 đến cuối tháng này Pháp ra sức tấn công vào nhiều vị-trí của nghĩa-quân nhất là pháo-dài Đề Nam. Ngày 26, trọng-pháo của địch dội xối-xả vào pháo-dài này nhưng vô hiệu vì trời sương mù nên lại ngừng bắn. Ngày 27, trọng-pháo dọn đường cho bộ binh tiến theo phia Bắc và hướng Đông-Nam của pháo-dài này. Ngày 28 địch bắn tới 200 quả đại-bác vào Tây-Nam pháo-dài nhưng vô ích: nghĩa-quân đã bỏ pháo-dài này từ hôm trước, chỉ để lại 15 000 cân ngô, gạo và 20 xác chết vừa chôn xong. Pháp bị chết ở đây 3 lê-dương và có 8 lính Pháp cùng 3 lính khố đỏ bị thương.

Ngày 23-3 Thiếu-tá Henry thuộc đạo quân của Bouguié chiếm một ngôi chùa và một pháo-dài ở Tây-Bắc Yên-thế. Ngày 25-3 y bắn đại-bác vào pháo-dài Đề Dương. Tại đây

Đại-úy Bouvié vì quá tự tin không đợi đại-bác mở đường bị ta vây khốn. Thiếu-tá Bertin phải can-thiệp để tìm lối thoát cho Bouvié, nhưng Pháp đã thiệt hại nhiều : 13 tên Pháp và 9 lính khổ xanh tử trận trong có Trung-úy Vigneron, Holstein, Becquet và 1 hạ-sĩ-quan ; hơn 30 lính Pháp và lính khổ đỏ bị thương nặng trong có Đại-úy Bouvié và Trung-úy Leclerc.

Ngày 30 Trung-tá Geil tấn công trại Đề Phúc, nhưng Pháp đã rút về Na-lương. Ngày hôm sau Pháp đem quân đuổi theo. Và vài ngày sau giặc bắt 11 đàn bà là vợ con nghĩa-quân và ngày 4-4 tại Nhã-Nam, Bố-hạ và Đèo-Ính cũng có cuộc đụng-độ nhưng không quan-trọng. Ngày 12-4 Rouault và 30 lính khổ đỏ ở đồn Cao-thượng chạm súng với nghĩa quân tại Hòa-mộc. Ngày 20-4 Trung-sĩ Tafanelli ở đồn Bi-nồi đụng-độ với nghĩa-quân ở ngôi chùa làng Tiêu luôn 3 tiếng đồng hồ nhưng không phá nỗi cǎn-cứ phải rút về Bố-hạ. Đáng lưu-ý trong chiến-dịch càn quét trên đây ngày 12/4 một lĩnh-tụ nghĩa-quân là Đề Sặt ra thủ ở đồn Cao-thượng với 50 thủ hạ và 48 tay súng, nhưng điều-kiện của Đề Sặt là về làng (Sặt) chờ không ở lại cộng-tác với địch. Một đàn em của Đề Sặt là Đề Tiền luôn sau đó cũng ra hàng nhưng bị Pháp giết vì Tiền còn dấu 9 súng và 250 viên đạn. Lúc này Đề Phúc còn được 190 tay súng và 150 binh-sĩ đang đóng tại một địa-diểm gần Mỏ trạng. Ngày 9-6 ba đại-úy Daval, Orlanducci và Watrin cầm ba đạo-quân mở cuộc tấn-công vào nghĩa-quân nhưng nghĩa-quân rút đi nơi khác. Cuối tháng 8-1892 nghĩa-quân rời khỏi miền núi rừng phía Bắc con đường Bố-hạ — Nhã-nam và theo báo-cáo của Pháp, ta mất từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 8-1892. 287 súng trường và 43 súng tay cùng một số cán-bộ chỉ-huy. Cũng trong giai-đoạn này địch sửa được 40 cây số đường - sá nối những khu trọng yếu để tiện việc chuyên binh.

Ngay từ năm này Pháp đã chú-ý đến Đề Thám hơn cả vì Thám được coi là lợi-hại hơn các lĩnh-tụ khác. Ngày 3-11-1893 Pháp được tin Đề Thám ra hàng cùng Đề Phúc, Thống-Luận, Tông-Trụ và 45 binh-sĩ có khí-giới. Nhưng

Pháp nghĩ đây là một cuộc trả hàng nên chúng tổ chức đánh úp nghĩa-quân. Việc ước hàng định vào ngày 19 lại xin hoãn đến 29. Rồi đêm 29 rạng 30 Thiếu-tá Barri và 370 binh lính phong-tỏa làng Bằng-cục bị nghĩa-quân gây thiệt hại nặng-nề trước khi thoái lui.

Đêm 7 rạng 8-2-1893 Đè Thám cho quân đến bắt Đè Sặt về tội hàng Pháp và làm tay sai cho Pháp. Nghĩa-quân hoạt động trong 10 làng vùng Nhã-nam rồi rút trước khi tên Đại-úy Verreanx từ Nhã-nam rời. Đầu tháng 6-1893 Thám đánh đồn Nhã-nam, ngày 19-6 quân Thám xuất-hiện gần phủ Từ-sơn (Bắc-ninh), ngày 27-6 Thám đánh lính khổ xanh gần Đáp-cầu và đến cuối 1893 Pháp bị nghĩa-quân đột-kích ở nhiều nơi thuộc Nhã-nam, Mô-trạng và Bố hạ. Các đồn Pháp phải hiệp lực với nhau để bảo-vệ cũng như để tấn-công. Tháng 1-1894 Tông-đốc Bắc-ninh Lê-Hoan đem 200 lính khổ xanh và 600 lính cơ hợp với lực-lượng của các đồn Pháp thuộc Bắc-giang và Thái-nguyên để phò-trương lực-lượng trước mắt nghĩa-quân. Bề khác y mở cuộc tấn-công chính-trị, nghĩa là cho người đến thương-lượng với cụ Thám hứa địa-vị, quan chức và tiền-bạc. Đè Phúc vốn là con người ít tinh-thần ái-quốc mê luân-chức Thương-tá của địch rồi mang thủ hả ra hàng. Còn cụ Thám, Thống Luận, Tông Lương, Tông-Trụ cũng hứa vào tết Nguyên-đán năm ấy (1894) sẽ ra đầu Pháp, nhưng không thuận điều-kiện nộp vũ-kí, đòi quân Pháp phải rút hết khỏi vùng Yên-thế. Bề trong cụ Thám vẫn tích cực hội-hop các đám nghĩa-quân các nơi và môt thêm bọn thò-phỉ Trung-quốc còn hoạt-động lẻ-tẻ tại miền núi Cai Kinh.

Do thái-độ và hành-động này, việc hòa-giải có thè coi như bị bãi. Pháp liền tìm cách hạ-sát cụ Thám bằng một cách vô cùng hèn nhát. Chúng biết cụ Thám thuở hàn-vi vào làm con nuôi Đè Phúc, dẫu sao cảm-tình giữa cụ và Phúc vẫn chưa hết. Pháp sai Phúc lấy cớ tới thăm cụ Thám ở Hữu-nhuế rồi mang một quả mìn đựng trong tráp đến hành doanh của cụ để ám-hại. Lúc này cụ Thám đang ngồi xem hát chèo, Phúc được mời ngồi dự và cụ Thám đánh trống sau vào hút thuốc phiện rất tự-nhiên. Nhân lúc cụ Thám

vắng mặt ở trong nhà tên đầy tớ riêng của Đề Phúc đã lén đặt quả mìn, có ngòi cháy chậm dưới chân giường. Khi ngòi đã đốt, Phúc được mật-hiệu liền viện cớ đau bụng bất thỉnh-linh từ tạ ra về. Cụ Thám tiễn Phúc ra rồi làm bộ trở vào nhưng thực ra cụ đã hiền thày trò Đề Phúc làm những gì rồi. Từ ngày Đề Phúc xuất thú, cụ Thám đã có ý đề - phòng. Cụ không lạ gì tâm - thuật của y sau ngày Pháp nắm được nhiều ưu - thế ở các chiến - trường. Rồi mìn nổ làm sập cả căn nhà, dĩ-nhiên cụ Thám vẫn không bị hại (1) nhưng Pháp yên tri rằng mưu gian của chúng đã đạt được kết-quả. Pháp cho người lên dò xét thì thấy bên trong đòn người ra kẻ vào mặc tang-phục và đang sửa-soạn lễ an-táng. Lê-Hoan mừng lắm liền cho quân đến chiêu hàng thì bị nghĩa-quân ào ra đánh, chúng bị thiệt-hại khá nặng và Thương Phúc cũng suýt chết trong dịp này.

Trong tháng 5-1894 việc bình-định nghĩa-quân do Công-sứ Bắc-giang Muselier và Đại-ý Toquenne đảm-nhiệm ; ngày 18-5 quân Pháp xông vào Hữu-nhuế cũng dùng trọng pháo mở đường nhưng vẫn không làm nao-núng được tinh thần nghĩa quân vì đã quá quen với đại-bác Pháp. Đám lính khổ xanh đi tiên phong, nhưng loạt đạn đầu tiên của nghĩa-quân đã dành cho viên Công-sứ, và Giám-binh đồn - trưởng Pháp khiến họ ngã gục cả xuống gần các chiến - hào. Pháp bị thương tới vài chục người cả quan lẫn lính. Còn nghĩa-quân rút luôn trong đêm 21-5. Chiều ngày 31-5 Thiếu-tá Vallence nghe tin nghĩa-quân xây pháo-dài ở phía Bắc Càng-Núra liền đem binh

(1) Một tài-liệu khác kè rằng hôm đó Phúc mang 4 thủ-hạ và một cái trap trong đựng một đầu người và một tấm bản đồ Hữu-nhuế đến thăm cụ Thám. Phúc nói đến gần đồn thì bắt gặp được một gian-tể họa hình thế đồn Hữu-nhuế nên chặt đầu kẻ này và lấy bản đồ về cho cụ coi. Hai người trò chuyện tới khuynh, cụ Thám nhắm mắt ngủ thi Phúc lén châm lửa vào ngòi mìn trong trap rồi băng ra ngoài trại. Cụ Thám vốn đã nghi Phúc và đã có đề phòng nên Phúc vừa thoát ra khỏi cửa, cụ ngòi phắt dậy ra dập tắt ngòi mìn. Sau đó cụ tập hợp tướng tá binh sĩ ra ngoài rút đi. Nhưng trước khi rời đồn cụ cho đốt lại ngòi mìn để đánh lừa quân địch do đó quân của Lê-Hoan tưởng Cụ đã bị hại liền tấn công vào đồn thì bị lọt vào ổ phục-kích. Sau chúng còn thua luôn mấy trận lớn nữa.



*Cụ Hoàng-hoa-Thám  
và các chỉ-huy nghĩa-quân Yên-thể*





Một số lính-tụ nghĩa-quân Yên-thể



đến cũng bị đánh bật ra. Đại-úy Toquenne cũng bị thương trong khi tháo lui.

Vào cuối tháng 8 năm 1894, đòn Lạng-giang là một cứ điểm quan trọng trên đường Yên-thế — Bắc-ninh có hai Trung úy Pháp chỉ-huy và 100 lính vừa Phàp vừa khổ xanh cũng bị quân của cụ Thám đột-kích trong khi họ phái bớt binh sĩ đi tuần-tiễu.

Đòn-trưởng là một Đại-úy bị bắn chết ngay từ phút đầu hai viên Trung-úy cũng bị thương nặng. Nghĩa-quân diệt được hết mọi lực-lượng, thâu đoạt được các vũ-kí, ở lại vài ngày rồi mới bỏ đi.

Đầu tháng 9 - 1894 một điền - chủ trong vùng là Bang Kinh đến hợp - tác với cụ Thám. Ông này có 50 thủ-hạ và đầy đủ khí-giới. Tổng số quân của cụ Thám bấy giờ có ước-chừng 200 quân. Ngày 9-9 đại-úy Grimaud trưởng đòn Bố-hạ bị Bang Kinh đánh úp. Nghĩa-quân giết được hai tên Pháp (một là hạ-sĩ-quan) và làm bị thương ba tên ở đây.

Ngày 17-9 chủ-nhiệm tờ «*L'avenir du Tonkin*» kiêm đại-địa-chủ tên là Chesnay và một thầu-khoán đường xe lửa Lạng-sơn tên là Logiou bị Bang Kinh bắt cóc tại suối Ghèn và Bắc-lệ. Việc này làm giới thực-dân và tư-bản Phàp xao-xuyến hết sức. Họ đòi bọn cầm-quyền thuộc-địa phải cứu cho được Chesnay bằng bất-cứ giá nào. Thêm vào đó, nghĩa-quân Đề Thám dưới con mắt bọn thống-trị Phàp đã trở nên đám người bất-trị, khó đàn-áp nên chúng phải tìm cách giảng-hòa ít nhất để tạm yên một thời với con Hùm thiêng Yên - thế. Vào ngày 25-10-1894 một cố-đạo Tây-ban-Nha ở Bắc-ninh đứng ra làm trung-gian cho cuộc thương-thuyết.

Cụ Thám đặt các điều-kiện sau đây :

1) Phàp phải nộp một số tiền chuộc mạng cho Chesnay là 15.000 đồng-bạc Đông-dương (bạc trắng). (1).

1) Xét vũ-kí rất cần cho Kháng-chiến và cụ Thám thường phải cho người sang Tàu mua về nên cụ ra lệnh mỗi khi bắt được giặc Phàp thì đừng giết để lấy tiền chuộc. Có bạc trắng, nghĩa-quân mới mua được súng & nước ngoài về.

2) Quân-đội Pháp phải triệt-thoái khỏi các đồn trong phạm-vi vùng Yên-thế.

3) Nhường quyền cai-trị 4 tổng Nhã-nam, Mục-sơn, Yên-lễ và Hữu-thượng.

4) Nhường việc thâu thuế các thứ của dân bốn Tông kề trên cho nghĩa-quân trong 3 năm.

Qua các điều-kiện kề trên, cụ Thám muốn lợi-dụng cơ-hội định-chiến để xây-dựng thêm pháo-đài và bồi-đắp thêm lực - lượng, Và xướng - suất ra việc giảng - hòa là bọn văn quan của Pháp (chủ-trương này đã được thi-hành với Lương-tam-Kỳ, Đieu-văn-Trì và vài tù-trưởng khác (1). Chúng hy-vọng rằng nếu đem áp-dụng với Yên-thế kết-quả cũng sẽ tương-tự, nghĩa là chấm dứt được chiến-tranh hay ít nhất hòa-hoãn được một giai-đoạn với cụ Thám để gìn-giữ đường thiết-lộ Hà-nội — Lạng-sơn là điều rất cần về mặt kinh-tế. Thực ra bọn này đã lầm và bọn quân-nhân cũng không chịu đã phản-đối về Bộ Thuộc-địa rằng việc nhượng-bộ rất bất lợi bởi vùng đất nhượng cho cụ Thám ở gần đường thiết - lộ kề trên có thể càng bị đe dọa thêm. Tuy vậy bọn văn-quan vẫn thắng và đã giải - thoát xong hai Pháp-kiều Chesnay và Logiou. Rồi Pháp dựng một chiến-tuyến kiên-cố từ Bố-hạ, Mỏ Trạng, Mỏ Na-lương, Kép, chợ Phồng, và chợ Tràng để bảo vệ con đường sắt. Sự quân ta ở Yên-thế tràn đến, Pháp lại đặt thêm tên Đốc Xúy và vài thô-hào tay sai lập đồn ở phía núi Bảo-đài để phòng những việc bất chắc.

Tháng 5-1895, nhiều đám nghĩa-quân ở Thái-nguyên, Bắc-ninh đến gia-nhập quân Yên-thế sau khi ly-khai với Lương-tam-Kỳ hay bị quân Pháp theo đuổi. Nhiều cánh khác còn liên-lạc với quân Yên-thế để đánh Pháp hoặc đến nương nhờ cụ Thám ở Yên-thế khiến Pháp tức giận vô cùng vì thấy quân của cụ Thám vẫn thường dính-liu vào các vụ đánh phá ở khắp mọi nơi. Rồi chúng cũng tăng-cường lực-lượng để bao vây vùng Yên-thế, nhưng bề ngoài hai bên đối-kháng vẫn giao-thiệp với nhau rất là lịch-sự. Các quan văn - võ Pháp thường đến thăm cụ Thám và cụ Thám cũng hay gửi mật

(1) Chủ-trương này gồm trong câu : cắt đất phong quan, biến kẻ địch làm tay sai cho Đế-quốc...

ong, mật gấu, nhung, cao là những quý vật của đồng rừng cho các Toàn-quyền. Thống-sứ và Tướng, Tá Pháp... Đôi khi cả hai bên mở tiệc thù-tac hay tổ-chức những cuộc săn bắn vui vẻ (hình như có lần Pháp suýt ám-sát cụ Thám trong một buổi đi săn). Và trong khi chuyện trò, Pháp giữ ý chỉ bàn về việc mùa-màng, lúa mạ, và các việc trồng cây bón sói mà thôi. Nhưng bên trong ta và địch vẫn ngầm - ngầm chống nhau. Sau một năm thấy việc mua chuộc chẳng thâu được kết-quả mong muốn, dĩ-nhiên Pháp lại dở mặt và cho Đại-tá Galliéni dùng toàn-lực mở cuộc tấn-công.

### *HÒA-BÌNH TAN-VỠ GIỮA YÊN-THẾ VÀ PHÁP*

Thượng-tuần tháng 11-1895 Đại-tá Galliéni cho tàu binh đi lục-soát trên sông Thương từ Lục-liễu đến Bố-hạ. Cụ Thám cho người đến phản-đối việc bắt-thường

này, nhưng Pháp làm lơ sau đó chúng đem ba đạo-quân đến tập-trung ở Yên-thế từ Nhã-nam, tiến đến Mỏ-trạng, do các Thiếu-tá Hoblingre, Rondony và Roget chỉ-huy. Ngày 25-11 cụ Thám nhận được tối-hậu-thư của Pháp đòi cụ qui hàng vô điều-kiện. Cụ Thám xin mở cuộc điều-định vào một ngày rất gần. Thượng-lệnh của Pháp đòi Galliéni nếu quá ngày 29-11 việc điều-định không xong phải tấn-công ngay.

Mười giờ sáng hôm ấy Đại-úy Remond tiến đánh pháo đài Lâm-du; buổi trưa Đại-úy Adeline đến Bãi-Mẹt; Đại-úy Grand Maison cũng đến Bãi-Mẹt và Hồ-cói cách vị-trí chính 50 thước rồi cả ba đạo quân tụ-hop ở đây để sáng mai tấn-công. Nhưng trong khi di-động, cả ba đạo quân này đã va-chạm với nghĩa-quân và đã bị thiệt-hại ít nhiều.

Trưa 30-11, nghĩa-quân rút hết vào rừng sâu. Công-bằng mà nói, trước cuộc tan vỡ này, cụ Thám đã cho đánh vào các vùng Lạng-giang, Đa-phúc, Việt-yên, Võ-giàng, Quế-dương, Phả-lai, Hiệp-hòa, có khi đột-kích cả vào các Thị-xã Bắc-ninh vài cây số. Chỉ-huy các trận đánh này là Thống Lüận, Tổng Lương, Tổng Tru, Đốc Thu. Toàn-quyền và Galliéni gửi thư

đến trách và yêu cầu trừng-trị những vị trên đây và bắt nộp vũ-khi nhưng cụ Thám làm hình.

Pháp nhắm đánh ba điểm chính trong dịp này : miền Bắc Mèt, Định-tảo và chợ Gò. Ở mỗi nơi Pháp sử-dụng tới 1.000 quân ; trận đánh đầu tiên và quyết-liệt nhất là ở chợ Gò. Nghĩa-quân ở trong bụi rậm bắn ra rất trúng đích, giặc ở ngoài tràn vào không được che đậy nên bị đạn rất nhiều phải rút. Ở Định-tảo Pháp cũng không tiến nổi. Tại Bắc Mèt có khi nghĩa-quân nhảy qua hào đánh giáp lá-cà với giặc. Galliéni dốc hết sức mạnh vào đây vì đường rộng và ít dốc, quân đội di-chuyển dễ. Địch đưa hết lớp người này đến lớp người khác và quyết không lùi. Nghĩa-quân cũng tăng viện cùng nhịp. Đại-bác bắn xối-xả vào rừng, lửa cháy nhiều nơi có khi nghĩa-quân mặc giả quân của Pháp tấn công đám lính khổ xanh, chiếm được nhiều súng rồi tháo lui. Quân của địch bối rối, bắn lẫn nhau vì không phân được giả-thật.

Tuy vậy cuộc càn quét cũng đem lại ít nhiều kết-quả. Một số tùy-tướng của Yên-thế như Đốc Hy, Điều An, Đốc Túc, Đốc Văn phải ra hàng. Cụ Thám chỉ còn Đốc Khế, Đốc Hậu, Thống Luận, Tổng Trụ, và một số nghĩa-quân nhưng vẫn tiếp tục đê-kháng trong phạm-vi ba tỉnh Thái-nguyên, Bắc-ninh, Bắc-giang có mặt ở khắp làng này làng khác, đến đâu cũng được sự ủng-hộ của quần-chúng.

Trong những tháng đầu của năm 1896, nghĩa-quân vẫn nắm phần chủ-động ở các nơi nên đã có trận đánh ngày 6-1-1896 với Rondony do Đốc Khế ; đầu tháng 2 Đốc-Khế, Đốc-Hậu, Thống Luận và Tổng Trụ phục-kích các toán quân di càn làm bị thương tên Giám-binh và một ít lính. Từ ngày 6 đến ngày 8-2 có cuộc xung đột tại núi Phú-độ. Pháp nắm được vợ con Đốc Khế, Đốc Hậu nên ngày 16-2 hai viên chỉ-huy này phải ra hàng Công-sứ Bắc-giang, đem theo một số thủ-hạ ; ngày 21-2 cụ Thám cùng 150 năm binh-sĩ và nhiều tùy-tướng đánh nhau với Pháp rất kịch-liệt ở trại Tre (thuộc Yên-thế) và giặc i'ghè. Địch bị thiệt nhiều. Trong những

ngày đầu năm ấy Pháp còn chết mất Giám-binh Mangin. Giám-binh Burklé và Thiếu-úy Doirron bị trọng thương, Thiếu-úy Beauvais bị bắn chết tại Yên-thế, Thái-nguyên và Thị-cầu tại trận Long-chung. Vào dịp này một kiện-tướng của cụ Thám là Thống-Luận ra hàng Pháp, trái lại một số nghĩa-quân của Đề Công có nhiều thành-tích chiến-đấu đến gia-nhập nghĩa-quân Yên-thế rồi suốt năm 1896, cụ Thám đánh du-kích vào các vị-trí của Pháp ở Thái-nguyên, Bắc-ninh, Phúc-yên, Vĩnh-yên gây được nhiều sự tai hại về mọi phương - diện cho địch.

### **CUỘC ĐỊNH - CHIẾN LẦN THỨ HAI**

Qua năm 1897 cục-diện chiến-tranh vẫn không thay đổi ở mấy tỉnh Trung-du trên đây, nghĩa-quân càng ngày càng được thêm uy-tín và thắng thế khiến Thống-sứ Bắc-kỳ phải hạ lệnh dừng đại-quân để càn-quét. Đại-tướng Bichot đã chỉ-thị cho các đồn phải hợp-lực với nhau cho thêm sức mạnh, nhưng các cuộc hành-quân suốt ba tháng cuối năm ấy chẳng có hiệu-quả gì tốt đẹp, Pháp đành phải nghĩ đến sự điều-định.

Điều-định với các lĩnh-tụ nghĩa-quân là một vấn đề thực-dân Pháp đã suy-xét rất kỹ sau nhiều kinh-nghiệm. Điều-định của chúng có nghĩa là thu phục bằng quyền-lợi bằng địa-vị để làm sứt mẻ dần lực-lượng để kháng bắn-thở. Sự thu-phục này có kết-quả khác nữa là gây được sự chia rẽ trong hàng ngũ của những kẻ đang chiến-đấu. Quả nhiên một số thò-hào đã lần-lượt nhảy qua quân-đội Pháp làm tay sai cho chúng sau khi được chúng chia địa-phương cho xung hùng xung bá một thời. Từ nhà ái-quốc mấy kẻ này trở nên Việt-gian rồi cũng thành đám Phong-kiến mới. Chúng cũng hà-hiếp, bóc-lột dàn-chúng chẳng kém gì bạn cũ và mỗi ngày ngoan-ngoãn thêm với giặc. Lợi-dụng được sự yên-tĩnh của các địa-phương hết loạn, thực dân bắt đầu chiếm - đoạt các hầm mỏ, khai-thác nguyễn-liệu và đất-dai. Miền Bắc Bắc-kỳ rất xúc-tích về làm-sản,

thô-sản, khoáng-sản. Pháp lo đắp đường, dựng cầu nhất là làm con đường sắt Hà-nội — Lạng-sơn để chuyền thâu các quý-vật của người Việt và cho tiện việc vận-động quân-sự các thứ (Pháp khởi công làm con đường sắt trên đây vào tháng 8-1889). Các, đồn lẻ ở các nơi ách-yếu dựng xong, bộ máy cai-trị đã vững, chúng rút dần dần quyền-lợi của đám hàng thàn nhưng các thủ-đoạn chánh-trị khôn-ngoan quyết-quyết này không sao lung-lạc và cảm-dỗ được người anh-hùng đất Nhã-nam, Yên-thế. Theo tương-quan lực-lượng thì giặc vẫn mạnh hơn nghĩa-quân nhiều vì chúng thắng xong đám vua quan ươn-hèn của nhà Nguyễn thì sau Hòa-ước Giáp thân trên thực-tế chúng đã làm chủ được nước Việt-nam. Tương-đối chúng đã nắm được nhiều đất-dai, đặt được quan chức làm tay sai cho chúng ở nhiều địa-phương thì chúng có thể huy-động được dễ-dàng nhiều nhân-lực và vật-lực trong khi nghĩa-quân chỉ là những toán quân mong-mạnh sống lay-lắt nhờ ở lòng yêu nước và sự giúp đỡ thất thường của các giới đồng-bào. Địch tinh-chức chim mồi săn rất nhiều, tung quân-đội ra ngoài khủng-bố luôn luôn thì hậu-thuẫn của đồng-bào càng bị sút kém dần. Nhưng nhờ ở chiến-pháp du-kích biết đan dày, dát mỏng, biết đánh khi thừa sức, biết tránh địch khi yếu thế nên nghĩa-quân kéo dài được cuộc chiến-đấu ngót ba chục năm ròng rẽ cũng là một sự-nghiệp vô cùng vĩ-đại.

Rồi đồn bót bị đột-kích, đường vận-tải bị phá-hủy, các cơ-cầu bình-định đồ vở đã bắt buộc địch phải mở cuộc thương-thuyết. Đầu tháng 12-1897 Pháp lại đề ra việc định-chiến phen nữa. Lần này cụ Thám không được Pháp chấp nhận các điều-kiện như lần trước. Chúng không chịu để Cụ cai quản khu Yên-thế như trước nữa và chúng đòi cụ nộp khi-giới làm điều-kiện chính-yếu. Đề khước-từ việc trên đây, cụ viện cớ phải tiễu-phỉ trong vùng, cụ lại đòi tiếp-tục lãnh-lương của chúng như là vẫn có tinh-thần cộng-tác. Chúng lấy cớ rằng đã hòa thì phải nộp khi-giới Cụ không chịu, hẹn nhiều lần rồi sau chỉ đưa ra một số súng xáu, hư còn giữ lại thứ tốt.

Cuộc định-chiến lần này kéo dài được 12 năm (1897 — 1909). Kế-hoạch của Cụ gồm các điểm dưới đây: 1.) Mở rộng

việc khai thác đồn-diền Phòn-Xương để có một căn-bản kinh-tế chiêu quân mãi mãi. 2.) Xây dựng các công-sự và pháo đài phòng việc hắt-chắc xảy-tới. 3.) Lấy Phòn-Xương làm nơi tụ họp các nghĩa-sĩ toàn quốc đến cùng chia lo việc cứu nước. 4.) Đợi cơ-hội tốt sẽ tống-phản-công thực-dân Pháp.

Quả vậy, suốt thời-gian Yên-thể trở lại với sự êm-lặng cố-hữu của núi rừng, các chiến-sĩ của họ Hoàng đều thành nông-dân. Cụ Hoàng còn cho người xuống miền xuôi mỗ thêm các đồng-bào nghèo lên Yên-thể lập ấp, nhờ đó nguồn sống của Phòn-Xương cũng như của Yên-thể mỗi ngày thêm dồi-dào. Về mặt quân sự đại-bản-doanh của họ Hoàng có một chiến-lũy bằng đá ong bao quanh dày một thước tây trên phủ đất và cỏ để tránh-sự nghi-ngờ và dòm nom của giặc. Các nghĩa-quân mỗi khi ra ruộng vẫn súng dẫu quanh bờ phòng giặc lúc bắt ưng ào tới. Về mặt chính-trị, mỗi ngày con cháu các nhà cách-mạng và các chiến-sĩ cách-mạng bảo nhau tìm đến Phòn-xương bàn việc chống Pháp. Người ta đã gặp các cụ Lê-văn-Huân, Phan-chu-Trinh, Phan-bội-Châu (1)

---

(1) Tháng 12 năm 1908 cụ Sào-Nam ở Nhật về được Đề Công giới-thiệu vào gặp cụ Hoàng-hoa-Thám, Đôi bên cùng thỏa hiệp với nhau những điều dưới đây :

— Cụ Thám gia-nhập Duy-Tân-hội là một Hội kín mới thành-lập ở Quảng-Nam và bấy giờ đang hoạt-động từ Trung ra Bắc.

— Phòn-Xương sẽ là nơi cứu-mang nhân-sĩ Trung-kỳ. Nếu họ bị truy-nã, họ sẽ đến lánh ở Yên-thể vì Phòn-xương được coi là khu độc-lập và bắt khả xâm-phạm theo điều-ước với Pháp.

— Nếu Trung-kỳ khởi-nghĩa thì Yên-thể sẽ hưởng-ứng và nếu Yên-thể gặp sự khó khăn thì Trung-kỳ viện-trợ.

— Duy-tân-hội giúp Yên-thể về mặt ngoại-viện và nếu Phòn-Xương thiếu-quân, hội sẽ lo-liệu giúp.

Sau cuộc hội đàm này, cụ Thám dành cho nhân-sĩ Trung-Kỳ một căn-cứ ở một quả núi sau gọi là đồn Tú-Nghệ. Khi phong-trào chống thuế 1908 bị khủng-bố kinh-liệt, nhiều chiến-sĩ cách-mạng Trung-Kỳ phải ra tị-nạn ở đây. Xin nhắc rằng mùa thu 1902 cụ Sào-Nam đã ủy Tân Quynh và một học trò đến Phòn-Xương xin gặp cụ Thám nhưng không được vì có sự ngăn-trở. Tháng 11 năm ấy, mượn có đi xem cuộc khánh-thành cầu Long-biên cụ Sào-Nam đến Phòn-xương và ở lại 10 ngày. Lúc này cụ Thám mệt, có cả Trọng tiếp thay. Sau cuộc hội kiễn này, Phòn-xương nhận sẵn sàng hưởng-ứng khi Trung-kỳ khởi-nghĩa.

Nguyễn-dinh-Kiên v.v... Ông Kỳ-đồng Nguyễn-văn-Cầm (1) sau khi đi đầy ở Alger (Phi-châu) trở về cũng lên mở đòn diều tại Yên-thế không ngoài mục-dich kè trên, ngoài ra đồng-bảo các giới sĩ, nông, công, thương cũng có đủ mặt khiến lực lượng của Cụ Thám lại lớn mạnh trông thấy.

Pháp cũng có lợi trong thời-gian đình-chiến thứ hai này để đắp các đường giao-thông, dựng các hệ-thống đòn binh tại Yên-thế cũng như các vùng kế-cận, cắt xén địa-bàn hoạt - động của nghĩa nay thành những vùng nhỏ hẹp, nhất là thiết-lộ Hà-nội — Lạng-son sau 13 năm chật-vật vì bị ngăn-trở quá nhiều trước 1896. Việc mở đòn-diều của bọn thực-dân cũng rất tiến. Yên-thế từ đó không còn là một bí-mật và không hiềm-trở nữa. Trái lại, nó đã trở nên một nơi khai-thác nguyên-liệu và nông-nghiệp của Thực-dân với sự bảo-vệ chắc-chắn của hệ-thống quân-sự nay được hoàn thành mỹ-mẫn vào 1902. Nhưng trước ngày có cuộc tan vỡ giữa ta và Pháp đã xảy ra ít vụ lôi-thôi dưới đây :

Cụ Thám có dự vào âm-mưu nổi-loạn của lính khổ đỏ ở Bắc-ninh và Nam-định.

Tại Thanh-hóa tên Giám-binhs khổ xanh suýt bị thủ-hạ của cụ Thám ám-sát được, và tại Nhã-nam một vụ tương tự cũng xảy ra làm cho tên Alavail, Đội khổ-xanh bỏ mạng.

Tháng 8-1908 tại Phúc-yên lính khổ xanh xung đột với một toán nghĩa-quân. Hai nguy-binh thiệt-mạng. Pháp khám phá ra có bàn tay của Yên-thế nhúng vào.

Cuối tháng 5 năm 1908 vào đêm 27 rạng ngày 28 có xảy ra vụ đầu độc ở trại lính Pháp trong thành Hà-nội do

(1) Ông Nguyễn-văn-Cầm sinh quán ở tỉnh Thái-bình (Bắc-Việt) thuở nhỏ rất thông-minh được Thống-sứ Bihourd cho sang học ở Alger từ năm 1887. Chia năm sau ông đậu Tú-tài khoa-học. Cuối 1897 ông đã có mặt ở nước nhà và bí-mật gây dựng phong trào chống Pháp dưới danh nghĩa tôn-giáo và liên-lạc với cụ Đề-Thám. Đồng-bảo ở các tỉnh miền xuôi theo ông rất đông. Ông có lập đòn-diều ở Yên-thế để qui-tụ các nhà ái-quốc. Bấy giờ có Mạc-dinh-Phù nồi lèn đánh Pháp ở tỉnh Hải-dương bị thất bại. Giặc Pháp bắt Kỳ-Đồng đầy đi Tahiti.

linh Việt-nam nhưng bên trong có sự tham-dự quan-trọng của nhà lĩnh-tụ Yên-thế.

Xét ra từ tháng 8 năm trước, cụ Thám đã cho Lý Nho mưu với người thầy bói tên là Lang-Seo ở phố hàng Buồm đánh thành Hà-nội. Một kế-hoạch đã được nghiên-cứu tỉ-mỉ giữa hai người và hai viên đội kỵ-binh là Nguyễn-trí-Binh và Dương-Bê, nhưng sau việc này bị bại-lộ, phải bỏ.

Tháng 5-1908 Lý Nho định tái-lập cuộc bạo-động vào đêm 16 rạng 17 nhưng việc đang tiến-hành thì Nho bị chết. Cuộc bạo-động phải đổi ra cuộc đầu độc kề trên và Đội Hồ, vị chỉ-huy của nghĩa-quân đã sẵn sàng đột-nhập thành Hà-nội nếu việc có kết-quả.

Cũng trong năm 1908 và vào khoảng giữa năm, một toán cách-mạng-quân Trung-hoa chống Mãn-thanh tràn xuống Bắc-kỳ gây nhiều tổn-thất cho quân Pháp ở Hà-giang, Yên-bái, Tuyên-quang, trong đó có tướng Lương-tú-Xuân về nhập với nghĩa-quân Yên-thế. Công-sứ Lạng-sơn phải gấp báo-cáo việc này về phủ Toàn-quyền, nhất là bọn cầm quyền địa-phương và bọn đầu tư các sở mỏ, các đồn-diền trên con đường sắt Hà-nội — Lạng-sơn và Bắc-giang đã nhiều lần đòi hỏi bọn thống-trị ở Đông-Dương bảo-vệ quyền-lợi của chúng. Rồi một hội-nghị quan-trọng đã được lập ra có Toàn-quyền chủ-tọa, có Thống-sứ Bắc-kỳ và Trung-tướng tổng chỉ-huy quân-đội Đông-dương tham-dự. Quyết-định của hội-nghị là mở cuộc hành-binhh lớn để tận diệt nghĩa-quân Yên-thế. Phương-trâm hành-động là: Đánh mạnh, đánh mau và hết sức bí-mật. Một điều may cho Pháp lúc này là quân cách-mạng Trung-hoa đã rút về Tau, trừ nhóm Lương-tú-Xuân. Tiếp đến nghĩa-quân ở Tam đảo cùng lại nỗi lên nên Toàn-quyền Klobukowski lại quyết-định đem binh-đội đánh vào Yên-thế và từ đó dưới mắt bọn thực-dân, Hoàng-hoa-Thám không phải chỉ là con cọp dữ của núi rừng Yên-thế mà còn là mối nguy cho an-ninh các thành-thị.

NGÀY TÂN CỦA  
YÊN-THẾ

Từ đầu năm 1909 cả Pháp lẫn nghĩa quân đã chuẩn bị kế-hoạch đánh nhau và đánh trận cuối cùng, Lần này

thái-độ của Pháp gắt gao hơn bao giờ hết : chúng lại đòi cự Thám nộp hết vũ-khi, như vậy có khác gì đầu hàng vô điều-kiện. Trong khi cự Thám phản vân ít nhiều thì những thủ-túc của cự là cả Trọng, cả Dinh, cả Huỳnh, cả Tuyễn (cả Trọng là con trai cự, cả Dinh và cả Huỳnh là con nuôi cả Tuyễn là con trai cự Tân Thuật) và bà Cẩn là vợ ba của cự nhất định tiếp-tục chống giặc. Nhưng bên Pháp cũng như bên nghĩa-quân, bè ngoài vẫn có vẻ hòa-dịu. Bấy giờ vào cuối năm Cự vẫn cho nghĩa-quân, tiếp-tục việc cày bừa sau vụ gặt tháng mười như vẫn sống hòa bình với giặc. Cuối tháng cự vẫn cho, người ra, đòn Nhã-nam lĩnh-lương và hẹn sau Tết Nguyên-đán, thường xuân xong sẽ xin đem nộp vũ-khi. Thực ra chính Pháp cũng tính đánh Nghĩa - quân vào đầu Xuân năm tới. Chúng cho rằng đánh vào mùa Xuân để tránh mùa hạ nóng nực cho đỡ vất-vả, ngoài ra trong dịp Tết, nghĩa-quân sẽ ăn hết gạo cũ và chưa kịp say giã lúa mới để có lương đem vào rừng. Còn có một điều lợi đáng kể nữa là khởi binh vào mùa xuân nghĩa-quân sẽ làm vào thế bất ngờ và sẽ không kịp đối-phó.

Lúc này cự Thám đã bí-mật phân-công cho các đồng-chí chuẩn bị đánh các vùng Bắc-giang, Bắc-ninh, Thái-nguyên và Phúc-yên. Số quân của Cự bấy giờ có chừng 200 người nhưng toàn là những tay thiện-chiến, trung thành và rất am-hiểu địa-thể của chiến-trường.

Ngày 28-1-1909 Thống-sứ Bắc-Kỳ đưa thư dụ hàng lần chót cho cự Thám, không được Cự trả lời, rồi dầu muốn dầu không việc xung-đột giữa đôi bên phải xảy ra.

Cuộc hành quân của Pháp chia ra làm ba đợt. Đợt thứ nhất bắt đầu từ 29-1 đến 25-2-1909 do Đại-tá Bataille làm Tư lệnh, Bộ Tham-mưu có Đại-úy Teissier, Trung-úy Rabier và Vitali. Rồi bộ Tổng chỉ-huy đã động-viên một lực-lượng như sau : 4 đại-đội lính Âu-châu, 3 đại-đội rưỡi lính khố đỏ, 1 đội :

lê-dương, 1 khẩu đội súng cối, 1 khẩu đội sơn-pháo, 1 đại-đội công-binh, 1 đội kỵ-binh dùng vào việc tiếp-tế. Ngoài ra Pháp mang thêm 2.000 lính khổ xanh và lính đồng của các tỉnh kề trên để tăng-cường cho các đạo quân chính-quy.

Địch bố-trí như sau :

Toán quân thứ nhất từ Đáp-cầu tiến lên Nhã-nam do Thiếu-tá Mayer chỉ-huy có : Đại-đội khổ đỏ thứ nhất của Tiểu-đoàn Bắc-kỳ số 2 do Đại-úy Plailly cầm đầu :

— Đại-đội lính Pháp thứ 9 do Đại-úy Bos cai quản.

— Trung-đội súng cối 80 ly do Trung-úy Hardrouyère điều-khiển.

— Một bát-đội công-binh do Trung-úy Gobert lĩnh-đạo.

Đại-đội của Bos được lệnh tấn-công vào nghĩa-quân Đạo-Quang ngay khi tới gần mục-tiêu sáng hôm đó. Đạo-quân này do Thiếu-tá Le Canu điều-khiển xuất-phát từ Phủ-lang-thương và Kép kéo đến tập-trung ở Bố-hạ. Cuộc phong-tỏa nghĩa-quân bắt đầu từ 29-1.

Ngoài hai đạo quân trên đây có nhiệm-vụ lưu-động, Đại-tá Bataille còn lập một đạo quân có mục-đích cắt đứt liên-lạc và đường tiến thoái của nghĩa-quân. Lực-lượng này sẽ bao vây - chặt chẽ vùng chiến-địa (Yên-thế) và thành-phần lấy ở nhiều đồn đóng ở bốn khu dưới đây :

— Khu đường sắt có 6 đồn : Thành-muội, Ba-dan, Sông-hoa, Bắc lè, Suối-ngang, Kép, do Đại-úy Vincent chỉ-huy.

— Khu Mỏ Trạng có đồn Mỏ Trạng và Mỏ Na-lương do Đại-úy Barbassat chỉ-huy.

— Khu Chợ Phổng có đồn chợ Phổng và đồn Làng Mệt do Trung-úy Lamy chỉ-huy.

— Khu Hà-châu có một Đại-đội lính Âu thứ 7 thuộc Tiểu-đoàn thuộc-địa số 10 và một Trung-đội sơn-pháo. Ở

mỗi đòn này có ít nhất một hay hai trung-đội cǎ khố xanh lẩn khố đỏ và một số lính Âu đóng xen kẽ vào vừa để kiềm-soát vừa để thúc-dẩy. Số quân ở các đòn này đã có sẵn còn một phần mới điều-động tới. Pagès còn được sử dụng các đơn-vị khố xanh ở các đòn Hà-châu, Đa-phúc, Phương-đô, Trần-xá, Đức-thắng, Đông-lỗ, Cao-thượng. Các đơn vị trên đây phải tới tập-hop ở Hà-châu từ tối 29-1.

Phủ-Lạng-thượng là hậu-cứ tiếp-tế vō-khi, đạn - được lương-thực v.v... và có một trạm quan-y ở Nhã-nam có 2 bác-sĩ và 9 y-tá. Phòng bưu-điện đặt ở Kép, Nhã-nam, Bố-hạ, Cao-thượng và Đức-thắng.

Xét qua ta thấy chiến-lược của địch là dùng hai đạo quân vào việc tấn-công và truy-kích, còn một đạo khác phân ra nhiều toán lẻ đóng ở các điểm ách-yếu để phong-tỏa chiến trường như đóng một vòng đai quanh vùng Yên-thế.

Về phần nghĩa-quân cũng chia ra nhiều toán :

- Nhóm Đề Thám, Cả Trọng và Bà Cẫn.
- Nhóm Cả Huỳnh.
- Nhóm Cả Rinh và Ba Biểu.
- Nhóm Lý Thu túc Đề Bảo.
- Nhóm Lương-tú-Xuân và Hoàng-minh-Đường.

Đại-bản-doanh của Bataille thiết-lập ở chợ Gò cùng với đạo quân của Le Canu và cánh quân của Mayer thì đóng trại ở Mỏ Trạng.

Chiến tranh bắt đầu. Ngày 31-1 Mayer và Le Canu dẫn quân lên phía Tây con đường Bỉnh Thép — Mỏ Trạng và phía Đông sông Soi vì có tin báo nghĩa-quân đang xuất hiện ở đây. Cuộc hành quân này không có kết-quả.

Địch bắt dân chúng tập-trung vào một nơi binh-sĩ và cả lương-thực của họ. Về phần cụ Thám ngược lại, ra lệnh dân chúng tản-cứ và áp-dụng chiến-lược « Vườn không nhà trống ».

Rồi nghĩa-quân rút lên phía Bắc Đinh Thép ba cây số chiếm một ngọn đồi gọi là Rừng Tre, đào hầm hổ chờ địch.

*Trận Rừng tre (1-2).*— Sáng ngày 1-2 Tiêu-doàn-trưởng Le Canu dẫn một đơn-vị tuần-tiểu gồm 31 lính đồng, một đại-đội khố đỏ, một tiêu-dội lính Âu xuất-phát hồi 10 giờ tại Đinh Thép. Hồi 13 giờ 20, hai bên xung trận. Loạt đạn của nghĩa - quân đã làm ngã lớp xung-phong đầu tiên của địch, chúng đã phải lui xuống một cách hỗn-loạn. Chúng chỉnh đốn hàng ngũ rồi lại tiến lên lần thứ hai. Lần này chúng tiến sát nghĩa-quân chỉ còn 15 thước, nghĩa-quân mới khai hỏa. Bọn đồng-lại bị đạn ủa chạy không sao ngăn được. Chính tên Đội Guérini dẫn đầu đã bị trọng-thương và địch phải tồ-chíc hai đợt xung - phong nữa mới lôi được xác lính của chúng ra.

Cuộc giao-phong vẫn tiếp-tục gay - go đến 3 giờ chiều Le Canu phải xin tăng-viện thì có Trung-úy Romain des Fosses mang một Trung-đội lính Âu và một Trung-đội khố đỏ tới tiếp ứng cho cánh tả của y. Được thêm quân, Le Canu phân tán rộng lực-lượng của mình để bao vây quân Yên-thể. Năm giờ chiều, Đại-tá Bataille thản đem 2 Trung-đội lính Âu, nửa Đại-đội công-binh và 1 Trung-đội khố đỏ tới vừa để thị-sát mặt trận vừa để tăng-cường cho Le Canu. Quân Pháp bố-trí xong thì trời tối. Bảy giờ chúng cho người bò lên đỉnh đồi thám thính thì nghĩa-quân đã bỏ đi từ hồi nào.

Xét kết-quả trận này, địch tổn-thất 1 đội Guérini, đội khố đỏ bỏ mạng, 1 đội khố xanh và 1 đội khố đỏ bị thương. Trận đánh luôn 6 tiếng, cả viên Tư-lệnh xuất-trận, lực-lượng rất lớn mà chỉ chiếm được mấy cái hầm hổ bỏ không. Sau trận này, suốt cả tuần sau chỉ có những trận đánh lẻ-tẻ. Nghĩa-quân đánh lối tốc-chiến rồi bỏ đi khiến địch được tin mang quân tới đã muộn.

*Trận Đồng-Vương (11 - 2).*— Quân của cả Rinh, cả Huỳnh, Ba-Biều, Lý-Thu đóng ở một thung-lũng từ Đồng-vương đến

Yên-thế, Mayer đem quân tới đây vào 7 giờ sáng. Hai bên đụng độ nhau vào 10 giờ 20. Nghĩa-quân bắn mìn phát rồi rút vào một nhà Mán và quá trưa bắn xả ra làm chết một lính khổ đỏ, một bị thương, riêng tên đội Malaspina tuy trúng đạn nhưng vết thương nhẹ còn hai tên khác là Casanova và Bonlault bị thương nặng.

Địch chia ra làm hai cánh quân dùng thế gọng kìm đánh vào nghĩa-quân. Một cánh do Đại-úy Collot chỉ-huy ở phía Tây, một cánh do Trung-úy Viraud và tên Gens, Đội khổ xanh chỉ-huy ở phía Đông. Địch cố-gắng nhiều nhưng vẫn không tiến nổi.

Bốn giờ bốn mươi lăm, cánh quân của Viraud mới chiếm được một vị-trí trên đỉnh đồi nhưng trời bắt đầu tối. Địch tung thêm quân để phong-tỏa nghĩa-quân nhưng vô hiệu-quả. Trong trận này địch mất: 2 đội tây, 3 lính khổ đỏ và 1 dồng chết; 3 đội, 1 cai, 5 lính người Âu cùng 4 khổ đỏ, 1 khổ xanh, 2 dồng bị thương; nghĩa-quân hy-sinh 10 chiến-sĩ.

*Trận Sơn-Quả (11 - 2).*— Nghĩa-quân do Cai-sơn chỉ-huy hạ được đồn Đức-thắng sáng ngày 11 tháng 2 rồi đóng tại làng Sơn-quả. Được tin đồn của mình bị hủy-diệt, địch từ Hà-châu kéo đến một đội 60 lính Âu và 1 trung-đội sơn-pháo. Chỉ-huy quân tiếp-viện là Đại-úy Pagès. Quá trưa tại Sơn-quả nhiều đơn-vị khổ xanh có mặt với 150 tay súng. Địch mở cuộc bao vây quanh làng Sơn-quả rồi cho bộ-binh xung-phong. Nghĩa-quân bình-tĩnh đón giặc và bắn ra rất trúng. Mỗi phát đạn là một quân thù. Trung-úy pháo-binh Gay bị thương. Lúc này trời đã tối Pagès hô quân tiến về phía Nam. Địch phóng hỏa đốt làng nhưng rồi rút ra ngay bên ngoài. Sáng hôm sau địch mới tiến vào thì nghĩa-quân đã mất dạng.

Địch thiệt mạng: 2 dồng và 1 cai khổ xanh.

Địch bị thương: 1 đội khổ xanh, 3 lính dồng và Trung-úy Gay.

*Trận Đồn Đen (21-2).*— Địch ra công xạo-xục từ Nhã-nam đến mỏ Na-lương, Rừng-tre luôn từ 12 đến 20 tháng hai. Cả Rinh, Cả Huỳnh xuất-hiện tại làng Chiềng và tại sông Soi ngày 20.2. Tiểu-đoàn-trưởng Le Canu vội đến Chiềng. Trong khi này Giám-binh Poilevey đem mộtđơn-vị khố xanh ở Nhã-nam đến đóng ở sông Soi, mục-dich chặn đón nghĩa-quân ở các nẻo đường từ làng Chiềng tới; Mayer án-ngữ các ngả từ Đồng - Vương, Ngao - thượng lại; Lamy chỉ-huy khu chợ Phòng đến đóng ở Mô-Xát chặn các đường từ mỏm 208 và Chợ Khe tới.

12 giờ 30 phút, cánh quân Mayer gặp nghĩa-quân của Cả-Rinh, Ba Biểu, Lý-Thu ở phía Bắc mỏm 208. Mayer có 40 lính không dám xông-xáo phải ra lệnh cho binh-sĩ nấp sau các mỏ đất và dưới các chiến-bào sâu 1 thước chờ viện-binh. 3 giờ sau Đại-úy Play đem quân tới và Đại-tá Bataille buộc quân mình phải chiếm kỵ được mỏm 208 trước mặt khi trời lặn. Một đội khố đỏ và ba tên lính can-dâm nhất đã mạo-hiểm tiến lên nhưng cây-cối rậm-rạp ngăn-trở chúng rất nhiều; trái lại nghĩa-quân sau các bụi cây nhìn qua khe lá rất rõ, bắn rất trúng. Ba chỉ-huy Pháp là Đại-úy Tessier, Trung-úy Benayton, Đại-Démont bị thương. Địch được thêm cánh quân của Collot tới giúp nhưng hai bên đều ngừng bắn vì trời tối quá.

Sáng hôm sau, mặt trời vừa hửng, địch xông lên thì không còn thấy nghĩa-quân.

Địch chết 4 tên, bị thương 13 tên trong đó có các sĩ-quan cấp úy và 1 đội, 1 cai và 4 lính Âu.

Rút kinh-nghiệm ở các trận đánh vừa diễn ra, địch thấy mang đại-quân đi càn-quét không lợi vì những toán quân lớn cồng-kềnh, dễ bị nhận xét. Địch cho lập một hệ-thống đồn lũy chi-chít trên khắp các điểm cần-thiết về chiến-lược. Bề khác địch vừa khủng-bố, vừa phỉnh-phờ dân-chúng địa-phương để cắt mọi liên-lạc giữa người dân với quân khởi-nghĩa về mặt tình-báo cũng như tiếp-tế.

Trong những ngày từ 25-2 đến cuối tháng 3 có những vụ xung-đột giữa quân tuần-tiểu của giặc và nghĩa-quân như tại mỏ Na-lương ngày 1-3 quân của Cai Sơn, Cả Rinh, Ba Biểu đã xô-xát với quân của Trung-úy Courrier cách nhau độ ba bốn chục thước. Nghĩa-quân được các bụi rậm che đậy bắn trolley vào địch, địch phải chạy tháo thân về Nhã-nam để lại 2 xác khổ đỏ. Cũng ngày ấy tại đèo İnh và ngày 9-3 ở Thế-lộc đồi bên có đụng chạm nhỏ giữa nghĩa-quân và lính đồng. Cụ Thám có đưa thư trả hàng cho Bataille, tối 25 rạng 26 cụ Thám bị địch phục-kích ở gần Giản-ngoại, nhưng chạy thoát cùng một số thủ-hạ, riêng Cả Trọng bị thương nặng.

Rồi cả Trọng từ trần như một tin báo sát-sạt những ngày khốn quẫn, đen tối của Yên-thế. Số nghĩa-quân ra hàng mỗi ngày một đông, cụ Thám và 20 bộ-hạ lúc này về ẩn náu tại Rừng Tre bị bao vây bốn mặt do đồn-bót của giặc đã thành lập khắp nơi.

Lý Thu vẫn có mặt ở chợ Phỗng (Bắc-giang) cảng Rinh, cảng Huỳnh, ba Biểu rời sang Phúc-yên, nhưng bị địch theo ráo-riết lại trở về địa-bàn cũ, do đó lại bùng ra nhiều trận lớn trong nhiều địa-diểm ở Bắc-giang nhất là tại mỏ Thủ vào ngày 16-4.

Xin nhắc trước đó ít tháng (vào 15-3) tại Hàm-lợn (Phúc-vân) nghĩa-quân thắng trận giết được nhiều lính khổ xanh nhưng cả Huỳnh bị trọng-thương ở đây. Vì việc này quyền chỉ-huy của Huỳnh chuyển qua cho Te. Te kéo quân về Lạng-cầu trên con đường Đức-thắng đi Bắc-giang. Ngày 13 tháng ấy nghĩa-quân có mặt ở Văn-cốc và tiến về Phúc-yên Giám-binh Dauffes ngày 16-4 được một toán lính Âu ở Hà-châu tới tiếp viện và có pháo - binh yểm-trợ phong tỏa nghĩa-quân ở ngọn đồi 168 phía Đông Mỏ-Thỗ Hỏa-lực của địch rất hữu-hiệu đẩy lui được nghĩa-quân, phần lớn bị bắt bị tan rã và đầu hàng. Cảnh quân của cảng Rinh gập địch ở gần Đức-thắng, cách 3 cây-số, tại làng Lương-phong, hai bên đánh nhau từ trưa đến tối sau đó nghĩa-quân phải kéo về Phúc-yên.



Mộ của liệt-sĩ Phạm-hồng-Thái  
tại Hoàng-hoa-Cương

(những người đứng hai bên là một số chiến-sĩ hải-ngoại. Hình này trích trong cuốn « Năm mươi năm Cách-mạng Hải-ngoại »  
hồi-ký của Hoàng-nam-Hùng trang 149).



**CHIẾN-SỰ TẠI TỈNH  
PHÚC - YÊN  
(KẾ TỪ 14 - 7)**

Kè từ đầu năm 1909 mặt trận bài Pháp chuyền qua hai tỉnh Vĩnh-yên, Phúc - yên và một phần tỉnh Bắc-ninh là vùng Trung-châu Bắc-kỳ. Phía Bắc đường thiết-lộ Lạng-sơn người ta đã thấy từng đoàn nghĩa-quân di - động. Dân-chúng địa-phương ủng-hộ nhiệt-liệt.

Lĩnh-tụ nghĩa-quân ở đây là Hai Nom đem quân bắn-bô hoạt-động tại xã Thanh-lâm và tại Thạch-lỗi thuộc huyện Kim-anh (Phúc-yên) vào tháng giêng dương-lịch (1909). Cuối tháng 2, địch và nghĩa-quân gặp nhau ở mé đông núi Tam đảo, làng Nam-lý. Nghĩa-quân sau cuộc xung-đột tiến về sông Cà-lồ rồi chạm súng với toán lính khổ xanh khác ở Thanh-trí. Có lẽ bộ-đội bắn-xù của địch không đòn-áp một cách đặc-lực nghĩa-quân trong vùng nên thượng-tuần tháng 3, Thống-Sứ Bắc-kỳ yêu-cầu bộ Tư-lệnh tăng-cường cho Phúc-yên một đơn-vị trọng-pháo và một tiểu-đội lính Âu.

Ngày 3-3 Giám-binh Duvernoy tấn-công nghĩa-quân tại Thanh-nhàn, bao vây rồi nã trọng pháo vào vị-trí nhưng vẫn không chiếm được. Giữa lúc này cánh quân của Cai Sơn, cả Rinh, Lãnh-Thuận, Ba Biều, cả Huỳnh từ Yên-thế rút qua làm cho Duvernoy phải cầm cự thêm một mặt trận. Rồi nhiều cuộc va - chạm xảy ra và ngày 15-3 trận Hàm-lợn được ghi trong sử sách một cách đặc-biệt. Tại đây hai bên đã diễn ra nhiều cuộc ác-chiến kinh-khổng, và hết sức linh-động. Hàm-lợn là một ngọn núi cao 462 thước thuộc sườn Đông-Nam núi Tam đảo. Địch mang lính khổ-xanh và pháo-bin đến vây đánh nghĩa-quân. Hai bên bắn nhau dữ-dội, địch cố chiếm đỉnh núi bằng một cuộc xung-phong rất táo-bạo. Do hỏa-lực của trọng-pháo quá mạnh nghĩa-quân phải rút, bỏ lại 7 xác chết trong có Lãnh Thuận, cả Huỳnh bị thương nhưng cũng chạy thoát cùng Ba Biều và Hai Nom.

Nghĩa-quân từ giờ phút này di-chuyển qua Thanh-thủy (cách Phủ-lỗ 3 cây số) khi thì xuất hiện ở Xuân-lai, Xuân-

phát, Vệ-linh, Thủ-lâm và chỉ cách Hà-nội chừng 15 cây số. Địch đuổi theo rất sát rồi từ hạ tuần tháng 3 đến hết tháng 6 nhiều cuộc tao-ngô-chiến đã diễn ra. Địch tồn tại nhiều nhưng lực lượng của nghĩa-quân cũng hao mòn dần.

Ngày 5-7 nghĩa-quân bắt được tên Voisin, giám-thị cho thầu khoán Leroy trên con đường Chủ-lỗ — Thái-nguyên. Địch được tin nghĩa-quân về đóng ở Vệ-linh liền từ Đa-phúc kéo lên một số lính khố xanh, một trung - đội pháo - binh, một trung-đội lính Âu lấy ở Hà-nội. Nhưng nghĩa-quân lợi dụng được mưa bão tối hôm đó để biến đi nơi khác.

Địch rất lấy làm lo lắng lúc này không riêng vì Pháp kiều Voisin ở trong tay nghĩa-quân mà còn do một phần lớn nghĩa-quân Đề-Thám xuất hiện không xa vùng Hà - nội và có thể gây nên tiếng vang tai hại về chính-trị. Sau một hội nghị giữa Toàn-quyền Đông-dương, Thống-sứ Bắc - kỳ và viên Tổng-tư-lệnh Pháp ở Đông - dương, một đạo quân lớn được lập ra gồm 2 đại-đội lính Âu lấy ở chùa Thông do hai Đại-úy Pertuis và Grémillet chỉ - huy, 2 đại-đội khố đỏ cũng ở chùa Thông (Sen-lây) lấy về do hai Đại-úy Saillens và Chastelier chỉ-huy, một bán-đội kỵ - binh làm nhiệm - vụ liên-lạc, một ban quân-y và một trung-đội pháo binh do Phó Quản Alaux chỉ-huy cùng một trung-đội lính Âu do Trung-úy Caretmeur đóng sẵn ở Hà-nội. Ngoài ra các lực - lượng khố xanh ở các tỉnh đang có chiến-sự phải góp sức với các bộ đội chính-quy trên đây. Tất cả các cánh quân này đều đặt dưới quyền chỉ-huy của Tiểu-đoàn-trưởng Chofflet đang chỉ-huy Tiểu-đoàn 2, Trung-đoàn thuộc địa số 9 Sơn-tây (Tông). Chofflet còn được đặc-úy cả mọi quyền hành-chánh chính-trị tại ba huyện Đa-phúc, Kim-anh và Đông-anh — các bộ đội phải tập-trung vào ngày 7-7 để di chuyển tới Phúc yên nhưng vì thiếu phương-tiện chuyên-chở và thời-tiết oi-ả nên bị chậm-trễ. Ngày 11-7 địch mới chuẩn-bị xong cuộc hành-quân.

*Trận làng Lầy 13-14-7.—* Cụ Thám đóng quân ở làng Lầy thuộc mé Đông-Nam núi Tam đảo giữa rừng rậm. Từ ngày 8 đến

ngày 10 Pháp cho người mang thư dụ hàng, cụ Thám cố kéo dài cuộc điều-định để chuẩn-bị thêm, xét lực-lượng của địch lúc này rất hùng-hậu. Trong khi chờ trả lời, địch đặt Trung đội pháo-binh ở đèo Quạt và vây làng Lầy bằng cánh quân từ Mỹ-khê, Thanh-cao, Hạ-đạt, Thanh-lâm, Đa-phúc tiến đến. Bộ đội khố xanh của tỉnh Thái-nguyên và Phúc-yên tăng-cường cho ba cánh chính-yếu do Saillens Gremillet và Pertuis dẫn đầu. Cuộc phong-tỏa rất là gắt - gao.

Tám giờ tối hôm 13, Toàn quyền đông-dương còn đánh điện cho Công-sứ Thái-nguyên yêu-cầu tiếp-tục điều - định trừ trường-hợp bị nghĩa - quân tấn-công trước. Trưa hôm sau lại có bức công điện khác cũng của Toàn-quyền cho điều-định trên với những điều-kiện rộng-rãi hơn. Nhờ có thời-gian có cuộc thương-thuyết này nghĩa-quân dò được kế hoạch phong-tỏa của địch để rút trong đêm 13 rạng 14 trong lúc mưa bão, xét ra đánh chỉ bất lợi vì « quả bất địch chúng ».

Nghĩa-quân rút khỏi; địch cho quân lục-soát các làng từ Cát-nê đến đèo Nhe, Hạ-đạt và Lai-sơn, Nam-lý nhưng không tìm ra manh mối Kế-hoạch trên đây được coi là thất bại, bọn chỉ-huy Pháp tha hồ đồ lối cho nhau. Sau ngày 16 có giông lớn phải ngừng cuộc hành quân, Chofflet tính nghĩa-quân thế nào cũng rút về Yên thế nên cho giải-quân ở dọc đường Chủ-lô. Ngày 17 các đạo quân đi bao vây được lệnh rút khỏi làng Lầy. Đại-bản-doanh của Chofflet về đóng ở Đa-phúc.

*Trận lập chí (20-7).*— Trong khi địch bao vây ráo-riết làng Lầy, Công-sứ Phúc-yên đề nghị với Chofflet rút các đơn-vị khố xanh của tỉnh Phúc-yên do giám binh Thourot và Lambert chỉ-huy về bảo-vệ tỉnh-ly. Sở-dĩ có đề-nghị này là do có tin báo nghĩa-quân ẩn hiện ở Thanh-trí cách tỉnh có 5 cây số. Trước áp-lực của nghĩa-quân, Bộ tư-lệnh quân đội Pháp theo lời đề-nghị của Thống-sứ Bắc-kỳ gửi 50 lính lê-dương thuộc tiểu-đoàn 4 đóng ở Việt-trì đến tăng-cường cho Chofflet.

Đêm 19 Hai Nom đưa quân đến đóng ở Lập - chí cách

Thanh-trí 2 cây số về Tây-Bắc. Sáng hôm sau Trung-úy Boufflet cùng viên đội khổ xanh Leru đem 50 tên lính lê-dương và khổ xanh đến bao vây Lập-chí do hai ngả Nam và Tây. Bốn giờ rưỡi sáng địch hô lính lê-dương xung-phong còn lính khổ xanh giữ công-tác chặn đường rút lui của nghĩa-quân. Cánh quân phía Tây do Đội Bourgeois hướng dẫn lọt vào làng thì bị nghĩa-quân ở các hầm hố bắn ra và xông tới cướp vũ khí. Một đội, một cai và hai lính Âu bị thương, Bourgeois lui quân lại để tìm thế bắn trả lại. Lúc này cánh quân phía Nam của địch cũng đã nhảy vào làng cũng bị chung số phận như cánh trước. Viên đội Salomon bị thương. Sau một cuộc chống trả kịch liệt, nghĩa-quân hết đạn nhưng địch sơ có mưu kế gì về phần Hai-Nom nên không dám tiến. Chúng dùng kế hỏa-công: đốt rơm và củi khô rồi tung vào chiến-hào của nghĩa-quân. Tại đây 6 nghĩa-quân trong có một phụ-nữ và Hai Nom, người chiến-sĩ và chỉ-huy hết sức anh-dũng, đã đền nợ nước. Địch đợi lửa tắt mới dám xông vào. Trong cuộc giao-phong này 2 lính lê-dương tử trận, 2 tên bị thương (1 cai và 1 lính) tất cả đều là lê-dương.

*Trận xuân lai (22-7).* – Sáng hôm 22-7 Ba-Biều dẫn quân đến chiếm làng Xuân-lai trên bờ sông Cà-Lồ, cách Phủ-lỗ vài cây số về phía Đông. Địch cho lính khổ xanh ở đồn Yên-phụ đến bao vây. Cuộc chạm súng xảy ra, địch bị thương 4 tên bỏ chạy. Liền đó Chofflet phái Saillens đem lính đến phong-tỏa Xuân-lai về mặt Bắc. Chastellier rời Tiên-được về đóng ở Phủ-lỗ, đại-đội trọng-pháo của Pertuis rời Đa-phúc và một trung-đội khổ đỏ đến yểm-hộ cho cuộc bao vây.

Từ buổi trưa ngày 22 đến 4 giờ chiều, địch mới bố-tri xong các chủ-diềm dưới đây: quân của Saillens đóng dọc hữu-ngạn sông Cà-lồ kiềm-soát phia Tây-Bắc Xuân-lai; trung-đội khổ đỏ ngăn nghĩa-quân dọc đê Phủ-lỗ đi Bắc-ninh, trung-đội khổ đỏ của Chastellier án-ngữ mặt Tây, đại-đội của Pertuis giữ phía Đông. Vào hồi 2 giờ một nghĩa-quân đến gặp Saillens để đưa một bức thư của Voisin viết dưới có chữ ký của Cụ-Thám. Địch trả lời bằng một bức thư dụ hàng

vì nghĩ có cự Thám ở mặt trận này. Chúng hạn phải phúc thư sau 20 phút. Nhưng vào 3 giờ 30 tiếng súng đã thay nghĩa-quân trong việc hồi âm. Chofflet đích thân chỉ-huy cuộc xung-phong. Xét ra mặt trận chỉ còn hở một phía Nam mà thôi. Chofflet lại phải luôn đội quân của Chasteller từ Phủ-lỗ tiến đến giữ nốt mặt này. Đã vậy Leru còn được lệnh mang lính đồng của tỉnh Bắc-ninh đến góp sức. Tóm lại chủ-lực quân của Chofflet được đem đến Xuân-lai gần hết.

Vào 4 giờ 30 địch tính vượt một cánh đồng lầy rộng 500 thước để tấn-công vào mặt Bắc nhưng lại thôi vì sợ thành bia chịu đạn cho nghĩa-quân đang ẩn sau các bụi tre để bắn ra. Năm giờ mười lăm, địch lại gọi thêm cánh quân của Grémillet đến tăng cường cho mặt Nam.

Hai lần địch mở cuộc xung phong đều bị đánh bật ra. Năm giờ ba mươi, Chofflet lại nhận được thư điều-dịnh. Ý ra điều-kiện : nộp Voisin và vũ-kí trong 10 phút. Nhưng súng lại tiếp tục nổ qua một giờ sau địch bị tổn-thất nhiều quá phải ngừng chiến nhưng các đơn-vị vẫn giữ nguyên vị-trí, chờ tiếp-tục chiến đấu vào sáng hôm sau,

Bọn Grémillet và Chastellier từ chiều rời Phủ-lỗ và Đa-phúc tiến đến Xuân-lai vào nửa đêm nhưng bị mưa, đường trơn nên bị vất và vô-cùng. Nhiệm-vụ của họ là phụ-trách bao vây phía Nam nhưng tinh-thần của họ uể-oải lầm rồi do cuộc hành-quân và kết-quả kéo dài hàng tháng như làm một cuộc phiêu-lưu và vô-vọng.

Vào 10 giờ đêm, nghĩa-quân nổ súng có ý dò xét địch. Dịch lặng yên để hết tâm-lực vào việc canh-phòng. Sáng hôm sau, địch tiến vào Xuân-lai thì nghĩa-quân đã mất bóng. Thất-vọng, địch lui binh về càn quét từ Thanh-lại đến Lương châu nhưng chẳng thâu lượm được chi hết.

*Trận Hiền-Lương (25-7).*— Mặt trận từ sáng 25-7 lại chuyền sang Hiền-lương. Dịch được báo cự Thám đang có mặt ở đây. Trung-úy Bouffet kéo quân đến Thành-nhan tấn

công vào mục-tiêu bằng hai mặt Đông-Nam và trong dịp này tên Voisin đã được phỏng-thích cạnh huyện-sở Kim-anh. Công-sứ Phúc-yên cho Giám-binh Turo, đội Leru và Collin đem 140 tên lính khổ xanh đến tăng-cường cho Bouffet. Trưa hôm đó Đại-đội của Pertuis và một trung-đội trọng-pháo được gửi đến tham-chiến và Đại-tá Chofflet cũng tới thị-sát mặt trận.

Địch bố-trí trận-thế như sau :

— Đơn-vị khổ xanh của Collin và Leru tấn-công mặt Nam.

— Đại-đội Pertuis lánh ba Trung-đội lính Âu tấn-công mặt Đông, phía Bắc tức đầu làng Hiền-lương có một Trung-đội khổ đỏ có nhiệm-vụ chặn đường rút lui của nghĩa-quân.

— Trung-đội pháo-binhh bắn phá hai cổng làng. Trung-đội này đóng tại ngôi chùa gần đây còn có việc yểm-hộ cuộc tấn-công mặt Nam.

— Dự vào cuộc tấn-công có Trung-đội Bouffet, Trung-đội Caremeteur và một đơn-vị khổ xanh của Turo.

Hiền-Lương đáng kề là một vị-trí kiên-cố, có tường cao tới 1 th. 80 trên có tre mọc dày đặc. Không có cổng vào tại phía Tây; phía Nam có hai con đường-nhỏ có 2 cổng ra vào làng, phía Đông có tường đất cao từ 1 th 20 đến 1 th 40 có cổng ra và cổng vào; phía Bắc có tường rút cao được nhiều cây um-tùm làm bình-phong và cách làng độ 200 thước có một bụi tre già để khửi-sự tấn-công.

Ba giờ rưỡi, súng bắt đầu nổ. Hai cổng làng về phía Nam bị đạn đại-bác bắn rát. Mặc dầu có hỏa lực rất mạnh yểm-trợ, toán khổ xanh của Collin vẫn nằm hép ở ngoài ruộng tuy có lệnh tiến lên. Trong lúc này Đại-uý Pertuis mạo-hiem tiến vào làng dưới làn mưa đạn của nghĩa-quân mặc dầu Chofflet ra lệnh phải chờ cánh quân mặt Nam. Ba tên bị chết, 5 tên bị thương, Pertuis hoảng-hốt hốt ra

ngoài. 5 giờ 15 Bouffet mang quân đến trợ chiến. Trận đánh rất xô-xát. Pertuis bị trọng-thương, 9 tên lính bị thiệt mạng và 14 tên bị thương.

Chofflet thấy bất lợi bắt trọng pháo rời qua phía Đông bắn vào làng cho quân mình có đường tiến về mạn Bắc. Tuy vậy cánh quân Pertuis vẫn bị kẹt vì hỏa-lực của nghĩa quân ngăn chặn ráo-riết cả mặt trước lẫn mặt sau. Tại mặt Nam bọn Collin cũng bị tê-liệt sau bờ ruộng cách nghĩa-quân không quá 40 thước.

Đêm tối, cả hai bên đều phải ngừng chiến vì trời tối như mực. Địch đi dọn dẹp chiến trường, thu nhặt xác chết và các thương binh đem về cứu chữa tại ngôi chùa đã thành trạm cứu thương.

Sáng hôm sau, địch xông sang trận-tuyến của nghĩa-quân thì không còn thấy một ai nữa. Xét ra trận Hiền-lương là một trận vô cùng đau đớn cho đối-phương, vì địch bị tổn thất nhiều nhất ở đây nếu so-sánh với các trận đã diễn ra từ khi có chiến-dịch Phúc-yên: Một Đại-úy (Pertuis) 4 cai và 8 lính Âu bỏ mạng; 1 đội, 2 cai, 16 lính Âu và lê-dương bị thương. Về phần nghĩa-quân, 30 người bị hy-sinh và bị thương.

*Trận Ninh-Bắc (26 - 7).*— Trận Hiền - lương kết - liễu, nghĩa-quân đi rồi, địch ra công khủng - bố và xạo - xục hai làng kế - cận chiến - địa là Thanh - trí, Định - phú. Địch ngờ nghĩa - quân ẩn nấp trong làng Ninh - bắc nên vây làng này và đến điều-trá dân chúng vào 8 giờ 30 ngày hôm sau (26-7). Chúng chẳng lượm lặt được gì rồi khi chúng kéo nhau đi, một lính khổ đỏ bị bắn chết ngay ở đầu làng. Trung-úy Verdun hoảng-hốt hô quân chạy mau rồi chia quân vây làng về mặt Nam và Đông-Nam. Chủ-tướng Chofflet lúc này chưa rời khỏi bẩn-doanh là ngôi chùa ở phía Nam Hiền - lương cách đấy khoảng 2 cây số. Thấy động Chofflet liền phái ngay đại-đội Chastellier sang Ninh-bắc nhưng cánh quân này không thể đi thẳng vì vướng một con sông con (rạch) nên phải

đi vòng xuống Thạch-lối rồi ngược lên. Sau đó bộ đội này tiến thẳng vào làng bằng néo Tây-Nam. Trung-đội này do Đội Terrez cầm đầu. Một trung-đội khác do Đội Marquis chỉ huy vào làng lục-soát từ phía Nam lên phía Bắc. Nghĩa-quân không để cho địch làm lỏng quá nhiều nên chúng vừa lọt vào trong thì mỗi trung-đội mất luôn 2 tên chỉ-điểm rồi nghĩa-quân biến luôn ra phía Tây-Bắc. Trung-đội Marquis rút ra khỏi làng cũng bị hỏa-lực của nghĩa-quân chặn lại, chúng phải xuống hố dưới cánh ruộng ngập và một giờ sau mới rút ra khỏi để tiến về phía Tây-Bắc đuổi theo nghĩa-quân. Tại đây hai bên lại đụng chạm, nghĩa-quân bị mất một chiến sĩ trước khi chạy thoát toàn đội. Giờ chót này quân chủ-lực của Chastellier do phía Nam tiến vào làng có hỏa-lực của trọng-pháo yểm-hộ (pháo-đội đặt cách Ninh-bắc 300 thước), nhưng bấy giờ trời sắp tối, địch phải thu quân về Thạch-lối. Thiệt hại của địch là ; 5 lính khố đỏ chết ; 1 lính Âu bị thương. Bên nghĩa-quân lần này thiệt-hại hại hơn vì trong 6 xác chết có Lãnh Sơn và Đội Hổ. (Xin nhắc Đội Hổ là thủ túc rất thân-tin của cụ Thám và đã đụng vào âm mưu đầu độc trại lính Pháp năm 1908).

Vào ngày 20-7 bọn thống-trị Pháp nảy ra ý-kiến thay một phần quân-đội chính-quy bằng một bộ đội người Việt để san-sé bớt sự vất-vả cho quân-đội viễn-xâm của chúng và cũng nhân đó sử-dụng một lực-lượng mới để lấy kinh-nghiệm. Do sáng-kiến này Hội-đồng Cơ-mật của chánh-phủ Nam-riều, cử Lê-Hoan, Tổng-đốc Hải-dương (sau khi thỏa-hiệp với phủ Toàn-quyền Đông-Dương) tổ-chức một đơn-vị thân-binh 400 kẻ để hợp-tác với quân-chính-quy và lính khố xanh đã sẵn có. Theo chỉ-thị của Bộ Tổng tư-lệnh quân-đội viễn-xâm và của Thống-sứ Bắc-kỳ, bộ đội của Lê-hoan có nhiệm-vụ chính-yếu là lục-soát, bắt-bớ, xét-xử những người dự vào các cuộc phiến-động ; ngoài ra Lê-Hoan cũng có giữ thèm cả công-tác trinh-sát và truy-kích nghĩa-quân hoặc nếu gặp nghĩa-quân thì cố đánh cầm-chân chờ quân chính-quy đến tiêu-diệt. Việc bồ-nhiệm này đã gây nên một cuộc lùn xộn giữa viên Khâm-sai đại-thần họ Lê với tên tướng Pháp

Chofflet tuy công-tác chính-yếu là binh-định và chiếm đóng vẫn ở trong tay quân chính-quy và khố xanh. Rồi Chofflet vẫn giữ nguyên bộ máy mật-vụ của y, coi như không có Lê-Hoan với vai trò cầu-tầu của hắn. Việc này không ngoài nguyên-nhân Chofflet khinh Lê-Hoan khêng là con nhà nghè. Quả vậy, ngày 4-8 mật-báo-viên của Pháp cho hay nghĩa-quân đang có mặt khá đông ở Lập-thạch (Vĩnh-yên) tại phía Đông núi Lang và tại làng Liên. Đòn khố xanh ở Liễn-sơn xác-nhận tin này, nhưng hơn 100 chỉ-diểm của họ Lê cho đi điều-trá về nói chỉ có những toán giặc nhỏ địa-phương mỗi toán có bốn, năm người mà thôi.

*Trận Bạch-đa (13-8).*— Nghĩa-quân xuất hiện ở Bạch-đa cách tỉnh Phúc-Yên hai cây số vào sáng sớm ngày 13-8. Dịch kéo quân ào-ạt tới : Đầu là một đơn-vị khố xanh, tiếp là một tiều-dội của Trung-úy Bouffet tới trợ-chiến. Lê Hoan cũng đem thân-binh từ Phủ-lỗ đến. Cùng lúc Grémillet mang một đại-dội lính Âu, một trung-dội trọng-pháo và một tiều-dội khố đỏ. Với số quân đông đảo này, địch làm cuộc bao vây thường lệ.

Hai giờ rưỡi Grémillet đến Bạch-đa phân-phối binh-dội như sau :

- Trung-dội Bouffet và đơn-vị khố xanh của Giám-binh Lambert đóng phía Nam.
- Trung-dội khố đỏ Terrez và một trung-dội lính Âu đóng phía Tây và Bắc.
- Trung-dội Braun tiến vào làng do cồng Đông-Bắc. Lát sau Chofflet lại phái hai trung-dội (Lacabanne và Chauveau) đến tăng cường cho Grémillet rồi tới gặp Lê-Hoan ở chùa Yên-phú.

Ba giờ rưỡi cuộc giao-phong bắt đầu. Trung - dội của Braun và Lacabanne cùng vài thân-binh của Lê-Hoan xung phong. Nghĩa-quân bắn rát. Bọn này chết một thân-binh, Thiếu-úy Braun cùng hai ngụy-binh cũng phải đạn. Tuy-nhiên địch vẫn vào làng được đầu không vượt được cồng làng ; chúng phá

lũy tre lấy lối tiến nhưng vào đến trong chúng gấp đường hẹp, hai bên là hồ ao và đàng trước là con đường cùt. Chúng biêt là bị sa bẫy nên vội thoát thân ra khỏi làng để bao vây mặt Tây-Bắc. Trận đánh liên-tiếp đến tối. Tuy có pháo-binh giúp sức, chúng vẫn không dám tiến vào. Trời đã tối. Chofflet hạ lệnh ngừng-chiến, chỉ bao vây cho chặt, kiểm-soát các ngả đường ra vào chờ sáng sớm hôm sau sẽ đột-nhập do mặt Tây - Bắc. Nhưng tối hôm ấy trời mưa, và vào lúc 3 giờ sáng hai bên lại nổ súng trong nửa giờ rồi nghĩa-quân lợi-dụng bóng tối rút khỏi làng để lại cảnh vườn không nhà trống và các công-sự vắng ngắt.

*Trận Thượng-yên (16-8).* — Sáng ngày 16-8, nghĩa-quân có mặt ở Thượng-yên và thay đổi chiến-trường là việc cần thiết không ngoài ý muốn lợi-dụng những địa-hình, địa-vật mới, và buộc đổi-phương vì thế phải thay đổi cả chiến-thuật, chiến-lược. Đồng thời chiến-pháp này cho binh-sĩ ít giờ phút nghỉ ngơi trong khi sửa-soạn cuộc giao-phong mới. Lúc này nghĩa-quân hoạt động cách Phủ-lô 3 cây số về phía Đông-Nam.

Chofflet huy động 4 toán quân có pháo-binh yểm - trợ khởi hành từ Thạch-lôi đến Thượng-yên từ lúc 8 giờ sáng. Trời bấy giờ rất nóng, mãi tới 5 giờ chiều địch mới đến sát mục-tiêu. Nhường như địch rất dễ-dặt trong công việc tiến quân nên đã mất cả ngày mới vượt được vài cây số, hoặc địch đã bị kế nghi-binh của nghĩa-quân ngăn-trở. Một điều đáng ngờ nữa là Chofflet dùng-dắng chờ viện-binh do Bouffet và các nơi điều động tới. Bouffet mang lính khổ xanh bằng xe lửa đến Phủ-lô; lại có quân-đội từ Yên-phụ, Từ-sơn đến Thượng-yên. Thảy đều có mặt vào buổi trưa và Chofflet thị-sát mặt trận hồi 2 giờ 30 thấy mặt Nam là chỗ thuận-tiên nhất cho việc tấn-công và việc đặt trọng-pháo. Sau đó y cho lệnh pháo-binh đến đóng tại ngôi chùa ở phía Tây

cách mục-tiêu ba thước cù nhắm vào góc Đông-Nam và ven làng về phía Nam hầu chặn nghĩa-quân rút lui ở đây.

Đại-đội Chastelier và đại-đội Grémillet được chỉ - định đánh vào mặt Nam và hai bên Đông - Nam, Đông - Bắc. Vào 5 giờ chiều, địch chuẩn bị và bố-trí đầy đủ thì tiếng súng nổ. Sau 40 phút xung-phong đội-quân của Chastelier và Grémillet đã có một số lợt được vào làng phía Đông - Bắc. 6 giờ 30 toán quân của Saillens cũng đột-nhập vào mặt Bắc. Đêm xuống, địch ngừng cuộc chiến-dấu nhưng được lệnh không ra ngoài vị-trí đang nắm được và bao vây cùng canh phòng cẩn thận chờ sáng như thường-lệ. Còn nghĩa-quân luôn áp-dụng chiến-thuật vừa đánh vừa chạy và lợi-dụng đêm tối để rút. Trong cuộc xung đột ngày hôm đó, địch bị mất hai khố đỏ và 1 thàn binh, bị thương 6 trong có Trung-úy Terrez 1 Đội, 2 lính Âu và 2 khố xanh nhưng nghĩa-quân thiệt thòi hơn là mất tướng Ba Biểu. Ông bị trọng-thương và hai hôm sau địch thấy xác ông ở trên một mảnh ruộng gần làng Nhân-tác là quê quán của ông. Chúng liền chặt đầu ông đem bêu ở Phủ-lỗ sau đó Công-sứ Phúc-yên lấy về thị-xã Phúc-yên để treo nơi công-cộng hầu áp-dảo tinh-thần dân-chúng.

Sau trận Thượng - yên, địch lo giải-quyet hai vấn - đề là phá hủy các tường lũy của nghĩa-quân cùng ngăn chặn việc lui quân của ta trong bóng tối. Rồi họ nghĩ ra việc chế tạo các chất nổ và hỏa-pháo để soi sáng chiến trường cho tiện việc truy - kích. Còn việc về lủng-cứng giữa bộ ba Corandi Công-sứ Phúc-yên, Chofflet và Lê-Hoan, Tổng tư-lệnh quân-đội viễn-xâm Đông-duong đã quyết-định rút Chofflet cùng hai Đại-đội lính Âu về Sơn-tây, cử Tiểu-đoàn trưởng Bonifacy chỉ-huy Tiểu-đoàn Bắc-kỳ số 1 đến nắm quyền quản - trị các lực - lượng ở Phúc - yên và thi-hành chương-trình bình-định vùng này.

Bonifacy đến nhận nhiệm - vụ tại tỉnh này ngày 30-8. Việc đầu tiên của y là giải-tán bọn trinh-sát của Chofflet và đem quân từ Thạch-lỗi lên đóng gần bản-doanh của Lê-

Hoan. Y thực-hiện sự cộng-tác chặt-chẽ giữa hai phe Việt — Pháp. Hai đại-đội lính Âu bị rút đi, hai đại đội này là đại-đội 5 và 7 của Trung-doàn thuộc-địa số 9 nay được thay bằng hai Đại-đội 3 và 4 từ Hà-nội đem lên. Y còn sáng-kiến nữa là lập ra 4 toán quân, mỗi toán gồm nửa Pháp nửa Việt giao cho Đại-ý Saillens, Chastelier, Fontaine, Lasaulce chỉ-huy. Rồi, các toán quân này (gồm 1 đơn-vị pháo-bin) đóng ở Thạch-lõi, Gia-lạc (gần ga Thạch-lõi) và Chi-đông. Một sự kiện mới nữa : Thống-sứ Bắc-kỳ cử Fargeas quan cai-trị làm Ủy-viện chánh-phủ lĩnh-dạo các cuộc hành-quân và nắm quyền tối-hậu quyết-định.

Sáng 6-9 nghĩa-quân có độ 15 người đột-nhập làng Thái-lai cách tỉnh-ly 6 cây-sô phía Tây sông Cà-lồ nhưng khi địch tới thì nghĩa-quân lại rút về Yên-lõi. Địch săn quân-số đông-đảo tung ra bao vây : toán quân của Fontaine đón ở mặt Tây, toán quân của Lacabanne phía Nam, quân của Lasaulce vào pháo-bin mặt Bắc, quân của Chestelier và Gressin cùng Trung-đội Bouffet chặn đường ra vào trong làng.

Tại mặt Bắc, Lasaulce tiến quân rất chặt-vật do hỏa-lực của nghĩa-quân cản-trở khá mạnh. Một hạ sĩ-quan Pháp bỏ mạng và 2 lính khố đỏ bị thương. Địch vẫn xông vào mặt Đông-Bắc dùng chất nổ phá cổng làng bị quân kháng-chiến bên trong đánh ra rất hăng. Địch tiến sát các tường lũy và chiến-hào, nghĩa-quân đốt cháy các nhà kế cận để cản chúng rồi cuộc giáp lá cà diễn ra rất ác-liệt. Trọng-pháo của địch vì vậy không xử-dụng được nhưng địch phá được công-sự của nghĩa-quân bằng các bộc-phá. Trời tối đồ xuống, nghĩa-quân rút qua ao về phía Tây-Bắc để lại 7 xác chết và 4 cây súng, nhưng địch thiệt mất 8 mạng và 7 bị thương trong có tên Đại-ý Fontaine.

Xét ra thực-dân đã mang đại-quân ra càn quét quân Cách-mạng từ đầu tháng hai, cuộc hành-quân không mấy khi ngừng và đã làm cho các bộ đội viễn-xâm mệt mỏi, đau ốm,

hao tổn khá nhiều. Sau trận Yên-lô (6-9) cuộc chiến đấu của chúng phải ngừng lại để binh-sĩ được nghỉ-ngơi, ít ngày. Trong khi đó nghĩa-quân Yên-thế bí-mật rút phía Bắc Vĩnh-yên và tụ tập ở núi Lang.

Cuối tháng 9 địch và Việt-gian Lê-Hoan cùng quyết định chuyển quân lên Vĩnh-yên để truy-kích. Cho tới giờ phút đó, riêng nói về chiến-dịch Phúc-yên kéo vào hai tháng, địch đã phải thú rằng : « *Trong hai tháng nay, quân ta bị cầm chân ở Phúc-yên. Với bọn giặc phụ mà ta còn phải chàng-chợt, trong khi lực-lượng chính của địch được lập lại và mạnh thêm ra* ». Đây là báo cáo của viên Tổng Tư-lệnh quân-đội viễn-xâm ở Đông-Dương.

*Mặt trận phía Bắc Vĩnh-Yên.*— Quả vây kế-hoạch của Hoàng-lĩnh-tụ sau trận Hiền-lương (25-7) là dùng một bộ đội nhỏ cho hoạt-động ở Phúc-yên hầu giữ một phần quan-trọng chủ-lực quân địch ở đây còn đại bộ-phận thì di-động về hnyện Lập-thạch tỉnh Vĩnh-yên lấy núi Lang làm vị-trí. Cuộc di-động này hết sức bí-mật nên suốt hai tháng tám và chín địch không tìm ra dấu tích của hùm thiêng Yên - thế. Đại-tá Chofflet chỉ nghe mong manh có sự xuất hiện của nghĩa-quân ở núi Lang nhưng bọn cầu-tầu của Khâm-sai Lê-Hoan không xác-nhận tin này. Địch phái trinh-sát đến vùng Bình-sơn trên bờ sông Lô trung tuần tháng 8 để nghe-ngóng cũng không thấy gì và ngày 12-9 theo lệnh Công-sứ Phú-thọ, tiêu-doàn Việt-trì phái Trung-úy Grény mang 20 lính lè-dương và 30 khố đỏ đến đóng ở Tứ-đà với mục-đich ngăn nghĩa-quân tràn sang Phú-thọ. Ngày 21-9 địch được tin có 60 nghĩa-quân đang hoạt-động ở núi Lang nhưng về phía Tuần-phủ các tỉnh liên - hệ họ không công nhận sự-khiển này. Xem vậy, nghĩa-quân đã giữ được bí-mật về mọi cử-động của mình để tu-chỉnh và rèn luyện quân-đội cho thêm sắc bén hầu đối-phó với địch cho có hiệu-nghiệm hơn.

Ngày 29-9 đại-quân của Bonifacy đã kéo đến Vĩnh-yên. Hai đại-đội lính Âu đến đóng ở Phan-lương do đường thủy từ Việt-trì tiến lên. Hai đại-đội khố đỏ và một đơn-vị pháo-

binh đến đóng ở Liễn-sơn và Hậu-phúc. Cuộc hành-quân bắt đầu từ 31-9 nhằm các điểm Phù-niên, Mãn-hóa, Nam-hiên và Quảng-cư. Bonifacy cho quân án-ngữ mặt Bắc và phía Đông núi Lạng có ý ngăn nghĩa-quân rút về Tam-đảo. Từ sông Lô đến Quảng-cư địch chia ra 4 khu và đặt bộ đội hỗn-hop ở mỗi nơi lại thêm lính khổ xanh ở Tuyên-quang và lính đồng ở Sơn-dương đến tăng-cường cho các cánh quân của Đại-úy Saillens ở Phan-lương, Đại-úy Lacaulee ở Lãng-Nhiều, Phù-nhiêu, của Đại-úy Chastelier ở Mãn-hóa Dũng-vi, Đại-úy Ab-blard ở Nam-hiên và Quảng-cư.

Bộ chỉ-huy của địch đóng ở Mãn - hóa, pháo - binh đóng ở Quảng-cư. Trung-đội của Grény đóng ở Phượng-ngạc trên tả-ngạn sông Lô. Thân binh của Lê-Hoan đóng ở Quảng-cư và Liễn-sơn. Theo kế - hoạch của Bonifacy, thân - binh đột-nhập vào các làng Mán rải-rác quanh núi Lang, lập thành vòng đai xiết chặt nghĩa - quân ở bên trong. Đầu mồng 2-10 nghĩa-quân đã đào hầm hổ trên hai ngọn đồi 305 và 616 cây cổ mọc cao ngập đầu người. Địch vào phải qua một con đường nhỏ ở phía Tây, có suối chắn ngang và có chỗ dốc rất cao và trơn. Sáng ngày 3 chúng chia nhiều ngả tiến vào và buỗi trưa địch và nghĩa-quân cách nhau chỉ vài trăm thước. Ở tiền-tuyến nghĩa quân bắn ra. Đại-úy Chastelier được lệnh xung-phong tiến lên đồi để quan-sát vị-trí và tiêu-diệt quân tiền-phong của cụ Hoàng. Từ trong các chiến hào, sau các bụi rậm, đạn của nghĩa-quân bắn ra rất trúng. Địch bị rối loạn và mấy tên cai-đội bị trọng-thương. Một tiểu-đội do Phó-quản Clerc vội đến tiếp cứu. Trung-đội Marquis tiến đến rất khó-khăn phần bị hỏa-lực của nghĩa-quân cản lại, phần địa-hình kỳ - khu có nhiều dây leo chằng-chịt chắn lối nên từ hai giờ trưa đến 5 giờ chiều chúng không vượt nổi quá bảy chục thước. Về phía bên trái, quân Boyer cũng bị nghĩa-quân từ thung-lũng bắn ra trong khi chúng định xung - phong vào chiếm chiến-hào. Nghĩa-qqân bắn rất quá và tuy có pháo - binh trợ - chiến, Boyer vẫn phải rút lui. Đơn-vị của Saillens cũng bị bắn dữ-dội phải tan-rã để tránh đạn, một phần phải hợp với

cánh-quân của Boyer. Giờ phút này địch bị tổn thất khá nhiều. Nhưng chúng cố-gắng chiếm được chiến-hào của nghĩa quân trước tối. Bấy giờ trời đã về chiều. Một trung-đội khố đỏ của Lacaulce được gửi đến tiếp-viện cho các cánh quân xung-phong. Guény dẫn một bộ-đội trên một trăm người gồm lính lê-dương, khố đỏ, khố xanh kèm thêm một tiểu-đội liên-thanh nhò một tên Mán dẫn đường đang vượt con đường nhỏ xuyên rừng vượt suối. Tên Mán đi đầu bị bắn chết ngay và cả bọn bị nghĩa-quân xạ-kích rất mạnh, chạy trốn rối loạn. Địch bị thương vong nhiều do nghĩa quân ở sườn dốc bắn xuống Guény phải lui binh về phía Tây định tiến về phòng-tuyến của nghĩa-quân. 4 giờ chiều chúng chỉ còn cách ta vài ba chục thước nhưng đội liên thanh đã mất quá nửa.

Về phần Lacabane tiến về phía Đông cũng bi-đát như các cánh quân kề trên. Chúng cũng bị tổn thất rồi chạy qua phía Tây hợp lực với bọn Guény.

Tiểu-đoàn trưởng Bonifacy thấy quân mình không tiến được đến các chiến-hào trên đồi và dưới suối liền cho lệnh cho Đại-úy Abblard, Trung-úy Guény, Boyer hợp với cánh quân của Chastelier làm thành một vòng đai xiết kỹ vào nghĩa-quân. Một số xung-phong liêng lưu đạn vào chiến-hào khiến nghĩa-quân thiệt 5 người và 1 chỉ-huy tên là Cát; ông này đã làm cho địch phải khâm-phục là có một nghị-lực đáng sợ.

Nghĩa-quân yếu thế phải bỏ phòng-tuyến thứ nhất rồi trôi tối hai bên ngừng bắn. Địch còn chiếm được chiến-hào bên suối nhò có pháo-binhh yểm-hộ. Còn ở bên kia suối cánh quân của Saillens vẫn bị tê-liệt. Trong trận này địch thiệt: 17 chết và 39 bị thương. Cuộc chiến đấu kéo dài cả một ngày sau đó nhò trời mưa lớn và đêm tối nghĩa-quân rút khỏi núi Lang về Tam-dảo.

*Mặt trận từ Tam-dảo đến Thái-nghiên.—* Mãi tới ngày 17-10, địch mới dò biết nghĩa-quân đã vượt sông Đáy qua

lũng Vĩnh-ninh vào rặng Tam-đảo. Ngày 18-10 chúng giải quân từ Đạo-trù qua Vĩnh-ninh, Hoàng-la đến Ninh-bắc.

Ngày 22-10 nghĩa-quân xuất hiện ở sườn Bắc Tam-đảo thuộc huyện Đại-tử (tỉnh Thái-nguyên). Bonifacy liền phái Abblard mang một cánh quân vượt tắt núi Tam-đảo đón đường nghĩa-quân từ Mỹ-trang đến Cát-nê không cho nghĩa-quân rút lên chợ Chu. Còn riêng quân bắn-bô của y vẫn đóng ở Vĩnh-ninh sẵn sàng theo mé Nam Tam-đảo qua Mỹ-khé, đèo Nhe tiến lên phía Bắc tạo thế gọng kìm vây hãm nghĩa-quân.

Ngày 24 - 10 bộ-đội của Abblard tới Mỹ-trang thì cụ Thám đang có mặt ở Thác-Vàng tính qua Yên-Thái lên Đại-tử và Chợ Chu. Abblard liền chia quân ngăn chặn ở ba địa-diểm : Cù-vân, Phục-linh và Hùng-sơn (huyện Đại-tử). Sáng 27-10 cụ Thám trở về Đồng Bỏng. Địch tập-trung vội-vã các trung-đội kề trên về Lục-ba ngay chiều hôm đó nhưng chúng nghi nghĩa-quân rút lên chợ Chu nên lại kéo nhau về Hùng-sơn. Về tối đây chúng lại được tin nghĩa-quân đang đóng ở Đồng-Bỏng. Chúng liền tiến đến Bờ rạ đối-diện với Đồng-Bỏng (trên sông Công cách Thác Vàng 4 cây số) Bờ rạ cách vị-trí của nghĩa-quân có một cây-số nhưng đêm hôm đó nghĩa-quân đã rút về phía Bắc qua núi Pháo. Sáng 29-10 địch qua sông, chui rừng lội suối suốt 13 tiếng đồng-hồ mà không tìm ra dấu vết của cụ Thám.

Tại Vĩnh-ninh, Bonifacy ngày 26-10 được Công-sứ Thái-nguyên cho biết cụ Thám đang tiến quân trên con đường từ Đồng-Bỏng đến Bến-Đông. Y liền đem binh-sĩ men theo sườn phía Nam qua Mỹ-khé lên Thanh-lộc thì bắt được liên-lạc với Abblard còn loanh-quanh ở địa-phương này. Bonifacy liền chia quân bao vây các nẻo đường ở đây nhưng kế-hoạch này chưa kịp thi-hành thì cụ Thám đã đi khỏi và tới núi Sơn-cầm (giáp đường Quốc-lộ số 3 cách tỉnh-lỵ Thái-nguyên 10 cây số về phía Bắc).

Chiều 3-11 Bonifacy nghe tin nghĩa-quân muốn tiến về Yên-thế băng cách vượt sông Cầu (mạn Hóa-thượng) Y

phái ngay nhiều quân-đội tiến xuống Thái-nghiên, còn cử đại-đội Lacaulce và Saillens đóng ở Lý-nhân và làng Cương giữ hữu-ngạn sông Cầu đón đánh nghĩa-quân. Chúng mở cuộc tảo-thanh các làng hai bên sông về mạn Bắc Thái-nghiên luôn trong 14 ngày (từ 3 đến 17-11) nhưng chẳng lượm được kết-quả gì. Ngày 7-11 nghĩa-quân có mặt ở Nà-nua cách Xa-lung 3 cây số về phía Nam. Địch kéo đến thì nghĩa-quân đã đi mất. Từ ngày 10-11 địch bố-trí các địa-diểm trên con đường sang Yên-thế như làng Na-nua, Khe-mo, Phả-lý, Trại-cả, khủng-bố dân chúng để lấy tin tức nhưng nghĩa-quân vẫn rút được về Na-lương và Phòn-xương là địa-bàn cũ trong vùng Yên-thế.

*Ngày cuối cùng của cụ Hoàng-hoa-Thám.*— Ngày 17-11 cụ Hoàng cùng đám tàn quân về đến Yên-thế thì đại bộ phận lực-lượng của Bonifacy cũng kéo đến Nhã-nam thiết-lập đại bản-doanh và chia nhau đóng các diêm chiến-lược như mỏ Na-lương và Canh-nâu. Tại diêm trên có 2 đại-đội do Đại-úy Abblard và Chastelier chỉ-huy. Tại diêm dưới do Đại-úy Sail-lens và Lasaulce trấn đóng cũng có hai đại-đội, ngoài ra còn nhiều đơn-vị đã đóng ở Yên-thế sau cuộc hành-binh tháng 5.

Ngày 30-11 Bonifacy phái Chastelier và Lasaulce đến đóng ở Mỏ Trạng vì nghe nghĩa-quân đang hoạt-động tại vùng tam giác Mỏ Trạng, chợ Gò và Đỉnh thép. Còn Lê-Hoan chia thân binh ra nhiều toán nhỏ lập các ồ phục-kích trong khi các đơn-vị khổ xanh lưu-động trên các đường ngang ngõ tắt qua rừng.

Cuộc truy-tầm này làm cho địch hết sức mỏi-mệt nhưng cũng gây được những kết-quả tai hại cho cụ Thám. Thấy thế-lực của nghĩa-quân mỗi ngày một giảm-sút, dần dần dân chúng kém sự tin-tưởng rồi sự ủng-hộ nghĩa-quân cũng vì thế trở nên thưa thớt, trái lại là địch và đám Việt-gian phản-động mỗi ngày một tăng cường cuộc khủng-bố đồng-bào các xã, các thôn làm cho sự tiếp-tế tê-liệt rõ-ràng.

Ngày 1-12 vợ ba của cụ Thám là bà Ba Cần bị trúng-đội Coucron đi tuần bắt được gần đồn chợ Gò (1). Hôm sau cụ

Thám cùng 5 nghĩa-quân bị lọt vào ô phục-kích của giặc hồi 1 giờ 30 sáng, trong khi cụ đi tìm bà Cẩn; một nghĩa-quân bị hy-sinh và cụ Thám chạy thoát được nhờ trời còn tối. Chiều hôm sau ba nghĩa-quân ra hàng thân-binh, ngày 4-12 em họ cụ Thám là Cõn cũng ra thú, (theo Nguyễn-công-Bình, Cõn là thủ túc và tâm-phúc của cụ Thám bị tử trận) ngày 5 lại ba người nữa chạy qua hàng ngũ giặc. Từ nay cụ Thám chỉ còn vài kẻ thủ-hạ trung thành nhất.

Theo lời hàng binh, địch thấy nghĩa-quân đã bị diệt gần hết nên giải-tán quân chủ-lực vào ngày 9-12. Chúng chỉ còn để một ít hợp với quân địa-phương đi lùng lanh-tụ họ Hoàng, và hai kẻ tay chân cuối cùng.

Mất liên-lạc với cụ Thám, Cả Dinh và Lãnh Huân cũng bị xô đuổi gấp và đến Bạch-dà gặp Pháp lại đánh nhau dữ-dội. Dinh rút về Vĩnh-yên, Huân trở về Liên-son là nơi gần sinh-quán của ông (làng Giọc thuộc phủ Đa-phúc). Ông và 10 nghĩa-quân được đồng-bào che dấu nhưng ít ngày sau cũng ra hàng tên ngụy Đô-thống Đỗ đinh-Thuật. Tùy tướng thứ ba của Yên-thế là Ba Biều sau trận núi Lang (5-10) cũng còn một số ít quân như cả Dinh chạy về ẩn náu ở Kim-anh, cũng là quê nhà và cũng được đồng-bào hết lòng giúp đỡ nhưng rồi nghĩ ẩn náu mãi cũng khó khăn nên ông đã đắc chiến-hào và cho báo giặc đến đánh một trận cuối cùng. Trong giai-đoạn này ông còn giết được khá nhiều quân địch với số tàn quân không quá 11 tay súng tại một làng thuộc huyện Kim-anh. Sau ông rời qua làng khác, vẫn tiêu-diệt được nhiều Pháp, vẫn bảo-toàn được lực-lượng nhưng một buổi trưa ông vượt chiến-hào vào một nhà gần đó thì bị một phát đạn của địch bắn ra mà chết. Sau cùng vào ngày 23-10 đến lượt Cả Dinh bị thương nặng trong trận đánh tại núi Lang phải ra thú với 8 nghĩa quân Ngày 24-2-1910 nghĩa-quân và tướng tá 78 người trong có bà Ba Cẩn bị giặc mang hết về Hỏa-lò (khám-dường Hà-nội) rồi bị đầy đi Guyane française là một thuộc-địa Pháp ở Bắc-phi.

1) Theo «Cách-mạng cận đại Việt-Nam» của Nguyễn-công-Bình, trang 52 sau trận ngày 5-10-1909 kéo dài từ 2 giờ chiều đến 10 giờ đêm trong vùng núi Lang nghĩa quân đã giết được nhiều giặc nhưng cũng bị thiệt nhiều người., Lúc bà Ba Cẩn sắp rút lui thì bị một phát đạn xuyên qua cánh tay, thủ-hạ chạy mồi toàn một ngả. Bà bị vết thương chảy ra nhiều máu qua nên bị giặc xông đến bắt được...

Nay nếu chúng ta kiểm-điểm lại tình-trạng quân-số, những trận đánh của hai bên nghĩa-quân và thực-dân Pháp thì ta thấy nghĩa-quân thua Pháp là lẽ cỗ-nhiên. Vì chiến-tranh kéo dài nhiều năm tháng như vậy, dầu thắng nhiều trận luôn luôn gây tổn thất nặng cho địch nhưng nghĩa-quân cũng bị tiêu-hao dần, điều này không làm sao tránh khỏi. Cuối tháng giêng (1909) trong khi Đại-tá Bataille chỉ-huy, nghĩa-quân có từ 130 đến 200 người, tới tháng 5 số quân này chia một phần sang Phúc-yên, một phần sang hoạt-động bên vùng núi Cai-Kinh. Đến trận núi Lang, nghĩa-quân đã thắng được nhiều trận oanh-liệt khiến địch bị tổn-thất nhiều nhưng nghĩa-quân cũng đã sứt mẻ một phần quan-trọng. Lúc này số chiến-sĩ còn lại chừng 50 người. Về tướng tá cho tới cuối năm 1909, nhiều kẻ tử thương, nhiều người ra hàng hay bị bắt (Số bị bắt hoặc chết có : bà Ba Cần, Cả Trọng, Lý Thu, Cả Huỳnh, Ba Biều, Hai Nom, Lãnh Huân ; số ra hàng : Cả Dinh, Cai Sơn. Còn địch phải thay đổi ba lần cấp chỉ-huy, tu-chỉnh và cải-tổ, hai lần quân - đội chủ - lực, chết 65 tên lính (một nửa là lính Âu), bị thương 130 tên mà già nửa là lính Âu. Đáng chú ý địch đã đem hàng ngàn lính các loại và hàng trăm cán-bộ chỉ-huy từ cấp úy đến hạ sĩ-quan tung vào các chiến-tuyến từ Phúc-yên, Vĩnh-yên, Thái-nguyễn đến Yên-thế (Bắc-giang).

Giờ đây cơ - đồ có thể nói không còn gì nữa, chỉ còn sót lại vị chủ-tướng. Họ Hoàng còn thì Pháp chưa ăn - ngon ngủ yên và khai-thác dễ dàng tài-nguyên vùng Việt - Bắc. Chúng tìm đủ cách chia rẽ dân chúng địa - phương với Cụ, lại bầy mưu sai thô-dân hay nghĩa-quân đã đầu hàng đi tìm cụ để ám-hại. Luôn hai năm nhờ nơi sự ủng-hộ của đồng-bào, cụ Thám tránh được mọi thủ-đoạn sâu đậm và hèn nhát của địch, cho tới tháng hai năm 1913 thì người anh hùng dân-tộc tới lúc cáo-chung sứ-mạng diệt-thù cứu-quốc. Trong những ngày chót, cụ Thám đã cầu cứu đến người đồng-chí cũ là Lương-tam-Kỳ nay thành thần-tử của Pháp đang được dịch cho cai-quản vùng Chợ-Chu (Thái-nguyễn). Lương phái vài tên thô - phi Trung-quốc đến làm

thủ-hạ cho họ Hoàng (1). Bên họ Hoàng lúc này cũng còn vài nghĩa-quân tâm-phúc. Cụ vẫn đề-phòng nên xét nét đồ ăn uống phải có người ném trước, chỗ ngủ thay đổi luôn luân. Vào dịp Tết Nguyên-đán năm ấy, cụ cho nghĩa-quân về với gia-dinh để hưởng cuộc vui xuân, chỉ còn hai tên thủ-hạ của Lương-tam-Kỳ ở lại. Hai tên này có ý phản từ lâu đã nhân cụ kéo chăn che kín mặt ngủ cho đỡ lạnh một tên liền vung cao cái cuốc đập bẽ đầu cụ (2). Cụ còn vùng lên tím khẩu súng lục và thét hỏi tên Bảy thi bị tên sát nhân đánh thêm một nhát nữa. Lần này cụ ngã gục hẳn. Cụ chết, và việc xảy ra vào 4 giờ rưỡi sáng ngày 10-2-1913 tại khu rừng cách Chợ Gò hai cây số.

Rồi hai tên phản-bội chặt đầu cụ về nộp cho Pháp. Pháp đem bêu ở chợ Nhã-Nam và nhiều nơi để áp-dảo tinh thần nhân-dân Việt-Nam lúc này vẫn còn sôi mạnh máu căm-thù quân xâm-lược. Nhưng chúng có đạt được mục-đích này chẳng ? Không ! Muôn ngàn lần không !

Thân-thế và sự nghiệp của người anh-hùng Yên-thế đáng được hậu-sinh chúng ta ngẫm-nghĩ.

Xuất thân là một nông dân cùng khồ, họ Hoàng đã có trí-khi anh-hùng và lòng ái-quốc vô-biên từ lúc thiếu-thời như nhiều vị tiền-bối đã có tên tuổi trong lịch-sử chống xâm-lăng, cứu-quốc. Buổi họ Hoàng bước ra đương đầu với cường địch là lúc dân tộc Việt-nam đã quá mỏi-mệt sau nửa thế-kỷ cọ sát với nền cơ-giới hùng-mạnh của Tây-phương nhất là trên đất Bắc, luôn từ 1874 cho đến hết thế-kỷ XIX, địch đã mang tới đây ba bốn chục ngàn quân Âu-châu ra mặt uy-hiếp chiến-trường Việt-nam.

1) Đã có lần nghĩa-quân khám phá ra manh-tám bội-phản của một tên trong bà kè thủ-hạ của Lương-tam-Kỳ. Tên này bị trừng-trị ngay.

2) Việc bội-phản này đến nay chưa được rõ có sự định-liu của Lương-tam-Kỳ hay không, nhưng du-luận vẫn nghĩ rằng họ Lương đã phản bạn để lập-công với Pháp.

ngoài số linh-tập, khổ xanh có tới năm mươi ngàn làm mồi cho súng đạn thay chúng trong các công-tác xung phong cảm-tử. Cụ Thám khởi sự với các đồng-bào nông-dân, quy-tụ được nhiều anh-hùng, hào-kiệt trong đám người thảo-dã. Điều-kiện chiến đấu thật là eo-hẹp: quân đơn-tướng ít, súng đạn hiếm-hoi, lương-thực khó khắn. Lúc này trên toàn quốc phong-trào Cần-vương mỗi ngày một suy-tàn như ngọn đèn mờ trước gió. Đã dành rằng tinh-thần yêu-nước của quốc-dân vẫn nồng-nhiệt, nhưng khí-lực, vật-lực của Kháng-chiến mỗi ngày một hao-hụt thì tinh-thần cũng dần đến đâu cũng phải mòn-mỏi dần, vấn-de thất-bại chỉ là sớm hay muộn mà thôi. Nhưng họ Hoàng vẫn bền-lòng vững-chí như sắt đá do đó ta có dịp so-sánh cụ với bao nhiêu chiến-sĩ khác buổi đầu chống giặc rất hăng-rồi sau cũng lần lượt qui-gối trước cửa viền của địch. Riêng người lính-tụ Yên-thế chẳng ham sống, cũng không thèm danh-lợi như Đề Phúc, Đề Kiều, Đô-thống-Thuật v.v... nữa đường hàng-giặc cầu-an. Lúc sức-cùng, lực-kiệt, Cụ vẫn không đổi-dạ cho đến khi bị nội-phản.

Ngót 30 năm ròng với số binh-sĩ ít-ỏi một vài trăm người, bao nhiêu lần tan-rã là bấy-nhiêu lần bồ-sung và rèn-luyện lại sĩ-tốt vô-cùng khó-nhọc giữa lúc địch và bọn cầu-tầu lúc nào cũng đồng-gấp-trăm, theo sát-nách, cuộc chiến đấu của họ Hoàng gần như vô-vọng, vậy mà cuộc chiến đấu cứ kéo dài một cách kỳ-diệu đó là nhờ chỗ họ Hoàng đối-với anh-em tả-hữu như tay-như-chân, đối-với dân-chúng họ Hoàng biểu-dương được cái-nghĩa đồng-lao, cộng-khổ và nâng-cao cho mọi người thấy rõ cái-gương hy-sinh-cứu-quốc. Rồi đồng-bào cảm-phục người nghĩa-sĩ một-phần, lại thương-sót cho ai cái-cảnh một hổ-chống-trăm hổ. Cũng vì lòng thương-mến ấy đồng-bào đã giúp họ Hoàng cả người-lẫn của cho tới tàn-cuộc. Sự-nghiệp của họ Hoàng nếu phân-tách, ta còn thấy đã do sự-hậu-thuẫn của nhân-dân mà-nên nữa: nhân-dân là sức-mạnh cho họ Hoàng chống-xâm-lăng và nhân-dân cũng là cái-một, bức-trường-thành che-chở cho họ Hoàng những-khi gặp-cảnh hiềm-nghèo. Nếu không được sự

trung-thành của các đồng-chí, sự tận tâm giúp đỡ của nhân dân, hẳn họ Hoàng khó mà kéo dài cuộc đấu tranh đầy gian khổ luôn ngót 30 năm trường để gây nên được nhiều võ-công hiền-hách.

Nay đem so-sánh các phong trào chống Pháp của dân tộc ta trên toàn quốc trước cuộc Thế-chiến thứ nhất, cuộc khởi-nghĩa Yên-thế do Hoàng-hoa-Thám lãnh đạo kéo dài nhất và cũng làm cho địch tổn-thất cùng điêu-đứng nhiều nhất.

Ngoài ra ta thấy Pháp đưa đến nước ta bao nhiêu tướng tá và quân đội nhà nghè, giàu kinh-nghiệm trên chiến-trường Việt-Nam, quân-nhu đạn-dược, phuơng-tiện thừa thãi mà vẫn không tránh được nhiều cuộc thất trận thì hẳn địch nhiều phen đã thấy dân tộc Việt-Nam không hèn, nếu dân ta mất nước là chỉ do giới người lãnh-đạo kém cỏi, chế độ vua quan lạc-hậu, nguyễn-lực quốc-gia quá kiệt-quệ.

Bàn đến lòng dũng cảm, chí tranh-đấu của họ Hoàng trên khía cạnh khác, ai cũng phải nghĩ rằng lòng dũng-cảm và chí tranh đấu ấy còn do toàn thể quốc dân Việt-Nam hùn-đúc, thúc-đẩy mà có : chính cái tập-đoàn nhân dân Việt-Nam từ xưa tới nay đã cầu-tạo, đã gây dựng nên bao nhiêu danh-nhân hào-kiệt, điều này không đáng lạ trong lịch-sử của chúng ta. Và tại đây ta đừng nên quên một đồng-chí đặc-biệt của cụ Thám là bà Ba Cần. Chính vị cân-quắc anh hùng này đã giúp chồng rất nhiều trong công cuộc bài-xâm phản-đế. Từ đầu thế-kỷ của chúng ta khắp đồng-bào già trẻ, gái trai, từ thôn quê ra ngoài thành-thị đều luôn luôп ca tụng tài của bà Ba Cần về mặt chiến đấu cũng như về gan dạ. Là vị tham-mưu bèn cạnh chiến-sĩ họ Hoàng, bà nêu cao tinh thần bất khuất, giữ vững ý-chí chiến-đấu của ba quân trong những giờ phút đèn tối. Đối với các bà Trưng, Triệu không hổ mà còn là gương sáng cho các bạn quần-thoả sau này. Do noi Bà, ta có thể tin rằng dân tộc ta đời nào cũng có trai anh-hùng, gái hào-kiệt. (Người ta truyền tụng lại rằng bà Ba Cần có tài độn, toàn nên đã từng cứu chồng nhiều phen trong bước cùng quân, nguy-cấp...)

Nửa đời hy - sinh cho xú-sở trong vòng đạn lửatoi bời, vào sinh ra tử, quân có thể nhược mà không ngại nỗi châuchâu đá xe, họ Hoàng hẳn đã nghĩ các bậc cha chú xưa kia cũng thường đo gươm đối súc với giặc như vậy. Đến họ Hoàng, hoàn cảnh xã-hội Việt-Nam cũng điều tàn như thời Lê-Lợi chống Minh, nhưng việc phải làm thì làm, đâu dám coi thân minh, nhà minh trọng hơn đất nước. Rồi một ngày kia, một ngày đau đớn cho toàn-thể dân-tộc chúng ta, vị anh hùng vùng Yên-thế bị nội phản, tướng tá tan vỡ, núi rừng Yên-thế, Phúc-Yên, Vĩnh-Yên, Thái-Nguyênlại đắm chìm trở lại trong cái yên lặng ngàn đời. Thời ư? — Vận ư?

Còn bàn về cuộc khởi-nghĩa Yên-thế, ta thấy một vài điểm đặc-biệt : cuộc khởi-nghĩa Yên-thế tuy cũng nằm trong hệ-thống khởi-nghĩa từ năm 1885 đến cuối thế-kỷ XIX tuy nó cũng có tánh-cách địa-phương như nhiều cuộc khởi nghĩa khác đồng thời và nằm trong phạm-vi ảnh-hưởng của các văn-thân, nhưng đối với giặc Pháp nó có uy-thể đặc-biệt vì vậy nhiều lần địch phải huy-động những lực-lượng lớn lao hết sức mà vẫn không tiêu-diệt được quân khởi nghĩa. Lãnh-tụ của Yên-thế chỉ là một nông-dân ít học hay vô học, nhưng điều-binh khiền tướng rất tài nên đã lượm được nhiều thắng-lợi khiến địch phải cản-phục là kỳ-diệu Quả vậy, nghĩa-quân Yên-thế đã xuất quỷ nhập-thần, biến du-kích chiến nhiều phen ra trò ảo-thuật mặc dầu trước đây Hoàng-hoa-Thám và binh-sĩ của cụ chỉ biết có theo con trâu cái cầy từ bao nhiêu năm. Mưu-thuật để thúc đẩy chiến tranh phần lớn có nhiều kết-quả xét ra đã do nghĩa-quân được sự ủng-hộ của đồng-bào các địa-phương và trước những kết-quả này địch nhiều phen thất-vọng phải hai lần mở cuộc giảng-hòa.

Ngoài ra quân đội của thực-dân là quân-đội nhà nghè, tướng tá của chúng cũng là những kẻ đã có nhiều kinh-nghiệm chiến-trường từ xa đến nước ta đã bị những người binh-dân Việt-nam đánh cho bạt vía kinh-hồn thì cũng đáng là lạ. Cụ Hoàng-hoa-Thám đã có dịp cho họ biết Việt-nam hay

có những nhân tài đặc-biệt trong giới người cơm rau áo vải. Bọn sĩ-quan Pháp viết ký-sự chiến tranh đã từng công nhận điều đó kèm theo sự ngạc-nhiên. Nếu so-sánh ta thấy cuộc khởi-nghĩa Hương-khê của cụ Phan-đinh-Phùng chỉ dài được 11 năm, cuộc khởi-nghĩa Bãi-sậy của cụ Tân-tương Nguyễn-thiện-Thuật không vượt quá ba năm, vậy mà nghĩa-quân Hoàng-hoa-Thám vùng vẫy được ở nhiều tỉnh Việt-Bắc và Trung-du Bắc-kỳ non ba chục năm thì thật là một sự vẻ-vang lớn cho núi rừng Yên-thế trong lịch-sử kháng Pháp cuối thế-kỷ XIX và đầu thế-kỷ XX. Nếu địch không thi hành được gian kế (phóng gián-điệp vào nơi cụ Hoàng) thì chưa dễ đã tiêu-diệt nổi vị anh-hùng đất Nhã-Nam, Hữu-Nhuế. Còn điều đáng nhớ nữa là sau khi Yên-thế im bặt tiếng súng đạn, các nghĩa sĩ lần-lượt ngã gục, bọn thực-dân Pháp tha-hồ cướp ruộng đất của người nông-dân Việt-nam. Chesnay, Tartarin, De Monpezat, Maldan, Riner, Arnoux v.v... mỗi kẻ có hàng ngàn mẫu ruộng ở Bắc-giang cũng như ở nhiều tỉnh trung-du Bắc-kỳ. (Năm 1903, đòn điền Tartarin ở Bắc-giang chiếm tới 5.220 mẫu tây, tức là 14.500 mẫu ta). Người dân nghèo Yên-thế vẫn phải nuốt tủi nhục bám vào ruộng đất mà sống, nhưng trong khi họ nhỏ mò-hôi, nước mắt xuống luống cày mà họ không còn được là chủ nữa, nhiều khi họ vẫn lấy làm hạnh-diện đã từng phen tắm máu thực-dân trong lòng vùng Nhã-Nam và vẫn nuôi được tin-tưởng về tương-lai anh em, con cháu sẽ có co-hội khác để trả thù quân xâm-lược...

Tháng 11 năm 1902 cụ Sào-Nam đến thăm cụ Đề Thám ở Phồn-Xương để bàn việc cứu quốc giữa lúc cụ Thám và Pháp đang đinh chiến. Cụ Sào-Nam được tiếp - xúc với vị lĩnh-tụ Yên-thế và viếng thăm mọi co-sở của bọn cụ Thám, sau này viết sách Tự-phán (trang 32 do nhà xuất bản Anh-Minh) Cụ đã cực-lực khen ngợi cụ Thám như sau: « *Phỏng dân nước ta ưa muôn người một lòng, ai bảo cụ Đề Hoàng không làm được như Hoa-thịnh-Đốn Gia-lý Bá-Đích?* » Chúng tôi mượn lời nhà lĩnh-tụ cách-mạng đầu thế-kỷ XX của chúng ta để kết - luận về sự-nghiệp của cụ Hoàng-hoa-Thám trong chương này.

## CHƯƠNG IV

### CUỘC ĐẤU-TRANH CỦA CÁC ĐỒNG-BÀO KINH, THƯỢNG VÀ HOA-KIỀU TỪ TÂY-BẮC SANG ĐÔNG NAM BẮC-KỲ.

#### CÁC CUỘC KHỐI- NGHĨA TẠI HÒA-BÌNH (8-1884 — 1-1910)

miền Bắc chạy theo tất cả chiều dài của giải Hoành - sơn, biết bao giống người Indonésien ở khắp miền Nam-Á đã đến tụ-hop từ trên 20 thế-kỷ nay rồi hợp-chung với chúng ta. Vậy về phương-diện nhân-chủng-học, tất cả mọi đồng-bào Thượng ngày nay với chúng ta đều là những anh em xa gần, rồi chúng ta đã cùng chia sẻ với nhau những giờ phút huy-hoàng cũng như những quãng đường đen tối qua các thế-hệ.

Đồng-bào Thượng có tất cả độ ba triệu người tức là 10% dân-số toàn quốc và ở rải rác trên 40% đất đai Việt-Nam. Nửa phần đồng-bào Thượng tập-trung ở các rừng núi cao-nghuyên Bắc-Việt (1.500.000 người) gồm các bộ-tộc Mường, Mán, Thủ, Thái, Nùng, Mèo v.v... Ở Tây-Nghuyên Trung-Việt có trên 700.000 người.

Sau khi thanh-toán được các vùng đồng-bằng, Thực-dân liền nghĩ đến vấn-de đồng-bào Thượng mà chúng không thể coi thường bởi ngay khi chúng chưa nô súng ở các vùng Cao-nghuyên mà chúng đã phải khó chịu về sự hợp-tác chặt-chẽ giữa Kinh và Thượng, nhất là đồng-bào Mường rất gần gũi với ta về huyết-thống, do đó ta thấy Vua Hàm-Nghi được các đồng-bào Mường vùng Quảng-Bình nhiệt-liệt giúp đỡ, vụ khởi-nghĩa Ba-Đinh (Thanh-hóa) được đồng bào Mường tham-gia rất nhiều. Ngoài ra các đồng-bào

Trong các cuộc hưng-vong của dân-tộc chúng ta, Lịch-sử từng chứng-dẫn rằng bao giờ cũng có sự cộng-tác của các đồng-bào mạn-ngược. Từ núi-rừng

Thượng miền Bắc, nhất là về phía Tây-Bắc đã ra mặt đoàn-kết với các chiến-sĩ Cần-vương chống Pháp rất hăng khiếu Thực-dân phải nỗ-lực giải-quyet cả hai mối lo: *Kinh* và *Thượng* cùng một lúc. Chúng còn xác-nhận rằng khả-năng chiến đấu của các lĩnh-tụ miền núi cũng rất dồi dào.

Thủ-đoạn của Thực-dân vẫn là tìm cách cản dỗ một số tù-trưởng thượng-du, vượt-ve nhàn-dân để lôi kéo một số người về mình, để làm cho khối Thượng tự nó rạn nứt dần. *Chia để trị* đó là một chánh-sách cố-hữu mà chúng đã áp-dụng ở mọi vùng hải-ngoại với các dân-tộc chậm tiến.

*Chia rẽ; Thượng với Thượng* chưa đủ, chúng còn chia rẽ *Kinh — Thượng* với nhau nữa. Thủ-đoạn này luôn luôn có hiệu-quả vì ở xír nào mà chẳng có một số người lưu-manh, ham danh vụ lợi, ít lòng thương nước xót nòi. Hoặc vì những người ấy ở trình-độ văn-hóa quá kém nên dễ nghe chúng nguy-biện rồi đi theo mà vẫn tưởng rằng mình không phản quốc.

Buổi đầu, Thực-dân tuyên-bố duy-trì nguyên-vẹn chế-độ chính-trị cõi-truyền miền Thượng-du, nghĩa là các họ Lang-đạo vẫn tiếp-tục cai-trị dân mình như cũ, quyền - lợi vật-chất, tinh-thần của các quí - tộc bản - xứ vẫn được chúng tôn-trọng và còn được tôn-trọng hơn triều-định Việt-nam. Tuy chúng khôn-khéo như vậy nhưng rồi miền núi vẫn hiểu biết mọi trò quỷ-quyết của bọn họ Thực là chúng vượt ve để chiếm hữu dần đai các vùng cao-nguyên và khai-thác thô-sản, khoáng-sản, lâm-sản, lại còn bắt phu bắt lính và thâu-thuế nữa... sau cùng là đặt nền thống-trị.

Một số tù-trưởng đã hô-hào nhàn-dân đứng lên chống Pháp, hướng-ýng với phong-trào cứu-quốc ở miền xuôi. Kinh, Thượng đoàn-kết với nhau để chống địch thường thường lập được nhiều thành-tích đáng khen nhưng nền kinh-tế nông-nghiệp lạc-hậu, cuộc chiến đấu thường có tính-cách địa-phương đơn độc tuy được thể hiêm-trở của sơn-xuyên mà vẫn không là những điều-kiện tuyệt-đối vững-chắc có thể dựa nương lâu dài được.

Chiến-thuật của nghĩa-quân ở đây vẫn là lối du-kích, vẫn là dùng cạm bẫy, hổ chông và lập đồn-lũy để cố thủ cũng như để phá giặc.

Đồng-bào Mường ở đồng nhất tại tỉnh Hòa-bình (9 vạn) chiếm 90% dân-số toàn tỉnh còn ở các tỉnh khác như Sơn-la, Yên-bái, Cao-bằng, Ninh-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an đồng bào Mường chỉ có một phần nào mà thôi và ở xen kẽ vào với các sắc dân khác. Một điều đáng lưu ý là các đồng - bào miền núi đã rất đoàn-kết để chống ngoại địch vì đời sống của nhân dân gắn bó chặt-chẽ với các dòng-họ các quan Lang các Thổ-tù. Ở các khu-vực của đồng-bào Mường có 4 dòng họ Mường lớn nhất là Đinh, Quách, Bạch, Hoàng. Nhân-dân tự coi là tôi con của các quan Lang các dòng họ ấy. Rừng, núi cũng như ruộng bãi hết thảy thuộc dòng họ nhà Lang nhưng dân chúng tha hồ khai-thác và nộp thuế hàng năm. Quan Lang còn là lĩnh-tụ tinh-thần và tôn-giáo nên càng được dân kính mến hơn nữa do đó khi các cấp lĩnh-đạo ra lệnh chống Pháp, toàn-thể đồng-bào Lương-sơn (Hòa-bình) đều nhất loạt trỗi dậy hết. Đây là một căn-nguyên không kém phần quan trọng bên lý-do ái-quốc là đức-tính sẵn có của đồng-bào.

Từ 1883 một vị Lang Mường ở tỉnh Ninh-Bình tên là Đốc Tâm (ông là cựu Đốc-binhh của triều đình Huế tại Lạng-sơn) mở cuộc khởi-nghĩa kéo dài đến 1896 cũng đã gây cho quân đội thực-dân nhiều thiệt-hại đáng kể. Liền sau đó ông Đinh-công-Uy một lĩnh-tụ Mường Hòa-bình với 300 bộ-tốt nổi lên chiến đấu luôn 15 năm. Rồi luôn tới 1915 các ông Am, Lê-Hoa tức Đông-thiên, Quách-Chanh và nhiều Thổ-ty Mường nối tiếp nhau chống Pháp tại các địa-phương thuộc họ quản trị từ nhiều đời.

Nhưng kiệt-hiệt hơn cả là Đốc Ngữ và Đề Kiều đã khởi-nghĩa vào ngày 12-4-1884 sau khi quân Pháp chiếm thành Hưng-Hóa Hai ông này đã hướng-ứng lời kêu gọi của cụ Nguyễn-quang-Bích và một số văn-thân trong phong trào Cần-Vương cứu quốc. Đốc Ngữ đẩy quân ở tả ngạn Hắc-giang qua các tỉnh Sơn-tây, Phú-thọ Yên-bái, Hòa-bình,

Sơn-la và Thanh-hóa. Đề Kiều (1) cát-cứ phía Nam huyện Cầm-khé lấy Rừng già làm căn-cứ. Hai lính-tụ này hoạt-động đồng thời nhưng bấy giờ thực-dân quan tâm hơn cả đối với nghĩa-quân. Đề Thám nên chỉ đánh những trận nhỏ cầm chừng với nghĩa-quân Mường bên Đà-giang và Cầm-Khé (Phú-thọ). Từ căn-cứ là Rừng Dầy ở chân núi Ba Vì, Đốc Ngữ đột-kích các đồn lẻ của Pháp đóng rải-rắc ở ven sông Đà thuộc Sơn-tây, Hưng-hóa, Hòa-bình. Việc vận tải của địch cũng do sự quấy phá của nghĩa-quân mà gặp nhiều trở ngại rõ-rệt từ 1886.

Tháng 7-10-1890 nghĩa-quân đánh Pháp ở nhiều nơi gần Cầm-dài, giết được viên Giám-binh Moulin, khủng-bố vùng mỏ của hai tên Leyret và Saint Armand cùng đồn điền Bourgouin Meiffre gần đó — Pháp mang nhiều quân đội và đại-bác đến tấn-công nhưng vô-ich — Nghĩa-quân xuất-hiện bất thường rồi nhở chỗ mỗi ngày thanh thế một lợn, nghĩa-quân tiến lên đánh những trận lớn.

Một trận Pháp nhở nhiều hơn cả là trận đánh úp tỉnh-ly Hòa-bình đêm 29 rạng 30-1-1891. Đốc Ngữ đem 500 quân vào chiếm Chợ Bờ, hạ-sát được viên Công-sir Rougery và hai kẻ khác là Lévy và Zeigler cùng 24 lính khổ xanh. Giám-binh Ferry và viên chủ sở Bieu - điện Granet bị vây, từ thuyền nhảy xuống sông bị nước thác cuốn mất tích. Do thắng lợi này nghĩa-quân thu được 118 khẩu súng trường kiều 1884, 4 súng lục và 40.000 viên đạn.

Hôm sau là 1-2-1891 địch vội phái một cơ thủy - quân lục - chiến và một cơ khổ đỏ từ Việt-Tri lên chiếm lại Chợ Bờ thì nghĩa-quân đã rút về Yên-lăng thuộc tả-ngạn sông Đà cách Tô-Vũ 10 cây số về phía Tây.

Đầu tháng 3, Pháp huy-động một đạo quân thuộc sư đoàn thủy - quân lục - chiến thứ 11 gồm 250 tay súng trường 2 đại-bác thêm 450 lính khổ xanh do Trung-tá Geil điều khiển. Song hành với đạo quân trên đây còn một đạo do Trung-tá Bergouniou cầm đầu có 300 lính, một nửa là ngoại

(1) Đề Kiều tức Hoàng-thụy-Kiều người xã Cát-trù, huyện Cầm-Khé, tỉnh Phú-thọ.

quốc, một nửa là khố xanh từ Sơn-tây, Hưng-hóa xuất-phát vừa có mục-dịch tiêu-diệt nghĩa-quân Đốc-Ngữ vừa cắt liên lạc giữa Đốc Ngữ và Đề Kiều cùng chặn sự lan tràn của nghĩa-quân xuống vùng đồng-bằng.

Ngày 10-3-1891 hai đạo quân này gặp nhau ở nơi hẹn trước là Kẽm-kem. Nghĩa-quân và dân chúng đã rút ra từ mấy hôm trước và địch đến đây chỉ thấy cảnh vường không nhà trống.

Ngày 13 Pháp gặp nghĩa-quân ở xóm Giòn. Ngày 14 Đốc Ngữ va chạm Trung-úy Bérard và Hiertzman. Trận này nghĩa-quân mất một số lương-thực và 6000 viên đạn. Đốc Ngữ liền chia quân ra nhiều toán nhỏ đánh vào địch đêm 20 rạng ngày 21 ở Cự-Thăng. Ngày 24 Geil về Sơn-Tây để một số quân ở lại Yên-lãng giao nhiệm-vụ càn-quét cho Thiếu-tá Fouquet đem 300 tay súng đóng ở Tu-hác ngăn mọi liên-lạc giữa Đề Kiều và Đốc Ngữ. Còn Bergouniou tấn công Hạ-hòa bên bờ sông Thao, bị đánh ở Đại-phạm phải rút về Yên-bái. Nghĩa-quân rút về hoạt động bên vùng Sông Chảy.

Từ tháng 4-1891 đến tháng 6 năm ấy vẫn có những cuộc đụng độ giữa nghĩa-quân và địch tại Tu-Vũ, Phượng-Lâm (Sông Đà), tại Gia-hòa (tả ngạn sông Thao) tại Lang-sơn (thuộc huyện Thanh-ba tỉnh Phú-thọ). Hai bên đều tổn thất ít nhiều.

Tháng hai 1892, Đốc Ngữ cho 300 quân tập-kích đồn Yên-lãng (Chợ bờ) bắn chết được Đại-úy trưởng - đồn là Pouligo, nhiều hạ-sĩ-quan và một số lính giữa lúc chúng đang ăn cơm. Đồn này có 90 khố đỏ nhưng hôm ấy 20 tên phải đi hộ-tống một đoàn quân vận-tải, 45 tên vào làng ăn cơm, trong đồn chỉ còn có 25 lính khố đỏ. Tên đội Wartel và 8 khố đỏ chống trong nửa giờ rồi phải chạy về Tu-Vũ. Nghĩa-quân nhất được 35.000 viên đạn, toàn bộ vũ-kí và lương-thực (trong có 50 súng trường). Được tin đồn Yên-lãng thất-thủ, địch phái Trung-tá

Beaujeux đến lấy lại căn-cứ. Từ 8-2-1892 địch mang đến đây 2 Trung-đội thủy-quân lục-chiến, một Trung đội của đạo-binh Bắc-kỳ thứ nhất từ Hanoi kéo lên, đồng thời cho 500 quân từ miền trên sông Hồng-hà đến Hưng-hóa. Thêm vào đó có một toán gồm 4 Trung-đội thuộc lữ-đoàn thứ hai vừa dự chiến-dịch Yên-thể. Ngày 25-2 các đạo quân này vào đến Khả-cửu thì nghĩa-quân đã đốt hết doanh - trại bỏ đi hết rồi, địch lại đâu trở về đấy.

Trong tháng 3 nghĩa-quân hoạt-động ở Hưng-hóa quanh vùng tả-ngạn sông Hồng và Yên-lăng. Pháp đán - áp vô kết quả và nghĩa-quân bao giờ cũng áp-dụng lối «*Ăn chắc mới đánh, thira súc mới tấn công, rút thật nhanh, phân-lán thật le*» để tránh việc truy-kích của địch. Trong dịp này địch cử Trung-tá Pennequin tổ-chức lại việc hành-quân. Pennequin mở đầu chương-trình của y bằng việc càn quét vùng Trung Bằng-la là khu giáp Sơn-la và Yên-bái, giao cho Đại-ý Oppenheim và Đại-ý Loge. Cùng một lúc, Trung-tá Tirion đem quân-lực ở Vạn-bú và Vạn-yên ngăn nghĩa-quân vào Chợ Bò, Phủ-yên và các miền lân-cận. Trung-ý Tralboux đem lính khố đỏ và lính dồng Mỏ Chă chặn đường nghĩa-quân ra đồng-bằng và một toán khác gồm 50 khố-xanh, 100 lính cơ do Giám-binh Chợ Bò tiến lên Mộc-châu, một số quân khác chặn miền Mai-châu và Suối Rút. Như vậy nghĩa-quân bị bao vây ở hai phía Đông-Bắc và phía Tây chỉ còn một đường là tháo ra tả-ngạn sông Đà thì đã có Pháp đợi ở đó để tiêu-diệt. Nhưng nghĩa-quân biến đâu mất nên địch lại phải giải-tán và địch giải-tán xong, 300 nghĩa-quân lại xuất-hiện ở Mộc-hạ.

Từ tháng tư qua tháng 5-1892, địch ra công phong-tỏa và truy-kích nghĩa-quân trên khắp ngả đường hòng ngăn nghĩa-quân vượt sông Đà và tràn vào Thanh-hóa. Chỉ-huy chiến-dịch này là Đại-tá Pennequin, dưới quyền có Trung-ý Tralboux, Đại-ý Collin, Trung-ý Destré chặn đón nghĩa-binh ở lối thông qua sông Đà và Sơn-la với số quân trên 300; Giám-binh Chợ-Bò cùng mấy thô-tù đem 500 lính vượt hữu-ngạn sông Đà đánh vào nghĩa-quân. Pennequin cũng mang

đại-quân từ Hưng-hóa đánh vào vị-trí của Đốc-Ngữ. Nghĩa-quân dưới áp-lực của hàng ngàn quân địch định vượt tả-ngạn sông Đà không được phải lui về đàng sau và quay sang phía Nam. Ngày 18-4, 300 nghĩa-quân mà phần lớn là đồng-bào Mường định tràn vào Thanh-hóa do lối Sơn-nia bị 500 quân Pháp và lính đồng truy-kích vượt sông Mã vào được Thanh-hóa. Nửa giờ sau địch mới theo đến nơi nhưng đã muộn.

Pennequin rút về Hưng-hóa nhưng Công-sứ Thanh-hóa thấy mình không đủ sức đàm-áp nghĩa-quân nên xin Toàn-quyền phái Pennequin đi đánh Đốc Ngữ lần nữa. Thì ượng-tuần tháng 5-1892, địch chia làm hai cánh xung-sát vào chiến-lũy của nghĩa-quân ở Niên-Ký nhưng bị hỏa-lực của nghĩa-quân quá mạnh nên một số bị thương trong có cả Đại-tá Pennequin ; một Trung-úy và một số lính vừa Pháp vừa Việt bị giết, địch phải rút đi. Ngày 22-5 Pennequin tập-trung 340 tên lính khố xanh và dồng ở La-hang sau khi băng qua sông Mã nhưng nghĩa-quân đã rút về Phú-Lễ. Theo các việc đã diễn-tiến như trên ta nhận thấy địch hai lần huy-động đại-quân đều vô hiệu, sau chúng lại bầy thủ-đoạn chia rẽ nội bộ của nghĩa-quân, tỗ-chức phản-gián, hứa hẹn nhiều quyền-lợi các quan Lang miến sao đầy hết được người Kinh ra khỏi các bản Mường và sui-dục được các thủ-hạ của Đốc Ngữ bỏ trốn hay vạch đường chỉ nẻo cho chúng tiêu-diệt hết nghĩa-quân. Chúng hiểu rằng có dùng chính-trị mới mong chấm dứt được chiến-tranh bởi nghĩa-quân Đốc Ngữ đa-số là đồng-bào Mường leo rừng lội suối rất thạo có thắng được cũng khó và rất lâu. Đã thế việc dùng lực-lượng lớn lại rất tốn hao về tiền bạc cũng như nhân-mạng. Lúc này địch lại gặp một điều may nữa là nhiều lính Kinh không chịu nổi khí-hậu miền núi nên đã ốm đau nhiều. Đốc Ngữ phải cho họ về đường xuôi nghỉ, chỉ còn giữ lại mươi người tâm-phúc và vài chục lính tráng. Ngày 7-8-1892 nghĩa-quân bị nội-phản. Đốc Ngữ và 10 nghĩa-quân người Kinh bị sát-hại ở Khả-Cửu và ba tháng sau Lãnh Khuê, một thủ-túc của ông cùng một ít bộ-hạ cũng bị một số Mường-gian giết ở Đồng-văn mang đầu nộp cho Pháp lấy thưởng.

Việc nghĩa-quân Đốc Ngữ tan rã đã có ảnh-hưởng đến tâm-trạng của Đề Kiều. Kiều thấy mình bị cô-lập nên ra hàng Pháp vào tháng Chạp năm ấy.

Một việc đáng lưu ý : Trong khi sông Đà và núi rừng Hòa-binh, Thanh-hóa, Sơn-la sặc mùi khói lửa thì một hào-mục vùng Lương-sơn (Hòa-bình) Nguyễn-văn-Kiêm tức Tông Kiêm người xã Uông-hóa, (1) huyện Kỳ-sơn cùng Đề-đốc Đinh-công-Nghiêm (họ Lang-đạo địa-phương) có chẩn trong hàng ngũ của đồi-phương cũng họp nhau nỗi dậy. Tháng 4-1909 Ông Kiêm xung chánh Thống-tướng lấy Đốc Bang làm phó, trung quân-kỳ mưu đồ đè hai chữ Bình-Tây. Lúc đầu hai ông chỉ có 31 đồng-chí.

Tháng 8-1909, quân số của ông lên 41 người, vũ-kí chỉ có một khẩu súng hỏa-mai và 8 thanh mã-tổ. Bấy giờ Công-sứ Hòa-binh là Régnier đi đường-bệnh, Phó-sứ Patrich đi thanh-tra các đồn ngoài tỉnh-ly. Tại đây quan ta có Đinh-công-Nhung là Chánh-Lang-quan (như Tuần-phủ miền xuôi) và 2 viên Án-sát, Đề-đốc. Đề-đốc là Đinh-công-Nghiêm vốn có hiềm với Đinh-công-Nhung. Ông lại là cháu nhà cách-mạng Đinh-công-Uy nên có cảm tình với nghĩa-quân.

**Đinh-công-Nhung là người thế nào ?**

Đinh-công-Nhung là một tên phản-động đã dựa vào thế Pháp để tranh chức Lang xã Uông-hóa của con cháu Đinh-công-Uy người đã cầm đầu 300 người Mường Hòa-binh nổi lên chống Pháp từ 1889 đến 1902. Sau ông bị bắt và bị kết án 20 năm tội đồ cùng mất quyền thế-tập cho con cháu. Năm 1808 Nhung còn cướp ruộng của dân Uông-hóa. Dân Kiện về Hà-nội nhưng Toàn-quyền và Thống-sứ Bắc-kỳ làm ngơ. Con cháu Đinh-công-Uy một thời phải trốn lên rừng. Đốc Bang tên thật là Nguyễn-Đinh và Tông Kiêm

(2) Lịch-sử Việt-Nam của T.V.G. chép là Mông-hóa (trang 470)

là hai nhà lính - đạo phong trào. Nhưng bắt bớ Đốc Bang bỏ cùi trôi sông đè áp - đảo tinh thần dân chúng Mường nhưng cuộc khởi-nghĩa vẫn bùng nổ sau khi dân Mường đã được hai ông Kiêm và Bang tuyên-truyền, giác-ngộ.

Đêm mồng 2 rạng mồng 3-8-1909, Đồng Kiêm, Đốc Bang, Nguyễn-văn-Bảng, Nguyễn-văn-Tích, Nguyễn-văn-Bành, Hièm, Hùng, Gào, Nhữ v.v... chia quân ra nhiều toán nhỏ đột nhập tinh-ly ngay từ buổi chiều, vượt sông Đà bằng thuyền rồi đồ bộ lèo trại khố xanh hồi 1 giờ sáng. Tên lính gác công bị chém không kịp kêu, bọn ở trong đồn cũng không kịp trở tay bị hạ 5 tên và 16 tên bị thương, số còn lại xin hàng hết. Người ngầm làm nội - ứng không ngoài ai khác là Đề-Đốc Nghiêm.

Quân khởi-nghĩa cướp được trại rất dễ-dàng, giết được tên Giám-binh Chaigneau nổi tiếng tàn ác thuở đó; Nghĩa-quân làm chủ được tinh - thể, chiếm kho bạc, nhà doan, đoạt được 150 khẩu súng kiều 1874 và mousqueton kiều 1882 cùng 3.5000 viên đạn.

Nghĩa-quân còn đốt các kho làng, giấy má, phá nhà tù, giải-phóng hết phạm-nhân, tha cho bọn lính đã bỏ chạy chỉ giết tên Đội đẽ-lao vì đã hành-hạ một nghĩa-quân (tên là Bảo) bị bắt từ mấy hôm trước.

Hai viên Án-sát, Đề-Đốc có thái-độ thụ-động từ lúc đầu, còn Định-công-Nhung tuy có 10 tay súng nhưng cố thủ ở bên kia sông. Nghĩa-quân không có thuyền sang được Phượng-lâm thuộc hứu-ngạn sông Đà đối diện với tinh-ly, liền rút theo tả - ngạn cách thị-xã 5 cây số thì có đò sang Uông-hóa. Trên đường về, nghĩa-quân phá luôn đòn Đồng-bến.

Ba giờ rưỡi chiều Patrich trở lại Thị-xã gặp vợ chồng tên Lục-lộ Pháp (công-chánh) mới biết chuyện. Vừa lúc đó, nghĩa quân ào tới, vợ chồng tên Lục-lộ chạy thoát, Patrich bị thương nhưng tối hôm ấy cũng về được tinh-ly. Hai hôm sau, quyền Thống-sứ Bắc-kỳ Miribel thân tới Hòa-bình quan

sát tinh-hình sau khi được tin mất tinh-ly Hòa-bình. Ngày 4-8-1909. Đại-ý Mathieu và hai Trung-ý Léonard và Des Garets đem 80 lính Lê-dương đang đóng ở đồn Việt-trì và 50 lính khố đỏ đến, vừa đè đánh lấy lại tinh này, vừa ngăn nghĩa quân vượt con đường số 6 (Hòa-bình – Hà-đông,) tràn xuống miền xuôi. Ngày 10-8 Pháp cho người mang thư đến dụ hàng Tông Kiêm. Ông Kiêm trả lời chỉ hạ khi-giới khi nào lấy được đầu Đinh-công-Nhung. Ngày 10-5, Mathieu dẫn 150 lính Lê-dương và 100 khố xanh kéo đến Yên-lễ gấp lúc nước sông Đà lớn quá, chúng phải dừng bước.

Nghe biết địch cử đại binh chiếm lại tinh-ly Hòa-bình và biết rằng lực-lượng của mình đơn chiếc, Tông Kiêm hạ lệnh phân tán binh-sĩ ra ngoài thì ngày 14-8 địch đến Uông-hóa. Cho tới hạ tuần tháng 8, tình - thế giữa địch và quân khởi nghĩa chưa ngã - ngũ ra sao cả. Dịch chiếm lại tinh - ly, tung quân ra phong-tỏa vùng Đòng - bến, Yên-lễ, Hòa-lạc, Hòa-mục Mộng-thơm tìm kiếm khắp nơi không sao thấy tung-tích nghĩa-quân. Điều này nhờ chỗ dân-chung ủng-hộ và che-đậy.

Ngày 24-8 nghĩa-quân xung-đột với quân của Des Garets rồi rút ở xóm Giu, thiệt 5 người. Ba hôm sau, nghĩa-quân đột - kích vào đồn Hòa-lạc, san phẳng được đồn và giết được 4 tên Pháp, làm bị thương 5 tên khác. Qua tháng 10 nghĩa-quân rút qua núi Ba-Vì và sau đó về đóng ở Bản-thôn thuộc huyện Thanh-thủy (Phú-thọ) tả ngạn sông Đà. Tại đây xảy ra vài trận nhỏ từ 31-10 đến suốt tháng 11. Tông Kiêm định vượt sông Hồng sang hợp sức với cụ Thám đang chống Pháp ở giầy núi Tam-đảo (Vĩnh-yên) nhưng ý định này không thành vì địch dò biết cơ-mưu đã mang 3.000 quân đến Uông-hóa vây chặt nghĩa-quân ở miền núi Viên-nam.

Trong giai-đoạn này địch tung ra 3 Tiêu-đoàn để truy-kích và chặn đánh nghĩa-quân ở Tu-vũ (cách Phú-thọ 30 cây số) khiến nghĩa-quân mấy lần phải vượt sông Đà trở lại và lực-lượng bị cắt làm hai: Tông Kiêm bị dồn về Ba-vì (Sơn-tây) Đốc Bang bị cầm chân ở Uông-hóa, nguồn tiếp-tế

bị cạn dần vì địch khủng-bố nhân-dân dữ-dội, quân-dội khởi nghĩa bị cô-lập và mỗi ngày một cùng quẫn.

Đầu tháng 1-1910, nghĩa-quân chết 8 người, bị bắt 17 người.

Ngày 20-1-1910 Tông Kiêm và Đốc Bang thấy không còn cầm-cự thêm được nữa phải ra thú với 84 thủ-hạ bởi sức cùng thế kiệt. Ông Kiêm bị Pháp kết án 25 năm khổ-sai, rồi đem đày ra ngoài Côn-đảo. Ông Bang bị 20 năm phát vãng đi Lạng-sơn. Năm 1938 hai ông mới được trở về cố-lý.

### **ĐỒNG-BÀO MÁN, MÈO, THÁI, THỎ VÀ HOA-KIỀU CHỐNG PHÁP.**

Gần cuối thế-kỷ thứ XIX như ta đã thấy, đến Đệ-nhất Thế-chiến, vai trò chống Pháp bằng gươm, bằng súng chuyền dần qua tay các đồng-bào miền ngược từ núi rừng Tây-Bắc sang vùng Đông-Nam và duyên-hải Bắc-kỳ. Cuộc đàn-áp các đồng-bào trên đây cũng làm cho Pháp mệt-mỏi và lao-tâm, khổ-tú-vô cùng.

Trong ba năm, kể từ 1887 các đồng-bào Thái, Thỏ, Mán ở Yên-bái được Chánh-tổng Sơn-A cầm đầu tràn khắp vùng Nghĩa-lộ và Ngòi hút (1).

Sau đại-chiến thứ nhất Thực-dân Pháp đã cưỡng bách đồng-bào Thỏ Lạng-sơn làm lao-công để khai-thác mỏ than Lộc-bình và mỏ Văn-lĩnh (Lạng-sơn) cùng đắp con đường nối liền các mỏ trên với đường xe lửa Hà-nội — Lạng-sơn, nối liền tỉnh Quảng-yên ra biển. Đội Án đã chỉ-huy 500 đồng-chí đánh vào hai thị trấn Kỳ-lừa và Đồng-đăng. Ở đây một ngụy-quan chuyên hãi hại đồng-bào Thỏ Lạng-sơn là Tuần-phủ Cung-khắc-Đản bị nghĩa-quân giết chết trong giai-đoạn này (2).

(1) Đồng-bào Thỏ có chừng 400.000 sống rải-rác ở các tỉnh Cao-bằng, Lạng-sơn và Bắc-cạn. Một phần sinh sống ở các tỉnh Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hà-giang, Yên-bái, Lào-cai, Bắc-giang, Quảng-yên và Hải-ninh (Quảng-yên).

(2) Sau này con Cung-khắc-Đản là Cung-định-Vận cũng được Pháp cho làm Tuần-phủ và y cũng nối nghề cầu-tầu của cha y. Vận sát-hại rất nhiều chiến-sĩ cách-mạng từ 1930 trở đi nên sau ngày y cũng bị Cách-mạng giết ở Thái-nguyên vào đầu 1946.

Năm 1889 Đào-chinh-Lục và Đặng - chúc - Thành đã cầm đầu đồng-bào Mán, Mèo khắp vùng Nghĩa-lộ và Tú-Lệ (Yên-bái) nồi lên chống Pháp. Trung-tá Pennequin đem quân từ Yên-bái vào tàn sát nhân-dân địa-phương để đàn-áp phong-trào.

Cuối tháng 2-1892 đồng-bào Mán (1) nồi lên tại vùng Liễn-sơn (Vĩnh-yên) lấy sườn núi phía Đông Tam-dảo làm càn-cú

Ngày 2-5-1892 đồng-bào Mán lại đánh chiếm đồn Tú-lệ.

Năm 1904 một thiếu-nữ Mán là Pa-jeng chỉ-huy Liên-quân Mán-Mèo đánh tinh Cao-bằng. Các đồng-bào Mán đây là người xã Lam điền, Đại-bản (Cao-bằng).

Ngày 19-10-1914 đồng - bào Mán Sùng ở Lục-yên, Bảo-hà, Đồng-Cưông do thày mo Lý-văn-Minh lãnh-đạo đánh Trại Hút và hôm sau đánh Yên-bái. Sau này bị thất bại, đồng-bào Mán bị bắt và kết án tới 67 người. Ngày 20-10-1914 đồng bào Mán do Trương-Nhị cầm đầu tấn công đồn Lục-nam.

Ngày 21-10-1914 đồng bào Mán sùng đánh đồn Bảo-hà, nhà ga do Triệu-Tất xưởng nghĩa. Sau ít ngày phổi - hợp với đồng bào Mán Bách - tộc, đánh phá vùng Lục-yên-Châu nghĩa-quân bị tan vỡ.

Năm 1920 đồng bào Mán Bạch-tộc lại hoạt-động chống Pháp ở Lục-yên-Châu, vũ-kí là giao gǎm và súng kip. Nghĩa quân kéo cờ trắng và đánh lối giáp - chiến rất can-dảm. Rồi vì thiếu tờ chức và vũ - khí, nghĩa - quân không hoạt-động được lâu dài....

Cũng theo các địa-phương bấy giờ, đồng-bào Mèo (2) không thể đứng ngoài cuộc chống Pháp vì sau khi chiếm được vùng

(1) Đồng-bào Mán có uớc chừng 17 vạn người ở thượng - du Bắc-kỳ (Tuyên-quang, Yên-bái, Phú-thọ, Hà-giang và Hải-ninh). Nhà của đồng-bào Mán làm trên các sườn núi cao từ 300 đến 700 thước tây.

2) Đồng bào Mèo có chừng 10 vạn dân ở trên núi cao từ 1.000 thước sinh sống tại Lai-châu, Lào-cai, Yên-bái, Lạng-sơn, Cao-bằng, Tuyên-quang và cả miền cao nguyên Nghệ-an, Thanh-hóa.

đồng-băng, Pháp tiến luôn lên vùng thương-du để thi-hành chánh-sách bóc lột và khai-thác. Đồng bào Mèo bị thực dân kiềm soát chặt-chẽ việc trồng trọt, phải bán rẻ thuốc phiện để Pháp tiêu-thụ đi các nơi (trong nước và ngoài nước) băng giá rất cao ; chúng lại không cho dân tự-do trồng cây A-phiến và chuyên chở muối. Xét ra, đồng bào Mèo cũng góp phần chống Pháp từ cuối thế-kỷ XIX qua thế-kỷ XX, lập được nhiều chiến-công oanh-liệt, nhất là đồng-bào Mèo Đồng-quang năm 1911 và đồng-bào Mèo Lai-châu 1918.

Tháng 9-1894 đồng-bào Mèo ở Sầm-teu chống nhau với Trung-úy Bobo lấy Ô-pan làm cứ-diểm, rút về phía Nam trong tháng 10.

Năm 1896 Hà-quốc-Thượng cầm đầu đồng-bào Mèo ở Hà-giang, Tuyên-quang nồi lên ở các địa-phương.

Năm 1904 đồng-bào Mèo ở Lam-diền và Đại-bản đoàn kết với đồng-bào Mán xướng-nghĩa tại Cao-băng.

Năm 1911 ngót 2.000 đồng-bào Mèo ở Lào-cai và Hà-giang khởi-nghĩa tại vùng Mường-hura, Mèo-vạc dưới sự điều-khiển của Giang-quay-Bảo tự xưng là vua Mèo.

Cũng trong năm ấy đồng-bào Mèo bên này và bên kia biên-giới Việt-Hoa, tỉnh Hà-giang có chừng ngót hai ngàn người nồi lên ở Đồng-thượng và Mai-lo, thanh-thế lùng-lẫy. Yêu-sách của quân khởi-nghĩa là được tự-do trồng cây thầu (A-phiến) và chở muối. Bốn trăm đồng-bào ngày 11-2-1911 đã biểu-tinh trước Tòa Đại-lý ở Đồng-văn đòi được mọi quyền lợi từ 50 năm về trước. Đại-lý Léonard lấy lời khéo léo dỗ-dàn, đồng-bào không chịu rời đánh luân mấy đồn Pháp bên kia biên-giới thuộc Trung-quốc cách Đồng-văn 14 cây-số. Cuộc chạm súng xảy ra vào ngày 27-2 và ngày 3-3 đồng-bào còn chiếm cả một đồn Pháp ở Tiên-phong. Thiếu-úy Mortreuil được cử ra mở cuộc đàm áp và Đại-úy Roguin cũng kéo quân từ tỉnh-ly đến Yên-minh đánh vào phía Bắc Đồng-thượng. Đại-úy Maupin chỉ-huy quân lè-dương và hai đại-đội khổ đở. Đại-úy Cost tiến vào phía Nam Đồng-thượng để bao vây

nghĩa-quân. Giặc Pháp vừa đánh vừa dụ-dỗ nghĩa-quân đầu về đây, còn nghĩa-quân phản-tán vào rừng chờ chúng đi, lại ra hoạt-động. Chiến-sự cứ nhùng-nhằng suốt tháng 3 qua tháng 4, việc tảo-thanh của địch không mang lại kết-quả mong muốn ngoài việc thiết-lập được vài cái đồn ở Đồng-thượng, Mường-chu ở Xin-cai và Tsoun-tai. Nhưng đến 13 và 14-4, giặc vây kẽm quá nhiều nghĩa-quân phải ra hàng và trở về làng cũ. Đại-tá Pennequin tỏ ra có nhiều thủ-đoạn chính-trị đối với đồng bào miền núi, Rồi lần-lượt phong-trào nghĩa-quân ở Mèo-vạc, Mai-lo, Đồng-quang lảng xuống dần do sự chiêu-hàng khéo-léo của giặc. Sau đó Pháp chỉ còn phải dùng quân-sự ở Đồng văn mà thôi.

Ngày 29-1-1912 cuộc giao-chiến ở Ma-la diễn ra, hai vợ và con vua Mèo Chiong Nui Tchang bị hại. Ngày 24-4 vua Mèo bị một tên đồng người thồ làm phản bắt nộp cho Pháp. Cuộc khởi-nghĩa của Mèo Đồng-quang chấm dứt sau 14 tháng.

Đầu năm 1818 Bát-Chai là một thày mo ở Điện-biên-phủ cùng đồng-bào Mèo ở địa-phương nỗi dậy. Ông bị bọn Mèo phản động ở Chapa bắt nộp cho địch nhưng ít lâu sau ông được thả ra. Trở về ông lại nối tiếp chí cũ. Ngày 7-1918 dân Mèo ở Ta-phin và Điện-biên-phủ động-binh, Pháp đàn-áp ngay nhưng thế-lực của nghĩa-quân vẫn chưa nung.

Ngày 14-11-1918 Trung-tá Dey chỉ-huy đạo binh thứ 4 và một số quân trừ-bị địa-phương gồm lính khổ xanh, lính đồng Mèo và Thái tập-trung ở Mường-phong cũng bắt đầu bằng sự dụ-dỗ, lừa bịp nhưng ngày 4-12 chúng bị đánh úp ở Bản-ngon và đoàn vận-tải của chúng cũng bị tập-kích. Đầu năm 1919 người Mèo ở Long-hé cũng nỗi dậy hợp sức với Bát-chai. Nhiều trận quyết liệt đã diễn ra, Pháp thiệt hại một Thiếu-úy (Gautier), một hạ-sĩ-quan, 7 lính và 8 kẻ bị thương.

Luôn hai năm 1919-20, đồng bào Mèo vẫn cầm cự, nhưng tuy tinh-thế có lợi mới xuất hiện khiến giặc tưởng nghĩa-quân đã tan rã, nhưng mùa hè năm 1919 ảnh-hưởng của Bát-chai đã lan rộng sang Lai-châu và Thượng-Lào. Các đồng bào ở các địa-phương này nỗi dậy ủng-hộ Bát-chai.

Pháp vội-vã, cử quân đi đòn-áp và hai bên đã xô-xát trên sông Nậm-hu, Pháp thua, chết mất Trung-úy Distanti và một số lính. Ngày 21-9 chúng phải rút quân về. Sau trận Nậm-hu, nghĩa-quân bao vây đồn Mường-heup ngày 1-11-1919. Địch cầm-cự 4 ngày 5 đêm rồi một hạ-sĩ-quân Pháp bị giết, 7 nguy-binh bị thương, số quân-sĩ còn lại bỏ đồn mà chạy trong khi một đội khố đỏ và một đội khố xanh ở Mường-ngoai và Hát-sơ đến cứu nhưng đã muộn.

Trong dịp này tại miền Tây Sầm-núra và Xiêng-khoảng nghĩa quân cũng dấy động mạnh, tham-gia phong-trào Bát-chai, nhờ vậy phong-trào này tràn khắp vùng Thượng Lào. Thực-dân lo ngại nguy-binh Lào sẽ bị lôi cuốn theo nên cho binh lính khố xanh và khố đỏ Việt-Nam từ Bắc-kỳ sang để kiềm chế người Lào. Các đạo binh này thuộc quyền Đại-tá Prévost.

Prévost cũng dùng cả hai phương-pháp : quân-sự và chính-trị nhưng đều thất bại.

Tháng 12-1919 Pháp bị đánh mạnh ở Sầm-núra và Điện-biên-phủ và giáp Xiêng-khoảng. Đại-tá Angeli chờ quân của Đại-úy Pesquidous đến càn quét vùng Xiêng-khoảng và Đại-úy Blochet đến tiếp cứu đồn Sầm-núra, nhưng nghĩa-quân vẫn đóng vai trò chủ-động trong giai-đoạn này tuy đôi bên có nhiều cuộc va-chạm.

Cho tới đầu năm 1920, Pháp đã thi hành kế-hoạch sau đây :

A.— Lợi-dụng sức mạnh và số đông đầy nghĩa-quân ra ngoài vị-trí. Chỉ tấn-công khi đã đủ chuẩn-bị.

B.— Áp-dụng triết-đề chính-sách chia rẽ chủng-tộc. Vị-trí chính của nghĩa-quân lúc này là Sopp-sang và Mường-son nhưng quân bản-bộ của Bát-chai là những chiến-sĩ dũng-cảm nên vẫn tiến được dǎn ra vùng Sầm-núra, Trấn-ninh và Luang-prabāng.

Pháp bố-trí các lực-lượng như sau :

Thiếu-tá Bichot mang cánh quân phía Bắc có hơn 3 Trung-đội chiếm Điện-biên-phủ, Mường - heup, Luang - prabang và Mường-khoa.

Thiếu-tá Prévost lĩnh cánh quân phía Nam gồm bốn Trung-đội chiếm Xiêng - khoảng, Sầm - nứa. Việc đánh chiếm được tiến-hành gấp và mạnh trước khi nghĩa-quân được tổ-chức chặt-chẽ. Địch tấn-công trung-tâm của vị-trí nghĩa-quân và phá dần các điểm tựa nhỏ. Sau đó địch mở cuộc càn-quét cùng khai-thông con đường Trần-ninh, nối trực giao-thông bị gián-đoạn từ lâu giữa Xiêng - Khoảng và Cửa Rào Nghĩa-quân Mèo ở Mường-sơn và Mường-hiệu chống không nổi bỏ chạy, rồi một số đem kí-giới ra hàng.

Cánh quân của Prévost đánh vào trung-tâm là vùng núi Pou-loi, Nậm-seng và sông Cả không gặp sức kháng-chiến nào, nhưng ngày 9-3 ở Pô-deng, nghĩa-quân chống trả kịch-liệt vì bị vây từ phía Bắc qua phía Đông. Ngày 1-4 Bat-chai bị thương chạy thoát nhưng phong-trào khởi-nghĩa đã bị nhiều đòn nặng nề của địch nên nghĩa-quân mất dần tinh-thần và ra thú nhiều. Quân chủ-lực của Bat - chai phải chuyển về vùng Pa-Kha và Pou-pha-đeum cách Xiêng-Khoảng 25 cây số về hướng Đông Bắc. Tuy vậy Bat-chai vẫn còn một số quân rải-rắc khắp vùng rừng núi Thượng-Lào và Lai-châu.

Tháng 9-1920, Bichot được tin nghĩa-quân lại hoạt-động mạnh và đây là lần quật-khởi thứ ba, khiến Pháp giật mình sau khi tưởng rằng nghĩa-quân đã tan-rã hết. Khâm-sứ Pháp ở Vientiane là Bose thương-nghị với Toàn-quyền Long về vấn đề này rồi Đại-tướng Puypéroux phải ra lệnh tập-trung gần hết các quân-đội đang đóng ở Luang-prabang, Xiêng-khoảng và Mường-heup về vây Bat-chai ở giữa hai vùng núi Pou-chon-chick và Pouchon-chang. Tất cả số lính khổ xanh cũng phải túc-trực tại Bộ chỉ-huy Pháp để tùy-thời sử-dụng.

Địch lựa thời-gian hành-quân vào cuối năm cho có thời tiết tốt và tiện cho việc tiếp-tế và cũng là để phá việc gặt hái của đồng-bào Mèo. Ngày 9-10-1920 súng lại nổ. Ngày 8-2, 60 nghĩa-

quân đánh lén được đội lính Nam của địch ; địch bị thương một số phải rút. Ngày 20 - 12 đội quân tiên-phong của địch bị phục-kích cách Phya-cham hai cây số. Nhờ có chiến lũy vững-vàng, quân Mèo đánh suốt đêm 22 và nửa ngày 23 rồi biến vào làng. Trong dịp này, vì thấy chỗ nào dân Mèo cũng hưởng-íng lời kêu gọi của Bat-chai, địch ra tay phá hoại kinh-tế của đồng bào Mèo như đốt nương rẫy, hủy-diệt hoa-màu, nhất là cây thầu là nguồn-lợi chánh của miền Thượng. Từ 26-12-1920 qua tháng giêng 1921 nghĩa-quân vẫn đột-kích địch, gây được ít nhiều tổn thất trong khi chúng đánh vào làng Lao-kou và 2 bản Batchai cùng Sung-quan lao-văn. Nghĩa-quân đốt hết nhà cửa trước khi kéo đi. Nhưng ta vẫn phải nhận rằng do các cuộc tấn-công của địch liên-tiếp vào các vị-trí quan-trọng, nghĩa-quân cũng mất một số chiến sĩ vừa do thương vong, vừa do đầu hàng. Lúc này Pháp còn lợi-dụng một linh-tụ Mèo đen là Sung-quang-Sung ra hàng để chiêu-dụ nghĩa-quân ; chúng lai đặt giải thưởng cho bọn đồng Mèo thi nhau chặt đầu đồng-loại và sru-tầm tin-tức. Tuy vậy. Pháp vẫn không bắt được Bat-chai, quân tinh-báo giải khắp nơi mà vẫn không tìm ra tung-tích của vị linh-tụ. Địch đành cứ tiếp-tục việc bao vây và lục-soát ráo-riết khắp vùng Mường heup, Mường-nha, Lò-cao... Rồi tháng 2-1921 đã đánh dấu giai-đoạn cuối - cùng của nghĩa - quân Bat-chai sau khi nhiều tướng tá nghĩa-quân bị bắt hay bị giết.

Trong cuộc khởi-nghĩa của Bat-chai, ta nhận thấy vị linh-tụ (Bat-chai) thật là có kỵ tài và có tinh thần tranh đấu rất bền-bỉ. Ông đáng là tiêu-biểu cho chí bát khuất của đồng bào Mèo — Cuộc khởi nghĩa của ông đặc-biệt hơn các cuộc khởi nghĩa kề trên là không bị hạn định vào một địa phương nào cả, nó tràn khắp Thượng - Lào và Lai-châu.

Sau này Nghĩa-quân Mèo thất bại, Pháp liền đặt ngay bộ máy cai trị, bầu tù - trưởng để thống-trị người Mèo, tuyển linh đồng để bảo vệ nền hành-chính rồi bắt phu, thu thuế, đòi thuốc phiện nhiều hơn bao giờ hết.

*CHIẾN-SỰ TẠI VÙNG  
TÂY-BẮC TRONG ĐỆ-  
NHẤT THẾ-CHIẾN*

Cùng một thời với cuộc khởi-nghĩa của đồng bào Mèo ở Thượng-Lào nhiều cuộc khởi-nghĩa khác của đồng bào miền núi cũng xảy ra ở miền Cao-nuyễn Tây-Bắc Bắc-kỳ trong khi nước Pháp bị lâm vào cuộc Đệ nhất Thế-chiến. Vùng khởi nghĩa ở đây là Sơn-la, Lai châu, Điện-biên-phủ và cuộc nổi dậy được tổ-chức có quy-mô, có kế-hoạch được nghiên cứu cẩn-thận và có địa-bàn hoạt động rộng-rãi (1).

Lãnh-tụ nghĩa-quân có Lương-vân-No, Lương-bảo-Định, Bạch-cầm-Chân, Cầm-văn-Tư là những thò-hào địa-phương. Để mở đầu, chiều 10-11-1914 nghĩa quân đánh úp Sầm-Núra giết được Đại-ý Lambert và đốt phá mọi cơ-quan hành-chính quân-sự trong tỉnh. Nghĩa-quân thu được 120 khẩu súng trường và 10 vạn đồng bạc Đông-Dương. Ngày 23-11-1914 nghĩa-quân giết được tên Giám-binh Tuyaa và làm chủ tinh-thể cho tới 11-12 mới rút lên Sơn-la trong khi Thiếu-tá Sourisseau mang hai đại-đội thuộc đạo binh Bắc-kỳ thứ nhất từ Chợ-bờ lên Sầm-núra. Trên đường Sầm-núra đi Sơn-la, nghĩa-quân lại giết được tên Tri-phủ mang quân cản đường không cho nghĩa binh tràn vào địa-phương. Tại đây nghĩa-quân lại thu được một ít súng đạn và vào tinh-ly vây Tòa sứ. Pháp vội phải Trung-ý Monceau ngày 22-12 đem viện-binhl từ Yên-bái qua cứu Sơn-la. Nghĩa-quân rút vào rừng. Ngày 1-2-1915, một tao-ngoại-chiến xảy ra giữa nghĩa-quân và một toán quân Pháp, trong 2 tiếng đồng-hồ ở Xốp-nao. Tên Quản Besson và hai tên Đội nguy-binhl bị tử trận. Nghĩa-quân rút về phía Bắc Mường-houn, Xiêng-houng. Ngày 16-2-1915 Đại-ý Bajou mang quân vào thám-thính vùng Mường-Quneua bị đánh bại phải bỏ chạy. Nhờ có Trung-ý Monceau và Đại-ý Paris đến cứu-viện kịp thời nên toán bại-quân rút được về Mường-ou-tai mang theo nhiều thương-binhl nhưng phải bỏ lại nhiều lương-thực.

(1) Cách mạng cận đại Việt-Nam trang 116 viết : Về chính-trị, theo tài liệu của thực dân Pháp, nghĩa-quân đã biết đề ra khẩu hiệu « Đông-Dương độc lập », điều này có đúng hay không, tác-giả không dám đoán chắc,

Đại-quân của Pháp lúc này đóng cả ở Boun-neua và Nậm-Ou bị cầm chân vì mùa mưa. Ngày 12-7 nghĩa-quân đột-kích vào Mường-va và ngày 3-8 đánh thốc vào Phong-sa-ly, thanh-thế rất mạnh. Ngày 7-8 các đường giao-thông của Pháp bị chặn hết. Đại-ý Paris vội tháo lui về Boun-neua nhưng rồi lại chạy để mất vị-trí vào tay nghĩa-quân. Một cánh quân tiền-phong của quân khởi-nghĩa tiến chiếm luôn Mộc-pha khổng chẽ được cả vùng Nậm-Ou. Lúc này quân Pháp phải chờ viện-bin, tinh-thần của chúng ở Thượng-Lào rất nao-núng.

Ngày 28-8-1915 Toàn-quyền Roum phải cử Đại-tá Friquegnon mang đại-quân tiến đánh thẳng vào trung-tâm của nghĩa-quân đang tụ-tập ở Mường-ou-neua. Quân Pháp lúc này gồm 42 sĩ-quan, 106 hạ-sĩ-quan 210 cai và lính Pháp, 2.544 ngụy-binh ngoài 8 Trung-đội của đạo-binh Bắc-kỳ thứ nhất, 2 Trung-đội khố đỏ, 3 trung-đội khố xanh một đội súng cối, một đội công-binh, một đội vệ-binh tài-xế và vô tuyến-điện (1). Khi quân Pháp đến Lai-châu thì nghĩa-quân đã rút. Đầu tháng 12-1915 Pháp mở cuộc tấn-công. Mục-tiêu của chúng là Mộc-pha được tổ chức phòng-thủ rất đầy đủ (hầm, hố, ụ đất, tường cọc và có pháo-dài). Ngày 7-12 có cuộc giao-tranh ở đây vào 2 giờ chiều. Nghĩa-quân không ham chiến, đánh được ít giờ rồi triệt thoái về phía Nam bắn Long-nai. Trong lúc này một cánh quân Pháp do Đại-ý Marlats chỉ-huy bị nghĩa - quân phục kích đánh cho tơi-bời, Marlats bỏ mạng cùng 9 binh sĩ Pháp Số quân bị đạn có tới 23 tên.

Ngày 13-12-1915 quân Pháp kéo đến Long-nai thi nghĩa-quân tản vào rừng rồi sang Boun-neua và luôn luôn di-động. Ngày 22-12 nghĩa-quân đóng ở một chiến-lũy lớn tại Phong-sa-ly và ngày 24-12 rút về phía Đông-Bắc Ngai-tai. Luôn tới đầu năm sau hai bên đuổi nhau, nghĩa-quân vẫn đột-kích vào nhiều vị-trí của Pháp rồi bỏ chạy. Ngày 18-1-1916 nghĩa-quân phải vượt biên-giới Trung-quốc từ Thượng-Lào

(1) Nhiều đồng-bào của ta bị bắt đi phục-dịch chiến trường vì vẫn đe tiếp-vận lúc này đối với Pháp cũng là một vấn đề rất khó khăn do cuộc hành quân diễn ra giữa rừng núi.

để tránh địch, nhưng chỉ vài ngày sau lại xuống lưu vực Hắc-giang (Bắc-kỳ) vây đánh đồn Mường-Boum giết được tên chỉ-huy là Thiếu-úy Quesnel và 33 lính khố xanh trong số 90 tên. Việc này xảy vào ngày 23-1-1916. Đại tá Friegnon mang quân đến Điện-biên-phủ cứu thì đã muộn. Nghĩa quân lại chạy qua Tàu bốn hôm sau. Pháp truy-kích nhưng vô kết-quả. Tuy cuộc chiến đấu của nghĩa-quân đem lại được nhiều thắng lợi vẻ vang nhưng nó cũng không kéo dài được hơn nữa, nếu so sánh thì lực-lượng thực-dân vô cùng xung-mẫn, người đông vô tận, vũ-khi tương-đối thì tối-tàn, lương-thực cũng rất dồi-dào. Nghĩa-quân chỉ có lòng yêu nước mà chiến-dấu kẽ được thắng lợi như vậy là quá nhiều. Nhường như vào năm 1916 nghĩa-quân vì áp-lực của địch quá mạnh, đòn ải của địch lại đặt được khắp nơi, cuộc chiến đấu trở nên vô-vọng nên nghĩa-quân rút dần ra khỏi biên-giới Việt-Hoa từ đó.

Tại Trung-du Bắc-kỳ, vào năm 1889 đến 1893 người ta còn thấy ở Vĩnh-yên, Phúc-yên và Tuyêñ-quang cũng có những cuộc xô-xát giữa nghĩa-quân Đốc-Khoát, Đốc-Giang xuất-phát từ phủ Vĩnh-tường cùng địch đánh súc tại Kim-đè. Nghĩa-quân qua sông Hồng đêm 11 rạng ngày 12-1-1889 rồi tiến đánh phủ Quốc-oai trên sông Đáy. Cuộc binh-định của Pháp tại địa-phương này bị cản-trở rất mạnh. Năm 1886 tại phủ Nho-quan, Mỹ-đức cũng có cuộc khởi-nghĩa, Bình-đoàn Munier phải đến đây vào tháng 2 để đánh dẹp.

Tại Phú-thọ từ năm 1890 đến 1893 Lãnh-Tanh mẩy lần đem quân đánh vào tỉnh-ly. Tại Phả-lại, Yên-mô, Đống-lát, Ngọc-thành và Hình-niên Đốc-thu giết được Giám-binh Bricout Năm 1886 tại Thái-bình Đô-Thống Tạ-quang-Hiện dấy quân chống Pháp tỏ ra có nhiều tài-năng và dũng-cảm. Nhưng cuộc chiến đấu của vị Đô-Thống này không bền-bỉ nhiều. Năm sau Tạ-quang-Hiện bị địch bắt và bị giết vào đêm ngày mồng 2 tháng 2 ở Bình-bắc. Ở đây đội-quân của Trung-úy Marien đã bị tiêu-diệt cả tướng lẩn quân.

*CÁC CUỘC KHỎI-  
VGHĨA ĐÔNG-TRIỀU,  
MÓNG-CÁI.*

Vào 1891 - 92 một tướng lĩnh Trung-quốc cộng-tác với nghĩa-quân của ta sau Lưu-vĩnh-Phúc là Lưu-kỳ (Pháp gọi là giặc Thanh). Dưới cờ của ông có một số lính Tàu bên cạnh nhiều toán quân Nùng, Việt. Nơi Lưu-kỳ đặt cơ-sở chính là núi Quỳnh ngoài vùng Trại-sơn, núi Yên-tử, Rừng Tùng cho đến bến Châu và tiếp cận Đông-triều. Lưu-kỳ có liên-lạc với Yên-thiê, cộng-tác với Đốc-Tit và có liên-lạc cả với Tôn-thất-Thuyết ở bên kia biên giới. Quân của Lưu-kỳ chia đóng ở đây đã lâu, từ Đông-triều, Bảo-dài cho đến Tiên-yên, Móng-cái. Binh-doàn của Đại-tá Térillon đã nhiều lần xô-xát với nghĩa-quân Lưu-Kỳ từ tháng 9-1891 ở vùng Kép-hạ, Bến Đông, Bến Châu, núi Đông-sơn, Uông-bí, Hồng-gai, Tu-Vũ, núi Bảo-Đài, núi Nà-Mau sông Đá-Bạch, núi Quỳnh, sông Kỳ, Bảo-lộc v.v...

Lực-lượng của Lưu-kỳ ắt khá đông và chiến-dấu có hiệu-quả nên địch đã phải công nhận rằng vì các hoạt-động đánh phá của quân kháng Pháp mà tình-hình trên con đường Lạng-sơn mỗi ngày thêm nghiêm-trọng (*lời tự thú này ghi trong Histoire militaire de l'IC trang 23, quyển II*). Việc quấy phá tại Pháp ở vùng này nhất là đường xe lửa đã do vừa quân kháng-chiến, vừa do những lao-công và nhân công Pháp thuê mướn làm đường xe lửa lúc bấy giờ. Những việc bắt các nhà thầu Pháp để lấy tiền chuộc (tiền chuộc, bằng bạc trắng để nghĩa-quân mua súng đạn ở ngoại-quốc) cũng thường xảy ra; tỉ-dụ tên Vézin bị bắt cóc đem về nhốt ở núi Bảo-dài phải chuộc 25.000\$. Quân Lưu-kỳ có phen bị đánh lui khỏi vùng núi Đông-triều phải trở về tu-chỉnh ở Bảo-dài. Ngày 7-1-92 có lần 200 nghĩa-quân đã đến tiêu-diệt hoàn-toàn đồn Chi-lăng gần ga Thanh-muội.

Ngày 9-7-1892, trên đường đi Lạng-sơn, giữa sông Hóa và Bắc-lệ (cách Bắc-lệ 4 cây số) Lưu-Kỳ mang quân đón đánh một đoàn vận-tải Pháp có Thiếu-tá Bonnaud, Đại-úy Charpentier và Trung-úy Valton chỉ-huy. Một loạt đạn đầu đã kết-liễu tinh mạng hai viên Thiếu-tá và Đại-úy địch cùng đội tiền-đạo của

chúng, nghĩa-quân cướp được nhiều súng đạn nhưng chủ-tướng Lưu-Kỳ cũng bị trọng thương rồi chết. Định lợi-dụng được dịp này để tổ-chức tề, dồng và lập đồn-trại ở nhiều nơi.

Lên thay thế Lưu-Kỳ là Lãnh-Phá. Phá tập-trung binh sĩ từ ngoài duyên-hải về Đông-triều, Bảo-dài lấy rừng Giốc-Mít làm cứ-diểm tiếp-tục đánh nhiều trận với quân của Đại-úy Brunet, Dagneaud, Thiếu-tá Louvet, Đại-úy Jobard, Magnen; xem đó ta hiểu địch tung một lúc vào Đông-triều khá nhiều binh đội để giải-quyết vấn đề Lãnh Phá. Vừa lên ngôi chủ-tướng, Lãnh Phá liền áp-dụng chiến-thuật khá đặc-biệt: địch đến thì tránh và lúc tránh tìm đến hậu-cứ của địch mà tấn-công; tỉ-dụ đêm 24 rạng 25-10-92, nghĩa-quân quay lại đồn Thác-hạt giết được đồn-trưởng Jean Pierre; tên Tri-huyện ở đây chạy thoát. Địch cho một Đại-úy đến chiếm lại đồn Thác-hạt thì ngày 7-11 nghĩa-quân chờ quân địch đi tuần-tiểu khỏi đồn lại đánh huyên lần nữa.

Vào tháng 11-1892 Lãnh-Phá mang 400 quân ra đánh mỏ Cầm-phả và mỏ Nagnota. Địch mang 500 quân xuất phát một từ Hà-tu (Quảng-yên) chia làm hai đạo, một từ Hồng-gai ngày 25-11 đánh vào căn-cứ Vạn-hoa của ta (*sau nơi này gọi là Port Vallut gần Cầm-phả*). Địch cho pháo-bin ở dưới biển bắn vào Cầm-phả mở đường cho bộ-bin tiến vào. Cướp lại được vị trí này chúng kéo ra mỏ Cái-bầu (*Pháp gọi là Kê-bao*) đang bị ta uy-hiếp. Lãnh Hy chỉ-huy mặt trận này lấy địa-diểm phía tây Cái Bầu là vùng Hà-vóc làm căn-cứ. Cuộc xung-đột diễn ra vào 30-11-1892. Đối thủ với Lãnh-Hy là Đại-úy Bouteloup. Nghĩa-quân rút đi thì binh-doàn Clamorgan mở cuộc tảo-thanh hàng tháng khắp vùng mỏ. Dĩ-nhiên nghĩa-quân đã ra khỏi địa phương này để sang phía sông Lục-nam. Tại đây một số người Hải-nam đến nhập bọn rồi ngày 6-12-92 ta diệt được toán quân của huyện Yên-Lạc kề cả viên Tri-huyện trước khi quân Pháp ở đồn An-châu đến cứu.

Lãnh-Phá tiến binh sang Rừng-vàng họp với Đề Hải, Đốc Bẩm, Đề Quý. Ngày 14, 17-12-92 Đại-úy Duhis ở bến Châu (Đông-triều) mang quân đến tấn-công nhiều phen nhưng thất

bại trong ba ngày liền, từ 14 đến 16. Sau viện - binh của địch bao vây kín được khu hoạt-động của nghĩa-quân vào ngày 17 thì nghĩa-quân đã biến mất để lại 8 xác chết.

Ngày 21-12 nghĩa-quân mở hai cuộc hành binh: trở lại mỏ Cái-Bầu đánh vào phía Đông, tấn-công miền đồng-bằng Đông-triều chiếm vùng Kinh-môn và Đá Bạc. Ta làm chủ tinh-thế từ tháng hai đến tháng ba 1893. Địch mở cuộc càn quét suốt 6 tháng trong năm ấy khiến Lãnh Phá và 8 thủ túc phải ra hàng ở Quảng-yên ngày 10-5-1893.

Nhưng sau Lãnh-Phá, Vũ-hà-Thái cần đầu 1000 quân tiếp tục đánh Pháp tại vùng Móng-cái vào thu-đông 1892—93. dưới danh-nghĩa càn-vương. Quân của họ Vũ tập-hop ở Bình hồ (Móng-cái), đa số là dân Tàu bèn kia biên - giới (Quảng-đông) sát Ninh-hải. Theo Pháp, đám quân này cũng do Tôn-thất-Thuyết tổ chức và phóng vào nội-địa Việt-Nam để cùng hiệp-sức với lực-lượng của Tiên-đức, Vũ-ôn-Bảo và Lương - Phúc. — kiểm - soát khắp lưu - vực sông Tiên-yên từ Hoành-Bồ xuống tới biển.

Thiếu-tá Courot mang một Tiểu - đoàn từ Tiên-yên chia làm 2 toán đánh vào Bình-hồ ngày 10-8. Hai bên không có thắng bại cho tới 21-8 phần bị mệt nhọc, phần bị mưa ngăn trở và bị tổn thất cũng nhiều quân Pháp phải bỏ về Hà-nội nhưng giao công tác này cho binh - đoàn khác. Binl đoàn thứ hai mạnh hơn binh đoàn thứ nhất và chia làm 3 toán cũng chia mũi nhọn vào Bình-hồ như trước. Lần này chúng lập đồn ở Bình-liêu có mục-đich cắt đường giao - thông (trên-bờ của lưu-vực sông Tiên-yên) nghĩa-quân từ Tiên-yên qua biên-giới Quảng-đông.

Ngày 24-10 nghĩa-quân cũng lập 3 toán do Tiên-Đức chỉ-huy dùng thuyền tiến đánh Hà-cối nhưng không có kết-quả Ngày 29-10 hai bên xô-xát ở Tiên-yên; ngày 31-1-1893 đôi bên lại đấu súng ở Hà-cối phen nữa. Thấy nghĩa-quân luôn luôn lấy được người và vũ-kí bèn kia biên-gói, địch vội lập nhiều đồn ải để đóng chặt mọi nơi nghi-ngò là công ngõ bí mật của dân quân giữa Hải - Ninh và một vài địa điểm của

tỉnh Quảng-đông. Chúng dùng lính dồng, lính cơ và bọn Tề rồi cấp cho bọn này mỗi làng 10 khẩu súng trường và đạn dược. Đại-tá Galliéni còn cắt vùng phía Đông Hoành-Mô (có lẽ là Hoành-Bồ thi phải hơn) cho sáp-nhập vào Quảng-đông để đẹp lòng nhà Thanh. Nhờ sự bỗ-trí này suốt năm 1893-94 không có trận nào lớn giữa địch và nghĩa-quân nhưng các lính-tụ nghĩa quân bị ngã gục hay ra hàng dần như: Đốc-Bom tử trận Đốc-Tổng và Đốc-Nghệ xuất thú ở Uông-bí. Quản-Bộ vẫn hoạt động lẻ loi ở Giốc-Mít. Rồi thu đông 1894-95 địch đại tấn-công các nhóm nghĩa-quân còn sót ở Đông-triều hay các tàn-quân ở Hải-Dương và Bắc-ninh đến ẩn-náu ở đó. Tuy vậy, như ngọn lửa trước khi tàn còn bừng sáng một nữa. Vào cuối tháng 12-1894 quân kháng-chiến ở Mã-dầu-sơn (Móng-cái) đã kéo xuống đánh phá sở Thương-chánh. Đại-tá địch là Chapelet ngày 30-12 phải mở một cuộc tảo-thanh kịch-liệt; tháng 4-95 đến tháng 8-95 nghĩa-quân bắt cóc gia-đình tên chủ mỏ Lyaudet ở Cái-Bầu, (Ke-bạo). Đại-tá Chaumont mở cuộc càn-quét vùng biên-giới từ tháng 5 đến tháng 8-1895 mới rút. Một số quan và lính của Pháp đã vong thân trong giai-đoạn này đáng kể là Thiếu-tá Mondon, Trung-úy Brisach, Angeli, Varmèze v. v...

Mười năm sau sóng gió của Kháng-chiến lại nổi lên ở vùng này.

Tháng 12-1914 Hoa-kiều và đồng-bào Việt-Nam đoàn-kết chống Thực-dân tại Móng-cái, thị-trấn này thuộc tỉnh Hải-ninh (Việt-Nam) giáp thị-trấn Đông-hưng thuộc tỉnh Quảng-tây (Trung-quốc). Cầm đầu phong-trào là ông Thàm-Cam-sáy và những anh em có tên dưới đây :

— Phùng Sắt, người Tàu ở Hà-Cối làm Đội nhất khố đeo coi lính ở Móng-Cái.

— Nín Tài-Khin, người Tàu xã Vạn-xuân làm tùy-phái bán rượu cho lính Pháp.

— Lưu-văn-Tích, người Tàu ở xã An-lang (Trung-quốc) làm bếp nấu ăn trong trại lính Pháp.

— Lương-văn-Lý, tức Ta người Việt xã Quật-đông làm việc tại sở Biên-điện.

— Hồ-văn-Tường, người Việt xã Vạn-xuân (hiện còn sống)

— Đào-quang-Thề, người Việt, xã Vạn-Xuân làm Giám-thị nhà Lao.

— Chu-văn-Hữu, người Việt xã Vạn-xuân làm Xã-đoàn thường hay qua lại bên kia biên-giới.

— Đội Tốn đã mẫn lính bấy giờ cùng Hoàng-văn-Tiến và Hoàng-văn-Thịnh đều là người Việt, xã Vạn-Xuân.

Trong âm-mưu của nghĩa-quân có việc đầu độc lính Pháp nhưng bị bại-lộ, có 9 tên bị say nhưng phục thuốc ngay được vì tin tức về cuộc bạo-động do Đào-quang-Thề chuyển cho Đội khố xanh Đoàn-văn-Cúc bị tên Phó quản Hoàng-kim-Lê bắt được và trình Pháp.

Pháp liền bắt luôn những người nhúng tay vào cuộc khởi-loạn. Tháng 3-1915 mười hai người bị xử bắn tại núi Đồng chì tức bãi đá bóng ở Móng-cái hiện nay; một số bị cầm tù và 8 Hoa-kiều bị đi đày.

Ba năm sau vào tháng 10 (1917) ông Đội Sáng đứng lên khởi-nghĩa ở đồn Bình-liêu mới được xây dựng từ năm trước. Đội Sáng viết thư cho quan đồn Nà-thuộc (Đình-lập) đề-nghị cùng gây cuộc binh-biến. Tên này phản-bội nên tên Trung-úy đồn Bình-liêu bắt ngay Đội Sáng và bạn của ông là Cai Phùng ngày 12-10-1917. Nhưng anh em binh-sĩ nổi dậy tức thi, giết tên Trung-úy và tên quản Bary, cứu được ông Đội Sáng và Cai Phùng mà bọn Pháp định xử bắn vào sáng hôm sau; Rồi nghĩa-quân cướp một số vũ-kí và tiền bạc trước khi rút về Hoành-Bồ và đến đóng ở núi Tài-xá. Sau nghĩa-quân lại chuyên qua xã Đồng-tâm. Ngày 16-10 hai bên đánh nhau suốt một ngày (quân Pháp tiếp-viện từ Tiên-yên lên Bình - liêu). Một trận kịch-liệt diễn ra tại Ngân-mu dài ba hôm, sau quân Pháp phải lùi về Tiên-yên. Nghĩa-quân kéo xuống Hà-Cối cướp được đồn Trúc-bài-Sơn, chiếm được cả đồn Đàm-hà rồi lại đánh lên đồn Hà-Cối. Ở đây, nhân vụ binh-biến của Đội-Sáng, nhân-dân địa-phương cũng đứng lên kéo cờ đỏ hình chữ-nhật hiệp tác với nghĩa-quân. Nghĩa-quân thắng được binh-đội thuo-

dân nhưng sau bị phản nén bại trận chạy sang Thái - San (Quảng-tây) Sau 10 hôm, nghĩa-quân thiếu lương-thực phải giải - tán. Pháp truy nã, giết được 4 người và cầm tù 85 lính dồng và khổ xanh đã theo hàng nghĩa-quân vừa đây.

### **NGHĨA-QUÂN LẠNG-SƠN CAO-BẮNG**

Lĩnh-tụ nghĩa - quân ở Lạng-sơn từ vùng Lục-nam lên đến núi Mẫu-sơn (cách tỉnh-lỵ 30 cây số sau thành nơi nghỉ mát như Tam-đảo), là Lưu-Nhi, em Lưu-kỳ đã nói trên đây. Hoạt-động của nghĩa-quân vùng này cũng nhằm vào việc phá trúc giao-thông, vận-tải của Pháp giữa Thanh - muội và Lạng-sơn. Không đoàn vận-tải nào qua vùng này mà không bị chặn đánh.

Trước cuộc quấy rối của Lưu-kỳ, Lưu-Nhi, Pháp phải điện cho sứ-thần mở cuộc điều-định với Bắc-kinh và với các nhà đương-cục Quảng-tây. Tổng-lý nha-môn của Bắc-kinh ra lệnh cho đóng chặt biên-giới để nghĩa-quân mất đường thoái-lui trong khi Đại-tá Servière mở cuộc tảo-thanh. Một bèle Servière đem quân từ tỉnh Lạng-sơn đi đánh, một bèle quân Pháp mới sang Việt-Nam từ Bắc-giang lên góp sức (tháng 4-1892). Pháp còn một lực-lượng nữa cũng đang đàm-áp nghĩa-quân giữa 2 đồn Thanh-muội và Bến-động trên giải núi Cai-Kinh. Tại đây Thiếu-tá Courrot đang đánh dẹp nghĩa-quân Yên-thế.

Đêm 15 rạng 16-5-1892 Lưu-kỳ dẫn quân đánh vào Kỳ-lừa là một địa-diểm ở bên này sông Kỳ-cùng chạy dọc theo tỉnh-lỵ Lạng-sơn, cách tỉnh-lỵ có cây cầu sắt ngắn. Trong giai-đoạn này cǎn-cứ của Lưu-Nhi là Mẫu-sơn và núi Cai-Kinh. Nghĩa-quân phá việc xây-dựng thiết-lộ tại vùng này mỗi ngày mỗi mạnh và đưa Servière đến chỗ bất lực. Ngoài ra nghĩa-quân còn bao vây đồn Thất-khê, chiếm đèo Cát, cắt đứt liên-lạc của địch từ Lạng-sơn lên tới Cao-bằng. Ngụy-binh ở quãng giữa hai tỉnh này phải bỏ chạy vì số nghĩa - quân lên tới 1.500 người có đủ súng ống.

Ngày 5-7 Servière phải điện về Paris rằng trong thành Lạng chỉ có 50 binh-sĩ khỏe mạnh đang bị nghĩa-quân uy-hiếp không cách xa quá 4 cây số. Y xin viện - binh đến gấp do đó Hà-nội được lệnh gửi lên cho y 5 đại - đội và thương-lượng với Đề-đốc Quảng-tây ở Quảng-châu giúp đỡ một phần (10-9). Ngày 14-9 địch mang quân lên giải vây cho Thất-khê bị phong-tỏa từ mồng 6-9. Địch được giải-tỏa ở Lạng-sơn nhưng lại bị tập-kích ở Phó-bình-gia và đoàn vận - tải của chúng bị đánh trên sông Kỳ-cùng giữa Na-sầm và Đèo-cát. Tại Suối Gành và dòn Thanh-muội chúng cũng bị ta tấn-công. Một thời tại Tiểu - khu Cao-bằng quân Pháp quá đơn-sor nên rất khốn quẫn.

Tóm lại, đáng lưu-ý riêng về con đường Lạng-sơn, Thất-khê, quanh các đồn-ải của địch, kể cả các đòn biên-giới thường có những cuộc giao-tranh kịch-liệt. Quân-đội thực-dân ít ỏi nên bị đe dọa thường xuyên. Sau đó địch đã phải mở ba cuộc hành-quân lớn, một do Đại-tá Servière vào tháng 10-1893, một vào 3-94 do Đại-tá Chapelet và một do Clamorgan vào tháng 5 và 6-1894 để cải-thiện tình-thế nhưng không thâu được kết-quả.

Chỉ-huy nghĩa-quân ở Cao-bằng là Mạc-quốc-Anh và Đặng-a-hop. Vào cuối năm 1891 — 1892 hoạt-động của nghĩa-quân tương-đối ít. Một vài trận đánh đáng đề ý : tại Trùng-khánh Phủ, nghĩa-quân đã hạ-sát được viên Đại-úy Magnenod, bắn trọng thương Trung-úy Guillemet và đuổi theo tàn binh của địch về tới Trùng-Khánh ; trên sông Bằng-giang giữa Cao-bằng và Phúc-hòa một pháo-thuyền địch bị tiêu-diệt hoàn toàn...

Nghĩa-quân chia đóng 300 quân sát Đông-khê và 300 quân đóng ở Na-lan. Địch mang quân đi thám-thính bị đánh lui, trở về bị phục-kích bên bờ sông Bằng-giang, tổn-thất rất thê-thảm. Một trận ở Na-lan (gần Đông-khê) đã diễn ra vào 2-8-92, một ngàn nghĩa - quân bao vây đội quân của Đại-úy Rival, một Trung-đội địch bị tiêu-diệt, Đại-úy David bị thương, còn tàn quân phải chạy hết qua Trung-quốc. Tháng 11 năm ấy vài lữ-nhị mới xuất-hiện là các ông Trung-cát-Nhi, Lục-a-Sung, Đặng-a-Bảo, Nguyễn-Linh v. v... đánh nhau với binh-đoàn Fanin

ở khắp vùng Ba-châu nhất là chung quanh Trùng-khánh-Phủ và Quảng uyên. Nhưng đến tháng 5-93, Đặng-a-Hợp bỏ cuộc về hàng Pháp. Pháp cho 20 con trâu về yên-trí cày ruộng làm ăn ở Cao-bằng.

Vào tháng 10-1893 Pháp và Chánh-phủ Mân-Thanh soạn thảo một hiệp-ước hoàn thành vào tháng 6-1894 và ký-kết tại Long-châu. Theo nội-dung hiệp-ước này ở Quảng-đông, Pháp không đòi vùng Đông-bắc Hoành - Bồ nữa, tại Quảng-tây Pháp không tranh vùng Đèo-lương để Tàu thỏa-thuận khép chặt biên-giới không cho nghĩa-quân tràn sang.

Và từ 1893-94 hai quân khu I và II đều ở dưới quyền của Đại-tá Galliéni là một quân-nhân sành sỏi chánh-trị cũng như quân-sự. Y đã đưa ra những nguyên-tắc khôn-ngoan dưới đây :

*« Chiến-tranh xong là bình-dịnh : Đánh được xã nào thì phải lập ngay một nhà trường và một cái chợ, làm cầu cống đường-sá cho nhiều. Đừng phá những gì không cần phá.*

*« Hành-động chánh-trị trên hết. Ai vẽ được một bản đồ dân tộc chính-xác của vùng mình thì được coi như đã thắng lợi quá nửa phần. Cố lôi kéo quần chúng, lợi dụng thô-hào địa-phương, chia rẽ các sắc dân khác nhau.*

*« Hành binh thì phải chiếm đất, chiếm đất thì phải củng cố và cứ thế mở rộng phạm-vi như vết d้า loang.*

*« Một người lính phải là một nhà cai-trị, nhưng sau khi hạ súng, phải kiểm-soát kỹ vì dân chưa hẳn đã thật lòng theo.*

*« Kẻ xâm chiếm là người duy nhất có đủ thẩm-quyền để tha thứ và mua chuộc » 1)*

Vào cuối năm 1893 phong-trào kháng-Pháp ở Cao-bằng lên rất mạnh. Riêng trong tháng 10 đã có tới 21 trận đánh giữa

1) Sau này Galliéni mang áp-dụng chánh - sách gồm 5 điều kẽ trên đối với dân Madagascar.

nghĩa-quân và địch. Cầm đầu cuộc kháng Pháp bấy giờ tại vùng Ngan-sơn là Hà-cốc-Thượng, tại Mỏ Sắt và Sóc-giang và Hòa-yên là Tiên-Đức, ở Lục khu là Lục A-Sung, ở Quảng-Uyên là Đặng A-Hợp, ở Tập-Na là Lý-Sâm (riêng ông này có 500 tay súng) ở Thất-khê có Trung-cát-Nhị, ở Lũng-cam có Lò-hòa-Dung v.v...

Vì quân ít lại phải rải-rắc đi nhiều nơi nên ở đâu địch cũng bị ta uy-hiếp; còn ở thành Cao-bằng địch có 76 lính dưới quyền Thiếu-tá Mamary trong đó một số bị bệnh, tiền bạc, thuốc men cũng thiếu-thốn. Đường bộ tiếp-vận bị nghẽn ở Thất-khê, đường thủy chỉ đưa quân lương được đến thủy-khâu mà thôi mà tiến lên ly-sở thì là cả một sự gian-nan. Sau Pháp phải mang nhiều quân từ Hà-nội và Lạng-sơn lên để giải-tỏa cho Cao-bằng. Tới tháng 4-1894 địch mới bắt đầu dỗ thở ở nơi biên-viễn này, ngoài ra địch còn được mấy sứ may mắn dưới đây :

Thanh-định lâm vào cuộc chiến tranh với Nhật - bản nên không dám dung-dưỡng nghĩa-quân Việt - Nam giữa hai vùng biên-giới Việt-Hoa. Sự Pháp mượn cớ gây hấn, quan lại Tàu phải khóa chặt biên-giới lại còn bắt giết một số lính tự nghĩa-quân chạy sang nương-náu trên đất Tàu.

Tôn-thất-Thuyết bị bắt đi an-trí do Đại-sứ Pháp ở Bắc-kinh yêu cầu theo đề-nghị của Toàn quyền Đông-duong bấy giờ và Lưu-vĩnh-Phúc lúc này vừa xin được giải ngũ cũng bị cả Thanh triều lẫn Pháp thực-dàn theo dõi và cò-lập-hóa. Mọi cuộc mưu toan của Tôn - thất - Thuyết ở Cao-bằng do sự việc này mà thất bại. Theo cuộc điều-tra của Pháp lúc này ông Thuyết cùng Lưu-vĩnh-Phúc và Đề-đốc Phong (tướng của nhà Thanh) đang mưu khôi-phục phong-trào kháng Pháp gần biên-thùy Việt-Hoa. Thật là đáng tiếc !

*Vùng Bắc-cạn.*— Thực - lực chánh-yếu của nghĩa-quân vào cuối năm 1894 đều tập-trung ở thượng-lưu sòng Cầu. Lãnh-tụ nghĩa-quân ở đây là Bá-Kỳ có 300 chiến-hữu toàn là người Việt. Một phần quân đội của Bá-Kỳ giữ tỉnh Bắc-cạn.

Cuối 1894 Thiếu-tá Tournier mở cuộc tấn-công vào Bắc-cạn nhưng thất bại nên đến tháng giêng 1895 tướng Duchemin ra lệnh cho Đại-tá Galliéni phải tảo-thanh ráo-riết địa-phương này. Galliéni đã tổ-chức nhiều binh-đoàn quyết quét sạch nghĩa-quân tại lưu-vực sông Cầu, từ Bắc-cạn qua Chợ-Mới rồi chiếm con đường chính từ Bắc-cạn qua Đông-viện tới Đại-tử. Con đường này rất quan-trọng đối với sự liên-lạc với quân-khu Tuyên-quang và địch chưa đặt gót chân vào đây bao giờ hết. Từ đầu tháng 4-1895, Galliéni tung vào Bắc-cạn 4 binh-đoàn: một kéo vào tỉnh Bắc-cạn và Kẻ-thượng còn ba vây chặt các địa-diểm có nghĩa-quân \* ba phía Nam, Bắc và Đông. Không chống nổi địch vì chúng quá đông, nghĩa-quân tồn thắt nhiều phải rút về Đại-tử. Mẹ ông Bá Kỳ bị giặc bắt và giết. Xét số chiến-hữu chết và bị thương nhiều, ta có thể nghĩ rằng trận đánh rất ác-liệt và đưa nghĩa-quân đến chỗ tan rã.

Sau khi đánh Bá Kỳ, Pháp đánh ông Tiên-Đức ở Lũng-sung (Cao-bằng) bằng 4 đoàn quân do Đại-tá Vallière chỉ huy, cuộc xung-đột diễn ra đầu tháng 10-1894.

Diệt xong hai đám nghĩa-quân kề trên, Pháp tấn công Hà-cốc-Thượng ở Phia-mã từ tháng 11 năm ấy (1894). Thiếu-tá Leny mang đại-quân vây kín Phia-mã tức chợ Rã. Qua tháng sau địch lại được tăng-cường bằng hai đạo quân do Đại-tá Vallière và 2 Thiếu-tá chỉ-huy từ chợ Rã đánh thốc vào Phia-mã và Cao-tỉnh đây được Hà-cốc-Thượng về Phiên-lương rồi chạy qua Hà-giang.

### *CHIẾN SỰ Ở VÙNG NÚI CÁI KINH*

Ngoài 1890 vùng núi Cai-Kinh cũng thiếu an-ninh, trật-tự dưới con mắt của địch, sau thời lĩnh-tụ Hoàng-đình-Kinh chống Pháp và cáo chung sứ-mạng. Những đàn em của họ Hoàng cũng như một số nghĩa-sĩ của địa-phương hay của các miền lân-cận tiếp-tục nỗi lên quấy rối khiến địch phải ghi trong lịch-sử quân-sự của chúng là tình-hình

ở vùng núi Cái-kinh lúc này thật là lộn-xộn (*Histoire militaire trang 98 — quyền II*). Người phát cờ chống thực-dân trong giai-đoạn này là Hoàng-thái-Nhân cũng đáng kể là tay kiệt-hiệt vì đã mang nhiều cuộc bại-trận lại cho các đoàn quân của Đại-tá Chapelet, Thiếu-tá Barré, Đại-tá Servière là những con gà nòi hữu danh của Đế-quốc Pháp ở đây. Các thầu-khoán Pháp xây dựng đường xe-lửa Hà-nội — Lạng-sơn như Roty, Pignaniol, Boyer, Humbert, Droz đều bị nghĩa-quân bắt vào năm 1893.

Galliéni thấy tình-thế có thể nghiêm-trọng và ánh-hưởng của nghĩa-quân sẽ lan tràn đi các địa-phương khác nên đã đích thân chỉ-huy một cuộc hành-quân lớn khắp vùng núi Cai-Kinh vào đầu năm 1894. Y lấy làm hanh-diện đã mở được cuộc hành-quân đó chẳng khác chi Thiếu-tá Joffre trước đây tự-phụ có mặt trong chiến-dịch Ba-đinh, chẳng nghĩ rằng nghĩa-quân chỉ là những toán quân nhỏ thiếu huấn luyện, vũ-khi đơn-sơ, đạn-dược thiếu-thốn, lương-thực lúc có lúc không mà lực-lượng của chúng về mọi mặt bao giờ cũng đều-hòa và dồi-dào, gấp mấy chục lần, đánh mãi dĩ-nhiên phải thắng và thắng như vậy, có gì là vê-vang ?

Galliéni đã huy-động tới 3 binh-đoàn nhằm vào Lũng cát mà đánh : binh-đoàn Fanin có 500 tay súng và một đại bác ; binh-đoàn Chapelet có 600 tay súng và 1 đại-béc và binh-đoàn bắn-bô của y (Galliéni) cũng có một lực - lượng như trên nhưng thêm 1 khẩu đại-bác. Ngoài ra y còn đem một số quân lấy ở Thất-khé và Na-sầm (Na-cham) chấn đóng đường đi Phó-bình-gia.

Cuộc tấn công kéo dài 12 ngày vô cùng kịch-liệt. Địch đông-đảo và có nhiều phương-tiện trong tay, tất-nhiên khí-thế dễ hăng-hái. Nhưng nghĩa-quân tuy ít cũng có tinh-thần cao nên đã tử-chiến với địch. Rồi Hoàng-thái-Nhân đã mện-vong trong dịp này cũng như biết bao chiến-hữu. Dẫu vậy địch cũng không thâu được một trường-hop đâu hàng nào hết lại còn xác nhận rằng cẩn-cứ của nghĩa-quân quả hết sức hiểm-trở, dân-chúng hoàn-toàn

qui-phụ nghĩa-quân và xông vào căn-cứ này là cả một sự mạo-hiểm (1). Sau thắng-lợi này địch lập một hệ-thống đồn bót ở vùng núi Cai-Kinh theo thường-lệ.

### VÙNG LÀO - CAI, TUYÊN-QUANG VÀ HÀ GIANG NỘI BẮO

Trong hai năm 1891 — 1892 giữa lưu-vực mấy con sông lớn ở Đông-Bắc và Tây-Bắc Bắc-kỳ (sông Thao, sông Lô và sông Chảy) đã nổi sóng rất nhiều vì rất nhiều anh hùng, hảo-hán ở vùng này đã nổi lên như nấm chổng nhau với Pháp. Nhóm nào cũng đông người và có nhiều vũ-khi, duy đáng tiếc một điều là thiếu sự đoàn - kết thiếu sự thống-nhất chống xâm-lăng.

Giữa sông Thao và sông Lô, Nguyễn-triệu-Trọng và Hoàng-thân-Lợi kiểm-soát được nhiều địa-diểm, gây nên nhiều lo âu cho địch. Cuối tháng 11 - 1891 Đại-tá Beylié mang binh-doàn Yên-bái, Thiếu-tá Mouniot mang binh-doàn Phủ Yên-binh đi càn-quét nghĩa-quân tại lưu-vực sông Chảy. Địch tiến từ Yên-binh lên phố Ràng. Trong lúc này, nghĩa-quân đánh mạnh vào vị-trí của địch ở vùng sông Đà và Nghĩa-lộ. Địch phải rút về để giữ vị-trí.

Qua năm sau (1892) nghĩa-quân vẫn giữ được trọn vẹn ánh-hưởng và địch không phát-triển được uy-thể ra khỏi căn-cứ Lào-cai và Yên-bái. Vào thu-đồng 1893-94 các tổ-chức võ-trang chống Pháp tại ba vùng sông Lô, sông Thao và sông Chảy mạnh hơn trước. Nghĩa-quân có tới 4.000 người, súng tay đủ cho tới  $\frac{3}{4}$  quân-số, lấy Tông Từ-Long làm căn-cứ chính (tại sông Chảy). Nơi này gần biên-giới tiện đường tiến lui. Bên cạnh hai ông Lợi và Trọng còn một lĩnh-tụ nữa là Hoàng-Mẫn.

Địch mở cuộc tấn-công vào vị-trí của nghĩa-quân với một lực-lượng tập-trung khá lớn và chiếm được Tông-Tư-Long. Hoàng-

1) Địch đông như kiến, vũ-khi như rừng thì xông vào vùng núi Cai-Kinh chống nhau với một nhóm nghĩa-quân ít - ỏi sao gọi là mạo hiềm được !

Mẫn chuyền quân sang hữu-ngạn sông Thao, xung-sát với Pháp tại Chapə và Vũ-Lao ngày 22-5-1893 thắng trận ở núi Mã-định bên tả-ngạn sông này giết được Trung úy Macajoet, bại cả Đại-úy Gesland ở Ta-Phin vào cuối tháng ấy (gần Chapa). Thừa quân-sĩ đang có nhiều hùng-khi, Hoàng-Mẫn tiến vào chiếm Tân-uyên, đuổi được Thiếu-lá Bertin và Đại-úy Bullier ở Tân-Quí. Địch phải rút về Bản-tích rồi lại bị truy-kích phải chạy về Hiệu-trai. Chúng cố thủ ở đấy, bấy giờ là cuối tháng 7. Còn Bétain chạy về thượng-lưu ngòi Nam-Kin rồi lại phải chạy về ẩn náu ở Văn-Bàn. Cuộc thắng trận này tỏ ra Hoàng-Mẫn là một tướng tài vì trong tay ông lúc này chỉ có 300 chiến-hữu mà thôi.

Cũng trong năm 1892-1893 bên phia sông Lô từ Chiêm-hóa đến Vĩnh-tuy có nghĩa-quân Hoàng-Cầu hoạt-động sát tĩnh-ly. Tuyên-quang, ở Chiêm-hóa có Cao-tài-Lợi ở Văn-lãng có Lương-tam-Cơ ở Sơn-duong, có Tuần-Đạt ở Phủ Đoàn-hùng có Đốc Thực ở Hà-giang, có Lê-chí-Tuấn (lúc này địch chiêu-dụ Tuấn ra hàng và hậu-đãi để Tuấn về làm ruộng. Địch còn tích-cực vận-động chia rẽ các nhóm nghĩa-quân để tạo nên cuộc huynh-đệ tương-tàn.

Một biến-cố đáng buồn: Mạc-quế-An lĩnh-tụ 500 quân và Hoàng-Cầu (lúc này có 700 quân) bất-hòa với nhau do đòn phép của Thực-dân rồi ít lâu sau Mạc-quế-An giảng-hòa với Pháp do đó vào cuối 1894 địch đã đẩy Mạc và Lê-chí-Tuấn đến chỗ sát phạt với Hoàng-Cầu. Do sự xung-đột nội-bộ này, lực-lượng của Hoàng-Cầu sút kém đi. Lại nữa, Đặng-văn-Sung cũng bỏ Hoàng-Cầu kéo quân bắn-bộ sang hữu-ngạn sông Thao nhập với quân của Hoàng-Mẫn.

Luôn trong những năm 1894 - 95 - 96, trừ vùng sông Đà, suốt hạt Tây-Bắc Bắc-kỳ, kháng-chiến vẫn giữ được nguyên vẹn thực-lực vì địch không có nhiều binh-sĩ để mở các cuộc tấn công lớn do còn phải giải quân đi nhiều nơi khác không kém phần nghiêm-trọng. Địch phải lo dùng mưu thuật nhiều hơn như là khuyến-dụ, mua-chuộc và thi hành các kế ly-gián các lĩnh-tụ nghĩa-quân.

Cuối năm 1894-95 Hà-cốc-Thượng tại Hà-giang lập được nhiều chiến-công oanh-liệt : chiếm Đồng-quan, Tồng Ba - xá, bại đại-úy Morel ở Bắc-mẽ và Việt-gian Phương-văn-Thọ, chiếm vùng Quảng-bà (Bắc Hà-giang) và đánh đuổi Pháp từ Phiên-lương đến chợ Rã. Vào thu-đông 95-96 họ Hà lại tấn công Pháp mạnh hơn bao giờ hết và Lê-chí-Tuấn cùng Mạc-quế-An lại bỏ Pháp trở về với nghĩa-quân. Pháp nhờ chỗ chiến-sự ở Yên-thể lúc này bót phần gắt gao liền mang viện-binh lên Hà-giang mở cuộc phản-công. Chúng chiếm được nhiều đồn và tiến sát về lĩnh-ly.

Cũng trong dịp này ở Chiêm-hóa hai tướng Cao-tài-Nhi và Lô-Set vượt sông Gầm để tập-kích một đoàn quân Pháp di-chuyển từ Bắc-mục về Tuyên-quang trong ngày 2-11-1894. Ta đánh đòn Bắc-mục ngày 6-11, chiếm Yên-mục và tính tràn qua sông Thao. Địch hoảng-hốt. Đại-tá Thomasset ở Tuyên-quang, Thiếu-tá Mouniot ở Trại-hút và trưởng đòn Yên-bái vội tập-trung quân-đội trên sông Chảy về ngăn đón nghĩa-quân. Cao-tài-Nhi và Lô-Set trở qua sông Lô làm bè tiến quân về sát Tuyên-quang.

Trong giai-đoạn địch bị khốn khổ với Cao-tài-Nhi và Lô-Set ở Tuyên-quang và Hà-giang thì tại Yên-bái bọn quân nhân Pháp cũng trải nhiều sự cực-khổ, điên-bái với Hoàng-Mẫn như hồi 93-94. Thiếu-tá Bertin được lệnh kéo quân trở lại Văn-bàn vào tháng 4-1894 (Pháp đã bỏ cứ-diểm này trước đây). Đại-tá Radier cũng được chỉ-thị kéo quân vào Nghĩa-lộ theo kế-hoạch tấn công nghĩa-quân Hoàng-Mẫn. Họ Hoàng biết rõ tính ý của địch liền rút hết lực-lượng lên phía Bắc Tân-Uyên chờ viện-binh của Nguyễn-triệu-Trọng. Nghĩa-quân lúc này đóng giữ lưu-vực ngòi Nam-Mẽ và đã dụng đầu với nhiều toán-quân của các Thiếu-tá Gillot, Nouttenègre, Lhermite, Aubignose, Hermet và Bullier. Nghĩa-quân đang bị bao vây nguy khốn thì được đạo quân của Cò-Giốc từ sông Gầm đi qua hưu ngạn sông Thao. Gouttènègre mang 350 binh-sĩ và một số pháo-thuyền chặn đánh nhưng bị thua ở Vũ-Đao, Dương-Quí. Tướng Servière (trước đây là Đại-tá, vừa được thăng Thiếu-

tướng) cấp tốc đón đường không cho Hoàng-Mẫn lui xuống phía Nam. Nhiều cuộc xô-xát xảy ra ở Tur-lệ, Ngòi-hút, Láng-Bùi (Gillot bị trọng thương-trong dịp này) và do lực-lượng địch quá trội, Hoàng-Mẫn phải vượt tăng-ạn sông Thao sang hợp sức với quân-đội của Nguyễn-triệu-Trọng. Qua tháng 8-1895, hai vị anh-hùng này còn giữ vững địa bàn giữa sông Thao và sông Chảy, vùng Phố Ràng và Bảo-hà lên tới biên giới Việt-Hoa. Địch lúc này không mong gì hơn là ngăn nghĩa-quân Hoàng, Nguyễn khỏi xuống quá mức Bảo-hà, phố Ràng. Rồi hai phen nghĩa-quân cố đánh xuống phòng tuyến trên đây nhưng thất-bại đành ngừng lại tại Mã-yên-Sơn. Qua 1896 thực-lực của Hoàng, Nguyễn suy tàn dần và vào tháng 3 năm ấy họ Hoàng còn vùng vẩy như một lần chót tại vùng giữa sông Thao và sông Chảy với hai bạn đồng chí là Nguyễn-triệu-Trọng và Mạc-quế-An. Tướng De Badens và Đại-tá Vinard mang hai binh-đoàn đến đánh cho tới mùa mưa nhưng chẳng bên nào thắng, bại. Sau cùng ba tướng nghĩa - quân thấy đại - cục không khôi - phục nổi, đành rút cả qua bên kia biên-giới, trú chân ở Song-Phong. Cũng năm này Hà-cốc-Thượng không giữ nổi Đồng-Quang phải theo gót họ Hoàng, Nguyễn, Mạc. Quân sĩ của ông một phần bị quân Thanh đánh phá, một phần tự-động giải-tán...

Còn tướng Hoàng Cầu trong năm 1895 cũng có nhiều uy-thể tại phía Nam phòng-tuyến Hà-giang, Bắc-mẽ là một phòng-tuyến giống như Bảo-hà, Phố Ràng. Vừa rảnh tay xong với Yên-thé, Đại-tá Vallière ở Tuyên-quang, Thiếu tá Roget và Đại-tá Audecoud họp được 2000 binh-sĩ quyết quét sạch nghĩa-quân để giải vây các đồn Hà-giang, Bắc-mẽ và Bảo-lạc. Quân của chúng xuất-phát từ Cao-bằng. Hai bên gặp nhau ở Tam-kỳ. Đại-ý Béranger và nhiều lính Pháp bỏ mạng, Thiếu-tá Brenot chạy về Tuyên-quang, Vallière từ sông Gầm tiến lên tính liên-lạc với hai binh-đoàn kề trên để chiếm Khâu-Cốc nhưng không kịp. Audeaud bị đón đánh giữa đường ngay sau khi y mang quân ra khỏi tỉnh. Trung-ý Fenari và nhiều binh sĩ bị tử trận. Ngày 23-1-96, Vallière được viện binh từ Yên-thé tới và nhờ có trọng-pháo yểm-hộ đến

ngót 200 trái mới vào chiếm được vị-trí. Quân kháng chiến rút về Đồng-quang rồi địch lần lượt chiếm hết được vùng Việt-Bắc, đóng đồn ở khắp nơi từ Đông qua Tây, có thể tiếp viện và ứng-hợp với nhau tay dã - dàng. Nghĩa-quân giờ phút này chỉ còn chiếm cứ những địa-diểm lẻ-tẻ. Vallière phỏng các binh-đoàn Audéaud, Bréquelot và Nouvel đi càn quét dữ dội. Tuy đến bước cùng Mạc-quế-An còn kéo quân từ Lào-cai qua hợp với quân của Nguyễn-triệu-Trọng thành một đạo quân có 300 tay súng bao vây đồn làng Cỗ Lum, đánh một trận lớn với binh-đoàn Bailly ở đèo Ma-qui, hạ được hai Trung úy Palissé và Cartigny khiến quân đội thực-dân phải hoảng sợ vô cùng. Cho đến khi các lính-tụ nghĩa-quân lánh qua Tàu, địch mới được ăn ngon ngủ yên kể từ 1896 ! Năm này là năm chót của các nhóm nghĩa-quân lẻ-tẻ chống Pháp tại vùng Việt-Bắc đáng kể là oanh-liệt, những cái hùng-khí của núi rừng Việt-Bắc còn lại với nghĩa quân Yên-thể tới 1913 mới hết hẳn.

---

## CHƯƠNG V

### KHÓI LỬA Ở MIỀN CAO - NGUYÊN TRUNG VÀ NAM-VIỆT

#### **CUỘC CHIẾN-ĐẤU CỦA ĐỒNG - BÀO THƯỢNG Ở TRUNG VÀ NAM - VIỆT**

Vì thực-dân Pháp bước chân lên đất Việt - Nam đánh chiếm nước ta là một biến-cố gây đau khổ không riêng cho các đồng - bào ở đồng-bằng, các đồng-bào Thượng tại Cao-nghuyên Nam-phần ra tới Cao-nghuyên Trung-phần cũng ý-thức không kém điều tai-họa của cái nạn đế-quốc. Vùng cao-nghuyên gồm : Biên-hòa, Thủ-dầu-Một, Lộc-ninh, Hớn-quản, Đắc-lác (Darlac), Di-linh, Công-tum (Kontoum), An-khê, Lang-biang, Khánh-hòa, Phú-yên, Bình-định, Quảng-ngãi, Quảng-nam, Quảng-trị, Quảng-bình rải-rác trên sườn giải Trường-sơn.

Đồng-bào Thượng ở đây có các sắc-dân : Rhadé, Sédan, Hré, Catu, Lạt, Mnông, Stieng, Gia-rai, Ba-Na, Ra-Glai, Ma, Srê... (1). Có thể nói tổng-quát là đồng-bào Thượng từ Nam ra Bắc thay đều chung sự hung-vong, bĩ-thái về mọi phương-diện đã không bỏ lỡ một cơ-hội nào nhất là trong việc đem xương máu chống xâm-lăng và thực-dân vàng, trắng với chúng ta từ nhiều đời. Là một sự thiếu sót không thể tha thứ được nếu ta bỏ quên các đồng-bào Thượng trước mọi biến-cố lịch-sử trên đất nước chúng ta.

Ngay từ 1862 là năm Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam-phần, Pháp đã lưu ý đặc-biệt đến vấn-de Thượng trong chương-trình mở rộng sự kiểm-soát và khai-thác các vùng.

(1) Việt-Nam tân biên quyền II chương I đã có khảo về các sắc dân Thượng trên ba xứ Việt-Nam.

thượng-du tỉnh Biên-hòa, Thủ - đầu - môt, Bà - rịa miền Hạ-Lào và cực-Nam Trung-bộ cùng mấy tỉnh Đông-Bắc Cao-miên. Một vài gián - điệp đội lốt thày tu đã được tung vào các núi rừng tuyên truyền và dụ-dỗ đồng bào (Azemar, Mouhot (1) v.v...) và trong dịp chúng đánh phá binh-lực Việt-Nam dưới triều Tự-Đức, chúng cũng nô luôn súng vào các vùng Thượng mà chúng biết cũng có tinh-thần bài-ngoại.

Năm 1864 trong việc Trương Quyền con ông Trương-công-Định nổi chí cha dâng quân chống Pháp, hợp lực với nhà sư Lào-Mên Pu-cam-Bô cũng là một nhân-vật cách-mạng phản Đế, các bộ-lạc Mnông và Stiêng cũng tích-cực tham-gia cuộc khởi-nghĩa. Các đồng bào Thượng ở đây giúp đỡ các nghĩa quân lập chiến-khu. Thanh-niên Stieng, Mnông tồ-chức nhiều vụ đột-kích vào từng toán quân thù rất hăng hái. Cuộc chiến-đấu kéo dài từ 1864-1875. Năm 1867 Pu-cam-Bô bị hại, nhưng hai đồng-chí của ông là A-nông và A-chreng tiếp-tục cuộc kháng Pháp với các người Mên, Chàm, Việt, Thượng đánh vào tỉnh Khumum (Bắc Cao-Mên) vào tháng ba năm 1868. Tháng 4-1872 tỉnh này bị chiếm sau đó ít lâu A-chreng chết. Tháng 6-1875 A-nông đem quân ào ra vùng Lộc-ninh, Hòn-quản và Khumum nhưng thất bại phải rút vào rừng sâu.

Tháng 2-1877, Vathas, một vị Hoàng-thân Mên trước cái họa mất nước cũng vận-động. Kháng-chiến và được đồng bào Stieng giúp đỡ lấy Tchrey-Meang làm khu chiến đấu và làm nơi cố thủ. Tháng 6-1877 nghĩa-quân Mien-Stieng chiếm được tỉnh Khumum nhưng cuối tháng 7-1877, Pháp và quân Mèn-gian phản-công quá mạnh, Vathas chống không nổi phải giải tán binh đội để di tu. Tuy vậy cuộc khởi nghĩa còn kéo lai-rai đến 1885. Thực-dân Pháp hết đòn-áp lại dỗ mà không xong. Năm 1898 chúng phải đặt đồn ở Hòn-quản; năm 1906 chúng lập thêm vị-trí ở Bù-dăng, Bù-na.

Tên Feston trong cuốn « Việt - Nam cận đại » xuất-bản

(1) Azemar ở Brelam từ 1857 làm gián điệp cho quân đội xâm lăng. Năm 1866 y phải bỏ trốn về Saigon khi nghĩa-quân biết rõ chân tướng của y.

năm 1930 cũng như Henri Maitre năm 1912 trong sách « *Vùng rừng núi xú Mọi* » đã công-nhận rằng đồng-bào Stiêng có tinh thần độc-lập rất cao, rất thiện-chiến và hiện nay rút sâu vào trong vùng phía Bắc tỉnh Thủ-dầu-một và Biên-hòa để tránh cuộc tấn-công của Pháp.

Kè từ 1890, Pháp thấy các thủ-đoạn chính-trị không có nhiều hiệu-lực nên đã áp-dụng võ-lực để bình-định các « Buôn » (1). Chúng tung ra các toán quân xuyên vào các rừng núi khùng-bổ đồng-bào Thượng, cướp phá, hăm-hiếp và xây dựng đồn, trại. Những toán quân nồi tiếng hung-thần là đội quân của Pavie và Maitre. Bọn giàn-diệp đội lốt thày tu ở đây đã làm trọng vẹn vai trò nội-tuyến cho giặc, nghĩa là cung cấp các tin tức cần-thiết về các « Buôn » và tình hình dân chúng trên mọi phương-diện trước khi địch thi hành chương trình tiến lên miền núi. Xin lưu ý vào cuối thế-kỷ XIX Tiêm-la đang có nhiều ảnh-hưởng đối với vương-quốc Lào nên Pháp cần bình định các vùng Tây-nguyên Nam-phần và Tây-nam Trung-phần để giành miền Hạ-Lào với Tiêm cũng như tại vùng Điện-biên-phủ (Tây-Bắc Bắc-Kỳ). Pháp cũng đã dụng đầu với binh-đội Tiêm la. Năm được miền này, dĩ-nhiên Pháp nhảy vào làm chủ dần cái triều-đình mềm yếu của Luang-prabang.

Bằng giáo, mác, tên thuốc độc, cạm bẫy, hổ chông, đồng bào Thượng cản đường của Thực-dân không kém phần anh-dũng. Sau 20 năm Thực-dân ra công đòn-áp nghĩa-quân, năm 1912 Henri Maitre đã thu nhận rằng nhiều làng Thượng không chịu cuộc thống-trị của Pháp và bằng tên thuốc độc (2) đã đưa một số sĩ-quan thực-dân về bên kia thế-giới (Péroux Canivey bị trọng-thương, Hugo, Robert, Odend'hal, Paris, Perrin Mesnard bị táng mạng.

(1) Đồng-bào Thượng Trung và Nam-phần theo con số ngày nay có tới 93 vạn. Họ ở các « Buôn » tức là « Bản » đối với đồng-bào Thò và « Xã » đối với người Kinh.

(2) Mũi tên của đồng-bào Thượng đầu bị sắt nhọn có bôi thuốc độc. Thuốc này chế bằng nhựa cây xui, ai xước da bị thứ nhựa này quết vào thì chỉ giây lát là chết. Hình như cây xui là Strychnée. Pháp đem mũi tên tầm thuốc độc cắm vào một con chó thì sau nữa giờ, con chó hết thở.

Đội-quân của Pavie có nhiệm-vụ đặt ách thống-trị của Pháp tại vùng Kontoum, chiếm vùng Bắc Cao-mèn và Hạ-Lào. Họ này hoạt động mạnh từ 1890 đến 1893. Sau Tiêm-la yếu thế phải ký-giao lại cho Pháp các vùng kề trên nhưng ngay từ lúc bọn Pavie ló mặt ở Tây-nguyên chúng đã được đón chào bằng cảnh vườn không, nhà trống và giáo, mác. Cuộc võ-trang tranh-đấu liên tiếp nổ ra tới 1930. Với những trận đánh lẻ-tẻ khắp nơi : tháng 8 - 1896 dân Hoài-Ân và Nghĩa-Anh ở Quảng-ngãi đuổi quân thám thính Pháp ; năm 1896 quân Pháp bị đánh ở Baninéthuột nhiều trận ; năm 1900 đồng-bào Sédang (Quảng-nam) và An-khê (Bình-dịnh) do Võ-Trụ cầm đầu. Tháng 5-1900 hai ông Đề Nam và Chu-sư tổ chức được một đội liên-quân Kinh-Thượng. Cuối 1902 vùng Trê-luong-pê (Phan-rang) cũng động binh. Giám-binh Canivey, Thiếu-úy Barbu, Tri-huyện ở Định-văn mở cuộc càn quét bị phục-kích. Tri-huyện Định-văn, Canivey và 4 lính khổ xanh bị thương, một bị chết bên bờ sông Đa-char-mang.

Tháng 9-1903 người Thượng ở Quảng-ngãi chặn quân của Giám-binh Haguet ở Lang-mót. Tháng 1-1905 Giám-binh Renard và 150 lính khổ xanh bị dân Thượng ở Pa-tao-pui (Qui-nhơn) chặn đánh. Việc đột-kích các đồn bốt của giặc cũng liên-tiếp xảy ra ở nhiều nơi rải-rác từ Kongtoum, Phan-rang, Tchépone ra Quảng-ngãi, Quảng-nam khiến địch nhiều phen khổn khổ lao-đao hại người, hại của từ sĩ-quan đến lính-tráng. Ngoài bọn quân nhân của Thực-dân bị các đồng-bào Thượng chống lại còn phải kể cả các tên chủ đồn-diền là bọn ăn cướp ruộng rẫy, tỉ-dụ Pháp-kiều Delignon và Paris đã chiếm tối 14.000 mẫu ta ở An-khê bắt dân Thượng đến khai-thác. Do dân Thượng chống lại, Thực-dân lại cử lính khổ xanh và lính đồng địa-phương đi đàn áp...

Cho tới 1929 đồng-bào Thượng vùng Pleiku còn kéo nhau đến phá đồn diền Delignon và đồn An-khê. Dân Sé-dang ở Kontoum cũng nồi lên chống việc bắt phu đi làm con đường số 14 từ Pleiku qua Kontoum. Nhưng đáng chú trọng cuộc hơn cả là quật-khởi của các đồng-bào Stieng, Mnông, Sédang, Gia-rai vv.

là cuộc tranh đấu của dân Thượng vùng Thăng-mo thuộc huyện Cung-Sơn tỉnh Bình-định vào đầu năm 1902. Thực-dân hành quân luôn ba năm liền rất chật-vật sau đó mới đặt được các đồn P.Tour, Pattaupui và một số cǎn-cứ lẻ để trấn áp phong-trào.

Cuộc khởi-nghĩa Thăng-mo xét ra không khỏi chịu phần nào ảnh-hưởng của vụ nồi dậy bùng ra tại cao-nguyên Boloven đầu năm 1901 dưới sự lãnh-đạo của lĩnh-tụ Ong-Keo cùng một lúc với dân Lào tại Savannakhet, Lào-Bassac, Saravan và Attapeu. Nguyên từ 1893 Pháp phân - định biên-giới Lào-Việt và Trung-phần là nơi đồng bào - Thượng hầu có hai xứ-sở.

Việc này đụng mạnh đến lòng yêu mến quê-hương của đồng-bào. Rồi người Lào ái-quốc đã vùng lên kháng Pháp thì đồng-bào Sedang ở Kontoum cũng trỗi dậy do tù-trưởng Irê điều-khiển. Irê tập-hop cả các bộ-lạc khác tìm cách chống Pháp và liên-lạc với nghĩa-quân Thượng Ai-Lao. Nhiều trận đánh đã diễn ra như phá đồn ở ngã bá hai con sông Psi và Pekô (cách Kontoum 20 cây số) vì đồn này ngăn sự liên-lạc của đồng-bào Sedang với Gia-rai và Kinh có thể tai hại cho chiến cuộc. Ngày 10-6-1901 nghĩa-quân vây đồn Dak Drei đến 14-6-1901. Nghĩa-quân hủy-diệt thêm vị-trí Konkotou và ngày 15-8-1901 hạ được Giám-binh Henry đem quân đến cứu đồn Nong-Poi và Giám-binh Sicre cũng bỏ mạng ở Kapeu cùng nhiều linh khố xanh. Qua tháng 4-1902 địch mang nhiều viện-binh đến phá sạch các làng mạc của đồng-bào Thượng, bắn chết hết trâu bò.

Liên tiếp với các cuộc khởi-nghĩa trên đây còn có những vụ đấu tranh chống bắt phu, nộp thuế của dân Ê-dê dưới sự lãnh-đạo của Ama-Johao từ 1901 - 1905, cuộc chống bắt phu của dân Gia-rai do Pa-Tò-Pui chỉ-huy năm 1904. Tóm lại luôn trên ba chục năm sau vụ Phong-kiến nhà Nguyễn sụp đổ, Pháp thay thế nắm hết quyền-hành ở Việt-Nam, các đồng-bào Thượng

cũng hòa-nhịp với đồng-bào Kinh trong việc chống xâm-lăng rất hy-sinh và gan dạ. Trên lĩnh-vực của các đồng-bào Thượng, bộ máy thống-trị của địch luôn luôn bị quấy rối và bọn thống-trị vì thế cũng ít khi được ăn ngon ngủ yên như ở nhiều phần đất khác của Việt-Nam. Ngoài ra có thể nói rằng đến đầu thế - kỷ XX Pháp cũng chưa kiểm soát được tất cả miền rừng núi, chúng đã mất rất nhiều công phu để đánh đường, mở lối. Chúng phải tung nhiều gián - điệp đội lốt thày tu đi do-thám và tuyên - truyền. Chúng lại phải dùng nhiều bộ đội để đánh dẹp các phong-trào khởi-nghĩa; đồng thời chúng phải ra công mua chuộc các thò-ty. Chúng còn lao tâm khổ tứ để thi hành chính sách chia rẽ chủng-tộc mới nắm được những tay sai đặc-lực cho việc đàn - áp và bóc lột nhân dân. Tồng-quát mà nói, nhiều khi chúng đã thành công, nhưng các cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở khắp các Cao-nguyên từ Bắc vào Nam vẫn cho phép ta nói rằng các đồng - bào Thượng và chúng ta vẫn giữ được cái thế đại đoàn - kết dân - tộc trong những giờ phút đen tối nhất của Lịch-sử.

---

## CHƯƠNG VI

### PHÁP HOÀN THÀNH VIỆC XÂM CHIẾM TOÀN BỘ BÁN-ĐẢO ĐÔNG-DƯƠNG

#### THỰC-DÂN PHÁP CHIẾM XỨ LÀO

Như ta đã biết, người Pháp bước chân vào Việt-Nam đã có sẵn mạnh tâm chiếm không riêng Việt-Nam, họ còn muốn làm chủ cả hai dân-tộc Mên, Lào. Do suy-đồ này khi Pháp đánh chiếm Nam-kỳ họ đã dùng Giám-mục Miche làm trung-gian để khuyến-dụ quốc-vương Mên (Norodom) xin lệ-thuộc Pháp. Rồi vào 1866, sau khi đã nắm gần hết lĩnh-thổ xứ Đồng-nai, Thống-đốc de la Grandière đã đe-cù phái-đoàn Doudart de Lagré đi thám-sát con sông Cửu-long lên đến tận biên-giới Trung-quốc. Điều chắc-chắn là trong công cuộc thám-sát kề trên, Thực-dân Pháp muốn biết xứ Lào có gì về các phương-diện kinh-tế, chánh-trị, văn-hóa, xã-hội v.v... Biết đe mà đánh chiếm và chiếm đóng xứ Lào là điều khẩn-cấp cũng như sáp-nhập Cao-môn vào bản-đồ Đông-Pháp bởi người Anh đã ló mặt trên đất Tiêm-la và Miến-diện. Anh-quốc là kẻ thù truyền-kiếp của nước Pháp thực-dân ba thế-kỷ trước thế-hệ của chúng ta.

Cho tới 1885, xứ Lào còn là một quốc-gia chưa thống nhất. Về chánh-trị xứ này lệ-thuộc Việt-Nam, Tiêm-la và cả Bắc-kinh nữa. Về nội-bộ Lào chia ra làm nhiều xứ nhỏ ở rải rác bên này và bên kia sông Cửu-long theo dọc giãy Trường-sơn đượm ít nhiều màu sắc tự trị. Quốc-vương Lào ngự-trị tại Luang-prabang. Về phía Tây, Tiêm-La đã chiếm gần hết các xứ ở hữu-ngạn Cửu-long, cũng như Việt-nam dưới đời Minh-Mạng đã làm chủ các vùng phía Đông Ai-Lao như Sầm-núra, Trấn-ninh, Cam-môn, Cam-cúc.

Về phương-diện kinh-tế, Lào là một xứ nghèo về phía giáp-giới Việt-Nam, dân-cư lại thưa thớt, núi non rùng

thảm độc-địa, không ở được. Nhưng về phía bên kia là vùng Oudon, Korat, Xieng-mai mà Xiêm đã chiếm được thì tình-trạng lại khác hẳn...

1887 Pháp công-khai nhảy vào xứ Lào là lúc Pháp đã chiếm gần xong toàn-bộ Việt - Nam (nói vậy, vì cuộc bình-định chưa thành-công hoàn-toàn, miền Trung và Thượng-du Bắc - kỵ còn đang có những cuộc kháng Pháp) Pháp đã lập xong phủ Toàn-quyền Đông-Pháp, Pháp liền giao trách-nhiệm nghiên-cứu việc chiếm-hữu xứ Lào cho phái - bộ của tên thực-dân trù-danh Pavie.

Pavie trước kia là một tên lính sau trở thành một điện-tin-viên, nhưng y có nhiều khả-năng chuyên-môn và sáng-kiến chánh-trị. Thống-đốc Le Myre de Vilers trước đó đã giao cho y việc vẽ bản-đồ xứ Cao-Mên sau cất nhắc y lên các địa-vị lớn để có dịp phát-triển tài năng.

Năm 1885 y được cử làm phó Lãnh-sự ở Luang-prabang Y đã học đòi tên lái súng Jean Dupuis trên 10 năm trước là nghiên-cứu tiếng bản xứ, ăn vận theo người bản-xứ nhưng khác Dupuis ở chỗ không cậy có quân đội, súng ống để hung-hăng ăn hiếp, bắt nạt người bản-xứ. Y chỉ dùng mưu-thuật, sự dụ-dỗ và những lời lẽ ôn-lòn, mềm - mỏng thay cho võ lực.

Đầu năm 1887, Pavie đến Luang - prabang tìm một con đường từ Lào sang Bắc-kỳ. Từ vài chục năm nay, miền Bắc xứ Lào lâm vào một tình-trạng hết sức rối-ren, dân Hồi-giáo ở Vân-nam khởi nghĩa chống chánh quyền địa-phương thua trận chạy xuống xứ này, ẩn náu theo dọc sông Cửu-long và sông Đà. Họ trưng cờ đỏ, cờ vàng nên được gọi là quân cờ đỏ cờ vàng. Tiêm-la mượn có này đem quân xâm-nhập sông Đà và trà-trộn trong đám quân của chánh-phủ Vọng-các ở đây có một người Anh tên là Mac-Carthy. Sự hiện-diện của nhân vật này biếu-lộ rõ-rệt sự cạnh tranh của hai Đế-quốc Anh-Pháp ở vùng Thượng Lào và Tây-Bắc Bắc-Kỳ (theo Pháp, Tôn-thất-thuyết có bí-mật xen vào vụ này để gây mâu-thuẫn giữa Tiêm và Pháp). Pavie

trước tình thế này càng thấy phải tìm gấp con đường từ Lào sang Bắc-kỳ. Hắn cố đi qua Muòng Thanh (tức Điện-biên-phủ) và Muòng-Lai (tức Lai-châu) nhưng bị Đèo-văn-Tri mang quân khởi nghĩa chặn lại ở giữa đường. Không ngại khó khăn, một lần khác Pavie lại từ Lào lên sông Đà để gặp binh đoàn của Pernot từ Hà-nội tới. Trên đường về Luang-prabang Pavie tìm lối tới Cam-lộ để nghiên-cứu dân-tinh và địa-thể nhưng lúc này hai quân Pháp - Tiêm đã có được sự dụng chạm, sau đó hai bên chịu lập hòa-ước 17-3-1889 cùng thỏa thuận giữ nguyên sự-trạng và biên-giới sẽ phân-định sau. Bấy giờ Pavie liền nảy ra sáng-kiến lập ra *Hội Thương Lào* không ngoài mục-dịch quy-tụ một số nhân-vật tư-bản để khai-thác xứ này về mọi mặt và đặt một sự cộng-tác mật thiết giữa hai phái văn và võ thực-dân. Chẳng bao lâu Pavie được cử làm Lãnh-sự Bang-cốc. Hắn liền bầy ra chuyện mang 15 tấn hàng hóa đến vùng trung-lưu sông Cửu-long, mở thương - điểm và liên - lạc thương-mại với người mua và bán bắn - thồ. Lần đầu y đi với một phái đoàn văn võ kề trên được sự L - trợ của « *Hội Thương-Lào* » và buổi đầu chưa phải là để kiếm lợi ngay mà giản - tiếp làm cho mọi người, nhất là các nước Anh, Tiêm, Trung - quốc v.v... thấy Pháp đã có những cơ sở kinh-tế trên đất Lào rồi luôn hai năm liền, Pháp lập một phái-doàn kế tiếp sự nghiệp bọn Doudart de Lagré xưa là tìm hiểu lưu-vực sông Cửu-long từ Vân-nam qua Cao-Mên.

Ít năm sau Pháp biết rằng Tiêm - la chẳng có thực-lực là bao nhiêu để tranh-chấp với mình, nhất là Pháp đã thôn-linh xong Cao-mèn và Việt-nam, tạo xong nơi này thành một chỗ đứng vững chắc. Pháp liền thẳng tay xé Hòa-ước Pháp - Tiêm ký năm 1889. Pháp kiểm có gày sự với Tiêm mặc dầu Tiêm đã rút quân về phía tả ngạn sông Cửu-long hàng trăm cây số trước và sau khi đặt chữ ký lên Hòa-ước. Pháp cố phá Hòa-ước này để chiếm giải đất rộng-rãi từ Trường-sơn tới Cửu-long-giang đúng như ý mong-muốn từng nêu lên báo-chí của Thực-dân thuở đó, và đã lâu. Vào tháng 2-1893 Nghị-viện Pháp quyết-định việc mang quân vào xứ Lào. Từ thi Toàn-quyền Lanessan ra lệnh cho quân-dội

Pháp đang có mặt ở Quảng-trị đi san phẳng các đồn của Tiêm đang đóng trên đèo Ai-lao và qua đóng trại trên tả-ngạn sông Cửu-long ở Kemmarat. Một cánh quân Pháp khác từ Vinh tiến lên đèo Qui-hợp qua Cam-môn. Hai bên đánh nhau kịch-liệt. Tên chỉ-huy đơn-vị Pháp Grotgurin tử-trận ở đây nhưng quân Pháp vẫn tràn được qua tả-ngạn sông Cửu-long, một cánh quân thứ ba từ Cao-môn lên chiếm Stung-treng, tên đại-úy địch bị bắt nhưng chúng vẫn chiếm được địa-diểm này. Vừa đánh trống vừa ăn cướp, Pháp còn cho Hải-quân Viễn-đông của chúng đến vịnh Tiêm-la uy-hiếp Chánh quyền Vọng - các và đòi tiền bồi - thường cho tên tướng Pháp tử-trận trên đường Qui-hợp — Cam-môn. Hơn thế, chúng phải hai chiến - hạm theo dọc sông Mé-nam tiến lên Băng-cốc. Tiêm không chịu, dùng trọng-pháo cắn lại khiến một số quân Pháp tử-trận. Nhưng tàu Pháp vẫn vượt được hàng rào lửa của quân Tiêm và đến được Băng-cốc ; trong khi này Hải-quân Pháp đã thành-công trong việc phong - tỏa bờ biển Tiêm. Chiến-sự kéo đến tháng 7 thi Vương-quốc Tiêm thấy không đủ sức chống thực-dân Pháp phải nghị-hòa. Thống đốc Le Myre de Vilers liền sang thủ-đô nước Tiêm và mồng 3 tháng 10-1893 một hiệp-ước Pháp — Tiêm thứ hai ra đời. Dĩ - nhiên kẻ thua trận phải chịu phần thiệt : Tiêm công nhận chủ-quyền Pháp trên - tả ngạn sông Cửu - long (tức là xứ Lào) và Tiêm chịu rút quân khỏi dọc hữu-ngạn sông này và còn phải để một khoảng đất rộng 25 cây số làm khu phi-quân-sự tức vùng trái đệm. Tại Siem-Réap và Battambang, Tiêm cũng phải triệt-thoái các quân đội đã đóng ở đây từ lâu. Ngoài ra Tiêm cũng rút tàu chiến trên sông Cửu-long và Biển-hồ. Trong khi chờ Hòa-ước 1893 thực-thi, Pháp tạm đóng ở hai địa-diểm hải-cảng Chantaboun.

Các hoạt-động trên đây của Pháp không khỏi làm kinh-động giới tư-bản và thực dân Anh đang có mặt ở Miến-điện từ 1885. Người Anh bấy giờ đã đặt xong bá-quyền của mình ở xứ này còn đang tiến thêm lên miền Bắc tới tận chân núi Hi-mã-lạp-sơn. Nhưng từ lâu và trước đó Anh đã có nhiều quyền lợi ở đất Tiêm về kinh-tế cũng như chính-trị. Rồi một số chánh khách Miến trong phái Hoàng-thân chạy qua Saigon vận-động

Pháp giúp mình chống người Anh đang thao-túng gắt-gao chính tinh của nước mình. Nhưng chánh-giới Miến đã sống theo ảo-tưởng và đã vô tình tạo cho Thực-dân Anh-Pháp một dịp gần nhau hơn để mà-cả quyền-lợi và điều-định chia đôi miếng mồi ngon ngược hẳn với mục-đích là gài mâu-thuẫn giữa hai toán hổ đói. Quả vậy ở vùng da vàng cũng như ở nhiều miền khác trên Thế-giới bấy giờ còn lầm xú ngon lành, đất đai phì-nhiêu, thô-sản quý báu nuốt sao hết thì giành nhau làm gì cho mệt, do đó thực-dân Anh-Pháp đi đến chỗ tương-nhượng dễ dàng. Từ mấy năm trước hai-cường quốc này đã thỏa-thuận với nhau lập ra một vùng hoãn-xung giữa các thuộc-địa của đôi bên trên lưu-vực sông Cửu-long — Đại-cường cũng như nguyên-tắc Anh-Pháp đã có sự đồng-ý nhưng những địa-diểm nào là vùng trái-độn? Vấn-de gay-go là ở chỗ này: Pháp đưa ra kháng-nghị không chịu Anh chiếm Mương-sing của Lào trên tả-ngạn sông Cửu-long; Pavie đã mất khá nhiều nước bọt về vụ này, rồi đến 19-1-1886 Anh-Pháp mới cùng nhau chấp-thuận và tuyên-bố phân-định ranh-giới giữa Miến-điện và Đông-dương, cùng chia nhau quyền-lợi đều hòa trên đất Vân-nam, Tứ-xuyên của Trung-quốc; nước Tàu được coi là khu trái độn giữa hai Đế-quốc và các đất đai của Tiêm ở bán-đảo Mã-lai về phía Tây sông Mé-nam thuộc sự kiềm-soát và ảnh-hưởng của Anh-quốc cũng như các vùng phía Đông của Tiêm giáp Đông-dương thì dành cho Pháp.

Sau khi hai cường-quốc ôn-thỏa với nhau trước các vấn đề kề trên, Ai-Lao thành thuộc-địa của Pháp trên bản-đồ Hoa-Ấn. Xét ra trong kế-hoạch thôn-tinh nước Lào cũng như trong chương-trình khai-thác, xây-dựng nước này, Pháp đã lấy tiền của Việt-Nam để trang-trải mọi phí-khoản, từ tiền lương của linh-tráng đến các việc xây dựng những cơ-sở chính-quyền đầu tiên của họ tại xứ Vạn-tượng. Lào vong quốc, đó là nước cuối cùng mất chủ quyền độc lập trên bán-đảo Hoa-Ấn. Năm xú Đông-dương hoàn-toàn lệ-thuộc Đế-quốc kè từ thuở ấy (1900). Thực-dân và tư-bản cùng tài-phiệt Pháp tha hồ thẳng tay nặn bóp các dân-tộc lạc-hậu trong đó có dân Việt chúng ta.

**MỘT VÀI Ý-KIẾN  
VỀ PHONG-TRÀO  
CẦN-VƯƠNG**

Phong-trào Cần-vương ngày nay cần được một lời giải-thích: ai cũng hiểu phong-trào Cần-vương ở nước ta là một phong-trào giúp vua cứu nước.

Phong-trào này được nẩy nở dẽ-dàng và mạnh-mẽ sau vụ vua Hàm-nghi xuất hạnh, nhưng ta phải nhận rằng nó được nung nấu trong lòng sĩ-dân ta trên hai mươi năm trước, nghĩa là từ khi Pháp mở cuộc xâm-lăng ở Việt-Nam.

Năm 1847, Đà-nẵng bị hải-quân của Rigault de Genouilly pháo-kích. Mười năm sau cũng vẫn Rigault de Genouilly rầm-rộ kéo quân đến phá Cửa Hàn rồi trở vào Nam-kỳ đánh Sài-gòn, Gia Định cho tới khi họ nắm hết xứ Đồng-nai sau hai Hòa-ước 1862 và 1874.

Riêng trong giai-doạn này một số quan lại của Triều-đinh và dân chúng đã tự-động và tuyên-bố ly-khai với Triều-đinh để chống giặc. Trong cuộc chống đánh xâm-lăng ở Nam-kỳ, nếu phân-tích kỹ thì ta thấy phong-trào này gồm 2 thành-phần: Một do dân chúng vì tự-vệ mà vùng dậy, một do văn-thần võ-tướng bất-binh với chánh-sách đổi ngoại luôn luôn mâu-thuẫn của Triều-đinh mà tuốt gươm nổ súng. Do sự-kiện này ta có thể nói phong-trào Cần-vương đã phát-sinh ngay tại Nam-kỳ chứ không phải đợi tới sau này mới xảy ra do vụ đại-biến năm Ất-dậu (1885) tại Thuận-hóa. Xem lịch-trình tiến-triển của nó, khi Nam-kỳ hao mòn hết tướng tài chống Pháp (Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Huyện-Toại Thủ-khoa Nguyễn-hữu-Huân v.v...) thì phong-trào Văn-thàn khởi-nghĩa, Cần-vương cứu-quốc lan dần ra Trung-kỳ trong dịp vua Tự-Đức và Triều-đinh chính-thức thừa nhận chủ-quyền của Pháp trên toàn-bộ xứ Đồng-nai theo Hòa-ước 1874. Trong dịp này hai ông Tú-tài Trần-Tấn và Đặng-như-Mai đã nổi lên tại Nghệ-an bởi lý-do kể trên.

Rồi từ tháng 7-1885, sau lời hịch Cần-vương của vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết, hầu hết các văn-thàn, tri-sĩ và các tầng-lớp xã-hội Việt-Nam đứng lên. Cuộc đế-kháng đã

chuyển từ các đô-thị về đến các vùng quê và kéo dài tới cuối thế-kỷ XIX.

Nên nhớ rằng mọi hoạt động quân-sự của sĩ-dân Việt-nam lúc này chỉ nhắm vào việc bảo-vệ quốc-gia mà thôi. Mọi người đã nhìn vua Hàm-nghi là tiêu-biểu tối cao của xứ-sở cần phải giúp đỡ để khôi-phục lại chủ-quyền của đất nước đang sút mẻ dần trước sự gãy nhám của con gấu Thực-dân Pháp, không ai nghĩ đến quyền-lợi riêng tay hay quyền-lợi đẳng-cấp, phe-phái. Do ý-thức được tâm-trạng này các lãnh-tụ Càn-vương không phải tung ra những lời hịch như thuở Trần-hưng-Đạo kháng Nguyên đã phải kêu-gọi tỉ-mỉ đến tâm-sự và quyền-lợi riêng của mỗi thành-phần xã-hội mỗi giai-cấp. Có người đã cố-ý phủ-nhận vai-trò của những lãnh-tụ Càn-vương cho rằng họ thuộc giai-cấp phong-kiến thì trước vấn đề quyền lợi đẳng cấp, họ đã thiếu hẳn thực-chất lãnh-đạo quần-chúng kháng-chiến. Như vậy thì giải-thích thế nào vai-trò của các ông Mai-xuân-Thường, Lê-Ninh, Phan-đình-Phùng, Lê-Trực, Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-xuận-Ôn và trước đó, Lý-thường-Kiệt, Trần-quốc-Tuấn, Nguyễn-Huệ? Những vị này tuy thuộc thành-phần phong-kiến nhưng rất tận-lực chống giặc cứu nước mà bảo rằng họ không có thành-tâm, thịnh ý trong việc diệt giặc xâm-lăng sao được? Người ta có thể lên án phong-kiến đời Nguyễn tùy lòng nhưng là một sự sai lầm nếu bỏ ra ngoài các chiến-sĩ hữu danh trên đây, đã thực-sự lãnh-đạo đấu-tranh và hy-sinh hết thảy cho đất nước. Họ đã đồ-xương máu riêng của họ, còn cả xương máu của cha mẹ, vợ con tôn-tộc nữa. Đứng trên lập-trường dân-tộc, họ hăng-hái xông ra diu-dắt nhân dân chống giặc vì nòng dân ở trình độ thấp kém mặc dù nhân dân là động-lực cơ-bản của Kháng-chiến. Xưa kia đuổi Mông-cổ, dẹp quân Thanh vẫn là những con người của phong-kiến, của tư-sản, của tri-thức và nếu xét kỹ, giai-cấp này hòa minh với nhân dân, riêng ở nước ta không là điều lạ. Phong-kiến Việt-Nam, như mọi người chúng ta đã thấy rõ không phải là một giai-cấp cố-định như ở nhiều nước từ Đông qua Tây. Họ chỉ được dự hàng ngũ này (được tập-ấm) đến ba; bốn đời là hết và chỉ con các quan từ tú-phẩm trở lên mà thôi). Sau vài thế-hệ, nếu họ

không gây được sự nghiệp về quân-sự, văn-hóa, chính-trị thì lại trở về làm dân như mọi người. Do sự kiện này phong-kien Việt-Nam không cách-biệt quần-chúng quá nhiều nên họ dễ thông-cảm với nhân dân trước mọi vấn-dề quyền lợi vật-chất và tinh-thần hay những vấn-dề trọng - đại hơn nữa. Một điểm khác nữa từ lâu đời thành yếu-tố thân-thiện giữa quần-chúng và các phần-tử phong-kien là gia-tộc nào cũng có đủ thành-phần trí-thức, tư-sản và quan-liêu và nếu ai có tài thì vẫn có thể nhẹ-nhang tiến thân trên các bức thang xã-hội, không ai rắp đường chặn lối của ai cả, trừ vài hạng người như con nhà ca-kỹ, mõ, sãi v.v... Tóm lại việc phong-kien lãnh-đạo nhân-dân, chống xâm-lăng ở Việt-Nam là một sự thực trên lịch-sử trong những giai-đoạn vừa qua. Còn việc thành bại lại là vấn-dề khác. Ngoài ra nếu chúng ta xét đến kết-quả của cuộc kháng Pháp ở hậu-bán thế-kỷ XIX ta không thể bỏ qua một vài ý-kien xác-thực dưới đây :

Nhìn vào các sử-liệu kê trên không ai có thể chối được rằng lời hịch cần-vương của vua Hàm-nghi đã không gây được một xúc động lớn-lao trên toàn-quốc và trước cũng như sau, cuộc ứng-nghĩa của các tầng lớp xã-hội Việt-Nam đáng kể là rộng-rãi, nhiệt-liệt. Vì lẽ này có nhà chép sử (Ông T.V.G. tác-giả cuốn *Chống Xâm-lăng*) đã chê-trách Triều-đình Huế trước đây đã kìm hãm cuộc kháng-chiến chống thực-dân từ ngày Hà-thành thất-thủ lần thứ hai cho tới biến-cố tháng 5 năm Ất-dậu (tại Huế). Lại nữa, trong khoảng Trung — Pháp chiến-tranh, nếu Triều-đình mở rộng cuộc chiến-dấu, cơ-đò chưa dẽ có thể đồ nát. Lời chê-trách này có phần xác-đáng nếu ta kiểm-điem thời cuộc từ vụ Hà-thành thất-thủ lần thứ hai (5 giờ sáng ngày 8 tháng 3 năm Nhâm- ngọ 1882) là khoảng những năm tàn của vua Dực-Tông nhà Nguyễn, một ông vua ái-quốc nhưng lại sợ chiến-tranh, một ông vua có tinh-thần khiếp-nhược trước giặc Pháp như ta đã thấy. Xin nhắc rằng Dực-Tông đã có phen phê trên tờ sớ tấu : « *Sáng đòi đánh, trưa đòi đánh, các người muốn mẹ con ta đi đâu bây giờ?* » Như vậy bộ máy chiến-tranh của Huế khỏi sao được sự tê-liệt hay trực-trặc. Thêm vào đó, chánh-sách đối với Pháp luôn luôn bất nhất thì ván thần võ tướng phải chán nản mà nhân-dân cũng không khỏi thất-vọng. Việc nhà vua cho người sang cầu cứu nhà Thanh tỏ rằng cả cái Triều-đình của Dực-

Tông đã hết tin-tưởng ở nơi mình rồi, vì vậy quân-đội không có tuyển-lựa, rèn luyện sẵn sàng, tiền bạc thiếu thốn đã phải luôn luôn kêu gọi sự quyên-trợ của dân chúng. Một quân-lực vô tổ-chức, một lè-lối làm việc vừa thụ-động vừa vá-víu, một tinh-thần đã có sự thoái-bại nằm trong, tất-nhiên không thể thích-ứng với nhu-cầu hoàn-cảnh đài bấy giờ.

Đến thời hai ông Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết năm được hết quyền-hành bên mẩy ông vua non nót thì sức của Triều-đình Huế tuy đã suy-nhược rồi, nhưng nếu hai ông Phụ-chánh biết vận-động quần chúng và biết điều-khiển chiến-tranh, tinh-thế vẫn chưa đến nỗi bi-dát như vậy. Vì kém về kỹ-thuật tổ-chức và việc chỉ-huy quân Kháng-chiến thiếu mặt trận thống-nhất, sĩ-dân của ta đã chiến-đấu một cách rời-rạc rời không cầm-cự nổi với giặc. Còn có điều đáng tiếc nữa là vào mùa hạ 1885, sau vụ đại-biến ở Huế, quân-đội thực-dân bị cầm chân ở Việt-Nam do lệnh của Nội-các Brisson, họ lại bị thời-tiết ở nước ta giết hại khá nhiều mà ta không lợi-dụng được cơ-hội ấy (chỉ trong vòng 4 tháng mà 4 000 binh-sĩ trong đó có trên 30 sĩ-quan chết và bị thương; lại có 3.200 tên trong có 70 sĩ-quan đau nặng phải mang về Pháp điều-trị). Chỉ có 5.000 quân Pháp đóng rải-rác trên ngót 800 cây số dọc theo bờ biển Trung-kỳ thì có nghĩa-lý gì nếu so với quần-chúng toàn-quốc vùng dậy? Pháp bấy giờ chỉ đặt được 45 vị-trí trên toàn cõi Trung-Bắc-kỳ với một quân-số còn có hơn hai chục ngàn. Tóm lại phần lớn lãnh-thổ của nước ta bấy giờ còn ở ngoài vòng kiềm-tỏa của địch. Vì tinh-trạng này de Courcy rồi loạn đầu óc luôn luôn chạy từ Trung ra Bắc, lại từ Bắc vào Trung và mấy phen kêu xin viện-binhh về Pháp. Cuối năm 1885 sau cuộc bầu-cử Nghị-Viện ở Pháp, phe chủ-trương rút quân ra khỏi Bắc-kỳ thắng thế, nếu Kháng-chiến Việt-Nam thành công ở khắp nơi, gây được tiếng vang tới Pháp nhiều hơn nữa, có thể cục-diện Việt-Nam đã bước sang chiều hướng khác thuận lợi cho ta chưa biết đến thế nào. Đáng tiếc lòng ưu-quốc và ái-quốc của các lính-tụ Kháng-chiến thì có thừa, nhưng tài kinh-bang tế-thể lại bất cập khiếu đã lỡ mất nhiều cơ-hội tốt.

Tóm lại, kết-quả của phong-trào Cần-vương chỉ có thể coi là tốt-đẹp về tinh-thần và sự bại trận của ta một phần lớn đã

do kỹ-thuật vận-động quân chúng và điều-khiển chiến-tranh còn non kém và thiếu kinh-nghiêm.

Một vài nhận xét về công việc bình-định của Thực-dân trước chiến-cuộc tại vùng đồng-bằng Bắc-kỳ : Trong những năm cuối cùng của thế-kỷ XIX phong-trào văn-thân và Cần-vương chỉ là những ngọn lửa bốc mạnh được một lúc rồi tàn dần. Các cuộc chiến-đấu tuy do các nhân-vật có uy-tín của giai-cấp phong-kiến cầm đầu nhưng ở đâu cũng vẫn có tánh-cách địa-phương. Quân khởi-nghĩa chỉ có thể áp-dụng du-kích-chiến mà thôi để đánh úp các đồn, các trục giao-thông, vận-tải của địch hay đột-kích các toán quân tuần-tiêu lẻ-tẻ. Xét cho phải, phương pháp chiến-đấu bấy giờ của nghĩa-quân cũng không có thể làm khác được và lấy ít đánh nhiều tùy cơ-hội, tùy địa-diểm thế là đúng phương-pháp. Nhưng cuộc chiến-đấu này chỉ có tính cách quấy rối rồi nghĩa-quân cũng đi dần đến chỗ thất-bại và tan rã. Điều này rất dễ hiểu. Còn địch do kinh-nghiêm đã lưu-ý nhiều nhất vào việc thiết-lập một hệ-thống đồn, lũy, tuyển-mộ đủ thứ lính (lính Pháp, lính da-den, lính khổ đỏ, khổ xanh, lính cơ, lính dồng) ra công kiềm soát từng địa-phương. Dĩ-nhiên đồn, lũy của chúng bao giờ cũng đóng ở những nơi ách-yếu, thuận tiện cho việc hành binh cũng như tiếp-vận. Chúng lại dùng cả những thủ-đoạn chính-trị rất khôn khéo để bỗ-khnyết cho việc quân-sự : chúng chiêu-dụ các lính-tụ, các binh-sĩ trong quân khởi-nghĩa để khôi nghĩa-quân sút-mẽ, hao-hụt dần. Chúng cô-lập dần các địa-phương cũng bằng cách lấy danh-lợi ra mua chuộc các thò-hào, lính tụ, chia rẽ Kinh, Thượng. Cứ thế này mà kéo dài, nghĩa-quân cũng đủ thất-bại, huống-hồ vì chiến-sự mà các anh-hùng, nghĩa-sĩ cũng đã dần dần bị hy-sinh hết thì tương-lai của các cuộc khởi-nghĩa làm sao mà tươi sáng đều mãi ?

Đồng-thời với các sự việc kể trên. Thực-dân xây-dựng một tầng lớp phong-kiến mới có đủ mặt tay sai để lấy người Việt giết người Việt, lấy người Việt trị người Việt. Cũng như ở Trung-kỳ, chúng đã mượn danh-nghĩa của Nam triều để lung-lạc quần chúng Việt-nam. Hoàng-cao-Khai, Lê Hoan đã lãnh cò tiết của cái triều-đình bù-nhin mà đem

quân đi đòn áp nghĩa-quân. Sau lưng chúng có một lực-lượng hải-quân và lục-quân mâu-quốc can-thiệp mỗi khi chúng bị nghĩa-quân chống-trả mạnh-mẽ. Vào những năm cuối cùng của thế-kỷ XIX và thượng - bán thế - kỷ XX các anh hùng, nghĩa-sĩ ở miền đồng bằng Bắc-kỳ cũng như ở miền Thượng-du lầm-lượt ngã gục nơi chiến-trường, bộ máy cai-trị của Thực-dân được thiết-lập mỗi ngày thêm dày đú ở lưu-vực sông Hồng đến lưu-vực sông Đà, sông Mã. Rồi chút tiềng lực đấu tranh cuối cùng của núi rừng Trung-du lên Việt-Bắc tiêu tan nốt, đó là giai-đoạn chót của phong-trào kháng Pháp.

Với cái chết của nhà lĩnh-tụ vùng Yên-thế, Phong - trào có thể nói là không còn gì nữa. Sĩ-phu Việt-Nam thấy rằng phải đổi mới phương-pháp cứu-quốc trên mọi phương-diện : phải tổ chức lại bộ máy chiến đấu trong các tầng lớp nhân-dân sao cho sâu rộng, sao cho mãnh - liệt, bền-bỉ và thống-nhất - vận-động ngoại-viên để có những vũ-khi tối-tân, có kỹ-thuật sắc bén không thua giặc, nhất là có sự ủng-hộ tinh-thần của các lân-quốc. Ngoài ra các tiền-bối chúng ta đã nghĩ rằng còn phải tổ chức cho Việt-Nam một nền kinh-tế phong-phú do quan-niệm nước có giàu, binh có mạnh (Phú quốc cường binh) mới hy - vọng lật - ngược được thế cờ đã lâm vào thế bi, suốt 30 năm ròng. Vậy nối tiếp *Phong trào tiền văn thân* hay *Cần-vương cứu quốc*, những trang dưới đây ghi chép *Phong trào hậu văn-thân* cũng viết bằng nhiều máu và nước mắt của mọi tầng lớp nhân-dân ta kể từ đầu thế-kỷ XX cho tới 1945, là giai-đoạn ta thâu hồi được chủ-quyền của đất nước...

## PHỤ LỤC

### BẢN ĐỀ-HỆ TỬ THIỆU-TRỊ TRỎ XUỐNG

- |   |   |   |
|---|---|---|
| I. <i>Hoàng - Bảo</i> :<br>(con cả trong<br>số 29 hoàng-tử) | { | bị vua Tự-Đức kết tử-hình năm 1885<br>và 9 con bị chết một cách bí-mật vì bị<br>tình nghi dinh-líu trong vụ đảo-chính<br>của anh em Đoàn-Trung. |
| II. <i>Tư - Đức</i> :<br>(con thứ 2)                        |   | sinh ngày 22-9-1829 ở ngôi từ 29-10-1848<br>đến 19-7-1883 (không con kế tự).  |

**III. Thoại-thái-Vương :**  
hay  
**Kiến-thoại-Vương**  
(con thứ 4)

sinh năm 1833, chết vào ngày 23-2-1877  
Ngành Thoại-thái-Vương có ba vua kế  
nghiệp là :

1) **DỨC - ĐỨC** sinh ngày 23-2-1852  
được chỉ định lên ngôi thay Tự-Đức  
vào tháng 7-1883, bị bức tử vào ngày 6-  
10-1883.

2) **THÀNH-THÁI** sinh ngày 14-3-1879  
ở ngôi từ 1-2-1889 đến 3-9-1907.

3) **DUY-TÂN** sinh ngày 19-8-1889, ở  
ngôi từ 8-9-1907 đến 10-5-1916.

**IV. Gia-hưng-Vương :**  
(con thứ 8)

bị ám-sát do lệnh của hai quan Phụ-  
chánh Tường, Thuyết ngày 9-5-1885.

**V. Kỳ-Phong :**  
(con thứ 23)

bị hạ ngục và bỏ đói, chết vào ngày  
19-9-1884 vì đã chưởi vua Hàm - Nghị  
trong dịp ngài lên ngôi.

**VI. Kiên-thái-Vương :**  
hay  
**Kinh-quốc-Công**  
(con thứ 26)

sinh năm 1845, bị chết đuối ngày 15-5-  
1876. Vương có ba con lên làm vua :

a) **ĐỒNG-KHÁNH** sinh ngày 19-2-1864  
trị vì từ 14-9-1885 đến 28-1-1889.

b) **KIẾN-PHÚC** sinh ngày 12-2-1869,  
trị-vì từ 29-11-1883 đến 31-7-1884.

c) **HÀM-NGHI** sinh ngày 3-8-1871, ở  
ngôi từ 2-8-1884 đến 5-7-1885 rồi bị Pháp  
mang đầy sang Alger cuối 1888. Ngành  
Đồng - Khánh có hai vua thừa kế :  
a) **KHẢI-ĐỊNH** sinh ngày 8-10-1885, ở  
ngôi từ 17-5-1916 đến 6-11-1925. b) **BẢO-  
ĐAI** sinh ngày 22-10-1913, ở ngôi từ  
8-1-1926 đến 2-9-1945 rồi thoái-vị nhường  
quyền cho Mặt trận Việt-Minh.

**VII. Hiệp-Hòa :**  
(con thứ 29)

sinh ngày 1-11-1847, ở ngôi từ 30-7-1883  
đến 29-11-1883, cũng bị hai ông Nguyễn-  
văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết bức-tử  
vi tư-thông với Pháp.

## *PHẦN THỨ HAI*

---

*Ánh - hưởng của Trung - Nhật đối với Việt-Nam cuối thế-kỷ XIX*

*Phong-trào Đông-Du và Duy-tân hội*

*Cuộc vận - động của cụ Phan - bối - Châu với chánh-giới Đông-kinh.*

*Kỳ - ngoại - Hầu Cường - Đề qua Nhật-Bản.*

*Hiệp - ước Pháp - Nhật đối với hoạt động cách-mạng của sĩ-phu Việt-Nam.*

*Các vụ bạo - động đã xảy ra sau phong-trào Duy-tân trên Trung-Bắc lưỡng kỳ.*

*Các đảng - phái cách - mạng Việt-Nam do Văn-thân và giới tân học lãnh-đạo trong thương-bán thế-kỷ XX*

## PHẦN THỨ HAI

# PHONG-TRÀO HẬU VĂN-THÀN KHÁNG PHÁP

### CHƯƠNG I

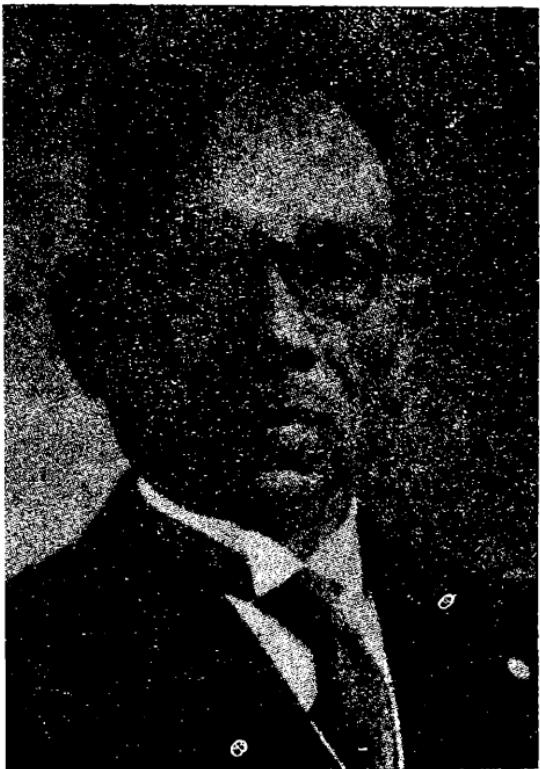
#### ẢNH-HƯỞNG CỦA TRUNG - QUỐC VÀ NHẬT-BẢN ĐỐI VỚI VIỆT-NAM

Với Việt - sử - tân - biên quyển 5 (tập thượng) chúng tôi đã có làm bản phụ-lục khảo về tình - trạng suy-bại của Triều - Thanh đáng là cái gương tày liếp cho giai-cấp lãnh-đạo Việt - Nam dưới đời Tự-Đức; đây là một sự, kiện xảy ra sát nách, và rất gần cả về thời gian mà phong-kiến Việt-Nam giữa thế-kỷ XIX chẳng buồn xem-xét, còn kẽ gì nhiều biến-cố đã và đang ào-ạt diễn ra trên khắp các lục-địa khác và đại-dương khác từ mấy thế-kỷ trước. Đồng-thời, chúng tôi cũng trình bày cả cuộc quật-khởi của dân-tộc Nhật-Bản sau khi họ đã tinh một giấc mơ dữ-dội vì họ cũng chịu bao nhiêu điều nhục-nhã như chúng ta khi phong - trào Đế - quốc tư - bản của Tây-phương tràn qua Á-châu (thế-kỷ XIX).

Tóm lại các lân-quốc Tàu, Nhật, Xiêm đã thay đổi lớn (1) ngay bên cạnh chúng ta mà vẫn không mang lại một bài học hữu ích nào cho giới phong-kiến đời Nguyễn do họ có óc quá bảo-thủ và ngoan-cố nếu không mù-tối.

Hòa-trước Giáp-thân (1884) đã mở ra những trang sử vong-quốc đầu tiên của dân-tộc Việt-Nam. Cuộc quật-khởi, gần chót của dân tộc chúng ta là các phong-trào Cần-vương khởi-nghĩa sau vụ vuợt Hàm-Nghi xuất bôn. Tiếp theo lại có nhiều biến-

(1) Nhật phát-động phong-trào Duy-tân từ 1860.



Cụ Cường - Đẽ





Cự Phan-chu-Trinh



cố liên-tiếp xảy ra ở Trung-quốc và Nhật-Bản. Hai nước này lúc đó đang phát - động - kịch - liệt phong - trào Cách - mạng và Duy-tân rộng lớn trên các địa-hạt chính-trị, xã-hội, văn-hóa, kinh-tế, quân-sự v.v... để chống ngoại-xâm Tây-phương, nhân đó sĩ - phu Việt-Nam thấy nếu chiến-dấu nữa cần phải sử-dụng các phương-pháp khác mới mong có hiệu-quả vì ngọn bút lông rõ-rệt không chống nổi đại-bác và chiến-hạm của bọn người da trắng.

Những gì ở các lân-quốc đã đập vào mắt sĩ-phu Việt-Nam cuối thế-kỷ XIX ?

Nhật-Bản, sau cuộc cách-mạng toàn-diện của Minh-trị Thiên-hoàng và sau khi toàn-thể nhân-dân tiến-bộ mạnh đã trở nên một quốc-gia hùng - cường bậc nhất trên Thế-giới ngày nay. Cuộc duy-tân theo Tây-phương chấm dứt, Nhật chuyên qua tư-bản chủ-nghĩa rồi cũng sát cánh với Liệt - cường Âu-Mỹ nhảy vào xứ của con cháu Hoàng-Đế (1) mà chia những miếng gan, miếng tiết. Năm 1871 do chuyện thồ dân Đài-loan giết một số ngư-phủ Nhật bị bão đánh bat vào đảo của họ, Nhật vẹn vào việc này mà chiếm hẳn đảo. Năm năm sau, do sự tán-thành và khuyến-khích của Anh, Mỹ, Nga, Nhật chiếm luôn cả đảo Lưu - cầu. Năm 1875 Nhật xông vào Cao - ly, dương-uy, diệu - võ bằng binh hùng, tướng mạnh tinh chuyên tấn công Hoa-tộc ngay trên nội-địa của họ. Do Điều-ước Thiên - tân ký năm 1889, vua tôi nhà Thanh phải xé nửa quyền bảo-hộ Cao-ly cho Nhật và 9 năm sau, Nhật đánh Trung-quốc ngay trên đất Cao-ly rồi chiếm đóng đảo Sơn-đông, bao vây Uy-hải-Vệ. Ngày 17 tháng 4-1895. Lý-hồng-Chương đại-thần triều Mãn phải gạt nước mắt đặt chữ ký trên Điều-ước Mã-quan tại Nhật, thừa-nhận :

1.) Trả quyền tự-chủ cho Cao-ly (tức là vua tôi nhà Thanh

(1) Chữ Hoàng-Đế đây theo ý nghĩa Tam Hoàng. Ngũ Đế là những ông vua đầu tiên của Hoa-tộc trên dưới 3000 năm.

phải triệt-bỏ hết ảnh-hưởng của mình ở đây và nhường chỗ cho con cháu Thiên-hoàng.

- 2.) Nhường bán-đảo Liêu-dông, Đài-loan, và Bành-hồ. (1)
- 3.) Chịu nộp bồi-khoản chiến tranh là hai vạn vạn lạng bạc.
- 4.) Mở cửa biển Sa-thi, Trùng-khánh, Tô-châu và Hàng châu để Nhật vào buôn-bán.
- 5.) Thương-thuyền Nhật được tự-dò lưu-hành trên các sông ngòi của Trung-quốc.
- 6.) Nhật được lập các xưởng kỹ-nghệ tại các nơi có cửa biển khai-thương.

Đã nhục với Nhật-Bản, Trung-quốc còn nhục với Nga và các cường-quốc tư-bản chủ-nghiã Pháp, Đức, Anh, Mỹ v.v... vào những năm cuối cùng của thế-kỷ XIX khiến đất Con Trời đã gần thành một nước bán-thuộc-địa của Liệt-cường. Pháp được đặt đường xe lửa Hà-nội — Vân-Nam, mở hai thương-khẩu Mông-tự và Man-hao để buôn bán với Hoa-tộc lại còn để nhòm ngó miền Hoa-Nam ngoài việc Trung-quốc phải thừa nhận bá-quyền của Pháp ở Việt-Nam theo tinh-thần Thỏa-hiệp Thiên-tân ; năm 1860, nhân-dân Hồi chống dân Hán ở Y-Lê, Nga mượn cớ bảo-vệ biên-giới chiếm đóng thành Y-Lê. Mười năm sau Tàu phải chuộc thành này bằng tiền và một miennie đất rộng. Theo Điều-ước Ai-gun (thuộc Hắc-long-Giang) khoảng đất Nga đã đòi chiếm là khoảng đất từ Hắc-long-Giang trở về Bắc. Lúc này Triều-định Mãn-Thanh đã quá mỏi mệt sau khi phải đối-phó với các cường-quốc từ Nha-phiến chiến-tranh (1842 - 1844) nay chỉ muốn có hòa bình, hòa-bình bằng bất cứ giá nào. Thêm vào sự hiếp-bức trên đây, Nga được bỏ vốn làm thiết-lộ ở Bắc Mãn-châu ; Đức đòi thuê Quảng-châu-Loan, khai mỏ và làm đường xe lửa ở Sơn-đông ; Anh cũng chẳng ngồi im, và đã đòi thuê Uy-hải-Vệ.

Ai mà không thấy Trung-quốc bấy giờ là con thịt mà các cường-quốc là bọn thợ săn, tha hồ đem gươm, đem súng đến mổ xẻ, chia nhau cho kỳ thỏa-thích ? Ai mà không thấy Trung-quốc đã biếu-thị cho cái lẽ mạnh được, yếu thua, khôn sống

(1) Sau này có sự can-thiệp của Anh — Nga — Mỹ, Chánh-phủ Nhật cho Chánh-phủ Bắc-Kinh chuộc bán-đảo Liêu-dông bằng số tiền chuộc là 3.000 vạn lạng.

mỗng chết, chẳng bù cho mấy chục thế-kỷ trước Hoa-tộc từng vỗ ngực xưng minh là trung - tâm - điêm của nền văn-minh thế-giới ?

Trước tình-trạng suy - đốn của Mãn - Thanh chỉ có biết cầu-an là lẽ sống duy-nhất cũng như trước sự hủ-lậu mê-muội của bọn vua quan nhà Nguyễn bên sông Hương núi Ngự, cụ Phan-bội-Châu đã không tiếc lời thống-mạ : « *Mãn-triều Trung-quốc và Nguyễn-triều Việt-Nam quả chỉ là một phuờng chó chết như nhau !* » (1). Nếu Sào-Nam tiên sinh nặng lời như vậy chẳng qua vì uất-ức với bọn xâm-lược Tây-phương quá lộng-hành mà anh em da vàng chúng ta thì quá hèn đụt

Ngoài ra cụ còn hận thêm khi đã thấy dân Phù-tang vừa đây chẳng hơn gì mình, đồng-văn, đồng-chủng, da vàng máu đỏ như nhau mà đã đánh tan binh đội của Nga-hoàng giữa lúc uy-danh của người Nga đang lừng - lẫy ngoài Quốc-tế.

Sĩ-phu Việt-Nam còn thấy gì nữa ?

Đế-quốc tư-bản Tây-phương xâm-nhập Trung-quốc đã đầu-tư vào các xi-nghiệp lớn nhất ở Trung-quốc lúc này như Công-ty bột mì, nhà máy xay gạo, xưởng dệt vải lụa, nhà máy chế tạo cơ-khi, các công-ty xuất-nhập-cảng, ngành khai mỏ, ngành xe lửa, hàng hải v.v... rải-rác từ Thượng-hải, Ninh-ba, Vô-Tích, Tô-châu, Hàng-châu, Phúc-châu, Hương-cảng, Áo-môn, Quảng-châu v.v... Họ hơn người bản-xứ về tiền bạc, lại có những máy móc tinh-vi, lợi-hại, kỹ-thuật lại cao siêu không khỏi là mối đe-dọa trực tiếp đối với tương-lai nền công-thương-nghiệp của dân Trung-quốc đang loanh-quanh trong tình-trạng lạc-hậu ngàn đời. Vậy mà bọn Mãn-Thanh vẫn cứ lúng túng như cho tay vào bì, khu-khư ôm lấy chính-sách bảo-thủ, ích-kỷ rồi đi từ nhân-nhượng này sang nhân-nhượng khác để giữ lấy địa-vị thống-trị Hoa-tộc.

Trước tất cả các hoạt-động này của ngoại-bang đã gây nên những biến đổi quan-trọng cho Trung-quốc về mặt kinh-

(1) Câu này trích trong cuốn *Tự-phán* của cụ Phan-bội-Châu, trang 61 do nhà xuất-bản Anh-Minh ở Huế phát-hành.

tế và chánh - trị, nhóm sĩ - phu tiến - bộ của Hoa - tộc phải trỗi dậy đòi hỏi chánh - quyền chính - tân quốc - gia; sửa đổi quốc - sách. Nhóm cách - mạng đầu tiên hướng về mục - tiêu này là bọn Hồng - tú - Toàn mà phong - kiến Mân - Thanh đã gọi là giặc Thái - bình - lì (1). Rồi từ 1879 qua thế - kỷ XX, Tiết - phúc - Thanh đề xướng Hiến - pháp nhằm bảo - vệ công - thương - nghiệp, phát - triển tư - bản chủ - nghĩa, Trần - Xi vận - động thành - lập Nghị - viện theo tinh - thần dân - chủ Tây - phương (1893), Trịnh quang - Ưng đòi lập Quân - chủ lập - hiến (phản - đối nền chuyên - chế Mân - Thanh) Khang - hữu - Vi, Lương - khải - Siêu, Đàm - tự - Đồng, Dương - thâm - Tú v.v... cỗ - động duy - tân, tự - cường vô cùng sôi nổi (2).

Rồi phong - trào đòi thực - thi Hiến - pháp lan rộng ra toàn - quốc lôi cuốn được mọi tầng lớp sĩ - phu, trí - thức và dân - chúng. Để phổ - biến các tư - tưởng canh - tân quốc - gia, chống hiềm họa vong - quốc, năm 1895 Lương - khải - Siêu phát - hành tờ Văn - quốc Công - báo do ông làm chủ - bút. Cùng lúc này họ Lương còn cộng - tác với Khang - hữu - Vi, Văn - định - Thúc lập ra «Cường - học - hội», Cường - học thư - cục, Cường - học - báo làm cơ - quan truyền - bá các tư - tưởng tiến - bộ. Năm sau bọn các ông Khang, Lương lại xuất - bản thêm tờ Thời - vụ - báo (cũng Lương trông nom việc biên - tập). Năm sau nữa ở Hồ - nam Thời - vụ học - đường và Nam - học - hội thu hút được rất nhiều thanh niên ái - quốc đến nhập học và do sự tiến - triển mạnh - mẽ của phong - trào, Khang - hữu - Vi lập Bảo - quốc - hội nhằm ba đích chính: bảo - vệ quốc - thể, quốc - dân, quốc - giáo. Rồi từ Bắc xuống Nam

(1) Các nhà chép sử của bọn phong - kiến thống - trị bao giờ cũng gán cho những người đối - lập là giặc. Phong - Kiến Mân - Thanh thuộc đó, với tinh cách phản - động của nó đối với quyền - lợi Hoa - tộc chẳng đáng cho ta gọi nó là một thứ ngụy - quyền sao ?

(2) Sau vụ Nhật chiếm Lưu - cầu, năm 1888, Khang - hữu - Vi đề - nghị với vua Quang - tự thực - hiện «biến - pháp» để tránh cái nguy - cơ mất nước Bảy năm sau Khang vận - động 1895 Cử - nhân trên toàn quốc ký một bản kiến - nghị chống Điều -ước nhường Liêu - đông cho Nhật, yêu cầu rời đô khỏi Bắc - kinh, tu - chỉnh quân đội, thi - hành Hiến - pháp. Nhưng phong - kiến Mân - Thanh ngoan - cố, do đó mới xảy ra cuộc Cách - mạng Tân - hợi (1908) là cuộc cách - mạng phản Phong đầu tiên ở Trung - quốc cũng như ở Á - Đông.

Hội có được 24 chi-nhánh, 19 nhà trường và 8 tờ báo. Cuộc vận-động khai-hóa dân-trí, phồ-biển dân-quyền chuyển sang giai-đoạn vận-động chánh-trị lấy Trường-sa, Thượng-hải, Quảng-châu làm trung-tâm.

Tây-thái-hậu và đám cận-thần của triều Thanh đã nhìn các hoạt-động của phong-trào canh-tân quốc-gia bằng con mắt ít thiện-cảm. Các đề-nghị cải-tổ chánh-trị của đám sĩ-phu cấp tiến trong *Nam-học-hội* đệ-lên đều bị nhận chìm và ít lâu sau, *Cường-học-hội* bị đóng cửa, sách báo cũng bị cấm lưu-hành. Tất-nhiên sự đàn-áp này đem lại cho bọn phong-kiến thống-trị nhà Thanh một phản-ứng mãnh-liệt, vì vậy vào tháng 4-1898, phe thủ-cựu phải nhượng bộ. Việc này được ghi trong lịch-sử Trung-quốc là *Chinh-biến Mậu-tuất* (1898). Tháng 6 năm ấy Khang được vua Quang-tự (xin nhớ vua Quang-tự rất tán thành chủ-trương canh-tân quốc-gia, nhưng nhà vua bị Tây-thái-hậu kiềm-chế nên thúc thủ) vời vào Kinh nghiên-cứu việc biến-pháp.

Ba tháng sau bọn Khang-hữu-Vi tuyên-bố một chương-trình cải-cách gồm 10 khoản dưới đây :

- 1) *Chống việc học từ-chương, dâ-dão cử-nghiệp (chống bát cát)*
- 2) *Cải-tổ văn-hóa, giáo-dục theo Âu-Mỹ.*
- 3) *Mở rộng nền Đại-học ở kinh-dô.*
- 4) *Lập thư-viện, phồ-thông giáo-dục khắp nước (chú ý nhiều về kinh-lễ-học).*
- 5) *Cực-lực khugến-khích việc phát-minh, sáng-tạo.*
- 6) *Lập cơ-quan tu-thư, phiên-dịch, miễn-thuế cho việc xuất-bản và báo chí.*
- 7) *Thi-hành tự-do ngôn-luận trên toàn-quốc.*
- 8) *Mở nhiều các Nông, công, thương-cục, đặt Tổng thương-hội ở Thượng-hải.*
- 9) *Lập dự án ngân-sách quốc-gia.*
- 10) *Tổ-chức quân-dội theo Tây-phương.*

Cho rằng việc cải-cách này có ảnh-hưởng nguy-hại đến quyền lợi của mình, bọn quan lại nhà Mãn-thanh lúc này còn nắm vững quyền-hành ở nhiều địa-phương, một phen nữa tìm cách tiêu-diệt thẳng tay phe tiến-bộ. Rồi ngày 21-9-1898 Tây-thái-Hậu hạ ngục vua Quang-tự giờ phút này được coi là linh-tụ tinh-thần của phong-trào và hạ-lệnh truy-nã ráo-riết thày trò Khang-hữu-Vi khiếu hai ông phải bôn-dao qua nước Nhật ; riêng Dương-thâm-Tú, Đàm-tụ-Đồng phải bắt và bị xử tử-hình. Ngoài ra các chí-cục, các học-đường đã dựng lên đều bị giải-tán hết.

Sự thất-bại của phong-trào Duy-Tàn trước phản-động-lực của Phong-kiến nhà Thanh không đáng lạ vì chỉ được xây dựng trong giới tri-thức và sĩ-phu tiến-bộ mà thiếu gốc dẽ trong Đại-chủng, vậy làm sao đủ sức gây một cuộc chống đối có hiệu-lực trước sự đàm - áp của nhóm Tây-thái-Hậu ? Tuy vậy, người ta vẫn không thể chối cãi nó đã tinh-thức được lòng yêu nước và ý-niệm độc-lập của dân-tộc chống ngoại-xâm và cả ý-thức dân-chủ chống chuyên-chế. Những tư-tưởng cách-mạng của J. J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu đã được phiên-dịch ra Hán-văn và đã tấn-công khá mạnh vào đám vua quan hủ-bại cùng mở đường cho các tư-tưởng dân-chủ, dân-quyền.

Cho tới đầu năm 1903 - 1905 có nhiều thay đổi giữa ba nước Nhật, Nga, Tàu sau đó Nhật đại thắng Nga-hoàng, giành giật được Triều-tiên và Mãn-châu. Những biến-cố này đã dội mạnh ảnh-hưởng của nó vào đầu óc tri-thức Việt-Nam.

Cũng như Việt - Nam, nhiều nước nhỏ yếu ở Á - đông bấy giờ bị các cường-quốc da trắng chà đạp, xâm-chiếm được mục-kích tẩn-kịch chú nhở da vàng vật ngã được anh khồng-lồ da trắng thày đều vui thú và phán-khởi. Từ đó sĩ-phu ở nhiều nước nhược-tiểu Á-Đông đã thành thuộc-địa của Tây-phương đứng ra lỵ-động cỗ-võ phong-trào thân Nhật và suy tôn Nhật làm anh cả giống da vàng. Nhất cử, nhất động của N' ùt đều được coi là khuôn vàng thước ngọc.

Một bề chịu ảnh-hưởng của các sự tiến-triển của dân Phù-tang đang vò cùng huy-hoàng, rực-rỡ và có nhiều khích-lệ,

bè khác sĩ-phu Việt - Nam vừa đây còn bị rung-cảm mạnh do lời văn khuyến-cáo duy-tân, tuyên-truyền ái-quốc, bài phong, phản Đế rất khảng-khai và lâm-ly của bộ *Àm-băng-thắt*, nhất là *Trang-quốc-hòn* của Lương-khai-Siêu nó đã thấm-thia đến đáy tâm-hồn những con người ưu-quốc. Quả vậy, tình-trạng của Trung-quốc và Việt-Nam trong giai-đoạn lịch-sử này có khác gì nhau ? Trung - quốc bị đè đầu cưỡi - cõi từ Nha-phiến chiến-tranh (1840 — 42) thì Việt-Nam được nghe những tiếng đại-bác liên-hồi của Tây - phương từ mùa thu năm Đinh - vị (1847) khi Thiệu-Trị sắp thở hoi tàn và... cũng do bọn «di-tặc» da trắng, hai nước cùng chịu như nhau cái thảm-nhục cắt đất dâng thành trước những tờ hàng-uróc viết bằng máu và nước mắt của những kẻ đại-diện nhiều liêm-sỉ.

Hướng vào Trung-quốc đã thấy vô-vọng, người nhận-định rõ đầu tiên chỗ vô-vọng đó là Nguyễn-phúc-Thuyết tức Tôn-thắt-Thuyết. Rồi cuộc kháng-chiến 10 năm của cụ Phan-đinh-Phùng tan-rã cũng cảnh-cáo sĩ-phu Việt-Nam kiếm một con đường cứu-quốc khác hơn là con đường tề-chức võ-trang trong khi địch hơn ta quá nhiều về mọi mặt, nhất là vào đầu thế - kỷ XX, địch đã kiềm-soát được hết cả miền đồng-bằng lẫn miền núi nước ta. Đội quân của các ông tướng xuất-thân là nho-sĩ không cự nổi đám quân xâm-lược nhà nghè mạnh dữ như hùm beo ; ngoài ra vẫn-minh Á-châu mong-manh, lạc-hậu đã không gày được lực lượng vững vàng, tất nhiên không thể đứng trước ngọn trào thực-dân, đế-quốc.

Sĩ-phu Việt-Nam nhận thấy lý-luận và lập-trường của thày trò Khang-hữu-Vi (Khang là thày học của Lương) hợp-lý liền cương-quyết mở cuộc canh-tân hòng xây dựng lại xã-hội Việt-Nam từ nền tảng, nói cách khác, dựng một nền tảng mới hay khai-nguyên một nguồn sinh-lực mới cho xã-hội tương-lai của nước nhà. Việc này đòi hỏi hai điều : 1) Mở-mang dân trí bằng sự cõi-động học mới vụ vào thực-nghiệp, đả-đảo hủ-nho và cử-nghiệp, lập trường dạy học (*không lấy tiền*) để bí-mật tuyên truyền các tư-tưởng cách-mạng, phản-đế. 2) Xuất dương cầu viễn và đem thanh-niên ra ngoài học hỏi các điều tiến-bộ của nước

người. — Việc học chuyên cả văn lẫn võ. Các thanh - niên gửi ra ngoai-quốc sẽ là những cán-bộ tương-lai để phục-quốc và kiến-quốc...

Cũng như sĩ-phu Trung-quốc, các nhà lĩnh-đạo cách-mạng Việt-nam thuở đó trông thẳng sang Nhật và đặt hết lòng sở-cậy vào Nhật vì vậy phong - trào thân Nhật nổi lên tuy ngầm ngầm mà rất mạnh.

Rồi người ta đã ca-tụng Thiên-hoàng và dân tộc Nhật bằng nhiều bài thơ song-thất lục-bát hay lục - bát vừa để cổ-động cho phong-trào Đông-du nữa. Trong bài « *Đề tinh quốc dân-ca* » của cụ Phan-bội-Châu do cụ Lê-Đại (1) dịch, ta được đọc những câu :

... Cờ độc-lập đứng đầu phát trước,  
Nhật-bản kia vốn nước đồng văn.  
  
Á-dông mở hội duy-tân,  
Nhật-hoàng là đăng anh-quán ai bì ?  
  
Giòng Thần-vũ trông về một họ,  
Vầng Phù-tang soi tò góc trời...  
  
... Năm Giáp-ngọ đứng-dùng sóng gió,  
Vượt quan sang thẳng trở Đài-loan.  
  
Quân lục áo, tướng dai sang,  
Ra tay cho biết lá gan anh-hùng.  
  
Đông-tam-tinh thu trong tay áo  
Bọn trắng da ngơ-ngáo giật mình... .

## PHỤ-LỤC

Theo dõi cuộc Cách-mạng của Nhật-bản phát-động vào giữa thế-kỷ XIX ta thấy một vài việc dưới đây : Mặc dù nước Nhật sống dưới chế-dộ phong-kiến, nhưng dân Nhật vẫn có những cảm-tình sâu-xa với Nhật-hoàng. Nhờ vậy, khi Minh-trị Thiên-hoàng đứng ra cầm đầu cuộc duy-tân, mọi thần-dân đều hết

(1) Lê-Đại tức Tù-Long là một nhà nho uyên-thâm và là đồng-chi rất thân của cụ São-Nam ở Hà-Nội.

sức hướng-ingoing với lời kêu gọi của nhà cầm-quyền. Sự hướng-ingoing đó đã thúc-dẩy dân Nhật đến chỗ hy-sinh tài-sản và tinh-mạng miễn sao cho đất nước Phù-tang thoát khỏi cuộc xâm-chiếm và sự hà-hiếp của các nước đế-quốc chủ-nghĩa lúc đó đang hành-hành khắp cõi Á-châu, không còn biết kiêng nề một dân tộc da vàng nào hết. Dân-chủng nộp thuế bằng bạc và vàng để Nhà-nước cho các công-ty công-thương vay hàn có vốn để kinh-doanh. Nhà vua cũng mang cả vàng bạc của cung-dinh ra gửi các nhà ngân-hàng và nhờ vậy nước Nhật đã tu-bản-hóa rất mau, bên trong có một nền kinh-tế giàu mạnh, bên ngoài đặt được nhiều mối liên-hệ bang-giao với các Liệt-cường. Trong lúc này ở nước ta, vua tôi đời Tự-Đức đóng cửa khóa nước thi-hành một chế-dộ lỵ-túc và biệt-lập nên đã bị nước Pháp mang tàu to, súng lớn đến phá-phách và thôn-tinh... Giai đoạn kiến quốc đầu tiên đã thành-công, chánh-phủ của Thiên-hoàng đem bán các xi-nghiệp quốc-gia cho tư-nhân với giá rất hạ, có khi chỉ lấy có 30% hay 15% theo số vốn, lại còn cho trả dần nữa do mục-dich khuyết-khích nhân-dân phát-triển nền kinh-tế và thương-mại từ trong nước ra ngoài nước.

Năm 1879 Nhật sáp-nhập đảo Lưu-cầu vào lĩnh-thổ Nhật, năm 1882-84 Nhật gây chiến ở Cao-ly. Năm 1894-95 Nhật đánh chiếm Mãn-châu của Trung-quốc, và đầu thế kỷ XX Nhật trở nên một nước Đế-quốc chủ-nghĩa rồi cùng ủa theo các Đế-quốc da trắng xâu-xé Trung-quốc và còn dòm nom các miền giàu có khác ở Á-châu nữa. Một điều đáng chú ý là Nhật đã liên-hiệp với các nước da trắng bấy giờ có mặt trên đất Tàu dàn-áp phong-trào cách-mạng của Nghĩa-hòa-đoàn. Điều này tỏ rằng Nhật chỉ mong cho các nước láng giềng suy bại để dễ cướp nước của người ta làm lợi riêng cho mình. (Sau này vào năm 1940 Nhật xưởng-xuất chủ-nghĩa Đại-Đông-Á cũng chỉ là làm một chuyện lừa gạt các anh em da vàng vì thế mà mất hết cảm-tình từ cuộc Đệ-Nhi Thế-Chiến đến nay).

Trong việc bành-trướng về phương Đông để chinh-phục thị-trường và giải-quyết nạn nhân-mãnh, Nhật chạm trán với Đế-quốc Nga cũng đang tiến về hướng này. So với các Đế-quốc Anh,

Mỹ, Pháp thuở đó thì tương-đối Nga yếu hơn và đang lung túng vì phong-trào cách-mạng trong quốc-nội. Nhật liền lợi-dụng tình-trạng này mà bắt-thình-linh tấn-công hạm-dội Nga ở cửa bờ Lữ-thuận. (1) Tháng Nga ở đây, Nhật đã bộ lên Mân-Châu. Nga chưa chuẩn-bị về chiến-tranh nên thua xiềng-liềng. Từ tháng 8-1904 đến tháng 1-1905, Nga chạy dài khắp mọi nơi và vào tháng 3 năm ấy, riêng tại Phụng-thiên, Nga mất 120 ngàn quân. Nga-hoàng liền mang hạm-dội từ Bultique sang cứu. Hạm-dội này cũng bị Nhật đánh tan ở eo biển Đồi-mã vào tháng 5-1905.

Bên trọng phong-trào cách-mạng mỗi ngày một phát-động mạnh, bên ngoài quân đội lại thua liên-miên, Nga-hoàng phải xin hòa dè rảnh tay đổi phó với cái họa nội-tâm. Rồi Hòa-ước Po-Smao đã được ký vội-vã giữa hai nước trong đó Nga-hoàng nhường hết các quyền-lợi đã chiếm ở Mân-châu cho Nhật, thừa-nhận Nhật có quyền bảo-hộ Triều-tiên và cất cho Nhật miền Nam đảo Sakhaline như trên đã nói. Cuộc chiến thắng đằng vinh quang của Nhật đã đem lại cho nhiều dân tộc Á-châu một hy-vọng là dựa vào người anh cả da vàng ấy để đánh đuổi các Đế-quốc xăm lăng, cởi ách ngoại-thuộc, hy-vọng này sau đó đã chỉ là một ảo-tưởng, một mỉa-mai chua-chát.

---

(1) Tháng trận ở Lữ-thuận và Đồi-Mã bấy giờ là Lục-quân đại tướng Nai-mộc Hy-Điền và Hải-quân đại-tướng Đông-Hương Bình-bát-Lang (Togo Hei Hachiro).

---

## CHƯƠNG II

### PHONG - TRÀO ĐÔNG-DU VÀ DUY-TÂN-HỘI

#### TIẾU-SỬ VÀ HOẠT-ĐỘNG CỦA CỤ PHAN - BỘI - CHÂU

Phong-trào *Đông-du* và *Duy-tân-hội* đã rất sôi nổi kề từ 1904-1905. Nếu kề đến công-nghiệp người chiến-sĩ cầm đầu và hoạt-động hăng-hái nhất cho phong-trào phản Đế đầu thế-kỷ XX thì ta phải nghĩ ngay đến cụ Phan-bội-Châu. Trong khi phong-trào Cần-Vương (*Tiền-văn-Thán*) bột-phát, họ Phan là một thiếu-niên 17 tuổi và khi phong trào này tàn lụi thì Phan bắt đầu xuất đầu, lộ diện trên sân khấu chính-trị Việt-Nam.

Phan-bội-châu tên tục là San, sinh tháng 12 năm Đinh-mão (1867) tại thôn Sa-nam, xã Đông-liệt, tỉnh Nghệ-an. Cha là Phan-văn-Phỗ, mẹ là Nguyễn-thị-Nhàn người cùng xã kề trên. Cụ Phỗ là một nhà nho uyên-thâm và thanh-bạch làm nghề gõ đầu trẻ tại xã Đàn-nhiêm, tổng Xuân-liếu, huyện Nam-dàn, tỉnh Nghệ-an. Năm 1883 là năm họ Phan mười bảy tuổi, họ Phan đã cảm thấy cái thống-khổ của người dân mất nước trong khi nước Pháp thực-dân mở rộng phạm-vi xâm-lăng ở Việt-Nam và đang gây khói lửa ở Bắc-kỳ. Nửa đêm cụ viết bài «*Bình Tây thu Bắc*» (1) đem dán lên một thân cây lớn ở ngoài đường và sau vụ kinh thành thất thủ, tiếng hịch Cần-vương vang khắp bốn phương. Cụ hăng-hái tổ-chức một *Thi-sinh-doàn* tinh-hòa-nhịp với phong-trào cứu-quốc trên toàn quốc nhưng nghĩa-cử vùng này bị sự khủng-bố của Pháp uy hiếp rồi tan vỡ ngay trong

1) Tờ hịch này dán chưa được vài hôm bị bọn việt-gian lột mất.

trứng nước. Trước đó (1874) hai ông Tú Nghệ-tĩnh là Trần Tân và Đặng-như-Mai (1) chống việc triều đình Tự-đức (năm 29) cắt Lục tỉnh cho Pháp, sau hai ông bị giặc giết nhưng dư-âm của phong-trào vẫn làm sôi nổi lòng người khá mạnh, nhất là nó đã nhắc-nhở cho những người muốn trù gian, giết giặc một bài học kinh-nghiệm đầy xương máu : dùng vũ lực chống địch là điều rất khó vì từ 1859 đến bấy giờ (1885) quân đội của triều-định được những danh tướng cầm đầu, vũ-khi, quân-số xung-mãnh như vậy mà vẫn thua trận, mất đất và phải cầu hòa ; chiến-lược, chiến thuật dùng rừng núi hiểm-trở và thủ-hiểm ở những nơi cố-định sớm muộn cũng đi đến chỗ thất bại. Việc lớn cần phải nghiên-cứu kỹ-lưỡng, khinh-xuất là đưa mình vào chỗ chết vô-ich. Nay muốn tránh vết xe đỗ thì những phương-sách cũ không nên dùng nữa vì nó lẻ-loi, cô đơn không gây nổi một thực-lực khả-dĩ chống được giặc. Một hình-thức mới cần được áp-dụng, đó là xây dựng một căn-bản chống địch trong quần-chúng, nghĩa là toàn quốc đấu tranh đều nhịp mới mong có kết-quả chắc-chắn. Dù sao theo họ Phan, việc chống Pháp bấy giờ vẫn là phải vũ-trang bạo-động chó không có thể làm khác được, nhưng cuộc vận-động nhân-dân phải phát-triển sâu rộng nhiều hơn.

Lúc này bà thân sinh của Cụ vừa qua đời (2), việc bạo-động xét ra có bề nguy hại là có thể mang lụy cho cha già, cụ Phan dành ngừng hoạt-động để nghiên-cứu lại thời-thế. Trong khi chờ đợi, cảnh nhà bần-bách, cụ cũng làm nghề dạy học mưu sống cho gia đình và học thêm nghĩ rằng ở một nước còn nặng ý-thức-hệ phong-kiến, còn trọng phẩm-tước, khoa-mục, nếu không có tên tuổi lớn khó nói được cho ai nghe. Tuy nhiên, bèn trong cụ vẫn quan-niệm « lập thân tối hạ thi văn chương » nghĩa là : lập thân mà nhờ vào văn chương là hèn hạ nhất và hàng

(1) Các ông Tú Trần-Tân ở Thanh-chương, Đặng-như-Mai ở Diển-châu Lê-Khanh cũng ở Nghệ-Tĩnh là đầu đảng Bình-Tây bấy giờ (Giáp-tuất 1874)

2) Bà thân mẫu của cụ Phan mất năm Giáp-thân (1884) vào lúc cụ 48 tuổi và vào tháng 5 năm Kiến-phúc nguyên-diên.

ngày cụ hay đọc câu : « *Mỗi phan bắt vong duy trúc bạch* » để rèn tâm luyện chí.

Năm 1897, Cụ gặp cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền (tức cụ Hoàng-giáp, làng Liên-bạt, phủ Ứng-hòa, lĩnh Hà-đông là một nhà khoa - mục có danh tiếng đời bấy giờ ở Huế do bài phú « *Báy thạch vi huynh* » của cụ được cụ Mai-Sơn tán thưởng vô cùng. Rồi cụ Mai-Sơn đã bí-mật đưa cho cụ Phan coi nhiều sách khảo-cứu chính - trị và một số dịch - phẩm của Khang-hữu-Vi và Lương-khai-Siêu có tính - cách cỗ - võ cách-mạng cùng giới-thiệu vắng mặt cụ Tăng-bạt-Hồ là cựu đảng-viên của *Nam-Ngãi-dảng*. Cụ Phan thú rằng trong lòng cụ « *cái tư-lưỡng phá cũi sô lồng đến lúc đó mới manh-dòng* »...

Các sách truyền-bá cách-mạng của Tây-phương bấy giờ là : *Contrat social* (Dân - tróc luận) của J. J. Rousseau, *De l'esprit des lois* (Vạn-pháp tinh-lý) của Montesquieu, *Tiến-hóa-luận (Evolutionnisme)* của H. Spencer... các sách khảo-cứu có mục đích mở rộng tầm con mắt của người ta bấy giờ là : *Trung-Đông chiến-kỷ*, *Phổ-Pháp chiến - kỷ*, *Doanh-hoàn chiến-lược* nhất là bài *Thiên-hạ đại-thể-luận* của Kỳ-Am Nguyễn-lộ-Trạch đã được thày trò ông Khang phổ-biển rất rộng để cảnh tỉnh 400 triệu dân Hán thuở đó.

Hai cụ Phan, Nguyễn đã rất đặc ý với nhau và cùng chung quan-niệm : *Thể-giới là một cuộc vật-lộn liên-miên, khôn sống mống chết, mạnh được yếu thua, mang một nước Việt-*

**Chú-thích.**— Biệt hiệu của một số nhà Cách-mạng kè trên là :

Ngư-Hải	cụ Đặng-thái-Thân
Tây-Hồ	cụ Phan-chu-Trinh
Tiều-La	cụ Nguyễn-Hàm
Tập-Xuyên	cụ Ngô-đức-Kế
Sào-Nam	cụ Phan-bội-Châu
Mai-Sơn	cụ Nguyễn-thượng-Hiền
Thịnh-Bình	cụ Huỳnh-thúc-Khang
Thái-Xuyên	cụ Trần-quý-Cáp
Sơn-Tản	cụ Đỗ-dăng-TuyỀn
Thái-Sơn	cụ Đặng-nguyễn-Cần

*Nam suy-tàn lạc-hậu chổng nhau với mọi cường-quốc đã tiến-triển nhiều như nước Pháp đang tràn đầy nhựa sống chỉ là đem trứng troi vào đá...*

Rồi năm 1900 là năm Thành - Thái 12, Cụ trở lại với sách đèn. Nhờ chỗ thông-minh, chăm-chỉ, tài học của Cụ vang khắp miền Nghệ-Tĩnh. Mỗi khi khảo hạch trong tỉnh, luôn luôn cụ đứng đầu. Song vào thi Hương, việc khoa-cử bị nhiều trắc-trở, một phần vì nhà nghèo, cụ thường đem bán văn lấy tiền giúp gia-dinh và không còn thì giờ làm bài cho mình tại thi-trường. Lại có lần cụ vì sơ ý mà phạm húy, suýt bị bôi tên suốt đời không được dự khoa-cử. Sau vô học Giám, cụ đã được lọt vào mắt xanh của quan Tế-Tửu Khiếu-năng-Tĩnh là người rất hay chữ đời bấy giờ do một bài Kinh-nghĩa. Bài này được phê : « *Tiền vô cõ nhân, hậu vô lai giả* » (1). Mến người có tài, cụ Khiếu vận-động ra làm chủ-khảo trường Nghệ và lấy Cụ đỗ đầu. Khoa thi năm ấy vào năm Canh-tý (1900), lúc này cụ Phan vừa đúng 33 tuổi. Sau khi Cụ đậu giải-nguyên thi cụ thân sinh tạ-thế. Cụ trút được hoàn-toàn gánh nặng trong lòng người con hiếu và từ 1901 - 1902 cụ mở trường dạy học và được rảnh tâm hồn mưu việc cứu-quốc khảo - cứu binh - thư, chiến - lược và liên - lạc với các nhà cách-mạng trong nước (2).

Có lần, vào mùa hạ năm Tân-Sửu (1901) Cụ Phan cùng Phan-bá-Ngọc, con cụ La-Sơn (Phan-đinh-Phùng) Vương-thúc-Quý và bọn Trần-Hải ở Nghi-Xuân sôi bầu máu nóng thanh-niên toan nhân ngày kỷ-niệm Cộng-hòa Pháp đánh úp thành Nghệ-an. Vì nội-úng sai kỳ hẹn, việc phải hoãn lại và bị tiết-lộ, mật-thám Nguyễn - Điềm báo cho Công-sứ, may quan Tông-đốc Nghệ-an

(1) Câu này có nghĩa: trước chưa có ai viết hay như vậy và sau này chắc cũng chẳng có ai... LA, August 27, 2017

(2) Những sách cụ Phan khảo-cứu binh-bị bấy giờ là: *Tôn-lữ thập-tam-thiên*, *Võ-Hữu tâm-thư*, *Hồ-trưởng xu cơ*, *Binh-gia bí-quyết* v.v... Trong dịp này cụ viết cuốn sách đầu tiên để cõi-động dân tâm là cuốn *Song Tuất lục* kẽ việc khởi nghĩa năm Giáp-tuất đến việc Cần-Vương, năm Ất-Dậu và Giáp-tuất. Sách này xung-tụng hai ông Tú Đặng-như-Mai và Trần-Tấn là hai vị văn thân cách-mạng trước nhất của miền Trung.

Đào-Tiến che chở nên không xảy ra điều-gì lôi-thôi.

Trong lúc chờ thời Cụ bắt đầu mở cuộc vận-động cách-mạng với một số dư-đảng cầm-vương của cụ La - Sơn và Bạch-xi như cụ Nguyễn - Hàm tức Ấm - Hàm (người Quảng-Nam), Tân-tương Nguyễn - Quýnh (người Huyện - Sơn) Đốc-biên Hà-văn-Mỹ (người huyện Nghi - Xuân), Phó lãnh - binh Ngô-Quảng, Quản-Cơ Lê-Hạ, Đội Quyên, Đội-Quế. Kiêm Cộng (đảng Bạch-Xi) Đồ Cả (đảng Hắc - long). Cụ tìm đến cả họ Cầm, họ Hà trên các xứ Mường hai vùng Nghệ-Tĩnh.

Mùa thu năm Nhâm-dần (1902) Cụ Phan cho Tân-Quýnh và một môn-sinh ra Bắc-kỳ tìm đến Phòn-xương để gặp cụ Hoàng-hoa-Thám. Vì không có ai giới-thiệu, đôi bên cùng bỡ ngỡ, chuyến đi này không có kết-quả. Nhưng vào tháng 11 năm ấy, cụ Sào-Nam đích thân ra thăm cụ Hoàng nhân dịp lạc thành cái cầu sắt qua sông Nhị-hà (*cầu P. Doumer sau gọi là cầu Long-Biên*). Lần này cụ được tiếp xúc với họ Hoàng tuy lúc này họ Hoàng đang đau nặng. Vấn đề hợp-tác và ứng-viện được sự tán - đồng giữa hai nhà cách-mạng. Cụ Phan được xem xét các cơ-sở của họ Hoàng lấy làm xứng ý và khen - ngợi lắm. Lúc này cụ Hoàng đang tạm hòa với Pháp như ta đã biết. Sau cuộc tương-ngộ này, cụ Phan trở về Trung lòng tràn đầy hy - vọng.

Mùa xuân năm Quý-mão (1903) cụ Phan lấy tiếng vào học Giám tại Huế để bắt liên-lạc với các vị khoa-mục có uy-tín đầu óc cách-mạng trên toàn quốc. Cũng nên nhắc rằng 6 năm trước là năm cụ 31 tuổi (năm Đinh-dậu 1897), tức năm Thành-Thái thứ 8, nhân cụ bị án « *Hoài-hiệp văn tự nhập trường* » theo luật phải « *chung-thân bắt đắc ứng thí* » cụ được rảnh nên đã có phen vào Huế ra Bắc. Trong thời-kỳ ở Kinh cụ làm gia-sư tại nhà cụ Võ-bá-Hạp cũng đã do ý muốn ậm-kết với nhiều phàn-tử ái-quốc.

Tháng 5-1904 cụ cùng Tân Quýnh Đặng-thái-Thân, Đặng-văn-Bách và Lê Võ vào Quảng-nam đến Sơn-trang Nam-thịnh (làng Thạnh-Mỹ, phủ Thăng-Bình) gặp cụ Tiều - La Nguyễn-

Thành rồi trong giai-đoạn này nhờ lưu-hành được cuốn *Lưu-cầu huýết lệ tâm thư* (1) cụ kết-giao thêm được với nhiều văn-thân có chí lớn như các cụ Trần-quý-Cáp, Phan-chu-Trinh, Đặng-tử-Kinh Đặng-nguyên-Cần, Thái-Phiên, Trịnh-Hiền, Nguyễn-Hàm, Đỗ-đảng-Tuyễn. v. v...

Một hội-nghị được mở ra tại Sơn-Trang và *Duy tân hội* ra đời.

Cụ Nguyễn-Hàm bàn : « Trong việc mưu đồ đại-sự ngày nay, cần nhất là nhân-tâm, thứ nhì là tiền-bạc, thứ ba là vũ-khi. Có nhân-tâm thì có tiền-bạc, có khi-giới. Ngoài ra xem ý quốc - dân từ trên xuống dưới, muốn tha được nhân-tâm thì phải suy-đái quân-chủ làm đầu mới có người theo. Sở-hoài-Vương, Lê-trang-Tôn chẳng qua là một thủ-đoạn, kim-tiền thì lấy ở Nam-kỳ. Ngày xưa vua Gia-Long lấy lại được nước là nhờ tài-lực ở trong ấy.. Nay đức Hàm-Nghi đã bị xa nước, vua Thành-Thái thì đang ở trong tay Pháp, ta phải kiếm một vị hoàng-thân thuộc dòng chính-thống nhà Nguyễn tôn làm minh-chủ thì mới dể cõ-võ dân-tâm... » Ý-kiến này được mọi người tán-thành rồi quyết định như sau :

A.— Liên-kết với các dư-đảng cầm-vương các văn-thân, các thò-hào các thảo-dã anh-hùng từ Nam ra Bắc để sau này khởi binh đánh Pháp.

B.— Tìm một nhân-vật có uy-tín trong Hoàng-gia tôn lên làm minh-chủ để bí-mật liên-lạc với một số quan-trưởng đang có thế-lực trong triều làm ứng-viện.

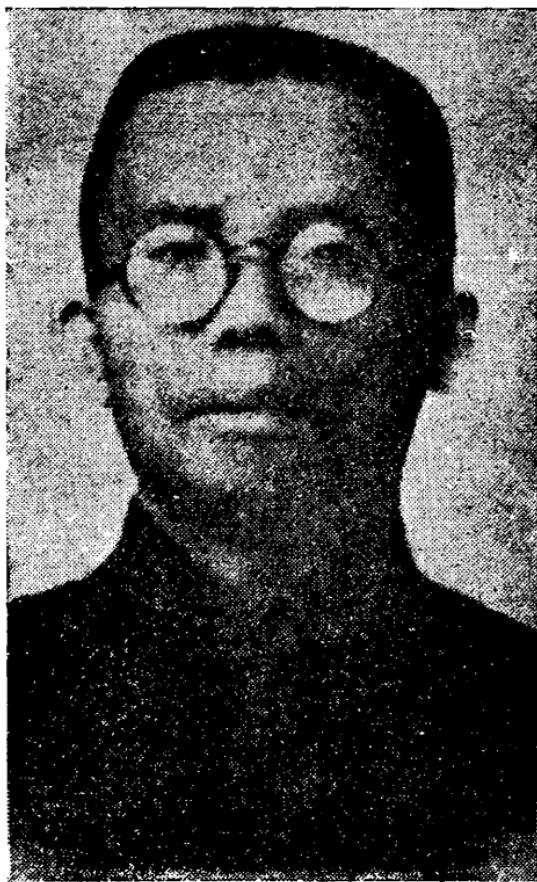
C.— Xuất-dương cầu-viện. — (Việc cầu-viện hy-vọng vào

(1) Sách này nhắc nỗi đau khổ của người dân trên đảo Lưu-cầu bị lạm thuộc về Nhật-Bản. Bằng sách này, cụ Phan đã dùng lời văn khích-động lòng ái-quốc của giới quan-liêu, tri-thức thời đó. Sau khi nêu điều sỉ-nhục của người dân mất nước, mất quyền và những thảm-họa tương-lai, cụ đề ra một kế-hoạch gồm ba điểm ; 1-) Phải mở mang dân-trí 2-) Phải chấn-hưng, dân-khi 3-) Phải vun trồng nhân-tài, mới mong cứu vãn được nạn vong-quốc. Người được coi sách Lưu-cầu huýết lệ tâm thư là Bình-bộ Thượng-thư Hồ Lệ Đóng các Nguyễn Thủ, Lại bộ Nguyễn Thuật... nhưng các ông lớn này không giúp được gì các người chiến-sĩ cách-mạng ngoài vài lời ủy-lạo hay khuyển khích suông.



Cụ Nguyễn-thượng-Hiền  
(trong bộ y-phục Sinh-viên Sĩ-quan Tau).

—



*Cụ Nguyễn Hải Thần*



Nhật-Bản là nước đồng-văn, đồng-chủng đang văn-minh cường-thịnh lúc này.

(Theo kế-hoạch trên đây, ta thấy có việc tôn một hoàng thân làm minh-chủ là việc ngày nay không ai cho là điều cần-thiết, nhưng cụ Phan và các đồng-chí của Cụ đã phải dùng thủ-đoạn này bởi nhân-dân và cả sĩ-phu thuở đó nữa còn chịu nhiều ảnh-hưởng của ý-thức-hệ Phong-kiến nghĩ rằng việc kháng địch phải có « Vua » làm đầu trò mới gây nổi phong-trào. Như vậy vua Hàm-Nghi bị bắt rồi phải có một thân vương thay thế, đứng ra xướng-nghĩa mới được dân chúng nghe theo. Quả vậy, phong-trào cứu-quốc bây giờ còn cần được tô một nước sơn vàng son của Vua Chúa do trình-độ tri-thức của quốc-dân ta còn quá lạc-hậu).

Bàn về việc xuất-dương cầu viễn, cụ Tiêu-La (1) nói : không thể trông vào Liệt-Cường da trắng, còn cậy nhờ Trung-quốc là nước đồng-bệnh, đồng-cảnh cũng rõ rệt không xong vì Trung-quốc bây giờ cứu mình đã chẳng nổi ; lợi-dụng Nhật-Bản đang có mâu-thuẫn với các Đế-quốc da trắng cứu giúp anh em da vàng thì có phần dễ nhưng có lẽ Nhật chỉ giúp được lương-thực, vũ-khi mà thôi, chớ từ khi thắng Nga, Nhật đã càng ngày càng bộc-lộ dã-tâm. Đầu sao lấy tình cùng thuộc nòi giống Á-châu cũng nhờ được ít nhiều và trong hoàn cảnh bây giờ ta chỉ còn một con đường đi là nhờ cậy Nhật-bản.

Rồi cụ Tiêu-La dục cụ Phan trở ra Huế thi hành công tác thăm dò hoàng-tộc bởi cụ cho rằng về phần cụ đã có tiếng là người của *Nam-Nghĩa Đảng*, không tiện hoạt-động lúc này. Cụ Phan liền trở ra Huế tìm đến Trần-xuân-Hàn, con trai Đề-đốc Trần-xuân-Soạn để cậy đưa đến gặp cụ Cường-Đế. (lúc này cụ Trần đã theo cụ Tôn-thất-Thuyết sang Tàu cầu viễn - binh rời lưu-trú

(1) Cụ Tiêu-La đã tham-gia nghĩa-dảng ở Quảng-Nam từ năm 18 tuổi sau thất bại về quê phụng-dưỡng mẹ già nhưng vẫn chưa người lòng vị-quốc. Cụ còn tên là Nguyễn Thành hay Tán Hàm và cụ đã đóng một vai quan trọng nhất để vận-trù quyết-sách Đông Đô, năm 1908 cụ bị đày ra Côn-đảo rồi chết ở đó.

lại Quảng-Đông đã 10 năm). Trần-xuân-Hàn sợ Kỳ - ngoại - Hầu bị Pháp theo dõi nên cho em đến mời Hầu sang chơi, nhưng chưa kịp mời thì Kỳ - ngoại - Hầu đã tới vì Hầu vốn hay qua lại nhà cụ Trần trong những năm tháng này. Giữa Hầu cùng cụ Phan đã có cuộc thương thảo, lúc ấy là tháng 3 năm Quý-Mão (1903), đôi bên rất tâm-đầu ý-hợp (1)

Theo sách *Tư-Phán* của cụ Sào Nam — (trang 33) cụ trở ra Huế lợi-dụng việc tạ Giám để đi thăm dò đám thân-vương, hoàng-tử nhà Nguyễn, sau được biết còn có đích tự-tôn Đông-cung Hoàng-thái-tử Phúc-Cánh là Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề có phủ thờ ở làng An-Cựu. Cụ Phan cùng ông bạn là Tú-tài Hồ Thiệp, người Quỳnh-Lưu giả làm người xem tướng số tìm đến nhà Kỳ-ngoại-hầu. Thấy rõ Hầu có chí lớn Cụ liền đem lời của cụ Tiêu-La ra nói với Hầu được Hầu tóm ngay sự đồng-tinh. Rồi cụ lén vào Quảng-Nam mời cụ Tiêu-La ra hội-kiến cùng Hầu tại nhà quan Bố Phạm-quý-Thích tháng hai năm ấy. Tiếp đó, Hầu giới-thiệu cụ Phan với quan Thừa-Thiên Phủ-Doãn Trần và Nghệ-an Tông-đốc Đào-Tiến cũng là chỗ đồng-chí vậy.

Cũng nên nhắc rằng năm 1888 là năm vua Hàm-nghi bị Pháp bắt và mang đi đầy ở Bắc-Phi, cụ Phan-đình-Phùng xuống nghĩa Càn-vương đã có phen liên-lạc với Hàm-Hóa Hương-công là cháu đích-tôn của vua Gia-long mời làm thủ-lĩnh để kế nghiệp kháng Pháp của Ô-Ung-Lịch. Hàm-hóa-Hương-công thấy mình già tuổi yếu liền cử Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề là con trai lúc này mới 13 tuổi. Do sự-kiện này, Hồ-qui-Châu là sứ-giả của nghĩa-quân Hương-Sơn vào Huế đón cụ Cường-Đề nhưng bị chết giữa đường rồi Phan Công cũng tạ-thế vào năm 1895, việc đem Cường-Đề ra chiến-khu bị lỡ (Theo sách *Cuộc đời Cường-Đề* của Tùng-Lâm trang 10)...

Đề liên-lạc với quan trùm và lợi-dụng họ cho Cách-mạng, cụ Phan đã viết sẵn cuốn *Lưu-cầu hayet-le tân-thur*. Sách này kể

(1) Tài-liệu viết về cuộc gặp gỡ của hai cụ Cường-đề và Sào-nam trên đây đã trích ở cuốn *Cuộc đời cách mạng Cường-Đề* trang 10 do ký-giả Tùng Lâm người Nhật ghi chép và do Tráng-liệt là trưởng-nam cụ Cường Đề công-bố

nỗi đau đớn nhục-nhã của người dân mất tự-do ở đảo Lưu-cầu (Lưu-cầu bị sát-nhập vào Nhật-bản. Trước kia đảo này thuộc Trung quốc), lời lẽ kích-thích, nêu cao tinh thần ái quốc, vạch ra con đường cứu vong lại mong những người đang có chức, quyền góp trong công-cuộc giải-phóng dân tộc. Cụ Phan nhờ Bình-bộ thượng-thư Hồ-Lê là người được coi sách này trước nhất giới-thiệu mình với các trưởng-quan các Bộ, Viện. Sau đó cụ được quan Tể-tửu Khiếu-năng-Tĩnh, Toản-Tu Đặng-nguyễn-Cần đang phục-vụ tại Quốc-sử quán tổ cảm-tình, còn hầu hết có thái độ lô-lảng hoặc vì họ đã thành những công-cụ chính-trị-trung thành của Pháp, hoặc họ đã bị gắn bó quyền-lợi với Đế-quốc hay họ chỉ muốn cầu an. Công cuộc khơi ngọn lửa tàn rồ-rệt là vô-hiệu, khí phách «*Bình-Tây sát tảo*» đã chìm sâu vào hư-vô, từ nay hết hy-vọng trông vào cái triều đình vua tôi nhà Nguyễn nữa. Rút cục cụ Phan chỉ năm được hai ông Đông-các Nguyễn-Thảng Lại-bộ Nguyễn-Thuật. Các vị này đều chỉ thở dài cho rằng cơ-hội tốt đã qua rồi, nghĩa là khi đại-cục còn cơ cứu-vãn thì lại chưa có *Duy-Tân-hội* ra đời. Kết-quả sở-đắc được ngàn ấy kề cũng là đáng buồn song may nhờ có cụ Hồ mà *Lưu-cầu huyết-lệ tân-thư* được phổ-biến khắp thân sĩ Nam-ngãi, cụ Sào-Nam mới gặp được cụ Tây-Hồ, cụ Thái-Xuyên cụ Thạnh-Bình, Nguyễn-Lang và cô Âu-triệu (3) cùng nhiều nhà ái-quốc khác ở Trung-kỳ.

Tháng 12 năm Quý-mão (1903) sau khi lưu-hành một số sách *Lưu-Cầu Huyết-lệ tân-thư*, cụ Phan từ-giã anh em vào Nam với mục-đích tìm sự liên-lạc với nhân-sĩ xứ Đồng-Nai. Tại đây cụ thăm dò tin-tức các dư-đảng của cụ Trương-Định, cụ Hồ-Huân rồi cụ được giới-thiệu đến Thất-sơn gặp ông

(tiếp 2) *Lưu-cầu huyết-lệ tân-thư* chia ra 5 đoạn : Đoạn I nói về những sự nhục-nhã của người dân mất nước và đưa ra viễn-ảnh của thảm-họa diệt-vong tương-lai. Đoạn II nói về việc mở mang dân-trí. Đoạn III nói về việc phục-hưng tinh-thần dân-tộc. Đoạn IV nói về việc rèn luyện nhân-tài. Đoạn V nói về những kỳ-vọng đặt vào các nhà đương-dạo làm nên những sự-nghiệp bất-hủ.

(3) Cô Âu-Triệu tức Lê-thị-Đàm là một nữ chiến-sĩ trong *Duy-Tân-hội* cụ Phan đặt cho cái tên này vì hy-vọng cô sẽ là người nối gót Bà Triệu.

Trần-nhật-Thi ở một ngôi chùa dựng lên tại đây. Trần trước đó là một chiến-sĩ chống Pháp bấy giờ đã ngoài 50 tuổi. Pháp tinh-nghi ông về thái-độ và hành-vi chính trị nên đã bắt giữ mấy lần. Sau này được thả ra, ông khoác áo cà-sa, tụng kinh niệm Phật cho khỏi bị địch theo dõi, vì vậy ông có mặt ở chùa Bảy-núi lúc này. Được tiếp-xúc xong với ông Trần, cụ Phan lại được làm quen với nhiều nhân-sĩ miền Nam khác đáng kề nhất có các ông Đặng-thúc-Liêng và Nguyễn-thần-Hiển. Cụ ngỏ cho hai ông biết việc lập Kỳ-ngoại-hầu làm minh-chủ và chương-trình círu-quốc của Sơn-trang Nam-thịnh. Các ông nhiệt-liệt tán-thành. Tháng 2 năm Giáp-thìn (1904) cụ Phan mới rời miền Nam. Cụ rẽ vào Quảng-Nam báo-cáo với cụ Tiêu-La kết-quả của cuộc Nam-hành rồi vội-vã ra Huế để khỏi sự ngờ vực vì vắng mặt ở Giám khá lâu ngày (Giám đóng cửa nghỉ từ tháng 8 năm ấy). (1) Liền đó ít tuần sau ông Trần-nhật-Thi cũng ra Trung để gặp mặt các anh em cách-mạng. Tại Sơn-trang Nam-thịnh lại một phen nữa là nơi gặp gỡ của những người yêu nước, nhưng trước đó, ông Trần-nhật-Thi đã được cụ Phan đưa đến gặp Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề ở Huế. Và sau khi đã thảo-luận mọi vấn-đề, ông Trần về Nam lo quyên tiền cho *Duy-tân hội*.

Thượng-tuần tháng 4 Âm-lịch (1904) tại nhà cụ Tiêu-La, *Duy-tân-Hội* được thành-lập. Kỳ-ngoại-Hầu được bầu làm Hội chủ. Cụ Phan được cử làm Tổng-đại-biều-hội. Vài vai trò khác không kém phần quan trọng là các cụ Ngư-Hải, Tiêu-La, cụ Tây-Hồ v.v... Tán-trợ hội-viên có Trần - đình - Phác, Nguyễn-hữu-Bài, Nguyễn-Thuật, Nguyễn-Thảng, Đào-Tiến, Phạm Tấn và Đốc-vận-Hiền (theo đạo Da - Tô), tuy là quan-trưởng nhưng nhiệt-thành ái-quốc.

Và sau khi thảo-luận kỹ, Hội quyết - định : *Tạm đình*

**Chú thích.—** Cụ Huỳnh - thúc - Kháng có biệt-hiệu là Minh - Viên nếu còn được gọi là cụ Thạnh-Binh là bởi cụ sinh ở làng Thạnh-Binh do lòng người ta tôn kính Cụ.

(1) Tính từ ngày ra đi cho tới ngày về, cụ Phan vắng mặt ở Giám khoảng 2-tháng. Pháp và Nam-triều lúc ấy chưa hay biết gì về hành động và thái độ của Cụ nên cụ vẫn tiếp tục được sứ-mạng một cách yên-đơn

mọi việc bạo - động để chuẩn-bị bạo - động kỹ - lưỡng hơn, chuyên canh-tân xã-hội, mở mang dân - tri, đề - cao dân - quayền, nghiên-cứu kế-hoạch phục - quốc, xuất-dương cầu-viện Nhật-Bản. Hội trao hẳn cho cụ Phan việc xuất-dương cầu-viện. Hai cụ Nguyễn-Hàm, Nguyễn-Tuyễn lo liệu kinh-phi; cụ Tăng-bạt-Hồ (1) và Đặng-tử-Kính dẫn đường cho cụ Phan và thanh-niên ra ngoại-quốc.

Xét ra các cụ nhằm vào hai điểm chính-yếu là bên trong canh-tân quốc-gia thì *Đay-tân-hội* ra đời, bên ngoài cầu-viện Nhật-Bản để bạo-động chống Pháp thì cụ Phan qua Nhật, đồng thời phát động phong-trào *Đông-du* để gây dựng nhân tài cho đại-sự và cho tương-lai. Để phòng gian, bảo mật cho các tổ-chức cách-mạng đầu tiên này, các cụ không thảo chương-trình kế-hoạch ra giấy tờ, cả chữ «*Hội*» cũng không được tiết-lộ. Ngay sau đó, *Đay-tân-hội* phải bắt tay ngay vào các việc dưới đây :

1) Phát-triển về nhân-sự và tài-chính trong các giới người yêu nước.

2) Nghiên cứu chương-trình bạo-động và các công việc phải làm sau cuộc bạo-động.

3) Xác-dịnh phương-châm cầu viẹn và trù-liệu kế-hoạch xuất-dương.

Hội tiến-triển mỗi ngày một khả-quan. Tiền bạc được nhiều nơi hẹn giúp duy một vấn-de chưa giải - quyết được là nơi mua khi - giới và người đi mua. Người ta bàn luôn đến Nhật lúc này đang đánh nhau với Nga và đang thắng nhiều trận (Nhật-Nga chiến-tranh bùng nổ khoảng đầu năm Giáp-thìn 1904) lại đoán thế nào Nhật cũng thắng Nga hoàn-toàn và nếu dựa vào Nhật, Nhật sẽ nhận lời vì là chỗ đồng-vần, đồng-chủng. Có điều thắc-mắc là không rõ Nhật đã đủ sức giúp ta chưa mà thôi.

<sup>1</sup> Tăng-bạt-Hồ là đảng viên của phong trào Cần-vương ở Quảng-nam. Sau ngày thất bại, chạy sang Lưỡng-Quảng, mang quốc-thư qua Lữ-thuật thông-hiếu với Nga-sứ, nhưng việc bất thành, cụ về Đài-loan nương nhờ Lưu-vịnh-Phúc. Nhật chiếm Đài-loan cụ qua Xiêm rồi về nước ăn nắp tại Hà-nội lúc này.

Cho tới hai năm Mão, Thìn (1903-1904) ta đã thấy *Duy-tân-hội* lập xong những cản-bản đầu tiên cho Cách-mạng và số Văn-thân làm giường mối cho Cách-mạng như cụ Sài-Nam, Tây-Hồ, Mai-Sơn, Ngư-Hải, Sơn-Tầu, Minh-Viên, Tiểu-La v.v... đáng kể là khả-quan về trí-thức và tâm-huyết. Những buổi họp ở Sơn-trang Nam-thịnh, trụ-sở đầu tiên của bọn cụ Phan (tại Quảng-Nam) đã mang lại nhiều kết-quả, mọi người đều tỏ ra hăng-hái hết sức.

Và ngay sau ngày thành lập phạm-vi công-tác đã được phân định như sau : Từ Nam-Ngãi trở vào, Nguyễn-Hàm phụ-trách ; Quảng-bình, Quảng-trị trở ra là địa-hạt của cụ Phan-bội-Châu. Trên đường Quảng-Trị ra Bắc, cụ Phan kết-nạp được một số Linh-mục và giáo-đồ : cụ Tường ở Mộ-vinh, cụ Truyền ở Mỹ-dụ, cụ Thông ở Quỳnh-lưu, cụ Ngọc ở Ba-đồn và một số thầy truyền giáo. Không-khi lương-giáo bấy lâu khó thở do chuyến đi này mà tiêu-tan hết. Và người có công trong việc giới-thiệu các đồng-bào Công-giáo gia-nhập Cách-mạng ở đây là Phó Lãnh-binh Ngô-Quảng. Sau khi phong-trào Càn-vương tan rã, ông Quảng vào Công-giáo để che đậy hình-tích nên đã thi-hành được công-tác này.

Tháng 6 năm ấy cụ Phan ra Bắc chuyến nữa để gặp sĩ-phu Bắc-hà. Cụ đã chú-ý nhiều nhất đến đám thảo-dã anh-hùng vùng Yên-thể vì họ sẽ rất cần cho việc bạo-động của cụ sau này. Lúc đó cụ Hoàng-hoa-Thám đang có uy-danh lừng lẫy trong việc chống Pháp. Tháng 8 năm ấy cụ Phan và hai đồng chí Nguyễn-Cù và Nguyễn-Diễn có mặt ở Phòn-xương hội-kiến với cụ Đề Hoàng và tháng 10 cùng trở về gặp cụ Cường - Đề.

Cũng trong dịp này, vì chưa biện xong kinh-phí, cụ Phan

Chú-thích : Xin lưu-ý bạn đọc điều này : các nhà cách-mạng bấy giờ chưa đề ra một chủ-nghĩa nào cả, chủ-trương của các cụ vẫn là duy trì quân-chủ có khác ở chỗ tuy còn lập vua nhưng thực quyền phải do nhân-dân nắm giữ ; Với tên Duy-tân các cụ lo đổi mới Xã hội Việt-Nam trên mọi địa hạt và thay cả mọi hoạt-dộng (tuy vẫn bạo động đụng độ với Pháp nhưng kế-hoạch là cuộc khởi-nghĩa phải thống-nhất trên toàn quốc, không chống Pháp lẻ-lẽ ở các địa-bàn nhỏ hẹp do một văn-thân cầm đầu như trước ; phải người ra ngoại-quốc học-hành, nghiên cứu rồi trở về nước nhà trù định kế-hoạch bạo động. Tóm lại, trước việc chống Pháp, phải vận-động toàn dân tham-gia bên trong và ngoại vien bên ngoài cùng được xuất phát đồng thời . .

lại ra Bắc hội cùng cụ Mai-sơn và cụ Đốc-Biện Khổng-định-Trạch, các đồng-chí ai nấy đều nức lòng làm hậu-thuẫn.

Tháng 9 và tháng 10, cụ Phan lui gót về các tỉnh Nghệ-Tĩnh-Bình để gặp các đảng-hữu và nhóm họp với các chiến-sĩ Công-giáo ở một giáo-đường nhỏ tại Ba-đồn. Đồng-bào ở đây cũng nhiệt-liệt tán thành vấn đề ngoại-viên và Đông-học. Rồi cụ Phan trở về Kinh và có mặt ở đây cho tới tháng 11, sau đó cụ từ biệt Quốc-tử-Giám về thăm gia-dinh. Thượng tuần tháng chạp cụ lại họp với anh em ở nhà cụ Tiều-La để bàn kế-hoạch xuất-dương. Công việc đảng ở trong nước từ nay trao hết cho hai cụ Tiều-La và Ngư-Hải. Tiền hành-phí anh em lo cho được trên 3.000 đồng, đa-số là của cụ Tiều-La vận-động. Ngày 30 tháng chạp, cụ Tăng-bạt-Hồ đến nhà cụ Phan hẹn với cụ chờ ở nhà cụ Khổng-Đốc-Biện ở Nam-định và sẽ lên đường vào ngày 20 tháng sau (giêng Ất-Ty — 1905). Đúng ngày này cụ Phan, cụ Đặng-Tử-Kính và cụ Tăng-bạt-Hồ giả làm khách buôn người Trung-quốc dùng tàu thủy từ Đà-Nẵng ra Hải-phòng rồi từ đây lại theo thủy đạo đến Bắc-hải sau đi tàu lửa của Tây đến Hương-cảng.

Chiếc tàu ấy tên Ái-Vu và do sự tình-cờ cụ Phan gặp được ông Lý-Tuệ làm đầu bếp ở tàu. Sau này ông Lý-Tuệ thành đồng-chí của Duy-Tân-Hội và đã giúp được nhiều thanh-niên xuất-dương. Thượng tuần tháng hai cụ Sào-Nam ở lại Hương-cảng gần một tuần để thăm thành phố và vài chục cơ-sở báo chí, trong đó có vài cơ-quan ngôn-luận của đảng Bảo-hoàng và Dân-đảng Trung-quốc. Không được việc gì ở đây cụ Phan lèn Thượng-hải vào trung - tuần tháng ba. Cụ tính đi Nhật nhưng lúc này Nhật - Nga chiến - tranh chưa dứt, việc lưu - thông qua Nhật khó khăn phải ở lại chờ tàu mất hơn một tháng.

### CHƯƠNG III

#### VĂN-ĐỀ VIỆN-VIỆT VỚI CHÁNH-GIỚI NHẬT

##### MỘT CHUYỆN ĐI LỊCH - SỬ

Ngày 10 tháng 4-1905, các cụ São-Nam  
Đặng-tử-Kinh và Tăng-bạt-Hồ đã cùng  
nhau đặt chân lên bến Hoành-tân. Nối

tiếp cụ, một số thân-sĩ khác cũng lần lượt ra khỏi nước, đáng chú ý hơn cả là cụ Hoàng-giáp Nguyễn-thượng-Hiền đang làm Đốc-học ở Nam-Định cũng bỏ đi khiến dư-luận sĩ-phu rất sôi-nổi.

Những ngày đầu có mặt trên đất Hoành-tân, người cụ mong gặp nhất là ông Lương-khai-Siêu (1). Họ Lương là học trò Khang-hữu-Vi, lĩnh-tụ đảng Bảo-hoàng, Trung-quốc đang tị-nạn chính-trị ở đây. Thầy trò Lương bấy giờ bị Tây thái-hậu truy-nã rất gắt sau vụ Chính-biến năm Mậu-tuất (1898). Buổi đầu gặp gỡ, vì đồng thanh tương ứng, đồng khi tương cầu, hai người đã có ngay sự thân-mật. Lương bàn với cụ Phan hãy lo việc khai-hóá nhân-dân, rèn luyện nhân-tài để có thực-lực trong nước dã, còn quân-linh và vũ-kí sau này nhờ vào Lưỡng-Quảng (Quảng-đông và Quảng-tây) Nhật-bản chỉ có thể tranh-viện giúp về ngoại-giao mà thôi...

---

(1) Người giới thiệu cụ Phan với Lương-khai-Siêu là Chu-Xuân, một du học-sinh Trung-quốc ở Mỹ về đến Hương-cảng thì gặp cụ Phan trên chuyến tàu đi Thương-hải. Chu cho cụ Phan địa chỉ của Lương ở Hoàn-ni - Tân-là Sơn - hạ Định-Lương quán.

Trong thời-kỳ cụ São-Nam đi lại với Lương-khai-Siêu ở Nhật có lần được coi bản Ý-ĐẠI-LỢI TÂM KIỆT TRUYỀN. Cụ vốn rất sùng bái Mã-chi-Nê là vị anh hùng được nói đến ở trong sách của ông Lương. Cụ thấy Mã có câu « giáo dục dữ bạo động đồng thời tịnh hành » lấy làm thú lầm vì câu này đúng với chủ trương chánh-trị của cụ là vừa giác ngộ dân vừa lo đánh địch. Điều này ngược với chánh-kiến của cụ Tây Hồ như ta đã thấy.

Trong cuộc giao-thiệp lần đầu tiên giữa hai nhà cách mạng một bên là cụ Phan, lĩnh-tụ *Day - tân - Hội* một bên là Lương-khai-Siêu lĩnh-tụ đảng Bảo-hoàng Trung-quốc đã có một giai-thoại như sau :

Trong bức-thư tự giới-thiệu, cụ Sào-nam đã khéo dùng văn-chương để kích-thích tình-cảm của họ Lương bằng hai câu ; *Lạc địa nhất thanh khốc từ dĩ tương-tri, Độc thư thập niên nhẫn loại thành thông - gia* (có nghĩa là : Lợt lòng mẹ đã có mối tương-tri ; đọc sách ông mười năm nêu thông-cảm). Lương bị xúc động vô cùng và tiếp cụ Phan rất nièm-nở. Hai bên bút đậm suốt buổi và muốn cho hết lời ông Lương hẹn hôm sau lại tái-ngộ ; hôm sau Lương-Nhiệm-Công cùng cụ Phan trò-truyện suốt ba tiếng động hò nữa (1).

Ông Lương còn giải-thích thêm : thực-lực trong nước là *Dân trí* và *Dân khí* còn về ngoại vien thì Lưỡng-Quảng chỉ có thể giúp quân và vũ-kí mà thôi, Nhật-bản sẽ ủng-hộ về mặt ngoại giao, nghĩa là thừa nhận nền độc-lập của Việt-Nam trước các cường-quốc một khi cuộc tranh-đấu của Việt-Nam thành-công. Lương còn cho hay việc nhờ quân Nhật can-thiệp có thể có điều bất lợi vì họ đã vào nước thì khó mà rời họ ra, như thế là muốn cứu nước mà làm mất nước thêm lần nữa (2). Cơ-hội độc-lập không lo không có mà chỉ lo không có nhân tài nắm lấy cơ-hội nhất là ngày Đức — Pháp đánh nhau, cơ-hội ấy sẽ vô cùng thuận tiện... Ngoài ra Lương khuyên cụ Phan viết nhiều sách vạch trần tội ác của Pháp cho người trong nước và Quốc-tế rõ, đồng thời thúc đẩy mạnh thanh-niên xuất-dương cầu học.

Mặc dầu Lương không tán thành việc cầu viện Nhật-bản, Phan vẫn nhờ Lương giới-thiệu mình với các chính-khách Nhật vì còn phải thương-thảo nhiều vấn-de khác nữa. Lương hẹn trung-tuần tháng 5 đưa cụ Phan đến gặp các lĩnh - tụ chánh đảng Nhật là Bá-tước Đại-Ôi và Khuyển-duồng nghị. Bá-tước Đại-Ôi là Đảng-trưởng đảng *Tiến-bộ* đã hai phen làm Thủ-tướng và trước đây ông là công-thần duy-tân đang có nhiều thế-lực ở

(1) Nhiệm-Công cũng là tên của Lương-khai-Siêu.

(2) Xem như vậy, Lương-khai-Siêu rất hiểu tâm-lý của những nhân-vật linh-đạo Nhật-bản thuở đó.

Thượng-nghi-viện, còn Khuyên là Tứ-tước, một đồng-chí thân-tín nhất của Đại-Ôi đang làm Tổng-lý cho Tiến-bộ-đảng. Trước đó ông là Văn-bộ đại thần trong triều (Sau cụ Phan còn được gặp cả Đại-tướng Phúc-đảo, Oa-đảo, Tệ-xuyên, Cung-kỵ Di-tàng, Cung-kỵ Thao-Thiên v.v...) Cuộc tiếp đón rất là vui vẻ và thân-mật.

Qua ý-kiến của Bá-tước Đại-Ôi và của Khuyên-dưỡng-Nghi, người Nhật lúc này chỉ có thể lấy danh-nghĩa đảng-phái để viện-trợ Việt-Nam chứ lấy binh-lực mà giúp thì phải nhờ đến Chánh-phủ. Nhật hiện đang chiến-tranh với Nga, còn mắc mưu nhiều việc chưa thể nói tới chuyện này được. Việc viện-trợ quân-sự cần cũng phải chờ đợi, ngoài ra cứ tình-hình thế-giới bây giờ nếu Nhật giúp Việt-nam mà chiến-tranh xảy ra thì vấn-dề không phải chỉ liên-hệ riêng hai nước Nhật-Pháp mà còn có thể bùng nổ Âu-Á chiến-tranh chưa biết phiền phức đến thế nào. Trong trường-hợp ấy Nhật-bản chưa đủ sức ».

Có người hỏi : *Duy-tân-hội* theo chủ-nghĩa quân-chủ hay dân-chủ ? Cụ Phan trả lời *Duy-tân-hội* chủ-trương quân-chủ và đã suy tôn một hoàng-thân làm Hội-chủ. Các chính khách Nhật đồng-ý và cho rằng vị hoàng-thân đó nên có mặt ở Nhật để tiện việc giao-dịch vì thế tháng 6 năm ấy (1905) cụ Phan phải gấp về Việt-Nam mang Kỳ-ngoại-hầu qua Đông-kinh nghĩ rằng sớm muộn Thực-dân cũng biết việc này thì rước Hội-chủ ra ngay khỏi nước là hơn.

Rồi với danh nghĩa Đảng, họ hẹn giúp Cách-mạng Việt-Nam đào-tạo cán-bộ về mọi ngành, nhất là về quân-sự để chờ cơ-hội thuận-tiện trong tương-lai. Họ còn đưa ra ý-kiến Việt-Nam nên đợi cách-mạng Trung-quốc lớn mạnh và thành-công vì có thể Trung-quốc sẽ khai-chiến với Pháp để bảo-đảm an-ninh miền Hoa-Nam (Về phía Tôn-văn cũng ước định nếu bọn ông đánh đổ được nhà Mãn-Thanh sẽ giúp Việt-nam giải-phóng xứ-sở).

Thế là cài chước Thành-bao-Tư khóc giữa Tần-đình rõ-rệt là không được mảy-may kết-quả. Giờ đây chỉ có việc tuyên-truyền trong nước và ngoài nước, thức-lính đồng-bào, cỗ-động Thanh-niên du-học trong khi chờ ngoại-viện (mà ngoại-viện theo quan-niệm của các cụ bây giờ chỉ có miệt ý nghĩa rất hạn-chế

là gây thanh thế cho nội-lực mà thôi. Cụ Phan-bội Châu liền viết *Việt-Nam vong-quốc-sử* và xuất-bản cuốn sách này ở Đông-kinh do sự giúp đỡ của Lương-khai-Siêu. Đây là tác-phẩm lịch-sử đầu tiên nói về cuộc tranh - đấu giữa Việt - Nam và Đế - quốc Pháp. Sách này còn được in trên tờ *Tân-dân nhật - báo*, cơ-quan ngôn - luận của Đảng Lập-hiến Trung-quốc (1).

**KỲ - NGOẠI - HÀU  
CƯỜNG - ĐỀ QUA  
NHẬT** Hạ tuần tháng 6 năm Ất-tị (1905) cụ Tăng bạt-Hồ ở lại Hoành-lân, còn cụ Sào-nam và Đặng-tử-Kinh mang 50 cuốn *Việt - Nam vong-quốc-sử* lén về nước. Mục-đích chuyến hồi-hương này là báo - cáo các hoạt-động của mình ở ngoài nước, nhất là việc đem Kỳ-ngoại-hàu Cường-Đề và thanh-niên ra ngoại-quốc, sau hết là việc vận-động tiền bạc để thi-hành kế-hoạch đào-luyện nhân-tài.

Trung - tuần tháng 7 năm ấy, cụ Phan đã có mặt ở Hương-cảng lại do ông Lý-tuệ bí-mật đưa về Hải-phòng. Từ đây cụ cùng ông Đặng thay y-phục, cạo râu, giả dạng khách buôn xuống Nam-định, đi Ninh-bình sau về Hà-tĩnh để hội với các đồng-chí xa gần. Ít tuần sau *Nông-thương học-hội* được thành lập lác đác ở mọi nơi. Cụ có đưa ra, các giấy tờ có thủ-bút của Lương - khai - Siêu trong có nói đến vấn-đề tổ chức *Hoa-kiều-viên-Việt-hội*. Anh em rất mừng nhưng can cụ Phan đừng vào Kinh gấp Kỳ-ngoại-hàu và cử hai ông Ngư-Hải và Tiêu-La biện-lý việc này. Tiêu-La bàn việc qua Nhật nay chỉ để mua khí-giới và đào tạo nhân-tài nhưng hiện giờ chưa trù kịp tiền vì chưa lo được việc quyên tiền. Về việc xuất dương của Kỳ-ngoại-hàu các cụ bàn phải làm kế Hàu giả vờ định sang Pháp, bề khía các đồng-chí *Duy-tự-hội* cỗ-động các nhà có tâm-huyết bỏ

---

**CHÚ THÍCH :** Sau này họ Phan ra công viết và lần lượt gửi về Việt-Nam những sách báo, truyen-đơn « Đề tinh quốc dân ca, Hải-ngoại huyết thư, Ai cáo Nam-kỳ phụ lão văn, Việt-nam nghĩa liệt-sử, khuyến quốc dân du-học-văn v.v... Các tài liệu này đều có tính - cách tuyên-truyền, lời văn rất bi thiết khiến người hâm-tâm đọc đến đều phải chảy nước mắt. Nhờ vậy mà xu-hướng chống Pháp một thời được lan-tràn khắp giới sỉ-phu, phú-hào, công thương-gia Việt-nam.

tiền giúp. Số tiền có thể thu được năm bảy mươi vạn và sẽ chẳng khó. Khi có giấy phép và được một số tiền khá, Kỳ-ngoại-hầu sẽ lên đường rồi đến Tân-gia-bà, Hầu đồ bộ ở đây rồi đổi tàu đi Nhật. Kế này vừa nêu ra thì đã có người bàn đến sự trở ngại ngay bởi cụ Phan-bội-Châu vừa sang Hoành-tân đã viết cuốn *Việt-nam vong-quốc-sử* do Lương-khai-Siêu ấn-hành có nói đến Hầu trong bài tựa (do Lương viết). Sách này đã được phổ-biến tại Việt-nam, nay Pháp đã biết thì không thi hành được kế-sách này. Như vậy phải tính mưu khác...

Thượng-tuần tháng 8 cụ Phan và ông Đặng trở lại Quảng-đông. Trong khi chờ Kỳ-ngoại-hầu, cụ tìm đến ông Lưu-vĩnh-Phúc biết rằng có cụ Tam-Tuyên Tán-lý Nguyễn-thiện-Thuật đang nương-náu ở đây. Lưu-vĩnh-Phúc cùng cụ Nguyễn-tuy đã gần 70 tuổi, dung-mạo còn quắc-thúrć và lòng vẫn còn hăng-hái khi nói đến truyện đánh Pháp. Cụ Phan có bày-tỏ chương-trình duy-tân và đưa ra cuốn *Việt-nam vong-quốc-sử*. Cụ Nguyễn từ lâu hút thuốc phiện khá nặng, nay được nghe nói đến việc cùu-quốc của *Duy-tân-hội* tức thì đầy gối ngồi dậy đập tan bàn đèn nói : « *Bọn hậu tiến các anh còn được như vậy lũ mình lẽ nào sống thừa với cơm den !* » Từ đó đến lúc chết cụ từ bỏ hẳn nha-phiến. Chuyến này đi Tàu với cụ Phan có ba thanh-niên. Và không chờ được thêm sau gần 1 tháng Lưu-trú bên họ Lưu và Nguyễn, cụ Phan liền trở lại Hoành-tân vào thượng-tuần tháng 9. Cụ lại đến thăm Lương-khai-Siêu và nói chỉ mới đưa được vài bạn trẻ ra ngoại-quốc, tiền bạc ít-ỏi nên không mang được nhiều người. Lương-khuyên cụ cứ kiên trì và tiếp-tục làm bài cỗ-đệng do đó có bài *Khayến quốc-dân du-học-văn* ra đời. Lương lại giúp việc ấn-hành, văn-kiện này chưa kịp gửi về Việt-nam đã có 6 thanh niên Bắc-kỳ qua Nhật. Đó là Lương-Lập-Nham và Lương-nhị-Khanh con cụ cử Lương-văn-Can, Tú-tài Nguyễn-hải-Thần, Nguyễn-Điền và hai người khác (không nhớ tên). Họ đến Hoành-tân thì vừa hết tiền. Trú-quán của Cách-mạng Việt-nam ở Hoành-tân bấy giờ là một căn nhà nhỏ hẹp, tồi tàn chỉ đủ dùng cho ba người, nay thêm 6 người. Tiền thiếu người đóng, tinh-cảnh vô-cùng khốn-quẫn. Ông Tăng phải xin xuống làm

công dưới tàu rồi qua Quảng-đông nhờ cụ Nguyễn-thiện-Thuật kiểm tiền gửi qua Nhật đỡ cụ Phan. Sau đó Ông Tăng cùng Đặng-tử-Kính mang vài ngàn bản *Khuyến quốc-dân du-học-văn* về nước mưu vận động Trung-Bắc-kỳ. Còn cụ Phan chia anh em đi Đông-kinh tìm việc làm để sống tạm qua ngày và đi bắt liên-lạc với học-sinh Vân-nam mong' sau này Cách-mạng Tàu sẽ lo giúp đỡ Cách-mạng Việt-nam.

Ít ngày sau, Khuyên-duoing-Nghị mời cụ Phan đến nhà để giới-thiệu Tôn-dật Tiên, nhà đại thủ-lĩnh Trung-Hoa quốc-dân-đảng mới ở Huê-kỳ về tới Nhật.

Qua cuộc bút đàm vào một buổi tối, Tôn-dật-Tiên tỏ ý muốn Cách-mạng Việt-Nam gia-nhập đảng Cách-mạng Trung-quốc và nếu người Trung-quốc thành-công sẽ giải-phóng hết thảy các nước Á-châu đang bị Tây-phương thống-trị. Đáng chú-ý một điều là họ Tôn không tán-thành chủ-nghĩa quân-chủ của Cách-mạng Việt-nam. Cụ Phan cũng nhận rằng chế-độ Cộng-hòa hoàn-mỹ hơn và đề-nghị Cách-mạng Trung-quốc nên giúp Cách-mạng Việt-nam trước, dùng Việt-nam làm địa bộ để tấn-công Luồng-Quảng rồi tiến lấy Trung-nguyên. Bấy giờ hai bên chưa thỏa-hiệp trước vấn-de này vì thực ra hai bên chưa hiểu nội-tình của nhau, tuy vậy về cảm-tình cá-nhan thì rất là thâm-thiết và sau này Cách-mạng Tàu cũng có giúp ta được khá nhiều việc...

x  
x      x

Mồng 3 tết năm Bính- ngọ (1906) Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề lên đường. Cụ có ý lợi-dụng những ngày đầu Xuân, để tránh sự dòm nom của bọn chó săn, tay sai của Pháp. Cụ vào Quảng-Nam. Tại đây các đảng viên *Duy-tân-hội*, thuê một chiếc thuyền cho Hầu cư-trú tạm trên sông trong khi chờ tàu và cố tình cho Hầu đi thật sớm. Tiêu-La bàn gấp chiêu cố phẫn lập thương-hội để có tiền gửi qua Nật.

Bảy hôm sau có tàu, Hầu và Đặng-tử-Kính với Đặng-thái-Thân cũng giả dạng lái buôn đi Hải-phòng. Hầu ghé Nam-định để gấp Cả Dinh và Cả Huynh, con nuôi cụ Đề-Thám bàn soạn mọi việc. Sau cuộc hội-kiến, Hầu gấp Nguyễn-Điển (ông này

đã đi Hương-cảng với cụ Sào-Nam mấy tháng trước mới về) nói có thể đi đường thủy sang Hương-cảng và giới-thiệu ông Lý-Tuệ là người đã đưa cụ Phan lén qua Hương-cảng kỵ trước. Ông Lý Tuệ làm bồi bếp cho Pháp nhưng ái-quốc chẳng kém ai (1). Lần này ông lại dấu Kỳ-ngoại-hầu vào buồng riêng của ông. Xin nhắc rằng đi tháp-tùng cụ Cường-Đề bấy giờ là cụ Đặng-tử-Kính (chú cụ Đặng-thái-Thân), còn ông Thân chỉ có hộ-tống cụ Cường đến Hải-phòng rồi trở lại.

Trung tuần tháng giêng năm Bính-ngo (1906) cụ Tăng cho tin Kỳ-ngoại-hầu đã xuất-dương và sắp tới Hương-cảng. Cụ Phan liền lên đường qua Hương-cảng để đón. Thượng tuần tháng hai, sau khi đã gặp nhau, cụ Phan và cụ Cường cùng đi Sa-hà (Quảng-Đông) thăm Ô. Lưu-vĩnh-Phúc và cụ Tân-Thuật. Hai cụ ở chơi đây được vài ngày thì cụ Phan-Tây-Hồ cũng tới. Mọi người đều tay bắt mặt mừng. Họ Nguyễn và họ Lưu bấy giờ tuy đã bạc đầu cả nhưng vẫn nhiệt-thành hò hẹn với bọn cụ Cường sắm nhiều khí-giới về đánh Pháp. Cụ Tây-Hồ lúc này cũng đã nổi tiếng là nhà đại Cách-mạng. Cụ Phan đưa cụ coi bài *Khuyến du học*, cụ khen hay nhưng khi xem đến chương-trình *Duy-tân-hội* thì cụ làm thịnh. Rồi suốt 10 ngày ở Quảng-Đông, cụ Tây-Hồ và Sào-Nam bàn nhiều về việc nước. Cụ công - kích - kịch - liệt hiện - triều quân - chủ cho rằng cái tệ quân-chủ chuyên-chế vô cùng tai hại cho nhân dân. Cụ Cường mới tự làm một bức thư cảnh-cáo đem in vài trăm bản và tự ký tên: « *Dân-tặc-hậu Cường-Đề* ». Ấn-phẩm này được ông Lý Tuệ ngầm mang về nước trao cho cụ Đặng-tử-Kính và cụ Tăng chia nhau phô-biển trên toàn-quốc để cỗ-động du học-sinh và mỗ-tập học-phi. Cuối tháng hai năm ấy ba cụ từ biệt họ Lưu, họ Nguyễn xuống tàu đi Đông-kinh. Đầu tháng ba, các cụ lên bến Hoàn-tân.

Ngôi nhà cụ Sào-Nam mướn ở ngay bến (Hoàn-tân) bấy giờ được đặt tên là *Binh-ngo-hiên* để kỷ-niệm-năm cụ Cường-Đề đặt gót lên đất Phù-Tang.

(1) Sau này trong sách *Tự phán* (trang 49) cảm-kịch tấm lòng ái-quốc của hai anh em ông Lý Tuệ, Lý Tư cụ Phan viết: « *Than ôi l áo vóc dai vàng trong nước bao nhiêu món ấy mà nhiệt - thành nghĩa-khí lại ở trong bọn nấu bếp làm bồi, cũng là một việc đáng truyền vây* ».

Ít bữa sau Kỳ - ngoại - hầu lên Đông - kinh yết - kiến các yếu - nhân Nhật. Cụ rất được biệt - xứ. Họ cũng nói với Hầu việc viễn-trợ vẫn là điều phải tùy cơ-hội như khi thảo-luận với cụ Sào-Nam. Thêm vào đó, tuy Nhật thắng Nga nhưng nguyên-lực bị hao - tổn nhiều cũng thành một lý-do để họ tránh các việc khuấy-động thiên-hạ lúc này. Họ nhắc rằng nếu giúp Việt thì phải động đến Pháp, mà động đến Pháp, Liệt-cường Tây-phương sẽ chen vô, lúc này Nhật chưa thể đối-phó với một cuộc Hoàn - cầu đại-chiến. Các vị lingo-tụ của ta bấy giờ mới thấy việc đòi mà chỉ trông nhiều vào người thì ít khi được mẫn ý vì người ngoài chỉ tùy tình thế mà giúp mình thôi.

Một điều thất-vọng nữa đã tới với các nhà cách-mạng lưu-vong là cụ Tây-Hồ trở về nước ít tuần sau đã diễn-thuyết ở nhiều nơi nói rằng, theo sự nhận - xét của cụ, trông vào Nhật là một điều viễn - vông. Những nhà hào - phú và những người đang có nhiệt - tâm sinh ra nản lòng giữa lúc cụ Tiều-La và các đồng-chí tiến hành kế-hoạch lập «Thương-hội»

Trong một giai-đoạn tuy ngắn nhưng vì chỗ chánh-kiến bất đồng của cụ Tây-Hồ mà việc vận động chánh - trị và tài - chính của phe Sào-Nam bị ảnh-hưởng tai hại.

Và giữa lúc này gần như có cuộc đảng tranh giữa phe *Cải - lương* và phe *Bạo - động*. Cụ Tiều - La phải vội cử ông Lưu-Ấm-Sinh qua Nhật xin thư của cụ Cường. Đè về điều-giải với cụ Tây-Hồ. Riêng cụ Phan cũng có lời qua xin cụ Tây-Hồ định - chỉ việc tuyên-truyền «*Tôn dân đồ vua, ỷ Pháp cần tiến bộ*». Cụ đã đưa ra một câu bắt hủ: «*Dân chi bắt tồn, chủ ư hà hữa?*» nghĩa là dân chẳng còn thi làm gì có chủ. Và sợ lòng người Trung-Bắc hoán-tán, trù-khoản sẽ mất, cụ Phan bàn với cụ Cường in gấp bản văn «*Ai cáo Nam-kỳ phụ lão*» vận-động đồng bào Nam-kỳ (vì ở đây lòng người vẫn nhớ cũ yêu vua) và *Phổ cáo Lục-tỉnh văn* gửi về Việt-nam để thúc đẩy phong-trào du học. Năm sau (1907) Đặng-tử-Kính được phụ-trách một trụ-sở ở Hương-cảng để tiếp đón học-sinh từ Việt-nam qua Nhật bằng đường Hương-cảng. Trụ-sở này còn là chỗ liên

lạc thư từ và tiền bạc cùng là nơi tạm-trú cho học sinh trước khi bước chân lên đất Nhật.

Tháng 12 năm 1906, cụ Sào-Nan về nước. Lần Nam-hồi thứ hai này cụ có mục-đích đi quan-sát biên-giói Việt-Hoa để tính đại sự sau này và hội kiến với cụ Đề Hoàng phén nǔa cùng tham-gặp các nhân sĩ thảo-luận thêm các vấn đề cách-mạng. Trên đường về cụ đã được cụ Tiền-Đức, một tướng cờ Đen cũ giới-thiệu đến Chợ Chu gặp Lương-tam-Kỳ. Cụ đã thất vọng về họ Lương vì y chỉ đáng kể là một tên lục-lâm mà thôi, duy cuộc đàm thoại luôn 10 ngày với cụ Hoàng là được như ý trên các điểm Trung-Bắc hợp-tác chống Pháp.

Ngoài việc kể trên, cụ Phan đã thỏa-hiệp xong với nhiều yếu-nhan Trung-Bắc về việc mở rộng thế-lực Đảng và chia công-tác như sau: một phe lo tuyên-truyền quần-chúng, một phe vận-động quân đội vũ-trang khởi-nghĩa...

Bùi-chí - Nhuận từ Nhật được đặc-phái về Nam - kỳ-xúc tiến mạnh việc xuất-dương nhờ vây thanh-niên Lục-tỉnh sang Nhật khá-nhiều, sự kiện này là do một phần lớn kế-hoạch bị đình-đốn từ vụ cụ Tây-Hồ ở Nhật vè.. Để tránh sự phiền-phức với Pháp, theo lời khuyên của Đại-tướng Phúc-đảo, Kỳ-ngoại-hầu cũng vào học trường Chấn-Võ lục-quân (1) (Ushigome) (1906) tại khu Ngưu-nhập. Trước đây đã có ba học-sinh Việt-Nam nhập học trường Chấn-võ là Trần-hữu-Công (tức Nguyễn-thúc-Canh) Lương-Lập-Nham (tức Lương-ngọc-Quyến) và Nguyễn-Diễn, Kỳ-ngoại-hầu học ở đây được một năm rưỡi sau bị bệnh phù-thũng phải nghỉ-học. Hết-bịnh, Hầu vào học trường Đại-học Waseda và lấy tên Tàu là Lý-cánh-Thành.

Số thanh-niên Việt-Nam đi ngoại-quốc mỗi ngày một đông do những cơ-quan bí-mật của Duy-tân-hội dẫn đường như Đồng-lợi-Tế ở Hà-nội, Nam-đồng-Hương, Nam-Trung Khách-

(1) Trường này vốn lập ra cho học sinh Trung-quốc do Đại-tướng Phúc-đảo (Fukudima) trông nom theo kế-hoạch Đại-Đông-Á. Sau này các học sinh của ta vào học trường của Đồng-văn-hội thư-viện tại Mục-bach (Mesjiro) do Công-tước cận-vệ Đốc-ma (Konoye Atsumaro) coi cũng là một trường lập ra cho học sinh Tàu. Xét ra Chánh-phủ Nhật không lập riêng hẵn mọi trường nào cho Việt-nam như đối với Cách-mạng Trung-quốc.

sạn ở Saigon, Hội-Tế-Nam, Minh-Tân công-nghệ-xã ở Mỹ-tho Thương-mại hợp-xã ở Quảng-nam v.v... trong nhóm du học-sinh có người đi đường thủy theo bờ bắc-kỳ đáp tàu. Ông sang Quảng-dông, có người từ Hải-phòng đáp tàu đi Hương-cảng, có người đi đường bộ len rừng chui bụi từ Lạng-sơn qua Long-châu. Đa số thường đội lốt nhà buôn để che mắt bọn mật-thám của Pháp. Lần đầu tiên có 3 học-sinh theo cụ Phan-sang Nhật, dần dần đến năm 1907 số du học-sinh lên tới 100 người (40 người Nam-kỳ và hơn 60 người Trung-Bắc-Kỳ) tháng 6 năm 1908 số này tăng lên gấp đôi (100 người Nam, 60 người Trung và 40 người Bắc). Như vậy Cách-mạng Việt-Nam lần này có cả một số đàn anh trung-niên và vong-niên bên các thanh-niên.

Họ được vào thụ-giáo các trường Chấn-vũ và Đồng-văn hội thư-viện (1), trường Seisoku và trường Sơ-cấp Koiski-Kawa. Sau số học sinh Việt-Nam mỗi ngày một đông không tiện gửi vào các trường công, chánh khách Nhật phải dành một bộ-phận riêng là Đồng-Á Đồng-văn thư viện (1) để dạy cho khỏi có sự phiền-phức về mặt ngoại-giao giữa Chánh-phủ Nhật và Đế-quốc Pháp. Buổi đầu, họ phải học tiếng Nhật, văn Nhật cùng các môn học thông-thường như Toán-Lý-Hóa, Sử-ký, Địa-lý, Luân-lý v.v... nhưng phần căn-bản vẫn là quân-sự và được học-hỏi vào mỗi chiều. Thỉnh thoảng cũng có những buổi sinh-hoạt chính-trị để cùng trao đổi ý-kien về các vấn-de thân-ái và đoàn-kết chống ngoại xâm.

---

(1) Trường Chấn-Vũ là một quân-trường mở cho học-sinh Tầu. Thời-hạn học tập ở đây là 3 năm. Sau khi tốt-nghiệp ở trường này, học-sinh qua học 2 năm trường sĩ-quan. Học-sinh Việt-Nam phải nhập quốc-tịch Trung-quốc mới vào được trường này : Lương-lập-Nham, Trần-hữu-Công, Nguyễn-Điển, Kỳ-ngoại-hầu đã có mặt ở trường này. Sau đó học-sinh Việt-Nam đông thêm, chánh khách Nhật phải tách học tập riêng cho V.N. vì đó đã lập ra Đồng-Á Đồng-văn-hội thư-viện (do Bách Nguyễn-văn-Thái-lang Hạ-nghị sĩ Nhật làm chủ-nhiệm, Đan-Ba làm Giám-Đốc quân-sự. Thập-thi-Dỵ tốt-nghiệp Đại-học văn-khoa làm Giám-học. Đ.Á.Đ.V.H. thư-viện là một trường chuyên dạy học-sinh Việt-Nam do Đồng-Á Đồng-văn-hội mở ra. Người vận động mở trường này là Đại-tướng Phúc-Đảo, một chánh khách Nhật có nhiều cảm tình với Việt-Nam. Sở-dĩ ta phải có một trường riêng vì học sinh ta không chính-thức được vào các trường của Nhật. Điều này rõ sự đe-dặt của chánh phủ Nhật đối với Pháp.

Cụ Cường-Đề và Phan-bội-Châu là Hội-trưởng và Tổng-ly kiêm Giám-đốc trường này. Các cụ còn lập thêm *Cổng-hiến-hội* để đôn-đốc việc học tập của các du học-sinh. *Cổng-hiến-Hội* thành-lập vào tháng 10 - 1907 gồm 4 bộ, mỗi bộ có 3 đại-biểu của Trung-Nam-Bắc :

— Bộ Kỷ-luật chuyên theo dõi học-sinh về mọi mặt để khen thưởng do Hoàng-quang-Thành, Phan-bá-Ngọc và Đàm-Kỳ-Sinh trông coi.

Bộ Kinh-Tài lo việc chi tiêu, thu nạp tiền bạc do Đặng-tử-Kính, Đặng-bỉnh-Thành và Phạm-chấn-Yêm phụ-trách.

— Bộ Giao-tế chuyên liên-lạc với các nhà cầm-quyền Nhật để đem học-sinh đến học do Lâm-quang-Trung, Nguyễn-thái-Bạt, Phan-thế-Mỹ quản-nhiệm.

— Bộ kiểm-tra xem-xét hoạt-động của nhân-viên các Bộ do Lương-nhập-Nham, Trần-hữu-Công và Nguyễn-Diễn (1) chịu trách-nhiệm.

— Bộ Văn-thư giữ các giấy tờ, phát - hành, lưu - trữ các văn-kiện do Hoàng - trọng - Mậu, Đặng - ngô - Lan, Hoàng-Hưng trông coi.

Hội *Công-hiến* mỗi tuần họp một kỳ để kiểm - diểm mọi việc và thâu nhận các sáng-kiến.

Học-sinh ưu-tú ở Nhật-Bản thuở ấy là Đặng-tử-Mẫn (người Nam-định), Cao - trúc - Hải (trước học trường thuộc ở Hà-nội), Hoàng-đình-Tuân (người Hà-nội tên thật là Nguyễn-kế-Chi) Lương lập-Nham tức Lương-ngọc-Quyến (sinh - quán ở Bắc-Kỳ) sau cùng ông Trịnh-văn-Cẩn tức Đội Cẩn tổ-chức việc bạo - động tại Thái-nguyên vào 1917) Lương-nhị-Khanh (em út Lương - Lập - Nham); Đàm-kỳ-Sinh (người Bắc) Lâm - quang - Trung (người Quảng-ngãi, tên thật là Vũ-Quán, Hoàng-trọng-Mậu (tên thật là Nguyễn-đức-Công người Nghệ-an) Trần-hữu-Lực (tên thật là Nguyễn-thúc-Đường) Nguyễn-quỳnh-Lâm (người Hà-tĩnh) Lê-cầu-Tinh (người Nghệ-an) Đinh-doãn-Tế, Phan-tại-Lương (cũng là người Nghệ-an).

---

(1) Sau này Nguyễn-Diễn về đầu thú với Pháp.

**HIỆP ƯỚC PHÁP — NHẬT (9-1908)**

Lúc đầu số du - học - sinh phần lớn là người Trung Bắc-kỳ sau cụ Phan cỗ-động mạnh phong-trào xuất - dương trong Nam - kỳ cho có đủ mặt nhân-tài ba xứ Việt - Nam ngoài ra đồng-bào miền Nam về mặt tiền bạc dồi-dào hơn đồng-bào Đàng-ngoài cũng thêm một lý-do cho cụ Phan lưu tâm đến Nam-kỳ thề theo ý-kiến của cụ Tiêu-La, nghĩa là phải nhờ đồng-bào Nam-kỳ để điều-hòa vấn-de tài-chính cho cuộc Đông-du.

Cụ Phan liền gửi về nước bài «*Kinh cáo toàn quốc phụ lão văn*». Bài này có tiếng vang tại xứ Đồng-nai rồi số học sinh Nam-kỳ sang Nhật mỗi ngày một đông, hết thảy đều là con nhà giàu, nhờ vậy nền tài - chính cũng bớt eo hẹp. Lúc này cụ vẫn đặt cơ-sở của phong-trào tại bến Hoành-tân là một căn nhà bên ngoài có bảng đề ba chữ *Bình-Ngọ-hiên* như ta đã thấy. Các thanh niên đồ bộ lên đất Nhật phải đặt chân lên nơi này, học tiếng Nhật ít tuần trong khi chờ ngày đưa đến trường học.

Vì việc Đông-du xét ra còn tốn-phí nhiều, cụ Phan phải tiếp-tục cỗ-võ người trong nước và ngoài nước lập nhiều cơ-sở kinh-tế, thương-mại để có tiền ứng-hộ đám thanh niên du-học : tại Hương-cảng, cụ tập-hop được khoảng 40 người, phần nhiều là bồi, bếp, lao-công trong có vài bốn ông Ký-lục, Thông-ngôn đã tổ-chức được *Việt-Nam thương-doàn công-hội* gọi cỗ-phần mở việc buôn bán, giáo-đục tinh-thần yêu-nước cho nhau nêu cao ý chí đoàn-kết để giúp học-sinh. Hội-trưởng ở đây là ông phán Phạm-văn-Tâm. Tiếc thay, Hội hoạt-động chưa được một năm thì một Thông-ngôn khác của Pháp tên là Nhung báo cáo với tòa Lãnh-sự Pháp ở Hương-cảng sau đó Toàn-quyền Đông-dương điều-định với các nhà đương - cục Anh ra lệnh giải-tán.

Hơn hai năm trước khi cụ Phan ở Nhật về có hội họp với cụ Ngư-hải (Đặng-thái-Thân) ở Hà-tĩnh được biết các đồng-chí của phong-trào đã lập được một số cơ-sở thương-mại và nông-công-hội vừa để làm tiền, vừa để che đậy các cuộc vận-động cách-mạng, cụ Phan lấy làm vui - vẻ vô-cùng. Đó

là *Triều-dương thương-quán* ở Nghệ-an *Đồng lợi-lễ* ở Hà-nội, *Nam đồng-hương* ở Sài-gòn v.v...

Sau này cụ Phủ-Chiếu (tức Gilbert Trần-chánh-Chiếu) một điền-chủ hữu-danh ở Sài-gòn mở ra *Minh-lân công-nghệ xã* bè ngoài có mục-đich chấn-hưng công-thương-nghiệp nhưng bè trong dùng nơi này làm cơ-quan kinh-tài ủng-hộ phong-trào Đông-du. Nguyên bấy giờ cụ Chiếu có con trai là Trần-văn-Tuyết đang theo học một trường Trung-học Thiên-chúa-giáo tại Hương-cảng được gặp cụ Phan lấy làm mến lâm rồi cậu mời cha qua nhượng-địa này gặp vị linh-tụ của phong-trào. Sau cuộc hội-ngộ giữa cụ Chiếu và cụ Sào-Nam, học-sinh Nam-kỳ sang Nhật nhiều hơn trước và đầu năm 1908, có mấy phụ-lão Nam-kỳ sang Đông-kinh dẫn con em qua học được *Cống-hiến-hội* đón tiếp rất long-trọng.

Hoạt-động mạnh cho Cách-mạng ở Nam-kỳ nói chung bấy giờ, cho việc xuất-dương cầu học nói riêng còn có cụ Đặng-thúc-Liêng và Nguyễn-thần-Hiển. Cụ Liêng đã hợp sức với ông Trần-chánh-Chiếu vì cỗ-võ cho phong-trào Đông-Du mà bị bắt giam 4 tháng tại Mỹ-tho cùng với 40 đồng-chí. Cụ Nguyễn-thần-Hiển (1) có phần tích-cực hơn vì có điều-kiện hơn, đã mở *Khayến-học-hội* bằng tư-lực. Bên cạnh cụ Nguyễn-thần-Hiển còn có các cụ Lý Chánh, cụ Bộ Tòng, Xã-Trinh, Bùi-chí-Nhuận, Hoàng-Hưng Trần-văn-Định, Hoàng-công-Đán v.v.. một số đã từng dự vào việc chống Pháp trước phong-trào Đông-Du sau thất-bại liền gia-nhập P.T.Đ.D và đã góp nhiều công của trong việc cỗ-động thanh-niên ra ngoài nước. Từ cuối năm 1906 cụ Bùi-chí-Nhuận đã mấy phen lặn ngòi noi nước từ Nhật về Nam-kỳ thi-hành công-tác trên đây.

Một việc chẳng may đã đưa Phong-trào Đông-du đến chỗ tiêu-diệt : Sau khi mấy phụ-lão Nam-kỳ về được 3 tháng thì vào đầu tháng 3-1908 cụ Phan nhận được một bức thư, do nhà Bưu-Điện Sài-gòn chuyển đạt cho hay đồng-bào Nam-kỳ muốn gửi 20 vạn đồng giúp phong-trào yêu cầu được liên-lạc với cụ để trao số tiền ấy. Cụ Phan ngại có điều biến nên nhờ đảng Cách-mạng Trung-hoa làm trung-gian vì họ có

(1) Xin coi bài khảo về Nguyễn-thần-Hiển của Nguyễn-văn-Hầu trong Bách-khoa số 124-125 – năm thứ 6, tháng 3-1962.

một ủy-viên tài-chinh ở Sài-gòn tên là Phùng-tự-Do. Hai ủy-viên Nam-kỳ là Hoàng-quang-Thành và Đặng-bỉnh-Thành được cử về nước kiểm Phùng-tự-Do vừa tới bến thì bị bắt. Các cơ-sở Đông-Du sau đó bị vỡ-lở lung-tung, dịch ra công khám xét, bắt bớ các gia-đình có con em du-học và các công-ty, hội buôn đíuh-liu đến Cách-mạng.

Chưa hết ! Thực - dân Pháp nhường một số quyền - lợi thương-mại cho Nhật ở Đông-dương và sau khi ký một hiệp-ước vào tháng 9-1908 về vấn-đề này, Pháp yêu-cầu các nhà cầm-quyền Nhật giải-tán Đông-Á đồng-văn thư-viện và Công-hiển-hội, cùng trục-xuất hết-thảy các du-học-sinh Việt-Nam. Một số ít thanh-niên có quốc-tịch Trung-quốc được ở lại và tinh-nghịen đi làm thuê chờ cơ - hội (1) còn bao nhiêu đều bị Cảnh-sát Nhật bắt tập trung để xuống tàu về nước. Nhiều người đã phải bán quần áo mới có tiền mua vé, tinh-cảnh thật thê-thảm. Tháng hai năm sau, hai vị lĩnh-tụ của phong-trào là cụ Phan và Kỳ-ngoại-hầu cũng phải rời Nhật sang Tàu. Thế là mọi cuộc vận-động trên đất Nhật, mọi tin-tưởng vào người « Anh cả da vàng » đều tan như bọt biển ngoài bến Hoàn - tân vậy. Hồi ấy chánh phủ Mãn - Thanh đang khủng-bố Cách-mạng Trung-quốc nên tháng 10-1910 cụ Phan và cụ Cường cùng một số anh em phải xuất cảnh qua Xiêm làm ruộng, cảnh ngộ vô-cùng đau khổ, lại thêm trong lưng không có một đồng, một chữ. Ở trong nước lúc này, Thực-dân đàn-áp ráo-riết các phong-trào chánh-trị sau những vụ chống thuế ở Trung-kỳ, và vụ Hà-thành đầu-độc. Nhiều lĩnh-tụ của hai phái Đông-du và Duy-tân-hội bị giết và đem đi dày ngoài Côn đảo như Nguyễn-Hàm, Trần-quý-Cáp, Phan-thúc-Duyên, Huỳnh-thúc-Khang, Phan-châu-Trinh v.v... xin nhắc rằng vào tháng 8-1908 Pháp bắt được nhiều tài-liệu quan-trọng của cụ Sào-Nam ở Nhật giao cho Trần-công-Hương mang về nước. Trước các hoạt-

(1) Trong số thanh-niên này có Lý-tử-An người Sa-Đéc ở lại rồi qua Xiêm bị bệnh chết ở đây vào năm 28 tuổi. Hoàng-văn-Ký xuất dương năm 12 tuổi trong dịp này thay họ đổi tên, học tiếng Trung-quốc, tự nhận là người Quảng-dòng qua Bắc-kinh xin vào học trường Lục-quân, nhưng bị bệnh chết năm 1917 tại trường.

động của Cách-mạng Việt-Nam, Pháp đã nắm được Nhật thì phong-trào Đông-du tan rã là điều dĩ-nhiên (1). Ở đây ta nhận thấy một điều vô cùng chua - chát là do cấu-kết được với Đế-quốc Nhật, thực-dân Pháp mới đập tan được Cách-mạng Việt-Nam thuở ấy. Đây là một đòn chí-tử giáng vào những đầu óc thân Nhật và là cả một cảnh-cáo cho những ai làm chánh-trị đặt quá nhiều tin-tưởng vào ngoại-quốc ; Đồng-minh da vàng hay da trắng thì cũng chẳng vượt qua được vấn-de quyền-lợi.

Như vậy việc Khuyến-duoing-Nghị và Đại-ôi giúp đỡ bọn cụ Phan phần lớn là do nghĩa-kì cá-nhan mà thôi. Còn biến-cố không tốt đẹp sau này xảy ra là do chính-phủ Nhật bấy giờ đã dự vào hàng Đế-quốc, họ đang càn sát cánh với Liệt-cường da trắng để cùng chia xẻ mọi quyền-lợi ở Á-châu. Họ đâu muốn vì một dân-tộc bị trị mà mua lấy những điều phiền-phức trong khi họ đang cần củng-cố và bành-trướng thế-lực ra ngoài Quốc-tế. Trong việc xâu xé nước Tàu ta đã chẳng thấy nước Nhật là đồng-minh trực-tiếp hay gián-tiếp của Liệt-cường Tây-phương để phá hoại phong-trào Cách-mạng của Nghĩa-hòa-Đoàn đó sao ? Ngay với Tiêm-La ta cũng thấy họ có thái-độ tương-tự đối với Cách-mạng Việt-Nam. Tóm lại, làm Cách-mạng là phải gây cho mình một thực-lực tại quốc-nội đã, việc ngoại-viện là thứ-yếu.

Nói rộng thêm ra, từ phong-trào Đông-du đến cuộc Thế-chiến thứ hai trước đó ta đã thấy nhiều nhà chánh-trị của ta cũng như của Nhật xướng ra cái thuyết đồng văn đồng chủng hay nêu cao chiêu-bài Đại-Đông-A (Á-đông của người Á-Đông) rồi trên thực-tế ta đã thụ-lĩnh được gì ngoài bài học muốn thành-công, mình phải cứu mình trước ? Liên-minh là điều cần nhưng mình cũng phải có một giá-trị nào thì việc liên-minh mới hữu-hiệu, ý quả vao liên-minh quả là xuẩn-động. Vấn-de quyền-lợi trong các cuộc Liên-minh xét ra bao giờ cũng

(1) Xin coi các hoạt - động của hai phái Đông-du và Duy-tân-hội ở các chương sau có ghi nhiều sự-việc đặc-biệt tỏ rằng các linh-tụ cách-mạng của chúng ta đã tích-cực tranh đấu cho xú-sở.

nặng nhiều hơn vấn-dề tinh-cảm. Đây là một sự thực mà ta đã từng thấy hôm qua cũng như hôm nay trên trường chánh-trị kim-cổ Đông Tây.

### NHỮNG TÁC - PHẨM TUYÊN - TRUYỀN CÁCH - MẠNG

Nếu xét các tác - phẩm tuyên - truyền chánh-trị thì cuốn *Lưu-cầu Huyết-lệ Tân-thư* có thể nói là cuốn sách đầu tiên để cỗ-võ lòng ái-quốc của toàn thể đồng-bào Việt-Nam, và cụ Phan-Sào-Nam cùng cụ Từ-Long Lê-Đại là hai cán-bộ tiền-phong cho việc phô-biến các tư-tưởng cách-mạng phản Phong, phản Đế ở nước ta trong những năm đầu của thế-kỷ XX.

Cụ Sào-Nam viết các sách, báo, văn, thơ, bằng chữ HÁN, cụ Từ-Long dịch ra tiếng Nôm rất sát ý, lời văn lại rất sáng - sủa, dễ nghe. Tí-dụ, cuốn « *Hải-ngoại Huyết-thư* » được chuyển sang quốc-âm « đã được công-nhận là kiệt-tác vì dịch đúng bản Hán-văn mà không ai biết là văn dịch. Lời lẽ hùng-hồn lại uyển-chuyền, lâm-ly và thống-thiết (1) ».

Đoạn đầu của « *Hải-ngoại Huyết-thư* » :

*Lời huyết-lệ gởi về trong nước,  
Kè tháng ngày chưa được bao lâu.  
Nhắc trong phong cảnh năm châu,  
Gió mây bảng-lảng, dạ sầu ngàn-ngơ.  
Hồn cổ-quốc vơ-vơ, vẫn-vẫn.  
Khôn tìm đường dò nhẫn hỏi-han.  
Bảng-khuảng đỉnh núi mây ngàn,  
Khỏi tuôn khí-uất, sóng tràn trập đau.  
Tưởng nông-nỗi đồng bào thêm ngán,  
Nghĩ thân mình dám quản một hai.  
Tiện đây cật dạ mấy lời,*

(1) Đây là lời phè-bình của cụ Ngô-Bằng-Giực.

*Lại xin tỏ dãi cùng người quốc nhân,  
Mong người nước dần dần tinh ngô,  
Đem lời này khuyên-nhủ cùng nhau.  
Nước ta mất bời vì đâu?  
Hãy xin bày tỏ như sau mấy điều:  
  
Một là vua chẳng yêu vì nước,  
Hai là quan chẳng thiết chí dân,  
Ba là dân chỉ biết dân,  
Mặc quân với quốc, mặc thắn với ai...*

Và những lời kích-thích rất mạnh như tiếng gào - thét trước ba quân khiến ai nghe cũng muốn vùng dậy phanh thây, xé xác quân thù :

*... Gió tanh xông mũi khó thở,  
Kiếm sao cắp nách mà ngờ che dành?  
Hòn máu uất chất quanh đầy ruột,  
Anh em ơi, xin tuột gươm ra!  
Có trời, có đất, có ta,  
Đồng-tâm như thế mới là đồng-tâm. .*

Bức thư này gồm ba phần :

- Tác-giả trình bày chính-sách của Pháp nhằm diệt hết giống giống Việt-Nam ta.
- Tác-giả tha-thiết kêu gọi đồng-bào, đề-cao cảnh-giác trước manh-tâm nguy-hiểm của địch.
- Tác-giả khẩn-cầu sự đoàn-kết của mọi giới đồng-bào Việt-nam bất kể già trẻ, gái trai, tôn - giáo khác nhau hãy quyết một lòng, muôn người như một, thắt chặt giải đồng tâm, lo phá ách nô-lệ. Đáng chú ý trong phần này, cụ São-Nam nhấn mạnh rằng chỉ có quân xâm-lược mới là kẻ địch duy-nhất, còn chúng ta dù ở giai-cấp nào, dù có kẻ

thờ Trời, người thờ Chúa cũng là thờ các đấng chí-tôn bác - ái dạy mọi người chúng ta cùng làm điều thiện hết. Chúng ta cùng chung một nguyện-vọng, một chí-hướng ngày nay là đuổi giặc Pháp ra khỏi đất nước.

Cụ còn nhắc-nhở lương-tâm của những người làm việc cho Pháp, chớ ngại Đế-quốc là cây cồ-thụ tuy sấm nô gió lay không chuyền nhưng vẫn có thể bị côn-trùng âm-thầm đục thân khoét cõi mà đỗ,

Cụ lại phát-biểu ý-kiến sau đây : Nước ta dầu nhỏ bé nhưng có thể liên-kết với các nước mạnh trên Thế-giới. Ta sẽ không chiến-đấu đơn-độc và ta có các bạn đồng-minh giúp đỡ, do đó ta có nhiều hy-vọng thành-công. Như vậy :

« Thề thượng vô nan sự,

« Đò tại tâm bất chuyên ! »

Cuối cùng cụ khuyên đồng-bào đừng ham cái học từ chương khoa-cử là những chương-ngại-vật cho sự tiến-hóa của dân-tộc và những ai đang hưởng-thụ « phẩn vua lộc nước » nên nghĩ rằng quyền-lợi và tương-lai của dân-tộc còn đáng quý hơn nhiều.

2) *Việt-nam vong quốc-sứ*.— xuất-bản năm 1905 tại Thượng hải tả nỗi cực-khổ, lâm-than của dân ta từ ngày Pháp làm chủ nước Việt-nam. Nội-dung sách này giống nội-dung sách « *Nước Ba Lan bị qua phản* », « *Thô-nhĩ-Kỳ suy dốn* », « *Ai-Cập phá sản* », « *Miến Điện dưới ách nô-lệ* » là những sách dùng vào việc cảnh tỉnh dân Tàu do các ông ông Khang, Lương phồ biến 3) *Khuyến quốc - dân du học*, 4) Hai bản hiệu-tribu của Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề, một kêu gọi thanh-niên Việt-Nam xuất-dương cầu học trong khi chờ cơ-hội phục-quốc, nhắc rằng mấy lần ta bị Bắc-thuộc mà nhờ có tinh-thần quật - cường, ông cha ta vẫn giải-quyet được cái nhục ngàn năm làm tôi phượng Bắc, một công-kích thái-độ lãnh-đạm của bà con hoàng - tộc và phè - bình gay-gắt hành-động vô kỷ-luat của phe cụ Phan Tây-Hồ năm 1904 nhân cuộc thi Hội ở Huế, sĩ-tử Trung-Bắc tề-tựu đủ mặt, đã công - khai chỉ-trích vua

và triều-định là « *Dân-tặc* »... 5.) *Tân Việt-Nam* nêu ra 10 điều rất thú và 6 điều rất mong túc là hy - vọng một nước Việt-Nam có nhiều triển - vọng tốt đẹp và tiến - hóa như thiền-hạ về tương - lai 6.) *Tiểu-sử Trần-chi-Sa* : tác - giả là Đặng-lử-Nam và Phan-bà-Ngọc thuật truyện một thanh niên Việt-Nam tên là Trần-Đông-Phong, sau nhiều năm bị lưu - đày, lén xuất - dương sang Nhật du học được tin Pháp khủng - bố cha già và nhiều bạn đồng-chí ở quốc - nội đã tự mổ bụng để phản - đối hành - động dã-man của địch tại một ngôi chùa ở Đồng - Kinh., sau khi đê ít lời di - chúc.

7.) *Lão - Bang khuyễn thơ* (tác - giả là Mai-lão-Bang một vị Linh - Mục Công - giáo) 8.) *Kỷ-niệm các chiến - sĩ Việt - Nam vì quốc vong thân* 9.) *Việt-Nam tổng-sứ*. 10.) *Súng báu gai-nhân* (Ba cuốn sách trên đây do cụ São - Nam viết, riêng cuốn dưới cũ kẽ truyện Hoa-thịnh-Đốn. Đại-cương sách này khuyên đồng-bào bắt chước ông nguyễn Tông-Thống Hoa-Kỳ di lính cho địch đê có đủ phương-tiện và hoàn-cảnh phản địch (ông Hoa-thịnh-Đốn đã một lần phục-vụ trong quân đội Hoàng-gia Anh) và còn chỉ-bảo di lính đê học bay mọi phương-pháp chiến đấu của địch, di lính đê giác-ngộ anh em đừng cam mù - quáng làm tay sai cho địch, trai-lại phải lợi-dụng co-hội đê cứu nước, phải gày tin-nhiệm với địch đê che dày ám-mưu phục quốc 11.) *Lời kêu gọi người Nam-Viet* (Tác-giá là cụ Cường-Đề viết bằng Hán-van, dịch ra tiếng Nôm do cụ Tú Đại-Tử là Nguyễn-hai-Thân. Trong sách này cụ Cường tuyên - bố : « Sự cai trị của Pháp ở Nam - Việt chỉ có tính - cách nhất thời, quân đội Nhật sẽ giúp Ngài thu-phục lại giang - san...» 12 *Tạp - chí A-Tè-A* : kêu gọi đồng bao tích-cực tham-gia chiến - đấu, đê-cao Nhật-Bản đê đưa ra một viễn-ánh Á-châu độc-lập khắp nơi và người Á-châu sẽ phả bỏ được xiềng-xích của bọn da trắng. (Không rõ tên các vị đã chủ-trương tờ Tạp-chí này nhưng rất có thể vẫn do cụ São - Nam và các đồng-chí hải-ngoại biên - soạn. Ngoài các sách kẽ trên còn một số tuyên-ngôn và hịch-văn cũng đã có ghi chép ở chương này từ khi hai cụ São-Nam và Cường-Đề rời nước).

Đứng trước chung-cuộc bi-thảm của Phong-trào Đông-Du, chúng ta có nên nhắc lại mấy điều khuyết điểm của Phong-trào chăng ? Chúng ta đã quá tin tưởng vào chánh - giới Nhật nên khi bị họ bỏ rơi, ta trở tay không kịp. Ta phải giải-tán hết các du-học-sinh một phần lớn vì lý-do chánh trị và pháp-lý. Thực vậy, một vài học sinh có quốc-tịch Trung - hoa và tự - lực cánh - sinh đã được ở lại Nhật - Bản còn lại bao nhiêu đều phải trở về xứ-sở để chịu rủi roa của quân thù. Nếu ta biết phòng xa, nghĩa là quốc-tịch hóa họ theo Trung-quốc hay Nhật-Bản, có lẽ đã tránh né nổi được cuộc đàn-áp của Thực-dân và Đế-quốc. Các cụ São-Nam, Cường - Đề đã không sớm nghĩ đến vấn-đề này, nhất là trong những cuộc xúc-tiếp với các chánh-khách Nhật, Tàu, các cụ đã thấy rõ thái-độ chánh-trị của họ đối với Liệt-Cường nói chung, với Pháp thực dân nói riêng. Ngoài ra nguyên-nhân tài-chánh cũng đã ảnh - hưởng lớn đến phong-trào Đông-Du. Các cụ đã vô cùng khốn đốn về việc nuôi ăn học bọn đàn em vì tiền bạc trong nước gửi ra rất hiếm-hoi, thất thường và khi thực - dân chặn được đường tiếp-tế, phong - trào đã đủ mười phần chết chín Ví chiến - sĩ cách - mạng của chúng ta có những nghề chuyên môn, đặt được một số cơ - sở kinh-tế, thương mại ngay trên đất người thì đâu đến nỗi. Tóm lại, tổ chức Đông-Du đã thiếu nhiều ý-qiệm thực-tế ngay trên nguyên tắc đã đáng thất bại rồi, còn kè chi các tai-biến không kém phần ác-liệt tự bên ngoài rồng rập tới.

---

## CHƯƠNG IV

### MỘT CUỘC VẬN-ĐỘNG CÁCH-MẠNG VĂN-HÓA ĐẦU THẾ-KỶ XX Ở VIỆT-NAM

**ĐÔNG - KINH NGHĨA - THỰC** Trong khi cuộc Đông-Độ đang phát triển mạnh thì các đồng-chí của cụ São-Nam ở quốc-nội (Bắc-Kỳ) theo kế hoạch chung đã định mở ra *Đông-kinh Nghĩa-thực*.

*Đông-kinh Nghĩa-thực* là một trường học hợp-pháp dạy không lấy tiền, lập ra theo *Khánh - Ứng nghĩa-thực* của Nhật do Phúc-Trạch làm chủ. Trường này được cấu-tạo do một chủ-trương Cách-mạng văn-hóa theo hai điểm chính của *Duy-lân-hội* là xuất-dương cầu học và cầu-viện đối với bên ngoài, mở-mang dân-trí, bài trừ hủ-tục, đả - đảo cái học cùnghip đối với bên trong. Đây là cả một ý-thức hệ-mới từ Trung-quốc lan tràn vào Việt-Nam làm cho sĩ-phu của ta như tỉnh một giấc mơ. Đây là những tư-tưởng của giai-cấp tư sản Âu-Mỹ truyền sang Á-Châu mà ba chục năm trước, mặc dầu Nguyễn-trường-Tộ, Phạm-phú-Thú, Phan-thanh-Giản đã ra công đề-xướng, vẫn bị lạc-lõng dưới triều Tự-Đức. Do các dịch-phẩm của đám sĩ-phu cấp-tiến Trung-quốc, đứng đầu là Khang-hữu-Vi và Lương-khai-Siêu, những quan-niệm *Hoa* và *di*, *chính* *đạo* và *tà* *thuyết* của Khổng-giáo và Tống-nho đã bị đánh bạt, chủ-nghĩa « *duy ngã độc tôn* » *Hán - Đường* *ngô* *Đế-quốc* cũng hết đứng vững. Tóm lại những gì là giá-trị tinh-thần cố-hữu đã tỏ ra lỗi thời và thoái-hóa trước cái ưu-thể tuyệt đối của văn-hóa và Khoa-học Tây-phương.

Văn-minh Đông-phương tự nó đang suy tàn, mòn-mỏi thì

ngọn trào thực-dân, đế-quốc của người da trắng ào qua Thái-binh-dương càng làm cho đám phong-kiến Á-Đông đang phân-hóa lại phân-hóa mạnh thêm và tố-cáo một cách hùng-biện sự bất-lực của nó trong việc gây dựng hạnh-phúc nhân-dân, bảo-vệ những quyền lợi thiêng-liêng của con người; Quả vậy, đã không thúc đẩy được sự tiến-hóa của nhân-dân, giai-cấp thống-trị là đám vua quan thường chỉ biết mưu cầu phú quý riêng và sống trên xương máu hay mồ hôi nước mắt của đại chúng, còn coi họ như rác nứa.

Trước hiện-tình một nước Việt-Nam vong-quốc, vua quan đầu hàng kẻ thù, Sĩ-phu Việt-Nam bấy giờ nhận thấy muốn giành độc-lập trong tay Đế-quốc, phải đả-phá phong-kiến, nhất là lúc này phong-kiến Việt-Nam đã trở nên tay sai trung-thành của kẻ địch. Cụ Phan-bội-Châu từ buỗi gặp nhà đại lĩnh-tụ Cách-mạng Trung-quốc (Tôn-trung-Sơn) đã hơn bao giờ hết chịu rằng chế-độ Cộng - hòa mới hợp lý và có thể gây được một lực-lượng đủ hiệu-năng cứu-quốc trên hai diêm khôi-phục quốc quyền, và thực-hiện dân-quyền.

Do tư-tưởng này, *Đông-kinh nghĩa-thục* ra đời, mở màn cho cuộc đấu - tranh văn-hóa và xã-hội để một ngày kia đi tới việc giải - phóng đất nước. Đây là một hình - thức, một phương-tiện đấu - tranh mới nhất được đem ra áp-dụng trong chương-trình chống Pháp thuở đó.

*Đông-kinh nghĩa-thục* khai giảng tại phố Hàng Đào (Hà-nội) tháng 3-1907.

Các sáng-lập-viên của trường là các cụ Lương-văn-Can Vũ-Hoành, Nguyễn-Quyền, Đào - nguyên - Phồ, Dương - bá-Trạc, Phan-tuấn-Phong, Đặng-kinh-Luân, Phan-huy-Thịnh, Nguyễn-hữu-Cầu, Hoàng-tăng-Bí v.v... Cụ Lương làm hiệu-trưởng (cụ đỗ Cử-nhan) cụ Nguyễn-Quyền tức Huấn Quyền làm Giám-học.

Trường chia làm 4 ban : A) Ban giáo-dục. B) Ban Tài Chánh C) Ban cõi động. D) Ban Trước-tác. Trong trường có Ký-túc-xá cho vài chục học-sinh ở các nơi xa gửi đến và gồm 8 lớp, có lớp học ban ngày, có lớp học ban đêm cho đủ học-sinh lớn nhỏ gái trai. Học-sinh bấy giờ có tới trên 1000 người. Việc tổ-chức có thể nói là rất qui-mô, trật-tự.

Về hình-thức, trường này không còn gì của một trường dạy chữ Hán trước đây; chương-trình dĩ-nhiên cũng khác cũ. Nó ly-khai với cái học từ-chương, cử-nghiệp, tiến sâu vào tân học (theo Tây-phương) gồm các môn địa-lý, cách-trí, vệ-sinh, toán-pháp gần giống chương - trình của Pháp đang cho thi hành ở các trường do Pháp dựng ra bấy giờ.

Các sách mang ra giảng dạy có tính-cách phô-thông như Quốc - dân - độc - bản, Nam - quốc - vĩ - nhâん, Việt - Nam - quốc - sử lược, Nam - quốc - địa - dư, Văn - minh - tân - học - sách v.v .. vừa viết bằng chữ Hán, vừa viết bằng quốc-ngữ, trích-dịch trong sách báo Trung - quốc in bằng bản gỗ hay kẽm Ngoài ra, nhà trường còn gửi mua nhiều tác-phẩm của phái Cải-lương Trung-quốc. Trước công trường có đặt một hòm thư để ban Quản-trị thâu nhận các lời phê-bình, đề-nghị về công việc của nhà trường trên mọi phương-diện.

Bên cạnh những sách có vẻ hiền lành của Nha Học-chính, một số tài-liệu có mục-đich tuyên-truyền cách-mạng được bí-mật phô-biển, đôi khi gần như công-khai là bộ Việt-sử ca tụng cuộc khởi nghĩa của Văn-thân, bài *Thiết tiền ca*, bài kêu gọi binh sĩ Việt-Nam trong hàng ngũ Pháp, sách báo của cụ Sào-Nam từ Nhật và Tàu chuyền về (tân-thư, tân-văn, tân-báo nặng về việc cải-cách học-thuật, bài trừ hủ-tục và có tính cách chống Đế-quốc).

Nhà trường còn mở nhiều cuộc diễn-thuyết tại nhiều tỉnh ở Bắc-kỳ. Diễn-giả thường phải lưu - động tĩnh này qua tĩnh khác rất được hoan-nghênh.

Cuộc diễn - thuyết được tổ - chức thường - xuyên vào những ngày 15 hay mồng 1 Âm-lịch hàng tháng. Các diễn-giả có tiếng bấy giờ là các cụ Trần-tán-Bình, Hoàng-tăng-Bí Dương-bá-Trạc và Phan-chu-Trinh. Trong buổi nói chuyện trước hết diễn-giả đọc các bài đăng trong hai tờ *Đảng cờ tung* báo và *Đại-Việt tân báo* là cơ-quan ngôn-luận của Đông-kinh nghĩa-thục. Báo gồm một phần Quốc-ngữ, một phần chữ Nho, một phần chữ Nôm. Các thính-giả tới nghe rất

đông. Nơi diễn-thuyết đầu tiên là làng Phương-canhs (Phủ Hoài-Đức) rồi đến các xã Tây-tựu, Hạ-hồi, Thượng-cát Yên-lộ, Tây-mỗ (thuộc phủ Hoài-đức) Phúc-diễn (như Ứng-hòa) Đan-hội (huyện Đan-phượng), Nhị-Khê (phủ Thường-Tín) v.v.. Ánh - hướng của *Đồng-kinh Nghĩa-thục* nhờ việc dạy học và diễn thuyết bắt đầu đi sâu rộng ở nhiều tỉnh Trung-châu Bắc-kỳ và đã gây được nhiều ý-thức tiến-bộ trong các tầng lớp dân - chúng từ thành - thị đến thôn quê. Nhiều nhân-sỹ thấy tinh-thần *Đồng-kinh Nghĩa-thục* tốt đẹp đã tự động xin lập chi-nhánh ở hương - thôn rập theo kiều *Đồng-kinh Nghĩa-thục* như Mai-lâm nghĩa-thục (Hoàng-Mai) Ngọc-Xuyên nghĩa-thục (Hàm-Long). Buổi đầu, Pháp thấy việc làm của *Đồng-kinh Nghĩa-thục* có xu-hướng cải-lương nên chưa e-ngại lắm, nhưng chúng đã đặt một số do-thám ở trong để xét-nét. Sau Pháp thấy *Đồng-kinh Nghĩa-thục* đã thành một phong-trào ái-quốc và Cách-mạng, bắt đầu có ảnh-hưởng mạnh, ngoài ra chúng lại gặp nhiều vụ bực minh như vụ *Hà-thành đầu độc* của binh-sỹ Việt-Nam tuy thất bại, nhiều vụ xin xâu chống thuế nô ra ở Trung-kỳ, chúng liền mở cuộc đàn-áp rất gắt-gao. Trước nhất, chúng giải tán *Đồng-kinh Nghĩa-thục* và các hội buôn, đóng cửa *Đảng cờ tùng báo*, cấm diễn-thuyết và bắt các giáo-viên cùng ban tổ-chức đem đi tù đầy... v.v... Các tài-liệu của *Đồng-kinh Nghĩa-thục* cũng bị cấm lưu-hành và tàng-trữ. Tính ra *Đồng-kinh Nghĩa-thục* sống được 9 tháng (từ tháng 3 đến tháng 12 - 1907), đầu sao kết-quả mà *Đồng-kinh Nghĩa-thục* thâu được cũng đáng kề vì một thời nó cũng thức-tỉnh được Quốc-dân trên nhiều phương-diện và gây được ý-thức căm hờn quân thống-trị cùng góp phần gieo mầm mống cho Cách-mạng Việt-Nam sau này.

Nếu ta xét việc của các người lập ra *Đồng-kinh Nghĩa-thục*, các tài-liệu đã đem ra dùng trong việc giảng dạy cùng tuyên-truyền, ta thấy có nhiều khuynh-hướng khác nhau trong giới sĩ-phu lĩnh-đạo: nhiều vị chủ-trương cải-lương, nhiều vị chủ-trương bạo-động, hiện-tượng này nảy nở ra từ khi phong-trào Cần-vương cáo-chung vào những năm chót của thế-kỷ

XIX. Phe cải - lương cho rằng điều - kiện tiên - yếu để khôi-phục độc - lập là phát - triển kinh - tế và văn - hoa (1) tức là có làm cho dân giàu, nước mạnh mới hy-vọng đuổi Pháp ra ngoài bờ cõi được ; phe bảo-động cỗ-võ tái-lập bè đảng, cầu ngoại - viện, diệt Pháp, bài Phong bằng gươm đao, máu lửa. Những ý-tưởng khác nhau, chống nhau đã tung ra cùng một lúc đều được phô-bày trên những tài-liệu in ra hay chép tay hoặc truyền khẩu. Song-hành với các bài khuyên dân làm ruộng, trồng đậu, để rắng trắng, cắt tóc ngắn, dùng nội-hóa, học quốc-ngữ, có những bài chống Pháp kịch-liệt như vài bộ Sử công-nhiên ca-tụng các cuộc khởi-nghĩa của Văn-thân, bài *Thiết tiền ca*, bài kêu gọi các nhà tu hành, các tầng lớp xã-hội Việt-nam đồng-tâm hiệp-lực diệt-thù cứu nước, bài kêu gọi binh-sĩ và bồi bếp của ta bên cạnh thực-dân Pháp. Người ta đã khéo dùng các thể thơ bình - dân, như ca-dao, thơ 6/8, thơ song-thát, lục-bát và các bài ru em để dễ học, dễ nhớ, và đi sâu vào Đại-chúng. Những bài ca ái-quốc, những thi văn *Đông-kinh nghĩa-thục*, những buổi diễn-thuyết đã có những ảnh-hưởng lớn-lao là khích-động và phát-triển lòng ái-quốc rất mãnh-liệt nên mặc-dầu cụ Phan-chu-Trinh hô-hào «chớ bảo động, bảo động là chết» (2) nhiều dân xã vẫn bí-mật học tập quân - sự và cuối năm 1907, *Đông-kinh nghĩa-thục* bị giải-tán, địch đã khám phá được một số súng kiều Lebel và cũng trong dịp này đã xảy ra nhiều âm-mưu bảo-động của lính khổ xanh Nam-định, Bắc-ninh và khổ đỏ Hanoi. Trước các sự - việc này, nguy-quyền thực - dân đã khẳng-định trong phiên họp Hội-đồng quân-sự rằng Đông-kinh nghĩa-thục là một lò phiến-loạn ở Bắc-kỳ.

Tóm lại, *Đông-kinh nghĩa-thục* đã nêu ra những gì tiến-bộ ? Trong khi thực-dân duy-trì cử-nghiệp cũng như củng-cố chế độ phong-kien thì *Đông-kinh nghĩa-thục* chống từ chương, bắt cỗ. Trong khi Thực-dân thi-hành chánh-sách ngu-dân, giam cầm kiến-thức của dàn-chứng, *Đông-kinh nghĩa-thục* mở

(1) Bài Thiết tiền ca do Nguyễn-Phan-Lêng soạn.

(2) Bắt bảo-động, bảo-động tất tử là lời cũ Tây-Hồ.

rộng sự giảng dạy về dia-lý, lịch-sử chánh-trị để động-viên lòng yêu nước và mở ra một chân-trời mới về học-thuật. Cùng một lúc với việc đă-phá từ-chương khoa-cử, các sách Tú-thư, Ngũ-kinh, sĩ-phu Đông-kinh nghĩa-thục đã giới-thiệu những tư-tưởng mới của các sách Dân-ước-luận (*Contrat social* của J.J. Rousseau) Vạn-pháp tinh-lý (*De l'esprit des lois* của Montesquieu) Tiến-hóa-luận (Evolutionnisme của H. Spencer)v.v. là những tư-tưởng cách-mạng đã từng làm rung-động nền tảng các chế-độ chánh-trị của Âu-châu thuở ấy. (Các sách này đã được các ông Khang-hữu-Vi, Lương-khai-Siêu phiên-dịch do mục-đich tuyên-truyền lật đỗ Đế-chế Mẫn-thanh).

Các bài «Điều hủ nho» và «Tết sống hủ nho» đã là những nhát búa tạ đập vào đầu óc những người thủ cựu cùng ham danh-lợi và để khích-động bọn người «bút thủy cài tai, nón sơn úp ngực» các cụ Phan-Tây-Hồ, Nguyễn-thượng-Hiền, Trần-quý-Cáp, Phan-sào-Nam đã cương-quyết xé tan mảnh băng Giải-nghuyên, Tiến-sĩ của triều-định.

*Đông-kinh nghĩa-thục* ngay khi vừa ra đời đã hăng-hái cồn-động luôn cho chữ quốc-ngữ cũng là một việc cách-mạng vì bấy-giờ nhiều người còn bảo-thủ chữ ta (tức chữ Hán) và công-kinh lối chữ ngoằn ngoèo như con run chẳng khác trước đây họ đã bài-xích chữ Nôm (*Nôm-na là cha mách qué*). Công-cuộc khuyến-khích học chữ quốc ngữ từ các thị-tứ đến thôn quê chẳng bao lâu thành một phong-trào rộng-rãi. Rồi ban truóc-thuật đã dịch luôn các sách ngoại-quốc ra thứ chữ này và nhập-tịch cả một số danh-từ mới (như chữ kinh-tế, cách-mệnh, tiến-hoa v.v...) lúc ấy chẳng những xa lạ với những người bình dân mà cả với những người biết chữ Hán, các danh-từ này sau được Việt-hóa, âu cũng là một sáng-kiến và thành-công của *Đông-kinh nghĩa-thục*.

Bàn cho phải, ta vẫn chưa thè coi các hoạt-động của *Đông-kinh nghĩa-thục* đã là một cuộc cách-mạng văn-hóa hay xã-hội mở đường cho một cuộc cách-mạng tư-sản như ở Tây-Âu, nó cũng chưa là một cuộc vận-động biến-pháp như ở Trung

quốc, nhưng nó rõ-rệt là một cuộc giao-tranh giữa hai phái nhà nho, một đại-diện cho giai-cấp phong-kiến đang suy tàn, một đại-diện cho tầng lớp sĩ-phu tiến-bộ đang vươn lên. Nó mới chỉ là một phong-trào đầu tiên vận-động các cải-cách xã-hội, học-thuật ở nước ta vì nó chưa đưa ra một lý-thuyết nào có tính-cách căn-bản diệt-trù phong-kiến và đế-quốc đến cỗi dẽ (qua vậy, Đ.K.N.T. chưa đề-xướng một chế-độ chính-trị mới, một chủ-nghĩa dân chủ tuy phản phong phản - đế), trái lại nó vẫn còn quanh-quẩn với chế - độ cũ. Nó trực-tiếp vận-động phát-triển công-thương hội làm điều-kiện tiên-yếu cho cái đà phát-triển chánh-trị cũng như nó chủ-trương độc-lập phải đi đôi với việc duy - tân công-thương nghiệp, mở-mang chánh-trị, học-tập buôn bán là yêu nước.

Tóm lại *Đông-kinh nghĩa-thục* với mọi hoạt-động của nó đã đánh dấu một chuyền hướng quan-trọng trong đời sống của chúng ta thuở đó. Bè ngoài tuy ôn hòa, nhưng nó chứa ngầm bên trong những phản-ứng mãnh-liệt có thể bộc-phát nguy-hiểm nếu thực-dân và phong-kiến không kịp thời kìm hãm, bóp nghẹt. Còn nếu so-sánh với phong-trào *Đông-du* thì nó cao hơn vì *Đông-Du* chỉ lo việc xuất-dương cho thanh-niên, không chống báng, đấu tranh thẳng với Thực-dân. Tuy vậy cả hai đều do sĩ-phu yêu nước và tiến-bộ lĩnh-đạo, cùng dựa trên một cơ-sở là lòng yêu nước của nhân dân, tương-ứng với nhau trên hành - động, và cùng ảnh - hưởng rất nhiều vào quần-chúng, vì thế phong-trào kháng thuế, cự xâu ở Trung-kỳ, vụ Hà-Thành đầu độc ở Hà-nội mới bùng ra sau này đem lại sự giết tróc, tù đầy cho các cụ Dương-bá-Trạc, Lê-Đại, Lương-văn-Can, Phan-chu-Trinh, Nguyễn-Hàm, Trần-quý-Cáp v.v...

### THI CA CỦA ĐÔNG-KINH NGHĨA - THỤC VÀ PHONG TRÀO DUY-TÂN

và *Đông-kinh nghĩa-thục*

Ngoài những sách báo cổ-động cách mạng phần lớn do cụ Phan viết ở ngoài gửi về, chúng tôi xin dẫn ra đây một số thi-ca của *Phong-trào duy-tân*, đã được ào-ạt phổ - biến suốt từ khi

hai phong-trào này bùng-nổ cho tới khi cáo-chung. Các bài thi ca dưới đây tuy nêu ra những tư-tưởng tiến-bộ và đả-phá những tư-tưởng lạc-hậu nhưng vẫn chưa thể coi là một cuộc tranh-dấu giữa hai hệ-thống tư-tưởng của hai giai-cấp tư-sản và phong-kiến như một số người đã nghĩ. Thật ra nó mới chỉ là những luồng tư-tưởng tư-sản còn phôi-thai chống lại những nền-nếp phong-kiến lạc-hậu đang kim-hãm dân-tộc trong một giai-doạn lịch-sử vô-cùng nghiêm-trọng.

Những chướng-ngại-vật trên con đường tiến bộ của xã-hội Việt-Nam lúc này là chế-độ vua quan từ ngàn năm nay đang gấp suy tàn do sự xâm-nhập của thực-dân, Đế-quốc. Những chướng - ngại - vật còn là những tư-tưởng học-thuật lạc - hậu, những hủ-tục là sản-phẩm xuất-phát ở chế-độ cũ hết sức nguy-hại cho cuộc tranh-dấu giành độc-lập của xú-sở.

Phái nhà nho cấp-tiến đã công-kích phái cõi-hủ và bảo thủ đã mù quáng vì tự cao tự-đại, luôn luôn cho cái gì xưa cũ là tốt đẹp, cái gì của thiên-hạ cũng là mọi rợ, dã-man, không chịu mở mắt nhìn sự văn-minh, cường-thịnh của người về chính-thuật, cơ-giới và kỹ-nghệ. Họ cũng không chịu nghiên-cứu sự tiến-triển của các nước ngoại-dương, chỉ biết trong xã-hội vua quan là quý, danh lợi là trọng, còn dân-chúng lầm-than, đói khô-không ai thèm lưu ý v.v...

Qua phong-trào *Đông-kinh nghĩa-thục*, phái này còn tung ra nhiều tư-tưởng cõi - võ lòng ái-quốc, ý hợp-quần và vạch trần những chủ-trương xảo-trá của địch để bóc lột dân ta đến xương-tủy.

Những lời nói đầu tiên của phe « *Duy-Tân* » được gửi thẳng đến giới nho-sĩ từ ngàn năm nay đã là những người cầm cân nảy mực ở xã-hội chúng ta, loại người này cần phải được tẩy não trước hết, xét thái-độ và hành-động của họ vô cùng quan-hệ cho sự tiến-bộ chung.

Chúng tôi xin trích ra đây vài đoạn văn trong bài « *Điều hủ nho* » có những câu :

## THI CA CỦA ĐÔNĐ-KINH NGHĨA-THỤC

...Sao khng dp mạnh thét dài,  
Cho người mê ngủ ai ai tinh dàn ?  
Sao khng chng mảng mê tân,  
Cho người chìm đuối dần dần ngóc lên ?  
Tiếc thay thói hủ giữ bền,  
Khác nào như một nghiến bên mình người.  
Đau thay thói lậu giữ hoài,  
Nhng là làm lỡ cả đời người ta.  
Khỏi làng mắt chữa thấy xa,  
Mà toan mai-mỉa hai nhà Khang, Lương,  
Ở nhà chán chữa ra đường,  
Lại toan ngang dọc bốn phương giang hồ.  
Hỏi ông ta nhng đường mò ?  
Ông rắng : «ta nhng đạo nho đã thừa.  
Hỏi ông mò nhng gì ưa ?  
Ông rắng : «Mô nhng người xưa là thầy.  
Điểm trời không dở không hay,  
Ông rắng : sự dở sự hay lại trời.  
Đường đi tinh nhât hai ngôi,  
Hấp ly sao thế ? Ông thời u-ti.  
Trái đất là tròn là đi,  
Ông rắng vuông dở, đứng kia thường-thường.  
• • •  
Nho ơi, nhắn bảo mọi nhà,  
Khang-khang nho thế sao ra cái đời.  
Cồ ơi, nhắn bảo mọi nơi,  
Khur-khur cồ mãi đến đời nào đây ?  
Thương thương thay, thương thương thay,  
Vắn than dài thở, sự này bởi ai ?

*Người sao trời rộng đất dài ?  
 Ta sao chui rúc một nơi xó nhà ?  
 Người sao nhảy thẳng bay xa ?  
 Ta sao eo quắp xó nhà với nhau ?  
 Người sao làm chủ Hoàn - cầu.  
 Ta sao nô-lệ cùi đầu làm tôi ?  
 Người sao sáng sửa tay trời,  
 Ta sao hôn tối như người đi đêm ?... .*

Chống hương - âm túc là chống quan-niệm «một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp», sĩ-phu Đông-kinh nghĩa-thục mạt-sát trò xôi thịt ở chốn đình trung và khuyên nên bước ra ngoài cạnh tranh với thiền-hạ trên các thị-trường quốc-tế :

*...Ông khoa-mục đến thay tông-lý,  
 Mùa tham ăn vô-sỉ lạ đời,  
 Sao không mở mắt trông người,  
 Năm châu rộng rãi sáu loài đua tranh ?  
 Còn giữ thói ham giành ăn uống,  
 Chỉ châu đầu trong chốn hương thôn.  
 Sao cho ưu thắng, cạnh tồn,  
 Đứng trong thế-giới liệu còn được chẳng ?*

Đề đả-phá quan-niệm «sống ở làng, sang ở nước» hay chỉ sống ru-rú xó nhà với vợ con, các tân - nho có những câu như sau :

*Là nhà mười dặm đã bụi ngùi :  
 Mưa gió hoa vàng !  
 Ở trọ vài năm vội than-thở :  
 Quan-hà đầu bạc !*

Đề chống nạn từ-chương, cử-nghiệp, võng đào, võng tia nghênh ngang, cụ Tây-hồ viết :

*«Phường mặt trắng lững-lơ vòng hủ-bại.*

*«Bia mà chi, bẳng mà chi, nghênh-ngang vỗng lọng  
nữa mà chi»*

Cụ Cử Dương-bá-Trạc chán-ngán khoa-cử nói :

*«Khoa danh bước đã qua rồi,  
«Giật mình tinh dậy rằng : Thôi xin chừa !»*

Văn-minh tân - sách (1) có đoạn :

*«Kia những kẻ ham dàn sáo, dàn hò, bài lá, cờ vây, đồ thơ, đồ chữ, sô bồi, địa-lý, phù-chú, hằng đê tri vào thứ vô-dụng, những hạng sống say, chết mộng chẳng kẽ làm chi. Con hạng cao hơn, đồ lên một tí, được cái tiếng quên đã vội khùng-khỉnh «ta đây kẻ giờ» tự cho mình là bậc giữ-gìn thế-dạo. Ngày ngày khoe câu văn hay, khur-khư cố giữ những thuyết hủ lâu, khinh bỉ hết mọi học-thuyết văn-minh. Hạng kim hơn chỉ thấy có văn-dè thăng lên mấy bậc, cất nhắc mấy viên... Chớ chẳng nghĩ có truyện gì khác, nhân-cách như vậy thật đau lòng...»*

Sách này cho rằng mọi điều tệ hại đó là do cái học sai lầm : «Này kinh-nghĩa, này phú, này thơ, này chiếu, này biêu, này luận, này văn sách đều là phép thi của ta. Hỏi những lời phá, thưa, khởi, thúc, thanh, luật biền-ngẫu có ích gì cho thực-dụng không ? Lại không biết các cụ đồ già, các thày thạo-văn cử-nghiệp, nao ai có biết tên năm châu là những gì, thế - kỷ ngày nay là thế - kỷ thứ mấy ? Vả trong lối văn thi : cầm liên thương phạm hạ, cầm lạc vận thất niêm, cầm sót sai, đê chữ thiếp lịch ở trên dưới, hay bốn bề xung quanh dấu «giáp phùng» hoặc dấu «nhật trung» đã đóng, cầm những chỗ đồ, di, câu, cải không được sai xuyên, không phù hợp nhau. Mực thước kẽ cũng đến nơi đến chốn đấy, nhưng chẳng qua chỉ làm cho người ta bò buộc cái tinh hào-mại, suy sút tinh-thần hăng-hái để chăm vào cái học-văn rất vô-dụng mà thôi !» Cụ Tú Vị-Xuyên Trần-Kế-Xương còn diễu trò thi-cử, học-hành cỗ-hủ ấy bằng bài dưới đây :

(1) Văn-minh tân sách là một sách giáo-khoa của Đông-kinh Nghĩa-thục nói khá nhiều về tâm-lý và thái-độ của một số người đương thời bấy giờ.

## VIỆT-NAM CÁCH-MẠNG CẬN-SỨ

« Nhà-nước ba năm mở một khoa.  
Trường Nam thi lân với trường Hà.  
Lôi thôi sĩ-tử vai deo lợ.  
Âm-œe quan trường miệng thét loa.  
Xe kéo rợp trời quan Sứ đến.  
Váy lê phết đất mụ đậm ra  
Sao không nghĩ đến điều tu sĩ,  
Ngảnh cổ mà xem lại nước nhà !  
• • • • .  
Một dàn thằng hỏng đứng mà trông,  
Nó dỗ khoa này có sướng không ?  
Trên ghế bà đậm ngoi dit vịt,  
Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng... »

Bài thơ cỗ-động dân-chúng học chữ quốc-ngữ :

« Đừng làm trai trong vòng trời đất,  
Phải sao cho rõ mặt núi sông.  
Kia ! kia ! mấy bức anh hùng,  
Cũng vì thuở trước học không sai đường.  
Cuộc hoan-hải liệt-cường tranh cạnh,  
Mở tri dân giàu mạnh bết bao.  
Nước ta học vấn thế nào,  
Chẳng lo bỏ dại, lẽ nào được khôn ?  
Chữ quốc-ngữ là hồn trong nước,  
Phải đem ra tinh trước dân ta.  
Sách các nước, sách chi-na,  
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra cho trường.  
Nông, công, cỗ tröm đường cũng thế,  
Hợp dân nhau thì dễ toan lo.  
À-Âu chung lại một lò,  
Đúc nên tư-cách mới cho ra người.  
Một người học muôn người đều biết,

*Tri ta khôn muôn việc đều hay.  
Lợi quyền nắm được vào tay,  
Có cơ tiễn-hóa có ngày văn-minh.  
Chuông độc-lập vang lừng diên thuyết,  
Pháo hoan nghênh dâng biển Nam-dương.  
Ngảnh xem khoa cử mây tràng,  
Hắn ai khôn đại rõ ràng chẳng sai ? »*

và Cụ Nguyễn-phan-Lãng, giáo-viên của Đ.K.N.Đ. đã đưa ra một chương-trình học-thuật thực-dụng và cứu quốc để thay cho cái học phù-phiếm, viễn-vông :

*« Các thứ học phồ thông đã suốt,  
Học chuyên môn cốt một nghề cao,  
Tinh ai thông hiểu mặt nào,  
Tùy tài, tùy ý luyện vào cho tinh,  
Học toàn đủ mọi vành mọi lối,  
Đo bè rì do núi, đo sông.  
Họa thi ảnh tượng, hình dong,  
Sơn xuyên hiểm trở cũng không chút nhầm.  
Học điện phải cho thâm lý-hóa  
Thủy làm sao mà hỏa làm sao ?  
Học làm đồ máy thế nào ?  
Phân ly phải tinh tơ hào chớ sai !  
Học đức sắt, học khai các mỏ.  
Học nông, thương, học đủ mọi nghề.  
Người này người nọ, người kia,  
Ai ai cũng giữ một nghề trong tay.  
Trong một nước nghề hay đã đủ,  
Từ đó mà tiễn-bộ văn-minh.  
Rồi mà cũng chế thủy-tinh. »*

*Cũng lò đúc sắt, cũng dinh đúc đồng.*

*Cũng tàu máy qua sông vượt bờ,*

*Cũng điện-cơ, điện-khi, điện-xa,*

*Cũng buôn, cũng bán gần xa,*

*Khi vào Tây-cổng khi ra Hải-phòng.*

*Thế mới thực phu công đi học*

*Thế mới là cõi gốc văn-minh...*

Một bài ca tuyên-truyền tổng-quát cho cuộc vận động duy-tân :

*Lợi cho nhà-nước dặng giầu,*

*Tiếc chi sợi tóc trên đầu lôi thôi.*

*Bỏ trà rượu, bỏ mùi nhà-phiến,*

*Bỏ hàng Tàu « vải quyến, sen dầm »,*

*Bỏ nghề cờ bạc tham dâm,*

*Bỏ nghề mại chợ, khôn nhà bấy lâu.*

*Bỏ ý thế, bỏ câu tiễn-khi,*

*Bỏ tranh phi, bỏ lý sự cùn.*

*Bỏ đồ khăn áo lồng thòng,*

*Đổi rắng trắng lại, đổi lòng đen đi.*

*Điều tết-tục, điều chi cũng đổi,*

*Đổi cho rồi cái thói bấy lâu...*

Trước 1907 — 1908 người ta còn nặng cảm-tình với cái búi tóc vì « *thân thè phát phu thụ chí phụ mẫu, bất cảm hổ thương* » (1) thì nhóm người tiến-bộ cõi-động cắt tóc ngắn. Những búi tóc rụng dần, đó là sự thắng - lợi của phe tiến-bộ nhưng ít tháng sau, Pháp giải - tán Đông-kinh nghĩa-thục nhiều người cắt búi tóc đã có phen bị điều-đứng không ít

Bài cõi-động « hớt tóc » :

(1) Mình mày tóc da là của cha mẹ không được hủy-thương.

Tay trái cầm lược,	Ăn ngay nói thẳng
Tay phải cầm kéo,	Học thói người Tây,
Hói hè, hói hè,	Đừng có gian-lận,
Thủng-thẳng cho khéo,	Đừng có nói lão.
Bỏ cái ngu mày !	Ngày nay ta cúp,
BỎ cái dại mày !	Ngày mai ta cạo ! »

Phe thủ-cựu đê trả thù đã gọi phe tiến-bộ là « *dân trọc* » do đó có bài đáp lại :

« *Phẹn này cắt tóc đi ta,*  
*Tụng kinh « độc-lập » ở chùa « duy-tân ».*  
*Đêm ngày khấn vái chay-en cần.*  
*Cầu cho ich-quốc, lợi-dân mới là...*  
*Quyết tu mở trí dân nhà,*  
*Tu sao độ được nước ta phú-cường,*  
*Lòng thành thắp một tuần hương,*  
*Nam vó Phật tò Hồng-Bàng chứng-minh.*  
*Tu hành một dạ định-ninh,*  
*Nắng mưa dám quản công trình một hai,*  
*Chắp tay lạy chín phuơng trời,*  
*Kêu trời phù-hộ cho người nước tôi !*  
*Tiễn tôi mong đừng mong ngồi,*  
*Mong sao cho được giỗng nói vê-vang.*  
*Nào là tín-nữ thiện-nam.*  
*Nào là con cái thập phuơng giúp cùng,*  
*Giúp tôi dúc quả chung « đồng »,*  
*Cho thành quả phúc ta cùng hưởng chung.*  
*Nam vó Phật-tò Lạc-Hồng !*

Cũng khoảng những năm trên đây, thực-dân phát-hành tiền sắt, thau tiền kẽm của ta lại. Ta mua hàng ngoại-hóa, hoặc đi xe lửa, tàu thủy của chúng thì chúng không

chịu nhận thử tiền này, do đó tiền sắt thành một tai họa cho dân.

Cụ Nguyễn-phan-Lãng làm bài « *Thiết tiền ca* » phản đối chính sách bóc lột trắng-trợn của thực-dân như sau :

*« Tiền với bạc đó là máu mủ,  
Không có tiền nó đủ được sao ?  
Một ngày là một tiêu-hao,  
Máu rơi, mủ hết sống sao được mà !  
Trời đất hối, dân ta khốn khổ !  
Đủ các đường thuế nợ, thuế kia,  
Lưới vây chài quét trăm bè,  
Róc xương, róc thịt còn gì nữa đâu !  
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,  
Thoát tai nghe bần-bật khúc lòng.  
Trời ơi, có khổ hại không ?  
Khổ gì bằng khổ mắc trong cường-quyền !  
Họ khenh lũ dân đen không biết,  
Lắng mèo lừa giết hết chúng ta.  
Bạc vào đem sắt đồ ra,  
Bạc kia thu hết sắt mà làm chi ?  
Họ tình lại suy đi dã kiệt,  
Trói chân tay đã chết nước mình,  
Anh em thử nghĩ cho tình,  
Sẽ đem soi xét tâm-tình họ xem.  
Họ không muốn người Nam buôn bán,  
Đề một ngày một cạn của đi,  
Còn trơ đống sắt đen sì,  
Bạc kia hết sạch lắng gì thông thương ?  
Đau có muốn xuất dương thương mại,  
Đem sắt đi ai dại với mình ?*

## THI CA CỦA ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC

Rồi ra luân quẩn loanh-quanh,  
Vốn kia không có lợi sinh được nào ?  
Nó lại thắt lương cao muốn chiết,  
Sợ người mình thắt thiết thì kêu.  
Nó đưa tiền sắt cho tiêu,  
Tuy rằng không chiết mà hao hụt nhiều.  
Áy nó nghĩ mưu cao nhường thế,  
Chỉ tìm đường, làm tệ nước ta,  
Làm cho kẻ xót người xa,  
Làm cho nhơn bé, trẻ già bỏ nhau.  
Làm cho muốn cát đầu chẳng được,  
Làm cho đi một bước không xong.  
Thế mà ta vẫn ngay lòng.  
Tưởng làm như thế cũng không hề gì ;  
Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,  
Muốn làm gì cũng chả làm xong.  
Muốn Công cũng chẳng nên Công,  
Muốn Nông không vốn thì Nông thế nào ?  
Muốn buôn bán không đào ra vốn,  
Muốn học-hành phi-tồn lấy dân ?  
Bấy giờ ta mới biết đau,  
Dại rồi cắn rốn vật đầu được chi !  
Nếu họ có bụng vì ta nứa,  
Sao họ không mở cửa thông đồng ?  
Nhà doan, kho bạc tiêu chung,  
Lúc buôn lúc bán, lúc cùng vào ra...  
Sao nó chỉ bắt ta tiêu lẩn...  
Mà nó không chịu bận đến mình ?  
Chẳng qua giờ thói ma tinh,  
Ra tag hiềm độc lừa quanh đấy mà...

Trong «Đề tinh quốc dân ca» cụ Phan-bội-Châu do Lê-Đại dịch, viết về chế-độ thuế-khóa như sau :

«Các hạng thuế các làng gia mãi,  
 Hết dinh điền rồi lại trâu bò,  
 Thuế chó cũi, thuế lợn lò,  
 Thuế diêm, thuế rượu, thuế dò, thuế xe,  
 Thuế các chợ, thuế chè, thuế thuốc,  
 Thuế mòn-bài, thuế nước, thuế đèn  
 Thuế mồ-mả, thuế chùa, đèn,  
 Thuế bè tre, gỗ, thuế thuyền bán buôn...  
 Nhiều hạng thuế kè chi cho xiết  
 Thuế xia kia mới thật lạ lùng,  
 Thời thì thôi cũng dầu lòng,  
 Anh em tủi nhục, vợ chồng lìa tan...»

Và về vấn đề bắt phu khai đường, xẻ núi, đào kênh các cụ có những câu :

«Lại nghe nói Lào-cai, Yên-bái,  
 Ngàn muôn người vỡ núi đào sông,  
 Độc thay lam chướng ngàn trùng,  
 Sông sâu quăng xác, hang cùng phơi xương !»

Các cụ nêu ra viễn-tượng diệt-chủng, vong nòi nếu các tinh-tệ của Thực-dân kéo dài thêm nữa :

«Nỗi diệt chủng bè thương bè sợ  
 Nỗi giống ta biết có còn không ?  
 Nói ra ai cũng sờn lòng,  
 Cha con tủi nhục vợ chồng thở than,  
 Cũng có lúc bầm gan tím ruột,  
 Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra,  
 Cũng xương, cũng thịt, cũng da,

*Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc-Long,  
Thế mà phát làm vong bó buồm,  
Bấy nhiêu năm nhớ nhuốm làm than!..*

(Đè-tỉnh quốc-dân-ca)

Và các cụ kêu gọi những người có thẩm-quyền tìm cách can-thiệp và sự đoàn-kết chống âm-mưu của quân cướp nước :

*«Nào Hiệp-biện, Văn-minh đâu đó ?  
Nào Thương-thư, Đốc-bộ là ai ?  
Nào là Phủ, Huyệն, quan-sai ?  
Hội-viên, Thông, Ký là người nước ta.  
Ai trách hạch cho ra nhẽ phải !  
Ai dám đem lời cãi cho mình ?  
Thị-phí ai biện cho rành ?  
Búa rìu chẳng nhục, lôi đình chờ kinh.  
Làm cho cửa dân mình đỡ hại,  
Làm cho tiền tràn lại mới nghe.  
Bảo nhau mạnh cánh mạnh bè,  
Cho người lửa đảo hết nghè đỡ khôn.  
Tôi xin nhớ như chôn vào ruột,  
Tôi xin chuyên lửa đốt hương châm,  
Tôi xin tạc dạ ghi tâm,  
Đừng dài kỷ-niệm trăm năm phang thờ...»*

(Thiết-tiền-ca)

*...Cốt trong nước người ta một bụng,  
Nghìn muôn người cùng giỗng một người.  
Phóng khi sưu thuế đến nơi  
Bảo nhau không đóng nó đòi được chặng ?  
Gọi đến linh không thảng nào chịu,*

Bắt một người ta kéo muôn người.  
 Bấy giờ có nhẽ giết ai,  
 Hắn thôi nó cũng chịu lai nước mình,  
 Việc gì phải bài binh dụng kế,  
 Cứ thi gan, kiện lý cho già,  
 Của nhà ta, phải trả ta  
 Dẫu tham muỗn nuỗi, át là chẳng trôi,  
 (Hải-ngoại huyết-thư)

Trong khi cỗ-động chấn-hưng thực-nghiệp cho nước mạnh dân giàu, cụ Huân Nguyễn-Quyền và cụ Phó-Bảng Hoàng-tăng-Bí cùng nhiều yếu-nhân Đông-kinh nghĩa-thục tích-cực sáng-lập nhiều Nông, công, thương-hội và đã lên tiếng :

...Trong sóng gió nhưng tay vẫn vững,  
 Bé học rồi ra đứng khai thương.  
 Rủ nhau một họ Hồng-Bàng,  
 Hồng-tân-Hưng mở ngôi hàng buôn chung,  
 Đò Nam-hóa bách công, kỳ xảo,  
 Khách Bắc-hà thập hiệu vãng lai.  
 Sứa sang trong cái khuôn trời,  
 Mở mang tri não cho người nước ta,  
 Trời dương buổi gió mưa tầm-tã.  
 Giần thân mình đứng giữa cơn giông...

Và Văn-minh tân-học-sách nêu ra những lợi-quyền ta đã mất vì nước ta đã không có một nền thực-nghiệp : «... Cho đến các hàng vóc, nhiều, nhang, len, vải lụa, giày dép, khăn tay, mục-kinh, dù che, dầu hỏa, đồ sứ, đồ pha-lê, đồng-hồ, phong-vũ-biểu, hàn-lhử-biểu, ống nói, kính hiển-vi, kính ản, bút tàu, giấy, hoa-tiên, son Tàu, mực Tàu, diêm, bánh súra kẹo mứt, thuốc bắc, thuốc lá, chè rượu v.v... không mua của Tàu thì mua của Tây cả. Thủ đem cái bản thống-kế số xuất-khẩu nhập-khẩu trong một năm mà tính xem sẽ thay đổi

*khi gánh vàng đem đồ sông Ngô thì mong sao cháu về Hợp-phố được nữa, của nước nhà mất đi như thế thật là đáng tiếc... »*

Lời kêu gọi này có kết-quả nên theo Nguyễn-Quyền :

« Suốt thân sī ba kỳ Nam-Bắc,  
Bỗng giật mình sực tinh cơn mè.  
Học thương, xoay đủ mọi nghề,  
Cái hồn ái-quốc gọi về cũng mau»

Trên địa-hạt chánh-trị, chúng ta cũng thấy một số thi-ca rất đáng chú-ý trong đó Đông-kinh nghĩa-thục đã nêu ra tội-lỗi và tư cách hèn-hạ cùng ích-kỷ của đám vua quan :

...Cơm ngọt thiện, bữa nghìn quan,  
Ngoài ra dân đói, dân tàn mặc dân !  
Hồi đến kẻ phùng quân du my,  
Hồi đến người kiều-my cung phi,  
Còn dân khốn khổ trăm bần,  
Cầm như tai mắt chẳng nghe thấy vào ;  
Chắc lũ dại den đầu không biết,  
Cây quyến trên lây thịt đè người,  
Thuế dân, dân nộp xác rồi,  
Tiền kho, thóc dùn, săn ngồi ăn không !  
Suốt một lũ trong vòng cung-thắt,  
Của ăn chơi cao huyết muôn người !  
Tôi oan có thấu đến trời,  
Trời sa nước mắt, bẽ trôi ngược dòng.  
Khi giặc đến người trong phản trước,  
Đem của dân vạch churóc hòa thân.  
Dàn lán các tinh mắt dần,  
Muời phần thổ-địa nhân-dân còn gì ? (1)

(1) Đông-kinh nghĩa-thục ám-chỉ chánh-sách cầu-hòa của đời Tự-Đức.

Rất nhũng đồ xu-mị phàng nghinh,  
 Hại dân đê lợi cho mình.  
 Coi dân hờ hững như hình chẳng can,  
 Ngày mong mỏi vài con ấm-tử,  
 Tối vui chơi mấy đứa hồn non.  
 Trang hoàng gác tía lầu son,  
 Hè hao mạch nước lại mòn xương dân.  
 Sực đến lúc phong trần, biến cõi,  
 Thôi bấy giờ mộ Á triều Âu.  
 Trời nghiêng đất lở mặc dầu  
 Cốt thau phủ quý là dầu sự lo  
 Bài thiện sách sao cho khéo lạy.  
 Cửa cường quyền nhở cậy kêu van.  
 Nay đặc tội, mai cảm ơn,  
 Cái thân thôi thế là toàn một thân,

(HẢI-NGOẠI HUYẾT-THU)

Hết sĩ-vâ các quan lớn, sĩ - phu tiến-bộ còn tặng thêm các quan lớn đài bấy giờ một bài thơ để khuyến - cáo các ngài chấm dứt các trò ăn chơi, phè-phờn trước cái thảm-trạng « vợ già con khô » của đám dân đen:

Hát xướng làm chi hỏi các quan !  
 Trời làm hạn-hán khổ trăm đảng.  
 Nước về Phú-lâng lương tiền tận,  
 Dân mặc cu-li cốt nhục tàn.  
 Ngán nỗi con người mà chó ngựa,  
 Ngờ đâu địa-ngục ở nhân-gian.

---

**Chú-thích :** Ở Quảng-Nam thuở ấy các Cụ còn dùng lối « Hát giã gạo » là một điệu dân - ca rất phổ-biến. Với điệu hát này, bên trai bên gái đối đáp nhau như lối hát Quan họ hay Trống quan ngoài Bắc có nhiều câu rất tình tứ.

Kè nghèo nước mắt lau không ráo,  
Hát xướng làm chi hối các quan (1).

Thật ra cái trò « *thái-bình múa hát* » này không riêng diễn ra ở các phủ, nha của các ngài cha mẹ dân vì rau Vi quá đắng nên phải miến-cưỡng ra làm tôi Pháp, nó còn là thú tiêu-khiền thường-xuyên của nhiều vị đại-thần nhất là của một ông vua ít ai quên, ngài Khải-Định bên sông Hương, núi Ngự sau này (Xin coi *Những bức thư bí-mật* của Huỳnh-thúc-Khang trang 35 do Anh-Minh xuất-bản tại Huế năm 1957).

Nói đến điều nhục-nhã của đồng-bào vì sự bạc-đãi của Đế-quốc Pháp, cụ Phan-Sào-Nam đã kề ra những việc hăng xảy ra mà người Việt ta không ai là không từng thấy :

*Pháp kia nó vốn khác loài,  
Kìa xem nó đãi những người nước ta.  
Xe đi lăn một toa uể-xú,  
Tàu ngồi riêng một xó ti-ô.  
Giãi dầu ngày nắng, đêm mưa.  
Ốm đau nó cũng thờ-ơ mặc mình.  
Đã như thế trăm vành khinh rẻ,  
Lại ra uy cậy thế cầm quyền.  
Quên trình vé, chậm đưa tiền,  
Chân đà đá gót, tay liền vút roi ».*

(HẢI-NGOẠI HUYẾT-THỦ)

Trong « *Đầu Pháp Chánh-phủ thư* » năm 1906, cụ Phan-Tây-Hồ cũng nhấn mạnh đến sự-kiện này, nghĩa là Pháp đã coi người Việt-Nam là những loài man-rợ, lũ chó đàn heo, vì thế nên không nghĩ đến sự đãi - ngộ bình-đắng và gần gũi.

(1) Bài thơ này ra đời năm 1900 đánh dấu tình cảnh quan dân thuở đó. Tông-Đốc Quảng-Nam bấy giờ nuôi một ban hát bộ trong nhà, cứ năm bảy hôm lại họp bạn thường thức dộng hát, điệu múa.

Đông - kinh nghĩa - thục còn có bài *Tập - kiều* rất có giá-trị đề khuấy-động cái liêm-sỉ của các giới đồng-bào vì mất nước mà thành nô-lệ mà vì là nô-lệ quan dân đều nhục hết.

« Trời tây bàng lảng bóng vàng,  
 Bảy giờ kim-mã ngọc-đường với ai ?  
 Cúi đầu nép xuống hiên mai  
 Còn toan mở mặt với đời cho qua !  
 Trông người lại ngẫm đến ta,  
 Làm ra con ở chúa nhà dài nơi !  
 Người yêu ta xấu với người,  
 Đindh chung hổ dẽ ăn ngồi cho yên ?  
 Phầm tiên đã đến tay hèn,  
 Làm cho bùn lại vẩn lên mấy lần !  
 Đục trong thân cũng là thân,  
 Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi,  
 Tè vui cũng một kiếp người,  
 Thân deo đẳng chẳng thiệt-thời lắm ru !  
 Thân lươn bao quản lắm dầu,  
 Vào luồn ra cúi công hầu mà chi !  
 Phải diều ăn xôi ở thì,  
 Sao cho thoát khỏi nử nhì thường tình ?  
 Lại còn dor-dắng đại hình,  
 Khur khur mình buộc lấy mình vào trong !  
 Làm cho dày tía vỏ hồng,  
 Máu tham hẽ thấy hơi đồng thì mê !  
 Ra vào theo lũ thanh y ;  
 Giải dấu tóc rối, da chì quản bao !  
 Ăn làm sao nói làm sao ?  
 Quá ra khi đến thế nào mới hay !»

Mở đầu cho tập «*Tiếng quốc kêu*» Nguyễn-phan-Läng thốt ra những lời phẫn-uất và có ý muốn dẫn đồng-bào đang quẩn-quại trong dầu sôi lửa bùng hay đang bị dày xéo dưới gót giày của bọn xâm-lược đến chỗ quá-khích :

« *Than ôi ! Rắn phun, rết độc dày trời phèn mưa máu  
gió tanh ; cọp lũ, beo dàn, chật đất những gò xương núi xác !* »

« *Nhái lớn nuốt nhái bé, cường quyền chi luận lý công !  
Bò trắng húc bò vàng, bác-ái còn đâu nhân-đạo !* »

• • •

*Tiếng tiếng giỏ ra từng giọt máu !  
Đêm đêm khua tinh giấc hôn mê !  
Ai ơi ! có mến non cùng nước !  
Nhớ tö, mau mau nganh cổ vè.*

Ta lại thấy cả bài tuyên-truyền bạo-động vào hàng ngũ binh đội Pháp có những lời khích-động khéo-léo như sau :

*Các chú tập binh !  
Chú ở An-nam sinh,  
Chú ở An-nam trưởng,  
Chú sung chú sướng,  
Chú hả chủ hê,  
Chú mãn hận vè,  
Thuể sua chú chết.  
Họ nương chú quê-kiệt,  
Thân thích chú xác-xơ.  
Chú nghĩ đã ra chưa ?  
Tây công ơn gì chú ?  
Tây thương yêu gì chú ?  
Yết bà lại buộc cổ bà.*

Nhất là trước vụ « *Hà-thành dầu độc* », Cách-mạng cần

thông-cảm với anh em binh-sĩ trong hàng ngũ Pháp bằng những lời tha-thiết dưới đây để cùng nhau thi-hành đại-nghĩa :

*« Kìa những kẻ lung deo súng đạn,  
Đuối cường-quyền theo bọn Pháp-binh.  
Mũ vàng lắn với khố xanh,  
Ấy là rặt lũ tập binh nước mình.  
Một nam-tử tranh vanh trong nước,  
Vì thàn tiền phải bước chân ra,  
Có đâu ta lại giết ta,  
Cũng là một gốc mọc ra, nỡ nào !  
Tưởng những lúc đương đầu giáp hạm,  
Bụng không dành, mắt vẫn không dang,  
Há vì mấy tháng đồng lương,  
Mà quên làng nước, họ hàng hay sao ?*

*Thôi thôi ta chẳng đợi rồi  
Tập binh ta cũng là người họ ta.  
Tình sự thế nay vừa gặp hôi,  
Việc kíp rồi ta phải liệu mau.  
Cùng nhau mấy vạn đồng-bào,  
Quyết đem tinh mạng mà liều một phen.  
Cho người dưới hoàng-tuyền mừng bụng,  
Chờ để quân bạch-chủng cười mình.  
Tôi xin các bác tập binh.  
Cùng nhau một bụng như anh em nhà ».*

(HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ)

Kêu gọi thanh-niên, phụ-nữ và đồng-bào lương-giáo sát cánh nhau đem bầu máu nóng ra giúp dàn, giúp nước, ta thấy cụ Phan-Tây-Hồ viết :

« Sao ta cứ dã-man quen thói ?  
 Khom thán nô mà luôn cái dưới cường quyền !  
 Hú ba hồn các chú thiển-niên  
 Vì áp-lực phải gáy nên động-lực »

— Chị em hỡi ! biết chăng, chăng biết ?  
 Bạn trâm thoa ta cũng rộng nử quayền.  
 Võ tag vào mà xé lẩy gánh thiển-niên,  
 Cho rõ mặt thuyền-quayền trong Á-hải !...  
 Phường mặt trăng lửng-lơ vòng hủ bại,  
 Bia mà chi, bắng mà chi, nghênh-ngang văng lọng  
 nứa mà chi !

Bè trâm gấp mặt tương tri  
 Có chăng Thịnh-Đốn, A-Khuê (?) anh hùng.  
 Lấy chồng cho đảng tẩm chồng.»

— Chữ rằng đồng loại tương thân  
 Giáo-dân xem với lương-dân khác gì !  
 Ngộ gấp lúc gian ngay tật khờ  
 Nên cùng nhau cùa đỡ vẻ thay.  
 Nào ai có vị gì Tây,  
 Mà coi người đạo ra ngay người thù.

• • • • •

Dẫu cho có bụng vì người Pháp  
 Nên lấy điều thảm-thiết nói ra,  
 Bởi vì ta lại với ta,  
 Nhẽ dẫu lương-giáo toan mà hại nhau.

(HẢI-NGOẠI HUYẾT-THỦ)

Như ta thấy những bài thi ca trên đây đã mang đủ mọi hình-thức, đã đề-cập tới mọi vấn-đề trong việc vận-đòng quần chúng. Bài này cũng tha-thiết kêu gọi quốc-dân đoàn-kết cứu nước diệt thù. Sau hết bài « Chiêu hồn nước » của Nguyễn-Quyền đã goi-ghém một cách tổng-quát các ý-nghĩ trên đây :

# VIỆT-NAM CÁCH-MẠNG CẬN-SỰ

*Hòn xưa dòng dõi Lạc Long.*  
*Con nhà Nam-Việt người trong giống vàng.*  
*Chi-na chung một họ hàng,*  
*Kiêm-la, Nhật-bản cùng làng Á-Đông.*  
*Trời Nam một giải non sông.*  
*Ngàn năm cơ nghiệp cha ông hăng cồn.*  
*Từ khi đá lở sông cồn,*  
*Nước non trơ đó nào hòn ở đâu ?*  
*Chỗc là đã bấy nhiêu lâu.*  
*Bơ-vơ như thè bồ-câu lạc đà.*  
*Xích đâu một cuộc doanh-hoàn*  
*Ngàn Đông nồi gió sóng tràn biển Nam.*  
*Người đi gọi, kẻ đi tìm.*  
*Biết đâu dài múa mà đem hòn về !*  
*Mây lẩn vụ ám mây che.*  
*Bang khuâng như tinh như mê nửa phần.*  
*Hay là ở đám thôn dân.*  
*Hòn còn tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi.*  
*Hay là ở đám rong chơi ?*  
*Hòn còn ham muốn cuộc chơi li-bì.*  
*Hay là ở đám khoa thi,*  
*Hòn còn mải-miết giữ nghề văn chương*  
*Hay là ở đám quan trường*  
*Hòn còn lấp-lênh loan đường tìm ra ?*  
*Hỏi xem hòn ở gần xa.*  
*Gọi ra cho tinh, tinh ra thi vè.*  
*Xin hòn đã tinh đừng mê.*  
*Tinh ra rồi sẽ liệu bè khuyén nhau.*  
*Khuyén nhau lấy chữ chữ dòng-bào.*

*Lấy câu ich-quốc lấy điều lợi dân.  
Đường bão-chỗng, nghĩa hợp-quần  
Tự cường thể ấy, duy tân thể nào,  
Sự học ta lấy làm đầu.  
Công thương mọi việc liệu sau tinh dân.  
Cùng trong một bọn quốc dân,  
Gánh giang san cũng một phần trên vai.  
Than ôi ! hồn nước ta ôi !  
Tinh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm.*

,

*« Chứ rằng : đồng-chỗng, đồng-bào,  
Anh em liệu tinh làm sao bấy giờ ?  
Sao cho nội ngoại tương phủ ?  
Ba mươi sáu tinh cũng như mỗi nhà !  
Sao cho Nam-Bắc hiệp-hòa,  
Hai mươi nhăm triệu mà ra một người.  
Chớ cậy thể, chớ tham tài,  
Bỏ điều lợi nhỏ, tinh bài lợi chung ;  
Chớ ghen khi, chớ khoe công,  
Dứt tình ghen ghét, bỏ lòng sai nghi.  
Ai ôi ! xin sửa mình đi,  
Công tư đức ấy hai bè vẹn hai.  
Những điều nát nước tan loài,  
Rước voi công rắn thì thôi xin chừa.  
May ra trời có chuyên cơ  
Anh em ta được như xưa xum vầy,  
Hợ hàng đồng đủ cánh vây  
Chen vai ưu thắng ra tay cạnh tồn.*

*Thề đoàn như đá chẳng mòn  
Như thành chẳng lở, như non chẳng dời ».*

(HỌP-QUẦN-CA)

Nhưng đối với những kẻ không còn nhát điểm lương-tâm, hoàn-toàn bán mình cho giặc, các nhà Cách-mạng đã có một cù-chỉ dứt-khoát, một thái-độ quyết-liệt :

*... Còn thẳng vì nó mà quên, quắc-thù,  
Rước voi đến dày mồ ông vải,  
Công hổ vồ làm hại người nhà.  
Thế thời quyết hẳn không tha,  
Gián-dò, mật-thắt là ta tinh liền...*

Sau hết khi mọi người đã được một lòng một dạ, con đường đi đến độc-lập và tự-do dĩ-nhiên không thê nào khác ngoài con đường võ-trang tranh-dấu :

*« Gió tanh xông mũi khó ưa,  
Kiếm sao cắp nách mà ngờ cho dành !  
Hòn máu uất chất quanh dày ruột,  
Anh em ơi xin tuốt gươm ra !  
Có trời, có đất, có ta,  
Đồng-tâm thê ấy mới là đồng-tâm...»*

(HẢI-NGOẠI HUYẾT-THU)

## CHƯƠNG V

### CÁC VIỆC BẠO-ĐỘNG ĐÃ XÂY RA SAU PHONG-TRÀO DUY-TÂN VÀ ĐÔNG-DU

#### CÁC VỤ CHỐNG THUẾ Ở TRUNG-KỲ (3-1908 — 5-1908)

Sau năm 1897 ách thống - trị của Pháp đã đặt xong ở khắp Việt-nam, Pháp liền bắt đầu luôn vào việc khai-thác khả-năng kinh-tế và tài-chính của thuộc-địa. Từ vua Đồng-khánh xuống các quan, ai nấy đều thành công-chức ngoan-ngoãn của Pháp, cuối tháng lĩnh lương, bảo sao làm vậy: còn dân chúng từ thành-thị đến thôn quê, kẻ buôn bán người làm ruộng, kẻ lao-động thảy đều nai lưng đóng thuế đi phu vô - cùng khổn - đốn. Rồi nhiều vụ biếu-tình kháng thuế nổ ra lung-tung cũng chỉ vì dân chúng Việt-Nam không chịu nổi sự bóc lột đến xương tủy của thực-dân Pháp. Toàn-quyền Lannesson trong báo «*Người Đồng-Dương*» phải thú-nhận sự-kiện này, nhất là đối với chế-độ thuế khóa ở Trung-kỳ: «*Nguyên-nhân chủ-yếu (của các cuộc biếu-tình) là đó thuế mà quá nặng và những cuộc biếu-tình nổ trước tiên ở Trung-kỳ vì tại đây, người ta tăng thuế nhanh nhất nhưng lại kém sáng-suốt nhất. Thuế đã nặng, cách thu lại phiền-phức, ngoài ra ta còn đặt thêm các việc độc quyền muối, rượu v.v...*

Đã tịch-thu tiền kho, thóc đụn của triều - đình, đã lấn lưng móc túi người dân đen, bọn thống-trị Pháp còn bắt phu (1) lièn-miên nói là đi làm việc công-ich và mỗi

(1) Cố nơi gọi là bắt xâu (đè đắp đè, sửa đường, đào sông, khai ngòi v.v...)

người dân từ 10 tuổi trở lên mỗi năm phải đóng góp tới mươi lăm ngày vào việc khai-thác nguyên-liệu và kiến thiết thành-thị. Người dân phải tiền lung, gạo bị đi làm công khổng (*không có tiền công*) bỏ bê việc ruộng nương sinh sống của gia đình.

Tính ra mỗi người dân kề từ 18 tuổi trở lên tới 60 mỗi năm phải đi phu 4 ngày trong tỉnh gọi là làm xâu công ích và 5 ngày làm tại làng gọi là xâu tư-ich. Có nơi trung-bình người dân phải đi phu mỗi năm tới 15 — 16 ngày. Dư-luận dân chúng vô-cùng phẫn-uất nên cuối năm 1897, thực-dân đã có lần phải tuyên-bố bãi bỏ việc đi phu nhưng sau này chúng lại ra một đạo luật «*trưng-dụng nhân-công*». Với đạo luật này việc lao-dịch còn nặng-nề hơn, nghĩa là vô kỳ hạn...

Nhân-dịp này bọn phủ, huyệん, cưởng hào tha hồ chấm mút của người giàu, bắt người nghèo đi làm thay có khi vì thế những kẻ cùng-đinh phải đi phu vô kỳ-hạn, đã vậy còn bị đánh mắng chửi rủa, kìm kẹp nếu bỏ trốn hay lò-là công việc. Nhân-dân Trung-kỳ ngày nay không sao quên được nhưng thời ông cha đã nhổ máu và nước mắt trong công-cuộc khai mỏ Nông-sơn, đào sông Cu-nhi (chảy qua Vĩnh-điện để thuyền lớn chở than từ mỏ ra Đà-năng), đắp đường vào mỏ vàng Bồng-miêu, làm đường từ Đà-năng đến đèo Ai-lao, từ Phan-rang đi Long-biên để tiếp-tế cho bọn quan lại nghỉ mát ở Đalat...

Tất cả cái bi-kịch của xã-hội Việt-nam trong giai-đoạn vô cùng đen tối này đã được diễn tả trong các câu ca dưới đây :

*Bên sông Hà-thân nước xanh như taul lá,  
Ngò qua bên đất Hàn, phở xá nghênh-ngang.  
Từ ngày Tày lại cửa Hàn,  
Đào sông Cu-nhi, đắp đàng Bồng-miêu...  
  
                        . . . . .  
Đời ông cho đến đời cha,*

*Đời nào cực khổ như ta đời này,  
 Ngoài đồng cǎm cọc giảng giây,  
 Vườn nhà đóng thuế vợ gầy con khô...  
 Đời xưa thuế một quan năm,  
 Đời nay thuế lại hai đồng bốn giác.  
 Con tag bồng, tay dắt,  
 Vợ tag đỡ, tay nâng,  
 Vui chi mà hát mà mừng,  
 Mua ngày mà ở cầm chừng với Tây  
 ...Từ ngày Tây chiếm đế-đô,  
 Xau cao thuế nặng biết chừng mò hối trời!  
 Còn lo một nỗi khổ đời  
 Quan trên ý thế nhiều lời hiếp dân...*

Cầm đầu phong-trào cự xâu, kháng thuế từ 1906 đến 1908 là : Phan-chu-Trinh, Trần-quý-Cáp, Lê-văn-Huân, Phạm-đức-Ngôn, Ngò-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Khang, Hoàng-văn-Khai, Nguyễn-đình-Kiên, Hoàng-thúc-Diệm, Đặng-nghuyên-Cần v.v... Tuy cùng hoạt động cho phong trào nhưng các vị không có xu hướng và chính-khiển giống nhau. Phạm-đức-Ngôn, Lê-văn-Huân và Nguyễn-đình-Kiên chủ-trương bạo-động. Phan-chu-Trinh Huỳnh-thúc-Khang chủ-trương cải-lương. Có nên nhắc rằng các nhà nho ở Trung-kỳ đã được chứng-khiển nhiều hơn các đồng bào các vùng khác sự sa-đọa của triều-định Huế và đám quan-liêu mới do Pháp để ra, lại còn bị phản - khích vì nỗi nghèo túng của mình trên mảnh đất vốn cằn-cỗi, gầy-còm (Trung-kỳ) nên càng ra công tranh-đấu.

Từ tháng 2-1908 dưới sự điều-khiển của các cụ, phong trào kháng thuế sôi nổi kịch-liệt đến mức có khi chính những người đe xướng phong-trào cũng bị vượt bỏ, tràn ngập, nghĩa là họ bị hoang-mang và trở nên bất-lực bởi không kìm hãm được sự hăng-hái quá độ của quần-chúng. Những lời hô-hào cải-lương đã bị thay thế bằng những khẩu-hiệu đấu-tranh với Pháp

quyết-líệt là «*không nộp thuế cho Pháp*» do những đám biếu-tinh đồng-đảo tung ra tại các tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên rồi quay ra Thừa-thiên, Hà-tĩnh, Nghệ-an.

Quảng-nam là nơi đầu tiên nổ ra phong-trào cự-xâu kháng thuế, lúc sơ-khởi chỉ có việc dân-chúng biếu-tinh xin bồ lại sưu cho huyện Đại-lộc và xin bồ dân-công cho công bằng trong việc mở rộng con đường từ Đại-lộc lên tỉnh (bọn quan lại ăn tiền nên chia việc có phần tư-vị, làng làm nhiều làng làm ít...) Viên Tri-huyện không chịu xét lại vụ dân nổi loạn. Ngày 11-3 dân kéo lên kêu tại Tòa Đại-lý Hội-an. Viên Đại-lý Charles hứa sẽ trưởng trị viên Tri-huyện và phân-bồ lại việc thuế cũng như việc dân-công, dù dân giải-tán nhưng lại bắt 6 đại-biểu nhân-dân tổng-giam. Vì cù-chỉ mâu-thuẫn này, dân-chúng không chịu phân-tán và hô-hào dân các làng khác tham-gia đấu-tranh đồng-đảo hơn. Đồng-bào ở thị-trấn Hội-an trong dịp này cũng hưởng-ứng theo. Dân vây chung-quanh thành chia làm hai lớp có cẩm thẻ đề tên: lớp trong gọi là «*dân cẩm tì*», lớp ngoài gọi là «*dân tự-cường*». Bọn thống-trị thấy tình-thế nghiêm-trọng cho lính đòn-áp nhưng không kết-quả. Đám biếu-tinh lên tới hàng vạn người vây chặt tòa Đại-lý hơn một tháng (1). Khẩu-hiệu đấu-tranh cũng lên cao hơn. dần: đòi bót ngày đi xâu rồi đòi bỏ hẳn lệ đi xâu và giảm thuế. Linh dùng báng súng đánh và sau bắn cả người biếu-tinh. Dân rần ra một chốc rồi lại xiết chặt hàng-ngũ như cũ. Cuối cùng tên Charles ra công dụ-dỗ, phỉnh-phờ không được sau phải tuyên-bố cách chức Tri-huyện Đại-lộc và hứa sẽ không tăng thuế nữa (*sau này chúng đặt ra một khoản thuế phụ-thu gọi là thuế tạp-dịch cộng vào thuế thân lên tới 3d.05. Năm 1924 Pháp làm lê tú luân đại khánh cho Khải-định, đã tăng thuế diều lên 30% và giữ mức này cho tới 1945*). Công việc như vậy coi

Chú thích.— Đoàn biếu-tinh ai nấy đều rách rưới, mang theo túi đựng gạo, niều nấu cơm và mang chiếu nằm vây quanh tòa Đại-lý. Nhóm này thay nhóm khác, đi đâu cũng diễn thuyết kêu gọi sự hưởng-ứng.

là tạm xong, nhưng dân vẫn căm hờn bợn tay sai của Pháp nên ngày 20-3 một đoàn biếu-tình đến vây dinh Tông-đốc Hồ-đắc-Trung đòi y đến can thiệp với Công-sứ Pháp giảm thuế cho dân. Hai ngày hôm sau dân vây phủ-ly Điện-bàn bắt Tri-phủ Trần-văn-Thống lên tỉnh xin xâu, xin thuế cho dân. Bốn hôm sau dân vây phủ ly Thăng-bình và phủ-ly Tam-kỳ cũng bị lâm vào sự khổn khó kề trên này ngày 30 tháng ấy. Mồng 7-4 dân kéo đến làng Gia-cốc, huyện Duy-xuyên bắt Chánh-tông Trần-Quát lấy đuốc đốt rau rồi buộc đá dìm xuống sông vì y vốn là tên phản-động hạng nặng.

Địch thấy phong-trào đi quá mạnh liền khủng-bố ráo riết. Chúng lùng bắt những người trực-tiếp cầm đầu, ngay những kẻ tình-nghi cũng bị chém tại chợ Ái-Nghĩa (thuộc huyện Đại-Lộc). Một số đông sĩ-phu địa-phương bị giam chật nich nhà lao Hội-An. Sau đó Pháp lên án lưu - đầy các cụ Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Khang, Phan-thúc-Duyên, Trần-cao-Vân, Phạm-đức-Ngôn, Ngô-đức-Kế, Lê-văn-Huân, Nguyễn-đình-Kiên v.v... Một sĩ-phu có danh tiếng lớn là cụ Nghè Trần-quý-Cáp Huấn-đạo Nha-trang đã bị xử tử (yêu-trảm). Cuối tháng tư trật-tự mới trở lại trên toàn hạt.

Nhưng việc lộn-xộn ở Quảng-Nam chưa yên hẳn thì tại Quảng-Ngãi những vụ biếu-tình xin giảm thuế cũng nỗi lên. Ngày 31-3, một ngàn rưỡi người biếu - tình vây kín Tòa-sứ. Linh khố xanh được lệnh đàn-áp thẳng tay. Ngày 12-4 Bố Khiết và Ấm Loan là lĩnh - tụ của phong - trào bị bắt, nhưng dân chúng vẫn tranh đấu. Quyền Toàn-quyền Bonhoure hội-ý với Trung-tướng Piel, Tông chỉ-huy quân-đội Pháp ở Đông-Dương đem quân vào Trung. Không - khí giữa ta và địch trở nên căng thẳng nên ngày 17-4 dân bắt trói 4 tên lính khố xanh và 2 tên đội lính dồng, một lý-trưởng định đến bảo-vệ cho gia-đình tên Khâm-sai Nguyễn-Thân, Việt-gian số một ở miền Trung. Đạn của địch bay ra, người chết, người bị thương, hai bên xô-xát kịch-liệt rồi lính phải bỏ chạy. Đến quân chính-quy của địch tới, dân biếu-tình không chịu nỗi phải giải tán. Rồi Ấm Khiết, Bố Loan bị xử

tử. Cử Suy, Cử Quan, Tú Châm, Tú Tuyên, Huyện Mai và nhiều nhân-sĩ phải đầy đi Côn-đảo. Phong-trào xuống dần.

Tại Bình-Định, trong khi phong-trào Quảng-Ngãi lên cao thì một toán đã tràn qua khu Bồng-Son cắt tóc viên Tri-phủ và bắt đi mấy ngày. Bọn quan lại các nơi khác hoảng sợ chạy hết về tỉnh-ly nấp bóng quan Tây. Bọn Đè-lại, Thông-lại nhiều kẻ cũng không tránh được cái kéo của dân chúng. Ngày 16-4 hàng vạn người đến biều-tinh trước thành Bình-Định dưới trời mưa gió. Họ còn đi ruồng bắt bọn Tòng-ly tích-cực bắt xâu, thu thuế cho Pháp trước đây. Mười ngày hôm sau tên Đại-tá Grimaud đem một đại-đội khổ đỗ tấn công vào đám biều-tinh để giải-tỏa cho tỉnh Bình-Định. Mùa đỗ chan hòa vì địch mở cuộc hành-quân đại qui-mô. Dân chúng phải tản về thôn-quê vào ngày 30-4, trong khi đó có nhiều người bị bắt. Ngày 9-5 dân biều-tiph tay không xung-đột với một đội lính khổ đỗ. Chúng bắn chết và làm bị thương nhiều người. Ngày 19-5 lại thêm một cuộc lưu-huyết nữa và 11 chiến-sĩ bị lưu đầy như các chiến-sĩ của mấy tỉnh kề trên.

Trước tình thế gay-go này địch khôn khéo nên đã tìm cách ngăn-chặn làn sóng biều-tinh qua Phú-Yên, nhưng ngày 5-5 một toán đã vượt được vùng giáp-giới tiến về La-Hai. Luôn vào những ngày giữa tháng, dân biều-tinh tăng lên tới 2000 người đến hò-hét tại miền Nam tỉnh-ly. Có cuộc đụng chạm giữa người biều-tinh và lính Pháp ở Phú-tân. Ngày 15-5 quân Pháp bắn chết một số khá đông và dập tắt được phong-trào.

Những cuộc biến-động của Nam-Ngãi đã có tiếng vang đến Thừa-Thiên và mấy tỉnh mền Bắc Trung-Kỳ, dĩ-nhiên vì một bè dân chúng bị xúc-động, bè khác các nhà cách-mạng cũng có bí-mật vận-động nên đầu tháng tháng tư năm ấy đồng-bào quanh Huế rục-rịch biều-tinh, rồi ngày 9-4 dân biều-tinh bắt Lĩnh-Binh và lính khố xanh tinh giải đi thì bị quân Pháp cản lại. Sáng 11-4 từ các nẻo đường

vào Kinh-thành dân biếu-tinh đ-ạt kéo vào tập-trung trước tòa Khâm và dinh Phủ-Doãn hô-hào khầu-hiệu giảm thuế. Hai ngày hôm sau họ còn đi tuần hành khắp kinh-thành sau bị lính Pháp đàn-áp dữ-dội mới chịu phân tán.

Tại Thanh-nghệ-Tĩnh cũng có những việc tương-tự vào ngày 21-5. Dân đều kéo lên tỉnh hay Thị-xã đòi giảm thuế. Ngày 23-5 Tri-huyện Cản-lộc bị dân bắt theo lên tỉnh đề can thiệp cho dân. Tên này bỏ trốn và Công-xứ Hà-tĩnh phải cho tên Pháp Gaillard về thay tạm. Riêng tại Thanh-hóa và Nghệ-an phong-trào chưa kịp bùng ra đã bị dập-tắt mặc dầu dân đã tung ra nhiều truyền-đơn ở các chợ búa và thành-thị. Các thân-sĩ như Cử-nhân Châu-đinh-Trác (Nghệ-an) Tú-tài Lê-nguyên - Thành, Cử Soạn, Tú Thiệp, Tú Ta, Cử Khải, Huyện Nam, Ký Tín, Cử Xung bị đem ra Côn-đảo.

Xét các việc đã xảy ra phong-trào chống xâu, chống thuế ở Trung-Kỳ buổi đầu chỉ là một cuộc vận-động có tính-chất cải-cách, nhưng dần dần phong-trào đã biến ra một cuộc đấu tranh kịch-liệt của nông dân đối với thực-dân Pháp và bọn tay sai. Rồi phong-trào gần như trở nên một cuộc khởi-nghĩa cướp chánh-quyền (1) do đó mà xảy ra một vài vụ đỗ máu giết người và có thể đi xa hơn nữa nếu bọn thống-trị không đủ sức đàn-áp.

Từ hai chục năm trước, suốt Trung-kỳ đã xảy ra hàng ngàn vụ tang tóc do cuộc khởi-nghĩa Cần-vương. Những vụ tang-tóc ấy đã bao chùm khắp thành-thị và thôn-quê còn reo nặng căm hờn trong lòng dân chúng. Sự căm hờn này còn được luôn luôn hun đúc bởi những bài ca ái-quốc và cách-mạng của cụ Phan-Sào-Nam và các nhân-sĩ tiến-bộ, đồng-bào chúng ta chóng nguôi sao được. Kịp thời khi *Duy Tân hội* phát - động các cuộc biếu-tinh kháng thuế bằng những khầu - hiệu trùng với nguyện - vọng của quần - chúng là đòi giảm thuế, chống bắt xâu, quần-chúng đang như

(1) Lúc này nhân-dân như đã làm chủ hương-thôn vì bọn tổng-lý, Phủ, Huyện bỏ trốn hết về thành

chim đắm trong dầu sôi lửa bỗng, tất-nhiên hàng vạn người phải vùng dậy, cuộc khởi-nghĩa nổ ra vô cùng dữ-dội. Hàng vạn người đứng lên, hào-khí bốc lên như gió bão, kẻ hiền lành nhút nhát nhất cũng có thể trở thành những kẻ hăng-hái, cảm-tử. Trước tình-trạng này bộ máy của ngụy-quyền nhường như bị lung-lay và tuy những người đi biếu-tinh không mang vũ-khí nhưng thực-dân cũng phải sợ nên chỉ còn nước là tận dụng hiệu-lực của súng đạn để đàn-áp. Về phía các lính-tụ họ cũng không có sức lôi kéo phong-trào lại, họ còn bị cuốn theo, và sau chót là cũng đi đến chỗ phiêu-lưu. Như vậy ta có thể nói rằng phong-trào đã thiếu sự linh-dạo sáng suốt, thiếu một ban chỉ-huy chung, thiếu sự thống-nhất và tổ-chức chặt-chẽ nên không có cơ-sở vững chắc trong Đại-chung, thứ nhất là kinh-nghiệm đấu tranh nên không bền-bỉ hơn nữa là đúng lắm (phong-trào bộc phát từ đầu tháng 3-1908 đến cuối tháng 5 năm ấy thì bị dẹp yên). Tuy nhiên về hình-thức, chúng ta thấy các lính-tụ phong-trào đã có vài sáng-kiến đáng khen: biết dùng truyền đơn tung ra khắp chốn đông người, biết trương các biều ngữ để cồ-võ nhân tâm, biết mở những cuộc diễn-thuyết và tuần hành để thị-uy với địch khiến chúng phải nghĩ đến việc động-viên quân-đội chính-quy trong việc đàn-áp (1), và đảng Xã-hội Pháp ngày 19-3-1908 phải chất-vấn Chánh-phủ Pháp trước Hạ-nghị-Viện.

Tuy phong-trào bị dẹp tắt nhưng vẫn thu-thập được một số thành-quả đáng kể. Ngụy-quyền thống-trị miền Trung phải giảm bớt lệ đi phu (cho dùn tiền thay-thế) thay đổi cách thu thuế chợ, kiềm-soát việc phân-phối dân công v.v.. và như thế thực-dân đã có ý kiêng-nề quần

(1) Đề báo thù, địch đã san bằng các làng có tiếng là chủ-chốt cho các vụ phiến-động, như làng Phúc-lâm ở Quảng-nam có nhiều thành-tích cải-cách. Bình-sĩ Pháp đi tuần trong huyện Đại-lộc, một hôm qua chợ Ái-nghĩa thấy dân-tụ-hop đông liền bắt chém ngay tại chỗ luôn một lúc 6 người. Có khi chúng bắt hàng ngàn người, đeo những chiếc gông tre dài bằng cả cây tre. Chúng cầm hai ba người làm một đem phơi nắng, dã-man không sao kè xiết.

chúng. Sự kiêng nể này được coi là một sự khuyển-khích, một thắng-lợi để đóng góp vào cái vốn đấu tranh mà nhân-dân cần phải có, điều hay nhất là dân chúng lượm được một số kinh-nghiệm để ý-thức được sức mạnh của mình mà vươn lên, và nuôi thêm nhiều tin tưởng vào cuộc kháng địch.

**Chú thích.**— Về hoạt động của phong trào Duy-Tân song hành với phong trào Đông-kinh nghĩa-thục xin lưu ý các bạn một số chi-tiết dưới đây :

Các Văn-thân đã hào hào lập các hội kinh-doanh như sau : ở Quảng-Nam có Hợp thương công ty (do Nguyễn-Quyền và Hoàng-tăng-Bí quản-ly, vốn có khoảng 20 vạn đồng) ; Công-ty này chuyên mua bán các thô sản ở các miền quê chở đi Saigon, Hà-nội. Hương-cảng bán đi rồi lại nhập-nội các hàng ngoại-quốc. Triều-dương thương-cục ở Nghệ-An cũng là một nhà buôn lớn mà người cầm đầu là cụ Ngô-đức-Kế và Đặng-nguyễn-Cần. Nhiều văn-thân khác lập các xưởng tiêu công-nghệ, buôn các quần áo cũ, mở các nhà dệt, làm mũ, may quần áo v.v... việc sản xuất nông-sản và khẩn-hoang cũng được thúc đẩy mạnh do các « Nông hội ». Tại huyện Hà-đông bấy giờ là Diên-Phuước, quê của cụ Tây-Hồ và Minh-Viên hai linh-tụ của phong trào, nhiều nhà nho quẳng ngọn bút lóng đi vỡ gò, phá đống trống quế (đè xuất-cảng) và trồng các thứ cây kỹ-nghệ và cũng do ảnh-hưởng của Đông-kinh nghĩa-thục ở ngoài Bắc, Trung Kỳ cũng mở các trường để phổ biến chương-trình học mới lại thêm việc tập hát, tập thể-thao, vũ bị và hàng tuần có những cuộc diễn thuyết về các vấn đề gồm cả cuộc bình luân thời-sự quốc-tế (học sinh cũng được tự do lên diễn đàn), bài trừ mê tín, hủ tục. Đặc biệt hơn nữa là có việc cõi độ-đing dùng hàng nội hóa, mặc áo ngắn, cắt tóc ngắn dần dần vượt phạm-vi các trường ra tới ngoài dân-chúng, Bài diễn thuyết còn được in ra bằng thạch bản có kèm các bài thi, ca ái-quốc của cụ São-Nam. Rõ ràng tại Quảng-Nam có ba trường lớn nhất là Diên-Phong, Phúc-Binh và Phúc-Lâm gồm ngót một trăm học sinh. Nổi tiếng nhất là trường Phúc-Lâm (đứng tại làng Phúc-Lâm) chia ra làm hai khu, một cho nam sinh, một cho nữ sinh, Làng này được coi là gương mẫu vì có nông-thương-hội, có hương-trúc để gìn giữ vệ sinh sinh chung, sửa đường xá, cầu cống, cấm cờ bạc, rợn chè và bảo vệ an ninh thôn xóm...

Trong giai đoạn này đã xảy ra một vài việc bất ngờ nữa : một số thanh niên đã đến phá một đám cúng tại làng Bích-Trám, phủ Điện-Bản ; một số nhà nho duy tân vận Âu-phục đến dự lễ Văn chỉ tại huyện Diên-Phuước.. những hành động này nối tiếp những việc khủng-bố cường-hào, ác-bá, Việt-gian, phản động đã làm cho một số nhà giàu hoảng sợ dời ra tỉnh ở tuy chưa bị xâm phạm về tính mạng hay tài sản. Những hành-động trên đây xét ra có phần thiếu chánh-trị và tam-lý xét theo kế-hoạch cõi-lập địch.

## CHƯƠNG VI

### QUÂN-NHÂN VIỆT-NAM TRONG HÀNG NGŨ PHÁP CHỐNG PHÁP

#### VỤ ĐẦU ĐỘC LÍNH PHÁP Ở HANOI (1908)

Sau khi lần-lượt kiểm-diểm lại các việc xảy ra kể trên, chúng ta thấy các sĩ-phu và nhân-dân Việt-Nam trong các hoạt động cách-mạng từ đầu thế-kỷ XX tại quốc-nội đã tìm ra nhiều phương-pháp đấu tranh mới và chống địch trên khắp mọi lĩnh-vực.

Một số người đã dạy học, viết báo, làm thi ca, mở các cuộc diễn-thuyết để thức-tỉnh đồng-bào trước cái nạn vong-quốc. Họ đã dùng những hình-thức hợp-pháp và công-khai để cõi-động lòng yêu nước, đề-cao việc kết-doàn, hợp-quần. Họ kêu gọi sự đổi cũ theo mới để quốc-dân theo kịp trào-lưu tiến-hóa của Thế-giới.

Một số đã dùng các thủ-đoạn khác không kém phần hiệu-nghiệm để khuyến-kích đồng-bào nuôi-dưỡng chí tranh-đấu bằng việc bói toán, cầu cơ ở các đền, phủ có tiếng lớn như Phủ Giầy, đền Kiếp-Bạc, đền Gióng v.v... Họ lợi-dụng lòng mè-tin của nhân-dân để tuyên-truyền khởi-nghĩa và lấy nội-ýng và cũng để dò xét nhân-tâm nữa.

Tại phố cửa Nam (Hanoi) có một nhà vừa bán cơm vừa chửa trọ, khách-hàng ra vào tấp-nập suốt ngày. Đó số là binh-lính, cai đội và bồi-bếp. Vài nhân-sĩ cách-mạng đeo lốt thày bói, thày số đã có mặt ở đây và đối-tượng của họ là các ông Đội-Binh, Đội-Nhâo, Đội-Cốc, Cai-Nga, Hai-Hiên, Bếp-Xuân v.v.. cùng các binh-sĩ trong

co-ngũ của Pháp đang đóng ở các đồn, sở trong thành Hanoi. Dần dần họ quen thân với nhau rồi nhiều quân-nhân và hạ-sĩ-quan đã được gọi lòng yêu nước, thù giặc. Họ còn được mơn-trớn trong cái mộng làm nên sự-ghiệp lớn-lao trên sú-sách; riêng binh-sĩ, họ được khích-động về sự-bất-công giữa họ với bọn lính ngoại-quốc, nên lời tuyên truyền khéo léo đã như nước thấm vào cát. Cụ Hoàng-hoa-Thám lúc này tuy đang hòa với Pháp ở Yên-thế nhưng vẫn có liên-lạc bí-mật với các nhân-sĩ cách-mạng ở miền xuôi. Anh em tin-tưởng rất nhiều vào cụ và sẵn sàng tham-gia cuộc bạo-động do «*Nghĩa-Hưng-dâng*» thủ mưu Đảng này đã do bàn tay Yên-thế lập ra.

Kế-hoạch cướp chánh quyền ở Hanoi được quyết-định như sau: bỏ thuốc độc vào đồ ăn của các sĩ-quan và binh lính Pháp. Khi họ đã ngộ-độc, các chiến-sĩ trong cơ pháo-thủ số 9 sẽ ra tay giết giặc, chiếm các cơ-sở và vũ-kí rồi nổ súng để làm hiệu cho cánh dân - quân của cụ Hoàng bên ngoài thành (các cửa ô) hay ở dưới thuyền ven sông kéo vào, Một phần nghĩa - quân chặn địch về phía Sơn-tây và Bắc-ninh nếu chúng kéo sang tiếp cứu. Ngoài anh em binh-sĩ Cai, Đội (Đội Bình, Đội Cốc, Đội Nhân, Cai Trương (1) và một số công-nhân ở ngoài các cơ-sở dân-chính như Ba-Đen tức Nguyễn-đình-Chính, cai gác đèn ở vườn Bách-thảo, Nguyễn-văn-Ba làm bồi cho một Pháp-kiều ở phố Sinh-tử, Trương-Phô tùy phái ở phố Hàng-than, Nguyễn-văn-Vinh, thợ nề ở phố Hàng Lọng, Nguyễn-dăng-Duyên, cai vườn ở phủ Toàn-quyền, Nguyễn-trương-Cầu công-nhân nhà đèn. Về phía trí-thức có cụ Lê-Đại tức Từ-Long ở phố hàng Mắm, Tri-phê-văn-Học thầy đờ ở huyện Hoàn-long, Trần-đức-Quang học trò ở phố Hàng Đậu Đồ-Đảm, một nhà nho, cụ Huấn Nguyễn-Quyền, cụ Bảng Hoàng-tăng-Bí, cụ Cử Vũ-Hoành là những yếu-nhân Đông-kinh *nghĩa-thục* v.v... Quyết - định khởi sự là trung tuần tháng 11-1907.

1) Tồ-chức này do mấy thủ-túc của cụ Thám phụ-trách: Chánh Tỉnh tức Chánh Song, Nguyễn-viết-Hanh tức Đội-Hồ, và Lý-Nho. Họ họp nhau nhiều lần tại nhà thầy tướng Nguyễn-văn-Phúc tức Lang Sẹo ở phố hàng Buồm bàn việc chiếm thành Hanoi lấy binh lính Việt - Nam trong quân-đội Pháp làm nội-ứng.

Nhưng vì việc chuẩn-bị gấp nhiều trớ-ngại và phải kéo dài nên có kẻ báo cáo cho Pháp biết và đề-phòng. Việc này lại phải lùi đến tháng 5-1908 rồi lại hoãn phen nữa. Thấy địch đề phòng, nghĩa-quân lo hoạt-động gấp cho khỏi lộ cơ-sở hoặc đề tránh việc địch thuyên chuyền nhân-mồi đi nơi khác, việc sẽ bị phiền-phức hơn. Ngày 27-6-1908 là ngày cuối cùng theo lệnh của cụ Hoàng và vào 8 giờ tối hôm ấy có tiệc chiêu-đãi các sĩ-quan và binh-sĩ.

Ngay từ mấy hôm trước, một bức thư nặc-danh đã gửi đến cho viên Tông chỉ-huy quân-đội Viễn-Xâm Piel nói rõ công việc của bọn các ông Đội Nhân, Đội Cốc nên sáng 27-6 Trung úy Delmont Bebet coi Đại-đội công-binh pháo-thủ số 6 còn được Cai Trương mách mọi chi-tiết về việc bạo-động và chỉ tên những người cầm đầu. Pháp chưa tin ngay và tạm tống giam Trương để chờ coi hư thực. Ba tên bạn của Trương sợ liên-lụy đi báo với Cố Ân ở nhà thờ Hà-nội Cố Ân liền gọi điện-thoại cấp báo cho bọn đương-sự Pháp biết. Ngoài bọn khổn nạn này, sở mật-thám của Pháp cũng lượm được tin tức rằng phe bạo động sẽ nổ iên vào đêm 27-6 nên Pháp bố-trí các nơi cần-thận. Từ buổi trưa, về bên ta cũng trong giờ này Đội Hồ tập-hop lực-lượng vũ-trang để tối tới đợi tiếng súng hiệu nổ sẽ đánh vào ba khu: Khu Đồn thủy, khu cửa Bắc, khu cửa Nam. Riêng Đội Hồ và Đò Đảm chỉ-huy một toán đánh vào trại khổ đỗ chiếm lấy đại-bác đưa ra cầu Sông Cái và Cầu Giấy chặn viện binh của địch từ Sơn-Tây và Bắc-Ninh kéo về. Cụ Thám cũng có một đội quân đánh úp Gia-lâm, phá đường xe lửa và giây điện-thoại.

Bên ngoài, các công-tác phòng-thủ và tác-chiến đã phân phối và chuẩn-bị xong, bên trong, việc cắt đường giây thép đi Sơn-tây (chùa Thông là nơi có quân-đội Pháp trú đóng) đã do một ahh em binh-sĩ thi-hành xong vào buổi tối. Thận-trọng thêm nữa, người ta còn dán cả các kim-hỏa để các khẩu đại-bác trớ-nèn vô-dụng và cả những mảnh truyền đơn nhỏ (*kiều buồm - buồm*) hình chữ nhật ở góc có mảnh lụa vàng ghi: «ahhn được giây này hãy hạ súng đầu hàng».

Nhưng công-tác chính-yếu vẫn là việc bỏ thuốc độc vào đồ ăn. Thứ thuốc này làm bằng cà độc-dược do Nguyễn-đăng-Duyên chế-biến đã đem thí-nghiệm tại nhà Ba-Đen.

Từ buổi chiều, ông Ngọc làm bếp ở trại lính đã được lệnh của ông Hai Hiên đi quan-sát tình-hình. Hồi 5 giờ chiều, ông này lấy cớ bếp mình thiếu nước đến các đơn-vị pháo-binhh khác xin nước và hẹn sẽ trả lại sau. Công việc cứ tuần tự tiến-hành rất bình-tĩnh và tự-nhiên, nó còn chu-đáo ở chỗ thuốc-độc không bỏ quá sớm e Tiêu-đội lính đi gác đêm ăn trước bị trúng độc mà hỏng việc chǎng. (Tiêu-đội gồm 12 binh-sĩ và một Hạ-sĩ). Rồi thuốc đã thả vào súp hồi 7 giờ tối. Thuốc độc tan trong nước phân-phối đi khắp các bếp. Kết-quả 150 binh-sĩ thuộc Trung-đoàn pháo-binhh kẽ cả hạ-sĩ-quan và 82 tên thuộc Đại-đội 1 và 2 của Trung-đoàn 9 ngã hết. Tóm lại toàn-thể lính Pháp đều bị trúng độc. Nhưng thuốc độc bằng cà độc-dược không mạnh lắm, bọn người ngộ độc chỉ bị ngất đi mà thôi.

Địch hay tin và vì có đè-phòng từ trước nên kịp giải độc ngay cho các sĩ-quan và binh-sĩ cùng trước khi-giới trong tay binh-sĩ Việt-Nam, đồng thời chúng cầm quân đội ra khỏi trại để mở cuộc điều-tra.

Súng hiệu không nổ, kho đạn không phá được, vũ-khi không lấy được, các chiến-sĩ chờ ở ngoài thành thấy bất động biết co-miuu bại-lộ phải giải-tán.

Tuy việc đầu độc này không thành-công nhưng cũng gây được một dư-luận hết sức sôi nổi, nhất là trong binh-sĩ Pháp. Sau đó mấy hôm, từ quan đến lính không ai dám ăn cơm trong trại, rồi chúng bắt bọn Cai, Đội phải canh gác các nơi bếp nước và bồi bếp phải ném thức ăn trước.

Ngày 30-6 bọn cầm quyền Pháp phải mở cuộc hội họp ở Hà-nội khach-san giải-thích cho đồng-bào của chúng yên lòng và \*có tới 250 Pháp-kiều kéo vào đầy phủ Toàn-quyền đòi trùng-trị quân «phiến loạn» và đòi vũ-khi để tự-vệ. Người Pháp cũng như người Nam đều sống trong một bầu

không-khi khó thở do đó hội Tây (14-7) năm ấy không có tề-chức rầm-rộ như mọi năm.

Nhiều đơn-vị trọng-pháo, 75 ly của địch được gọi từ Sài-gòn ra Hà-nội để tăng-viện cho lực-lượng của chúng ở Bắc-kỳ. Cuộc điều-tra và cuộc bắt-bớ của sở Mật-thám Pháp tiến hành gắt-gao. Mặc dầu việc xét-xử chưa đầy đủ yếu-tố cần-thiết, ngày 8-7-1908, Hội-đồng đè-hình của Thực-dân đã xử chém các ông Đội Binh, Đội Cốc và Đội Nhân cùng bêu đầu các ông ở Ô. Cầu Rền, Cầu Giấy và chợ Mơ (Bạch-Mai).

Nơi chém 3 vị liệt-sĩ là bãi cỏ đường Cột Cờ, sau đó lại có tới 10 vị nữa đền nợ trước dưới lưỡi gươm địch trong số này có các ông Hai Hiên (1), Lang Seo, Cai Tôn, Đội Hỗ, Đò-Đảm v.v... 6 vị bị kết án tử-hình vắng mặt (trong có Ô. Ngọc, Thiện và Bảy trốn được lên Phồn-Xương với cụ Thám) 4 vị bị án chung thân và trên 70 người nữa bị tù hữu hạn. Qua các cuộc thẩm-vấn, địch tìm ra được chứng cứ người thủ mưu đầu độc quân-nhân Pháp bấy giờ là lĩnh-tụ họ Hoàng đang ngừng chiến với chúng nên chuyến này chúng quyết tâm mở các cuộc hành-quân đại qui-mô để diệt-trừ đến tuyệt căn nghĩa-quân Yên-Thế vào đầu tháng 1 năm sau.

Ở vụ Hà-thành đầu độc, ta thấy gì?

Về phương-diện tề-chức, chúng ta vẫn thấy còn nhiều chỗ sơ-hở và ấu-trì nên không bảo-toàn được bí-mật, vì thế mà địch đã bóp nghẹt được cơ-mưu của nghĩa-quân ngay trong giai-đoạn đầu. Nhưng vụ khởi-nghĩa này là vụ khởi-nghĩa thứ nhất của binh lính Việt-Nam (đủ các cấp) vì nghe tiếng kêu-rên xiết của Tổ-quốc mà vùng dậy, đó là điều sỉ-nhục cho một số người văn-hay-chữ tốt đã bỏ giỗng, bỏ nòi chạy theo bát-cơm, manh-áo của địch. Và cũng nhờ ở cái gốc tốt là các giới đồng-bào thuộc hạ tầng cơ-sở luôn luôn tích-cực yêu-nước mà xã-hội Việt-Nam đã nhiều phen quật-khởi giành được tự-do và xây-dựng được độc-lập cho quê-hương hôm qua cũng như hôm nay.

(1) Ba vợ ông Hai Hiên trốn với chồng sang Bắc-ninh mang bị bắt và kết án 5 năm tù.

# PHỤ - LỤC

## TIỀU-SỬ CỦA CỤ PHAN-CHU-TRINH (1872 — 1926)

### LẬP-TRƯỞNG CHÍNH-TRỊ DỊ-BIỆT GIỮA HAI NHÀ CÁCH-MẠNG HỌ PHAN

Cụ Phan-chu-Trinh, tên chữ là Tử-Can, biệt-hiệu là Hy-Mã, sinh năm 1872 (niên - hiệu Tự-đức thứ 26) ở làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, phủ Tam-Kỳ, tỉnh Quảng-Nam (Trung-kỳ). Cụ thân-sinh là Phan-văn-Binh làm Chuyển-vận-sứ trong phong-trào Cần-vương, sau bị hại vì bị nghi-ngờ mưu-phản vào năm 1887. Mẹ cụ là Lê-thị-Chung thuộc một vọng-tộc tại làng Phúc-Lâm. Cụ là con út năm lên 10 tuổi mới đi học. Từ giai-đoạn nay vì gia-biến và quốc - biến, cảnh nhà lúng túng cụ phải sống nhờ vào vợ chồng người anh cả.

Lúc thiếu thời, cụ đã tỏ ra có tính cương-trực, không hề biêt sợ quyên thè, Cụ lại rất thông-minh, hiêu-học.

Năm 1.900, gặp kỳ thi Hương, cụ đỗ Cử-nhan. Qua năm sau (1.901) ta nam Tân-Sưu, niên-hiệu Thành-Thái thứ 13, triều-định có mở àn khoa, cụ đỗ Phó-Bảng.

Đỗ đại khoa xong, cụ về thăm nhà ba tháng rồi trở ra Huế làm chúc Thừa-biện tại Bộ-Lễ. Đây là một chúc nhỏ mà người ta thường dành cho các ông tân khoa-mục.

Kể trong một đời, cụ có ném chút mùi quan trường lần này là lần đầu và cũng là lần chót.

Trong thời-ky này, các cuộc biến - chuyển chính-trị ở bên Tàu đã có nhiều vang bóng sang Việt-Nam.

Sau những trận thua đau đớn với các nước Tây-phương sỹ-phu Trung-quốc bèn lo liệu việc sửa đổi học-thuật, tiếp rước văn-hóa Âu - Mỹ đã phiền-dịch, biên-soạn và phổ-biển được nhiều sách nói về Nhân-quyền, Dân-quyền và phản

đối Quân-chủ cùng Đế-chế. Cụ rất ham đọc các loại sách báo này còn để được hiểu biết rộng-rãi về tình-hình chánh trị Thế-giới từ Đông qua Tây. Dần dần cụ được thay đổi hẳn trên tư-tưởng cũng như trên hành-động rồi cụ sinh ra chán ngán con đường sĩ-hoạn, ngoài ra cái thảm cảnh nước nhục dân hèn đã khiến cụ xúc-động rất nhiều. Cụ liền cáo quan để đi chu-du khắp nước lo tìm đồng-chí mưu toan đại-sự.

Năm 1905 ba cụ Tây-Hồ, Minh-Viên, Thái-Xuyên Nam-du tới Bình-Định gặp quan tỉnh đang khảo-hạch học trò ra đầu bài thi «*Chi thành thông thành*» và bài phú «*Lương ngọc danh sơn*». Cả ba đều nộp quyền kỵ tên giả là Đào-mộng-Giác để cổ động quốc-sự.

Hai cụ Nghè làm bài phú, cụ Tây-hồ thi làm bài thơ không làm theo đầu đề như thường-lệ mà chỉ nói về việc nước để giác - ngộ đam sĩ - tử đang đắm đuối trong khoa-trường và danh-lợi (1). Tỉnh quan gặp việc này hoảng sợ đã dịch bài của các cụ ra quốc - ngữ trình viên Công - sứ bản tinh và đồng - thời truy - tầm tác - giả. Nhưng các cụ đã biệt-dạng.

Cũng nên nhắc rằng trước đó khi ở Huế có khoa thi Hội, cụ Tây-Hồ đã có lần cũng làm một đôi liễn «*Điếu*» và một bài văn «*Tết sống*» những thanh-niên sĩ-tử đang dự thi khoa ấy rằng :

**Thạch bi Kim-bảng do dĩ vi vinh da? Hồi tư nhị-thập thế-kỷ vũ-dài, Đông-Á nhất ngung thương tồn Man-tục.**

**Quốc-sự quân-cửu dĩ-bất phục vẫn-hi? Độc thi tam bách đầu lô nam-tử, xuân phong tam nguyệt tán phú Tân Khanh.**

**Đào-trinh-Nhất dịch :**

Bảng vàng bia đá còn lấy làm vinh ư? Nghĩ lại hai mươi thế-kỷ đời nay, Đông-Á một vùng ở đây vẫn còn Man-tục ;

(1) Xin coi bài thơ và bài phú kè trên ở cuối bản Phụ-lục này.

« Việc nước, thù vua nào ai thèm hỏi đến, chỉ thấy ba  
trăm nam-nhi đầu bụ xùm nhau làm phú Tân-Khanh :

Bài văn-tết sống thi có những câu :

... « May mà đặng Cử-nhân, Tân-sĩ, lăng-xăng như chấu nọ  
gặp đèn ; Mang những đồ áo rộng khăn dài, lốm-thốm như  
mèo kia bị ướt.

« Đại đến nỗi cúng đất tống ôn, trồng nêu đốt giấy, sự  
đã dại mà cứ theo hoài ; quen những điều coi giờ nhảm  
địa, đoán số cúng sao, thói phi-lý mà bỏ đi không dứt.

« Đất công thồ bao canh, bao tá, trút vào bị cho đầy ;  
Thịt tế thần phần biếu phần chia, xách mà ăn lấy được :

« Lê thì thương mới phải, anh em ta mà xúi, sở cung  
ta ; Sao đành hại lẫn nhau, ở đất nước sao lại soi hao  
mạch nước ? »...

Rời Bình-định, các cụ thẳng đường vào Khánh-hòa  
Hồi ấy chiến tranh Nga-Nhật đang ở vào thời-kỳ quyết-liệt.  
Đoàn chiến-hạm Nga do Đề-đốc Rojeswenky điều-khiển bị Hải-  
quân Nhật cả phá ở eo biển Đồi-mã, một chiếc thoát hiểm  
chạy đến đậu ở vịnh Cam-ranh thuộc tỉnh Khánh-hòa, ba  
cụ giả cách buôn bán thuê thuyền ra tận nơi quan-sát.

Về cuộc Nam-du này, các cụ kết-nạp được một số  
đồng-chí trong đó có anh em cụ Hồ-Tá-Bang ở Phan-thiết.  
Đi đến đâu các cụ cũng đề-xướng tân-học và công-kích đám hủ-  
nhو cùng bọn quan trường vô-sỉ, tham nhũng vì thế mà  
các cụ bị chúng thù ghét đến cùng cực.

Ở miền Nam ít lâu, cụ Tây-Hồ lại trở về thăm các tỉnh miền  
Bắc. Ra đến Hà-tĩnh, Cụ ghé thăm các cụ Nghè Tập-Xuyên  
Ngô-đức-Kế, Giải-nguyên Lê-văn-Huân, Cử-nhân Võ-văn-Bá, Ấm  
sinh Lê-Võ v.v., Ra Nghệ-an, cụ tới thăm cụ Đặng Đặng, cụ

Cử Vương. Tới Thành-hóa cụ vào thăm cụ Nghè Tống-duy-Tôn, cụ Cử Hoàng-văn-Khai. Khi ra Bắc cụ đến thăm cụ Cử Lương-văn-Can, cụ Hoàng-Giáp Đào-nguyên-Phô và nhờ cụ Võ-Hoành đưa lên Yên-Thế thăm cụ Hoàng-hoa-Thám. Khi trở về Quảng-Nam cụ tuyên-bố : « Ông Đề-Thám chỉ là một võ tướng mà thôi ».

Lúc này cụ Phan-bội-Châu đang hoạt-động bên Nhật-bản gửi mật thư văn về nước khuyến-khích đồng-bào giúp sở-phí cho các thanh-niên xuất-ngoại gây nên một phong-trào rất sôi-nổi. Cụ Tây-Hồ bèn nghĩ đến việc Đông-du, qua thăm Nhật-bản, trước là quan-sát sự tiến-bộ của Nhật, sau là để gặp cụ Sào-Nam bàn tính về các việc lớn. Hai cụ Phan gặp nhau ở Quảng-Đông rồi cùng sang Đông-kinh. Cụ Tây-Hồ được xúc-tiếp với Lương-Khai-Siêu và nhiều yếu-nhân chính-trị Phù-Tang.

Ở Nhật được ít tháng, sau khi đã xem-xét tình-thế Nhật-Bản và thảo-luận kỹ mọi vấn-dề với cụ Sào-Nam, cụ Tây-Hồ tuyên-bố với cụ Phan-bội-Châu một cách thành-thực trước khi bước chân xuống tàu về nước :

« Tôi có định-kiến rồi, công việc của chúng ta ngày nay là chỉ nên chú-trọng về việc khai-hóa cho đồng-bào mình, tiến được bước nào chắc chắn bước ấy, mới có hy-vọng về sau được. Còn như chủ-trương muôn làm mau, muôn lấy võ-lực mà bạo-động trong nước, hay là nhở sirc một nước ngoài để nỗi quân cách-mệnh, việc ấy tất phải thất bại : sau mỗi cuộc thất-bại, địch sẽ khủng-bố và nhuệ-khí của dân sẽ tiêu-tan, sự tai hại sẽ vô lường nên tôi không tán thành chủ-trương này... Ngoài ra tôi lại cho rằng lúc này cả nước ngủ mè, tiếng ngáy như sấm mà Bắc đứng ngoài muôn dặm, kêu gào hò-hét, liệu được công-hiệu bao nhiêu, tất phải có người ở trong gỗ trán, xách tai người ta mà đánh thúc dậy, thì họa chăng lòng người mới không đến nỗi chết hết. Nay tôi về trong nước đóng vai Mazzini còn Bắc ở ngoài làm Garibaldi, chia ra hai đường mà đều

đi tới, chúng ta lấy cái chết thề cùng nhau cho có thủy cỏ chung... »

Từ đó trở đi, cụ Tây-Hồ quyết định chỉ vận động cải cách chính trị, ra mắt với Bảo-Hộ và Quốc-dân một cách công-khai chứ không chịu tặc-chức « Hội kín ».

Cũng không nên quên rằng trong thời kỳ cụ Tây-Hồ hoạt động chính trị, vào tháng 12-1907, Thống-Sứ Bắc-Kỳ Miribel đã đề-nghị với Toàn-Quyền Đông-Dương như sau :

*« Tốt nhất là gắng mua chuộc Phan-chu-Trinh về phe ta trước khi ông trở thành một kẻ thù công-khai. Có lẽ chúng ta có thể ban cho ông một chức-vụ ngoài Chánh-quyền, với chức-vụ đó ông sẽ có thể vừa thu-thở những khả-năng thực-tế của mình mà vẫn giữ được tư-cách độc-lập ông ta đã rất tha-thiết... »*

Từ ngày rời Nhật trở về Quảng-nam, cụ khuyên dân mở trường học, lập hội buôn và cũng cảm-ngộ được nhiều nhân-sĩ. Nhiều người học giỏi không chịu đi thi và cương-quyết bước sang thực-nghiệp. Ánh-hưởng của cụ đến các thanh-niên không phải nhỏ: Các bạn trẻ Quảng-nam hồi đó tự cắt tóc ngắn, vận Âu-trang may bằng thứ vải nội-hóa. Thật là một cuộc cách mạng lớn về lối phục-sức! Cũng trong năm ấy (Bính-Ngọ — 1906) cụ có viết cho Chánh-phủ Bảo-hộ một lá thư nói về « Cái họa người Tàu tràn sang nước Nam ». Đáng chú hơn cả là bức thư dài 12 trang cụ gửi cho Toàn-quyền Beau ngày 15-8-1906 nêu ra ba điều: Sự mục-nát của quan-trường mà Bảo-hộ phải chịu trách-nhiệm vì đã dung-tung họ. — Chánh sách cai-trị của người Pháp vì khinh dân Việt-Nam nên mắc vào nhiều lầm lỗi... Rồi cụ Tây-Hồ đã đề-nghị sửa chữa như sau :

*« Kén chọn người hiền tài, trao cho quyền bính, lấy lẽ mà tiếp, lấy thành mà dãi, cùng nhau lo toan việc dắt lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh-nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân-sĩ, bảo-quán mở rộng đề thông*

*đạt tình dân, thường phạt cho nghiêm minh để khuyên răn quan lại, còn đến những việc đòi pháp-luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư-phạm cho đến học công thương, mậu-nghệ và các ngành sưu thuế cũng phải cải-lương dần dần, như thế thì dân được yên nghiệp làm ăn sẽ vui lòng giúp việc cho Chánh-phủ, bằng giờ họ chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi còn ai toàn miru việc chống cự nữa».*

Cuộc vận-động công khai sửa đổi chính-trị thất bại vì bọn Pháp thuộc-địa không chịu nghe lời cụ tuy vẫn lưu-ý đến các hoạt-động của Cụ. Năm 1907 cụ lại ra Bắc tề-chúc các buổi diễn-thuyết mỗi tháng hai kỳ ở Đông-kinh Nghĩa-thục và ở nhiều tỉnh nhỏ. Trước mặt một số thính - giả rất đông, cụ khuyên Quốc - dân bỏ lối cũ, phản phát tinh - thần mà lo tự - cường, tự - lập, cụ nói : «*Đồng - bào chờ bạo - động ! Bạo - động thì chết uổng ! Chờ mong người ngoài ! Mong người ngoài là rất ngu !*». Trong khi lưu lại Hà-nội, tiếng tăm của Cụ mỗi ngày một lớn. Chính-phủ Bảo-hộ lại càng có sự nghi- ngờ và e- ngại. Qua tháng giêng năm 1908, dân chúng Quảng-nam, kéo nhau hàng vạn đến tòa Sứ xin giảm sưu bớt thuế. Đoàn biều-tinh thảy đều cắt tóc ngắn. Họ kéo nhau đến vây quanh Tòa Sứ mãi không chịu giải - tán đến nỗi Công-Sứ phải cho lính ra bắn chết mất một số, khi ấy họ mới chịu kéo nhau ra về. Tuy nhiên phong trào ấy cứ lan rộng mãi vào các tỉnh cực Nam Trung - kỳ; Bọn quan lại vốn thù ghét cụ và các nhân - sĩ bởi đã sĩ - và họ nhiều lần, chụp luôn cơ-hội này ton hót với các nhà chín-trách Pháp, khép cụ Tây-Hồ và các bạn vào tội đè - xướng « Dân-quyền và giáo - thiệp với tên phản - quốc (ám - chỉ cụ São - Nam), xúi dân làm loạn». Trong dịp này cụ Nghè Trần-qui-Cáp bị chém ở Nha-trang, (1) còn cụ Tây-Hồ thì bị viên Khâm-sứ Huế điện ra Hà-nội còng tay giải về giao cho Nam-Triều nghị án. Nhiều nhân-sĩ bị chung số phận này và việc kể trên đã xảy ra vào mồng 4-4 năm Mậu-Thân (2).

1) Cụ Nghè Trần-qui-Cáp lúc này đang ở Nha-Trang, vì một bức thư gửi cho một người học trò ở Quảng-Nam có câu : «*Nghe nói vụ chống sưu ở ngoài ta đang phát-động mạnh, thật là khoái.. tên Bố-chánh Khách-Hồ*

Đồng-lõa với Thực-dân, triều-dinh Huế liền nghị án trảm quyết Cụ và cho đeo thẻ tù 7455 (chờ tháng 8 đi Côn-đảo vì lúc này chưa gấp kỳ tàu), sau nhò có người bạn Pháp là ông Babut trong hội Nhân quyền can thiệp nên án trên đây được đổi ra án trảm giam hậu nghĩa là chưa chém ngay, nhưng địch và lũ tay sai vẫn cố níu lấy Cụ bằng sự kết-định như sau : «*Xử-tử dài Côn-Lôn, gấp xá chẳng tha*». Còn bọn cụ Nguyễn Thành bị phạt truwong 100, lưu 3000 ngàn dặm, cải hạn khô-sai 9 năm. Qua năm Tân-Hợi (1911) thấy dư-luận Việt-Nam không ngọt xôn-xao về vụ án cụ Tây-Hồ, Thống-đốc Nam-kỳ phải thân hành ra Côn-đảo xem xét cuộc sống của cụ sau đó Toàn quyền Klobukowsky đề-nghị lên Thủ-tướng Poincaré ân-xá cho Cụ. Về đất liền ít lâu ông Babut can-thiệp lần nữa với Hội Nhân-Quyền tại Paris, án tử-hình được bãi, nhưng Cụ lại bị an-trí ở Mỹ-tho. Cụ hết sức phản-đối đòi trả về Côn-đảo sau cụ được tự-do thật-sự.

Cụ tính tiếp-tục tranh-đấu nhưng xét cùn qua Pháp thì những cuộc vận-động chánh-trị mới hy-vọng có tiếng vang. Ở Mỹ-tho được vài tháng, Cụ theo Toàn-quyền Klobukowsky sang Pháp. Tại nơi «*Kinh - thành ánh - sáng*» cụ thường lui tới Thương-Hạ nghị-viện để đưa ra những dự-án cải-tổ nền chánh-trị ở Việt-Nam nhưng không có kết-quả vì giờ phút này thế-lực của Thực-dân đang mạnh. Năm 1915 cụ và hai ông Phan-văn-Trường, Nguyễn-như-Chuyên bị bắt và bị gán là gián-điệp của Đức.

Qua năm 1916 đảng Xã - hội và hội Nhân - quyền lại

bấy giờ là Phạm-bá-Quát a-dua với đám triều-thần bù-nhin ở Huế đã kết án tử-hình cụ Nghè Trầu bằng ba chữ «*Mạc-tu-hưu*» là ba chữ Tần-Cối đã phê vào hồ-so của Nhạc-Phi để giết cho mau vì án-tử đã không có tang-chứng đích-đáng thi đặt vào tội-danh nào cũng được! Rồi y còn một sáng-kiến đặc-biệt là bắt cụ Trần chịu yêu-trảm tức là chịu chém ngang lưng ở ngay Khánh-Hòa chứ không đưa cụ về chịu chết ở quê nhà là làng Bất-Nhi tỉnh Quảng-Nam.

2) Cùng đi Côn-đảo một chuyến với cụ Tây-Hồ có 7 đồng-chi: cụ Nguyễn Thành, Phan-thúc-Duy-en, Lê-bá-Trinh, Dương-Thạc, Tống-bá-Huy, Nguyễn Quyền và Nguyễn-Cánh.

tranh-đấu ráo-riết cho Cụ nhở vậy. Cụ được bước ra khỏi khám-đường Santé và từ đó sinh sống bằng nghề rửa hình.

Năm Nhâm-tuất (15-7-1922) vua Khải-Định sang Pháp dự cuộc Đấu-Xảo quốc-tế ở Marseille, cụ có gửi cho ông vua thân địch này một bức thư thống-trách bảy điều (1) khiến Khải-Định phải vội trở về nước. Việc này cũng gây được một tiếng vang đáng kể từ Pháp qua Việt-Nam.

Năm Ất-Sửu, tháng 6-1925 làn sóng ái-quốc bên nhà sôi nổi đòi tự-do dân-chủ, cải-thiện chánh-tinh, Thực-dân Pháp đưa Cụ về nước với thâm ý lợi-dụng uy-tín của Cụ để chia-rẽ lực-lượng Cách-mạng đang tiến mạnh sang một giai-đoạn mới. Từ đó cụ chuyên đi diễn-thuyết để cỗ-động dân-tâm, sĩ-khi ở các tỉnh lớn miền Nam cho tới đêm 24 tháng 3-1926 cụ lìa trần ở Saigon hưởng thọ 55 tuổi.

Bản về chánh-kiến của cụ Tây-Hồ, ta thấy bức thư của cụ gửi cho Thực-dân Pháp đã trình-bày chủ-trương của cụ một cách rõ-rệt : Cụ muốn thi-hành một chánh-sách cải-lương cho dân tộc Việt-Nam. Chánh-sách này đòi hỏi ba điều căn-bản : khai thông dân-trí, loại bỏ quan-trường mục-nát và tôn trọng dân-quyền. Theo cụ, có thi-hành 3 điều này mới thâu dụng được nhân-tài và những người ái-quốc, đồng thời mới có thể giúp dân tiến bộ - và dì-tới hạnh-phúc. Đây còn là điều-kiện tất-yếu để hai dân-tộc Việt-Pháp gần nhau, sống chung lâu dài... Lập-trường này đã được cụ ấp-ủ từ khi cụ hoạt-động với Duy-Tân-hội cho tới khi cụ qua Pháp (1903-1911).

Nhưng nhở vào ai để thi-hành chủ-trương cải-lương trên đây ? Cụ nhở Pháp (*Ý Pháp cầu tiến-bộ* là lời thư cụ Phan-sào-

(1) Cụ Tây-Hồ trách-cứ vua Khải-Định 7 điều :

1. — Tôn bậy quân-quyền.
2. — Lạm hành thường-phạt.
3. — Thích chuộng những sự quý-lại.
4. — Xa-xỉ quá độ.
5. — Y-phục không phải lối.
6. — Chơi bài vô độ.
7. — Đì Pháp chuyến này có việc ám-muội.

Nam khi phê-bình tư-tưởng chánh-trị của cụ Tây-Hồ). Ngày nay chúng ta đã có khá nhiều kinh-nghiệm với Thực-dân, Đế-quốc cũng như với Phong-kien thì rõ rằng bọn chúng là giai-cấp thống-trị, dân là giai-cấp bị-trị, có bao giờ kẻ bị-trị lại nhờ được kẻ thống-trị cải-thiện đời sống hay làm cách-mạng cho mình? Nói cách khác, không gì khờ-khạo bằng việc kêu gọi thiện chí hay thiên-lương của bọn thống-trị dù kẻ thống-trị là ngoại-chủng hay đồng chủng, bởi chúng làm gì có từ-tâm khi chúng đã đặt ách thống-trị lên đầu lèn cõi người ta. Do vài nhận xét tầm-thường này ta đã thấy chủ-trương của cụ Tây-Hồ là không-tưởng và trên thực-tế, chủ-trương này đã một thời vô tình giúp cho thực-dân kim hǎm đà phát-triền của Cách-mạng (xin nhắc khi ở Nhật về, cụ Tây-Hồ đã tuyên-truyền chống chính-sách bạo-động của Duy-Tân hội). Sự việc này đã có ảnh-hưởng tai hại cho việc đoàn-kết chống xâm-lược, cụ Sào-Nam phải gửi gấp thư về nước đề hoãn - giải với cụ). (1) Nhìn vào lập-trường này người ta còn coi là cụ đã có ý hợp-tác với địch (theo sự-kiện), nhưng nên nói thêm rằng đây là một sự hợp-tác có tính-cách chiến-thuật thì đúng hơn. Ngoài ra vấn-de quan-trường theo quan-niệm của Thực-dân cần phải được hiểu như sau: quan-trường là đồng-minh, quan-trường là tay sai, là tai, mắt của họ. Chúng có hư-thân, mắt nết mới ra làm tôi cho Đế-quốc. Dưới con mắt của bọn thống-trị, những tên đầy tớ càng lưu-manh, càng tội-lỗi, càng được việc. Nếu chúng biết thương sót đồng-bào, ưu-ái chủng-tộc thì chúng đã là những kẻ đối-lập, cần chúng tàn ác với người nước chúng nhiều, chúng mới bị thúc đẩy đến chỗ trung-thành với người ngoài nhiều hơn. Như vậy, thắc-mắc về tội-lỗi của chúng là vô-lý miên sao chúng cộng-tác chặt-chẽ với mình, còn đồng-bào của chúng đau-khổ có hè-hấn gì đến người Pháp ? »

Đã không thể tán-thành điểm đả-phá quan-trường của cụ Tây-hồ, Pháp thực-dân cũng không thể đồng-tình với việc cải-lương là điều then chốt trong chương-trình chánh-trị của cụ. Quả vậy, người Pháp bỏ nhà bỏ nước, từ vạn

(1) Vì việc này cụ Tiều-La và các đồng-chí chủ-trương bạo-động trong Duy-Tân-hội phải vội-vã báo-cáo sang Nhật: «Tây-Hồ chỉ qui, đa bất lợi ư thương hưu».

dậm tới đây đã bao xương máu từ nứa thể - kỷ trước là, vì lợi-ích riêng của họ, sao lại đòi hỏi họ giúp ta nên giàu mạnh, khôn-ngoan? Trái, lại họ cần dân ta ngu-hèn, quan-lại vong-bỗn mới dễ khai-thác dân ta đến xương-tủy và nấm vững chủ-quyền của họ trên khắp giải đất này.

Nhiều phà sú-học ngày nay nhận-định rằng lập-trường chánh-trị của cụ Tây-Hồ đã bị sa-mù vì quá chủ-quan do đó cụ đã không phân-biệt được đâu là bạn, đâu là thù trước quân cướp nước. Dù « *Ý Pháp cầu tiến bộ* » là một chiến-thuật thì chiến-thuật này cũng thiếu thực-tế nên đã không lợi-dụng được dịch rồi đi đến chỗ thất bại. Khi tuyên-chiến với vua quan Nam-triều, cụ quên rằng phong kiến Nam-triều là tay sai của Đế-quốc, chúng với Đế-quốc là một đồng-một cốt, cấu-kết với nhau và nương tựa vào nhau, rất sát, muốn chẳng rời nhau thì thật là một ý-nghĩ hết sức sai lầm. Lại nữa, làm cách-mạng mà chống bạo-động là vô lý, Cách-mạng chỉ tránh manh-động mà thôi bởi cách-mạng không kiêng bạo-động. Còn nói đến cải-cách, Cách-mạng có thể chấp nhận những sự cải-cách để làm điều-kiện cho cách-mạng tiến nhưng phải đề-phòng những cải-cách nứa vời địch thường dùng để phản-lừa nhân dân. (1) Ngoài ra muốn mở mang dân-trí, thực-hiện dân-quyền dưới một chế-độ thống trị mà không giành lấy chánh-quyền thì không bao giờ nên việc. Quyền-lợi của đại-chúng từ khi có loài người và lịch-sử vẫn là chuyện tranh đấu giữa các từng lớp xã-hội, giữa kẻ bị-trị và kẻ thống-trị cho nên khi cụ Tây-Hồ đòi thực-hiện dân-quyền, dân-chủ, cụ Sào-Nam đã hỏi một câu rất chí-ly : *Dân nho bắt tồn, chủ ư hà hữu?* (Dân đã không còn thì làm chủ sao được!) Riêng câu này đã đủ làm cho chúng ta liên-tưởng đến sự mâu-thuẫn dày rầy trong lập-trường của cụ Tây-Hồ và cả tính-chất lung-chừng của nó.

Tuy-nhiên không ai, không nhận rằng cụ Tây-Hồ là người có tư-tưởng dân-chủ sớm hơn hết ở Việt-Nam lúc

(1) Thời A. Sarraut làm Toàn-quyền Đông-duong đã bày ra nhiều chuyện cải-cách nứa vời. Sau này Thực dân đưa ra trò « Lập-hiến » và « Trực-trị » qua cửa miệng của Phạm Quỳnh và Nguyễn-văn-Vinh để lừa bịp dân ta trên tờ *Nam-Phong* và *l'Annam nouveau*.

ấy, nhưng nói cho phải tư-tưởng dân-chủ của cụ bấy giờ còn rất hạn-chế vì trong bức thư gửi cho Toàn-quyền Beau, cụ mới chỉ cực-lực công-kích các quan-lại mực nát và không có đả-động đến vua. Sự-kiện này có lẽ một phần do cụ Tây-hồ đã hòa-hoãn với *Duy-Tân-hội* vì đoàn-thề này đang sử-dụng chiêu-bài quân-chủ để vận-động nhân-dân nhất là đồng-bào Nam-kỳ thuở đó chăng? Thêm vào, ta lại thấy rằng lòng thương dân hay yêu dân của cụ Tây-Hồ cũng như của cụ Sào-Nam vẫn không ngoài Khổng giáo, tỉ như cha mẹ thương con, các ông quan-đạo-đức thương dân hèn mà thôi chứ các cụ chưa đề ra một lý-thuyết cách-mạng nào chấm dứt chế-độ vua quan từ nền móng. Nhưng sau này cụ Tây-Hồ sống 15 năm trên đất Pháp trở về, ý-thức cách-mạng của cụ đã tiến-bộ nhiều xuyên qua bài diễn-thuyết đêm 19-11-1925 tại Hội-quán Việt-Nam ở Sài-gòn mà đề-tài là «*Quân-lri và Dân-lri*». Về Cụ Sào-Nam cũng vậy, những cuộc thảo-luận giữa cụ với Tôn-dật-Tiên, nhà đại cách-mạng Trung-quốc và với Lương-khai-Siêu đã giác-ngộ cụ rất nhiều nên vào năm 1911 cụ lập ra *Việt-nam quang phục-hội*, cụ đã thay chiêu đổi hướng cho Cách-mạng Việt-Nam và tư-tưởng vọng-ngoại của cụ cũng đã tiêu-tan sạch không như hồi mới cất gánh lên đường.

Tóm lại, do những khuyết-diểm trên đây ta thấy cụ Sào-nam đã đứng trên lập-trường dân-tộc để chống Pháp nhưng thiếu dân-chủ trên tổ-chức (vì chỉ lo kết-nạp các thành-phần trí-thức và phong-kiến), còn cụ Tây-hồ đứng trên lập-trường dân-chủ nhưng cũng không có căn-bản của nó là dân-tộc, không nhận ra mâu-thuẫn chủ-yếu lúc đó là mâu-thuẫn giữa dân-tộc Việt-Nam với thực-dân Pháp.

Cả hai đều chống Pháp và trong thâm tâm chống cả quan-lan vua nhưng đã không gây nổi cơ-sở cách-mạng trong quần-chúng hoặc thiếu sự tổ-chức quần-chúng cho Cách-mạng nên khi Thực-dân khủng-bố, Cách-mạng Việt-Nam dễ đi đến chỗ thoái-trào và mau suy-sụp.

---

**Chú thích.**— Một thời Thực-dân đã mượn chủ-trương của cụ Tây-Hồ làm mặt kế-hoạch chánh-tị để lừa-phỉnh dân ta, vậy mà ta tính lợi-dụng chung thì thật là đáng tức-cười thay

Dẫu sao hai Cụ cũng như các đồng-chi đã thành-công trong việc gieo mầm, rắc giống cách-mạng đê ngày nay, sau nửa thế-kỷ, các con cháu là bọn chúng ta được hưởng-thụ, trái tự-do, hoa độc-lập, nhưng rượu tuy đã rót, từ cốc đến môi có khói còn nhiều bất-chắc nữa chăng ?...

Còn một vấn đề nữa : tập « *Pháp - Việt đê - huề - luận* » của cụ São-Nam dưới ký Độc-linh-tử soạn. Luận văn này thế nào ? Một người đã bước ra khỏi nước hai chục năm, đã gặp nhiều chánh-khách đê bàn chuyện năm châu đã được đến sát sân khấu chính-trị quốc-tế như cụ São-Nam mà còn bàn đến việc *Việt-Pháp thân thiện, Tây-Nam đặc bằng chằng hóa mù tối quá sao ?* Nếu chúng ta đồng ý là cụ São-Nam rất thấu-triệt đã-tâm của Đế-quốc thì cũng đừng quên cụ đã nói một câu rất đáng chú ý : « *Trong đời làm việc gì, cốt đê ý đến mục-dich mong được thắng lợi ở phút cuối cùng, còn về thủ-doan và phượng-châm thay đổi cũng không tiếc* ». Xét ra, chủ-trương « *Pháp-Việt đê huề* » hay chủ-trương bạo-động của cụ chỉ là đường lối hành-động trong một thời-kỳ nhất định đê thực-hiện mục-dich hay đê tạo điều-kiện thuận tiện cho việc cách-mạng. Ta đừng nên cho rằng chủ trương này là một mâu-thuẫn hay là một sự phản-bội đối với nguyện-vọng bình-sinh của cụ. Quả vậy, bản văn trên đây viết ra đê mở màn cho một cuộc điều-định giữa Toàn-quyền A. Sarraut với cụ São-Nam theo đê-nghị của Lê-Dư mà thôi (Lê-Dư, biệt-hiệu là Sở-Cuồng (1) theo cách-mạng thuở đó, nhưng sau về đầu Pháp và được Pháp cử qua Tàu lập cuộc hội-thương nói trên).

Ngoài ra cũng nên hiểu ý nghĩa chữ *đê-huề* của cụ São-Nam. Theo cụ, « *đê-huề* » là ngang hàng với Pháp chứ không phải đê-huề kiều Bùi-quang-Chiêu sau này là đê cho thực-dân và bọn tay sai tha hồ lêng-hành, áp-bức và bóc lột. Đê-huề là phải cho thanh-niên du-học và khi đã có nhiều nhân-tài, tri-thức sẽ yêu-cầu chánh-phủ bảo-hộ

(1) Xin coi Tự-Phản trang 190-194.

trả lại cho Việt-Nam mọi quyền sống độc lập về vật-chất cũng như tinh-thần, nhưng tới khi được tiếp xúc với đại-diện của Albert Sarraut tại Hàng-châu (Trung-quốc) cụ thấy thực-dân Pháp vẫn ngoan-cố, lạc-hậu nên đã rút ngay khỏi chủ-trương kẽ trên. Qua một bức thư trả lời A. Sarraut, cụ Sào-Nam nói không thể chấp nhận được lập-trường đè-huề của Pháp - chánh phủ. Rút cục trước sau người chiến-sĩ cuối cùng của phong trào Cần - vương, người lĩnh-tụ số một của Cách-mạng Việt-Nam đầu thế-kỷ XX vẫn trung thành với ý - nguyện bình-sinh đã diễn tả trong lời khóc cụ Tăng-bạt-Hồ:

« *Tôi không biết chết là cái gì cả — Đọc sách năm châu, kết bạn vài mươi dám, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng lưỡi; hoặc đánh bằng óc, hăm - hăm quyết đánh bằng kiếm — Mong sao máu lầy giải ấm, cờ hồng rực rõ họ da vàng* »

(Ngã bất tri tử chi vi hà vật dã. Độc thư ngũ châu, tri giao sô thập bối, hoặc chiến dĩ bút, hoặc chiến dĩ não Đoan đoan nhiên tai chiến dĩ kiếm — Yêu sứ huyết đè noãn đới vi ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.)

X

X . X

### Lương-ngọc danh-sơn-phú

*Hồi hồi các đồng-bào Nam-việt !  
Cùng giỗng nòi phải biết thương nhau ;  
Giang-sơn này bốn ngàn thâa,  
Mà nèn văn-hóa bấy lâu thế nào ?  
Lo việc đời trải bao biến-cục  
Bảo anh-hùng chịu nhục bao phen ;  
Kẽ ống Nam-hải đầu tiên,*

Khoa đời mong tinh túng phen dài-dài,  
 Kla liệt-sĩ vùi đầu túng đám.  
 Đang kêu gào thê-thảm nhường bao !  
 Tô-lon ta ở nơi nào,  
 Mà cam chịu nhục nỡ sao cho dành ?...  
 Người biết hẹn mà mình chẳng hờ,  
 Chịu cùi laòn lấy chồ vinh-hoa :  
 Sao không nghe rộng trông xa,  
 Bốn-phương thiên-hạ người ta thế nào ?  
 Đáng hãi kè vài câu chuyện cũ :  
 Nước Việt-nam ở giữa phương Đông ;  
 Biết bao liệt-sĩ anh hùng  
 Đan-tâm cố-kết, dũng-trung lạy dường.  
 Nhớ lại trận Phú-Lương ngày nọ,  
 Bắt Mă-Nhi, tướng của nhà Nguyên ;  
 Lại còn Linh-Biều một phen  
 Đuỗi thắng Tô-Định chờ quên sứ nhà,  
 Quag ngọn giáo, phắt cờ mờ nước.  
 Dở bàn tay lấy được Chiêm-thành.  
 Sẵn đà, ta lại tung-hoành,  
 Một châu Chân-Lạp tan-lành ra tro,  
 Hùng-tráng thay, Việt-nam vạn-luế !  
 Đời bấy giờ ta dẽ kém ai ?...  
 Một phen thất sách di rồi,  
 Phải deo cái vạ muôn đời, thảm chưa !  
 Đau đớn nỗi nhà nho hủ-bại,  
 Tục di truyềń cái hại khoa-danh ;  
 Mấy vẫn thơ phú loanh-quanh,  
 Suốt năm, suốt tháng tranh giành từ chưong,

Dơ-dáng nhỉ, quan-trường dâng ghét,  
 Dở bảo hay, chi xiết là ngu,  
 Dùi mài đến tử công, phu,  
 Học nhai bã dả, học mù-quáng thêm,  
 Than ôi, cứ triền-miên chi mãi,  
 Nọc di-trayền tai-hại lăm thay !  
 Xem ra sự-thế nhường này,  
 Nhân-tình phẫn-uất càng ngày càng tăng.  
 Nạn sưu thuế nó chẳng vào cõ,  
 Rát ruột gan, thịt mỡ chẳng còn !  
 Thịt xương ngày một hao mòn,  
 Chỉ tro cái xác không hồn dói thôi !  
 Dương mắt ch้ำ mà ngồi đợi chết,  
 Thủ-mi thương thay đất Việt di dời...  
 Hỡi người tri-thức kia ơi,  
 Trên thời quan lại, dưới thời thư-sinh,  
 Nên ưu nghĩa, ưu danh một chát.  
 Quẳng mũ đi, vứt bút đứng lên !  
 Đứng cam chịu tiếng ươn-hèn,  
 Hơi tàn còn thở chờ quên phục-thù.  
 Tiếc chi cái sống thừa nhục-nhã,  
 Quyết định thuyền đập chõi đi đi,  
 Phơi gan nát óc quắn chi,  
 Thủ chang trả được ta thì mới vinh,  
 Đau khổ thế làm thinh sao nỡ ?  
 Cứ lẩn-lẩn, lừa-lừa qua năm.  
 Dưới đèn căm-cui khđ-tâm,  
 Say sống mê chết học châm lầy gì ?  
 Bọn ăn-cắp chợ Tề lảng-nhảng,

Cốt khoắng vàng, chuối mắng mặc ai.  
 Nhả-môn lũ lè chạy bài,  
 Mắt dày mày dạn coi trời bằng vung.  
 Phàm có chi ai không tư-tưởng,  
 Hồ dội trời sống uồng mà thôi !  
 Thè răng cài tẩm thân tôi,  
 Ngồi tro mắt chầu trông đời thảm-thương.  
 Thân-thể thế, đoạn-trường bao kè,  
 Cuộc đời thay sự thế khôn ngăn.  
 Nước sông Sở cuốn bao lần,  
 Là dòng lệ thảm tươi tràn Trưởng-sa.  
 Sương thu lạnh phủ mờ bóng mù,  
 Trước cửa quan Thần-vũ vắng leo-l  
 Xa trông từng núi hắt-hiu.  
 Như hồn chiến-sĩ đang khêu gợi sầu.  
 Tiên Kinh-Kha địa-dầu Dịch-Thủy,  
 Khuyên người đi đặc-ý sẽ về,  
 Ca là giọng khóc thảm-thê,  
 Ném tung bút sách nói chi thư-tir...

### Chí thành thông thánh

Thể-cục hồi đầu đĩ nhất không,  
 Giang-son vô lè khắp anh hùng.  
 Vạn dân nô-lệ cường-quyền hạ,  
 Bát cổ văn-chương túy mộng trung.  
 Trường-thủ bách niên cam thỏa-mạ.  
 Bất tri hà nhặt xuất lao-lung ?  
 Chợ quán vị tất vô tâm-huyết,  
 Bằng hướng tư văn khán nhất thông,

dịch :

*Cuộc đời ngoảnh lại vắng khôn,*  
*Giang-sơn nào khóc anh-hùng được đâu.*  
*Cường quyền dân đập mái đầu,*  
*Văn-chương tâm vể say cầu mờ-màng.*  
*Tháng ngày uất-giận dành em,*  
*Sở lòng tháo cùi biết làm sao đây ?*  
*Những ai tâm huyết với đây,*  
*Dốc lòng văn dạo, thơ này thấu cho.*

(Tác - giả bài « *Lương ngọc danh sơn phú* » là hai cụ, Trần-quý-Cáp và Huỳnh-thúc-Khang. Bài « *Chi thành thông thành* » thuộc cụ Phan-chu-Trinh. Người dịch các bài trên đây là Thiên-Thê. Hai bài này in trong *Tân-Dân* tuần báo số 3 xuất-bản ở Bắc - Việt năm 1949).

*Thế sự ngày nay đã trống khôn,*  
*Giang sơn cạn lụy khóc anh hùng.*  
*Muôn dân luồn cùi người quyền mạnh,*  
*Tâm vể ngâm nga giấc ngủ nồng.*  
*Nếu cứ trăm năm dành chó cùi,*  
*Biết chừng bao thuở hết chim lồng ?*  
*Các người há phải đều hèn nhát,*  
*Thứ đọc bài này một lát xong.*

(Võ-Oanh dịch)

## THƯ CỤ SÀO-NAM GỬI CỤ TÂY-HỒ

*(Nguyễn văn và bài dịch)*

Đông chiêm nhi Phù-tang chi ảnh bất khả nhiếp. Nam vọng nhi Hồng - Lạc chi hòn bất khả chiêu. Thương mang nhất thân phủ ngưỡng tử hải chính đương uất uất ức ức iết iết ách ách, dục tử bất tử, dục hoạt bất hoạt chi thời.

Thích bào côn - đệ tòng cố hương lai, bĩ đạo già hiền-huynh cập chư bá thúc chí nghị-luận ý khái, tận dịch cố não chí chướng, đai hấp tân dương chí ba.

Thủ thời tinh-thần phi được thiêng ngoại, xích quắc chí khuất : khoảnh vi vạn trượng hồng, y thủy sử dư bất dục nhi phi, vô giác nhi xúc, nhức chí thủ gia.

Thứ Hy - Mã huynh não trung chí điện cơ, sở thôi xúc ngã chí tốiặng ngã giả. Tự duy sở thập niên tiền, trầm một ư trọc dương nô - lê chí ba, yếm ứ ứ hủ - nho quân thần chí thuyết khỉ tri Mạnh-đức-tư-Cru, Lô-thoa vi hà vật?

Kim văn Đại-huynh đề dân-chủ chí thuyết, phong lôi ngã quốc nhân. Đại tai ngôn hò ! Dũng tai tâm hò ! Ngã quốc sở thiên niên bất nhất kiến chí quái vật kim nãi bồng bồng bột bột nhi xuất chí, diệc khoái nhân, khoái ngữ chí cục giả hỹ.

Tuy - nhiên ngã quốc nhân kim nhật, chính đang ấu trĩ giả, kỳ do phôi thại hò ! Xã vị kiên nhi tự chí dĩ cốt, tức vị chủng nhi sách chí dĩ tiên, kỳ bất thôn nhi ngạnh, tẫu nhi cương giả, vô thị lý giả.

Ngã quốc dân chí trình-độ, bất cập Âu-châu diệc viễn hỹ, bi lung tàn-tật chí bệnhh phu, hựu trùng dĩ cơ khổn, mưu thực mưu y, nhật bất hạ cấp, hô hào nhi tinh chí, sứ chí khỉ khỉ. Duy hưu thủ yếm, hà tư cựu chí nhất nhật, nhi trung dĩ thừa thời lập danh chí hy ký, phiên nhiên phong động, hấp nhiên lôi trì, cử quốc nhất tâm, kỳ hối hựu tế.

Kim nãi sậu xướng vô đầu vô tự tự chí thuyết, hư chỉ dĩ khả tây khả nam chí đồ, thủ thanh nhất hô năng đồng giả ký, nhi thế chí tài năng biện sự, trí khả hợp quần già, phản nhân ý khi chí thù, chuyên sinh mâu-thuẫn chí kiến, ngoài cừu vị diệt, nội đảng tiên phi, dân chí bất tồn, chủ ư hà hưu ?

Đại-huynh thủ thời, túng hưu nhất xang nhiệt huyết,

cánh hương hà địa sát gia ? Kim Đại-huynh văn đệ thủ ngôn, tất tương đại mạ viết : nhược trùng, nhược trùng, nô tính vị tuyệt. Tuy nhiên đệ khỉ lạc di nhất gia nô tai Đãn kim nhật bất tôn thử nhất gia nhi nô chi, tương cử toàn quốc nhi nô ư tha nhàn nhĩ. Đại-đệ lý-luận chi giữ thực hành, tu hữu cân lượng, phương kim chi nhật quý hò thực hành, cầu khả dĩ hành ngã cứu quốc chi phương châm, bất phương cõi kỳ kinh thời chi cao luận Sĩ sõ thập niên hậu, đại huynh tái thân tiền thuyết, tắc kỳ lập huynh bàng chi phủ chưởng hát thái giả, tất đệ giả.

Đại-huynh thị đệ, khỉ gia nô lầu cầu chi mi mục phủ gia ? Tái đệ hướng du quý tinh, sở giữ ngũ già, gai vi tuấn lưu, đẫn ngũ kỳ làm cơ ứng biến chi năng, phâu phán hoãn cấp chi trí, đệ cảm vì kỳ vô xuất Tiêu - La chi hữu giả, tuy thi thi chi nhan sắc, bất khẳng hĩ thắng trước nhượng nhân, cố thử lão bản bản lai khuyết điểm nhiên Triệu-Xa chi hạ Hùa-Lịch, Hán-Tin chi bái Lý-tả-Xa, ngã đồng-bào diệc đang vị quốc vong kỵ.

### PHAN-BỘI-CHÂU

Dịch :

*Hy-Mā Đại-huynh,*

*Ngó sang Đông hẹn-thắng cùng nước Nhật, ngoảnh về Nam bùi-ngùi với nước Nam, thản thòi chiếc bóng, bốn bề không nhả. Lúc này chính tôi đương lâm vào tình-trạng dở chět dở sống, khac chăng ra mà nuốt chăng vào.*

*Gần đây được tin Đại-huynh cùng các anh em đồng-chi nêu ra những nghị-luân ý-chí mới-mẻ, tẩy trừ những tri-não cõi-hủ để hấp - dẫn những tư - tưởng mới, làm cho tinh thần tôi và cùng dũng dược. Với tài hèn súc mọn, ước gì có cánh thì bay, có sừng thì chận, tình-trạng nước nhà đã đến bước may-mắn này rồi chăng ? Phải chăng ý-kiến Đại-huynh phát xuất bởi một não bào chưa đựng những diệu-ánh làm chúng tôi lòa mắt ?*

*Nhưng than ôi ! Mấy mươi năm hụp-lặn trong ao-tú nô-lê lý-thuyết phong-kiến, biết đâu những chuyện Lô-Thoa, Mạnh-Đức.*

Nay nghe Đại-huynh dề - xướng thuyết dân-chủ như một tiếng sét xé trời, tâm-sự ấy, lý-luận ấy, ai mà chẳng thán-phục?

Nước ta mấy ngàn năm, tới bấy giờ, ai đã biết thuyết dân chủ là gì, nay bỗng nhiên mọi người trổ mắt nhìn và ưa chạy theo những lý-thuyết đang khát vọng ấy.

Nhưng thưa Đại-huynh, trình-dộ nhân-dân Việt-Nam hiện nay hãy còn ấu-trì như răng chưa cứng, chân chưa mạnh, nếu sử-dụng mà nhai, mà di, thi làm sao đang nồi?

Nhân-dân Việt-Nam so với Âu - Tây hãy còn kém họ xa lăm, như người còn đau, đang đau nồi gánh nặng. Nhân-dân ngu-muội dói khồ, nay mình đem những lý-luận cao-siêu mà áp-dụng, không sao tránh khỏi những việc lão-dảo ngả nghiêng.

Nay đem ra một lý - thuyết mà người ta chưa biết đâu biết đó, rõ phia Nam phia Bắc, chỉ hô lên một tiếng đã dề kiểm được mấy người hưởng-ứng cho. Tình - trạng như thế, việc hợp-quần còn khó lăm, Đại-huynh ạ! Rồi sẽ vì ý-kiến xung-dột, hành-dộng mâu-thuẫn nhau. Thủ ngoài chưa diệt, nội bộ chống nhau. Ôi dân - chủ! Dân không còn nữa thì chủ vào đâu? Lúc bấy giờ Đại - huynh có bầu nhiệt huyết cũng không còn chỗ thi-thố nữa.

Khi Đại-huynh nghe tôi nói như vậy, chắc sẽ chửi rằng: Đồ tôi, cẩn-tinh nô-lệ vẫn còn! nhưng thưa Đại-huynh, tôi đâu phải muốn làm nô-lệ! Chẳng những bản-thân tôi, mà còn muốn làm cho đồng-bào thoát khỏi vòng nô-lệ nữa. Lý-luận không đi sát thực-lẽ dề thi-hành, thì chỉ là một việc tai hại. Vậy tôi dề-nghi với Đại - huynh, với tình - trạng nước ta, hãy chờ ít lâu nữa, Đại-huynh xướng thuyết dân-chủ thì cứ cõi-dộng quõe-dân đồng-bào nhiệt liệt hưởng-ứng, trong đó có tôi.

Thưa Đại-huynh, thời mà tôi mới tìm các đồng-chi ở qui tỉnh thì Tiều-La tiên-sinh là người thứ nhất đã tán thành ý-kiến và chủ-trương của chúng tôi, Triệu-Xa hạ Hùa - Lịch, Hán - Tin lạy Lý-Tả-Xa, nhân-dân Việt-Nam cũng ở vào tình-trạng ấy, mong Đại - huynh xét kỹ.

(Hai bài này trích trong cuốn Phan-bội-Châu của Thế-Nguyễn trang số 196 — 200 do TÂN-VIỆT xuất-bản).

## CHƯƠNG VII

### CUỘC QUẬT-KHỎI CUỐI CÙNG CỦA PHONG-TRÀO HẬU-VĂN-THẦN

**VIỆT-NAM QUANG -  
PHỤC HỘI  
(1911 — 1916)**

Từ năm Kỷ-dậu (1909) qua năm Canh-tuất (1910) phong-trào Cách-mạng Việt-Nam bị tan rã trông thấy. Các yếu-nhân của *Duy-tân-hội* và của *Đông-kinh nghĩa-thục* bị khủng-bố, bị chém giết, bị tù dày hầu hết. Cụ Sào-nam và các đồng-chí ở hải-ngoại cũng không được yên- ổn. Pháp — Nhật bắt tay nhau xong thì các nhà đương-cục Đông-kinh hạ lệnh trực xuất các du-học-sinh Việt-nam ra khỏi đất Phù-tang, đảng-đồ ngoài nước như vậy cũng là tan ra mây khói. Trong khi này một số anh em lên đường về nước, một số ở lại làm khổ-công học-sinh trên đất Nhật. Đầu năm 1910, cụ Phan và Kỳ-ngoại-Hầu cùng một số nhỏ đồng-chí trôi dạt sang Tàu rồi qua Xiêm làm ruộng (cụ Phan sang Xiêm tháng 9-1910). Giữa lúc này thời-cuộc nước Tàu đi tới chỗ biến-chuyển mạnh hơn bao giờ hết. Năm Tân-hợi (1911) Cách-mạng Trung-quốc bùng nổ, thu-phục được Võ-Xương, chưa đầy một tháng cả nước hưởng-ứng và chưa đầy ba tháng đã đánh đổ được cái triều-đình mục-nát của Mẫn-Thanh. Cụ Phan và các anh em mừng hết sức liền trở qua Tàu vào tháng 10 năm ấy tính lợi-dụng cơ-hội Cách-mạng Tàu thành-công để xoay chuyển tình-thế của mình (1).

(1) Sau này mọi việc thất-bại, trong sách *Tự phán*, trang 445 cụ Sào-Nam ngâm lại những việc đã qua thú-nhận rằng kế-hoạch lợi-dụng Cách-mạng Tàu là «Ngông quá». Cụ viết: «Vì ở trong nước không có một tề-chức, một thực-lực gì, chỉ trông nhờ gờ ngoai-lực... Xưa nay Đông Tây các nước, tuyệt-nhiên không một đảng cách-mệnh nào chỉ là ăn mày mà làm nên việc được, khốn vì chúng tôi lúc ấy đã không nỡ... ngoài cù

Thượng-tuần tháng hai năm Nhâm-tý (1912) Kỳ-ngoại-Hầu cũ Sào-Nam và trên một trăm đồng-chí từ các nơi đã đến tụ-hợp tại Sa-hà (nhà ông Lưu-vĩnh-Phúc) lập ra *Việt-Nam Quang-phục-Hội* lấy chủ-nghĩa dân-chủ làm nòng-cốt cho chính-thề mai sau và đề kết-hợp với Cách-mạng. Trung-quốc (1) Xét ra, nếu theo một chủ-nghĩa khác thì khó được sự giúp đỡ của họ. Xin nhắc rằng 6 năm trước, trong cuộc hội-kiến giữa Sào-Nam và Tôn-Văn, nhà-linh-tụ của Trung-quốc đã hết sức phản-đối chế-độ quân-chủ như ta đã thấy. Sau hội-nghị này có đủ anh em ba kỳ đại-diện, người ta đã đưa ra một quyết-nghị thủ-tiêu *Duy-tân-hội* và thay đoàn-thề này bằng *Việt-Nam quang-phục-hội*, để đi tới việc xây-dựng một Cộng-Hòa dân-quốc sau này. Đại-diện Nam-kỳ vốn còn nặng đầu óc về Quân-chủ đã phản-đối nhưng bị thiêu-số.

*Việt-Nam quang-phục-hội* gồm các bộ-phận dưới đây:

1.— *Bộ Tông-vụ*: Hội-trưởng là Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề — Phụ-tá là Hội-tông-lý Phan-bội-Châu.

2.— *Bộ Bình-nghị*: có các đại-biều ba kỳ lựa trong đám người cao-niên, học-thức rộng, đức-vọng nhiều là :

Nguyễn-thượng-Hiền (Bắc-kỳ)

Phan-bội-Châu (Trung-kỳ)

Nguyễn-thần Hiển (Nam-kỳ)

ős no ngũ kỹ, bỏ sôong ngày tháng vô-liêu kia thì dầu biết hq-sách  
cũng phải làm, chỉ moy rủi thôi » ♪

Việc làm của cụ Phan, bây giờ rõ - rệt có tinh-cách cầu may cụ đã thu-nhận hết sức thành-thực khiến ta phải cảm-động. Rồi cụ đã thốt thêm câu: Cờ tàu cuộc chết chỉ còn đánh liều một keo cuối cùng, dầu làm mà thua còn hơn ngồi mà chờ chết.., tôi cũng liều, chẳng qua treo một cái gương thất-bại cho người sau dòm mà thôi...»

(1) Về việc ngoại-viên, Cách-mạng Việt-nam xét ra bấy giờ không trống vào Trung-quốc thì cũng không hy-vọng được vào Quốc-gia nào khác. Nhật-Bản lúc này đã đứng vào hàng-ngũ Đế-quốc và đã đủ cho ta thấy không thể tin-tưởng gì nữa vào họ qua vụ Đông-du. Tuy vậy, cụ Sào-Nam vẫn tung ra bản Liên-Á Sô-ngón tại Xiêm trước khi qua Tàu. Văn-kiện này nêu ra kế-hoạch hợp-tung cho hai nước Trung — Nhật và các nước Án, Phi đoàn-kết để quét bọn thực-dân da trắng.

3. - Bộ Chấp-hành có 10 ủy-viên :

Quân-vụ ủy-viên : Hoàng-trọng-Mậu, Lương-lập-Nham.

Kinh-tế ủy-viên : Mai-lão-Bạng, Đặng-tử-Mẫn.

Văn-độc ủy-viên : Phan-bá-Ngọc, Nguyễn-yên-Chiêu.

Thư-vụ-Ủy-viên : Phạm-quý-Chuân, Đinh-tế-Dân.

Ngoài ra còn 3 vị được cử vào việc vận-động trong nước là :

Đặng-xung-Hồng (Bắc-Kỳ).

Lâm-quang-Trung (Trung-Kỳ).

Đặng-bỉnh-Thành (Nam-Kỳ).

Trụ-sở dùng vào các cuộc hoạt-động là nhà ông Lưu Vĩnh-Phúc ở Sa-Hà có thể dung được 50 người, nhà bà Chu Thị ở Hoàng-sa dung được 10 người, ngoài ra đảng-viên phải tìm đến nhà các bè bạn người Tàu và Ký-túc-xá các học đường để ăn ở và làm việc.

Vì nhu-cầu bạo-động đòi hỏi một lực-lượng quân-sự, Việt-Nam Quang-phục-Hội lập ra Quang-phục-quân. Cán-bộ chỉ-huy là các ông đã học ở các trường vũ-bị của Nhật và của Trung-quốc : Lương-lập-Nham, Lâm-quang-Trung, Đặng-hồng-Phán, Hồ-hinh-Sơn, Phan-bá-Ngọc, Nguyễn-thiệu-Tồ, Hà-dương-Nhân (xuất thân ở trường sĩ-quan Bắc-Kinh) — Lưu-khai-Hồng, Nguyễn-yên-Chiêu (trường Quân-nhu Bắc-Kinh) — Trần-hữu-Lực, Nguyễn-tiêu-Đầu, Nguyễn-thái-Bạt (trường Lục-quân Quảng-tây).

Quang-phục-quân có quốc-kỳ kiều ngũ tinh liên châu (một chuỗi 5 sao) nền vàng sao đỏ, còn quân-kỳ thì nền đỏ sao trắng. Vũ-khi là một số súng mua được, nhưng Hội còn lập một xưởng bí-mật chế bom.

Cụ Phan và Hoàng-trọng-Mậu đã viết một cuốn Phương lược dày hơn một trăm trang gồm 5 chương (trong đó 2 chương đầu thuộc cụ Phan) như sau :

1) Chủ-nghĩa và tôn-chỉ của Quang-phục-quân.

- 2) Kỷ-luật của Quang-phục-quân.
- 3) Cách biền-chế của Quang-phục-quân.
- 4) Viên-chức và lương-hồng của Quang-phục-Quân.
- 5) Kế-hoạch dự định tiến-hành của Quang-phục-quân.

Trù-khoản bấy giờ chưa có tới một xu và là một ván-de khẩn-cấp, các nhà cách-mạng chỉ có hai đường : *vận động ở trong và khai-cái ở ngoài* (1). Vài nhà tài méc trong giới cách-mạng Trung-quốc là Lulu-Phuc tiên-sinh tặng 200\$ Dân quân thống-lĩnh quan-nhân-phủ tặng 100\$, Tạ-Anh-Bá và Đặng-Cánh-Á 100\$, nhờ được món tiền quyên-trợ này Hội mới có lệ-phi cho 3 người về nước và in các bản tuyên-ngôn, chương-trình. Ít lâu sau các ủy-viên (2) trở ra nộp được hơn 2000\$, đó là số tiền cả 3 kỳ đóng góp (!) Xét ra, Cách-mạng Việt-Nam lúc này khốn-khó về tài-chính còn hơn thời có *Duy-tân-hội*.

Vì hội mỗi ngày một phát-triền, việc chi-tiêu mỗi ngày một tăng do đó Quang-phục-quân liền phát-hành quân-dụng-phiếu ở Lưỡng-Quảng và trong nước. Quân-dụng-phiếu có 4 thứ tiền : 5\$, 10\$, 20\$ và 100\$ mặt trước in hàng chữ : Việt-Nam Quang-phục quân, 4 góc in số tiền ; mặt sau ghi bằng chữ Hán và chữ quốc-ngữ : « Phiếu này do Việt-Nam quân chính-phủ tạm-thời phát-hành để đổi lấy thực-ngân ghi trong phiếu, sau này chánh-phủ dân-quốc chính-thức thành-lập sẽ đem thực-ngân bồi-hoàn một gấp đôi ; cấm mọi việc giả-tạo, ai trái lệnh sẽ bị trừng-phạt nặng. »

Dưới ký tên Phan-sào-Nam, người kiêm-phát là Hoàng trọng-Mậu, ngoài ra còn Thông-dụng-phiếu do Cường-Đề phát-hành nhiều ở Nam-kỳ.

Hạ tuần tháng hai (Nhâm-tý-1912) cụ Phan lên Nam-kinh gặp Tôn-trung-Sơn. Họ Tôn chỉ nói chuyện được vài

(1) Tự-Phán, trang 148.

(2) Nam-kỳ do Đặng-bỉnh-Thành góp 1000đ. Trung-kỳ do Lâm-quang-Trung góp hơn Bắc-kỳ do Đặng-xung-Hồng góp hơn 500đ.

câu rồi ủy ông Hoàng-Hưng tiếp cụ, Nhà cách-mạng Trung-quốc nói rằng vấn đề viện-Việt lúc này bàn đến là quá sớm vì bọn họ cũng đang bối-rối về nhiều việc. Họ chỉ có thể giúp việc đào tạo cán-bộ cho học-sinh Việt-Nam bấy giờ mà thôi, rồi Hoàng viết thư giới-thiệu cụ Phan với Việt-đốc Hồ-Hán-Dân về vụ này. Cụ Phan mang thư của Hoàng lên Thượng-hải gặp Đô-Đốc Trần-kỳ-Mỹ là chỗ cố giao. Cuộc vận-động cũng không được kết-quả như ý muốn ngoài việc được tặng 4000\$ và 30 trái tạc - đạn đem về Quảng-Đông.

Biết rằng trông vào thực-lực trong nước để chống Pháp, hy-vọng rất ít-ỏi vì nhân-tâm, sĩ-khí lúc này đang bị Thực-dân Pháp khống-bố mạnh nên rất sút kém, các nhà cách-mạng của chúng ta đều hướng về cách-mạng Trung-quốc như xưa kia chỉ nhìn vào Nhật-Bản. Cụ Phan liền lợi-dụng mọi cơ-hội để kéo lôi Trung-quốc vào hoạt động của cách-mạng Việt-Nam. Sự thực, nếu Trung-quốc có thể giúp được Việt-Nam thì Pháp cũng dễ khốn-đốn bởi về vị-trí chiến-lược, Lưỡng-Quảng ở sát Bắc-Việt, Hoa-quân kéo sang Việt-Nam và vận-chuyển quân-nhu, lương-thực rất dễ dàng trong khi Pháp cách Việt-Nam rất xa, việc tiếp-tế rất khó-khăn và mất nhiều thời giờ. Vấn-de khí-hậu cũng rất tai hại cho Pháp nhưng không phiền-phức gì đối với quân Tàu vốn rất quen rầu-rãi và khồ-sở.

Rồi cụ Sào-Nam cho ra đời *Chấn-Hoa hưng-Á-hội* để thực-hiện hoạt-pháp võ-trang cách-mạng, dĩ-nhiên tại quốc-nội các chí-sĩ cũng vận-động binh-sĩ Việt-Nam nỗi lên chống Pháp khi có cơ-hội bạo động. Đây còn là một kế *chư giả thực chi* mà hai chí-sĩ Tàu là Cô Thiếu-Lâm và Đặng-Cánh-Á bàn với cụ Sào-Nam để gây thanh-thế vừa có mục-đich lôi cuốn người Tàu, vừa gây xúc-động tâm-lý ở trong nước.

Với một phần tiền còn lại do Trần-kỳ-Mỹ tặng, cụ Phan in chương-trình và bản tuyên-ngôn. Khi các văn-kiện này tung ra, trong nhân-sĩ Tàu có nhiều người tán-thành vì bản tuyên-ngôn của Cách-mạng Việt-Nam đã nêu vai-trò đán-anh Á-

Châu mà nước Tàu từ thời Mân-Thanh đã rời bỏ. Điều thứ hai việc viện-Việt được trình bày hợp-lý vì vị-trí xa-gần của đôi bên Hoa — Pháp đối với Việt-Nam đã là điều lợi hại, trên nhiều phương-diện, như chúng tôi đã nói, ngoài ra lúc đó Pháp yếu nhất trong đám Liệt-cường lại có tử thù là nước Đức dễ bị đánh thua, vậy nên dự-bị ngay từ bây giờ một lực-lượng đồng-minh cho quân-đội cách-mạng Việt-Nam về tương-lai trong khi chờ đợi Hoa — Pháp tuyên chiến.

Đặng-Cảnh-Á được bầu làm chủ-tịch Chấn-Hoa hưng-Á-hội cụ Sào-Nam làm Phó. Phần các ủy-viên trong ban chấp-hành hai bên Hoa-Việt cũng chia đều.

Kế-hoạch là : viện-trợ Việt-Nam trước hết ; trong giai-doạn thứ hai sẽ có việc giúp Án-độ và Miến-diện, giai-doạn thứ ba là can-thiệp cho Triều-Tiên. Mục-đích chính là xây dựng Trung-hoa thành một nước hùng cường để giải-phóng các nước đàn em Á-Châu.

Hai trăm người xin vào Hội trong khoảng một tháng Nhờ có hội-sở đàng-hoàng, các bạn Tàu cõ-võ rầm-rộ, bề ngoài của Cách-mạng Việt-Nam khi ấy được nhiều người chú ý. Bản tuyên-ngôn mang bàn tại hội-nghị có châm-chước ít nhiều nhưng kết-quả vẫn khả-quyết. Về tài-chinh, ngay trong dịp này đã có nhiều người mua quân-dụng-phiếu của Quang-phục-quân. Số tiền thâu được trên 1000\$. Trần quỳnh-Minh là Tỉnh-trưởng Quảng-Đông sẵn cảm-tình với các chí-sĩ của ta đã lờ cho ta tự-do hoạt-động. Nhưng để thực-hiện Cách-mạng võ-trang phải có cự-khoản trên vài chục vạn đồng, số tiền quá lớn lấy đâu ra ? Cụ Phan và các đồng-chí liền quyết định kịch-liệt bạo-động ở trong nước hầu gây một tiếng vang lớn thì việc quyên tiền mới dễ dàng. Ngoài ra lúc này Cách-mạng ở quốc-nội đang bị chuyển sang giai-doạn thoái-trào do Thực-dân chém giết, tù đầy, quá nhiều các chiến-sĩ và dân chúng. Chúng tăng-gia việc bóc lột và tung ra một số cải-cách giả-hiệu. Một số báo-chí ca-tụng công-đức Đại-

---

Sau khi Chấn-Hoa Hưng-Á-hội ra đời, các linh-tụ Tàu và ta còn lập ra Đông-đương Đông-văn-Hội để tập-hop một số chí-sĩ Cách-Mạng Triều-Tiên và Đài-Loan do cùng một mục-đích.

Pháp mà đầu trò là Lê-Hoan, Hoàng trọng-Phu (con trai Hoàng-cao-Khải) và Nguyễn-duy-Hàn. Các cụ nghĩ, nếu không làm việc gì kinh-thiên động-địa, át không sao thức-tỉnh được đồng-bào, kêu gọi được Hồn-nước, nhóm ngọn lửa tàn và đòn-áp tinh-thần, bẽ lũ Việt-gian; Hội liền lên án tử-hình Toàn-quyền A-Sarraut, Đồng - đốc Hoàng-trọng - Phu và Tuần-phủ Nguyễn-duy-Hàn. Một số chiến-sĩ được bí-mật phái về nước thi hành dự-định kè trên: Hội còn trên một ngàn đồng liền chia cho Nguyễn-hải-Thần và Nguyễn-trọng-Thường 400\$ với 6 lựu-đạn do đường Lạng-sơn lén về Bắc-Kỳ. Hà-đương-Nhân, Đặng-tử-Vũ được 600\$ và 4 lựu-đạn do đường Tiêm-la vào Trung-kỳ, Bùi-chính-Lộ được 200\$ và 2 lựu-đạn cũng do đường Tiêm-la về Nam-kỳ. Vào việc, các anh em có nhiệm-vụ công-tác ở Trung-kỳ, Nam gặp nhiều trở-ngại không hành-động được (1), cả việc ám-sát Toàn-quyền A. Sarraut ở Bắc-kỳ trong dịp tuyên-bố kết-quả kỳ-thi Hương ở Nam-định tháng 11-1912 cũng không thành do Nguyễn-hải-Thần không làm nỗi. Tuy vậy, nhờ có tài-xế Phạm-văn-Tráng, ngày 13-4-1913 Cách-mạng Việt-Nam hạ được Tuần-phủ Nguyễn-duy-Hàn tại Thái-Binh và ngày 26 cùng tháng Nguyễn-văn-Túy nhân-viên xe lửa bên Gia-Lâm ném được một trái bom vào «Hà-nội Khách-sạn» giết được hai sĩ-quan huu-trí Pháp là Montgrand và Chapuis và làm bị thương nhiều người khác đang ăn uống gần đó. Sau vụ bạo-động này, Thực-dân bắt bớ tù đầy tới 254 người trong đó 7 người bị kết án tử hình, 8 người bị đi tù, 15 người bị an-trí, 5 người bị cấm-cổ, 5 người cấm-cổ hưu-hạn 5 năm, 19 người bị khở sai còn lại thì bị phạt từ 5 đến 10 tháng. Bốn người bị xử tử-hình vắng mặt là Phan-bội-Châu, Gường-Đè, Nguyễn-trọng-Thường và Nguyễn-hải-Thần. Riêng Nguyễn-văn-Túy và Nguyễn-văn-Cần đã ném lựu-đạn ở Hà-nội bị bắt ở Thượng-hải năm 1917 đã tự-tử giữa đường, Bùi-chính-Lộ về đến Bang-Cốc không nén được lòng uất-bận đã rút lựu-đạn giết hai tên chó săn của Pháp nhưng rồi ông bị bắt và tự-sát. Cụ Phan vừa thương tiếc họ Bùi vừa hận rằng «*hạt châu bắn chim*

(1) Số tặc đạn mang sang Xiêm đã phải vứt bỏ ở Sở Cây vì không vào lọt được Trung và Nam-kỳ.

*sẽ, thiệt Trương-lữ-Phòng, Yên-trọng-Côn, ai chịu làm như thế?». Tiếp theo, nhiều chiến-sĩ khác của Quang-phục-hội trong hàng đảng-viên trọng-yếu nhất đã vong-thân trên đường nhiệm-vụ (1). v.v.*

Xin nhắc trước khi Trung-hoa đệ-nhị thứ Cách-mạng nổi lên (2), tức là trước khi Viên-thế-Khai bị Quốc-dân-Đảng đánh đỗ (tháng 5 Quý-Sửu 1913), Long-tế-Quang thay Trần-quýnh-Minh lên làm chủ tỉnh Quảng-Đông không có chút thiện-cảm nào với Cách-mạng Việt-Nam nên cơ-sở của Cách-mạng Việt-Nam ở đây bị giải-tán. Thế là đã tan đàn lại mạt tồ. Tháng 7 mùa thu năm ấy Toàn-quyền Đông-dương Albert Sarraut sang Quảng-Đông vận-động với Long-tế-Quang dẫn-độ cáo đảng-viên, Cách-mạng Việt-Nam nhất là : Sào-Nam, Cường-Đề và Mai-lão-Bạng lấy cớ rằng bá lĩnh-tụ trên đây đã chủ-động các việc sát-nhân bên Việt-Nam. Đồng-chi của các cụ bấy giờ ở Quảng-Đông còn độ 50 người. Cụ Cường-Đề lúc này ở Hương-Cảng và tuy biết tình-thế đang nhiều đe-dọa nhưng vẫn chưa đi được vì chưa kiếm ra tiền để phân-tán các ánh em di các nơi. Cụ Phan liền bàn với cụ Cường về Nam-kỳ kiếm tiền. Cụ Cường đi xong, cụ Phan ở lại thì bị Long-tế-Quang bắt vào ngày 24.12 năm Quý-Sửu (1913) vì một người Quảng-Đông làm do-thám cho Pháp là Quan-nhận-Phủ tố cáo cụ có liên-lạc thân-mật với bọn cụ Tôn-Văn. Bọn quân-phiệt Trung-quốc định bán cụ để lấy một món tiền lớn của thực-dân Pháp, đồng thời đòi Pháp cho mượn đường Bắc-kỳ đánh Cách-mạng Trung-quốc tại Vân-Nam. Cuộc điều định không đi tới kết-quả thì vào tháng 3 năm Bính-Thìn (1916) Long-tế-Quang thua quân Hộ-quốc (Cách-mạng) chạy về Quỳnh-châu, cụ Sào-Nam được ra khỏi ngục-thất.

(1) Yên-trọng-Côn là người ám-sát Y-Đằng Bác-văn, Toàn-quyền Nhật ở Cao-ly trong thời Nhật đặt ách đô-bộ ở nước này.

(2) Đệ-nhất Cách-mạng tức cuộc Cách-mạng Tân-hợi (1910) bị thua bại ngót ba năm sau bọn ông Tôn-Văn mới đánh đỗ được Viên-thế-Khai để thực hiện Trung-hoa dân-quốc. Họ Viên định lên làm vua thay nhà Thanh thuở ấy.

Lúc này Kỳ-ngoại-hầu sau khi về Nam-kỳ được bà con giúp một số bạc 5 vạn đồng với qua Âu-châu không thể cùng đi như đã hẹn ở lại chờ cụ Phan vì bị thực-dân theo đuổi riết.

Tháng 9 — Ất-Mão 1915, trong lúc Phan còn nằm trong ngục Quảng-Đông nhờ được người nấu bếp nhà tù có cảm tình, cụ tiếp được mật-thư của cụ Đặng-tử-Kính nói có Công-sứ Đức và Áo ở Xiêm muốn giúp Cách-mạng Việt-Nam đánh Pháp ở Đông-Dương, nhưng cần gấp lính-tụ. Cụ Cường-Đè bấy giờ đã vắng mặt nên cụ Sào-Nam trả lời ủy cụ Mai-Sơn đi thay rồi cụ Mai - Sơn nhận tạm một vạn đồng của người Đức.

Số bạc này được dùng như sau : một phần chia cho cụ Tân-Thuật về Đông-Hưng đánh lén vào Móng-cái — một phần chia cho cụ Mai-Sơn về Long-Châu đánh vào Lạng-sơn — một phần cấp cho Hoàng-trọng-Mậu đánh vào Hà-Khẩu. Nhật-ký khởi-nghĩa định vào ngày 11-3-1915. Về việc đánh Lạng-sơn nội-bộ của Quang-phục-quân có sự chia rẽ ; Hoàng-trọng Mậu được cử làm Tổng-chỉ-huy, muốn đánh Thất-Khê để cắt đường liên-lạc của địch giữa Lạng-sơn và Cao-Bằng, ông lại không tán - thành việc đánh Tà - Lùng. Trong lúc còn lưỡng-lự, Nguyễn-hải-Thần tự động lĩnh quyền chỉ-huy tiến hành việc đánh đòn này bằng 100 nghĩa-quân. Lực-lượng tấn công yếu ớt, ám-hiệu lại không phù-hop nên quân trong đòn không hưởng ứng, Sau 15 phút ta bị một số chết và một số bị thương. Việc thất - bại, bọn gián - điệp Đức chào nản, rồi nội-bộ Quang - phục - Hội cũng trở nên khảng-tảng dần. Lợi-dụng lúc này các người Cách-mạng của ta đang xuống tinh-thần, thực-dân mua chuộc nhiều kẻ lưu-manh và thô-phỉ Tàu tim giết và bắt các chiến-sĩ của ta Cụ Đặng-tử-Kính bị chết trong trường-hợp này. Tháng 5-1915, Hoàng-trọng-Mậu, Lê-Dương, Trần-thị-Chuyên, bị bắt ở Hương-cảng. Tháng 6-1916 Pháp giao-thiệp với chánh-phủ Xiêm bắt 10 người nữa là Lâm-đức-Mậu, Giáo Chung, Ba Nho, Bùi-đông-Khê, Vũ-sĩ-Lập, Hồ-hải-Nhu, Nghĩa-Phương, Chánh Bôn,

Lô-văn-Eng và Đích-Sơn. Hoàng-trọng-Mậu và 6 người nữa bị Pháp bắn ở Nam-định. Chúng tôi lại xin nhắc hai cuộc thất bại liên tiếp xảy ra cuối năm đầu của Đệ-nhất thế-chiến ở trong và ngoài biên-giới Việt-Nam đưa ra được ít nhiều dư âm nên người Đức đã chú ý vì vậy mới có sự liên-lạc với Cách-mạng Việt-Nam rồi sau đó xảy ra vụ đánh Tà-Lùng là một đòn của Pháp thuộc địa-phận Cao-bằng.

1.) Tại Vân-nam, Hội có lập một chi-bộ do mục-đich đặt đường liên-lạc từ Hoa-Nam vào nước. Năm 1913 đảng-viên Đỗ-chấn-Thiết đã lôi cuốn được một số công-nhân và Ký-lục của Pháp nhưng bị do-thám Pháp khám phá, Thiết và 50 đồng-chí bị địch giết rồi quăng xác xuống sông. Ngày 23-10 cũng năm này 3 người có dụng-cụ chế bom ở một ngôi chùa gần Hà-nội và 12 người tình nghi bị đón bắt ở Lào-Cai. Trên chuyến tàu từ Vân-Nam về Hà-Nội địch tuyên 18 án tử-hình trong đó có 4 người vắng mặt.

2.) Trong những tháng đầu của năm 1915 hội cử Lý-văn-Thao về hoạt-động ở Hà-nội, Sơn-Tây và Phú-Thọ và tinh dem quân bên ngoài về tiếp-ứng cho Hòa-Binh. Nghĩa-quân chế được 800 quả bom tại làng Hạnh-Đàn (Hà-Đông). Ngoài Lý chỉ-huy cuộc khởi-nghĩa còn có Khuất-văn-Bắc (Tổng Chế) và Nguyễn-văn-Dậu. Theo chương-trình, cuộc nổi dậy sẽ phát động tại các tỉnh Sơn-tây, Phú-Thọ, Hòa-Binh, Vĩnh-yên, Bắc-ninh và Hà-đông. Đầu mồng 6 rạng ngày 7-1-1915, tùy-tướng của Tổng-Chế và Bang Hanh, tùy-tướng của Nguyễn-văn-Dậu được lệnh đem 150 nghĩa-quân đánh đòn Phú-thọ rồi tấn-công vào huyện Quốc-Oai (Sơn-Tây). Nghĩa-quân dùng một số súng, mã-tấu và gậy bầy xông vào bắn phá Đồn của Lambert nhưng sau mấy giờ chiến đấu phải rút. Hoàng-văn-Khoa bị thương và mấy ngày sau nghĩa-quân hạ được một cảnh-binh và 2 lính gác. Tổng Chế, Bang Hanh, Quảng Va cùng 45 nghĩa-quân sau ít bữa cũng bị sa lưới. Ngày 28-4 năm ấy, Tổng Chế và 27 anh em bị xử-tử, 10 người bị án chung thân, 6 người bị khõ-sai hữu-hạn.

Chưa xong thời-kỳ này nhiều cuộc nổi dậy khác cũng

bùng ra. Đa số được phát-động tại các miền biên-giới từ Tây-Bắc Bắc-kỳ lên đến vùng tiếp-cận Vân-Nam, vài vụ đã được tự-động bùng nổ, dĩ-nhiên vẫn do ảnh-hưởng của Quang-phuc-Hội như :

- Cuộc đánh đồn Lục-Nam ngày 20-10-1914
- Cuộc đánh đồn Móng-cái ngày 7-1-1915
- Cuộc đánh đồn Nho-quan ngày 7-1-1915
- Cuộc đánh đồn Bát-xát (Lao-Kay) ngày 8-8-1916
- Cuộc đánh đồn Đồng-văn (Hà-giang) ngày 3-3-1917
- Cuộc đánh đồn Mường-Khuong (Lào-cai) ngày 7-2-1918
- Cuộc đánh đồn Pha-Long (Lào-cai) ngày 9-7-1918
- Cuộc đánh đồn Cốc-pàn (Lào-cai) ngày 4-8-1918

Cầm đầu những vụ khởi-nghĩa trên đây là một số thò hào và giang-hồ, hảo-hán các vùng Thương-du. Các cuộc khởi-nghĩa trong gai-đoạn này đã có ít nhiều tiến-bộ về một vài điểm là tuy nảy ra ở nhiều địa-phương khác nhau nhưng có liên-lạc mật-thiết và có một bộ chỉ-huy chung, nhưng vài cuộc nỗi dậy khác thì lẻ-tẻ, rời-rạc. Theo tình-hình chung thi đa số đều bị thiếu kế-hoạch, thiếu tổ-chức ít quân-khí nên trong khi cất quân đã phải ngóng bên ngoài tiếp viện. Ngay trận đánh Tà-Lùng do mấy cán-bộ cao cấp của Việt-Nam quang-phuc-hội trực-tiếp lãnh-dạo cũng còn tỏ ra non yếu, thiếu đoàn-kết và thống-nhất.

Dẫu sao không ai có thể trách rằng Cách-mạng Việt-Nam đã thiếu tích-cực trong gai-đoạn này là gai-đoạn thực dân Pháp bị lâm vào cuộc Âu-chiến. Các nhà cách-mạng của ta chờ cuộc Pháp-Đức chiến tranh đã từ lâu nên khi Thế chiến đệ-nhất xảy ra, các lính-tụ như cụ Sào-Nam bị tù ở Quảng-Đông, cụ Cường-Đề qua Âu-châu, các đồng-chí của các cụ trong hoàn cảnh rất eo-hẹp về tiền bạc vẫn cố gắng sắm vũ-khi, mua quân đội, phái người về nước tổ-chức tổng-bạo-động. Tiếc rằng quân đội không có gốc rễ trong

nhân dân, đa số là thô-phí người Tàu, một số là đồng bào sơn-cuộc, còn trong cấp lãnh đạo ta thấy có một ít thô-hào, nhưng từ trên xuống dưới đều thiếu kinh-nghiêm chiến-dấu và thiếu cả huấn-luyện. Cái ý định đánh cây bài cuối cùng hay chơi canh bạc chót với Thực-dân Pháp do đó tuy được các điều-kiện khách-quan thuận-lợi mà vẫn thất-bại. Vậy ta không thể phản nàn thời cơ không tới mà nên nói rằng ta chưa có sự chuẩn-bị đầy đủ để lợi-dụng thời cơ mà thôi.

Về phía Thực-dân tuy chúng bị Đức đánh khốn-dốn ở Âu-châu nhưng vẫn đủ sức để đàn-áp Cách-mạng Việt-Nam. Ngoài vũ - lực có tò - chúc và quân đội lành nghề, chúng còn huy-động được một vài trí-thức Việt-Nam như Phạm Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Nguyễn-bá-Trác là những nhà văn học có danh-tiếng thuở ấy dùng các nguyệt-san *Nam-Phong*, *Đông-Dương tạp-chí* làm những bộ máy tuyên-truyền cho chính-sách « Pháp-Việt dè-huề, Tây-Nam đặc-bằng » bíp-bợm của chúng để du ngã tinh-thân ái-quốc của đồng-bào chúng ta và dỗ dân ta đi lính cho Pháp và mua quốc-trái. Trên tờ *Nam-Phong*, Phạm-Quỳnh đã tung ra liên-miên khêu-hiệu: *Rồng Nam phun bạc, đánh dò Đức-tặc* để làm tiền cho « mẫu-quốc » suốt thời-kỳ Thế-chiến thứ nhất. Nhưng thực-dân và bè lũ tay sai chỉ thành công ít nhiều mà thôi, chứng-cớ là từ khi *Việt-Nam Quang-phục* ra đời cho tới lúc nó cáo-chung, ngọn lửa Cách-mạng của cha anh chúng ta vẫn cháy, lúc âm-ý, lúc bừng sáng, cứ nay thăng mai trầm cho tới 1945 thì bọn thống-trị Pháp phải gạt nước mắt hòng bế nhau rời hẳn mảnh đất này sau 80 năm già tay đục khoét nòi giống chúng ta.

## CHƯƠNG VIII

### CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM TRƯỚC VÀ TRONG ĐỆ-NHẤT THẾ-CHIẾN

**TỪ THIÊN - ĐỊA - HỘI  
ĐẾN VỤ TẤN CÔNG  
KHÁM LỚN SÀIGÒN**

Trong khoảng thời-gian bắt đầu từ Hòa ước Giáp-tuất (1874) ký xong với Pháp cho tới những năm đầu của thế-kỷ chúng ta, phong trào chống

Pháp ở miền Nam lảng xuồng, Pháp được rảnh tay ở đây vài chục năm tuy thỉnh thoảng vẫn có một vài vụ âm mưu nổi dậy nhưng bị bóp nghẹt ngay trong trứng nước. Tới khi hai cụ Phan-bội-Châu, Cường-Đề lập ra *Duy-tân-Hội* và bắt được liên-lạc với các nhân-sĩ Nam-kỳ thì ở xứ này phong trào lại sống lại. Cuộc *Đông-Du* cũng như các hoạt động của *Duy-tân-hội* qua các việc cải-cách, các việc kháng thuế, cự-xâm và các vụ bắt bớ chém giết tù đầy các nhà cách mạng đã xúc-động khá mạnh đồng-bào đất Đồng-Nai. Việt-Nam *quang-phục-hội* thành hình thì việc tuyên-truyền cũng được lan tràn vào giới trí-thức và tư-sản miền Nam và từ đó Nam-kỳ đã hòa-nhịp đều với phong-trào chống Pháp trên toàn quốc khi thăng cũng như khi giáng. Tới khi Việt-Nam *quang-phục-hội* vỡ lở, nhiều nhà Cách-mạng ở Nam-kỳ cũng bị Pháp bắt. Tháng 6 năm 1911 âm-mưu khởi-nghĩa ở Gò-Công bị tiết-lộ trước khi khởi-sự nhưng lúc này đã có nhiều hội-kín ra đời ở các vùng Lục-tỉnh. Ta có thể hiểu nếu có hiện-tượng hội kín là vì đầu thế-kỷ chúng ta cuộc võ-trang tranh đấu của phong-trào Cần-vương đã chấm dứt xét ta yếu, địch mạnh bội phần, không đổi phương-thức hoạt-động chỉ là chết uổng. Đã vậy, các linh-tụ cách-mạng bị khủng-bố quá nhiều, không rút vào bí-mật không xong. Dĩ-nhiên rút vào bí-mật vẫn không phải là ngừng hoạt-

động khi các phong trào yêu nước tiếp-tục cháy âm-ý trong lòng dân chúng do đó sau giai - đoạn tồ-chức, các cuộc bạo-động vẫn lẩn-lurret bùng nổ. Cũng như ở Bắc-kỳ một số nhà ái-quốc ở miền Nam đã lợi-dụng cả hình-thức tôn-giáo để tuyên-truyền kháng Pháp.

Lúc này ở đây người Hoa - kiều có lập ra một chi-nhánh Thiên-địa-hội gốc rễ ở Trung-quốc. Thiên-địa-hội là một tổ-chức «Hội-kín» có mục-dịch phục Minh phản Thanh lệ-thuộc vào Nghĩa-hòa-doàn mà địa-bàn chính của nó là tỉnh Sơn-Đông (bên Tàu). Đoàn - thề này xuất đầu lộ diện khi bí-mật khi công - khai, đã có thời hợp-tác với Thanh-đình để chống nhau với Liệt-cường và đã lan dần ra hải-ngoại. Thiên-địa-hội ở Nam-kỳ thuộc Nghĩa-hòa-doàn của Hoa-kiều lập ra ở Nam-dương, Mã-lai. Lúc đầu ở Việt-Nam tổ-chức này được mệnh-danh là «Nam-kỳ Nghĩa - hòa - đoàn chi - hội» sau đổi ra Thiên-địa-hội và hoạt-động theo nguyên-tắc bí-mật nên khoác hình - thức một tổ - chức tượng - tế và tôn - giáo. Hội nêu ý-chí đoàn-kết và lập quỹ để hoạt-động tuyên-truyền chống Mãn - Thanh. Hội thờ ba vị nghĩa - sĩ đời Hán và Tống là Quan-vân-Trường, Văn-thiên-Tường và Nhạc-Phi. Hội áp-dụng một kỷ-luật rất cứng dắn từ trong ra ngoài đảng, cưu-mang anh em lúc cùng khổ, đồng thời cương quyết bênh vực kẻ yếu, can thiệp vào những việc bất bình như các hiệp-sĩ đời xưa. Xét nghi-lẽ kết-nạp đảng-viên, ta thấy có điều rất đặc-biệt: Người xin nhập hội tự coi là đi đầu quân. Vào lễ-đường, người ấy qua mấy lần cửa có tráng - sĩ cầm gươm chặn hỏi nhiều câu để thử lòng can - đảm. Rồi vào tới chỗ «Kèo» (Kèo là vị tổ-trưởng) và mấy hội-viên cũ, người lính mới quỳ lạy Tam-Thánh là ba vị nói trên đây, xong đọc lời thề nhập đảng đã viết trên tám giấy đại ý nguyện sống cho Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa là lý-tưởng của Hội cùng thương yêu anh em theo phương-châm: hoạn nạn tương cứu, sinh tử bất ly. Qua đợt này người lính mới chỉ được coi là hội - viên thường mà thôi. Nếu qua đợt thứ hai khó khăn nhiều hơn là tự bỏ một cục than hồng vào lòng bàn tay hoặc cắt đứt tay lấy máu viết một bản

văn như « quyết tâm thư » mà thản-nhiên như không thì được coi là loại anh-hùng. Phép thử thách này gọi là « trai ». Ai qua được phép « trai » sẽ được chỉ định vào những việc nguy-hiểm dầu phải xả-thân cũng không được từ chối. Sứ-mạng của loại đảng-viên này là sát-phạt bọn quan-tham, lại những, các sâm-dân một nước.

Về hệ-thống tò-chức, trong một làng đứng trên hết là « ông chủ », dưới ông chủ là « Kèo ». Mỗi Kèo điều-khiều 50 đảng-viên. Đề có sự kín đáo hơn, các đảng-viên không cần tiếp-xúc với Kèo, nhất là với các ông Chủ. Kẻ nào có mạnh-tâm phản đảng thì bị ám-sát ngay. Nơi hội họp cũng không nhất định ở đâu, sở-sách không lập, hội-viên nhận nhau chỉ bằng ám-hiệu, chỉ-thị, tin-tức đều trao đổi cho nhau bằng tiếng lóng.

Thiên-địa-hội do thực-hiện được tình-tương-thân-tương-trợ dĩ-nhiên được sự hưởng-ứng của nhiều người, chẳng riêng những người có đầu óc chánh-trị vì lúc này đồng-bào Nam-kỳ cũng đau khổ như đồng-bào Trung-Bắc dưới chế-độ bóc-lột, tàn-nhẫn của thực-dân và bè-lũ Việt-gian. Họ vào hội có ý mong được che-chở và bênh-vực. Rồi số người Việt-Nam gia-nhập đoàn-thể này mỗi ngày một đông, Hoa-kiều phải tò-chức một chi-hội khác vẫn lấy tên là Thiên-địa-hội. Các nhà ái-quốc liền lợi-dụng Thiên-địa-hội để làm lực-lượng chống thực-dân Pháp và bọn phản-động.

Cơ sở của Thiên-địa-hội lan tràn rất mau. Hội phát triển mạnh nhất ở các tỉnh Biên-hòa, Bến-tre, Châu-đốc và Gia-định. Người gia-nhập lên tới hàng ngàn. Dần dần những vụ khủng-bố nổ ra liên-tiếp lại liên-hệ với nhau khiến thực dân sinh ngờ : Bọn quan-lại gian-tham, bọn cầu-tầu bọn ác-bá, cường-hào bị trừng-phạt ở nhiều nơi trong có toàn-thể gia-định Đốc phủ Ca (Trần-tử-Ca) ở Huyện Hốc-Môn bị dân chúng đột-nhập tưới dầu xăng đốt chết hết. Pháp liền nhận ra rằng nơi nào có Thiên-địa-hội là hay có những biến-cố này nên về phần chúng, chúng cũng ra tay tàn-sát những đảng-viên của Thiên-địa-hội rất dã

mẫn. Cho tới ngày nay các địa-hạt như Hốc-Môn, Bà-Điềm Trung-Chánh, Đức-Hòa còn giữ được một phong-khi riêng, phải chăng do vang bóng của Thiên-địa-hội trước đây?

Những vụ đàn-áp của thực-dân tuy có hiệu-quả để đưa phong trào Thiên-địa-hội qua một giai-đoạn tiêu-trầm nhưng các hội kín vẫn âm-thầm nẩy nở trong bóng tối, trên nhiều tỉnh miền Nam để rồi nối tiếp liền các phong trào mới phát sinh vào những mấy năm sau (1928 — 1929 — 1930) với những hình-thái mới, xu-hướng mới.

Giữa lúc này một vụ bạo-động nổ ra tại Saigon - do Phan-phát-Sanh tự xưng là con cháu nhà Nguyễn và tự xưng luôn là Hoàng-Đế. Sanh cho mình có chân-mệnh thiên-tử, và có pháp-thuật thần-thông có thể đuổi giặc cứu nước. Một người Xiêm đã giới-thiệu Sanh với cụ Cường-Đề và cụ Cường có cho Sanh một giấy chứng-nhận Sanh thuộc hoàng-tộc dòng Nguyễn-thị.

Đồng-bảo Nam-Kỳ vốn có nhiệt-tâm yêu nước, nhưng một số có óc mè-tín nên Sanh cũng được khá nhiều người theo. Đầu 23 rạng 24-1913 trên các trực giao-thông ở Lục-tỉnh nhiều truyền đơn ký tên «*Phan-xích-Long hoàng-đế*» được tung ra kêu gọi đồng-bảo Nam-kỳ đứng lên đánh Pháp. Đầu hôm đó nghĩa-quân đặt 8 trái bom lên cạnh các dinh-thự lớn như dinh Thống-đốc Tòa án, nhưng tiếc thay không trái nào nổ. Ngày 28-3 hàng trăm người mặc áo trắng không cõi, quàng khăn trắng, mang búa, cầm gậy hay mác đến bao vây sở Thanh-tra, đánh phá Chợ-lớn, nhưng vì họ không được huấn-luyện về võ-trang chiến đấu và không được tồ-chức khéo-léo nên thực-dân đã cho binh đội đến đàn-áp ngay được. Nhiều đoàn biểu-tinh khác cũng có tính-cách ô-hợp như đoàn bạo-động kể trên cũng bị địch giải-tán, dễ-dàng, còn «*Phan-xích-Long hoàng-đế*» trước đó hai ngày đã bị bắt tại Phan-thiết cùng với một nhàn-vật trọng-yếu tên là Hiệp khi ông này đi từ Cam-pô tới Saigon. Vụ bạo-động thất bại với hậu-quả tai hại là 1440 người bị bắt — 111 người trốn thoát, phần lớn bị giết hay bị tù đầy

Riêng Rhan-xich-Lóng bị xử dày qua Guyane (Nam-Mỹ) nhưng cuộc Âu-chiến (1914-1918) xảy ra nên được ở lại khám-dường Sài-gòn.

Ngoài Thiên-địa-hội được tổ-chức đảng-hoàng, còn có một đoàn-thể khác nữa mệnh danh là «*Hội phản Pháp phục Nam*» cũng được sắp đặt chu đáo lúc này hoạt động mạnh ở Mỹ-tho và các vùng kế-cận. Mục-tiêu tranh đấu của hội này cũng như của nhiều hội kín khác xuất phát đồng thời là chống việc mua-linh qua Pháp. Ngày 7-1-1916 địch khám-xét xã Long-Hưng, ngày 15-1 chúng tới Dương-Diên, ngày 15-1, chúng khủng-bố xã Thới-Sơn bắt được nhiều trái bom bằng đồng. Ngày 20-1 nhiều làng thuộc Trà-Vinh nồi lén, nhưng phong-trào vẫn bốc cao. Một vài nơi như Chánh-mỹ-Trung (Biên-hòa) vào ngày 23-1-1916 đồng-bào nông-dân đã uy-hiếp bọn hương-lý và đánh giết quân-đội của thực-dân về các xã lấy người đi làm lính và làm thợ qua Pháp. Ngày hôm sau ở nhà giam tỉnh này xảy ra vụ tử-nhân cướp súng của giặc và bắn vào các cơ-quan của giặc kè cả dinh Tham-biện. Ngày hôm sau nữa, tại Tân-Uyên cách Biên-hòa 15 cây số, năm chục anh em nông-dân đến phá chợ, giết một tên lính đồn và đánh tên Đồn Kiểm-lâm ở đây. Phong-trào bạo-động lan tràn tới nhiều thôn xã hẻo lánh tỉ-dụ. vùng Bà-rịa dùng những chỗ này để hội-hop và tập-trung quân khởi-nghĩa. Ngày 12-2-1916 ở cửa Lạp, một trăm người có mặt tinh hai hôm sau tiến về Sài-gòn và cùng lúc này các vùng Bến-tre, Thủ-dầu-một, Cần-giộc cũng có những vụ náo-động. Khẩu-hiệu «*Đánh Tây*» được nêu ra để kêu gọi sự hưởng-ứng của nhân dân cho tới đêm 14 rạng ngày 15-2-1916 nổ ra cuộc tấn-công Khám-dường Sài-gòn nhằm mục-dịch giải-phóng các chánh-trị-phạm, nhất là Phan-Xích-Long. Việc đánh phá trên đây nằm trong kế-hoạch hạ thành Sài-gòn. Trong vụ này nhiều dân-quân đã từ các nẻo đường thủy bộ mặc áo đen quần trắng, cõi quần khăn hồng hay khăn mũi, cánh tay đeo bùa hộ-mệnh ùa vào thành phố. Họ thượng cờ có huy-hiệu Phan-Xích-Long và khí-giới của họ chỉ là dao tay và mã-tấu. Họ đã xô-xát với Cảnh-binh, áp đánh dinh Thống-Đốc và Khám-dường, nhưng Pháp kịp

mang quân đến tiếp cứu và kết-quả dĩ-nhiên là bất lợi một cách mau-lẹ cho đoàn chiến-sĩ ô-hợp chỉ có lòng yêu nước là đáng kể mà thôi.

Điểm lại các sự-việc, chúng ta thấy các đoàn thề dân-quân đã thiếu tồ-chức, lại thiếu cả kế-hoạch cũng đủ thát bại rồi tuy vậy nếu họ được người chỉ-huy có kinh-nghiêm và biết lợi - dụng lòng mè - tín và dị - đoạn của đồng - bào để kết-hợp vào lòng ái - quốc nồng - nhiệt thì dân-quân đã thành những lực-lượng cảm-tử đâu đến nỗi thành những miếng mồi ngon cho súng đạn của địch. Cách-mạng cần đề-phòng manh-động là như vậy. Ngày nay ta có thề đánh giá thấp phong-trào võ-trang chống Pháp trên phương-diện kỹ-thuật, nhưng ta không thề không cực-lực ca-ngợi mục-tiêu tranh đấu của đồng-bào thuở đó đã biết chống việc mờ phu, bắt lính trong ý-chí «*Đánh Tây*», phản Pháp phục Nam và giải-phóng các phần-tử ái-quốc sa vào tay địch, Riêng về Phan-phát-Sanh, có nên coi rằng ông ta có mộng làm hoàng-đế hay là một gã loạn óc chăng ? Bảo rằng ông chống Pháp để làm vua nhưng công việc chưa ngã ngũ bồ nào mà đã cho rằng ông vụ lợi, thiết tưởng có phần vũ-đoán. Đồng-bào chúng ta vẫn hay mè-tín và thuở đó còn sùng-thượng quân-chủ là hai điểm thường được các nhà Cách-mạng lợi-dụng để dễ cỗ-động phong-trào chống Pháp, vậy Phan-phát-Sanh đã biết khai thác chỗ yếu này của nhân-dân thì không phải là bất-trí, chỉ nên tiếc rằng ông thiếu quá nhiều kinh-nghiêm Cách-mạng nên đã thất-bại như biết bao vị tiền-bối. Dầu sao mỗi cuộc nổi dậy thành hay bại vẫn đem lại một tiếng vang để nuôi dưỡng tinh-thần Cách-mạng không thề không cho là điều hữu-ích được.

## CÙNG BẠN ĐỌC

*Viet-Nam Cách-mạng cận-sử từc Việt-sử tân-biên quyền* 5 tập trung đến đây tạm dứt. Còn một vài cuộc chống pháp trong Đệ-nhất thế-chiến sẽ được ghi tiếp vào Việt-sử tân-biên quyền 5 (tập h้า). Phần chính của tập h้า sẽ nêu ra mọi sự việc về Chế-dộ Pháp thuộc tại Việt-Nam, một chế-dộ người bóc lột người bằng những phương pháp khoa-học nhất và cũng tàn ác nhất, trong đó Thực-dân, Đế-quốc đã chỉ có áp-dụng luật-pháp của rùng thẳm. Rồi vì cái ách nô-lệ đặt lèn đầu lèn cổ của người Việt quá nặng-nề nên đến cuộc Đệ nhì Thế-chiến người Việt ta lại nỗi dậy vung xương máu đuổi kẻ thù và đã giải phóng được, xứng-sở. *Viet-sử tân-biên quyền VI* sẽ diễn-tả cuộc tranh đấu cuối cùng của dân Việt-Nam ta với Pháp kéo dài luôn 9 năm mà kết-quả là giặc Pháp bị đánh chõ hoàn-toàn phá-sản ở Đông-Dương. Ngay sau đó các thuộc-địa của Pháp ở Bắc-Phi theo gương chiến đấu anh-dũng của Việt-Nam cũng vùng lên lèn dành quyền độc lập.

Thêm một lần nữa Pháp thất-bại và giờ phút này Đế-quốc Pháp chỉ là một bóng mờ ở các vùng hải-ngoại. Vào lúc cuốn sách này ra đời, đa số các dân tộc bị trị trên Thế-giới đã thâu hồi được tự do và đang củng-cố đời sống hiền-ngang của họ từ Á qua Âu sau những năm trường đen tối « cha con tủi nhục vợ chồng lìa tan ... ». Qua những trang sử cuối cùng này ký-giả đã thấy việc Thế-giới nói chung, việc mỗi quốc-gia nói riêng đã hàng ngày biến chuyển rất là mau lẹ: nhiều Đế-quốc đã bị tan vỡ, xứt mẻ, nhiều nhà độc-tài đã ngã gục trước ngai vàng, nội-bộ nhiều nước như-cái tiều còn dang diễn ra nhiều trò tranh chấp quyền-vị khakens người dân vẫn là nạn nhân muôn thuở. Do các sự-kiện này, Lịch-sử cứ chép nguyên sự, thật đã dù hỷ, nộ, ai, lạc và lỵ-kỳ như tiều-thuyết vậy. Chánh-tình nước nhà 20 năm trở về đây cũng không ra ngoài trạng-thái kẽ trên, mong với hai quyền chót của Việt-sử tân-biên, ký-giả sẽ được hiến các bạn những trang sử trung thực đầy hào-hưng và cũng đầy bi-thảm của thời-đai chúng ta để cùng ngẫm-nghĩ.

# SÁCH BÁO THAM KHẢO VIỆT-PHÁP

---

- 1.— Tự Phán của cụ Phan-bội-Châu
- 2.— Phan-dinh-Phùng của Đào-trinh-Nhất
- 3.— Phan-bội-Châu (1867 - 1940) — Thân - thể và thi - văn của Thế-Nguyên
- 4.— Phan-chu-Trinh (1872-1926) của Thế-Nguyên
- 5.— Cuộc đời cách-mạng Cường-Đè của ký-giả Tùng-Lâm.
- 6.— Bức thư bí-mật của Huỳnh-thúc-Khang.
- 7.— Cụ Sào - Nam 15 năm bị giam lỏng ở Huế của Anh-Minh Ngò-thành-Nhân.
- 8.— Ba nhà cách-mạng họ Phan của Đào-văn-Hội.
- 9.— Hai bài diễn thuyết của cụ Phan-bội-Châu.
- 10.— Đại - Nam thực - lực tiền - biên.
- 11.— Đại-Nam thực - lực chánh - biên.
- 12.— Đại-Nam chánh-biên liệt-truyện.
- 13.— Trung - quốc lịch - sử.
- 14.— Nhật-Bản sử - lược.
- 15.— Hạnh-thục-ca của Nguyễn-nhược-Thị.
- 16.— Một bức thư đáng đọc của Thân-trọng-Huề.
- 17.— Báo Tiếng Dân.
- 18.— Tập-san nghiên-cứu văn-sử-địa do Ban nghiên - cứu Văn-sử-địa Việt-Nam.
- 19.— Lịch-sử Việt-Nam (1897-1914) của Đinh - xuân - Lâm và Nguyễn-văn-Sự.

- 20.- Nghiên - cứu Lịch-sử của Viện Sử-học
- 21.- Cách-mạng cận-đại Việt-Nam của Nguyễn - công - Bình  
Văn-tạo
- 22.- Lịch-sử tám mươi năm chống Pháp. (Quyển I của THL).
- 23.- Dật-sử cụ Phan-sào-Nam (từ khi ở hải - ngoại đến khi về Huế) của Anh - Minh
- 24.- Tây-Hồ và Sантé thi - tập túc Tây-Hồ Phan-châu-Trinh - di - thảo
- 25.- Phan-bội-Châu của Lưu-trần-Thiện.
- 26.- Đất Việt trời Nam của Thái-văn-Kiêm.
- 27.- Việt-Nam Pháp-thuộc-sử của Phan-Khoang.
- 28.- Bãi sây khởi-nghĩa của Văn-Hà.
- 29.- Lịch-sử Việt-Nam của Đào-duy-Anh.
- 30.- Việt-Nam vong-quốc-sử của Phan-bội-Châu.

- 1.- Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam par A. Delvaux.
- 2.- Quelques notes sur l'Annam par L. de Ste. Marie ancien attaché au Cabinet du Résident supérieur d'Annam.
- 3.- Annam et Tonkin par Picard — Destelan, Paris; 1892, in-16.
- 4.- L'Indochine contemporaine par Bouinais et Paulus. Paris, Challemel, 1885, 2 vol. in 8<sup>o</sup> (578 + 837 pages)
- 5.- La guerre du Tonkin, 1882-1885, par un Diplomate. Paris, Hetzel (1886) - (430 page in 8<sup>o</sup>).
- 6.- Les Expéditions françaises au Tonkin par Pierre Lehaut-cour. Paris, 1888. 2 vol. in 8<sup>o</sup> (544 et 649 pp ; )
- 7.- L'Annam du 5 juillet au 4 Avril 1886 par le Capitaine Gosselin. Paris, Perrin - 1900 (349 page in 12<sup>o</sup>)

- 8.— Le Laos et le Protectorat français par le Capitaine Gosselin.
- 9.— L'Empire d'Annam (du même auteur).
- 10.— Nos missionnaires par Adrien Launay. Paris, Rétaux 1886.
- 11.— L'Extrême Orient par Raoul Postel — Paris, Degorce — Cadot, 1882 (307 p. in 12°).
- 12.— Le Royaume d'Annam et les Annamites, journal de voyage de J. L. Dutreuil de Rhins.
- 13.— Livre jaune A. Ministère des affaires étrangères — Affaires du Tonkin 1ère partie, de 1874 à Décembre 1882.
- 14.— Livre jaune B. Ministère des affaires étrangères — Affaires du Tonkin — Deuxième partie. Décembre 1882-1883.
- 15.— Livre jaune C. Affaires du Tonkin. Exposé de la situation. Octobre 1883, Páris.
- 16.— Livre jaune D. Minitère des affaires étrangères. Documents diplomatiques Affaires du Tonkin. Convention de Tien-Tsin du 11 Mai 1884 ; incident de Lang-Son.
- 17.— Nos premières années au Tonkin par Paul Vial. Paris, Chalamel 1889 in 16° (avec cartes)
- 18.— Bulletin des Amis du Vieux Hué, années 1928-1929-1939, 1940-Hanoi, Imp. d'Extrême-Orient.
- 19.— Mémorial de la Mission de Qui-nhon, 1911. n° 75 et 55- (in 8° caré)
- 20.— Histoire des pays de l'Union indochinoise, par Nguyễn-văn-Qué, Saigon — 1932 (412 pages in 8°).
- 21.— Coupures de journaux de France et du Tonkin : Temps, Figaro, Gil Blas, Avenir du Tonkin, Union-indochinoise, etc.
- 22.— Les 19 fautes du Général de Courcy.
- 23.— Nombreuses notes manuscrites de Mgr Caspar, ancien Évêque de Huê, etc..

- 24.— Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne par J. Chesnaux.
- 25.— La conquête de l'Indochine par Thomazi.
- 26.— Revue indochinoise.
- 27.— Au pays d'Annam par Luro.
- 28.— Les origines du Tonkin par Jean Dupuis.
- 29.— L'Annam sanglant par Albert de Pouvourville.
- 30.— Les intérêts français dans l'Extrême - Orient par Blancsubé
- 31.— Le vieux Tonkin par Claude Bourrin.
-

# MỤC - LỤC

Tựa

Trang 8 — 12

LA, August 27, 2017

## PHẦN THỨ NHẤT

### PHONG-TRÀO TIỀN-VĂN-THÂN KHÁNG PHÁP

#### A. PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG Ở TRUNG-KỲ.

CHƯƠNG I.— Tình hình Việt-Pháp trước vụ thất thủ kinh thành năm Ất-Dậu (1885)

— Từ vua Kiến - Phúc đến vua Hàm - Nghi

CHƯƠNG II.— De Courcy khiêu-khích Kháng-chiến Nam - Triều. Vụ kinh - thành thất - thủ năm Ất-Dậu.

CHƯƠNG III.— Vua Hàm-nghi và Tôn-thất-Thuyết tìm đường ra Bắc - kỳ. Từ Huế đi Tân - Sở 36 — 51  
Quảng-Trị. Vua Hàm-Nghi qua Ai-Lao. 51 — 54

CHƯƠNG IV.— Pháp tôn lập vua Đặng - Khánh. 55 — 69  
Những sự bối rối của Pháp ở Trung - kỳ

CHƯƠNG V.— Phong-trào cần-vương sau lời hịch của vua Hàm-Nghi. Vua Hàm-Nghi hoạt động ở Hà-tĩnh. Những vụ khởi - nghĩa ở miền Nam Trung-kỳ. Những trận đánh ở miền Bắc Trung-kỳ. 67 — 72  
73 — 76  
76 — 80

CHƯƠNG VI.— Pháp đuổi theo vua Hàm - Nghi. 81 — 87  
Chiến - công của đặng bào Mường

<b>CHƯƠNG VII.—</b> <i>Bước đường cùng của ông vua đi-quốc. Từ Quảng - Bình qua Bắc - Phi.</i>	<b>88</b>	<b>—</b>	<b>98</b>
<b>CHƯƠNG VIII.—</b> <i>Chủ - trương của Pháp đối với Việt-Nam từ Huế qua Paris. Tấn tuồng bảo- hộ của Pháp tại Việt-Nam. Phụ-lục : Tiêu- sử của Tôn-thất-Thuyết. Bảng ghi chép tên lính-tỵ và tên các địa-phương khởi-nghĩa.</i>	<b>99</b>	<b>—</b>	<b>101</b>
	<b>110</b>	<b>—</b>	<b>121</b>
	<b>121</b>	<b>—</b>	<b>122</b>
<b>CHƯƠNG IX —</b> <i>Những trận đánh lùng đánh của phong trào càn-vương : Cuộc khởi nghĩa Ba- Đinh. Cuộc khởi-nghĩa Hùng-Lĩnh. Cuộc khởi nghĩa Hương - Khê. Một vài bộ mặt liệt-sĩ miền Trung.</i>	<b>123</b>	<b>—</b>	<b>193</b>

**B. PHONG-TRÀO CÀN-VƯƠNG  
TẠI BẮC-KỲ.**

<b>CHƯƠNG I.—</b> <i>Một vài nhận xét về tình - hình chung. Các cuộc hành - quân của Pháp từ 1888 : Trận đánh Tuần-Quán. Trận đánh Long- Pô và Bình-Lư. Chiến - sự tại miền Đông- Bắc — Bắc-kỳ.</i>	<b>192</b>	<b>—</b>	<b>219</b>
<b>CHƯƠNG II.—</b> <i>Chiến - sự tại vùng Đông-bắc Bắc- kỳ : Cuộc khởi-nghĩa Bãi-Sậy.</i>	<b>220</b>	<b>—</b>	<b>227</b>
<b>CHƯƠNG III.—</b> <i>Cuộc chiến-dấu của đồng-bào nông- dân Yên-Thể : từ Đè - Thám đến Đè - Nam. Cuộc khởi-nghĩa từ Yên-Thể qua Vĩnh-Phúc-Yên.</i>	<b>228</b>	<b>—</b>	<b>282</b>
<b>CHƯƠNG IV.—</b> <i>Cuộc đấu tranh của các đồng-bào Kinh-Thượng và Hoa - Kiều từ Tây-Bắc sang Đông-Nam Bắc-kỳ : Cuộc khởi-nghĩa tại Hòa- Bình - Đồng-bào Mán, Mèo, Thái, Thổ v.v... và Hoa-Kiều chống Pháp. Nghĩa-quân Lạng- Sơn, Cao Bằng. Chiến - sự ở vùng núi Cai- Kin. Lào-cai và Tuyên-quang nồi bão</i>	<b>283</b>	<b>—</b>	<b>318</b>

<b>CHƯƠNG V.— Khối lửa ở miền Cao-nghuyên Trung</b>	<b>319</b>	<b>—</b>	<b>324</b>
và Nam - Việt : Cuộc chiến đấu của đồng-bào			
<b>Thượng-Trung và Nam-Việt.</b>			
<b>CHƯƠNG VI.— Pháp hoàn - thành việc xâm-chiếm</b>	<b>325</b>	<b>—</b>	<b>330</b>
toàn bộ bán - đảo Đông - Dương. Thực - dân	<b>330</b>	<b>—</b>	<b>335</b>
Pháp chiếm Ai - Lao. Một vài ý - kiến về			
phong-trào Cần-vương. Phụ-lục : Bản đế-hệ			
từ Thiệu-Trị đến Bảo-Đại . . .	<b>335</b>	<b>—</b>	<b>336</b>

## PHẦN THỨ HAI

### PHONG - TRÀO HẬU - VĂN - THÂN KHÁNG PHÁP

<b>CHƯƠNG I.— Ánh-hưởng của Trung-quốc và Nhật-</b>	<b>328</b>	<b>—</b>	<b>348</b>
Bản đối với Việt-Nam. Phụ - lục : Thắng lợi			
của Nhật sau Nga-Nhật chiến-tranh.			
<b>CHƯƠNG II.— Phong - trào Đông-Du và Duy-tân</b>	<b>359</b>	<b>—</b>	<b>361</b>
hội : Tiêu-sử và hoạt-động của cụ Phan-bội-			
Châu.			
<b>CHƯƠNG III.— Văn-đê vien - Việt với chánh-giới</b>	<b>362</b>	<b>—</b>	<b>377</b>
Nhật. Một chuyến đi lịch-sử. Kỳ-ngoại-Hầu			
qua Nhật. Hiệp-ước Pháp-Nhật. Những tác			
phẩm tuyên truyền Cách-mạng . . .	<b>377</b>	<b>—</b>	<b>381</b>
<b>CHƯƠNG IV.— Một cuộc vận - động cách - mạng</b>	<b>382</b>	<b>—</b>	<b>411</b>
văn-hóa đầu thế-kỷ XX ở Việt-Nam. Thi ca			
của Đông - kinh nghĩa - thực và Duy-tân-hội			
<b>CHƯƠNG V.— Các việc bạo-động đã xảy ra sau</b>	<b>414</b>	<b>—</b>	<b>420</b>
phong - trào Đông - Du. và Duy - Tân : các vụ			
chống thuế ở Trung-kỳ (1908).			
<b>CHƯƠNG VI.— Quân-nhân Việt-Nam trong hàng ngũ</b>	<b>421</b>	<b>—</b>	<b>441</b>
Pháp chống Pháp : Vụ đầu độc lính Pháp ở			

Hà-Nội (1908). Phụ-lục : Tờ-tu-sở cự Phan-chu-Trinh. Lập-trường chánh-trị của hai nhà Cách-mạng họ Phan. Thư của cự Sào-Nam gửi cự Tây-Hồ.

**CHƯƠNG VII.—** Cuộc quyết-khởi cuối cùng của phong-trào Hậu-văn-Thân. Việt-Nam Quang phục-hội 432 — 457

**CHƯƠNG VIII.—** Cách-mạng Việt-Nam trước và trong Đệ-nhất thế-chiến. Từ Thiên-dia-hội đến cuộc tấn công khám-lớn Saigon. 458 — 463

Sách báo tham khảo 464 — 468  
Mục lục 469 — 472

---

## XIN CHÚ Ý

---

Sau bộ VIỆT-SỬ TÂN-BIÊN gồm 8 cuốn, ký-giả sẽ hiến quý vị một bộ Sử thứ hai cũng lớn như bộ Việt-sử tân-biên là : THẾ-GIỚI VĂN-MINH-SỬ. Với bộ Sử thứ hai này bạn đọc sẽ được rõ mọi sự tiến-triển của nhân-loại từ khi có loài người và lịch-sử qua những lời văn sáng-sủa và bình-di cùng với những bài phân-tích, bình-luận và tổng-kết đầy-dủ. Bộ sách này sẽ phát hành vào đầu năm 1968.

PHẠM-VĂN-SƠN

Trang	Dòng	Chữ in sai	Xin đọc là
54	3	Cai Mân	Cai Mao
161	3	Đồng-nhung vây	... Đồng-nhung vâng
167	31	... mục lục	... phu lục
177	24	kéo quân về vào tháng 11 vì sau khi cụ Phan lâm bệnh chết	kéo quân về vào tháng 11 sau khi cụ Phan lâm bệnh chết
260	6	... Chủ-lỗ	... Phù - lỗ
276	33	thuộc-địa Pháp ở Bắc- Phi	... thuộc-địa Pháp ở Nam-Mỹ
378	9	... mặc thầm với ai	... mặc thầm với em

Trong Việt-sử tận biên quyển V trang 252 dòng 13 có câu :

Người chí mảng lo danh chẳng chó

này xin sửa là : Người chí mảng lo danh chẳng khó  
ký-giả xin có lời xin lỗi bạn đọc về chỗ so-xuất kè trên

## *Loại cò văn chũ-thích và dân-giải*

### ĐÁ CÓ BẢN

1. Truyện Thúy Kiều
2. Truyện Hoa Tiên
3. Chinh-phụ ngâm-khúc
4. Cung-oán ngâm-khúc
5. Lục Vân Tiên
6. Nhị độ Mai
7. Bích-câu kỳ ngộ

### MƠI PHÁT HÀNH

**ĐỒNG QUẾ**

(Phóng sự, giải nhất cuộc thi  
văn-chương của Hội khuyến  
học Cần-Thơ năm 1943).

của PHI YÂN

**SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN**

Bộ Cổ sú giá trị nhất từ trước đến nay

Việt-Nam cách-mạng côn-sử túc  
Việt-sử tân-biên quyền S (Việt-Nam  
Kháng-Pháp-Sử Tập Tứ), in lần thứ  
nhất lật nhở in Bùi-Trung - Huoc 150  
đường Võ-Tánh (Phú-Nhuận — Sàigòn)  
Trong tòng số sách phát hành có 4250  
cuốn in bằng giấy thường và 250  
cuốn là bản quý in trên giấy blonde fin.

Giấy phép xuất bản 1290/HDKDTU/  
PI/XB cấp ngày 13 tháng 6-1963.